Библиотека Всемирной Литературы

Лев Толстой

Война и мир. Том III

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH
TẬP 3

LEO TOLSTOY

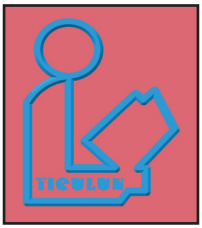

Chuyển Ngữ Từ Nguyên Tác

PHẦN THỨ NHẤT

I

Từ cuối năm 1811, việc tăng cường vũ trang và tập trung các lực lượng Tây Âu đã bắt đầu, và vào năm 1812, các lực lượng này – hàng triệu người (tính cả những người vận chuyển và nuôi dưỡng quân đội) – đã di chuyển từ phía tây sang phía đông hướng tới biên giới nước Nga, nơi mà từ năm 1811 các lực lượng của nước Nga cũng đang tập trung đúng như vậy. Vào ngày 12 tháng 6, các lực lượng Tây Âu đã vượt qua biên giới nước Nga, và chiến tranh bắt đầu, nghĩa là một sự kiện đi ngược lại lý trí con người và toàn bộ bản chất con người đã xảy ra. Hàng triệu con người đã thực hiện chống lại nhau một số lượng vô kể những tội ác, sự phản bội, trộm cắp, làm giả và lưu hành tiền giả, cướp bóc, đốt phá và giết chóc, mà trong suốt hàng thế kỷ biên niên sử của tất cả các tòa án trên thế giới cũng không thể thu thập hết được, và những người thực hiện chúng trong giai đoạn này đã không coi đó là tội ác.

Điều gì đã gây ra sự kiện bất thường này ? Những nguyên nhân của nó là gì ? Các nhà sử học với sự tin tưởng ngây thơ nói rằng nguyên nhân của sự kiện này là : sự xúc phạm đối với Công tước Oldenburg, việc

không tuân thủ hệ thống phong tỏa lục địa, tham vọng quyền lực của Napoleon, sự cứng rắn của Alexander, những sai lầm của các nhà ngoại giao, v.v.

Do đó, chỉ cần Metternich, Rumyantsev hoặc Talleyrand, giữa buổi tiếp tân và dạ tiệc, cố gắng một chút và viết một tờ giấy khéo léo hơn, hoặc Napoleon viết cho Alexander : «Thưa bệ hạ anh trai tôi, tôi đồng ý trả lại công quốc cho Công tước Oldenburg», – thì đã không có chiến tranh.

Rõ ràng là sự việc đã hiện ra như vậy đối với những người đương thời. Rõ ràng là Napoleon đã cảm thấy rằng nguyên nhân của chiến tranh là những âm mưu của nước Anh (như ông ta đã nói điều đó trên đảo Thánh Helena).

Hoàng đế anh trai tôi, tôi đồng ý trả lại công quốc cho Công tước Oldenburg. Rõ ràng là đối với các thành viên của nghị viện Anh, nguyên nhân của chiến tranh là tham vọng quyền lực của Napoleon ; đối với Công tước Oldenburg, nguyên nhân của chiến tranh là hành động bạo lực đã thực hiện đối với ông ta ; đối với các thương gia, nguyên nhân của chiến tranh là hệ thống phong tỏa lục địa đang làm kiệt quệ châu Âu ; đối với những người lính già và các tướng lĩnh, nguyên nhân chính là sự cần thiết phải sử dụng họ vào việc ; đối với

những người theo chủ nghĩa chính thống thời đó, là sự cần thiết phải khôi phục các nguyên tắc tốt đẹp, còn đối với các nhà ngoại giao thời đó, là mọi chuyện xảy ra do liên minh giữa Nga và Áo năm 1809 đã không được che giấu một cách khéo léo khỏi Napoleon và do bản ghi nhớ số 178 đã được soạn thảo vụng về. Rõ ràng là những nguyên nhân này và còn vô số, vô tận những nguyên nhân khác, mà số lượng của chúng phụ thuộc vào sự khác biệt vô tận của các quan điểm, đã hiện ra trước mắt những người đương thời ; nhưng đối với chúng ta, những hậu thế, những người quan sát sự kiện trong toàn bộ tầm vóc to lớn của nó và thấu hiểu ý nghĩa đơn giản và kinh khủng của nó, những nguyên nhân này dường như không thỏa đáng. Đối với chúng ta, không thể hiểu được tại sao hàng triệu người Kitô hữu lại giết hại và hành hạ lẫn nhau vì Napoleon là kẻ tham vọng quyền lực, Alexander là người cứng rắn, chính sách của Anh là xảo quyệt và Công tước Oldenburg bị xúc phạm. Không thể hiểu được những tình tiết này có mối liên hệ gì với chính sự việc giết người và bạo lực ; tại sao vì việc Công tước bị xúc phạm mà hàng ngàn người từ đầu kia của châu Âu lại đi giết hại và tàn phá người dân ở các tỉnh Smolensk và Moscow và bị chính họ giết hại.

Đối với chúng ta – những hậu thế, không phải các nhà sử học, không bị cuốn vào quá trình tìm tòi và do

đó quan sát sự kiện với một trí tuệ tỉnh táo, các nguyên nhân của nó hiện ra với số lượng không thể đếm xuể. Càng đi sâu vào việc tìm tòi các nguyên nhân, chúng ta càng thấy nhiều chúng hơn, và mỗi nguyên nhân riêng lẻ hoặc một loạt các nguyên nhân đều hiện ra trước chúng ta là đúng đắn như nhau, và cũng giả dối như nhau do sự nhỏ bé của chúng so với tầm vóc vĩ đại của sự kiện, và cũng giả dối như nhau do sự bất lực của chúng (nếu không có sự tham gia của tất cả các nguyên nhân trùng hợp khác) trong việc tạo ra sự kiện đã xảy ra. Một nguyên nhân như việc Napoleon từ chối rút quân về phía sau sông Vistula và trả lại công quốc Oldenburg cũng giống như mong muốn hay sự không mong muốn của người lính Pháp đầu tiên trong việc tái ngũ ; vì nếu anh ta không muốn đi lính và nếu người thứ hai, thứ ba, và người lính thứ một nghìn cũng không muốn, thì quân đội của Napoleon sẽ ít đi chừng đó người, và chiến tranh đã không thể xảy ra.

Nếu Napoléon không bị xúc phạm bởi yêu cầu rút lui qua sông Vistule và không ra lệnh cho quân đội tấn công, thì đã không có chiến tranh ; nhưng nếu tất cả các quân nhân không muốn tái ngũ, thì chiến tranh cũng không thể xảy ra. Cũng không thể có chiến tranh nếu không có những mưu mô của nước Anh, nếu không có công tước Oldenburg, nếu Alexandre không cảm thấy bị

xúc phạm, nếu không có quyền lực chuyên chế ở Nga, nếu không có Cách mạng Pháp và sự tiếp nối của chế độ độc tài và đế chế, và tất cả những gì đã tạo nên Cách mạng Pháp, v.v. Nếu thiếu một trong những nguyên nhân này, thì không có gì có thể xảy ra. Vì thế, tất cả các nguyên nhân này – hàng tỷ nguyên nhân – đã trùng khớp để tạo ra những gì đã diễn ra. Và do đó, không có gì là nguyên nhân duy nhất của sự kiện, mà sự kiện phải xảy ra chỉ vì nó phải xảy ra. Hàng triệu người phải từ bỏ cảm xúc con người và lý trí của mình, đi về phía đông từ phía tây và giết hại đồng loại của mình, giống như cách mà vài thế kỷ trước, những đám đông từ phía đông đã đi về phía tây, giết hại đồng loại của mình.

Hành động của Napoléon và Alexandre, những người mà lời nói của họ dường như quyết định sự kiện sẽ xảy ra hay không, cũng ít mang tính tự phát như hành động của mỗi người lính đi tham chiến theo kết quả bốc thăm hay lệnh tuyển quân. Điều này không thể khác được, bởi vì để ý chí của Napoléon và Alexandre (những người dường như quyết định sự kiện) được thực hiện, cần có sự trùng hợp của vô số hoàn cảnh, nếu thiếu một hoàn cảnh thì sự kiện không thể xảy ra. Cần có hàng triệu người, những người nắm giữ sức mạnh thực sự – những người lính bắn súng, vận chuyển lương thực và đại bác – phải đồng ý thực hiện ý chí của những cá nhân đơn lẻ

và yếu đuối này, và họ bị dẫn dắt đến điều đó bởi vô số nguyên nhân phức tạp và đa dạng.

Thuyết định mệnh trong lịch sử là không thể tránh khỏi để giải thích những hiện tượng phi lý (nghĩa là những hiện tượng mà chúng ta không hiểu được tính hợp lý của chúng). Chúng ta càng cố gắng giải thích những hiện tượng này trong lịch sử một cách hợp lý bao nhiêu, chúng thì lại càng trở nên phi lý và khó hiểu đối với chúng ta bấy nhiêu.

Mỗi con người sống cho chính mình, sử dụng tự do để đạt được những mục tiêu cá nhân và cảm nhận bằng toàn bộ bản thể rằng mình có thể làm hoặc không làm một hành động nào đó ngay lúc này ; nhưng ngay khi anh ta thực hiện nó, hành động đó, được thực hiện tại một thời điểm nhất định, trở thành một phần không thể đảo ngược và trở thành tài sản của lịch sử, trong đó nó không còn mang ý nghĩa tự do nữa mà mang một ý nghĩa tiền định.

Có hai mặt của cuộc đời trong mỗi con người : đời sống cá nhân, vốn tự do hơn khi lợi ích của nó càng trừu tượng, và đời sống bản năng, bầy đàn, nơi con người tuân thủ một cách tất yếu các luật lệ đã được định sẵn cho mình.

Con người sống một cách có ý thức cho chính mình, nhưng lại phục vụ như một công cụ vô thức để đạt được các mục tiêu lịch sử, toàn nhân loại. Một hành động đã thực hiện là không thể đảo ngược, và hành động đó, khi trùng hợp với thời gian với hành động của hàng triệu người khác, sẽ mang một ý nghĩa lịch sử. Một con người càng đứng cao trên nấc thang xã hội, càng liên kết với nhiều người, thì anh ta càng có nhiều quyền lực đối với những người khác, và sự tiền định cũng như tính tất yếu của mỗi hành động của anh ta lại càng hiển nhiên.

«Trái tim của vua nằm trong tay Chúa.»

Vua – là nô lệ của lịch sử.

Lịch sử, tức là đời sống vô thức, chung, bầy đàn của nhân loại, tận dụng mọi khoảnh khắc trong cuộc đời của các vị vua cho chính mình như một công cụ cho các mục tiêu của nó.

Napoléon, mặc dù thực tế là bây giờ, vào năm 1812, dường như đối với ông ta việc đổ máu hay không đổ máu của các dân tộc mình phụ thuộc vào ông ta hơn bao giờ hết (như Alexandre đã viết cho ông ta trong bức thư cuối cùng), chưa bao giờ ông ta lại phải tuân theo những định luật tất yếu buộc ông ta phải làm cho công

việc chung, cho lịch sử, những gì phải được thực hiện, trong khi bản thân ông ta lại tưởng rằng mình đang hành động theo ý muốn riêng.

Những con người phương Tây di chuyển về phương đông để giết hại lẫn nhau. Và theo quy luật của sự trùng hợp các nguyên nhân, hàng ngàn nguyên nhân nhỏ nhặt cho sự di chuyển này và cho chiến tranh đã tự hình thành và trùng khớp với sự kiện này : những lời khiển trách về việc không tuân thủ hệ thống phong tỏa lục địa ; và công tước Oldenburg ; và việc điều quân vào Phổ, được thực hiện (như Napoléon tưởng) chỉ để đạt được một nền hòa bình vũ trang ; và tình yêu cũng như thói quen của hoàng đế Pháp đối với chiến tranh, trùng hợp với tâm thế của nhân dân ông ta ; sự say mê với sự hoành tráng của các khâu chuẩn bị ; và các chi phí chuẩn bị ; và nhu cầu đạt được những lợi ích có thể bù đắp cho các chi phí đó ; và những sự choáng ngợp vinh quang tại Dresden ; và các cuộc đàm phán ngoại giao, mà theo cái nhìn của những người đương thời, đã được tiến hành với mong muốn chân thành đạt được hòa bình và chỉ làm tổn thương lòng tự ái của bên này và bên kia; và hàng triệu triệu các nguyên nhân khác, đã tự hình thành dưới sự kiện sắp xảy ra, trùng hợp với nó.

Khi một quả táo chín và rơi xuống – tại sao nó lại rơi? Có phải vì nó bị hút về phía trái đất, có phải vì cuống của nó bị khô, có phải vì nó bị mặt trời sấy khô, vì nó trở nên nặng hơn, vì gió lay nó ; có phải vì cậu bé đứng bên dưới muốn ăn nó ?

Không có gì là nguyên nhân duy nhất. Tất cả những điều này – là sự trùng hợp của những điều kiện mà trong đó mọi sự kiện sống, hữu cơ, bản năng được thực hiện. Và nhà thực vật học tìm thấy rằng quả táo rơi vì mô tế bào bị phân hủy và những thứ tương tự, sẽ đúng như đứa trẻ đứng bên dưới nói rằng quả táo rơi vì nó muốn ăn và nó đã cầu nguyện cho điều đó. Cũng đúng và cũng sai như vậy sẽ là người nói rằng Napoléon đã đi đến Moscow vì ông ta muốn thế, và ông ta đã bị diệt vong vì Alexandre muốn ông ta bị diệt vong – cũng như người nói rằng một ngọn núi bị đào rỗng nặng hàng triệu cân đã sụp đổ vì người công nhân cuối cùng đã giáng một nhát búa vào dưới nó. Trong các sự kiện lịch sử, những người được gọi là vĩ đại chỉ là những cái nhãn dán đặt tên cho sự kiện, những người, giống như những cái nhãn, ít có mối liên hệ nhất với chính sự kiện đó.

Mỗi hành động của họ, vốn có vẻ như là tự phát đối với chính họ, theo nghĩa lịch sử lại không phải là tự phát, mà liên quan đến toàn bộ tiến trình lịch sử và được xác định từ vĩnh hằng.

II

Ngày 29 tháng 5, Napoléon rời khỏi Dresden, nơi ông đã lưu lại ba tuần, vây quanh bởi một triều đình bao gồm các hoàng tử, công tước, vua và thậm chí cả một hoàng đế. Napoléon trước khi đi đã đối xử ân cần với các hoàng tử, vua và hoàng đế, những người xứng đáng được như vậy ; đã quở trách các vua và hoàng tử mà ông không hài lòng ; đã ban tặng cho họ những món trang sức và kim cương của chính mình, tức là những thứ lấy từ các vị vua khác, và khi ôm hôn hoàng hậu Áo Marie–Louise một cách dịu dàng, như sử gia của ông kể lại, đã để bà lại đau buồn vì cuộc chia ly, mà bà – Marie–Louise này, người được coi là vợ của ông, mặc dù ở Paris còn có một người vợ khác – dường như không đủ sức chịu đựng. Mặc dù thực tế là các nhà ngoại giao vẫn tin tưởng chắc chắn vào khả năng hòa bình và đã làm việc chăm chỉ vì mục tiêu này ; mặc dù thực tế là chính hoàng đế Napoléon đã viết một bức thư cho hoàng đế Alexandre, gọi ông là «Monsieur mon frère» và chân thành cam đoan rằng ông không muốn chiến tranh và sẽ luôn yêu mến và tôn trọng ông, – ông vẫn lên đường gia nhập quân đội và đưa ra những mệnh lệnh mới tại mỗi trạm dừng, với mục tiêu thúc giục sự di chuyển của quân đội từ tây sang đông. Ông ngồi

trong một cỗ xe ngựa kéo bởi sáu con ngựa, vây quanh bởi các thị tùng, sĩ quan tùy tùng và hộ tống, đi theo lộ trình Posen, Thorn, Danzig và Königsberg. Tại mỗi thành phố này, hàng ngàn người đã đón tiếp ông với sự run rẩy và hân hoan.

Quân đội đang di chuyển từ tây sang đông, và các đoàn ngựa thay thế đã đưa ông đến đó. Ngày 10 tháng 6, ông đã đuổi kịp quân đội và ngủ lại trong rừng Wilkowiszki, trong khu dinh thự được chuẩn bị sẵn cho ông của một bá tước người Ba Lan.

Ngày hôm sau, Napoléon vượt qua quân đội, đi trên một chiếc xe nhỏ đến sông Niemen và để xem xét địa điểm vượt sông, đã thay sang quân phục Ba Lan và đi ra bờ sông.

Nhìn thấy ở phía bên kia «les cosaques» và những thảo nguyên trải dài «les steppes», ở giữa đó là «Moscou, la ville sainte», thủ đô của một quốc gia tương tự như quốc gia của Alexandre Đại đế, Napoléon, một cách bất ngờ đối với mọi người và trái ngược với cả những cân nhắc về chiến lược lẫn ngoại giao, đã ra lệnh tấn công, và ngày hôm sau quân đội của ông bắt đầu vượt sông Niemen.

Sáng sớm ngày 12, ông ra khỏi lều, được dựng trong ngày hôm đó trên bờ dốc bên trái của sông Niemen, và quan sát qua ống nhòm những dòng quân đội của mình đang tuôn ra từ khu rừng Wilkowiszki, đổ về phía ba cây cầu được bắc qua sông Niemen. Quân đội biết về sự hiện diện của hoàng đế, đã tìm kiếm ông bằng mắt, và khi họ nhìn thấy một dáng người mặc áo khoác và đội mũ đứng trên đồi trước căn lều, cách biệt khỏi những người tùy tùng, họ đã tung mũ lên cao và hô vang : «Hoàng đế vạn tuế !» và hết toán này đến toán khác, không ngừng nghỉ, họ tuôn ra từ khu rừng khổng lồ đã che giấu họ cho đến lúc đó, và tách ra qua ba cây cầu, di chuyển sang phía bên kia.

– Lần này chúng ta sẽ đi xa. Ôi ! khi chính ông ta nhúng tay vào, thì mọi chuyện sẽ nóng lên... Nhân danh Chúa... Đây rồi !.. Hoàng đế vạn tuế !.. Đây chính là những thảo nguyên của Áo ! Một đất nước tồi tệ nhưng cũng vậy thôi. – Tạm biệt, Beauché ; tôi sẽ dành cho anh cung điện đẹp nhất ở Moscow. – Tạm biệt ! Chúc may mắn... Anh thấy ông ấy chưa, Hoàng đế ấy ? Hoàng đế vạn tuế... preur !.. Nếu họ cho tôi làm thống đốc ở Ấn Độ, Gérard, tôi sẽ phong anh làm bộ trưởng vùng Cachemire, thế là xong. – Hoàng đế vạn tuế ! Vạn tuế! vạn tuế ! – Những gã người Cossack khốn kiếp này, họ đang chạy trốn kìa. Hoàng đế vạn tuế ! Đây rồi ! Anh

có thấy ông ấy không ? Tôi đã thấy ông ấy hai lần như đang thấy anh đây. Chú cai nhỏ... Tôi đã thấy ông ấy trao huân chương cho một trong những người lính cũ... – Hoàng đế vạn tuế !.. – những tiếng nói của những người già và trẻ, với những tính cách và địa vị xã hội đa dạng nhất, đã vang lên. Trên khuôn mặt của tất cả những người này đều có chung một biểu hiện rạng rỡ vì sự bắt đầu của chiến dịch mà họ đã mong đợi từ lâu và sự hân hoan, lòng trung thành đối với con người mặc chiếc áo khoác xám đang đứng trên đồi.

Ngày 13 tháng 6, người ta dắt đến cho Napoléon một con ngựa Ả Rập thuần chủng nhỏ, ông đã lên ngựa và phi nước đại đến một trong những cây cầu bắc qua sông Niemen, không ngừng bị điếc tai bởi những tiếng hò reo nồng nhiệt mà ông rõ ràng chỉ chịu đựng vì không thể cấm họ bày tỏ tình yêu đối với mình bằng những tiếng la hét này ; nhưng những tiếng la hét này, đi theo ông khắp nơi, đã làm ông mệt mỏi và làm ông xao nhãng khỏi những lo toan quân sự đã chiếm lấy ông từ thời điểm đó, khi ông gia nhập quân đội. Ông đã đi qua một trong những cây cầu bồng bềnh trên thuyền sang phía bên kia, rẽ ngoặt về phía bên trái và phi nước đại theo hướng Kovno, đi trước những người lính cận vệ kỵ binh đang run rẩy vì hạnh phúc bởi sự hân hoan, họ dọn đường cho ông đi qua các đơn vị quân đội. Khi đến bờ

sông rộng Vistule, ông dừng lại gần một trung đoàn kỵ binh Ba Lan đóng ở bờ sông.

Tất cả chúng ta sẽ hành quân ngay bây giờ ! Ôi, khi chính ông ấy ra tay, công việc sẽ bùng nổ. Tôi thề với Chúa ! Đây rồi ông ấy ! Ura ! Hoàng đế ! Vậy là đây – những thảo nguyên châu Á. Một vùng đất tồi tệ ! Tạm biệt, Bosse : tôi sẽ chuẩn bị cho anh cung điện đẹp nhất ở Moscow. Tạm biệt ! Mọi sự tốt đẹp... Anh thấy hoàng đế không ? Vạn tuế hoàng đế ! Nếu họ phong tôi làm thống đốc ở Ấn Độ, Gérard, tôi sẽ phong anh làm bộ trưởng vùng Kashmir, điều đó đã được quyết định... Vạn tuế hoàng đế ! Ura ! Ura ! Ura ! Những gã Cossack khốn kiếp, họ đang chạy trốn kìa. Vạn tuế hoàng đế ! Đây rồi ông ấy ! Anh thấy không ? Tôi đã thấy ông ấy hai lần, giống như đang thấy anh bây giờ. Chú cai nhỏ... Tôi đã thấy ông ấy trao huân chương cho một trong những người lính già. Ura !

– Vạn tuế ! – những người Ba Lan cũng hò reo nồng nhiệt như vậy, làm xáo trộn hàng ngũ và chèn ép lẫn nhau để được nhìn thấy ông.

Napoléon xem xét dòng sông, xuống ngựa và ngồi xuống một khúc gỗ nằm trên bờ. Theo một dấu hiệu không lời, người ta đưa ống nhòm cho ông, ông đặt nó lên lưng một cậu bé hầu cận đang chạy đến và bắt đầu

quan sát phía bên kia. Sau đó ông chìm đắm vào việc xem xét một tấm bản đồ được trải ra giữa những khúc gỗ. Không ngẩng đầu lên, ông nói điều gì đó, và hai sĩ quan tùy tùng của ông phi ngựa đến chỗ các lính kỵ binh Ba Lan.

– Cái gì ? Ông ấy nói gì ? – tiếng xầm xì vang lên trong hàng ngũ kỵ binh Ba Lan, khi một sĩ quan tùy tùng phi ngựa đến chỗ họ.

Có lệnh tìm một chỗ nông để vượt sang phía bên kia. Vị đại tá kỵ binh Ba Lan, một người đàn ông già đẹp trai, mặt đỏ bừng và lúng túng trong lời nói vì xúc động, đã hỏi sĩ quan tùy tùng xem ông ta có được phép bơi qua sông cùng với trung đoàn của mình mà không cần tìm chỗ nông hay không. Với một nỗi sợ hãi lộ rõ là sẽ bị từ chối, như một cậu bé xin phép được leo lên ngựa, ông ta cầu xin được phép bơi qua sông trước mắt hoàng đế. Sĩ quan tùy tùng nói rằng, có lẽ, hoàng đế sẽ không không hài lòng với sự nhiệt tình thái quá này.

Ngay khi sĩ quan tùy tùng vừa nói xong, người sĩ quan già râu dài với khuôn mặt hạnh phúc và đôi mắt sáng rực, giơ cao thanh kiếm, hô vang : «Vạn tuế !» và ra lệnh cho các lính kỵ binh theo mình, ông ta thúc ngựa và phi nước đại ra bờ sông. Ông ta tức giận thúc con ngựa đang ngập ngừng dưới chân mình và lao xuống

nước, hướng về phía chỗ sâu nhất của dòng chảy. Hàng trăm lính kỵ binh phi ngựa theo ông ta. Ở giữa sông và ở chỗ dòng chảy xiết nhất, trời lạnh và đáng sợ. Các lính kỵ binh bám vào nhau, ngã khỏi ngựa. Một số con ngựa bị chìm, người cũng bị chìm, những người còn lại cố gắng bơi, người thì trên yên ngựa, người thì bám vào bờm ngựa. Họ cố gắng bơi về phía trước, sang bờ bên kia và mặc dù có một chỗ vượt sông cách đó nửa dặm, họ vẫn tự hào rằng mình đang bơi và chết chìm trong dòng sông này trước mắt của con người đang ngồi trên khúc gỗ và thậm chí không thèm nhìn xem họ đang làm gì. Khi sĩ quan tùy tùng quay lại, chọn một thời điểm thích hợp, đã mạo muội thu hút sự chú ý của hoàng đế vào lòng trung thành của những người Ba Lan đối với cá nhân ông, con người nhỏ bé mặc chiếc áo khoác xám đã đứng dậy, gọi Berthier đến và bắt đầu đi đi lại lại trên bờ sông cùng ông ta, đưa ra các mệnh lệnh và thỉnh thoảng liếc nhìn một cách không hài lòng về phía những lính kỵ binh đang chết chìm làm xao nhãng sự chú ý của ông.

Đối với ông ta, niềm tin rằng sự hiện diện của mình ở khắp mọi nơi trên thế giới, từ Châu Phi đến những thảo nguyên vùng Muscovy, đều gây ấn tượng và đẩy con người vào sự điên rồ của việc quên mình là điều không

mới. Ông ra lệnh đưa ngựa cho mình và đi về nơi đóng quân.

Khoảng 40 lính kỵ binh đã chết chìm trong dòng sông, mặc dù đã có những con thuyền được cử đến cứu. Phần lớn bị dạt lại bờ bên này. Vị đại tá và vài người khác đã bơi qua sông và khó khăn lắm mới bò lên được bờ bên kia. Nhưng ngay khi họ vừa lên bờ trong bộ quần áo ướt sũng với những dòng nước chảy ròng ròng, họ đã hô vang : «Vạn tuế !» nhìn một cách nồng nhiệt về phía nơi Napoléon đã đứng, nhưng nơi đó ông không còn ở đó nữa, và trong giây phút đó họ đã tự coi mình là những người hạnh phúc.

Vào buổi tối, Napoléon đưa ra hai mệnh lệnh – một là để chuyển các loại tiền rúp giả của Nga đã được chuẩn bị sẵn sang Nga càng sớm càng tốt, và mệnh lệnh kia là để xử bắn một người lính Saxon vì một bức thư bị bắt được trong đó có thông tin về các mệnh lệnh trong quân đội Pháp – ông đưa ra mệnh lệnh thứ ba về việc kết nạp vị đại tá Ba Lan, người đã lao xuống sông mà không có lý do cấp thiết, vào đội quân danh dự (légion d'honneur) mà chính Napoléon là người đứng đầu.

Người mà Chúa muốn tiêu diệt – Ngài sẽ làm cho mất trí.

III

Trong khi đó, hoàng đế Nga đã sống ở Vilna hơn một tháng, thực hiện các cuộc duyệt binh và diễn tập. Không có gì sẵn sàng cho cuộc chiến mà mọi người đều mong đợi và để chuẩn bị cho cuộc chiến đó hoàng đế đã đến từ St. Petersburg. Không có một kế hoạch hành động chung nào. Những sự do dự về việc kế hoạch nào trong số tất cả những kế hoạch được đề xuất nên được chấp nhận thậm chí còn tăng lên sau một tháng hoàng đế lưu lại tại đại bản doanh. Trong ba quân đoàn, mỗi quân đoàn đều có một vị tổng tư lệnh riêng biệt, nhưng không có một tổng chỉ huy chung cho tất cả các quân đoàn, và hoàng đế cũng không đảm nhận chức danh này.

Hoàng đế sống ở Vilna càng lâu, người ta càng ít chuẩn bị cho chiến tranh, vì đã mệt mỏi vì chờ đợi nó. Mọi nỗ lực của con người, vây quanh vị quân chủ, dường như chỉ hướng vào việc làm cho hoàng đế dành thời gian một cách dễ chịu, quên đi cuộc chiến sắp tới.

Sau nhiều buổi dạ tiệc và ngày lễ tại dinh thự của các đại quý tộc Ba Lan, tại các thị tùng và tại chính vị quân chủ, vào một ngày tháng 6, ý tưởng tổ chức một bữa tiệc tối và buổi dạ hội cho hoàng đế từ phía các sĩ quan

tùy tùng của ông đã xuất hiện. Ý tưởng này đã được mọi người đón nhận nồng nhiệt. Hoàng đế đã đồng ý. Các sĩ quan tùy tùng đã quyên góp tiền. Người phụ nữ có khả năng làm hài lòng hoàng đế nhất đã được mời làm chủ trì buổi dạ hội. Bá tước Bennigsen, một điền chủ của tỉnh Vilna, đã đề nghị sử dụng ngôi nhà ngoại ô của mình cho ngày lễ này, và ngày 13 tháng 6 đã được ấn định cho buổi dạ hội, tiệc tối, chèo thuyền trên sông và đốt pháo hoa tại Zakret, ngôi nhà ngoại ô của bá tước Bennigsen.

Vào chính cái ngày mà Napoléon đưa ra lệnh vượt sông Niemen và các toán quân tiên phong của ông ta, đẩy lùi quân Cossack, đã vượt qua biên giới Nga, Alexandre đang dành buổi tối tại biệt thự của Bennigsen – tại buổi dạ hội do các sĩ quan tùy tùng tổ chức.

Đó là một ngày lễ vui vẻ và rực rỡ ; những người am hiểu nói rằng hiếm khi có nhiều người đẹp tập trung tại một nơi như vậy. Nữ bá tước Bezukhova, trong số những phụ nữ Nga khác đã đến Vilna cùng hoàng đế từ St. Petersburg, cũng có mặt tại buổi dạ hội này, làm lu mờ những phụ nữ Ba Lan bằng vẻ đẹp rực rỡ, theo kiểu mà người ta gọi là vẻ đẹp Nga nặng nề của mình. Bà đã được chú ý và hoàng đế đã ban cho bà một điệu nhảy.

Boris Drubetskoy, một người độc thân, như anh ta nói, sau khi để vợ lại Moscow, cũng có mặt tại buổi dạ hội này, và mặc dù không phải là sĩ quan tùy tùng, anh ta là người đóng góp một số tiền lớn cho buổi dạ hội. Boris hiện giờ là một người giàu có, đã tiến xa trong danh vọng, không còn tìm kiếm sự bảo trợ nữa, mà đứng ở vị trí ngang hàng với những người cao quý nhất cùng lứa với mình. Anh ta gặp Hélène ở Vilna, không gặp bà đã lâu, và không còn nhớ về quá khứ ; nhưng vì Hélène đang nhận được sự ân sủng từ một nhân vật rất quan trọng, còn Boris thì vừa mới kết hôn, nên họ gặp lại nhau như những người bạn cũ và tốt bụng.

Vào lúc 12 giờ đêm, mọi người vẫn còn đang nhảy múa. Hélène, không tìm được một người bạn nhảy xứng đáng, đã tự mình đề nghị một điệu mazurka cho Boris. Họ đang ngồi ở cặp nhảy thứ ba. Boris nhìn một cách bình thản vào đôi vai trần rực rỡ của Hélène, vốn lộ ra từ bộ váy thêu vàng, kể về những người quen cũ và đồng thời, không để ai nhận ra, anh ta không ngừng quan sát hoàng đế, người đang ở trong cùng một khán phòng đó. Hoàng đế không nhảy múa ; ông đứng ở lối ra vào và dừng lại với những người này hay người kia bằng những lời lẽ dịu dàng mà chỉ một mình ông biết cách nói.

Khi bắt đầu điệu mazurka, Boris thấy sĩ quan tùy tùng Balashev, một trong những người thân cận nhất với hoàng đế, đi đến chỗ ông và dừng lại một cách không theo nghi lễ cung đình gần hoàng đế, người đang trò chuyện với một quý bà Ba Lan. Sau khi trò chuyện với quý bà đó, hoàng đế nhìn một cách hỏi han và khi thấy Balashev tiến lại, ông khẽ gật đầu với quý bà và quay sang Balashev. Chỉ vì Balashev bắt đầu nói, nên sự ngạc nhiên đã hiện lên trên khuôn mặt hoàng đế. Ông khoác tay Balashev và đi cùng ông ta qua khán phòng, vô thức dọn đường cho chính mình từ cả hai phía với khoảng cách ba mét cho những người đang tránh sang một bên trước mặt họ. Boris nhận thấy khuôn mặt lo lắng của Arakcheev vào lúc đó, khi hoàng đế đi cùng Balashev. Arakcheev, nhìn hoàng đế từ dưới đôi chân mày rủ xuống và thở phì phò với chiếc mũi đỏ của mình, bước ra khỏi đám đông, như thể đang chờ đợi hoàng đế quay sang phía mình. (Boris hiểu rằng Arakcheev đố kỵ với Balashev và không hài lòng vì một tin tức quan trọng nào đó rõ ràng đã được truyền đạt cho hoàng đế không qua ông ta.)

Nhưng hoàng đế và Balashev đã đi qua, không nhận thấy Arakcheev, qua cửa ra vào để vào khu vườn rực rỡ ánh đèn. Arakcheev, tay giữ thanh kiếm và nhìn quanh một cách giận dữ, bước theo họ khoảng hai mươi bước.

Trong khi Boris tiếp tục thực hiện các động tác của điệu mazurka, ý nghĩ về việc Balashev mang đến tin tức gì và làm thế nào để biết được tin đó trước những người khác không ngừng làm khổ anh ta.

Trong một động tác mà anh ta phải chọn các quý bà, anh ta thì thầm với Hélène rằng anh ta muốn chọn nữ bá tước Potocka, người dường như đã đi ra ngoài ban công, anh ta lướt chân trên sàn gỗ, chạy ra cửa lối ra vào khu vườn và khi nhận thấy Balashev cùng hoàng đế đang đi về phía sân thượng, anh ta đã dừng lại. Hoàng đế và Balashev đang đi về phía cửa. Boris, vội vã như thể không kịp tránh ra, đã cung kính nép sát vào khung cửa và cúi đầu.

Hoàng đế với sự xúc động của một người bị xúc phạm cá nhân đang nói những lời sau :

– Bước vào Nga mà không tuyên chiến ! Tôi sẽ chỉ hòa giải khi không còn một kẻ thù có vũ trang nào trên đất của tôi, – ông nói.

Như Boris thấy, hoàng đế cảm thấy hài lòng khi nói ra những lời này : ông hài lòng với hình thức thể hiện ý nghĩ của mình, nhưng lại không hài lòng vì Boris đã nghe thấy chúng.

– Để không ai biết điều này ! – hoàng đế nói thêm, cau mày.

Boris hiểu rằng điều này liên quan đến anh ta, và nhắm mắt lại, anh ta khẽ nghiêng đầu. Hoàng đế lại bước vào khán phòng và ở lại đó thêm khoảng nửa giờ nữa.

Boris là người đầu tiên biết tin về việc quân đội Pháp vượt sông Niemen và nhờ đó, anh ta có cơ hội cho một số nhân vật quan trọng thấy rằng nhiều điều ẩn giấu đối với những người khác thường được anh ta biết đến, và nhờ đó anh ta có cơ hội thăng tiến cao hơn trong mắt của những người này.

Tin tức bất ngờ về việc quân Pháp vượt sông Niemen đặc biệt bất ngờ sau một tháng chờ đợi không thành hiện thực, và tại buổi dạ hội ! Hoàng đế, ngay trong phút đầu tiên nhận được tin tức, dưới tác động của sự phẫn nộ và xúc động, đã tìm thấy câu nói sau này đã trở nên nổi tiếng, câu nói mà chính ông cũng thích và thể hiện đầy đủ cảm xúc của ông. Trở về nhà từ buổi dạ hội, lúc hai giờ đêm, hoàng đế đã cử người đi gọi thư ký Shishkov và ra lệnh viết một mệnh lệnh cho quân đội và một sắc lệnh cho Thống chế Công tước Saltykov, trong đó ông nhất định yêu cầu đưa vào những lời nói

rằng ông sẽ không hòa giải cho đến khi nào còn dù chỉ một người Pháp có vũ trang ở lại trên đất Nga.

Ngày hôm sau, một bức thư sau đây đã được viết cho Napoléon :

Thưa người anh em của tôi. Hôm qua tôi được biết rằng mặc dù sự trung thực mà tôi đã duy trì các cam kết của mình đối với Bệ hạ, quân đội của Ngài đã vượt qua biên giới Nga, và ngay lúc này tôi nhận được từ St. Petersburg một bức thư của Bá tước Lauriston, theo đó, vì lý do của cuộc tấn công này, ông ta thông báo rằng Bệ hạ coi mình đang trong tình trạng chiến tranh với tôi kể từ thời điểm Hoàng tử Kourakine yêu cầu hộ chiếu của mình. Những lý do mà Công tước Bassano dùng để biện hộ cho việc từ chối cấp hộ chiếu không bao giờ có thể làm tôi giả định rằng hành động này sẽ là cái cớ cho cuộc tấn công. Thực vậy, vị đại sứ này chưa bao giờ được ủy quyền như chính ông ta đã tuyên bố, và ngay khi tôi được thông báo về điều đó, tôi đã cho ông ta biết tôi không hài lòng với ông ta như thế nào khi ra lệnh cho ông ta ở lại vị trí của mình. Nếu Bệ hạ không có ý định đổ máu các dân tộc của chúng ta vì một sự hiểu lầm thuộc loại này và nếu Ngài đồng ý rút quân khỏi lãnh thổ Nga, tôi sẽ coi những gì đã xảy ra như chưa từng có, và một sự dàn xếp giữa chúng ta sẽ là có thể.

Trong trường hợp ngược lại, tâu Bệ hạ, tôi sẽ buộc phải đẩy lùi một cuộc tấn công mà tôi không hề khiêu khích. Việc tránh cho nhân loại những tai họa của một cuộc chiến tranh mới vẫn còn tùy thuộc vào Bệ hạ.

Tôi là, v.v.

Alexandre.

IV

Vào lúc 2 giờ sáng ngày 13 tháng 6, hoàng đế cho gọi Balashev đến, sau khi đọc cho ông nghe bức thư gửi Napoleon, đã ra lệnh cho ông mang bức thư này và đích thân trao tận tay hoàng đế Pháp. Khi tiễn Balashev, hoàng đế một lần nữa lặp lại với ông những lời rằng ông sẽ không làm hòa cho đến khi nào còn dù chỉ một kẻ thù vũ trang trên đất Nga, và ra lệnh nhất thiết phải chuyển những lời này tới Napoleon. Hoàng đế đã không viết những lời này trong thư gửi Napoleon, bởi vì ông cảm thấy với sự tinh tế của mình rằng những lời này không tiện để chuyển đi vào thời điểm mà một nỗ lực cuối cùng để hòa giải đang được thực hiện ; nhưng ông nhất thiết ra lệnh cho Balashev phải chuyển chúng tận tay Napoleon.

Khởi hành vào đêm từ ngày 13 sang ngày 14, Balashev, đi cùng với một người thổi kèn và hai lính Cossack, đến rạng sáng đã tới làng Rykonty tại các tiền đồn của Pháp ở phía bên này sông Neman. Ông bị chặn lại bởi những lính canh kỵ binh Pháp.

Một hạ sĩ quan kỵ binh hussar người Pháp, trong bộ quân phục màu đỏ thẫm và chiếc mũ lông, hét lên với Balashev đang tiến lại gần, ra lệnh cho ông dừng lại.

Balashev không dừng lại ngay lập tức, mà tiếp tục tiến bước trên đường.

Viên hạ sĩ quan, cau mày và lẩm bẩm một lời chửi rủa nào đó, thúc ngựa áp sát Balashev, nắm lấy thanh kiếm và thô bạo hét lên với vị tướng Nga, hỏi ông ta có điếc không, rằng ông ta không nghe thấy những gì người ta nói với mình. Balashev tự giới thiệu mình. Viên hạ sĩ quan cử một binh sĩ đến gặp sĩ quan.

Không thèm chú ý đến Balashev, viên hạ sĩ quan bắt đầu nói chuyện với các đồng đội về công việc của trung đoàn mình và không nhìn vị tướng Nga.

Balashev cảm thấy vô cùng kỳ lạ, sau sự gần gũi với quyền lực và sức mạnh tối cao đó, sau cuộc trò chuyện cách đây ba giờ với hoàng đế và nói chung, do công việc của mình, đã quen với những sự tôn kính, khi thấy ở đây, trên đất Nga, thái độ thù địch này, và quan trọng nhất là thái độ thiếu tôn trọng đối với bản thân của sức mạnh thô bạo.

Mặt trời chỉ mới bắt đầu nhô lên sau những đám mây; không khí mát mẻ và đẫm sương. Trên đường đi từ ngôi làng, người ta đang lùa đàn gia súc ra. Cánh đồng, từng con một, giống như những bong bóng trong nước, những con chim sơn ca vút lên với tiếng hót.

Balashev nhìn quanh mình, chờ đợi sự xuất hiện của một sĩ quan từ trong làng. Những lính Cossack Nga cùng người thổi kèn và những lính hussar Pháp im lặng thỉnh thoảng nhìn nhau.

Một đại tá kỵ binh hussar người Pháp, rõ ràng là vừa mới rời khỏi giường, từ trong làng đi ra trên một con ngựa xám đẹp đẽ, béo tốt, đi kèm với hai lính hussar. Ở viên sĩ quan, ở binh lính và ở những con ngựa của họ đều toát lên vẻ hài lòng và bóng bẩy.

Đó là thời gian đầu của chiến dịch, khi quân đội vẫn còn ở trạng thái chỉnh tề, gần như bằng với một cuộc duyệt binh, với hoạt động hòa bình, chỉ có sắc thái của sự chiến đấu diện trang phục và với tinh thần đạo đức của niềm vui và sự tháo vát vốn luôn đi kèm với sự khởi đầu của các chiến dịch.

Viên đại tá Pháp cố gắng kìm nén cái ngáp, nhưng vẫn lịch sự và rõ ràng là hiểu rõ tầm quan trọng của Balashev. Ông dẫn ông đi qua các binh lính của mình ra sau hàng rào và thông báo rằng mong muốn được yết kiến hoàng đế của ông sẽ có thể được thực hiện ngay lập tức, vì bản doanh của hoàng đế, theo như ông biết, ở không xa đây.

Họ đi qua làng Rykonty ngang qua những cột buộc ngựa của lính hussar Pháp, những lính canh và binh sĩ đang chào viên đại tá của mình và tò mò quan sát bộ quân phục Nga và đi ra phía bên kia của ngôi làng. Theo lời viên đại tá, trong vòng hai km có viên chỉ huy sư đoàn, người sẽ tiếp đón Balashev và dẫn ông đi theo đúng mục đích.

Mặt trời đã lên cao và lấp lánh vui vẻ trên màu xanh rực rỡ.

Ngay khi họ đi lên đồi từ phía sau quán rượu, một nhóm người cưỡi ngựa xuất hiện từ dưới chân đồi tiến về phía họ, đi đầu là một người đàn ông cao lớn ngồi trên con ngựa đen với trang bị lấp lánh dưới ánh mặt trời, đội chiếc mũ có lông vũ và mái tóc đen uốn lượn xuống vai, trong chiếc áo choàng đỏ và với đôi chân dài duỗi thẳng về phía trước, theo cách người Pháp cưỡi ngựa. Người này phóng đại phi về phía Balashev, lấp lánh và tung bay dưới ánh mặt trời tháng sáu rực rỡ với lông vũ, đá quý và những dải ruy băng vàng.

Balashev đã ở khoảng cách hai thân ngựa với người đang lao tới với khuôn mặt trang trọng như trên sân khấu trong những chiếc vòng tay, lông vũ, vòng cổ và vàng, khi Julner, viên đại tá Pháp, kính cẩn thì thầm : «Nhà vua Naples». Thực sự, đó chính là Murat, bây giờ

được gọi là vua Naples. Mặc dù hoàn toàn không hiểu tại sao ông ta lại là vua Naples, nhưng chính ông ta cũng đã tin chắc vào điều đó và do đó có vẻ ngoài trang trọng và quan trọng hơn trước. Ông tự tin vào điều đó đến mức khi, vào đêm trước khi rời khỏi Naples, trong lúc đi dạo với vợ qua các đường phố ở Naples, một vài người Ý đã hô vang với ông : «Viva il re !», ông đã quay sang vợ với một nụ cười buồn và nói : «Những kẻ bất hạnh, họ không biết rằng ngày mai ta sẽ rời bỏ họ !»

Nhưng, bất chấp việc ông tin tưởng chắc chắn rằng mình là vua Naples và rằng ông hối tiếc về nỗi đau khổ của những thần dân bị mình bỏ rơi, thời gian gần đây, sau khi được lệnh phải quay lại phục vụ, và đặc biệt sau cuộc gặp với Napoleon ở Danzig, khi người anh rể vĩ đại nói với ông : «Ta đã phong nhà ngươi làm vua để nhà ngươi cai trị theo cách của ta, chứ không phải theo cách của nhà ngươi», ông đã vui vẻ bắt tay vào công việc quen thuộc và, giống như một con ngựa chưa làm việc quá sức nhưng đã béo tốt, cảm thấy mình trong bộ yên cương, đã bắt đầu hăng hái trong càng xe và, ăn mặc sặc sỡ và đắt tiền nhất có thể, vui vẻ và hài lòng, ông phi ngựa, chính mình cũng không biết đi đâu và để làm gì, qua các nẻo đường của Ba Lan.

Nhìn thấy vị tướng Nga, ông hất đầu ra sau một cách vương giả, trang trọng với mái tóc uốn lượn đến vai và nhìn viên đại tá Pháp một cách dò hỏi. Viên đại tá kính cẩn truyền đạt cho bệ hạ ý nghĩa của Balashev, cái họ mà ông không thể phát âm được.

– De Bal–machève ! – nhà vua nói (với sự quyết đoán của mình vượt qua khó khăn vốn đang hiện diện trước viên đại tá), – rất vui được làm quen với ông, thưa tướng quân, – ông thêm vào với một cử chỉ ban ơn vương giả.

Ngay khi nhà vua bắt đầu nói to và nhanh, toàn bộ phong thái vương giả lập tức rời bỏ ông, và chính ông, không nhận ra, đã chuyển sang giọng điệu thân mật tốt bụng. Ông đặt tay lên vai ngựa của Balashev.

– À, thưa tướng quân, mọi thứ đều là chiến tranh, thế mà có vẻ như, – ông nói, như thể đang hối tiếc về một tình cảnh mà ông không thể phán xét.

– Tâu Bệ hạ, – Balashev trả lời, – Hoàng đế chủ quân của tôi không hề mong muốn chiến tranh, như Bệ hạ thấy đấy, – Balashev nói, sử dụng từ Bệ hạ trong tất cả các cách chia, với một sự kiểu cách không thể tránh khỏi khi lặp lại tước hiệu, hướng về phía người mà tước hiệu này vẫn còn là một điều mới mẻ.

Khuôn mặt của Murat rạng rỡ với sự hài lòng ngu ngốc vào thời điểm ông nghe thấy tước hiệu dành cho mình. Nhưng tước vị buộc phải tuân theo : ông cảm thấy cần phải nói chuyện với sứ giả của Alexandre về các vấn đề quốc gia như một nhà vua và đồng minh. Ông xuống ngựa, cầm lấy cánh tay Balashev, đi ra xa vài bước khỏi đoàn tùy tùng đang kính cẩn chờ đợi, bắt đầu đi đi lại lại với ông, cố gắng nói một cách quan trọng. Ông nhắc lại rằng hoàng đế Napoleon bị xúc phạm bởi yêu cầu rút quân khỏi Phổ, đặc biệt là khi yêu cầu này được đưa ra cho tất cả mọi người đều biết và khi điều này làm xúc phạm đến danh dự của Pháp.

Balashev nói rằng trong yêu cầu đó không có gì là xúc phạm, bởi vì... Murat ngắt lời ông.

– Vậy là ông coi kẻ chủ mưu không phải là hoàng đế Alexandre ? – ông bất ngờ nói với một nụ cười tốt bụng ngu ngốc.

Balashev nói lý do tại sao ông thực sự cho rằng người khơi mào chiến tranh là Napoleon.

– Ôi, tướng quân thân mến của tôi, – Murat lại ngắt lời, – tôi mong muốn từ tận đáy lòng mình rằng các Hoàng đế sẽ tự dàn xếp với nhau, và cuộc chiến tranh bắt đầu ngoài ý muốn của tôi sẽ kết thúc càng sớm càng

tốt, – ông nói với giọng điệu của cuộc trò chuyện giữa những người phục vụ muốn giữ quan hệ bạn bè tốt đẹp, bất chấp sự cãi vã giữa những người chủ.

Và ông chuyển sang hỏi thăm về đại công tước, về sức khỏe của ông và về những kỷ niệm vui vẻ và nực cười khi ông ở Naples. Sau đó đột nhiên, như thể bất ngờ nhớ lại địa vị vương giả của mình, Murat trang trọng đứng thẳng người, lấy lại tư thế cũ mà ông đã đứng khi đăng quang, và phất tay phải nói :

– Tôi không giữ ông lâu hơn nữa, thưa tướng quân; tôi chúc sứ mệnh của ông thành công – và, tung bay chiếc áo choàng thêu đỏ và lông vũ, lấp lánh những đồ trang sức, ông đi tới đoàn tùy tùng đang kính cẩn chờ đợi mình.

Balashev đi tiếp, theo lời Murat, cho rằng sẽ sớm được trình diện chính Napoleon. Nhưng thay vì cuộc gặp gỡ nhanh chóng với Napoleon, những lính canh của bộ binh thuộc quân đoàn của Davout lại chặn ông lại ở ngôi làng tiếp theo, cũng giống như ở tiền đồn, và viên sĩ quan tùy tùng của chỉ huy quân đoàn được gọi đến đã dẫn ông vào làng gặp Thống chế Davout.

V

Davout là Arakcheyev của hoàng đế Napoleon – một Arakcheyev không nhát gan, nhưng cũng cần mẫn, tàn nhẫn và không biết bày tỏ lòng trung thành của mình theo cách nào khác ngoài sự tàn nhẫn.

Trong cơ chế của tổ chức nhà nước, những con người này cần thiết, như những con sói cần thiết trong tổ chức tự nhiên, và họ luôn tồn tại, luôn xuất hiện và bám trụ, dù sự hiện diện và gần gũi của họ với người đứng đầu chính phủ có vẻ không hợp lý đến thế nào. Chỉ bằng sự cần thiết này mới có thể giải thích được làm thế nào mà một người tàn nhẫn, người đã tự tay nhổ râu những lính ném lựu đạn và không thể chịu đựng được nguy hiểm vì sự yếu ớt của dây thần kinh, một Arakcheyev không có giáo dục, không có phong thái cung đình lại có thể giữ được quyền lực lớn như vậy bên cạnh một nhân vật hào hiệp và tinh tế như Alexandre.

Balashev thấy Thống chế Davout trong một nhà kho của một túp lều nông dân, đang ngồi trên một cái thùng và bận rộn với công việc giấy tờ (ông đang kiểm tra các tài khoản). Một sĩ quan tùy tùng đứng cạnh ông. Có lẽ có thể tìm thấy chỗ ở tốt hơn, nhưng Thống chế Davout là một trong những người cố tình đặt mình vào những

điều kiện sống u ám nhất để có quyền được u ám. Họ vì lý do đó luôn bận rộn một cách vội vã và kiên trì. «Lấy đâu ra thời gian để nghĩ về mặt tươi sáng của cuộc sống con người, khi các ông thấy đấy, tôi đang ngồi trên một cái thùng trong một nhà kho bẩn thỉu và làm việc», biểu cảm trên khuôn mặt ông nói lên như vậy. Sự hài lòng và nhu cầu chính của những người này là khi bắt gặp sự tươi vui của cuộc sống, họ sẽ ném vào mắt sự tươi vui đó sự u ám, kiên trì và hoạt động của mình. Davout đã mang lại cho mình sự hài lòng này khi người ta dẫn Balashev vào gặp ông. Ông càng chìm đắm sâu hơn vào công việc của mình khi vị tướng Nga bước vào, và nhìn qua kính vào khuôn mặt tươi tỉnh, dưới ấn tượng của buổi sáng tuyệt đẹp và cuộc trò chuyện với Murat, của Balashev, ông không đứng dậy, thậm chí không nhúc nhích, mà còn cau mày hơn và mỉm cười độc ác.

Nhận thấy ấn tượng khó chịu do sự tiếp đón này tạo ra trên khuôn mặt Balashev, Davout ngẩng đầu lên và lạnh lùng hỏi ông cần gì.

Giả định rằng một sự tiếp đón như vậy chỉ có thể dành cho ông vì Davout không biết ông là tướng quân tùy tùng của hoàng đế Alexandre và thậm chí là đại diện của ông trước Napoleon, Balashev vội vàng thông báo chức danh và ý nghĩa của mình. Ngược lại với mong

đợi của ông, Davout, sau khi nghe Balashev, càng trở nên thô bạo và thô lỗ hơn.

– Gói đồ của ông đâu ? – ông nói. – Đưa nó cho tôi, tôi sẽ gửi nó cho Hoàng đế.

Balashev nói rằng ông có lệnh phải đích thân trao gói đồ cho chính hoàng đế.

– Các lệnh của hoàng đế của ông được thực hiện trong quân đội của ông, còn ở đây, – Davout nói, – ông phải làm những gì người ta nói với ông.

Và như để cho vị tướng Nga cảm thấy rõ hơn sự phụ thuộc của ông vào sức mạnh thô bạo, Davout đã cử một sĩ quan tùy tùng đi gọi sĩ quan trực ban.

Balashev lấy ra gói đồ chứa bức thư của hoàng đế và đặt nó lên bàn (cái bàn làm từ một cánh cửa, trên đó vẫn còn lòi ra những bản lề bị đứt, được đặt trên hai cái thùng). Davout cầm lấy gói đồ và đọc dòng chữ bên ngoài.

– Ông hoàn toàn có quyền thể hiện hoặc không thể hiện sự tôn trọng đối với tôi, – Balashev nói. – Nhưng cho phép tôi lưu ý với ông rằng tôi có vinh dự mang chức danh tướng quân tùy tùng của Bệ hạ.

Davout nhìn ông im lặng, và một sự xúc động và bối rối nào đó hiện rõ trên khuôn mặt Balashev rõ ràng đã mang lại cho ông sự hài lòng.

– Ông sẽ được đối đãi đúng mức, – ông nói và bỏ chiếc phong bì vào túi, rời khỏi nhà kho.

Một phút sau, viên sĩ quan tùy tùng của thống chế, quý ngài de Castre, bước vào và dẫn Balashev đến chỗ ở đã được chuẩn bị cho ông.

Balashev dùng bữa tối ngày hôm đó trong nhà kho với thống chế trên chính cái tấm ván đặt trên hai cái thùng đó.

Ngày hôm sau, Davout khởi hành từ sớm và, mời Balashev đến gặp mình, đã nói với ông một cách đầy sức thuyết phục rằng ông yêu cầu ông ở lại đây, di chuyển cùng với hành lý nếu họ có lệnh làm việc đó, và không nói chuyện với bất kỳ ai ngoại trừ quý ngài de Castre.

Sau bốn ngày cô độc, buồn chán, ý thức về sự lệ thuộc và tầm thường, đặc biệt cảm nhận được sau bầu không khí quyền lực mà ông vừa ở đó cách đây không lâu, sau một vài chặng hành trình cùng với hành lý của thống chế, với quân đội Pháp đang chiếm đóng toàn bộ khu vực, Balashev được đưa đến Vilna, nay đã bị người

Pháp chiếm đóng, đến chính cái trạm gác mà ông đã rời đi bốn ngày trước đó.

Ngày hôm sau, quan thị tùng của hoàng đế, quý ngài de Turenne, đến gặp Balashev và truyền đạt mong muốn của hoàng đế Napoleon được ban cho ông một buổi yết kiến.

Bốn ngày trước, tại chính ngôi nhà đó, nơi Balashev được đưa đến, những lính canh của trung đoàn Preobrazhensky đã đứng ; còn bây giờ là hai lính ném lựu đạn Pháp trong bộ quân phục xanh hở ngực và mũ lông, đội hộ tống gồm các kỵ binh hussar và lính lancers cùng đoàn tùy tùng lộng lẫy gồm các sĩ quan tùy tùng, cận vệ và tướng lĩnh, đang chờ Napoleon bước ra quanh con ngựa cưỡi đang đứng sẵn ở thềm nhà và tên nô lệ người Mamluk Roustam của ông. Napoleon tiếp đón Balashev trong chính ngôi nhà đó ở Vilna, nơi mà Alexandre đã phái ông đi.

VI

Mặc dù đã quen với sự trang trọng cung đình của Balashev, sự sang trọng và lộng lẫy của cung đình Napoleon vẫn làm ông kinh ngạc.

Bá tước Turenne dẫn ông vào phòng chờ lớn, nơi có nhiều tướng lĩnh, quan thị tùng và các đại gia Ba Lan đang chờ đợi, trong đó Balashev đã thấy nhiều người tại cung đình hoàng đế Nga. Duroc nói rằng hoàng đế Napoleon sẽ tiếp vị tướng Nga trước khi ông đi dạo.

Sau vài phút chờ đợi, viên quan thị tùng trực ban bước ra phòng chờ lớn và, cúi chào lịch sự với Balashev, mời ông đi theo mình.

Balashev bước vào một phòng chờ nhỏ, từ đó có một cánh cửa dẫn vào phòng làm việc, chính là căn phòng làm việc mà từ đó hoàng đế Nga đã phái ông đi. Balashev đứng chờ một hai phút. Sau cánh cửa nghe thấy những bước chân vội vã. Cả hai cánh cửa mở toang, mọi thứ trở nên im lặng, và từ phòng làm việc vang lên những bước chân khác, nặng nề, dứt khoát : đó là Napoleon. Ông vừa mới kết thúc việc vệ sinh cá nhân để đi cưỡi ngựa. Ông mặc bộ quân phục màu xanh, khoác bên ngoài chiếc áo gi lê trắng rủ xuống cái bụng tròn, trong

chiếc quần ống túm màu trắng ôm sát cặp đùi mập mạp của đôi chân ngắn, và trong đôi ủng cao cổ. Mái tóc ngắn của ông, rõ ràng là vừa mới chải, nhưng một lọn tóc đã rủ xuống giữa vầng trán rộng. Cái cổ trắng, mập của ông hiện ra rõ rệt từ sau cổ áo đen của bộ quân phục ; từ ông tỏa ra mùi nước hoa. Trên khuôn mặt trẻ trung, với chiếc cằm nhô ra đầy đặn, hiện lên vẻ mặt nhân từ và vương giả của sự chào đón hoàng gia.

Ông bước ra nhanh chóng, khẽ nhún vai sau mỗi bước chân và hơi ngửa đầu ra sau. Toàn bộ thân hình thấp béo của ông, với đôi vai rộng và cái bụng, bộ ngực ưỡn ra phía trước một cách vô thức, mang vẻ bệ vệ, oai vệ mà những người bốn mươi tuổi sống trong nhung lụa thường có. Ngoài ra, có thể thấy rõ rằng ngày hôm đó ông đang ở trong trạng thái tinh thần tốt nhất.

Ông gật đầu, đáp lại cái cúi chào thấp và cung kính của Balashev, và tiến lại gần ông, lập tức bắt đầu nói như một người coi trọng từng phút thời gian của mình và không hạ mình xuống để chuẩn bị các bài phát biểu của mình, mà luôn tin chắc rằng mình sẽ nói tốt và những gì cần nói.

– Chào ông, thưa tướng quân ! – ông nói. – Tôi đã nhận được bức thư của hoàng đế Alexandre mà ông mang đến, và tôi rất vui được gặp ông. – Ông nhìn vào

mặt Balashev bằng đôi mắt to của mình và lập tức bắt đầu nhìn lướt qua ông.

Rõ ràng là con người của Balashev không làm ông quan tâm chút nào. Có thể thấy rằng chỉ những gì đang diễn ra trong tâm hồn ông mới có ý nghĩa đối với ông. Mọi thứ ở bên ngoài ông, đối với ông dường như không có giá trị gì, bởi vì mọi thứ trên thế giới này, như ông nghĩ, chỉ phụ thuộc vào ý chí của ông.

– Tôi không muốn và đã không muốn chiến tranh, – ông nói, – nhưng người ta đã buộc tôi phải tham gia vào nó. Ngay cả bây giờ (ông nói từ này với sự nhấn mạnh) tôi vẫn sẵn sàng chấp nhận tất cả các giải thích mà ông có thể đưa cho tôi.

Và ông bắt đầu trình bày rõ ràng và ngắn gọn các lý do về sự không hài lòng của mình đối với chính phủ Nga. Xét theo giọng điệu chừng mực, điềm tĩnh và thân thiện mà vị hoàng đế Pháp nói chuyện, Balashev tin chắc rằng ông muốn hòa bình và có ý định bước vào các cuộc đàm phán.

– Tâu Bệ hạ chủ quân của tôi... – Balashev bắt đầu bài phát biểu đã chuẩn bị từ lâu, khi Napoleon, sau khi kết thúc bài phát biểu của mình, nhìn thăm dò vị sứ thần Nga ; nhưng cái nhìn của đôi mắt hoàng đế hướng vào

ông đã làm ông bối rối. «Ông bị lúng túng rồi – hãy sửa lại mình đi», Napoleon dường như nói như vậy, nhìn vào bộ quân phục và thanh kiếm của Balashev với một nụ cười thoáng qua.

Balashev đã lấy lại bình tĩnh và bắt đầu nói. Ông nói rằng hoàng đế Alexandre không coi yêu cầu cấp hộ chiếu của Kurakin là đủ lý do cho chiến tranh, rằng Kurakin đã hành động theo ý riêng của mình và không có sự đồng ý của hoàng đế, rằng hoàng đế Alexandre không muốn chiến tranh và không có quan hệ gì với Anh.

– Chưa có gì đâu, – Napoleon thêm vào, và như thể sợ để mình bị cuốn theo cảm xúc, ông cau mày và khẽ gật đầu, ra hiệu cho Balashev rằng ông có thể tiếp tục.

Nói hết tất cả những gì được lệnh, Balashev nói rằng hoàng đế Alexandre mong muốn hòa bình, nhưng sẽ không bước vào đàm phán trừ khi với điều kiện rằng... Ở đây Balashev ngập ngừng : ông nhớ lại những lời mà hoàng đế Alexandre không viết trong thư, nhưng nhất thiết ra lệnh đưa vào sắc lệnh gửi Saltykov và ra lệnh cho Balashev chuyển tới Napoleon. Balashev nhớ lại những lời này : «cho đến khi nào còn dù chỉ một kẻ thù vũ trang còn ở trên đất Nga», nhưng một cảm giác phức tạp nào đó đã kìm giữ ông lại. Ông không thể

nói những lời này, mặc dù ông muốn làm điều đó. Ông ngập ngừng và nói : «với điều kiện là quân đội Pháp rút lui ra sau sông Neman».

Napoleon nhận thấy sự bối rối của Balashev khi thốt ra những lời cuối cùng : khuôn mặt ông co giật, bắp chân trái của chân ông bắt đầu run rẩy một cách đều đặn. Không rời khỏi chỗ, ông nói với giọng cao hơn và vội vã hơn trước. Trong bài phát biểu tiếp theo, Balashev nhiều lần hạ mắt xuống, vô tình quan sát sự run rẩy của bắp chân trái của Napoleon, điều càng trở nên dữ dội hơn khi ông lên giọng.

– Tôi mong muốn hòa bình không kém gì hoàng đế Alexandre, – ông bắt đầu. – Chẳng phải tôi đã làm mọi thứ trong mười tám tháng qua để có được nó sao ? Tôi đã chờ đợi các giải thích trong mười tám tháng qua. Nhưng để bắt đầu đàm phán, người ta yêu cầu gì ở tôi? – ông nói, cau mày và thực hiện một cử chỉ hỏi thăm tràn đầy năng lượng bằng bàn tay trắng trẻo và mập mạp của mình.

– Việc rút quân ra sau sông Neman, tâu Bệ hạ, – Balashev nói.

– Ra sau sông Neman ? – Napoleon lặp lại. – Vậy là bây giờ các ông muốn tôi rút lui ra sau sông Neman –

chỉ ra sau sông Neman thôi sao ? – Napoleon lặp lại, nhìn thẳng vào Balashev.

Balashev cung kính cúi đầu.

Thay vì yêu cầu rút lui từ bốn tháng trước khỏi Pomerania, bây giờ người ta chỉ yêu cầu rút lui ra sau sông Neman. Napoleon nhanh chóng quay người và bắt đầu đi lại trong phòng.

– Ông nói rằng người ta yêu cầu tôi rút quân ra sau sông Neman để bắt đầu đàm phán ; nhưng người ta cũng đã yêu cầu tôi rút quân ra sau sông Oder và sông Vistula đúng hai tháng trước, và bất chấp điều đó, các ông vẫn sẵn sàng tiến hành đàm phán.

Ông im lặng đi từ góc này sang góc kia của căn phòng và một lần nữa dừng lại đối diện với Balashev. Balashev nhận thấy bắp chân trái của ông run rẩy thậm chí còn nhanh hơn trước, và khuôn mặt ông dường như hóa đá trong biểu cảm nghiêm nghị của mình. Sự run rẩy của bắp chân trái này Napoleon tự biết về mình. «Sự rung động của bắp chân trái là một dấu hiệu lớn ở tôi», sau này ông đã nói.

– Những đề nghị như vậy, kiểu như làm sạch sông Oder và sông Vistula, có thể được đưa ra cho hoàng tử

Baden, chứ không phải cho tôi, – Napoleon hét lên một cách hoàn toàn bất ngờ cho chính mình. – Ngay cả khi các ông có dâng cho tôi Petersburg và Moscow, tôi cũng sẽ không chấp nhận những điều kiện này. Ngài nói, tôi đã bắt đầu cuộc chiến này ! Nhưng ai là người đầu tiên đến quân đội ? – hoàng đế Alexander, chứ không phải tôi. Và ngài đề nghị tôi đàm phán, trong khi tôi đã tiêu tốn hàng triệu đồng, trong khi ngài đang liên minh với Anh và khi tình thế của ngài đang tồi tệ. Ngài đề nghị tôi đàm phán ! Thế mục đích liên minh của các ngài với Anh là gì ? Nó đã mang lại cho ngài điều gì ? – ông ta nói một cách vội vã, rõ ràng đã hướng lời nói của mình không phải để nêu ra những lợi ích của việc ký kết hòa bình và thảo luận về khả năng của nó, mà chỉ để chứng minh rằng mình đúng, và sức mạnh của mình, và để chứng minh sự sai lầm và những lỗi lầm của Alexander.

Phần mở đầu bài phát biểu của ông ta rõ ràng được thực hiện với mục đích thể hiện lợi thế trong vị thế của mình và cho thấy rằng, bất chấp điều đó, ông ta vẫn chấp nhận việc mở cuộc đàm phán. Nhưng ông ta đã bắt đầu nói, và ông ta càng nói nhiều, ông ta càng ít có khả năng kiểm soát lời nói của mình.

Toàn bộ mục đích bài phát biểu của ông ta bây giờ rõ ràng là chỉ để tôn cao bản thân và xúc phạm Alexander,

tức là làm đúng cái điều mà ông ta ít muốn làm nhất khi bắt đầu cuộc gặp.

– Nghe nói, các ngài đã ký kết hòa bình với người Thổ ?

Balashev gật đầu xác nhận.

– Hòa bình đã được ký kết... – ông bắt đầu.

Nhưng Napoleon không để ông nói. Ông ta, có vẻ như, cần phải tự mình nói một mình, và ông ta tiếp tục nói với vẻ hùng hồn và sự thiếu kiềm chế của cơn thịnh nộ mà những người được nuông chiều thường mắc phải.

– Phải, tôi biết, các ngài đã ký kết hòa bình với người Thổ, mà không nhận được Moldavia và Wallachia. Còn tôi thì đã cho quân vương của các ngài những tỉnh này cũng giống như tôi đã cho ông ta Phần Lan. Phải, – ông ta tiếp tục, – tôi đã hứa và đã có thể trao cho hoàng đế Alexander Moldavia và Wallachia, còn bây giờ ông ta sẽ không có được những tỉnh tươi đẹp này. Ông ta đã có thể, tuy nhiên, sáp nhập chúng vào đế chế của mình, và chỉ trong một triều đại ông ta đã có thể mở rộng nước Nga từ vịnh Bothnia đến cửa sông Danube. Catherine Đại đế cũng không thể làm được nhiều hơn thế, – Napoleon nói, càng lúc càng trở nên nóng nảy, đi

lại trong phòng và lặp lại với Balashev gần như chính những lời mà ông ta đã nói với chính Alexander ở Tilsit. – Tất cả những thứ đó lẽ ra ông ta phải có được nhờ tình bạn của tôi. Ôi ! Một triều đại tươi đẹp làm sao, một triều đại tươi đẹp làm sao ! – ông ta lặp lại vài lần, dừng lại, lấy một hộp thuốc lá bằng vàng từ túi ra và hít một lần, dừng lại, lấy một hộp thuốc lá bằng vàng từ túi ra và hít một hơi đầy mũi.

– Một triều đại tươi đẹp làm sao lẽ ra có thể là của Hoàng đế Alexander !

Ông ta nhìn Balashev với vẻ nuối tiếc, và ngay khi Balashev định nhận xét điều gì đó, ông ta lại vội vàng ngắt lời.

– Ông ta còn có thể mong muốn và tìm kiếm điều gì mà ông ta không tìm thấy trong tình bạn của tôi ?.. – ông ta nói, nhún vai với vẻ khó hiểu. – Không, ông ta thấy tốt hơn là nên bao quanh mình bởi những kẻ thù của tôi, và bởi ai cơ chứ ? – Napoleon tiếp tục. – Ông ta đã gọi về bên mình những Stein, Armfelt, Bennigsen, Wintzingerode. Stein là một kẻ phản bội bị đuổi ra khỏi tổ quốc mình ; Armfelt là một kẻ sa đọa và mưu mô ; Wintzingerode là một thần dân Pháp đào tẩu; Bennigsen là một quân nhân có phần giỏi hơn những kẻ khác, nhưng dù sao cũng bất tài, người không biết

làm gì vào năm 1807 và người lẽ ra phải gợi lại trong hoàng đế Alexander những kỷ niệm kinh khủng... Cứ cho là, nếu họ có năng lực, thì có thể sử dụng họ, – Napoleon tiếp tục, hầu như không theo kịp những ý nghĩ không ngừng nảy sinh bằng lời nói, chứng tỏ ông ta đúng hoặc sức mạnh của ông ta (điều mà trong khái niệm của ông ta là một), – nhưng điều đó cũng không có : họ không thích hợp cho chiến tranh, cũng không thích hợp cho hòa bình ! Barclay, người ta nói, là người thạo việc nhất trong số họ ; nhưng tôi sẽ không nói thế, xét theo những chuyển động đầu tiên của ông ta. Còn họ đang làm gì, tất cả những triều thần này đang làm gì ? Pfuel đề xuất, Armfelt tranh luận, Bennigsen xem xét, còn Barclay, người được gọi đến để hành động, lại không biết phải quyết định ra sao ; và thời gian cứ trôi đi, chẳng mang lại kết quả gì. Chỉ có Bagration là người lính. Ông ta ngu ngốc, nhưng ông ta có kinh nghiệm, cái nhìn tinh tường và sự quyết đoán... Và vai trò gì mà vị quân vương trẻ tuổi của các ngài đang đóng trong đám đông hỗn loạn này ? Họ làm mất uy tín của ông ta và đổ lên đầu ông ta trách nhiệm về mọi việc đang diễn ra. Một vị quân vương chỉ nên ở cùng quân đội khi ông ta là một vị tướng, – ông ta nói, rõ ràng gửi những lời này như một lời thách thức trực diện vào mặt vị hoàng

đế. Napoleon biết hoàng đế Alexander mong muốn trở thành một nhà cầm quân như thế nào.

– Đã một tuần kể từ khi chiến dịch bắt đầu, và các ngài đã không thể bảo vệ Vilna. Các ngài bị cắt làm đôi và bị đuổi ra khỏi các tỉnh Ba Lan. Quân đội của các ngài đang lẩm bẩm oán thán.

– Trái lại, thưa bệ hạ, – Balashev nói, vừa kịp ghi nhớ những gì đã được nói với mình, và khó khăn lắm mới theo kịp tràng pháo hoa lời nói này, – quân đội đang cháy bỏng mong muốn...

– Tôi biết tất cả, – Napoleon ngắt lời, – tôi biết tất cả, và tôi biết số lượng các tiểu đoàn của các ngài cũng chính xác như của tôi. Các ngài không có đến 200 nghìn quân, còn tôi có nhiều gấp ba ; tôi lấy danh dự ra thề với các ngài, – Napoleon nói, quên mất rằng lời thề danh dự này của ông ta không thể có ý nghĩa gì, – tôi lấy danh dự ra thề rằng tôi có năm trăm ba mươi nghìn quân ở phía bên này sông Vistula. Người Thổ sẽ không giúp được gì cho các ngài : họ chẳng ra gì và đã chứng minh điều đó bằng cách làm hòa với các ngài. Người Thụy Điển – định mệnh của họ là bị cai trị bởi những vị vua điên. Vua của họ đã điên ; họ đã thay đổi ông ta và chọn một người khác – Bernadotte, người ngay lập tức cũng

mất trí, vì chỉ có một người Thụy Điển điên mới có thể giao kết liên minh với Nga.

Napoleon mỉm cười ác ý và lại đưa hộp thuốc lá lên mũi.

Trước mỗi câu nói của Napoleon, Balashev đều muốn phản bác ; ông liên tục thực hiện cử động của một người muốn nói điều gì đó, nhưng Napoleon luôn ngắt lời ông. Chống lại sự điên rồ của người Thụy Điển, Balashev muốn nói rằng Thụy Điển là một hòn đảo khi Nga đứng về phía nó ; nhưng Napoleon đã giận dữ quát lên để át đi giọng nói của ông. Napoleon đang ở trong trạng thái bị kích động, trong đó cần phải nói, nói và nói chỉ để chứng minh cho chính mình sự đúng đắn của mình. Balashev cảm thấy khó khăn : với tư cách là một sứ giả, ông sợ làm mất đi phẩm giá của mình và cảm thấy cần thiết phải phản bác ; nhưng, với tư cách là một con người, ông co rúm lại về mặt đạo đức trước sự bộc phát của cơn thịnh nộ vô cớ, trong đó Napoleon rõ ràng đang ở. Ông biết rằng tất cả những lời nói ra bây giờ của Napoleon đều không có giá trị, và chính ông ta, khi tỉnh táo lại, sẽ cảm thấy xấu hổ về chúng. Balashev đứng, cúi mắt nhìn những đôi chân mập mạp đang di chuyển của Napoleon, và cố gắng tránh ánh mắt của ông ta.

– Nhưng những đồng minh này của các ngài có ý nghĩa gì với tôi ? – Napoleon nói. – Đồng minh của tôi là những người Ba Lan : họ có 80 nghìn người, họ chiến đấu như những con sư tử. Và họ sẽ có hơn 200 nghìn người.

Và, có lẽ còn bị phẫn nộ hơn nữa bởi việc khi nói điều này, ông ta đã nói một sự dối trá rõ ràng, và bởi việc Balashev đang ở trong tình trạng đó với vẻ cam chịu trước số phận của mình, đứng lặng lẽ trước mặt ông ta, ông ta đột ngột quay ngược lại, tiến sát vào mặt Balashev và, thực hiện những cử chỉ mạnh mẽ và nhanh nhẹn bằng đôi bàn tay trắng trẻo của mình, gần như gào lên :

– Hãy biết rằng nếu các ngài xúi giục Phổ chống lại tôi, hãy biết rằng tôi sẽ xóa sổ nó khỏi bản đồ châu Âu, – ông ta nói với khuôn mặt nhợt nhạt, biến dạng vì giận dữ, bằng một cử chỉ mạnh mẽ của một bàn tay nhỏ bé đập vào bàn tay kia. – Phải, tôi sẽ ném các ngài ra sau sông Dvina, sau sông Dnieper và sẽ dựng lại chống lại các ngài rào cản đó, cái mà châu Âu đã phạm tội và mù quáng khi cho phép nó bị phá hủy. Phải, đó là những gì sẽ xảy ra với các ngài, đó là những gì các ngài đã nhận được khi rời xa tôi, – ông ta nói và lặng lẽ đi lại vài lần trong phòng, đôi vai mập mạp rung lên.

Ông ta để hộp thuốc lá vào túi áo ghi lê, lại lấy nó ra, đưa lên mũi vài lần và dừng lại đối diện với Balashev. Ông ta im lặng một lúc, nhìn xoáy vào mắt Balashev một cách chế giễu và nói bằng giọng trầm :

– Tuy nhiên, triều đại của quân vương ngài lẽ ra có thể tươi đẹp biết bao !

Balashev, cảm thấy cần thiết phải phản bác, nói rằng về phía Nga mọi việc không có vẻ u ám như thế. Napoleon im lặng, tiếp tục nhìn ông một cách chế giễu và rõ ràng là không nghe ông nói. Balashev nói rằng ở Nga người ta mong đợi những điều tốt đẹp nhất từ cuộc chiến. Napoleon gật đầu một cách khoan dung, như thể đang nói : «Tôi biết, nhiệm vụ của ông là nói như vậy, nhưng chính ông cũng không tin vào điều đó, ông đã bị tôi thuyết phục rồi».

Vào cuối bài phát biểu của Balashev, Napoleon lại lấy hộp thuốc lá ra, hít một hơi từ đó và, như một tín hiệu, gõ chân xuống sàn hai lần. Cửa mở ra ; một người thị tòng cúi chào cung kính đưa mũ và găng tay cho hoàng đế, người khác đưa khăn tay. Napoleon, không nhìn họ, quay sang Balashev :

– Hãy cam đoan với hoàng đế Alexander từ phía tôi rằng tôi vẫn trung thành với ông ấy như trước : tôi biết rõ

về ông ấy và đánh giá rất cao những phẩm chất cao quý của ông ấy. Tôi không giữ ngài thêm nữa, thưa tướng quân, ngài sẽ nhận được thư của tôi gửi cho hoàng đế.

Và Napoleon nhanh chóng đi ra cửa. Mọi người trong phòng chờ lao về phía trước và xuống cầu thang.

VII

Sau tất cả những gì Napoleon đã nói với ông, sau những đợt bùng phát cơn thịnh nộ đó và sau những lời nói khô khan cuối cùng : «tôi không giữ ngài thêm nữa, thưa tướng quân, ngài sẽ nhận được thư của tôi», Balashev tin chắc rằng Napoleon không những không còn muốn gặp ông nữa, mà sẽ cố gắng không để thấy mặt ông – một vị sứ giả bị xúc phạm và quan trọng nhất là nhân chứng cho sự nóng nảy khiếm nhã của ông ta. Tuy nhiên, thật ngạc nhiên cho mình, Balashev đã nhận được lời mời dùng bữa tại bàn của hoàng đế vào ngày hôm đó thông qua Duroc.

Tại bữa ăn tối có Bessières, Caulaincourt và Berthier.

Napoleon gặp Balashev với vẻ mặt vui vẻ và hiền hậu. Không những không có biểu hiện của sự ngượng ngùng hay tự trách mình về cơn bộc phát buổi sáng ở ông ta, mà trái lại, ông ta còn cố gắng khích lệ Balashev. Rõ ràng là từ lâu đối với Napoleon, trong thâm tâm ông ta đã không còn khả năng mắc sai lầm và rằng trong khái niệm của ông ta, tất cả những gì ông ta làm đều tốt, không phải vì nó phù hợp với quan niệm về cái tốt và cái xấu, mà bởi vì chính ông ta đã làm điều đó.

Hoàng đế rất vui vẻ sau chuyến đi ngựa qua Vilna, nơi những đám đông dân chúng đã đón chào và tiễn đưa ông ta một cách cuồng nhiệt. Trong tất cả các cửa sổ của những con phố nơi ông đi qua, thảm, cờ, những chữ lồng tên ông đã được treo lên, và những phụ nữ Ba Lan, chào đón ông, vẫy khăn tay với ông.

Tại bàn ăn, đặt Balashev cạnh mình, ông đối xử với ông không chỉ tử tế mà còn cư xử như thể ông coi Balashev là một trong số những triều thần của mình, trong số những người cảm thông với các kế hoạch của ông và đáng lẽ phải vui mừng trước những thành công của ông. Giữa những cuộc trò chuyện khác, ông bắt đầu nói về Moscow và bắt đầu hỏi Balashev về thủ đô của Nga, không chỉ như một du khách tò mò hỏi về một địa điểm mới mà ông định đến thăm, mà như thể với niềm tin rằng Balashev, với tư cách là một người Nga, hẳn phải cảm thấy hãnh diện trước sự hiếu kỳ này.

– Có bao nhiêu dân cư ở Moscow, bao nhiêu nhà ? Có đúng là Moscow được gọi là Moscow thánh thiện không ? Có bao nhiêu nhà thờ ở Moscow ? – ông hỏi.

Và khi nghe trả lời rằng có hơn hai trăm nhà thờ, ông nói :

– Tại sao lại có một vực thẳm nhà thờ như vậy ?

– Người Nga rất sùng đạo, – Balashev trả lời.

– Tuy nhiên, một số lượng lớn tu viện và nhà thờ luôn là dấu hiệu của sự lạc hậu của một dân tộc, – Napoleon nói, nhìn sang Caulaincourt để tìm sự đánh giá cho nhận định này.

Balashev kính cẩn xin phép không đồng ý với ý kiến của hoàng đế Pháp.

– Mỗi quốc gia đều có phong tục riêng, – ông nói.

– Nhưng chưa thấy nơi nào ở châu Âu có điều gì tương tự, – Napoleon nói.

– Tôi xin bệ hạ thứ lỗi, – Balashev nói, – ngoài Nga, còn có Tây Ban Nha, nơi cũng có rất nhiều nhà thờ và tu viện.

Câu trả lời này của Balashev, ám chỉ đến thất bại gần đây của người Pháp ở Tây Ban Nha, đã được đánh giá cao, theo những gì Balashev kể lại, tại triều đình hoàng đế Alexander và rất ít được đánh giá cao lúc này tại bữa ăn của Napoleon và trôi qua không ai để ý.

Theo những khuôn mặt thờ ơ và khó hiểu của các quý ngài thống chế, rõ ràng là họ không hiểu đây là một câu nói sắc sảo mà giọng điệu của Balashev đã ám chỉ.

«Nếu nó có ở đó, thì chúng tôi đã không hiểu nó hoặc nó hoàn toàn không sắc sảo», nét mặt của các thống chế dường như nói như vậy. Nó ít được đánh giá cao đến mức Napoleon thậm chí kiên quyết không nhận ra nó và ngây thơ hỏi Balashev về việc con đường nào dẫn thẳng từ đây đến Moscow. Balashev, người suốt thời gian bữa ăn luôn cảnh giác, trả lời rằng giống như mọi con đường đều dẫn đến Rome, mọi con đường đều dẫn đến Moscow, rằng có nhiều con đường, và trong số những con đường khác nhau đó có con đường qua Poltava, con đường mà Charles XII đã chọn, – Balashev nói, không kìm lòng được mà bùng cháy vì sự hài lòng trước sự thành công của câu trả lời này. Balashev chưa kịp nói hết những từ cuối cùng : «Poltava», thì Caulaincourt đã bắt đầu nói về những bất tiện của con đường từ Petersburg đến Moscow và về những kỷ niệm ở Petersburg của mình.

Sau bữa ăn, họ sang uống cà phê trong phòng làm việc của Napoleon, người bốn ngày trước đó là phòng làm việc của hoàng đế Alexander. Napoleon ngồi xuống, chạm vào tách cà phê trong chiếc tách Sevres, và chỉ vào một chiếc ghế cạnh mình cho Balashev.

Có một tâm trạng sau bữa ăn nhất định ở con người, nó mạnh hơn bất kỳ lý do thực tế nào, khiến một người cảm thấy hài lòng với bản thân và coi mọi người là bạn

của mình. Napoleon đang ở trong tâm trạng này. Đối với ông ta, có vẻ như ông ta được bao quanh bởi những người tôn sùng mình. Ông ta tin chắc rằng Balashev sau bữa ăn đã là bạn của ông ta và là người tôn sùng mình. Napoleon quay sang ông với một nụ cười dễ chịu và hơi chế giễu.

– Đây chính là căn phòng đó, như người ta nói với tôi, nơi hoàng đế Alexander đã sống. Kỳ lạ thật, phải không, tướng quân ? – ông ta nói, rõ ràng không nghi ngờ gì rằng sự ám chỉ này không thể không làm hài lòng người đối thoại của mình, vì nó chứng minh sự ưu việt của ông ta, Napoleon, so với Alexander.

Balashev không thể trả lời gì cho việc này và lặng lẽ cúi đầu.

– Phải, trong căn phòng này bốn ngày trước Wintzingerode và Stein đã hội ý, – Napoleon tiếp tục với nụ cười chế giễu, đầy tự tin đó. – Điều mà tôi không thể hiểu nổi là hoàng đế Alexander đã gọi về bên mình tất cả những kẻ thù cá nhân của tôi. Tôi không hiểu điều đó... Lẽ nào ông ta không nghĩ rằng tôi cũng có thể làm như vậy ? – ông ta hỏi Balashev với một câu hỏi, và rõ ràng kỷ niệm này lại đẩy ông ta vào con đường của cơn thịnh nộ buổi sáng, cái vẫn còn tươi mới trong ông ta.

– Và hãy để ông ta biết rằng tôi sẽ làm điều đó, – Napoleon nói, đứng dậy và gạt tách cà phê bằng tay. – Tôi sẽ đuổi khỏi Đức tất cả những người thân của ông ta : những người Wurttemberg, Baden, Weimar... phải, tôi sẽ đuổi họ đi. Hãy để ông ta chuẩn bị nơi trú ẩn cho họ ở Nga !

Balashev cúi đầu, bằng vẻ mặt của mình cho thấy rằng ông muốn xin phép lui ra, và chỉ lắng nghe bởi vì ông không thể không nghe những gì người ta nói với mình. Napoleon không nhận thấy biểu hiện này ; ông ta quay sang Balashev không phải như với một vị sứ giả của kẻ thù mình, mà như với một con người bây giờ hoàn toàn trung thành với ông ta và đáng lẽ phải vui mừng trước sự sỉ nhục quân vương cũ của mình.

– Và tại sao hoàng đế Alexander lại nắm quyền chỉ huy quân đội ? Để làm gì chứ ? Chiến tranh là nghề của tôi, còn việc của ông ta là cai trị, chứ không phải chỉ huy quân đội. Tại sao ông ta lại nhận lấy trách nhiệm như vậy ?

Napoleon lại lấy hộp thuốc lá ra, lặng lẽ đi lại vài lần trong phòng và đột nhiên bất ngờ tiến đến Balashev và với một nụ cười nhẹ nhàng, đầy tự tin, nhanh chóng, đơn giản, như thể ông ta đang thực hiện một việc gì đó không chỉ quan trọng mà còn dễ chịu đối với Balashev,

ông ta đưa tay lên mặt vị tướng quân Nga bốn mươi tuổi và, nắm lấy tai ông ta, hơi kéo nhẹ, mỉm cười bằng đôi môi.

«Được Hoàng đế kéo tai» được coi là vinh dự và ân sủng lớn nhất tại triều đình Pháp.

– Thế nào, ngài không nói gì cả, người ngưỡng mộ và triều thần của Hoàng đế Alexander ? – ông ta nói, như thể thật nực cười khi có mặt ông ta lại có một triều thần và người ngưỡng mộ nào khác ngoài ông ta, Napoleon. – Ngựa của tướng quân đã sẵn sàng chưa ? – ông ta nói thêm, hơi cúi đầu đáp lại cái cúi chào của Balashev. – Hãy đưa ngựa của tôi cho ông ấy, ông ấy phải đi xa.

Bức thư, do Balashev mang về, là bức thư cuối cùng của Napoleon gửi cho Alexander. Mọi chi tiết của cuộc trò chuyện đã được chuyển đến hoàng đế Nga, và cuộc chiến bắt đầu...

VIII

Sau cuộc gặp gỡ ở Moscow với Pierre, Công tước Andrei đi Petersburg vì công việc, như anh nói với người thân, nhưng thực chất là để gặp Công tước Anatole Kuragin ở đó, người mà anh thấy cần phải gặp. Kuragin, người mà anh đã hỏi thăm khi đến Petersburg, đã không còn ở đó nữa. Pierre đã cho em rể mình biết rằng Công tước Andrei đang đi theo anh ta. Anatole Kuragin ngay lập tức nhận nhiệm vụ từ bộ trưởng chiến tranh và đi quân đội Moldavia. Cùng lúc đó ở Petersburg, Công tước Andrei gặp Kutuzov, người quen cũ của mình, người luôn có cảm tình với anh, vị tướng quân, và Kutuzov đề nghị anh đi cùng mình đến quân đội Moldavia, nơi vị tướng già được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh. Công tước Andrei, sau khi nhận được sự bổ nhiệm vào bộ tham mưu tổng hành dinh, đi Thổ Nhĩ Kỳ.

Công tước Andrei thấy việc viết thư cho Kuragin và thách đấu với anh ta là không tiện. Không đưa ra một lý do mới cho cuộc đấu súng, Công tước Andrei coi một lời thách đấu từ phía mình là làm mất uy tín của Nữ công tước Rostov, và vì thế anh tìm kiếm một cuộc gặp gỡ cá nhân với Kuragin, trong đó anh định tìm một lý

do mới cho cuộc đấu súng. Nhưng ở quân đội Thổ Nhĩ Kỳ, anh cũng không gặp được Kuragin, người đã quay về Nga ngay sau khi Công tước Andrei đến quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. Trong một vùng đất mới và trong những điều kiện sống mới, Công tước Andrei bắt đầu sống dễ dàng hơn. Sau sự phản bội của vị hôn thê, điều càng ám ảnh anh mạnh mẽ hơn khi anh càng cố gắng che giấu tác động của nó với mọi người, đối với anh những điều kiện sống mà anh đã hạnh phúc trước đây trở nên nặng nề, và thậm chí còn nặng nề hơn là sự tự do và độc lập mà anh hằng trân trọng. Anh không chỉ không nghĩ đến những ý nghĩ cũ, những cái lần đầu tiên nảy ra với anh khi nhìn lên bầu trời trên cánh đồng Austerlitz, những cái anh thích phát triển cùng Pierre và những cái tràn ngập sự cô độc của anh ở Bogucharovo, rồi ở Thụy Sĩ và Rome ; mà anh thậm chí còn sợ nhớ lại những ý nghĩ này, những cái mở ra những chân trời vô tận và tươi sáng. Bây giờ anh chỉ quan tâm đến những lợi ích thực tế gần gũi nhất, không liên quan đến những lợi ích cũ, anh nắm bắt chúng với lòng tham càng lớn khi những lợi ích cũ càng bị đóng kín với anh. Như thể cái vòm trời vô tận, xa xăm đó đã đứng trước mặt anh, bỗng chốc biến thành một cái vòm thấp, xác định, đè nén anh, trong đó mọi thứ đều rõ ràng, nhưng không có gì là vĩnh cửu và bí ẩn.

Trong số những hoạt động có sẵn cho anh, quân đội là đơn giản và quen thuộc nhất với anh. Giữ chức vụ sĩ quan trực ban trong bộ tham mưu của Kutuzov, anh làm việc kiên trì và siêng năng, làm Kutuzov ngạc nhiên vì sự sẵn lòng và sự chính xác trong công việc. Không tìm thấy Kuragin ở Thổ Nhĩ Kỳ, Công tước Andrei không thấy cần thiết phải đuổi theo anh ta về Nga một lần nữa ; nhưng bất chấp tất cả những điều đó anh biết rằng, dù bao nhiêu thời gian trôi qua, anh cũng không thể không thách đấu anh ta khi gặp lại, cũng giống như một người đói không thể không lao vào thức ăn. Và ý thức này rằng, sự xúc phạm vẫn chưa được trả hết, rằng cơn thịnh nộ chưa được trút ra, mà vẫn nằm trong tim, đã đầu độc sự bình yên gượng ép mà anh cố gắng tạo dựng cho mình ở Thổ Nhĩ Kỳ dưới hình thức hoạt động bận rộn và kiêu hãnh đầy tham vọng.

Vào năm 12, khi tin tức về cuộc chiến với Napoleon đến Bucharest (nơi Kutuzov đã sống hai tháng, dành cả ngày lẫn đêm bên cạnh cô gái Wallachia của mình), Công tước Andrei xin Kutuzov chuyển sang quân đội miền Tây. Kutuzov, người đã chán ngấy Bolkonsky vì sự năng nổ của anh, thứ phục vụ như một lời trách móc cho sự lười nhác của mình, Kutuzov rất sẵn lòng cho anh đi và giao nhiệm vụ cho anh đến Barclay de Tolly.

Trước khi lên đường gia nhập quân đội đang ở doanh trại Drissa vào tháng 5, Công tước Andrei đã ghé qua Lysye Gory, nằm ngay trên đường đi của anh, cách đường cái Smolensk ba dặm. Ba năm cuối trong cuộc đời Công tước Andrei đã có quá nhiều biến cố, anh đã suy nghĩ, cảm nhận, nhìn thấy quá nhiều (anh đã đi khắp phương Tây và phương Đông), đến nỗi việc anh thấy kỳ lạ và bất ngờ khi đến Lysye Gory mọi thứ đều y hệt như cũ, đến từng chi tiết nhỏ nhặt nhất trong cuộc sống. Anh, giống như bước vào một tòa lâu đài bị bỏ bùa ngủ quên, bước vào lối đi và qua cổng đá của ngôi nhà vùng cao. Sự đĩnh đạc đó, sự sạch sẽ đó, sự yên tĩnh đó có trong ngôi nhà này, cùng những đồ nội thất đó, cùng những bức tường đó, cùng những âm thanh đó, cùng mùi hương đó và cùng những khuôn mặt rụt rè đó, chỉ hơi già đi một chút. Tiểu thư Marya vẫn là cô gái rụt rè, không xinh đẹp, đang già đi, sống trong nỗi sợ hãi và những đau khổ tinh thần vĩnh cửu, không có ích lợi và niềm vui, những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình. Bourienne vẫn là cô gái vui vẻ, tận hưởng niềm vui từng phút của cuộc đời và tràn đầy những hy vọng tươi sáng nhất, hài lòng với bản thân, đỏng đảnh. Cô ta chỉ trở nên tự tin hơn, như Công tước Andrei thấy. Người thầy Dessalles do anh mang từ Thụy Sĩ về mặc một chiếc áo surtut may theo kiểu Nga, nói tiếng Nga

ngọng nghịu với những người hầu, nhưng vẫn là người thầy có trí tuệ hạn hẹp, có học thức, nhân hậu và khuôn sáo đó. Lão công tước về mặt thể chất chỉ thay đổi ở chỗ một bên miệng bị mất một chiếc răng ; về mặt tinh thần, ông vẫn như trước, chỉ có thêm sự hung dữ và mất lòng tin vào thực tế của những gì đang diễn ra trên thế giới. Chỉ có Nikolushka là lớn lên, đỏ đắn, có mái tóc sẫm màu xoăn tít, và bản thân cậu bé không biết tại sao lại cười và vui vẻ, nâng vành môi trên của cái miệng xinh xắn y hệt như người tiểu công chúa quá cố đã làm. Cậu bé là người duy nhất không tuân theo quy luật của sự bất biến trong tòa lâu đài bị bỏ bùa ngủ quên này. Nhưng mặc dù bên ngoài mọi thứ vẫn như cũ, những mối quan hệ nội bộ của tất cả những người này đã thay đổi kể từ khi Công tước Andrei không gặp họ. Các thành viên trong gia đình bị chia thành hai phe, xa lạ và thù địch với nhau, những người chỉ gặp nhau vì anh, thay đổi thói quen sinh hoạt thông thường vì anh. Một bên thuộc về lão công tước, Bourienne và kiến trúc sư, bên kia là tiểu thư Marya, Nikolushka và tất cả các bảo mẫu và vú nuôi.

Trong thời gian anh ở Lysye Gory, tất cả người nhà đều dùng bữa cùng nhau, nhưng mọi người đều thấy không thoải mái, và Công tước Andrei cảm thấy rằng anh là một vị khách mà người ta dành cho một ngoại

lệ, rằng sự có mặt của anh làm cho họ khó xử. Trong suốt bữa ăn ngày đầu tiên, công tước Andrei, vô tình cảm nhận được điều đó, đã im lặng, và ông công tước già, nhận thấy trạng thái không tự nhiên của con trai, cũng lầm lì im bặt và ngay sau bữa ăn đã đi về phòng mình. Khi buổi tối công tước Andrei đến gặp ông và, cố gắng làm ông vui vẻ lên, bắt đầu kể cho ông nghe về chiến dịch của bá tước trẻ Kamensky, ông công tước già bất ngờ bắt đầu cuộc trò chuyện với anh về tiểu thư Marya, trách mắng cô vì sự mê tín của cô, vì sự không ưa của cô đối với cô Bourienne, người mà theo lời ông, là người duy nhất thực lòng tận tụy với ông.

Ông công tước già nói rằng nếu ông có bệnh, thì chỉ là do tiểu thư Marya ; rằng cô cố tình làm khổ và chọc tức ông ; rằng cô đang làm hỏng cậu bé công tước Nikolai bằng sự nuông chiều và những lời lẽ ngu ngốc. Ông công tước già biết rất rõ rằng ông đang hành hạ con gái mình, rằng cuộc sống của cô rất nặng nề ; nhưng ông cũng biết rằng ông không thể không hành hạ cô và rằng cô đáng bị như vậy. «Tại sao công tước Andrei, người nhìn thấy điều này, lại không nói gì với ta về em gái nó?» ông công tước già nghĩ. «Nó nghĩ gì thế, rằng ta là kẻ ác hay lão già ngu ngốc, vô cớ xa lánh con gái và đưa người đàn bà Pháp đến gần mình ? Nó không hiểu, và vì vậy cần phải giải thích cho nó, cần để nó lắng

nghe», ông công tước già nghĩ. Và ông bắt đầu giải thích những lý do khiến ông không thể chịu đựng được tính cách dại dột của con gái.

– Nếu cha hỏi con, – công tước Andrei nói, không nhìn cha (đây là lần đầu tiên trong đời anh phán xét cha mình), – con đã không muốn nói, nhưng nếu cha đã hỏi con, thì con sẽ nói thẳng ý kiến của mình về tất cả chuyện này. Nếu có những hiểu lầm và bất hòa giữa cha và Mashenka, thì con không thể trách cô ấy, – con biết cô ấy yêu quý và kính trọng cha thế nào. Nếu cha đã hỏi con, – công tước Andrei tiếp tục, bực bội vì anh luôn sẵn sàng bực bội trong thời gian gần đây, – thì con chỉ có thể nói một điều : nếu có những hiểu lầm, thì nguyên nhân của chúng là người đàn bà tầm thường đó, người lẽ ra không nên là bạn của em gái con.

Ông già lúc đầu nhìn con trai với đôi mắt dừng lại và nụ cười không tự nhiên để lộ một khiếm khuyết mới là một chiếc răng bị mất, điều mà công tước Andrei không thể làm quen được.

– Bạn bè gì thế, cậu bé thân mến ? Hả ? Đã nói chuyện xong chưa ! Hả ?

– Thưa cha, con không muốn làm quan tòa, – công tước Andrei nói bằng giọng cay đắng và cứng rắn, –

nhưng cha đã gọi con, và con đã nói và sẽ luôn nói rằng tiểu thư Marya không có lỗi, mà người có lỗi... người có lỗi là người đàn bà Pháp đó...

– À, phán quyết rồi !.. phán quyết rồi ! – ông già nói bằng giọng trầm và, như công tước Andrei thấy, với sự bối rối ; nhưng rồi đột nhiên ông nhảy dựng lên và hét: – Cút đi, cút đi ! Để hơi hướm của anh không còn ở đây nữa !..

Công tước Andrei muốn rời đi ngay lập tức, nhưng tiểu thư Marya đã van xin anh ở lại thêm một ngày. Trong ngày hôm đó công tước Andrei không gặp cha, người không ra khỏi phòng và không cho ai vào gặp mình, ngoại trừ cô Bourienne và Tikhon, và đã hỏi mấy lần rằng con trai ông đã đi chưa. Ngày hôm sau, trước khi khởi hành, công tước Andrei đi đến phần nhà của con trai. Cậu bé khỏe mạnh, tóc xoăn giống mẹ, ngồi trên đầu gối anh. Công tước Andrei bắt đầu kể cho cậu nghe câu chuyện về Râu Xanh, nhưng, chưa kể hết, anh đã chìm vào suy nghĩ. Anh không nghĩ về đứa con trai bé bỏng xinh xắn này trong khi đang ôm cậu trên đầu gối, mà nghĩ về chính mình. Anh kinh hoàng tìm kiếm và không thấy trong mình chút hối hận nào vì đã làm cha tức giận, cũng không thấy sự nuối tiếc vì lần đầu tiên trong đời anh rời đi trong sự cãi vã với cha. Quan

trọng hơn cả đối với anh là anh tìm kiếm và không thấy sự dịu dàng trước đây đối với con trai, người mà anh đã hy vọng sẽ đánh thức tình cảm trong mình bằng cách âu yếm cậu bé và đặt cậu ngồi lên đầu gối mình.

– Nào, kể tiếp đi cha, – cậu con trai nói.

Công tước Andrei, không trả lời cậu bé, nhấc cậu ra khỏi đầu gối và đi ra khỏi phòng.

Ngay khi công tước Andrei từ bỏ những công việc hàng ngày của mình, đặc biệt là ngay khi anh bước vào những điều kiện cũ của cuộc sống, nơi anh còn hạnh phúc, nỗi buồn cuộc sống đã bủa vây anh với sức mạnh trước đây, và anh vội vàng muốn thoát khỏi những kỷ niệm này và đi tìm một công việc nào đó càng sớm càng tốt.

– Anh nhất định đi sao, André ? – em gái anh hỏi.

– Tạ ơn Chúa là anh có thể đi, – công tước Andrei nói; – anh rất tiếc là em không thể đi được.

– Tại sao anh lại nói thế ! – tiểu thư Marya nói. – Tại sao anh lại nói thế bây giờ, khi anh đang đi đến cuộc chiến khủng khiếp này, và cha thì đã già như vậy ! Cô Bourienne nói rằng cha đã hỏi về anh...

Ngay khi cô bắt đầu nói về điều đó, môi cô run run, và nước mắt rơi xuống. Công tước Andrei quay mặt đi khỏi cô và bắt đầu đi lại trong phòng.

– Chao ôi, Chúa tôi ! Chúa tôi ! – anh nói. – Và em nghĩ thế nào, ai – kẻ tầm thường nào – có thể là nguyên nhân bất hạnh của mọi người ! – anh nói với một sự giận dữ làm tiểu thư Marya sợ hãi.

Cô hiểu rằng, khi nói về những người mà anh gọi là tầm thường, anh không chỉ hiểu là cô Bourienne, kẻ đã gây ra sự bất hạnh cho cô, mà còn cả con người đó, kẻ đã hủy hoại hạnh phúc của anh.

– André, em chỉ xin anh một điều thôi ; em cầu xin anh, – cô nói, chạm vào khuỷu tay anh và đôi mắt sáng rực nhìn qua những giọt lệ. – Em hiểu anh (tiểu thư Marya cúi gằm mặt). Đừng nghĩ rằng đau khổ là do con người gây ra. Con người là công cụ của Ngài. – Cô nhìn lên cao hơn một chút so với đầu công tước Andrei bằng cái nhìn tự tin, quen thuộc, cái nhìn mà người ta thường nhìn vào vị trí quen thuộc của một bức chân dung. – Đau khổ là do Ngài gửi đến, chứ không phải do con người. Con người là công cụ của Ngài, họ không có lỗi. Nếu anh thấy ai đó có lỗi với mình, hãy quên điều đó đi và tha thứ. Chúng ta không có quyền trừng phạt. Và anh sẽ hiểu hạnh phúc của sự tha thứ.

– Nếu anh là phụ nữ, anh sẽ làm điều đó, Marie. Đó là đức hạnh của phụ nữ. Nhưng đàn ông không được và không thể quên và tha thứ, – anh nói ; và mặc dù cho đến lúc này anh không nghĩ về Kuragin, tất cả cơn giận chưa nguôi đột nhiên trỗi dậy trong lòng anh.

«Nếu tiểu thư Marya đã khuyên ta tha thứ, điều đó có nghĩa là, từ lâu ta đã nên trừng phạt rồi», anh nghĩ. Và, không trả lời tiểu thư Marya thêm gì nữa, anh bắt đầu nghĩ về giây phút vui sướng, giận dữ đó khi anh sẽ gặp Kuragin, người (anh biết) đang ở trong quân đội.

Tiểu thư Marya van nài anh trai đợi thêm một ngày nữa, nói rằng cô biết cha sẽ bất hạnh thế nào nếu Andrei ra đi mà không làm hòa với ông ; nhưng công tước Andrei trả lời rằng chắc chắn anh sẽ sớm trở về từ quân đội, rằng anh nhất định sẽ viết thư cho cha và bây giờ, ở lại càng lâu, mối bất hòa này sẽ càng trầm trọng hơn.

– Tạm biệt, André. Hãy nhớ rằng những nỗi bất hạnh đều đến từ Thiên Chúa, và con người thì không bao giờ có lỗi. – đó là những lời cuối cùng anh nghe từ em gái khi chia tay cô.

«Cần phải như vậy !» công tước Andrei nghĩ khi ra khỏi con đường rợp bóng cây của ngôi nhà ở Lysye Gory. «Cô ấy là một sinh vật đáng thương, vô tội, vẫn

bị bỏ mặc cho lão già đã mất trí này cắn xé. Lão già cảm thấy mình có lỗi, nhưng không thể thay đổi bản thân mình. Con trai ta đang lớn lên và vui hưởng cuộc sống, trong đó nó sẽ là kẻ bị lừa dối hoặc kẻ lừa dối như tất cả mọi người. Ta đi vào quân đội, tại sao – chính ta cũng không biết, và ta muốn gặp con người mà ta khinh bỉ đó, để cho hắn cơ hội giết ta và cười nhạo ta !» Và trước đây tất cả những điều kiện sống đó vẫn gắn kết với nhau, còn bây giờ mọi thứ đã tan vỡ. Chỉ có những hiện tượng vô nghĩa, không có bất kỳ sự liên kết nào, hiện ra lần lượt trước mắt công tước Andrei.

IX

Công tước Andrei đến đại bản doanh của quân đội vào cuối tháng Sáu. Quân đội của binh đoàn thứ nhất, nơi có hoàng đế, đóng ở trại kiên cố tại Drissa ; quân đội của binh đoàn thứ hai đang rút lui, cố gắng hợp nhất với binh đoàn thứ nhất, mà từ đó – như người ta nói – họ đã bị cắt đứt bởi lực lượng lớn của quân Pháp. Tất cả đều không hài lòng với diễn biến chung của các công việc quân sự trong quân đội Nga ; nhưng về mối nguy hiểm của cuộc xâm lăng vào các tỉnh Nga thì không ai nghĩ tới ; không ai giả định rằng chiến tranh có thể được đưa đi xa hơn về phía tây của các tỉnh Ba Lan.

Công tước Andrei tìm thấy Barclay de Tolly, người mà anh được bổ nhiệm, trên bờ sông Drissa. Vì không có một ngôi làng hay thị trấn lớn nào trong vùng lân cận của trại, nên tất cả số lượng lớn các tướng lĩnh và cận thần có mặt tại quân đội đóng ở những ngôi nhà tốt nhất của các làng mạc trong vòng 10 dặm ở hai bên bờ sông. Barclay de Tolly đóng cách hoàng đế 4 dặm. Ông đón tiếp Bolkonsky một cách khô khan và lạnh lùng và nói bằng giọng pha tiếng Đức của mình rằng ông sẽ báo cáo về anh với hoàng đế để xác định vị trí công tác cho

anh, và tạm thời yêu cầu anh ở lại ban tham mưu của mình. Anatole Kuragin, người mà công tước Andrei hy vọng tìm thấy trong quân đội, không có ở đây : hắn đang ở Petersburg ; và tin này làm Bolkonsky hài lòng. Sự quan tâm đến trung tâm của cuộc chiến vĩ đại đang diễn ra đã cuốn hút công tước Andrei, và anh vui mừng vì trong một thời gian được thoát khỏi sự bực bội mà ý nghĩ về Kuragin gây ra trong anh. Trong suốt 4 ngày đầu tiên, thời gian mà anh không bị đòi hỏi ở đâu cả, công tước Andrei đã đi quanh toàn bộ trại kiên cố và với sự giúp đỡ của kiến thức của mình và các cuộc trò chuyện với những người thạo tin, anh đã cố gắng tạo cho mình một khái niệm nhất định về nó. Nhưng câu hỏi liệu cái trại này có lợi hay không có lợi vẫn chưa được giải quyết đối với công tước Andrei. Anh đã kịp rút ra từ kinh nghiệm quân sự của mình niềm tin rằng trong việc quân sự, những kế hoạch được suy tính kỹ lưỡng nhất cũng chẳng có nghĩa lý gì (như anh đã thấy điều đó trong chiến dịch Austerlitz), rằng mọi thứ phụ thuộc vào việc người ta phản ứng thế nào với những hành động bất ngờ và không thể lường trước của kẻ thù, rằng mọi thứ phụ thuộc vào việc chiến sự được tiến hành như thế nào và do ai. Để làm rõ cho mình câu hỏi cuối cùng này, công tước Andrei, tận dụng vị trí và các mối quen biết của mình, đã cố gắng thâm nhập vào đặc

điểm của sự điều hành quân đội, của các cá nhân và đảng phái tham gia vào đó, và đã rút ra cho mình khái niệm sau đây về tình hình công việc.

Khi hoàng đế còn ở Vilna, quân đội được chia làm ba : binh đoàn thứ nhất nằm dưới sự chỉ huy của Barclay de Tolly, binh đoàn thứ hai – dưới sự chỉ huy của Bagration, binh đoàn thứ ba – dưới sự chỉ huy của Tormasov. Hoàng đế có mặt tại binh đoàn thứ nhất, nhưng không với tư cách tổng tư lệnh. Trong các mệnh lệnh đã nói rằng hoàng đế sẽ không chỉ huy, mà chỉ nói rằng hoàng đế sẽ ở cùng quân đội. Ngoài ra, bên cạnh hoàng đế không có bộ tham mưu của tổng tư lệnh, mà có bộ tham mưu của đại bản doanh hoàng gia. Tại đó có trưởng bộ tham mưu hoàng gia, tướng hậu cần công tước Volkonsky, các tướng lĩnh, các sĩ quan tùy tùng, các quan chức ngoại giao và một số lượng lớn người nước ngoài, nhưng không có bộ tham mưu quân đội. Ngoài ra, bên cạnh hoàng đế còn có : Arakcheev – cựu bộ trưởng chiến tranh, bá tước Bennigsen – theo cấp bậc là người đứng đầu các tướng lĩnh, đại công tước thái tử Konstantin Pavlovich, bá tước Rumyantsev – thủ tướng, Stein – cựu bộ trưởng Phổ, Armfeld – tướng Thụy Điển, Pfuhl – người xây dựng kế hoạch chính cho chiến dịch, Paulucci – tướng tùy tùng và là người gốc Sardinia, Wolzogen và nhiều người khác. Mặc dù

những người này hiện diện mà không có các chức vụ quân sự trong quân đội, nhưng theo vị trí của mình, họ có ảnh hưởng, và thường thì chỉ huy quân đoàn và ngay cả tổng tư lệnh cũng không biết với tư cách gì mà người này hay người kia khuyên bảo hoặc hỏi han : liệu đó là do Bennigsen, hay đại công tước, hay Arakcheev, hay công tước Volkonsky, và không biết liệu mệnh lệnh đó đến từ người đó dưới dạng lời khuyên, hay nó là một mệnh lệnh của hoàng đế cần phải thực hiện. Nhưng đây là bối cảnh bên ngoài ; ý nghĩa thực chất của sự hiện diện của hoàng đế và tất cả những người này từ quan điểm cung đình (và trước sự hiện diện của hoàng đế, mọi người đều trở thành cận thần) là rõ ràng đối với tất cả. Nó như sau : hoàng đế không nhận tước hiệu tổng tư lệnh, nhưng điều hành tất cả các quân đội ; những người xung quanh ông là những trợ thủ của ông. Arakcheev là người thực hiện trung thành duy trì trật tự và là vệ sĩ của hoàng đế ; Bennigsen là một điền chủ của tỉnh Vilna, người có vẻ như đang thực hiện les honneurs của vùng này, nhưng thực chất là một tướng giỏi, hữu ích cho lời khuyên và để luôn sẵn sàng thay thế Barclay. Đại công tước ở đây vì ông thích thế. Cựu bộ trưởng Stein ở đây vì ông hữu ích cho lời khuyên, và vì hoàng đế Alexander đánh giá cao những phẩm chất cá nhân của ông. Armfeld là kẻ thù không đội trời chung của

Napoleon và là một vị tướng tự tin vào bản thân, người luôn có ảnh hưởng đối với Alexander. Paulucci ở đây vì ông dũng cảm và quyết đoán trong lời nói. Các tướng tùy tùng ở đây vì họ có mặt ở khắp mọi nơi nơi hoàng đế có mặt, và cuối cùng, – điều quan trọng nhất – Pfuhl ở đây vì ông đã xây dựng kế hoạch chiến tranh chống lại Napoleon và, khiến Alexander tin vào tính hợp lý của kế hoạch này, đã điều hành toàn bộ công việc chiến tranh. Bên cạnh Pfuhl có Wolzogen, người truyền đạt những ý nghĩ của Pfuhl dưới hình thức dễ tiếp cận hơn chính bản thân Pfuhl, một nhà lý thuyết phòng giấy cứng nhắc, tự tin đến mức khinh miệt tất cả mọi người.

Ngoài những người đã nêu tên, còn có người Nga và người nước ngoài (đặc biệt là người nước ngoài, những người với sự táo bạo đặc trưng của những người hoạt động giữa một môi trường xa lạ, mỗi ngày đều đề xuất những ý tưởng mới bất ngờ), còn có rất nhiều nhân vật thứ yếu có mặt tại quân đội vì những người đứng đầu của họ ở đây.

Trong số tất cả những ý nghĩ và tiếng nói trong thế giới khổng lồ, không yên tĩnh, rực rỡ và kiêu ngạo này, công tước Andrei thấy những phân chia hướng đi và đảng phái rõ rệt sau đây.

Đảng thứ nhất là : Pfuhl và những người theo ông, các nhà lý thuyết chiến tranh, những người tin rằng có một khoa học về chiến tranh và rằng trong khoa học này có những quy luật bất biến của mình, quy luật của sự vận động chéo, của việc bọc sườn, v.v. Pfuhl và những người theo ông yêu cầu rút lui vào sâu trong đất nước, theo những quy luật chính xác được quy định bởi một lý thuyết chiến tranh giả định, và trong bất kỳ cuộc rút lui nào khỏi lý thuyết này họ chỉ thấy sự dã man, thiếu giáo dục hoặc ác ý. Thuộc về đảng này có các hoàng thân Đức, Wolzogen, Winzingerode và những người khác, chủ yếu là người Đức.

Đảng thứ hai đối lập với đảng thứ nhất. Như vẫn luôn xảy ra, ở thái cực này là đại diện của thái cực kia. Những người thuộc đảng này là những người từ Vilna đã yêu cầu tấn công vào Ba Lan và các hành động tự do khỏi bất kỳ kế hoạch định sẵn nào. Ngoài việc là đại diện của những hành động táo bạo, họ đồng thời còn là đại diện của tính dân tộc, do đó họ càng trở nên phiến diện hơn trong tranh luận. Đó là những người Nga : Bagration, Ermolov đang bắt đầu nổi lên và những người khác. Vào thời gian này, một câu nói đùa nổi tiếng của Ermolov đã được lan truyền, như thể ông xin hoàng đế ban cho một ơn huệ – thăng chức cho ông làm người Đức. Những người thuộc đảng này nói, khi nhớ về Suvorov, rằng

không cần phải suy nghĩ, không cần đâm kim vào bản đồ, mà phải đánh, đánh kẻ thù, không cho chúng vào Nga và không để quân đội nản chí.

Đảng thứ ba, đảng mà hoàng đế tin tưởng nhất, là những người triều đình tìm cách dàn xếp giữa cả hai hướng đi. Những người thuộc đảng này, phần lớn không phải là quân nhân và Arakcheev thuộc về họ, đã nghĩ và nói những gì mà những người không có niềm tin thường nói, nhưng muốn tỏ ra là có. Họ nói rằng, không nghi ngờ gì, chiến tranh, đặc biệt là với một thiên tài như Bonaparte (họ lại gọi hắn là Bonaparte), đòi hỏi những suy tính sâu sắc nhất, kiến thức khoa học sâu rộng, và trong việc này Pfuhl là thiên tài ; nhưng đồng thời không thể không thừa nhận rằng các nhà lý thuyết thường phiến diện, và vì vậy không nên hoàn toàn tin tưởng họ, cần phải lắng nghe cả những đối thủ của Pfuhl và những người thực tế, những người có kinh nghiệm trong việc quân sự, và chọn lấy một giải pháp trung bình. Những người thuộc đảng này khăng khăng giữ lại trại Drissa theo kế hoạch của Pfuhl, nhưng thay đổi sự vận động của các quân đoàn khác. Mặc dù bằng cách này mục đích này hay mục đích kia đều không đạt được, nhưng đối với những người thuộc đảng này thì dường như như vậy là tốt nhất.

Hướng đi thứ tư là hướng đi mà đại diện nổi bật nhất là đại công tước thái tử, người không thể quên nỗi thất vọng Austerlitz của mình, nơi ông, như thể đang ở trong một cuộc duyệt binh, đã ra trước đội cận vệ trong chiếc mũ sắt và áo khoác, hy vọng sẽ đè bẹp quân Pháp một cách anh dũng, và, bất ngờ rơi vào tuyến đầu, đã trốn thoát trong sự hỗn loạn chung. Những người thuộc đảng này có trong những suy xét của mình cả ưu điểm và khuyết điểm là sự chân thành. Họ sợ Napoleon, thấy ở hắn sức mạnh, và ở bản thân mình là sự yếu kém và thẳng thắn nói ra điều đó. Họ nói : «Chẳng có gì ngoài nỗi đau, sự nhục nhã và diệt vong sẽ nảy sinh từ tất cả những điều này ! Đây chúng ta đã bỏ Vilna, bỏ Vitebsk, sẽ bỏ cả Drissa nữa. Điều duy nhất còn lại cho chúng ta là làm một việc thông minh, đó là ký kết hòa bình và càng sớm càng tốt, cho đến khi chúng ta bị đuổi ra khỏi Petersburg !»

Quan điểm này, lan truyền rộng rãi trong các tầng lớp thượng lưu của quân đội, tìm thấy sự ủng hộ cả ở Petersburg và ở thủ tướng Rumyantsev, vì những lý do nhà nước khác cũng đứng về phía hòa bình.

Đảng thứ năm là những người ủng hộ Barclay de Tolly, không hẳn vì tư cách con người, mà vì tư cách bộ trưởng chiến tranh và tổng tư lệnh. Họ nói : «Dù ông

ấy có thế nào (người ta luôn bắt đầu như vậy), ông ấy là một người trung thực, mẫn cán, và không ai tốt hơn ông ấy. Hãy trao cho ông ấy quyền lực thực sự, vì chiến tranh không thể diễn ra thành công nếu thiếu sự thống nhất chỉ huy, và ông ấy sẽ cho thấy những gì ông ấy có thể làm, như ông ấy đã thể hiện mình ở Phần Lan. Nếu quân đội của chúng ta được tổ chức và mạnh mẽ và đã rút lui đến Drissa mà không chịu bất kỳ thất bại nào, thì chúng ta chỉ nợ điều đó cho Barclay. Nếu bây giờ thay thế Barclay bằng Bennigsen, thì tất cả sẽ diệt vong. Bởi vì Bennigsen đã cho thấy sự bất tài của mình vào năm 1807», những người thuộc đảng này nói.

Thứ sáu, những người theo Bennigsen, ngược lại, nói rằng dù sao đi nữa thì không có ai mẫn cán và có kinh nghiệm hơn Bennigsen, và dù anh có xoay xở thế nào, anh cũng sẽ phải tìm đến ông ấy thôi. «Cứ để họ phạm sai lầm bây giờ đi !» những người thuộc đảng này chứng minh, «rằng toàn bộ cuộc rút lui của chúng ta đến Drissa là một thất bại nhục nhã nhất và một chuỗi sai lầm liên tục. Càng phạm nhiều sai lầm thì càng tốt ; ít nhất họ sẽ hiểu nhanh hơn rằng không thể tiến hành như vậy được», họ nói. «Và chúng ta không cần một Barclay nào đó, mà cần một người như Bennigsen, người đã thể hiện mình vào năm 1807, người mà chính Napoleon đã

phải thừa nhận tài năng, và một người như vậy chỉ có một mình Bennigsen thôi».

Đảng thứ bảy là những người luôn có mặt, đặc biệt là bên cạnh các vị vua trẻ, và có rất nhiều bên cạnh hoàng đế Alexander, – đó là những tướng lĩnh và sĩ quan tùy tùng, những người tận tụy với hoàng đế không phải với tư cách hoàng đế, mà với tư cách một con người tôn thờ ông, chân thành và không vụ lợi, như Rostov đã tôn thờ ông vào năm 1805, và nhìn thấy ở ông không chỉ tất cả các đức hạnh, mà còn tất cả các phẩm chất của con người. Những người này mặc dù ngưỡng mộ sự khiêm tốn của hoàng đế, người đã từ chối quyền chỉ huy quân đội, nhưng họ chỉ trích sự khiêm tốn quá mức này và chỉ mong muốn một điều và nhấn mạnh vào điều đó, để vị hoàng đế mà họ tôn thờ, từ bỏ sự thiếu tin tưởng quá mức vào bản thân, tuyên bố công khai rằng ông đứng đầu quân đội, thành lập ban tham mưu của tổng tư lệnh bên cạnh mình và, tham khảo ý kiến của các nhà lý thuyết và thực hành có kinh nghiệm khi cần thiết, tự mình dẫn dắt quân đội của mình, điều này sẽ đưa trạng thái tinh thần lên mức cao nhất.

Thứ tám, nhóm người lớn nhất, theo số lượng khổng lồ của nó so với những nhóm khác như 99 trên 1, bao gồm những người không muốn hòa bình cũng chẳng

muốn chiến tranh, không muốn các hành động tấn công cũng chẳng muốn trại phòng thủ tại Drissa, không muốn Barclay, chẳng muốn hoàng đế, Pfuhl hay Bennigsen, mà chỉ mong muốn một điều, và điều quan trọng nhất: những lợi ích và thú vui lớn nhất cho bản thân họ. Trong vùng nước đục của những mưu đồ chồng chéo và đan xen bủa vây tại đại bản doanh hoàng gia, người ta có thể thành công trong rất nhiều việc mà trong thời gian khác là điều không tưởng. Một người, chỉ vì không muốn mất vị trí thuận lợi của mình, nay đã đồng ý với Pfuhl, mai lại với đối thủ của ông ta, ngày kia lại khẳng định rằng mình không có ý kiến gì về một vấn đề nhất định, chỉ để tránh trách nhiệm và làm hài lòng hoàng đế. Người khác, muốn đạt được lợi ích, gây sự chú ý của hoàng đế bằng cách hét to về chính cái điều mà hoàng đế đã ám chỉ ngày hôm trước, tranh cãi và la hét trong hội đồng, đấm vào ngực và thách thức những người không đồng ý đấu súng và qua đó chứng tỏ rằng mình sẵn sàng là nạn nhân của lợi ích chung. Người thứ ba đơn giản là xin cho mình một khoản trợ cấp một lần cho sự phục vụ tận tụy của mình, biết rằng bây giờ không có thời gian để từ chối anh ta. Người thứ tư tình cờ lọt vào mắt hoàng đế khi đang ngập đầu trong công việc. Người thứ năm, để đạt được mục tiêu hằng mong muốn – một bữa ăn trưa tại bàn của hoàng đế, hăng hái chứng minh sự đúng đắn

hay sai lầm của một ý kiến vừa mới đưa ra và vì điều này đưa ra những bằng chứng mạnh mẽ hay yếu ớt và xác đáng.

Tất cả những người thuộc đảng này đều săn lùng rúp, huân chương, cấp bậc và trong cuộc săn lùng này họ chỉ dõi theo hướng gió của lòng sủng ái hoàng gia, và chỉ vừa nhận thấy rằng cơn gió đã xoay về một hướng, toàn bộ đám ong bắp cày của quân đội này bắt đầu thổi về hướng đó, đến nỗi hoàng đế càng khó khăn hơn khi xoay nó sang hướng khác. Giữa sự không xác định của tình hình, giữa nguy hiểm nghiêm trọng đang đe dọa, thứ đã mang lại cho mọi thứ một tính chất đặc biệt lo âu; giữa cơn lốc của những mưu đồ, sự tự ái, sự va chạm của các quan điểm và cảm xúc khác nhau ; giữa sự đa dạng về chủng tộc của tất cả những người này – đảng thứ tám này, đảng lớn nhất của những người bận tâm đến lợi ích cá nhân, đã mang lại sự rối rắm và mờ mịt lớn nhất cho công việc chung. Bất kể câu hỏi nào được nêu ra, đám ong bắp cày này, chưa bay hết chủ đề cũ, đã bay sang chủ đề mới và bằng tiếng vo ve của mình đã dập tắt và làm mờ mịt hơn tất cả những tiếng nói tranh luận chân thành.

Từ tất cả các đảng này vào chính cái lúc mà công tước Andrei đến quân đội, đã tập hợp thêm một đảng

thứ chín, đang bắt đầu cất tiếng nói của mình. Đó là đảng của những người già dặn, khôn ngoan, có kinh nghiệm chính trị và biết suy nghĩ, những người không chia sẻ bất kỳ ý kiến mâu thuẫn nào, đứng ngoài quan sát tất cả những gì đang diễn ra tại bộ tham mưu của đại bản doanh, và suy nghĩ về những phương án để thoát khỏi sự không xác định, thiếu quyết đoán, rối rắm và yếu kém này.

Những người thuộc đảng này nói và nghĩ rằng mọi điều tồi tệ đều xuất phát chủ yếu từ sự hiện diện của hoàng đế với triều đình quân sự tại quân đội ; rằng vào quân đội đã chuyển sang sự không xác định, giả định và dao động không ổn định của các mối quan hệ, thứ thuận tiện tại triều đình nhưng có hại trong quân đội ; rằng hoàng đế cần trị vì chứ không phải điều hành quân đội ; rằng lối thoát duy nhất từ tình hình này là sự ra đi của hoàng đế với triều đình của mình khỏi quân đội ; rằng sự hiện diện duy nhất của hoàng đế đã làm tê liệt 50 ngàn quân cần thiết để đảm bảo an toàn cá nhân cho ông ; rằng vị tổng tư lệnh tồi nhất nhưng độc lập sẽ tốt hơn vị tổng tư lệnh giỏi nhất nhưng bị trói buộc bởi sự hiện diện và quyền lực của hoàng đế.

Vào chính thời gian đó, khi công tước Andrei đang sống mà không có việc làm tại Drissa, Shishkov, quốc

vụ khanh, một trong những đại diện chính của đảng này, đã viết cho hoàng đế một lá thư mà Balashev và Arakcheev đã đồng ý ký. Trong lá thư này, tận dụng sự cho phép của hoàng đế để thảo luận về diễn biến chung của các công việc, ông đã gần như công khai và dưới chiêu bài sự cần thiết để hoàng đế truyền cảm hứng cho nhân dân ở thủ đô bước vào cuộc chiến, đề nghị hoàng đế rời bỏ quân đội.

Việc hoàng đế truyền cảm hứng cho nhân dân và lời kêu gọi họ bảo vệ tổ quốc, chính cái điều đó (với mức độ nó được tạo ra bởi sự hiện diện cá nhân của hoàng đế ở Moscow) đã là nguyên nhân chính dẫn đến vinh quang của nước Nga, đã được trình lên hoàng đế và được ông chấp nhận như một cái cớ để rời bỏ quân đội.

X

Lá thư này vẫn chưa được trình lên hoàng đế khi Barclay trong bữa trưa đã chuyển lời cho Bolkonsky rằng hoàng đế đích thân muốn thấy công tước Andrei để hỏi han anh về Thổ Nhĩ Kỳ, và rằng công tước Andrei phải có mặt tại đại bản doanh của Bennigsen vào lúc sáu giờ tối.

Vào chính ngày hôm đó, tại bản doanh của hoàng đế, người ta nhận được tin tức về một cuộc điều động mới của Napoléon, vốn có thể gây nguy hiểm cho quân đội, – một tin tức mà sau này hóa ra là sai lầm. Và cũng trong buổi sáng hôm ấy, đại tá Michaud cùng đi với hoàng đế đi thị sát các công trình phòng thủ Drissa và chứng minh với hoàng đế rằng trại kiên cố này, do Phull thiết lập và cho đến lúc bấy giờ vẫn được coi là một kiệt tác của chiến thuật nhằm tiêu diệt Napoléon, – rằng cái trại đó là một sự vô nghĩa và là mầm mống hủy diệt quân đội Nga.

Công tước Andrei đi đến bản doanh của tướng Bennigsen, người đang chiếm một ngôi nhà điền chủ nhỏ ngay bên bờ sông. Cả Bennigsen lẫn hoàng đế đều không có mặt ở đó ; nhưng Chernyshov, sĩ quan tùy tùng của hoàng đế, đã tiếp đón Bolkonsky và báo cho

chàng biết rằng hoàng đế đã đi cùng tướng Bennigsen và hầu tước Paulucci một lần nữa trong ngày hôm nay để thị sát các công trình phòng thủ của trại Drissa, mà tính tiện dụng của nó người ta đã bắt đầu nghi ngờ dữ dội.

Chernyshov đang ngồi bên cửa sổ phòng thứ nhất với một cuốn tiểu thuyết Pháp. Căn phòng này trước kia chắc là một phòng khánh tiết ; trong đó vẫn còn một chiếc đàn ống, trên đó chất đống những tấm thảm, và ở một góc có một chiếc giường gấp của sĩ quan tùy tùng của Bennigsen. Viên sĩ quan tùy tùng này cũng đang ở đó. Anh ta, có vẻ như mệt mỏi vì một cuộc chè chén hay vì công việc, đang ngồi trên tấm nệm cuộn lại và thiu thiu ngủ. Từ phòng khánh tiết có hai cánh cửa dẫn đi : một cánh thẳng phía trước – vào phòng khách cũ, cánh kia bên phải – vào phòng làm việc. Từ sau cánh cửa thứ nhất vang lên tiếng nói của những người đang trò chuyện bằng tiếng Đức và đôi khi bằng tiếng Pháp. Ở đó, trong phòng khách cũ, theo ý muốn của hoàng đế, một hội đồng quân sự đã được triệu tập (hoàng đế thích sự mơ hồ), nhưng một số nhân vật mà ý kiến của họ hoàng đế muốn biết trong những khó khăn sắp tới. Đây không phải là một hội đồng quân sự, mà như là một hội đồng những người được chọn để làm sáng tỏ một số vấn đề riêng cho hoàng đế. Tham dự hội đồng bán

chính thức này có : tướng Thụy Điển Armfeldt, tướng tùy tùng Wolzogen, Winzingerode, người mà Napoléon gọi là kẻ phản bội quốc tịch Pháp, Michaud, Toll, một người hoàn toàn không phải quân nhân là bá tước Stein và cuối cùng là chính Phull, người mà theo công tước Andrei nghe nói, là linh hồn của toàn bộ sự việc. Công tước Andrei đã có dịp quan sát kỹ ông ta, vì ngay sau đó Phull đã đi đến và đi ngang qua phòng khách, dừng lại một phút để nói chuyện với Chernyshov.

Phull, ngay từ cái nhìn đầu tiên, trong bộ quân phục tướng Nga may tồi, trông xộc xệch như mặc trên người một hình nhân, đối với công tước Andrei dường như có vẻ quen thuộc, mặc dù chàng chưa bao giờ nhìn thấy ông ta. Ở ông ta có nét gì đó của Weirother, và Mack, và Schmidt, và nhiều tướng lĩnh lý thuyết gia người Đức khác mà công tước Andrei đã có dịp gặp vào năm 1805 : nhưng ông ta điển hình hơn tất cả bọn họ. Một người Đức lý thuyết gia như vậy, người kết hợp trong mình tất cả những gì có ở những người Đức đó, công tước Andrei chưa bao giờ thấy.

Phull là người thấp bé, rất gầy, nhưng xương hông rộng, thân hình thô kệch, khỏe mạnh, với xương bả vai xương xẩu. Khuôn mặt ông ta rất nhăn nheo, với đôi mắt sâu hoắm. Tóc phía trước thái dương rõ ràng là được

chải vội bằng bàn chải, phía sau những lọn tóc vểnh ra một cách ngây ngô. Ông ta, vừa nhìn quanh một cách bất an và cáu kỉnh, vừa bước vào phòng, như thể ông ta sợ hãi mọi thứ trong căn phòng lớn nơi ông ta bước vào. Ông ta dùng một cử động vụng về giữ lấy thanh kiếm, quay sang Chernyshov, hỏi bằng tiếng Đức xem hoàng đế ở đâu. Rõ ràng là ông ta muốn nhanh chóng đi qua các phòng, kết thúc các nghi thức chào hỏi và ngồi vào việc trước bản đồ, nơi ông ta cảm thấy mình đúng chỗ. Ông ta vội vã gật đầu trước những lời của Chernyshov và mỉm cười mỉa mai khi nghe những lời của anh ta về việc hoàng đế đang thị sát những công trình phòng thủ mà chính Phull đã đặt ra theo lý thuyết của mình. Ông ta lầm bầm một tiếng trầm và cộc lốc, như những người Đức tự tin thường nói : «Đồ ngu... hoặc là : toàn bộ sự việc sẽ tiêu tùng... hoặc là : một cái gì đó tử tế sẽ ra đời từ đó...». Công tước Andrei không nghe rõ và muốn đi qua, nhưng Chernyshov đã giới thiệu công tước Andrei với Phull, nhận thấy công tước Andrei vừa từ Thổ Nhĩ Kỳ đến, nơi chiến tranh đã kết thúc một cách may mắn. Phull nhìn lướt qua công tước Andrei, không phải nhìn vào chàng cho bằng nhìn xuyên qua chàng, và nói mỉm cười : «Đó chắc hẳn là một cuộc chiến thuật đẹp đẽ». Và, cười một cách khinh bỉ, ông ta đi vào căn phòng nơi phát ra những tiếng nói.

Rõ ràng, Phull đã luôn sẵn sàng cho sự bực bội mỉa mai, hôm nay lại đặc biệt bị kích động bởi việc họ dám đi thị sát trại của ông ta và phán xét về nó không có mặt ông ta. Công tước Andrei, nhờ vào một cuộc gặp ngắn ngủi này với Phull, dựa trên những kỷ niệm Austerlitz của mình, đã tự lập cho mình một đặc điểm rõ ràng về con người này. Phull là một trong những người tự tin đến mức tuyệt vọng, không thay đổi, đến mức tuẫn nạn, những người mà chỉ có người Đức mới có thể như vậy, và chính vì thế, bởi vì chỉ có người Đức mới tự tin dựa trên một ý niệm trừu tượng – khoa học, nghĩa là một tri thức giả tạo về sự thật tuyệt đối. Người Pháp tự tin vì anh ta coi mình là người hấp dẫn khó cưỡng cả về trí tuệ lẫn thân thể đối với cả nam giới và nữ giới. Người Anh tự tin trên cơ sở anh ta là công dân của quốc gia được tổ chức tốt nhất trên thế giới, và vì thế, với tư cách là một người Anh, anh ta luôn biết mình cần phải làm gì, và biết rằng tất cả những gì anh ta làm chắc chắn là tốt. Người Ý tự tin vì anh ta dễ bị kích động và dễ quên mình cũng như người khác. Người Nga tự tin chính vì anh ta không biết gì và không muốn biết gì, vì anh ta không tin rằng người ta có thể biết chắc chắn một điều gì đó. Người Đức tự tin tệ hơn tất cả, cứng nhắc hơn tất cả và đáng ghét hơn tất cả, vì anh ta tưởng tượng rằng

mình biết sự thật – một khoa học mà anh ta tự nghĩ ra, nhưng đối với anh ta đó là sự thật tuyệt đối.

Phull rõ ràng là như vậy. Ông ta có một khoa học – lý thuyết về vận động xiên, được ông ta rút ra từ lịch sử các cuộc chiến tranh của Friedrich Đại đế, và tất cả những gì ông ta gặp phải trong lịch sử quân sự hiện đại dường như đối với ông ta là sự vô nghĩa, sự man rợ, những cuộc đụng độ lộn xộn, trong đó cả hai bên đều mắc quá nhiều sai lầm đến nỗi những cuộc chiến tranh này không thể được gọi là chiến tranh : chúng không phù hợp với lý thuyết và không thể phục vụ làm đối tượng của khoa học.

Vào năm 1806, Phull là một trong những người soạn thảo kế hoạch chiến tranh kết thúc bằng Jena và Auerstedt ; nhưng trong kết quả của cuộc chiến tranh đó, ông ta không thấy một bằng chứng nhỏ nhất nào về sự sai lầm trong lý thuyết của mình. Trái lại, những cuộc rút lui khỏi lý thuyết của ông ta, theo quan niệm của ông ta, là nguyên nhân duy nhất của mọi thất bại, và ông ta nói với một vẻ mỉa mai vui sướng : «Tôi đã nói rồi mà, rằng toàn bộ sự việc sẽ đi xuống địa ngục». Phull là một trong những nhà lý thuyết yêu lý thuyết của mình đến mức quên mất mục đích của nó – ứng dụng vào thực tiễn ; ông ta trong tình yêu với lý thuyết

đã căm thù mọi thực tiễn và không muốn biết về nó. Ông ta thậm chí còn vui mừng trước sự thất bại, bởi vì sự thất bại xảy ra do sự rút lui khỏi lý thuyết trong thực tiễn chỉ chứng minh cho ông ta thấy tính đúng đắn của lý thuyết của mình.

Ông ta nói vài lời với công tước Andrei và Chernyshov về cuộc chiến tranh hiện tại với vẻ mặt của một người biết trước rằng mọi thứ sẽ tồi tệ và thậm chí còn không hài lòng về điều đó. Những lọn tóc không được chải vểnh ra sau gáy và những thái dương được chải vội vàng đã nói lên điều đó một cách hùng hồn.

Ông ta đi sang phòng khác, và từ đó ngay lập tức vang lên những âm thanh lầm bầm trầm thấp của ông ta.

XI

Công tước Andrei chưa kịp đưa mắt tiễn Phull thì tướng Bennigsen đã vội vã bước vào phòng, gật đầu chào Bolkonsky, không dừng lại, đi vào phòng làm việc, ra những mệnh lệnh nào đó cho sĩ quan tùy tùng của mình. Hoàng đế đi theo sau ông ta, và Bennigsen vội vã đi lên phía trước để chuẩn bị một cái gì đó và kịp đón hoàng đế. Chernyshov và công tước Andrei đi ra ngoài thềm. Hoàng đế với vẻ mặt mệt mỏi xuống ngựa. Hầu tước Paulucci đang nói gì đó với hoàng đế. Hoàng đế nghiêng đầu sang trái, với vẻ mặt không hài lòng lắng nghe Paulucci, người đang nói với một sự nhiệt tình đặc biệt. Hoàng đế tiến về phía trước, rõ ràng muốn kết thúc cuộc trò chuyện ; nhưng người Ý đỏ bừng mặt, bị kích động, quên mất các lễ nghi, vừa đi theo ông vừa tiếp tục nói :

– Đối với kẻ nào đã khuyên dùng cái trại này, cái trại Drissa, – Paulucci nói vào lúc hoàng đế bước lên bậc thềm và nhận thấy công tước Andrei, đang nhìn chằm chằm vào khuôn mặt xa lạ đối với ông. – Đối với kẻ đó, thưa Ngài, – Paulucci tiếp tục với vẻ tuyệt vọng, như thể không còn sức để kiềm chế bản thân, – kẻ đã

khuyên dùng cái trại Drissa, tôi không thấy giải pháp nào khác ngoài nhà thương điên hoặc giá treo cổ.

Không nghe hết và như thể không nghe thấy những lời của người Ý, hoàng đế khi nhận ra Bolkonsky đã nhân từ quay sang chàng :

– Rất vui được gặp con ; hãy đi vào đó, nơi họ đang tập trung, và đợi ta.

Hoàng đế đi vào phòng làm việc. Đi theo ông là công tước Pyotr Mikhailovich Volkonsky, bá tước Stein, và sau họ những cánh cửa đóng lại. Công tước Andrei, tận dụng sự cho phép của hoàng đế, đã đi cùng Paulucci, người mà chàng đã biết từ Thổ Nhĩ Kỳ, vào phòng khách nơi hội đồng tập trung.

Công tước Pyotr Mikhailovich Volkonsky giữ chức vụ như là tham mưu trưởng của hoàng đế. Volkonsky đi ra khỏi phòng làm việc, mang vào phòng khách những tấm bản đồ và trải chúng lên bàn, truyền đạt những câu hỏi mà ông muốn nghe ý kiến của các quý ông đang tập trung. Sự việc là ở chỗ trong đêm đó người ta đã nhận được tin tức (sau này hóa ra là sai lầm) về việc quân Pháp điều động đi vòng qua trại Drissa.

Người đầu tiên bắt đầu nói là tướng Armfeldt, một cách bất ngờ, để tránh khó khăn nảy sinh, đề xuất một vị trí hoàn toàn mới, không vì cái gì khác (ngoài việc muốn chứng tỏ rằng ông ta cũng có thể có ý kiến) là một vị trí không thể giải thích được ở một bên của các con đường Petersburg và Moscow, mà theo ông, quân đội phải tập trung lại và đợi quân địch. Rõ ràng là kế hoạch này đã được Armfeldt soạn thảo từ lâu và bây giờ ông ta trình bày nó không phải để trả lời cho các câu hỏi được đưa ra, mà mục đích là để tận dụng cơ hội trình bày nó. Đó là một trong hàng triệu đề xuất, cũng có cơ sở như những đề xuất khác, mà người ta có thể đưa ra nếu không có ý niệm về việc cuộc chiến tranh sẽ mang đặc điểm gì. Một số người phản đối ý kiến của ông, một số người bảo vệ nó. Đại tá trẻ Toll phản đối ý kiến của tướng Thụy Điển gay gắt hơn những người khác và trong khi tranh luận đã rút từ túi áo hông ra một cuốn sổ chép tay mà ông ta xin phép được đọc. Trong bản ghi chép soạn thảo dài dòng, Toll đề xuất một kế hoạch khác, hoàn toàn ngược lại với kế hoạch của Armfeldt và Phull. Paulucci, phản đối Toll, đề xuất kế hoạch tiến quân và tấn công, cái mà theo lời ông, có thể đưa chúng ta ra khỏi sự bất định và phía tây, như ông gọi trại Drissa, nơi chúng ta đang ở. Phull trong thời gian những cuộc tranh luận này và người phiên

dịch của mình là Wolzogen (mối liên kết của ông trong quan hệ triều đình) vẫn im lặng. Phull chỉ khinh bỉ xì mũi và quay đi, cho thấy ông ta sẽ không bao giờ hạ mình xuống để phản đối những điều vô lý mà ông ta nghe được. Nhưng khi công tước Volkonsky, người điều hành các cuộc tranh luận, yêu cầu ông trình bày ý kiến của mình, ông ta chỉ nói :

– Sao lại hỏi tôi ? Tướng Armfeldt đã đề xuất một vị trí tuyệt vời với hậu phương để ngỏ, hoặc là cuộc tấn công của ông nghị sĩ người Ý này, – thật tuyệt, – hoặc là cuộc rút lui – cũng tốt. Sao lại hỏi tôi ? – ông ta nói. – Chẳng phải các vị tự mình biết mọi thứ tốt hơn tôi sao.

Nhưng khi Volkonsky cau mày nói rằng ông hỏi ý kiến của ông ta thay mặt cho hoàng đế, thì Phull đứng dậy và đột nhiên trở nên hào hứng, bắt đầu nói :

– Mọi người đã làm hỏng hết, mọi người đã làm rối tung hết, mọi người đều muốn biết rõ hơn tôi ; còn bây giờ lại đến gặp tôi. Làm sao mà sửa được ? Không có gì để sửa cả. Phải thực hiện chính xác theo những cơ sở đã được tôi trình bày, – ông ta nói, gõ những ngón tay xương xẩu lên bàn. – Khó khăn ở chỗ nào ? Sự vô nghĩa, trò trẻ con.

Ông ta đi đến bản đồ và bắt đầu nói nhanh, chỉ ngón tay khô khốc vào bản đồ và chứng minh rằng không có sự tình cờ nào có thể thay đổi tính hợp lý của trại Drissa, rằng mọi thứ đã được tiên liệu và nếu quân địch thực sự đi vòng qua, thì quân địch chắc chắn sẽ bị tiêu diệt.

Paulucci, người không biết tiếng Đức, bắt đầu hỏi ông bằng tiếng Pháp. Wolzogen đi đến giúp đỡ thân chủ của mình, người nói tiếng Pháp rất tồi, và bắt đầu dịch những lời của ông ta, vừa mới kịp theo sát Phull, người đang nhanh chóng chứng minh rằng mọi thứ, mọi thứ, – không chỉ những gì đã xảy ra, mà tất cả những gì chỉ có thể xảy ra, – tất cả đều đã được tiên liệu trong kế hoạch của ông ta, và nếu bây giờ có những khó khăn, thì toàn bộ lỗi lầm chỉ ở chỗ không phải mọi thứ đều được thực hiện chính xác. Ông ta không ngừng cười mỉa mai, chứng minh và cuối cùng, một cách khinh bỉ ngừng chứng minh, giống như một nhà toán học ngừng kiểm tra bằng nhiều cách khác nhau tính đúng đắn của một bài toán đã được chứng minh một lần. Wolzogen thay thế ông ta, tiếp tục trình bày những suy nghĩ của ông ta bằng tiếng Pháp và đôi khi nói với Phull : «không đúng sao, Thưa Ngài ?». Phull, giống như một người đàn ông nóng lòng trong trận đánh đánh vào người của mình, giận dữ quát vào người của mình, vào Wolzogen :

– Phải rồi, còn cần phải giải thích gì thêm ở đó nữa ?

Paulucci và Michaud tấn công Wolzogen bằng hai giọng tiếng Pháp. Armfeldt nói chuyện với Phull bằng tiếng Đức. Toll giải thích bằng tiếng Nga cho công tước Volkonsky. Công tước Andrei im lặng lắng nghe và quan sát.

Trong số tất cả những người này, Pfuhl kẻ cáu kỉnh, kiên định và tự tin một cách mù quáng, là người gợi lên trong Công tước André sự quan tâm nhiều nhất. Trong số những người có mặt ở đây, rõ ràng ông ta là người duy nhất không mong cầu điều gì cho bản thân, không nuôi lòng thù hận với ai, mà chỉ mong muốn duy nhất một điều – thực hiện kế hoạch đã được ông ta rút ra từ lý thuyết, được ông ta xây dựng qua nhiều năm lao động. Ông ta thật nực cười, thật khó chịu vì sự gắt gỏng của mình, nhưng đồng thời ông ta cũng gợi lên một sự tôn trọng vô thức bởi sự tận tâm vô biên đối với một ý tưởng. Ngoài ra, trong tất cả các bài phát biểu của những người đang nói, ngoại trừ Phull, có một đặc điểm chung mà năm 1805 không có – đó là một nỗi sợ hãi tiềm ẩn, dù đã được che giấu, trước thiên tài của Napoléon, nỗi sợ hãi đó bộc lộ trong mỗi lời phản bác. Họ coi mọi thứ đều có thể đối với Napoléon, họ chờ đợi ông ta từ mọi phía và với cái tên khủng khiếp của ông

ta, họ đã phá hủy các giả thiết của nhau. Chỉ có Phull dường như coi Napoléon cũng là một kẻ man rợ như tất cả những đối thủ của lý thuyết của mình. Nhưng, bên cạnh cảm giác tôn trọng, Phull còn gợi lên trong công tước Andrei một cảm giác thương hại. Qua cái giọng mà những người cận thần nói chuyện với ông ta, qua cái cách mà Paulucci cho phép mình nói với hoàng đế, nhưng quan trọng nhất – qua một sự tuyệt vọng nhất định trong những biểu cảm của chính Phull, người ta thấy rõ, và ông ta tự cảm thấy, rằng sự sụp đổ của ông ta đã gần kề. Và mặc dù có sự tự tin và sự châm chọc kiểu Đức, cau có của mình, ông ta vẫn thật đáng thương với mái tóc được chải mượt ở thái dương và những lọn tóc vểnh ra sau gáy. Ông ta rõ ràng, dù đang che giấu điều đó dưới vẻ bực bội và khinh bỉ, đang tuyệt vọng – bởi vì cơ hội duy nhất hiện nay để kiểm tra lý thuyết của mình trên một quy mô khổng lồ và chứng minh cho cả thế giới thấy tính đúng đắn của lý thuyết đó đang tuột khỏi tay ông.

Các cuộc tranh luận kéo dài, và càng kéo dài, chúng càng bùng lên gay gắt, đi đến những lời quát tháo và lăng mạ cá nhân, và vì thế càng không thể rút ra bất kỳ kết luận chung nào từ tất cả những gì đã nói. Công tước Andrei, lắng nghe những lời trò chuyện đa ngôn ngữ này và những giả thiết, kế hoạch và phản bác này,

chỉ ngạc nhiên trước những gì họ đang nói. Những ý nghĩ nảy ra trong đầu chàng trong thời gian hoạt động quân sự của chàng từ lâu và thường xuyên đã đưa chàng đến kết luận chắc chắn rằng không có và không thể có bất kỳ khoa học quân sự nào và vì thế không thể có cái gọi là thiên tài quân sự, giờ đây đã nhận được cho mình một sự hiển nhiên hoàn toàn của sự thật. «Làm sao có thể có lý thuyết và khoa học trong một sự việc mà những điều kiện và hoàn cảnh là không xác định và không thể xác định được, trong đó sức mạnh của các tác nhân chiến tranh lại càng ít có thể được xác định ? Không ai có thể và không thể biết được vị trí của quân ta và quân địch sẽ như thế nào qua một ngày, và không ai có thể biết sức mạnh của đơn vị này hay đơn vị kia là bao nhiêu. Đôi khi, khi không có kẻ hèn nhát ở phía trước, người sẽ kêu lên : «chúng ta bị cắt đứt rồi !» và bỏ chạy, mà lại có một người vui vẻ, dũng cảm ở phía trước, người sẽ kêu lên : «xung phong !» – một đơn vị 5 nghìn quân đứng vững trước 30 nghìn quân, như ở Shengraben ; nhưng đôi khi 50 nghìn quân lại bỏ chạy trước 8 nghìn quân, như ở Austerlitz. Làm sao có thể có khoa học trong một sự việc như vậy, trong đó, như trong mọi việc thực tiễn, không có gì có thể được xác định và mọi thứ phụ thuộc vào vô số điều kiện, mà ý nghĩa của chúng được xác định trong một phút, về phút

đó không ai biết khi nào nó sẽ đến. Armfeldt nói rằng quân đội ta bị cắt đứt, còn Paulucci nói rằng chúng ta đã đặt quân đội Pháp vào giữa hai ngọn lửa ; Michaud nói rằng sự bất tiện của trại Drissa là ở chỗ dòng sông ở phía sau, còn Phull nói rằng trong đó chính là sức mạnh của nó. Toll đề xuất một kế hoạch, Armfeldt đề xuất một kế hoạch khác ; và tất cả đều tốt, và tất cả đều tồi, và lợi thế của bất kỳ đề xuất nào chỉ có thể trở nên hiển nhiên vào chính khoảnh khắc khi sự kiện xảy ra. Và tại sao tất cả đều nói : thiên tài quân sự ? Chẳng lẽ một thiên tài là người biết kịp thời vận chuyển bánh quy và đi sang bên phải, người này sang bên trái ? Chỉ vì những quân nhân được bao phủ bởi hào quang và quyền lực và những đám đông kẻ thấp hèn nịnh hót quyền lực, gán cho họ những phẩm chất thiên tài không vốn có. Trái lại, những vị tướng giỏi nhất mà tôi biết là những người ngu ngốc hoặc tản mạn. Người giỏi nhất – Bagration, chính Napoléon cũng thừa nhận điều đó. Còn chính Bonaparte ! Tôi nhớ khuôn mặt tự mãn và hạn hẹp của ông ta trên chiến trường Austerlitz. Không chỉ thiên tài và những phẩm chất đặc biệt nào đó là không cần thiết cho một vị tướng giỏi, mà trái lại, ông ta cần sự thiếu vắng những phẩm chất tốt đẹp nhất của con người – tình yêu, thơ ca, sự dịu dàng, sự nghi ngờ triết học, tò mò. Ông ta phải hạn hẹp, tin chắc rằng

những gì ông ta làm là rất quan trọng (nếu không ông ta sẽ không đủ kiên nhẫn), và chỉ khi đó ông ta mới là một vị tướng dũng cảm. Lạy Chúa, nếu ông ta là một con người, biết yêu một ai đó, biết thương xót, suy nghĩ về những gì là công bằng và không công bằng. Rõ ràng là từ lâu người ta đã tạo ra lý thuyết về các thiên tài, bởi vì họ là – quyền lực. Thành công trong công việc quân sự không phụ thuộc vào họ, mà phụ thuộc vào con người ở trong hàng ngũ kêu lên : tiêu tùng rồi, hoặc kêu lên : xung phong ! Và chỉ trong những hàng ngũ này người ta mới có thể phục vụ với niềm tin rằng mình hữu ích !»

Công tước Andrei đã nghĩ như vậy khi nghe những lời bàn tán, và chàng chỉ sực tỉnh khi Paulucci gọi chàng và mọi người đã ra về.

Vào ngày hôm sau, tại buổi thị sát, hoàng đế hỏi công tước Andrei chàng muốn phục vụ ở đâu, và công tước Andrei đã vĩnh viễn đánh mất mình trong giới triều đình, không xin được ở lại bên cạnh hoàng đế, mà xin phép được phục vụ trong quân đội.

XII

Rostov trước khi bắt đầu chiến dịch đã nhận được một bức thư từ cha mẹ, trong đó báo tin ngắn gọn về bệnh tình của Natasha và việc hủy bỏ hôn ước với công tước Andrei (việc hủy bỏ này được cha giải thích là do Natasha từ chối), họ lại xin anh giải ngũ và về nhà. Nikolai, nhận được bức thư này, đã không thử xin nghỉ phép hay giải ngũ, mà viết cho cha mẹ rằng anh rất tiếc về bệnh tình và việc hủy bỏ hôn ước của Natasha với vị hôn phu và rằng anh sẽ làm mọi thứ có thể để thực hiện mong muốn của họ. Gửi Sonya anh viết riêng :

«Người bạn tâm giao thân mến của tôi», anh viết. «Không gì, ngoài danh dự, có thể giữ tôi không trở về làng. Nhưng bây giờ, trước khi bắt đầu chiến dịch, tôi sẽ coi mình là kẻ hèn nhát không chỉ trước mặt tất cả các đồng đội, mà còn trước mặt chính mình, nếu tôi ưu tiên hạnh phúc của mình hơn nghĩa vụ và tình yêu đối với tổ quốc. Nhưng đây – là lần xa cách cuối cùng. Hãy tin rằng, ngay sau cuộc chiến tranh, nếu tôi còn sống và vẫn được em yêu thương, tôi sẽ bỏ tất cả và bay đến bên em, để ép em mãi mãi vào lồng ngực nồng cháy của tôi.»

Thực sự, chỉ có việc bắt đầu chiến dịch mới giữ chân Rostov và ngăn cản anh về nhà – như anh đã hứa – và cưới Sonya. Mùa thu ở Otradnoye với cuộc đi săn và mùa đông với các ngày lễ và với tình yêu của Sonya đã mở ra cho anh triển vọng về những niềm vui êm đềm của giới điền chủ và sự yên bình, những thứ mà anh chưa từng biết trước đây và hiện giờ đang thu hút anh. «Một người vợ tuyệt vời, những đứa con, một đàn chó săn giỏi, mười hai – mười lăm cặp chó săn, công việc quản gia, hàng xóm, chức vụ do bầu chọn...» anh nghĩ. Nhưng bây giờ có chiến dịch, và phải ở lại trong trung đoàn. Và vì mọi chuyện phải như thế, nên Nikolai Rostov theo tính cách của mình đã hài lòng với cuộc sống đó, cuộc sống mà anh đang dẫn dắt trong trung đoàn, và đã biết cách làm cho cuộc sống này trở nên dễ chịu.

Trở về sau kỳ nghỉ, được các đồng đội đón tiếp nồng nhiệt, Nikolai đã được gửi đi mua ngựa dự bị và từ Tiểu Nga anh đã mang về những con ngựa tuyệt vời, làm hài lòng anh và mang lại cho anh lời khen ngợi từ cấp trên. Trong thời gian anh vắng mặt, anh đã được thăng cấp lên đại úy, và khi trung đoàn được đặt vào tình trạng chiến tranh với quân số tăng cường, anh lại nhận được chi đội cũ của mình.

Chiến dịch bắt đầu, trung đoàn được điều sang Ba Lan, lương gấp đôi được phát, những sĩ quan mới đến, những người mới, ngựa mới, và quan trọng nhất, cái tâm trạng vui vẻ náo nức lan rộng vốn luôn đi kèm với việc bắt đầu chiến tranh ; và Rostov, nhận thức rõ vị trí thuận lợi của mình trong trung đoàn, đã hoàn toàn hiến mình cho những thú vui và sở thích của quân ngũ, mặc dù anh biết rằng sớm muộn gì cũng sẽ phải rời bỏ chúng.

Quân đội rút lui khỏi Vilna vì những lý do khác nhau – chính trị và chiến thuật – phức tạp. Mỗi bước rút lui đều đi kèm với một trò chơi phức tạp của các lợi ích, suy luận và đam mê tại tổng hành dinh. Đối với các kỵ binh của trung đoàn Pavlograd, toàn bộ cuộc hành quân rút lui này, vào thời điểm đẹp nhất của mùa hè, với đầy đủ lương thực, là một việc đơn giản và vui vẻ nhất. Tuyệt vọng, lo lắng và âm mưu chỉ có thể có ở tổng hành dinh, còn trong quân đội sâu xa người ta không tự hỏi – đi đâu, tại sao lại đi. Nếu họ tiếc là phải rút lui, thì chỉ bởi vì phải rời bỏ một căn phòng đã ở quen, một cô tiểu thư xinh đẹp. Nếu ai đó có nảy ra ý nghĩ rằng mọi việc đang tồi tệ, thì theo thói quen của một quân nhân giỏi, người đó cố gắng vui vẻ và không nghĩ về hướng đi chung của công việc, mà nghĩ về công việc gần nhất của mình. Lúc đầu họ đóng quân vui vẻ gần Vilna, làm quen với những

điền chủ Ba Lan và chờ đợi cũng như tham gia các cuộc thị sát của hoàng đế và các chỉ huy cấp cao khác. Sau đó có lệnh rút lui về Sventsiany và tiêu hủy các kho lương thực không thể mang theo. Sventsiany được các kỵ binh nhớ đến chỉ vì đó là trại say xỉn, như toàn quân gọi trạm dừng chân tại Sventsiany, và vì ở Sventsiany có nhiều lời phàn nàn về quân đội vì họ, lợi dụng lệnh tịch thu lương thực, đã lấy cả ngựa, xe và thảm từ các quý tộc Ba Lan. Rostov nhớ về Sventsiany vì ngay ngày đầu tiên bước vào thị trấn này anh đã thay đổi viên cai đội và không thể đối phó được với tất cả những người say xỉn trong chi đội, những người đã mang đi năm thùng bia cũ mà anh không biết. Từ Sventsiany họ rút lui xa hơn và xa hơn đến Drissa, và lại rút lui khỏi Drissa, đã tiến gần đến biên giới Nga.

Vào ngày 13 tháng 7, những người Pavlograd lần đầu tiên tham gia vào một trận đánh nghiêm túc.

Đêm ngày 12 tháng Bảy, ngay trước thềm trận đánh, đã có một cơn bão dữ dội kèm theo mưa và mưa đá. Mùa hè năm 1812 nói chung thật đáng nhớ vì những cơn bão.

Hai đại đội trung đoàn Pavlograd đang đóng quân dã chiến giữa một cánh đồng lúa mạch đã trổ bông nhưng bị gia súc và ngựa giẫm nát hoàn toàn. Mưa đổ xuống

như trút nước, và Rostov cùng với viên sĩ quan trẻ Ilyin mà anh đang bảo trợ, đang ngồi trong một túp lều tạm bợ được dựng vội. Một viên sĩ quan cùng trung đoàn với họ, có hàng ria mép dài kéo dài từ má, người đang trên đường đến bộ tham mưu và bị cơn mưa chặn lại, đã ghé vào chỗ Rostov.

– Thưa bá tước, tôi từ bộ tham mưu đến. Anh đã nghe về chiến công của Raevsky chưa ?

Và viên sĩ quan kể lại chi tiết về trận Saltanovka mà anh ta nghe được ở bộ tham mưu.

Rostov rụt cổ lại vì nước đang chảy xuống, hút tẩu thuốc và lắng nghe một cách thiếu tập trung, thỉnh thoảng lại nhìn viên sĩ quan trẻ Ilyin đang nép sát bên mình. Viên sĩ quan này, một cậu bé 16 tuổi mới gia nhập trung đoàn, giờ đây đối với Nikolai cũng giống như Nikolai đối với Denisov bảy năm về trước. Ilyin cố gắng bắt chước Rostov về mọi mặt và, như một người phụ nữ, đem lòng yêu mến anh.

Viên sĩ quan với hàng ria mép dài, Zdrzhinsky, kể một cách khoa trương về việc con đập Saltanovka đã trở thành Thermopylae của người Nga như thế nào, về việc trên con đập đó Tướng Raevsky đã thực hiện một hành động xứng đáng với thời cổ đại. Zdrzhinsky kể

về việc Raevsky đã dẫn hai con trai của mình lên đập dưới làn hỏa lực khủng khiếp và cùng họ xông vào tấn công. Rostov nghe câu chuyện và không những không nói gì để hưởng ứng sự hào hứng của Zdrzhinsky, mà ngược lại, trông anh như một người đang cảm thấy xấu hổ vì những gì người ta đang kể cho mình nghe, mặc dù anh không có ý định phản đối. Rostov sau các chiến dịch Austerlitz và năm 1807, từ kinh nghiệm bản thân đã biết rằng khi kể về các sự kiện quân sự, mọi người đều nói dối, cũng như chính anh đã từng nói dối khi kể chuyện ; thứ hai, anh có đủ kinh nghiệm để biết rằng mọi việc diễn ra trong chiến tranh hoàn toàn không giống như chúng ta tưởng tượng và kể lại. Và vì vậy anh không thích câu chuyện của Zdrzhinsky, và cũng không thích chính Zdrzhinsky, người với hàng ria mép từ má, theo thói quen của mình, cúi sát vào mặt người nghe và ép anh ta trong túp lều chật hẹp. Rostov lặng lẽ nhìn anh ta. «Thứ nhất, trên con đập mà người ta tấn công, chắc chắn phải có một sự hỗn loạn và chật chội đến mức nếu Raevsky có dẫn các con ra, thì điều đó cũng chẳng thể tác động đến ai, ngoại trừ khoảng mười người ở ngay cạnh ông ta», Rostov nghĩ ; «những người còn lại không thể thấy được Raevsky đang đi trên đập với ai và đi như thế nào. Nhưng ngay cả những người đã thấy điều đó cũng không thể quá phấn khích,

vì họ còn bận tâm đến mạng sống của chính mình hơn là những tình cảm phụ tử dịu dàng của Raevsky. Sau đó, việc họ chiếm được hay không chiếm được con đập Saltanovka không hề quyết định vận mệnh của tổ quốc, như người ta mô tả về Thermopylae. Và vì vậy, tại sao lại phải hy sinh như vậy ? Và sau đó, tại sao ở đây, trong chiến tranh, lại đem các con mình vào để cản trở ? Tôi sẽ không chỉ không dẫn Petya, em trai tôi đi, mà ngay cả Ilyin đây, một cậu bé xa lạ nhưng tốt bụng, tôi cũng sẽ cố gắng đưa cậu ấy đến nơi nào đó an toàn», Rostov tiếp tục nghĩ khi nghe Zdrzhinsky. Nhưng anh không nói ra suy nghĩ của mình : anh cũng đã có kinh nghiệm về việc này. Anh biết rằng câu chuyện này góp phần làm rạng danh vũ khí của chúng ta, và vì vậy cần phải làm như thể không hề nghi ngờ về nó. Anh đã làm như vậy.

– Tuy nhiên, tôi không thể chịu nổi nữa, – Ilyin nói, nhận thấy rằng Rostov không thích cuộc trò chuyện của Zdrzhinsky. – Cả tất và áo sơ mi của tôi đều bị nước thấm vào tận dưới rồi. Tôi đi tìm chỗ trú đây. Hình như mưa đã ngớt hơn.

Ilyin đi ra, và Zdrzhinsky cũng rời đi.

Năm phút sau, Ilyin chạy bì bõm trong bùn về phía túp lều.

– Hoan hô ! Rostov, đi mau thôi. Tìm thấy rồi ! Ở đằng kia cách đây khoảng hai trăm bước là một quán trọ, người của chúng ta đã vào đó rồi. Ít ra chúng ta cũng có thể làm khô người ; và Maria Hendrikhovna đang ở đó.

Maria Hendrikhovna là vợ của bác sĩ trung đoàn, một phụ nữ Đức trẻ đẹp, người mà bác sĩ đã cưới ở Ba Lan. Bác sĩ, hoặc vì không có tiền, hoặc vì không muốn rời xa người vợ trẻ ngay từ đầu, đã mang cô theo khắp nơi trong trung đoàn hussar, và sự ghen tuông của bác sĩ đã trở thành chủ đề trêu chọc thường xuyên giữa các sĩ quan hussar.

Rostov khoác áo choàng, gọi Lavrushka mang đồ đạc và đi cùng Ilyin, lướt đi trên bùn, chân giẫm bì bõm dưới cơn mưa đã ngớt, trong bóng tối của buổi chiều, thỉnh thoảng bị phá vỡ bởi những tia chớp xa xăm.

– Rostov, anh đâu rồi ?

– Ở đây. Chớp sáng thật đấy ! – họ gọi nhau.

XIII

Trong quán trọ, trước cửa có chiếc xe mui kín của bác sĩ, đã có khoảng năm sĩ quan. Maria Hendrikhovna, một phụ nữ Đức tóc vàng mập mạp, mặc chiếc áo cánh và đội mũ ngủ, đang ngồi ở góc phía trước trên một chiếc ghế dài rộng. Chồng cô, viên bác sĩ, đang ngủ phía sau cô. Rostov và Ilyin, được chào đón bằng những tiếng reo hò vui vẻ và tiếng cười, bước vào phòng.

– Và... chà, các anh vui vẻ quá nhỉ, – Rostov vừa cười vừa nói.

– Thế sao các anh lại thức thế này ?

– Tuyệt thật ! Nước cứ thế chảy ra từ họ ! Đừng làm ướt phòng khách của chúng tôi nhé.

– Đừng làm bẩn váy của Maria Hendrikhovna, – các giọng nói đáp lại.

Rostov và Ilyin vội vàng tìm một góc nơi họ có thể thay quần áo ướt mà không vi phạm sự khiêm nhường của Maria Hendrikhovna. Họ đi ra sau một vách ngăn để thay đồ ; nhưng trong cái buồng nhỏ xíu đó, chiếm hết diện tích, có ba sĩ quan đang ngồi trên một chiếc hòm

trống chơi bài, và họ nhất quyết không chịu nhường chỗ. Maria Hendrikhovna đã nhường chiếc váy của mình để dùng làm rèm, và sau bức rèm đó Rostov và Ilyin với sự giúp đỡ của Lavrushka, người đã mang hành lý đến, đã cởi bỏ quần áo ướt và mặc đồ khô vào.

Trong chiếc lò sưởi bị hỏng, người ta đã nhóm lửa. Họ lấy một tấm ván, đặt nó lên hai chiếc yên ngựa, phủ một tấm chăn lên, lấy ra chiếc ấm samovar nhỏ, một chiếc hòm đựng rượu và nửa chai rượu rum, rồi nhờ Maria Hendrikhovna làm chủ nhà, tất cả tụ tập quanh cô. Người thì đưa cho cô chiếc khăn tay sạch để lau đôi bàn tay xinh xắn ; người thì lót chiếc áo khoác dưới chân cô để cô khỏi bị ẩm ; người thì treo áo choàng lên cửa sổ để tránh gió lùa ; người thì xua ruồi khỏi mặt chồng cô để ông không thức giấc.

– Để ông ấy ngủ đi, – Maria Hendrikhovna nói, khẽ cười một cách bẽn lẽn và hạnh phúc : – ông ấy đang ngủ rất ngon sau một đêm không ngủ.

– Không được đâu, Maria Hendrikhovna, – một sĩ quan trả lời : – cần phải phục vụ bác sĩ. Biết đâu, ông ấy có thể sẽ rủ lòng thương tôi khi tôi phải bị cắt chân hoặc tay.

Chỉ có ba chiếc ly ; nước thì bẩn đến mức không thể phân biệt được trà đậm hay nhạt, và trong ấm samovar chỉ có nước cho sáu ly, nhưng về mặt đó lại càng thú vị hơn khi được lần lượt và theo thứ tự thâm niên nhận ly của mình từ đôi bàn tay đầy đặn với những chiếc móng tay không hoàn toàn sạch sẽ của Maria Hendrikhovna. Tất cả các sĩ quan dường như đều yêu Maria Hendrikhovna trong buổi tối hôm đó. Ngay cả những sĩ quan đang chơi bài sau vách ngăn cũng sớm bỏ bài và chuyển sang bên ấm samovar, phục tùng không khí chung là chiều chuộng Maria Hendrikhovna. Maria Hendrikhovna, khi thấy mình được vây quanh bởi những thanh niên rạng rỡ và lịch sự như vậy, đã rạng rỡ hạnh phúc, dù cô có cố gắng che giấu điều đó đến đâu và rõ ràng là cô cảm thấy e ngại trước mỗi cử động lúc ngủ của người chồng đang nằm phía sau.

Chỉ có một chiếc thìa ; đường có rất nhiều nhưng không kịp hòa tan, và vì vậy đã quyết định rằng cô sẽ lần lượt khuấy đường cho từng người. Rostov, sau khi nhận ly của mình và rót thêm rượu rum vào, đã nhờ Maria Hendrikhovna khuấy giúp.

– Nhưng anh uống không đường sao ? – cô nói, tất cả đều mỉm cười, như thể bất cứ điều gì cô nói và bất

cứ điều gì người khác nói đều có một ý nghĩa khác, rất buồn cười.

– Tôi không cần đường, tôi chỉ muốn cô khuấy bằng đôi tay của mình thôi.

Maria Hendrikhovna đồng ý và bắt đầu tìm chiếc thìa mà ai đó đã nhanh tay lấy mất.

– Hãy dùng ngón tay đi, Maria Hendrikhovna, – Rostov nói : – sẽ còn ngọt hơn nữa.

– Nóng đấy ! – Maria Hendrikhovna nói, đỏ mặt vì sung sướng.

Ilyin lấy một xô nước, nhỏ vào đó chút rượu rum, rồi đến chỗ Maria Hendrikhovna, nhờ cô khuấy bằng ngón tay.

– Đây là ly của tôi, – cậu nói. – Chỉ cần nhúng ngón tay vào thôi, tôi sẽ uống hết.

Khi ấm samovar đã cạn, Rostov lấy bộ bài và đề nghị chơi trò «vua» với Maria Hendrikhovna. Họ bốc thăm xem ai sẽ cùng phe với Maria Hendrikhovna. Luật chơi, theo đề nghị của Rostov, là người làm vua sẽ được quyền hôn tay Maria Hendrikhovna, còn người làm

«quân hầu» sẽ phải đi chuẩn bị một ấm samovar mới cho bác sĩ khi ông thức dậy.

– Thế nếu Maria Hendrikhovna là vua thì sao ? – Ilyin hỏi.

– Cô ấy vốn đã là nữ hoàng rồi ! Và mệnh lệnh của cô ấy là luật pháp.

Trò chơi vừa mới bắt đầu thì bỗng nhiên cái đầu bù xù của bác sĩ hiện ra. Ông đã từ lâu không ngủ và lắng nghe những gì đang được nói, và rõ ràng ông không thấy có gì vui vẻ, nực cười hay thú vị trong tất cả những gì đang nói và diễn ra. Khuôn mặt ông buồn bã và chán nản. Ông không chào các sĩ quan, gãi đầu và xin phép được đi ra, vì họ đang chắn lối đi của ông. Ngay khi ông vừa đi ra, tất cả các sĩ quan phá lên cười lớn, còn Maria Hendrikhovna thì đỏ mặt đến rơi nước mắt và nhờ đó càng trở nên hấp dẫn hơn trong mắt tất cả các sĩ quan. Quay trở lại từ sân, bác sĩ nói với vợ (người đã thôi mỉm cười hạnh phúc và đang nhìn ông một cách sợ hãi chờ đợi bản án) rằng mưa đã tạnh và cần phải đi ngủ trong xe mui kín, nếu không mọi thứ sẽ bị lấy cắp hết.

– Để tôi cử một người lính canh... hai người ! – Rostov nói. – Thôi nào, bác sĩ.

– Tôi sẽ tự mình canh giờ ! – Ilyin nói.

– Không, thưa các ngài, các ngài đã ngủ đủ rồi, còn tôi hai đêm nay không ngủ, – bác sĩ nói và u sầu ngồi xuống cạnh vợ mình, chờ đợi trò chơi kết thúc.

Nhìn vào khuôn mặt u ám của bác sĩ, người đang nhìn vợ mình với ánh mắt hình viên đạn, các sĩ quan càng trở nên vui vẻ hơn, và nhiều người không thể nhịn được cười, cái cười mà họ cố gắng tìm kiếm những lý do chính đáng để giải thích. Khi bác sĩ dẫn vợ đi và thu xếp cho cô trong xe, các sĩ quan nằm xuống trong quán trọ, đắp những chiếc áo choàng ướt ; nhưng họ không ngủ được trong một thời gian dài, hết trò chuyện, nhớ lại sự sợ hãi của bác sĩ và sự vui vẻ của bà bác sĩ, lại chạy ra hiên và báo cáo về những gì đang diễn ra trong xe mui kín. Vài lần Rostov, trùm đầu kín mít, định ngủ thiếp đi, nhưng lại có nhận xét của ai đó làm anh phân tâm, và cuộc trò chuyện lại bắt đầu, cùng với tiếng cười vô cớ, vui vẻ, trẻ thơ.

XIV

Vào lúc 3 giờ sáng vẫn chưa có ai ngủ thì viên quản phục xuất hiện với lệnh hành quân đến thị trấn Ostrovna.

Tất cả vẫn với tiếng trò chuyện và cười đùa đó, các sĩ quan vội vàng thu dọn ; lại đặt ấm samovar lên nước bẩn. Nhưng Rostov, không đợi trà, đã đi đến đại đội. Trời đã rạng ; mưa đã tạnh, mây đang tan. Cảm giác ẩm ướt và lạnh lẽo, đặc biệt là trong bộ quần áo chưa khô hẳn. Khi ra khỏi quán trọ, Rostov và Ilyin cùng nhìn vào chiếc xe mui kín của bác sĩ trong bóng tối mờ ảo của rạng đông, chiếc xe bọc da bóng loáng vì nước mưa, từ dưới tấm bạt ló ra đôi chân của bác sĩ và ở giữa thấp thoáng chiếc mũ ngủ của bà bác sĩ và nghe thấy hơi thở khi đang ngủ.

– Thật đấy, cô ấy rất dễ thương ! – Rostov nói với Ilyin, người đang đi ra cùng anh.

– Một người phụ nữ tuyệt vời ! – Ilyin đáp lại với vẻ nghiêm túc của một cậu bé mười sáu tuổi.

Nửa giờ sau, đại đội đã dàn hàng trên đường. Có tiếng lệnh : «Lên ngựa !» Binh sĩ làm dấu thánh và bắt đầu lên ngựa. Rostov đi lên phía trước, hô lệnh : «Hành quân !»

và, dàn hàng bốn, các kỵ binh hussar, tiếng móng ngựa giẫm bì bõm trên con đường ướt, tiếng kiếm leng keng và tiếng trò chuyện khe khẽ, bắt đầu di chuyển dọc theo con đường lớn rợp bóng cây bạch dương, theo sau bộ binh và một đơn vị pháo binh đi phía trước.

Những đám mây màu xanh tím bị xé rách, ửng đỏ ở phía đông, nhanh chóng bị gió xua đi. Trời càng lúc càng sáng dần. Có thể nhìn thấy rõ ràng lớp cỏ xanh xoăn lại thường mọc dọc theo các con đường mòn, vẫn còn ướt sũng vì cơn mưa đêm qua ; những cành cây bạch dương rủ xuống, cũng đẫm nước, đung đưa trong gió và rũ những giọt nước sáng loáng xuống người. Khuôn mặt của các binh sĩ hiện ra ngày càng rõ nét. Rostov đi cùng với Ilyin, không rời mắt khỏi anh, ở bên lề đường, giữa hàng cây bạch dương đôi.

Rostov trong các chiến dịch thường cho phép mình tự do không cưỡi ngựa chiến mà cưỡi một con ngựa Cossack. Là một người sành sỏi và là thợ săn, gần đây anh đã mua được cho mình một con ngựa vùng Don dũng mãnh, to lớn và hiếu chiến, mà không ai có thể vượt qua được. Cưỡi trên con ngựa này đối với Rostov là một sự hưởng thụ. Anh nghĩ về con ngựa, về buổi sáng, về bà bác sĩ và không một lần nghĩ về mối nguy hiểm đang chờ đợi phía trước.

Trước đây, khi ra trận, Rostov cảm thấy sợ hãi ; giờ đây anh không cảm thấy dù chỉ một chút sợ hãi. Không phải vì anh đã quen với hỏa lực (với nguy hiểm thì không thể quen được), mà vì anh đã học được cách điều khiển tâm hồn mình trước nguy hiểm. Anh đã quen, khi ra trận, nghĩ về mọi thứ trừ điều dường như là thú vị nhất đối với mọi người – về mối nguy hiểm sắp tới. Dù anh đã cố gắng thế nào, dù có tự trách mình hèn nhát đến đâu, trong thời gian đầu phục vụ anh vẫn không thể đạt được điều này ; nhưng qua năm tháng, điều đó giờ đây đã trở nên tự nhiên. Anh đi cạnh Ilyin giữa những cây bạch dương, thỉnh thoảng lại bứt những chiếc lá từ cành cây rơi vào tay, đôi khi dùng chân chạm vào hông ngựa, đôi khi trao chiếc tẩu thuốc đã hút xong cho viên hussar đi phía sau, với vẻ bình thản và vô tư như thể anh đang đi dạo. Anh cảm thấy xót xa khi nhìn khuôn mặt lo lắng của Ilyin, người đang nói rất nhiều và bồn chồn ; từ kinh nghiệm, anh biết trạng thái đau khổ của việc chờ đợi cái chết và sự sợ hãi mà viên sĩ quan cấp dưới đang trải qua, và biết rằng không gì khác ngoài thời gian có thể giúp được cậu ta.

Ngay khi mặt trời hiện ra trên một dải trời trong xanh dưới những đám mây, khi gió lặng xuống, như thể gió không dám làm hỏng buổi sáng mùa hè tuyệt đẹp này sau cơn bão ; những giọt nước vẫn rơi, nhưng đã rơi

thẳng đứng – và mọi thứ im bặt. Mặt trời đã mọc hoàn toàn, hiện ra trên đường chân trời và biến mất trong một đám mây hẹp và dài lơ lửng phía trên. Một vài phút sau, mặt trời hiện ra càng sáng hơn ở mép trên của đám mây, xé toạc các cạnh của nó. Mọi thứ rực sáng và lấp lánh. Và cùng với ánh sáng đó, như thể để hưởng ứng nó, phía trước vang lên những tiếng súng đại bác.

Rostov chưa kịp suy nghĩ và xác định xem những phát súng đó ở cách xa bao nhiêu thì một viên sĩ quan tùy tùng của Bá tước Osterman–Tolstoy đã phi ngựa đến từ phía Vitebsk với lệnh phải hành quân nước đại dọc theo con đường.

Đại đội vượt qua bộ binh và pháo binh, vốn cũng đang vội vã tiến lên nhanh hơn ; xuống dốc, và đi qua một ngôi làng không người, tiêu điều, lại đi lên đồi. Ngựa bắt đầu sùi bọt mép, người cưỡi mặt đỏ bừng.

– Dừng lại, chỉnh đốn hàng ngũ ! – tiếng lệnh của chỉ huy sư đoàn vang lên phía trước. – Cánh trái tiến lên, hành quân ! – người ta hô lệnh từ phía trước.

Và các kỵ binh hussar đi dọc theo chiến tuyến tiến sang cánh trái của vị trí và dừng lại phía sau đội quân ulan của chúng ta, những người đang đứng ở hàng thứ nhất. Bên phải là bộ binh của chúng ta đứng thành một

khối dày đặc, đó là quân dự bị ; cao hơn họ trên đồi có thể nhìn thấy những khẩu pháo của chúng ta trong bầu không khí trong trẻo, tinh khiết, dưới ánh sáng xiên và rực rỡ của buổi sáng, ngay trên đường chân trời. Phía trước, sau một thung lũng hẹp, có thể thấy các cột quân và pháo binh địch. Trong thung lũng nghe thấy tiếng xích của chúng ta, vốn đã bắt đầu giao chiến và đang đấu súng vui vẻ với quân địch.

Rostov, như thể từ những âm thanh của bản nhạc vui tươi nhất, cảm thấy tâm hồn nhẹ nhõm bởi những âm thanh đó, đã lâu rồi anh không được nghe. «Táp–ta–ta–táp !» – thỉnh thoảng vang lên những tiếng súng, lúc thì nhanh, lúc thì đơn lẻ. Lại im lặng một lúc, rồi lại như thể những chiếc pháo nổ giòn giã, có ai đó đang đi trên đó.

Các kỵ binh hussar đứng yên khoảng một giờ tại một chỗ. Cuộc pháo kích bắt đầu. Bá tước Osterman cùng đoàn tháp tùng đi ngang qua phía sau đại đội ; dừng lại, nói chuyện với chỉ huy trung đoàn và phi ngựa về phía các khẩu pháo trên đồi.

Ngay sau khi Osterman rời đi, một mệnh lệnh vang lên phía đội quân ulan : «Thành cột dọc, chuẩn bị tấn công !» Bộ binh phía trước họ chia làm hai đội để cho kỵ binh đi qua. Các kỵ binh ulan lao đi, những lá cờ

trên ngọn giáo đung đưa, và chạy nước đại xuống đồi về phía kỵ binh Pháp đang xuất hiện bên dưới đồi phía bên trái.

Ngay khi các kỵ binh ulan xuống đồi, các kỵ binh hussar được lệnh tiến lên đồi, vào vị trí yểm trợ cho pháo binh. Vào lúc đó, khi các kỵ binh hussar chiếm chỗ của đội ulan, những viên đạn từ phía quân địch bay qua, rít lên và huýt gió, bay tới nhưng không trúng ai.

Từ lâu không nghe thấy âm thanh này, nó còn mang lại cho Rostov cảm giác vui vẻ và phấn khích hơn cả những tiếng súng trước đó. Anh đứng thẳng người, quan sát bãi chiến trường đang mở ra từ trên đồi, và bằng cả tâm hồn tham gia vào cuộc di chuyển của đội ulan. Các kỵ binh ulan đã áp sát đội long kỵ binh Pháp, có cái gì đó hỗn loạn ở đó trong làn khói, và năm phút sau các kỵ binh ulan lao ngược trở lại, không phải về phía họ đã đứng mà lệch sang trái. Giữa những kỵ binh ulan mặc đồng phục cam trên những con ngựa hồng, và phía sau họ là một khối lớn long kỵ binh Pháp mặc đồng phục xanh trên những con ngựa xám.

XV

Rostov với con mắt tinh tường của một thợ săn là một trong những người đầu tiên nhìn thấy những tên long kỵ binh Pháp mặc đồng phục xanh này đang truy đuổi đội ulan của chúng ta. Gần hơn, gần hơn nữa là những đám đông hỗn loạn của đội ulan và long kỵ binh Pháp đang truy đuổi họ. Có thể thấy rõ những người này, trông nhỏ bé dưới chân đồi, đang va chạm, đuổi kịp nhau và khua tay hoặc kiếm.

Rostov, như đang ở trong một cuộc đi săn, nhìn vào những gì đang diễn ra trước mắt. Anh cảm nhận bằng trực giác rằng nếu đánh vào các kỵ binh long kỵ binh Pháp ngay bây giờ, họ sẽ không chịu nổi ; nhưng nếu đánh, thì phải làm ngay lúc này, ngay phút này, nếu không sẽ quá muộn. Anh nhìn quanh mình. Viên đại úy đứng cạnh anh, cũng không rời mắt khỏi kỵ binh bên dưới.

– Andrei Sevastyanich, – Rostov nói, – chúng ta có thể đánh bại họ...

– Một chuyện mạo hiểm đấy, – viên đại úy nói, – nhưng thực ra...

Rostov, không nghe hết lời ông ta, thúc ngựa lao lên phía trước đại đội, và trước khi kịp ra lệnh di chuyển, toàn bộ đại đội, cùng cảm nhận được điều đó như anh, lao đi theo anh. Chính Rostov cũng không biết mình đã làm điều đó như thế nào và tại sao. Anh làm tất cả như khi anh đi săn, không suy nghĩ, không tính toán. Anh thấy rằng các kỵ binh long kỵ binh ở gần, rằng họ đang phi ngựa, đang hỗn loạn ; anh biết họ sẽ không chịu nổi; anh biết chỉ có một phút và nó sẽ không lặp lại. Những viên đạn rít lên và huýt gió xung quanh một cách đầy phấn khích, con ngựa hăng hái lao lên phía trước đến mức anh không thể kìm lại được. Anh thúc ngựa lao đi, ra lệnh cho đại đội của mình ; và vào chính khoảnh khắc đó, nghe thấy sau lưng tiếng móng ngựa dồn dập của đại đội đang dàn hàng ngang của mình đang lao nước đại, anh bắt đầu xuống đồi hướng về phía kỵ binh địch. Họ vừa mới xuống chân đồi thì bước phi của họ chuyển thành phi nước đại, ngày càng nhanh hơn khi họ đến gần quân ulan của mình và những tên kỵ binh Pháp đang truy đuổi. Đội long kỵ binh đã ở gần. Những tên đi đầu, nhìn thấy quân hussar, bắt đầu quay lại, những tên phía sau thì dừng lại. Với cảm giác mà anh đã từng lao đi đón đầu con sói, Rostov tung hết tốc lực của con ngựa vùng Don của mình, phi nước đại để đón đầu những hàng quân hỗn loạn của long kỵ binh Pháp. Một

viên ulan dừng lại, một người lính đi bộ ngã xuống đất để không bị giẫm nát, một con ngựa không người cưỡi lẫn vào đám hussar. Hầu hết các kỵ binh Pháp đều phi ngược trở lại. Rostov, chọn cho mình một người trong số họ trên con ngựa xám, lao theo anh ta. Trên đường đi, anh lao qua một bụi cây ; con ngựa tốt đã đưa anh qua nó, và, vừa kịp giữ vững trên yên ngựa, Nikolai thấy rằng chỉ trong vài khoảnh khắc nữa anh sẽ đuổi kịp kẻ thù mà anh đã chọn làm mục tiêu. Tên lính Pháp này, chắc hẳn là một sĩ quan, xét theo quân phục, cúi xuống, phi trên con ngựa xám của mình, dùng kiếm thúc nó. Một khoảnh khắc sau, con ngựa của Rostov đâm ngực vào phần sau con ngựa của viên sĩ quan, suýt nữa làm nó ngã quỵ, và ngay khoảnh khắc đó Rostov, chính anh cũng không biết tại sao, giơ kiếm lên và chém vào tên lính Pháp.

Vào chính khoảnh khắc đó, khi anh làm điều đó, tất cả sự phấn khích của Rostov bỗng biến mất. Viên sĩ quan ngã xuống không phải vì bị chém mà vì con ngựa đâm vào, vết chém chỉ hơi làm rách tay anh ta phía trên khuỷu tay. Rostov, kìm ngựa lại, đưa mắt tìm kiếm kẻ thù của mình để xem mình đã chiến thắng ai. Viên sĩ quan long kỵ binh Pháp một chân nhảy trên đất, chân kia vướng vào bàn đạp. Anh ta, nheo mắt đầy sợ hãi như thể đang chờ đợi một cú đánh mới bất cứ giây phút

nào, cau mày, với vẻ kinh hoàng nhìn lên phía Rostov. Khuôn mặt anh ta, tái nhợt và lấm lem bùn đất, trắng trẻo, trẻ măng, có một cái hố nhỏ trên cằm và đôi mắt xanh sáng rực không phải để dành cho bãi chiến trường, không phải là khuôn mặt kẻ thù, mà là một khuôn mặt đời thường nhất. Trước khi Rostov kịp quyết định mình sẽ làm gì với anh ta, viên sĩ quan hét lên : «Tôi đầu hàng!». Anh ta hấp tấp cố gắng rút chân ra khỏi bàn đạp và không rời đôi mắt xanh đầy sợ hãi khỏi Rostov. Các kỵ binh hussar phi tới đã giúp anh ta rút chân ra và đưa anh ta lên yên ngựa. Các kỵ binh hussar từ nhiều phía đang bận rộn với đám long kỵ binh : một người bị thương, nhưng với khuôn mặt đầy máu, không chịu bỏ ngựa ; người khác, ôm lấy một kỵ binh hussar, ngồi trên lưng ngựa của anh ta ; người thứ ba trèo lên, có sự hỗ trợ của một kỵ binh hussar, lên ngựa của mình. Phía trước, bộ binh Pháp đang chạy bộ, vừa chạy vừa bắn. Các kỵ binh hussar vội vã phi ngược trở lại với những tù binh của mình. Rostov phi ngược lại cùng với những người khác, cảm thấy một cảm giác khó chịu nào đó đang bóp nghẹt trái tim anh. Một cái gì đó không rõ ràng, rối rắm mà anh không thể giải thích được cho chính mình, đã mở ra trước mắt anh khi bắt giữ viên sĩ quan đó và cú chém mà anh đã giáng xuống anh ta.

Bá tước Osterman–Tolstoy đã gặp các kỵ binh hussar quay trở lại, gọi Rostov đến, cảm ơn anh và nói rằng ông sẽ báo cáo lên hoàng thượng về hành động dũng cảm của anh và sẽ đề nghị tặng anh huân chương Thánh George. Khi Rostov được yêu cầu đến gặp Bá tước Osterman, anh nhớ lại rằng cuộc tấn công của anh bắt đầu mà không có lệnh, và hoàn toàn tin rằng mình sẽ bị phạt ; vì vậy những lời khen ngợi của Osterman và lời hứa ban thưởng lẽ ra phải khiến Rostov vui mừng; nhưng cảm giác khó chịu, mơ hồ đó vẫn tiếp tục làm anh thấy buồn nôn. «Đúng rồi, cái gì đang hành hạ mình thế này ?» anh tự hỏi mình khi rời khỏi vị tướng. «Ilyin? Không, cậu ấy an toàn. Mình có làm nhục bản thân không ? Không, tất cả không phải thế !» Một cái gì đó khác đã hành hạ anh, giống như sự hối hận. «Đúng, đúng, tên sĩ quan Pháp với cái hố nhỏ trên cằm đó. Và mình nhớ tay mình đã khựng lại như thế nào khi mình giơ kiếm lên.»

Rostov nhìn những tù binh đang được dẫn đi và phi ngựa theo họ để nhìn tên lính Pháp của mình với cái hố nhỏ trên cằm. Anh ta trong bộ quân phục lạ lẫm đang ngồi trên con ngựa kỵ binh bị trưng dụng và lo lắng nhìn quanh. Vết thương trên tay anh ta hầu như không phải là vết thương. Anh ta giả vờ mỉm cười với Rostov

và vẫy tay chào như một lời chào hỏi. Rostov vẫn cảm thấy không thoải mái và hổ thẹn vì điều gì đó.

Suốt cả ngày hôm đó và ngày hôm sau, bạn bè và đồng nghiệp nhận thấy Rostov không hề buồn chán, không hề tức giận, mà im lặng, trầm tư và tập trung. Anh miễn cưỡng uống, cố gắng ở một mình và mải mê suy nghĩ về điều gì đó.

Rostov vẫn luôn nghĩ về chiến công rực rỡ này của mình, điều mà trước sự ngạc nhiên của anh, đã mang lại cho anh huân chương Chữ thập Thánh George và thậm chí tạo cho anh danh tiếng của một người dũng cảm, và anh không tài nào hiểu nổi điều gì đó. «Thế là họ còn sợ phe ta hơn nữa !» anh nghĩ. «Thế ra tất cả những gì được gọi là chủ nghĩa anh hùng chỉ có thế thôi sao ? Và chẳng lẽ mình đã làm điều đó vì tổ quốc ? Và anh ta có lỗi gì với cái lỗ nhỏ và đôi mắt xanh ấy ? Anh ta đã hoảng sợ biết bao ! Anh ta nghĩ rằng mình sẽ giết anh ta. Tại sao mình lại phải giết anh ta ? Tay mình đã run rẩy. Vậy mà người ta lại trao cho mình huân chương Chữ thập Thánh George. Chẳng hiểu gì, chẳng hiểu gì hết !»

Nhưng trong khi Nikolai đang tự đấu tranh với những câu hỏi này mà vẫn chưa thể tự giải đáp rõ ràng điều gì đã làm mình bối rối, thì vòng quay may mắn trong quân

ngũ, như vẫn thường xảy ra, đã xoay chuyển có lợi cho anh. Anh được thăng tiến sau vụ Ostrovno, người ta giao cho anh một tiểu đoàn khinh kỵ binh và khi cần sử dụng một sĩ quan dũng cảm, người ta đã giao nhiệm vụ cho anh.

XVI

Nhận được tin về bệnh tình của Natasha, nữ công tước, dù chưa hoàn toàn khỏe mạnh và còn yếu, đã cùng Petya và cả gia quyến đến Moscow ; và toàn bộ gia đình Rostov đã rời nhà Marya Dmitrievna về nhà mình và định cư hẳn ở Moscow.

Bệnh tình của Natasha nghiêm trọng đến mức, thật may mắn cho cô và gia đình, ý nghĩ về tất cả những gì là nguyên nhân gây ra bệnh – hành động của cô và việc cắt đứt với vị hôn phu – đã lùi xuống hàng thứ hai. Cô ốm nặng đến mức không thể nghĩ về việc cô có lỗi thế nào trong mọi chuyện đã xảy ra, khi cô không ăn, không ngủ, gầy đi trông thấy, ho và, như các bác sĩ cho biết, đang trong tình trạng nguy hiểm. Các bác sĩ thường xuyên đến thăm Natasha, cả riêng lẻ lẫn hội chẩn, nói rất nhiều tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Latin, chỉ trích lẫn nhau, kê đơn đủ loại thuốc cho mọi căn bệnh mà họ biết ; nhưng không một ai trong số họ nảy ra ý nghĩ đơn giản rằng họ không thể biết căn bệnh mà Natasha đang mắc phải, cũng như không thể biết bất kỳ căn bệnh nào mà một người đang sống mắc phải : vì mỗi người đang sống đều có những đặc điểm riêng và luôn có căn bệnh riêng, mới mẻ, phức tạp, y học chưa

từng biết đến – bệnh không phải ở phổi, gan, da, tim, dây thần kinh v.v., được ghi chép trong y học, mà là căn bệnh bao gồm một trong vô số những sự kết hợp trong đau khổ của các cơ quan này. Ý nghĩ đơn giản này không thể nảy ra trong đầu các bác sĩ (cũng như ý nghĩ rằng mình không thể phù phép không thể nảy ra trong đầu một phù thủy) bởi vì công việc cả đời của họ là chữa bệnh ; bởi vì họ nhận được tiền cho việc đó, và bởi vì họ đã tiêu tốn những năm tháng đẹp nhất của cuộc đời mình cho công việc này. Nhưng điều quan trọng nhất – ý nghĩ này không thể nảy ra trong đầu các bác sĩ bởi vì họ thấy rằng họ chắc chắn có ích, và họ thực sự có ích cho tất cả gia đình Rostov. Họ có ích không phải vì họ bắt người bệnh nuốt những chất có hại (phần lớn là có hại, chất độc này ít được cảm nhận vì các chất có hại được cho uống với liều lượng nhỏ), nhưng họ có ích, cần thiết, không thể tránh khỏi (nguyên nhân – tại sao luôn có và sẽ có những người chữa bệnh giả danh, phù thủy, bác sĩ vi lượng đồng căn và bác sĩ y học hiện đại) bởi vì họ đáp ứng nhu cầu tinh thần của người bệnh và những người yêu thương người bệnh. Họ đáp ứng nhu cầu vĩnh cửu của con người về hy vọng được nhẹ nhõm, nhu cầu về sự đồng cảm và hoạt động mà con người trải qua trong thời gian đau khổ. Họ đáp ứng nhu cầu vĩnh cửu đó của con người – được thấy ở đứa trẻ trong hình

thức sơ khai nhất – nhu cầu được xoa vào chỗ bị đau. Đứa trẻ bị ngã và ngay lập tức chạy đến trong vòng tay mẹ, bảo mẫu để họ hôn và xoa chỗ đau ; và nó cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi chỗ đau được xoa hoặc được hôn. Đứa trẻ không tin rằng những người mạnh mẽ nhất và thông thái nhất lại không có phương pháp cứu giúp nỗi đau của nó. Và hy vọng về sự nhẹ nhõm cùng biểu hiện của sự đồng cảm trong lúc người mẹ xoa chỗ sưng của nó đã an ủi nó. Các bác sĩ đối với Natasha có ích ở chỗ họ hôn và xoa chỗ đau, cam đoan rằng nó sẽ qua ngay thôi, nếu anh đánh xe đi đến hiệu thuốc ở Arbat và mua lấy một đồng rúp bảy mươi kopek các loại bột và thuốc viên đựng trong cái hộp xinh xắn và nếu những thứ bột này, nhất định là sau mỗi hai giờ, không hơn không kém, được người bệnh uống trong nước đun sôi.

Sonya, bá tước và nữ công tước sẽ làm gì nếu họ chỉ đứng nhìn mà không làm gì cả, nếu không có những viên thuốc theo giờ, đồ uống ấm, món cốt lết gà và tất cả những chi tiết cuộc sống được bác sĩ quy định, những việc chiếm hết thời gian và là niềm an ủi cho những người xung quanh ? Làm sao bá tước có thể chịu đựng được bệnh tình của đứa con gái yêu quý, nếu ông không biết rằng bệnh của Natasha đã tiêu tốn của ông hàng ngàn rúp và ông không tiếc thêm hàng ngàn rúp nữa để làm điều có ích cho cô ; nếu ông không biết rằng, nếu

cô không khỏi, ông sẽ không tiếc thêm hàng ngàn rúp nữa và sẽ đưa cô ra nước ngoài và tổ chức các cuộc hội chẩn ở đó ; nếu ông không có khả năng kể lại chi tiết về việc Metivier và Feller đã không hiểu như thế nào, còn Fries đã hiểu, và Mudrov thậm chí còn xác định bệnh tốt hơn ? Nữ công tước sẽ làm gì nếu đôi khi bà không thể tranh cãi với Natasha đang ốm vì cô không tuân thủ đầy đủ các chỉ dẫn của bác sĩ ?

– Con sẽ không bao giờ khỏi được đâu, – bà nói, vì buồn phiền mà quên đi nỗi đau của mình, – nếu con không nghe lời bác sĩ và không uống thuốc đúng giờ ! Ведь không thể đùa giỡn với chuyện này được, khi con có thể bị viêm phổi, – nữ công tước nói ; và trong cách phát âm từ lạ lẫm này đối với bà, bà đã tìm thấy niềm an ủi lớn lao.

Sonya sẽ làm gì nếu cô không có ý thức vui vẻ rằng mình đã không thay quần áo trong ba đêm đầu tiên để luôn sẵn sàng thực hiện chính xác mọi chỉ dẫn của bác sĩ, và rằng bây giờ cô không ngủ ban đêm để không bỏ lỡ giờ giấc phải cho uống những viên thuốc ít có hại từ chiếc hộp vàng ? Thậm chí với chính Natasha, người dù nói rằng không loại thuốc nào chữa khỏi cho mình và tất cả đều là điều vớ vẩn, vẫn thấy vui mừng khi thấy mọi người đã hy sinh cho mình nhiều như thế, rằng cô

phải uống thuốc vào những giờ nhất định. Và thậm chí cô còn thấy vui khi có thể chứng minh qua việc không tuân thủ chỉ dẫn rằng cô không tin vào việc chữa trị và không coi trọng cuộc sống của mình.

Bác sĩ đến mỗi ngày, bắt mạch, xem lưỡi và không chú ý đến khuôn mặt u sầu của cô, đùa giỡn với cô. Nhưng khi ông sang phòng khác, nữ công tước vội vàng đi theo ông, và ông, mang vẻ mặt nghiêm túc và lắc đầu suy tư, nói rằng dù có nguy hiểm, ông vẫn hy vọng vào tác dụng của loại thuốc cuối cùng này và cần phải chờ xem; rằng căn bệnh mang tính tinh thần nhiều hơn, nhưng...

Nữ công tước, cố gắng giấu hành động này với chính mình và với bác sĩ, nhét vào tay ông một đồng tiền vàng và mỗi lần với trái tim được xoa dịu lại trở về với người bệnh.

Các triệu chứng bệnh của Natasha là cô ăn ít, ngủ ít, ho và không bao giờ thấy vui vẻ. Các bác sĩ nói rằng không thể để người bệnh thiếu sự trợ giúp y tế, và do đó trong bầu không khí ngột ngạt họ giữ cô ở lại thành phố. Và mùa hè năm 1812 gia đình Rostov không về nông thôn.

Bất chấp số lượng lớn các viên thuốc, giọt và bột từ các lọ và hộp mà bà Schoss, một người thích những thứ này, đã thu thập được thành một bộ sưu tập lớn, bất chấp việc thiếu cuộc sống nông thôn quen thuộc, tuổi trẻ vẫn chiếm ưu thế : nỗi đau của Natasha bắt đầu được bao phủ bởi một lớp ấn tượng về cuộc đời đã qua, nó không còn đè nặng lên trái tim cô như một nỗi đau đau đớn như vậy nữa, nó bắt đầu trở thành quá khứ, và Natasha bắt đầu bình phục về thể chất.

XVII

Natasha đã bình tĩnh hơn, nhưng không vui vẻ hơn. Cô không chỉ tránh tất cả các điều kiện bên ngoài của niềm vui : vũ hội, đi dạo bằng xe, hòa nhạc, nhà hát, mà cô thậm chí không bao giờ cười đến mức có thể nghe thấy tiếng cười của mình qua làn nước mắt. Cô không thể hát. Ngay khi cô bắt đầu cười hoặc cố gắng hát một mình, nước mắt lại bóp nghẹt cô : nước mắt của sự hối hận, nước mắt của những hồi ức về thời gian không thể quay lại, trong sáng đó ; nước mắt của sự cay đắng vì cô đã hủy hoại cuộc đời trẻ trung của mình một cách vô ích như vậy, cuộc đời mà lẽ ra có thể hạnh phúc đến thế. Tiếng cười và tiếng hát đặc biệt dường như đối với cô là một sự báng bổ đối với nỗi đau của mình. Về sự tán tỉnh cô thậm chí không nghĩ đến ; cô không cần phải kiềm chế bản thân. Cô nói và cảm thấy rằng vào thời gian này tất cả đàn ông đối với cô hoàn toàn giống như chú hề Nastasya Ivanovna. Một người bảo vệ bên trong nghiêm ngặt cấm cô mọi niềm vui. Và trong cô không còn tất cả những mối quan tâm cũ của cuộc sống từ cái thời thiếu nữ vô tư, tràn đầy hy vọng đó. Thường xuyên nhất và đau đớn nhất cô nhớ về những tháng mùa thu, cuộc đi săn, người chú và những ngày lễ thánh, trải qua với Nicolas ở Otradnoe. Cô sẽ đánh đổi điều gì để

có thể quay lại dù chỉ một ngày của thời gian đó ! Nhưng điều đó đã kết thúc mãi mãi. Dự cảm đã không lừa dối cô khi đó, rằng trạng thái tự do và sẵn sàng cho mọi niềm vui sẽ không bao giờ quay lại nữa. Nhưng cần phải sống tiếp.

Cô thấy an ủi khi nghĩ rằng mình không tốt đẹp hơn, như cô đã từng nghĩ trước đây, mà tệ hơn và tệ hơn nhiều so với tất cả mọi người, tất cả những ai sống trên đời. Nhưng thế vẫn là chưa đủ. Cô biết điều đó và tự hỏi mình : «rồi sau đó sẽ ra sao ?» Mà sau đó chẳng có gì cả. Không có niềm vui nào trong cuộc sống, mà cuộc đời thì đang trôi đi. Natasha, dường như, chỉ cố gắng không làm gánh nặng và không cản trở ai, còn đối với bản thân cô chẳng cần gì cả. Cô xa lánh tất cả người nhà, và chỉ với người em trai Petya là cô thấy dễ chịu : cô thích ở bên cậu nhiều hơn những người khác, và đôi khi, khi ở riêng với cậu, cô lại cười. Cô gần như không ra khỏi nhà và trong số những người đến thăm, cô chỉ vui mừng khi thấy một người duy nhất – Pierre. Không thể đối xử dịu dàng, cẩn thận và đồng thời nghiêm túc hơn cách mà bá tước Bezukhov đối xử với cô. Natasha vô thức cảm nhận được sự dịu dàng trong cách cư xử này và do đó tìm thấy niềm vui lớn lao trong sự hiện diện của anh. Nhưng cô thậm chí không biết ơn anh vì sự dịu dàng

đó; chẳng có gì tốt đẹp từ phía Pierre dường như là một nỗ lực đối với cô. Pierre dường như đương nhiên là tốt bụng với tất cả mọi người, vì không có công lao nào trong sự tốt bụng của anh. Đôi khi Natasha nhận thấy sự bối rối và vụng về của Pierre khi có mặt cô, đặc biệt là khi anh muốn làm điều gì đó dễ chịu cho cô hoặc khi anh sợ rằng điều gì đó trong cuộc trò chuyện sẽ gợi lại cho Natasha những hồi ức đau buồn. Cô nhận thấy điều đó và quy nó cho sự tốt bụng và nhút nhát chung của anh, điều mà theo quan niệm của cô, cũng giống với cô, phải như vậy với tất cả mọi người. Sau những lời bất ngờ về việc nếu anh tự do, anh sẽ quỳ xuống xin tay và tình yêu của cô, được nói ra trong giây phút xúc động mạnh mẽ như vậy đối với cô, Pierre chưa bao giờ nói gì về tình cảm của mình với Natasha ; và đối với cô rõ ràng là những lời đó, vốn đã an ủi cô rất nhiều, đã được nói ra như người ta nói mọi lời vô nghĩa để an ủi một đứa trẻ đang khóc. Không phải vì Pierre đã là người đàn ông có vợ, mà vì Natasha cảm thấy giữa mình và anh ở mức độ cao nhất cái sức mạnh của những rào cản đạo đức, mà cô đã cảm nhận được sự thiếu vắng của nó với Kuragin, – cô chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ rằng từ mối quan hệ của cô với Pierre có thể nảy sinh không chỉ tình yêu từ phía cô hay thậm chí ít hơn từ phía anh, mà cả loại tình bạn dịu dàng, được công nhận là thơ mộng

giữa người đàn ông và người phụ nữ, mà cô đã biết vài ví dụ.

Vào cuối Mùa chay Thánh Peter, Agrafena Ivanovna Belova, một người hàng xóm ở Otradnoe của gia đình Rostov, đã đến Moscow để lễ bái các thánh tích ở Moscow. Bà đề nghị Natasha đi xưng tội và chuẩn bị rước lễ, và Natasha vui mừng nắm lấy ý nghĩ này. Mặc dù các bác sĩ cấm đi ra ngoài vào sáng sớm, Natasha vẫn kiên quyết yêu cầu rằng cô sẽ đi xưng tội và rước lễ không phải theo cách mà gia đình Rostov thường làm, nghĩa là nghe ba buổi lễ tại nhà, mà là đi xưng tội và rước lễ đúng như cách Agrafena Ivanovna đã làm, nghĩa là suốt cả tuần, không bỏ lỡ một buổi kinh chiều, lễ tạ ơn hay kinh sớm nào.

Nữ công tước hài lòng với sự nhiệt thành này của Natasha ; trong lòng bà, sau sự thất bại của việc chữa trị bằng y tế, bà hy vọng rằng lời cầu nguyện sẽ giúp ích nhiều hơn thuốc men, và mặc dù với sự lo sợ và giấu giếm bác sĩ, bà đã đồng ý với mong muốn của Natasha và giao cô cho bà Belova. Agrafena Ivanovna đến đánh thức Natasha vào lúc ba giờ sáng nhưng thường thấy cô đã không ngủ. Natasha sợ lỡ mất giờ kinh sớm. Vội vàng rửa mặt và với sự khiêm nhường mặc bộ váy xấu nhất và chiếc khăn choàng cũ, run rẩy vì hơi lạnh buổi

sáng, Natasha đi ra những con đường vắng vẻ, được soi sáng mờ ảo bởi ánh bình minh. Theo lời khuyên của Agrafena Ivanovna, Natasha không đi xưng tội ở giáo xứ của mình, mà ở nhà thờ mà theo lời của bà Belova đạo hạnh, có một linh mục rất nghiêm khắc và có cuộc sống cao đẹp. Trong nhà thờ luôn có ít người ; Natasha và bà Belova đứng vào vị trí quen thuộc trước biểu tượng Đức Mẹ, được gắn vào phía sau bục giảng bên trái, và một cảm giác mới đối với Natasha về sự khiêm nhường trước cái vĩ đại, không thể thấu hiểu đã xâm chiếm cô, khi cô vào giờ sáng sớm bất thường này, nhìn vào gương mặt đen của Đức Mẹ, được soi sáng bởi những ngọn nến và ánh sáng buổi sáng chiếu từ cửa sổ, lắng nghe những âm thanh của buổi lễ mà cô cố gắng theo dõi, thấu hiểu chúng. Khi cô hiểu chúng, cảm xúc cá nhân của cô với những sắc thái của nó gia nhập vào lời cầu nguyện của cô ; khi cô không hiểu, cô càng thấy ngọt ngào hơn khi nghĩ rằng mong muốn hiểu tất cả là niềm kiêu hãnh, rằng không thể hiểu hết mọi thứ, rằng chỉ cần tin và phó thác cho Chúa, người mà trong những phút này cô cảm thấy – đang điều khiển linh hồn mình. Cô làm dấu thánh, cúi chào, và khi không hiểu, cô chỉ kinh hãi trước sự đê tiện của chính mình, cầu xin Chúa tha thứ cho cô về tất cả, về tất cả và thương xót cô. Những lời cầu nguyện mà cô hiến dâng nhiều nhất

là những lời cầu nguyện của sự sám hối. Trở về nhà vào giờ sáng sớm, khi chỉ gặp những người thợ nề đang đi làm, những người quét rác đang quét đường, và trong các ngôi nhà mọi người vẫn còn ngủ, Natasha trải qua một cảm giác mới đối với cô về khả năng sửa đổi bản thân khỏi những thói hư tật xấu và khả năng của một cuộc sống mới, trong sạch và hạnh phúc.

Trong suốt cả tuần cô thực hiện cuộc sống này, cảm giác này lớn dần theo từng ngày. Và niềm hạnh phúc được hòa mình vào thánh thể, hay được thông báo, như Agrafena Ivanovna vẫn nói một cách vui vẻ với từ này, hiện ra trước cô vĩ đại đến mức cô tưởng rằng mình sẽ không sống nổi đến ngày chủ nhật hồng phúc này.

Nhưng ngày hạnh phúc đã đến, và khi Natasha vào ngày chủ nhật đáng nhớ này, trong bộ váy lanh trắng, trở về sau khi rước lễ, lần đầu tiên sau nhiều tháng cô cảm thấy mình bình thản và không bị đè nặng bởi cuộc sống đang chờ đợi mình.

Vị bác sĩ đến vào ngày hôm đó đã khám cho Natasha và ra lệnh tiếp tục uống những loại bột cuối cùng mà ông đã kê đơn hai tuần trước.

– Nhất định phải tiếp tục uống vào buổi sáng và buổi tối, – vị bác sĩ nói, rõ ràng là rất hài lòng với thành công của mình. – Chỉ có điều, xin hãy cẩn thận hơn.

– Xin ông cứ yên tâm, thưa bác sĩ, – nữ công tước nói một cách hóm hỉnh, bàn tay ông khéo léo đón lấy đồng tiền vàng, – cô ấy sẽ sớm hát lại thôi và sẽ trở nên tươi tắn. Rất, rất tốt cho cô ấy loại thuốc cuối cùng này. Cô ấy đã tươi tỉnh hơn nhiều.

Nữ công tước nhìn vào móng tay và nhổ nước bọt, với khuôn mặt vui vẻ trở vào phòng khách.

XVIII

Vào đầu tháng Bảy ở Moscow lan truyền những tin đồn ngày càng đáng lo ngại về diễn biến của cuộc chiến : người ta nói về lời kêu gọi của hoàng thượng đối với quốc dân, về việc chính hoàng thượng từ quân đội đến Moscow. Và vì cho đến ngày 11 tháng Bảy bản tuyên ngôn và lời kêu gọi vẫn chưa được nhận, nên về chúng và về tình hình của Nga đã có những tin đồn thổi phồng. Người ta nói rằng hoàng thượng ra đi vì quân đội đang trong cơn nguy hiểm ; người ta nói rằng Smolensk đã thất thủ, rằng Napoleon có một triệu quân và chỉ có phép màu mới cứu được nước Nga.

Vào ngày 11 tháng Bảy, thứ Bảy, bản tuyên ngôn đã được nhận, nhưng vẫn chưa được in ; và Pierre, người đang ở nhà Rostov, đã hứa vào ngày hôm sau, chủ nhật, sẽ đến ăn trưa và mang theo bản tuyên ngôn và lời kêu gọi mà anh sẽ nhận được từ bá tước Rastopchin.

Vào chủ nhật hôm đó gia đình Rostov theo thường lệ đi dự lễ tạ ơn tại nhà nguyện của gia đình Razumovsky. Đó là một ngày tháng Bảy nóng nực. Ngay từ lúc 10 giờ, khi gia đình Rostov bước ra khỏi xe ngựa trước cửa nhà thờ, trong không khí nóng bức, trong tiếng kêu của những người bán hàng rong, trong những bộ váy mùa

hè rực rỡ và sáng sủa của đám đông, trên những tán lá đầy bụi của những cây xanh trên đại lộ, trong tiếng nhạc và những chiếc quần trắng của tiểu đoàn vừa đi qua để duyệt binh, trong tiếng sấm của mặt đường và ánh nắng rực rỡ của mặt trời nóng bỏng, đã có một sự mệt mỏi của mùa hè, sự hài lòng và không hài lòng với hiện tại, điều đặc biệt được cảm nhận rõ rệt vào một ngày hè oi bức ở thành phố. Tại nhà thờ của gia đình Razumovsky có mặt toàn bộ giới quý tộc Moscow, tất cả những người quen của gia đình Rostov (vào năm này, dường như chờ đợi điều gì đó, rất nhiều gia đình giàu có thường đi nghỉ ở nông thôn vẫn ở lại thành phố). Đi qua phía sau một người hầu mặc áo đồng phục đang rẽ đám đông, Natasha nghe thấy một giọng nói của một người đàn ông trẻ tuổi, nói về cô bằng một tiếng thì thầm quá to :

– Đó là Rostov, chính là cô ta...

– Cô ấy gầy đi thế nào, nhưng vẫn đẹp !

Cô nghe thấy, hoặc dường như đối với cô, rằng tên của Kuragin và Bolkonsky đã được nhắc đến. Tuy nhiên, điều đó luôn dường như đối với cô. Luôn dường như đối với cô rằng tất cả mọi người, khi nhìn cô, chỉ nghĩ về những gì đã xảy ra với cô. Đau đớn và héo hắt trong lòng, như mọi khi trong đám đông, Natasha đi trong chiếc váy lụa màu tím với ren đen của mình theo cách

mà phụ nữ biết cách đi – càng bình tĩnh và đường bệ hơn khi cô càng thấy đau đớn và hổ thẹn trong lòng. Cô biết và không nhầm rằng cô đẹp ; nhưng bây giờ điều đó không làm cô vui như trước nữa. Ngược lại, điều đó làm cô đau khổ nhất trong thời gian gần đây, và đặc biệt là vào ngày hè rực rỡ, nóng nực này ở thành phố. «Lại một ngày chủ nhật, lại một tuần nữa», cô tự nhủ, nhớ lại rằng cô đã ở đây vào chủ nhật trước, «và vẫn là cuộc sống đó không có sự sống, và vẫn là những điều kiện đó, trong đó trước đây thật dễ dàng để sống. Xinh đẹp, trẻ trung, và tôi biết rằng bây giờ tôi tốt ; trước đây tôi xấu xa, nhưng bây giờ tôi tốt, tôi biết rồi», cô nghĩ, «nhưng một cách vô ích, không vì ai cả, những năm tháng đẹp nhất đang trôi qua». Cô đứng cạnh mẹ và trao đổi ánh nhìn với những người quen đứng gần đó. Natasha theo thói quen quan sát trang phục của các quý bà, chỉ trích tenue và cách làm dấu thánh không đứng đắn của một quý bà đứng gần trên một không gian nhỏ hẹp, lại nghĩ với sự cay đắng về việc người ta phán xét cô thế nào và cô phán xét họ thế nào, và bất ngờ, nghe thấy những âm thanh của buổi lễ, cô kinh hãi trước sự đê tiện của mình, kinh hãi vì sự trong sáng cũ đã lại bị cô đánh mất.

Một ông già có vẻ ngoài phúc hậu, thanh khiết đang phục vụ với sự nghiêm trang hiền từ, điều có tác động làm dịu tâm hồn những người đang cầu nguyện. Cửa hoàng gia đóng lại ; bức màn từ từ kéo lại ; một giọng nói trầm lặng, bí ẩn thốt ra điều gì đó từ bên trong. Những giọt nước mắt không hiểu nổi đứng trong lồng ngực Natasha, và một cảm giác rạo rực và đau đớn làm cô xúc động.

«Lạy Chúa, hãy dạy con biết phải làm gì, cuộc đời con phải thế nào, làm sao để con sửa đổi mãi mãi, mãi mãi !..» cô nghĩ.

Thầy phó tế bước ra bục giảng, vuốt lại, tách ngón tay cái ra, mái tóc dài từ dưới áo lễ, và đặt cây thập tự lên ngực, bắt đầu đọc to và trang trọng những lời cầu nguyện :

– «Chúng ta hãy cầu nguyện lên Chúa trong hòa bình!»

«Trong hòa bình, tất cả cùng nhau, không phân biệt giai cấp, không thù hận, mà hiệp nhất bằng tình yêu anh em – chúng ta hãy cầu nguyện», Natasha nghĩ.

– «Cầu cho hòa bình từ trên cao và cho sự cứu rỗi linh hồn chúng ta !»

«Về hòa bình của các thiên thần và linh hồn của tất cả các sinh linh không có thể xác sống trên chúng ta», Natasha cầu nguyện.

Khi cầu nguyện cho quân đội, cô nhớ đến anh trai và Denisov. Khi cầu nguyện cho những người đi biển và lữ hành, cô nhớ đến công tước Andrei và cầu nguyện cho anh, và cầu nguyện cho Chúa tha thứ cho cô về điều ác mà cô đã gây ra cho anh. Khi cầu nguyện cho những người yêu thương chúng ta, cô cầu nguyện cho người nhà mình, cho cha, mẹ, Sonya, lần đầu tiên bây giờ nhận ra toàn bộ lỗi lầm của mình đối với họ và cảm nhận toàn bộ sức mạnh tình yêu của mình đối với họ. Khi cầu nguyện cho những kẻ căm thù chúng ta, cô tự nghĩ ra kẻ thù và những kẻ căm thù để cầu nguyện cho họ. Cô xếp vào hàng kẻ thù những chủ nợ và tất cả những ai có việc với cha cô, và mỗi lần, khi nghĩ về kẻ thù và những kẻ căm thù, cô lại nhớ đến Anatole, người đã gây ra cho cô bao nhiêu điều ác, và dù anh không phải là kẻ căm thù, cô vẫn vui vẻ cầu nguyện cho anh như cho một kẻ thù. Chỉ trong lời cầu nguyện cô mới cảm thấy mình có đủ sức mạnh để nhớ lại một cách rõ ràng và bình thản về công tước Andrei và về Anatole như về những con người mà tình cảm của cô đối với họ bị tiêu tan so với cảm giác sợ hãi và tôn kính của cô đối với Chúa. Khi cầu nguyện cho hoàng gia và cho thượng

hội đồng, cô đặc biệt cúi đầu thấp và làm dấu thánh, tự nhủ rằng nếu cô không hiểu, cô không thể nghi ngờ và dù sao vẫn yêu thượng hội đồng trị vì và cầu nguyện cho nó.

Kết thúc bài kinh cầu, thầy phó tế vắt dải khăn quàng qua ngực và thốt lên :

– «Chúng ta hãy phó thác chính mình và sự sống chúng ta cho Chúa Kitô !»

«Chúng ta hãy phó thác chính mình cho Chúa», Natasha lặp lại trong lòng. «Lạy Chúa, con phó thác bản thân mình cho ý muốn của Ngài», cô nghĩ. «Con chẳng muốn gì, chẳng mong gì ; hãy dạy con biết phải làm gì, làm sao để sử dụng ý chí của Ngài ! Phải, hãy đón nhận con, hãy đón nhận con !» Natasha thốt lên với sự kiên nhẫn xúc động trong lòng, không làm dấu thánh, buông thõng đôi tay gầy gò và như thể đang chờ đợi một sức mạnh vô hình nào đó sẽ đón lấy cô và giải thoát cô khỏi chính mình, khỏi những nỗi hối hận, mong muốn, trách móc, hy vọng và tội lỗi của mình.

Nữ công tước vài lần trong buổi lễ ngoái lại nhìn khuôn mặt rạng rỡ với đôi mắt sáng của con gái mình và cầu xin Chúa giúp đỡ cô.

Bất ngờ, vào giữa buổi lễ chứ không phải theo thứ tự thông thường, thầy phó tế mang ra một chiếc ghế nhỏ, chính là chiếc ghế trên đó người ta đọc những lời cầu nguyện quỳ gối vào ngày lễ Chúa Ba Ngôi, và đặt nó trước cửa hoàng gia. Vị linh mục bước ra trong chiếc mũ nhung màu tím, vuốt tóc và với một nỗ lực đã quỳ xuống. Mọi người cũng làm như vậy và nhìn nhau với vẻ ngạc nhiên. Đây là lời cầu nguyện, mới được nhận từ thượng hội đồng, lời cầu nguyện cho sự cứu rỗi nước Nga khỏi cuộc xâm lược của quân thù.

– «Lạy Chúa Chúa của các thế lực, Chúa của sự cứu rỗi chúng con», vị linh mục bắt đầu bằng giọng rõ ràng, không hoa mỹ và dịu dàng, thứ giọng mà chỉ những người đọc kinh thánh Slavơ duy nhất mới đọc và thứ giọng tác động không thể cưỡng lại lên trái tim người Nga.

«Lạy Chúa Chúa của các thế lực, Chúa của sự cứu rỗi chúng con ! Xin hãy đoái thương nhìn xuống trong lòng thương xót và sự hào phóng đối với những người khiêm nhường của Ngài và hãy lắng nghe chúng con một cách nhân từ, và tha thứ cho chúng con, và thương xót chúng con. Kìa kẻ thù, đang làm xáo trộn trái đất của Ngài và muốn biến toàn bộ vũ trụ thành hoang vu, đã trỗi dậy chống lại chúng con : kìa những kẻ vô luật pháp đã tụ

tập để tiêu diệt di sản của Ngài, tàn phá Jerusalem thánh thiện của Ngài, thành phố yêu quý của Ngài, nước Nga thân yêu của Ngài : làm ô uế các đền thờ của Ngài, đào bới các bàn thờ và xúc phạm thánh tích của chúng con. Đến bao giờ, lạy Chúa, đến bao giờ những kẻ tội lỗi sẽ huênh hoang ? Đến bao giờ chúng sẽ sử dụng quyền lực bất hợp pháp ?

Lạy Chúa Thượng Đế ! Xin hãy lắng nghe chúng con đang cầu nguyện với Ngài : xin hãy củng cố bằng sức mạnh của Ngài vị hoàng đế ngoan đạo nhất, tối cao nhất của chúng con, đại đế Alexander Pavlovich ; xin hãy nhớ đến sự thật và sự khiêm nhường của người, xin hãy ban cho người theo lòng tốt của người, nhờ đó người gìn giữ chúng con, Israel yêu quý của Ngài. Xin hãy chúc phúc cho những ý định, khởi đầu và hành động của người ; xin hãy củng cố vương quốc của người bằng bàn tay toàn năng của Ngài và ban cho người chiến thắng quân thù ; như đã ban cho Moses đánh bại Amalek, Gideon đánh bại Midian và David đánh bại Goliath. Xin hãy bảo vệ quân đội của người, đặt cung tên bằng đồng vào tay họ và thắt lưng họ bằng sức mạnh cho trận chiến. Xin hãy cầm lấy vũ khí và khiên và trỗi dậy để giúp đỡ chúng con ; cầu cho những kẻ mưu hại điều ác chống lại chúng con sẽ bị xấu hổ và sỉ nhục ; cầu cho chúng sẽ như bụi trước mặt gió, và Thiên Thần của Ngài mạnh

mẽ sẽ xua đuổi chúng ; cầu cho lưới sẽ bủa vây chúng mà chúng không biết, và cái bẫy chúng đã giấu sẽ bắt lấy chúng ; cầu cho chúng sẽ ngã quỵ dưới chân các tôi tớ của Ngài và bị giẫm nát bởi quân đội của chúng con. Lạy Chúa ! Sẽ chẳng ai có thể cứu Ngài khỏi nhiều hay ít ; Ngài là Chúa, cầu cho con người không chống lại được Ngài.

Lạy Chúa tổ tiên chúng con ! Xin hãy nhớ đến sự hào phóng và lòng thương xót của Ngài, vốn có từ ngàn xưa; xin đừng từ bỏ chúng con khỏi mặt Ngài, cũng đừng ghê tởm sự không xứng đáng của chúng con, nhưng theo lòng thương xót vĩ đại của Ngài và theo lòng thương xót vô biên của Ngài, xin đừng nhìn đến những lỗi lầm và tội lỗi của chúng con. Hãy tạo cho chúng con một trái tim thuần khiết và làm mới một tinh thần ngay thẳng trong lòng chúng con ; hãy củng cố tất cả chúng con bằng đức tin nơi Ngài, nâng đỡ chúng con bằng niềm hy vọng, làm phấn chấn tâm hồn chúng con bằng tình yêu chân thành dành cho nhau, vũ trang cho chúng con bằng sự đồng lòng để bảo vệ công lý đối với những di sản mà Ngài đã ban cho chúng con và tổ tiên chúng con : để vương trượng của kẻ ác không bao giờ ngự trị trên vận mệnh của những người được thánh hiến.

«Lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con, Đấng mà chúng con hằng tin tưởng và hy vọng, xin đừng để chúng con phải hổ thẹn vì mong chờ lòng thương xót của Ngài, và hãy ban cho chúng con một điềm báo tốt lành ; để những kẻ thù ghét chúng con và đức tin chính thống của chúng con thấy được mà phải hổ thẹn và diệt vong, và để mọi quốc gia biết rằng tên Ngài là Chúa, và chúng con là dân tộc của Ngài. Xin hãy tỏ lòng nhân từ và ban ơn cứu độ của Ngài cho chúng con, lạy Chúa ; hãy làm cho trái tim của các tôi tớ Ngài vui mừng trong lòng thương xót của Ngài ; xin hãy sớm đánh bại kẻ thù của chúng con và chà nát chúng dưới chân những người trung thành với Ngài. Vì Ngài là sự bảo vệ, là sự trợ giúp và là chiến thắng của những ai trông cậy vào Ngài, và chúng con dâng vinh quang lên Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời. Amen.»

Trong trạng thái tâm hồn rộng mở ấy của Natasha, lời cầu nguyện này đã tác động mạnh mẽ đến cô. Cô lắng nghe từng lời về chiến thắng của Moses trước Amalek, của Gideon trước Midian, và của David trước Goliath, và về sự tàn phá Jerusalem của Ngài, và cô cầu xin Chúa với tất cả sự dịu dàng và mềm yếu mà trái tim cô đang tràn ngập ; nhưng cô không hiểu rõ lắm cô đang cầu xin Chúa điều gì trong lời cầu nguyện này. Cô tham gia

bằng cả tâm hồn vào lời thỉnh cầu về một tinh thần ngay thẳng, về việc củng cố trái tim bằng đức tin, hy vọng và làm phấn chấn họ bằng tình yêu. Nhưng cô không thể cầu nguyện cho việc chà nát kẻ thù dưới chân mình, khi mà chỉ vài phút trước đó cô chỉ muốn có chúng nhiều hơn để cầu nguyện cho chúng. Nhưng cô cũng không thể nghi ngờ tính đúng đắn của lời cầu nguyện quỳ gối đang được đọc. Cô cảm thấy trong tâm hồn mình một nỗi kinh hoàng sùng kính và run rẩy trước hình phạt giáng xuống con người vì tội lỗi của họ và đặc biệt là vì tội lỗi của chính mình, và cô cầu xin Chúa tha thứ cho họ, cho tất cả bọn họ và cho cô, và ban cho tất cả bọn họ và cho cô sự bình an và hạnh phúc trong cuộc sống. Và cô cảm thấy như Chúa đang nghe lời cầu nguyện của mình.

XIX

Kể từ ngày đó, khi Pierre rời khỏi nhà Rostov và nhớ lại ánh mắt biết ơn của Natasha, anh nhìn vào ngôi sao chổi đang đứng trên bầu trời, và cảm thấy rằng đối với anh, một điều gì đó mới mẻ đã mở ra, – câu hỏi cũ ròng rã hành hạ anh về sự vô ích và điên rồ của mọi thứ trên thế gian đã ngừng hiện ra với anh. Câu hỏi đáng sợ này: để làm gì ? tại sao ? cái mà trước đây luôn hiện ra với anh giữa mọi công việc, giờ đây đã được thay thế bằng một câu hỏi khác không phải bằng lời nói và không phải là câu trả lời cho câu hỏi trước, mà là sự hình dung về cô ấy. Dù anh nghe những cuộc trò chuyện tầm thường hay tự mình thực hiện chúng, dù anh đọc hay biết về sự hèn hạ và vô nghĩa của con người, anh không còn kinh hãi như trước ; anh không tự hỏi mình xem mọi người đang bận rộn vì cái gì khi mọi thứ đều ngắn ngủi và không chắc chắn như vậy, – mà anh nhớ lại cô trong trạng thái mà anh đã thấy cô lần cuối, và mọi nghi ngờ của anh tan biến không phải vì cô đã trả lời những câu hỏi hiện ra với anh, mà vì hình ảnh về cô đã đưa anh ngay lập tức vào một vùng hoạt động tinh thần khác, tươi sáng, nơi không thể có người đúng hay kẻ sai, vào vùng của vẻ đẹp và tình yêu mà vì đó đáng để sống. Bất kể sự ghê tởm nào của cuộc sống hiện ra với anh, anh tự nhủ :

«Này, cứ để N. N. cướp bóc nhà nước và nhà vua, còn nhà nước và nhà vua ban cho ông ta danh dự ; còn cô ấy hôm qua đã mỉm cười với tôi và bảo tôi hãy đến, và tôi yêu cô ấy, và sẽ không ai bao giờ biết điều đó». Và trong lòng anh thấy bình thản và sáng tỏ.

Pierre vẫn tiếp tục đi vào xã hội, vẫn uống nhiều và dẫn dắt một cuộc sống rảnh rỗi và phân tán như thế, vì ngoài những giờ anh ở nhà Rostov ra, anh còn phải dành thời gian còn lại cho những thói quen và những người quen cũ được tạo ra ở Moscow, chúng kéo anh đi một cách không cưỡng lại được vào cuộc sống đã chiếm hữu anh. Nhưng trong thời gian gần đây, khi những tin đồn ngày càng đáng lo ngại về chiến trường kéo đến, và khi sức khỏe của Natasha bắt đầu hồi phục và cô không còn khơi dậy trong anh cảm giác thương hại che chở trước đây nữa, anh bắt đầu bị xâm chiếm bởi một sự bồn chồn ngày càng khó hiểu. Anh cảm thấy rằng tình trạng mà anh đang ở đó không thể kéo dài lâu, rằng một thảm họa đang ập đến, điều mà sẽ phải thay đổi toàn bộ cuộc sống của anh, và anh nôn nóng tìm kiếm khắp nơi những dấu hiệu của thảm họa sắp tới này. Một người anh em hội Tam điểm đã tiết lộ cho Pierre điều sau đây, được rút ra từ Sách Khải Huyền của Thánh John, lời tiên tri liên quan đến Napoleon.

Trong Sách Khải Huyền, chương mười ba, câu mười tám, có nói : «Đây là sự khôn ngoan ; ai có trí khôn hãy tính số con thú : vì đó là số người, và số của nó là sáu trăm sáu mươi sáu».

Và trong cùng chương đó, câu thứ năm : «Và nó được ban cho cái miệng nói những lời kiêu ngạo và phạm thượng ; và nó được ban cho quyền hành để hành động trong bốn mươi hai tháng».

Các chữ cái Pháp, tương tự như cách biểu diễn số của Do Thái, theo đó mười chữ cái đầu tiên có nghĩa là đơn vị, và các chữ cái còn lại có nghĩa là hàng chục, có giá trị như sau :

a b c d e f g h i k l m n o p q r s t u v w x y z

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 20 30 40 50 60 70 80 90 100 110 120 130 140 150 160

Khi viết bằng các chữ số theo bảng chữ cái này các từ L'Empereur Napoléon, kết quả là tổng của các con số này bằng 666 và do đó Napoleon chính là con thú đã được tiên tri trong Sách Khải Huyền. Ngoài ra, khi viết theo bảng chữ cái này các từ quarante deux, tức là giới hạn đã được ấn định cho con thú nói những lời kiêu ngạo và phạm thượng, tổng của các con số này,

biểu thị quarante deux, lại bằng 666, từ đó suy ra rằng giới hạn quyền lực của Napoleon đã đến vào năm 1812, năm mà hoàng đế Pháp tròn 42 tuổi. Lời tiên đoán này đã làm Pierre vô cùng kinh ngạc, và anh thường tự hỏi mình câu hỏi rằng chính xác điều gì sẽ đặt ra giới hạn cho quyền lực của con thú, tức là Napoleon, và dựa trên cùng một cách biểu diễn các từ bằng chữ số và các phép tính, anh đã cố gắng tìm câu trả lời cho câu hỏi đang chiếm lĩnh mình. Pierre đã viết để trả lời cho câu hỏi này : L'Empereur Alexandre ? La nation russe? Tổng các chữ số ra nhiều hơn hoặc ít hơn 666. Một lần, khi đang thực hiện các phép tính này, anh đã viết tên mình – Comte Pierre Besouhoff ; tổng các chữ số không khớp. Anh, sau khi thay đổi chính tả, đặt z thay cho s, thêm «de», thêm mạo từ «le» và vẫn không nhận được kết quả mong muốn. Sau đó, anh nảy ra ý nghĩ rằng nếu câu trả lời cho câu hỏi tìm kiếm nằm ở tên anh, thì trong câu trả lời chắc chắn phải có quốc tịch của anh. Anh viết le russe Besuhof và, tính toán các chữ số, anh nhận được 671. Chỉ thừa 5 đơn vị ; 5 có nghĩa là «e», chính là chữ «e» đã bị bỏ đi trong mạo từ trước từ l'empereur. Bỏ đi đúng như thế, mặc dù không chính xác, chữ «e», Pierre nhận được câu trả lời mong muốn l'russe Besuhof, bằng 666. Phát hiện này làm anh xúc động. Bằng sự liên kết nào mà anh được kết nối với sự

kiện vĩ đại đã được tiên tri trong Sách Khải Huyền, anh không biết ; nhưng anh không một phút nào nghi ngờ về mối liên hệ này. Tình yêu của anh dành cho Rostov, kẻ phản Kitô, cuộc xâm lược của Napoleon, ngôi sao chổi, 666, l'Empereur Napoléon và l'russe Besuhof, – tất cả những thứ này cùng nhau phải chín muồi, bùng nổ và đưa anh ra khỏi thế giới nhỏ bé hèn mọn của những thói quen Moscow, nơi anh cảm thấy mình bị cầm tù, và dẫn anh đến một hành động vĩ đại và một hạnh phúc vĩ đại.

Vào đêm trước của ngày Chủ nhật đó khi người ta đọc lời cầu nguyện, Pierre đã hứa với nhà Rostov sẽ mang đến cho họ từ Bá tước Rostopchin, người mà anh quen biết rất rõ, bản kêu gọi gửi nước Nga và những tin tức mới nhất từ quân đội. Buổi sáng, sau khi ghé thăm bá tước Rostopchin, Pierre đã gặp một người đưa thư vừa mới đến từ quân đội. Người đưa thư là một trong những người quen của Pierre trong số các vũ công dạ tiệc ở Moscow.

– Vì Chúa, anh không thể giúp tôi nhẹ gánh được sao? – người đưa thư nói : – tôi có đầy một túi thư gửi cho các phụ huynh.

Trong số những bức thư này có một bức thư từ Nikolai Rostov gửi cho cha mình. Pierre đã nhận bức thư này. Ngoài ra, Bá tước Rostopchin đã đưa cho Pierre bản

kêu gọi của nhà vua gửi Moscow, lúc đó vừa mới được in xong, những mệnh lệnh mới nhất cho quân đội và tờ áp phích cuối cùng của mình. Xem qua các mệnh lệnh cho quân đội, Pierre tìm thấy trong một bản báo cáo về những người bị thương, bị giết và được khen thưởng, cái tên Nikolai Rostov, được tặng thưởng Huân chương Thánh George hạng 4 vì lòng dũng cảm đã thể hiện trong trận Ostrovna, và trong cùng bản báo cáo đó có sắc lệnh bổ nhiệm Công tước Andrei Bolkonsky làm chỉ huy trung đoàn bộ binh nhẹ. Mặc dù anh không muốn nhắc nhà Rostov về Bolkonsky, nhưng Pierre không thể kìm lòng trước mong muốn làm họ vui mừng với tin tức về việc khen thưởng người con trai và, để lại bản kêu gọi, tờ áp phích và các mệnh lệnh khác cho mình để tự mình mang chúng đến bữa trưa, anh đã gửi bức thư và bản in mệnh lệnh cho nhà Rostov.

Cuộc trò chuyện với Bá tước Rostopchin, giọng điệu lo lắng và vội vã của ông ; cuộc gặp gỡ với người đưa thư, người kể một cách vô tư về việc mọi chuyện ở quân đội đang tồi tệ như thế nào ; những tin đồn về các điệp viên được tìm thấy ở Moscow, về một tờ giấy đang lưu hành ở Moscow nói rằng Napoleon hứa sẽ ở trong cả hai thủ đô của Nga trước mùa thu ; cuộc trò chuyện về chuyến thăm dự kiến của nhà vua vào ngày mai, – tất cả những điều này khơi dậy trong Pierre một cảm giác

lo lắng và mong chờ mới, cảm giác đã không rời bỏ anh kể từ khi ngôi sao chổi xuất hiện và đặc biệt là từ khi bắt đầu chiến tranh.

Pierre từ lâu đã nảy ra ý nghĩ gia nhập quân ngũ, và anh hẳn đã thực hiện điều đó nếu như không có những trở ngại, thứ nhất là việc anh thuộc về hội Tam điểm đó, nơi mà anh bị ràng buộc bởi lời thề và nơi rao giảng hòa bình vĩnh cửu và sự xóa bỏ chiến tranh, và thứ hai là, khi nhìn vào số lượng lớn người Moscow đã khoác lên mình bộ quân phục và rao giảng lòng yêu nước, vì lý do nào đó anh cảm thấy xấu hổ khi thực hiện một bước đi như vậy. Tuy nhiên, lý do chính khiến anh không thực hiện ý định gia nhập quân ngũ nằm ở sự hình dung mơ hồ rằng anh là – l'russe Besuhof, người có ý nghĩa về con số của con thú 666, rằng sự tham gia của anh vào công việc vĩ đại về việc giới hạn quyền lực của con thú, kẻ nói những lời kiêu ngạo và phạm thượng, đã được định sẵn từ trước muôn đời và do đó anh không nên thực hiện bất cứ điều gì và hãy chờ đợi những gì phải xảy ra.

XX

Tại nhà Rostov, như mọi khi vào các ngày Chủ nhật, có một vài người quen thân đến ăn trưa.

Pierre đến sớm để gặp riêng họ.

Pierre trong năm nay đã béo lên nhiều đến mức anh hẳn sẽ trông rất xấu xí nếu như anh không cao lớn, to lớn với đôi vai rộng và không mạnh mẽ đến thế, điều mà rõ ràng là anh mang theo cơ thể đồ sộ của mình một cách dễ dàng.

Anh, đang thở phì phò và lẩm bẩm điều gì đó về bản thân, bước lên cầu thang. Người đánh xe của anh không còn hỏi có chờ hay không. Anh biết rằng khi bá tước ở nhà Rostov, thì phải chờ đến 12 giờ đêm. Các gia nhân nhà Rostov vui vẻ chạy đến cởi áo choàng cho anh và nhận lấy gậy và mũ của anh. Pierre, theo thói quen của câu lạc bộ, để lại gậy và mũ ở tiền sảnh.

Người đầu tiên anh nhìn thấy ở nhà Rostov là Natasha. Ngay cả trước khi anh nhìn thấy cô, anh đã nghe thấy tiếng cô khi anh đang cởi áo choàng ở tiền sảnh. Cô đang hát các bài xướng âm trong phòng khách. Anh biết rằng cô đã không hát kể từ lúc lâm bệnh, và do đó âm thanh giọng nói của cô làm anh ngạc nhiên và

vui mừng. Anh khẽ mở cửa và nhìn thấy Natasha trong chiếc váy màu tím, chiếc váy mà cô đã mặc lúc đi lễ, đang đi đi lại lại trong phòng và hát. Cô đang đi quay lưng về phía anh khi anh mở cửa, nhưng khi cô đột ngột quay lại và nhìn thấy khuôn mặt to lớn ngạc nhiên của anh, cô đỏ mặt và nhanh chóng tiến lại gần anh.

– Em muốn thử hát lại, – cô nói. – Dù sao thì đó cũng là một công việc, – cô nói thêm, như thể đang xin lỗi.

– Và tuyệt lắm.

– Em rất vui vì anh đã đến ! Hôm nay em cảm thấy thật hạnh phúc ! – cô nói với vẻ hoạt bát trước đây mà Pierre đã lâu không thấy ở cô. – Anh biết không, Nicolas đã nhận được Huân chương Thánh George. Em rất tự hào về anh ấy.

– Có chứ, anh đã gửi sắc lệnh rồi. Này, anh không muốn làm phiền em đâu, – anh nói thêm và định đi vào phòng khách.

Natasha dừng anh lại.

– Thưa bá tước, em hát như vậy có tệ không ? – cô nói, đỏ mặt, nhưng không rời mắt, nhìn Pierre một cách đầy hỏi han.

– Không... tại sao em lại hỏi anh ? Ngược lại... Nhưng tại sao em lại hỏi anh ?

– Chính em cũng không biết, – Natasha trả lời nhanh. – Nhưng em không muốn làm bất cứ điều gì mà anh không thích. Em tin tưởng anh trong mọi việc. Anh biết không, anh quan trọng đối với em thế nào, anh đã làm cho em nhiều điều thế nào !... – Cô nói nhanh và không nhận thấy Pierre đã đỏ mặt như thế nào khi nghe những lời này. – Em đã thấy trong cùng sắc lệnh đó : anh ấy, Bolkonsky (cô thốt ra từ này một cách thầm thì nhanh chóng), anh ấy đang ở Nga và lại phục vụ. Anh nghĩ gì, – cô nói nhanh, rõ ràng là đang vội vàng nói, vì cô sợ cho sức mạnh của mình, – liệu anh ấy có bao giờ tha thứ cho em không ? Liệu anh ấy có bao giờ không còn ác cảm với em không ? Anh nghĩ sao ? Anh nghĩ sao ?

– Anh nghĩ... – Pierre nói. – Anh ấy không có gì để tha thứ... Nếu anh là anh ấy...

Theo sự liên kết của những ký ức, Pierre ngay lập tức được đưa về thời điểm đó khi anh, để an ủi cô, đã nói với cô rằng nếu anh không phải là anh, mà là người đàn ông tốt nhất trên thế gian và tự do, thì anh sẽ quỳ xuống xin cưới cô ; và cùng một cảm giác thương hại, dịu dàng, yêu thương đó đã chiếm lấy anh, và cùng những

lời đó đã hiện lên trên môi anh. Nhưng cô đã không cho anh thời gian để thốt ra chúng.

– Phải, anh... anh... – cô nói, thốt ra từ «anh» này với sự say mê, – chuyện đó khác. Anh tốt hơn, hào hiệp hơn, anh tốt hơn bất kỳ ai ! Em không biết một người nào khác như vậy và không thể có được. Nếu không có anh lúc đó, và cả bây giờ nữa, em không biết điều gì sẽ xảy ra với em, bởi vì...

Nước mắt đột nhiên trào ra trong mắt cô ; cô quay đi, áp bản nhạc vào mắt, bắt đầu hát và lại bắt đầu đi đi lại lại trong phòng khách.

Vào lúc này, Petya chạy ra từ phòng khách.

Petya giờ đây đã là một cậu bé mười lăm tuổi xinh đẹp, hồng hào với đôi môi dày đỏ, giống Natasha. Cậu đang chuẩn bị vào đại học, nhưng trong thời gian gần đây, cùng với người bạn Obolensky của mình, cậu đã thầm quyết định rằng mình sẽ gia nhập trung đoàn khinh kỵ binh.

Petya nhảy ra gặp người trùng tên với mình để nói về việc đó. Cậu xin anh tìm hiểu xem liệu họ có nhận cậu vào trung đoàn khinh kỵ binh không.

Pierre đi vào phòng khách, không nghe Petya.

Petya kéo tay anh để thu hút sự chú ý của anh.

– Này, việc của em thế nào, Pyotr Kirilych, vì Chúa ! Hy vọng duy nhất là ở anh, – Petya nói.

– À, đúng rồi, việc của em. Gia nhập khinh kỵ binh à? Anh sẽ hỏi, anh sẽ hỏi. Hôm nay anh sẽ nói hết.

– Này anh bạn, mon cher, này, đã có bản tuyên ngôn chưa ? – vị bá tước già hỏi. – Còn nữ bá tước nhỏ thì đã đi lễ ở nhà Razumovsky, cô ấy đã nghe lời cầu nguyện mới. Rất hay, cô ấy nói.

– Đã có rồi, – Pierre trả lời. – Ngày mai nhà vua sẽ đến... Sẽ có một cuộc họp bất thường của giới quý tộc và, họ nói, sẽ có một đợt tuyển quân mười phần nghìn. Vâng, chúc mừng các anh.

– Phải, phải, tạ ơn Chúa. Này, còn từ quân đội thì sao?

– Quân ta lại rút lui. Họ nói là đã ở gần Smolensk rồi, – Pierre trả lời.

– Chúa ơi, Chúa ơi ! – bá tước nói. – Bản tuyên ngôn ở đâu ?

– Bản kêu gọi à ! À, đúng rồi !

Pierre bắt đầu tìm trong các túi những tờ giấy và không thể tìm thấy chúng. Vừa tiếp tục vỗ vào các túi, anh vừa hôn tay nữ bá tước vừa bước vào và lo lắng nhìn quanh, rõ ràng là đang đợi Natasha, người đã không còn hát nữa nhưng cũng không vào phòng khách.

– Ma parole, je ne sais plus où je l'ai fourré, – anh nói.

– Này, lúc nào cũng mãi quên hết mọi thứ, – nữ bá tước nói.

Natasha bước vào với khuôn mặt mềm yếu, xúc động và ngồi xuống, lặng lẽ nhìn Pierre. Ngay khi cô bước vào phòng, khuôn mặt Pierre, trước đó đang u ám, bừng sáng, và anh, tiếp tục tìm kiếm giấy tờ, đã vài lần nhìn trộm cô.

– Thề có Chúa, con sẽ đi, con đã quên ở nhà rồi. Nhất định...

– Này, các anh sẽ muộn bữa trưa mất ?

– À, và người đánh xe cũng đã đi rồi.

Nhưng Sonya, người đã đi vào tiền sảnh để tìm giấy tờ, đã tìm thấy chúng trong mũ của Pierre, nơi anh đã cẩn thận đặt chúng dưới lớp lót. Pierre định đọc.

– Không, sau bữa trưa đi, – vị bá tước già nói, rõ ràng là thấy vui mừng lớn trong việc đọc này.

Tại bữa trưa, khi uống rượu sâm panh chúc sức khỏe của người vừa được tặng thưởng huân chương George, Shinshin kể những tin tức thành phố : về bệnh tình của bà công tước già người Georgia, về việc Metivier đã biến mất khỏi Moscow như thế nào, và về việc một người Đức nào đó đã được đưa đến chỗ Rostopchin và bị tuyên bố là một kẻ gian xảo (như chính Bá tước Rostopchin đã kể), và làm thế nào Bá tước Rostopchin đã lệnh cho thả kẻ gian xảo đó ra, nói với mọi người rằng đó không phải là kẻ gian xảo, mà chỉ là một lão già người Đức điên khùng.

– Họ đang bắt bớ, đang bắt bớ ! – bá tước nói. – Tôi còn bảo nữ bá tước hãy nói ít tiếng Pháp đi. Bây giờ không phải là lúc.

– Còn anh đã nghe chưa ? – Shinshin nói. – Công tước Golitsyn đã thuê một giáo viên tiếng Nga – đang học tiếng Nga, – Nói tiếng Pháp trên đường phố bắt đầu trở nên nguy hiểm.

– Này, còn anh, bá tước Pyotr Kirilych, khi nào họ tập hợp dân quân, anh cũng sẽ phải lên ngựa chứ ? – vị bá tước già nói, quay sang Pierre.

Pierre im lặng và trầm ngâm trong suốt bữa ăn này. Anh, như thể không hiểu, nhìn vị bá tước khi được hỏi câu này.

– Phải, phải, đi chiến tranh, – anh nói. – Không ! Tôi là người như thế nào ! Nhưng thật kỳ lạ, thật kỳ lạ ! Chính tôi cũng không hiểu. Tôi không biết, tôi còn xa rời những sở thích quân sự đến mức nào ; nhưng trong thời điểm hiện tại không ai có thể tự trả lời cho mình được.

Sau bữa trưa, vị bá tước ngồi thoải mái trong ghế bành và với vẻ mặt nghiêm nghị, yêu cầu Sonya, người nổi tiếng với tài đọc sách, hãy đọc.

«Gửi thủ đô Moscow của chúng ta.

Kẻ thù đã tiến vào biên giới nước Nga với lực lượng hùng hậu. Hắn đi tàn phá tổ quốc thân yêu của chúng ta», – Sonya đọc cẩn thận bằng giọng nói thanh thanh của mình. Bá tước nhắm mắt lại, lắng nghe, thỉnh thoảng thở dài dồn dập.

Natasha ngồi thẳng người, dò xét và nhìn thẳng lúc thì vào cha, lúc thì vào Pierre.

Pierre cảm thấy ánh mắt cô nhìn mình và cố gắng không quay lại. Nữ bá tước lắc đầu một cách không tán

thành và giận dữ trước mỗi biểu hiện hào hùng của bản tuyên ngôn. Cô thấy trong tất cả những lời này chỉ có những mối nguy hiểm đe dọa con trai mình, điều mà sẽ không sớm chấm dứt. Shinshin, mím môi thành một nụ cười chế giễu, rõ ràng là đang chuẩn bị chế giễu điều đầu tiên hiện ra để chế giễu : việc đọc của Sonya, điều bá tước nói, thậm chí chính bản kêu gọi, nếu như không có lý do nào tốt hơn.

Sau khi đọc về những mối nguy hiểm đang đe dọa nước Nga, về những hy vọng mà nhà vua đặt vào Moscow và đặc biệt là vào tầng lớp quý tộc danh tiếng, Sonya, với giọng nói run rẩy do sự chú ý mà cô được lắng nghe, đã đọc những lời cuối cùng : «Chúng ta sẽ không chậm trễ tự mình đứng giữa dân tộc mình ở thủ đô này và ở các nơi khác trong vương quốc để hội ý và lãnh đạo tất cả dân quân của chúng ta, những kẻ hiện đang chặn đứng con đường của kẻ thù, và lại một lần nữa được xây dựng để đánh bại kẻ thù ở khắp mọi nơi, bất cứ nơi nào hắn xuất hiện. Mong rằng sự diệt vong sẽ đổ xuống đầu hắn, kẻ mà hắn định dìm chết chúng ta, và mong rằng châu Âu được giải phóng khỏi sự nô lệ sẽ tôn vinh tên tuổi của nước Nga !»

– Đúng là như thế ! – vị bá tước kêu lên, mở đôi mắt ướt đẫm, và vài lần, đứt quãng vì sụt sịt, như thể một

lọ muối ngửi nồng nặc được đưa lên mũi ông, ông nói thêm : – Chỉ cần nhà vua bảo, chúng tôi sẽ hy sinh tất cả và không tiếc điều gì.

Shinshin còn chưa kịp nói ra câu đùa đã chuẩn bị sẵn về lòng yêu nước của bá tước thì Natasha đã nhảy dựng lên khỏi chỗ của mình và chạy lại gần cha.

– Thật là tuyệt vời, cha ạ ! – cô nói, hôn ông ; và cô lại nhìn sang Pierre với vẻ lẳng lơ vô thức đã quay lại với cô cùng với sự hoạt bát của mình.

– Đúng là một người yêu nước ! – Shinshin nói.

– Chẳng phải yêu nước chút nào, mà chỉ đơn giản là... – Natasha trả lời với vẻ bị xúc phạm. – Mọi thứ đối với anh đều đáng cười, nhưng đây chẳng phải là một trò đùa chút nào...

– Trò đùa nào ! – bá tước lặp lại. – Chỉ cần ông ấy nói một lời, tất cả chúng tôi sẽ đi... Chúng tôi không phải là những kẻ Đức nào đó...

– Còn anh có nhận thấy không, – Pierre nói, – rằng đã nói : «để hội ý».

– Này, bất kể đó là gì...

Vào lúc này Petya, người không ai chú ý đến, tiến lại gần cha và, mặt đỏ bừng, nói bằng giọng vỡ tiếng lúc thanh lúc trầm :

– Này, bây giờ, thưa cha, con nhất định nói – và mẹ cũng vậy, muốn thế nào thì muốn, – con nhất định nói rằng cha hãy cho con vào quân ngũ, vì con không thể... và thế thôi...

Nữ bá tước kinh hoàng đưa mắt nhìn cậu, chắp tay và giận dữ quay sang chồng.

– Thế là đã nói xong rồi ! – cô nói.

Nhưng vị bá tước ngay lúc đó đã bình phục sau cơn xúc động.

– Này, thôi nào, – ông nói. – Một chiến binh nữa đấy! Hãy bỏ cái sự điên rồ đó đi : con cần phải học.

– Đó không phải là sự điên rồ, thưa cha. Obolensky còn trẻ hơn con và cũng đi, và chính yếu là, dù sao thì con cũng không thể học được gì bây giờ, khi... – Petya dừng lại, đỏ mặt đến tận mang tai và nói : – khi tổ quốc đang lâm nguy.

– Thôi thôi, đủ rồi, điên rồ...

– Nhưng chính cha đã nói rằng tất cả chúng ta sẽ hy sinh.

– Petya ! Cha bảo con, im đi, – vị bá tước hét lên, nhìn quanh vợ mình, người đã tái mặt và nhìn chằm chằm vào đứa con út của mình.

– Còn con nói với cha. Đây, để Pyotr Kirillych nói cho cha nghe...

– Ta bảo con – nhảm nhí, sữa còn chưa sạch mắt mà đòi vào quân ngũ ! Thôi thôi, ta bảo con, – và vị bá tước, cầm theo các tờ giấy, có lẽ là để đọc lại chúng một lần nữa trong phòng làm việc trước khi nghỉ ngơi, đi ra khỏi phòng. – Pyotr Kirillych, đi nào, chúng ta đi hút thuốc...

Pierre đang ở trong trạng thái bối rối và thiếu quyết đoán. Đôi mắt Natasha sáng ngời và hoạt bát khác thường, nhìn anh không ngừng nhiều hơn mức dịu dàng, đã đưa anh vào trạng thái này.

– Không, tôi, có lẽ, sẽ về nhà...

– Sao lại về nhà, chẳng phải anh muốn ở lại tối nay với chúng tôi sao... Và cô gái này của tôi cũng hiếm khi mới được vui vẻ như vậy... – vị bá tước nói một cách

hiền hậu, chỉ vào Natasha, – chỉ có khi anh ở đây cô ấy mới vui vẻ.

– Phải, tôi đã quên... Tôi nhất định phải về nhà... Công việc... – Pierre vội vã nói.

– Này, vậy thì chào tạm biệt, – vị bá tước nói, đi hẳn ra khỏi phòng.

– Tại sao anh lại về ? Tại sao anh lại buồn phiền ? Tại sao ?... – Natasha hỏi, nhìn thẳng vào mắt anh một cách đầy thách thức.

«Bởi vì anh yêu em !» anh định nói, nhưng anh không nói ra điều đó, đỏ mặt đến phát khóc và cụp mắt xuống.

– Bởi vì đối với anh tốt hơn là nên ít đến chỗ em hơn... Bởi vì... không, đơn giản là anh có việc...

– Tại sao ? Không, hãy nói đi, – Natasha cương quyết bắt đầu và đột nhiên im lặng.

Cả hai nhìn nhau một cách sợ hãi và bối rối. Anh cố gắng mỉm cười nhưng không thể : nụ cười của anh biểu hiện sự đau khổ, và anh lặng lẽ hôn tay cô rồi đi ra ngoài.

Pierre quyết định với chính mình : không đến nhà Rostov nữa.

XXI

Petya, sau khi nhận được lời từ chối dứt khoát, đã về phòng mình và ở đó, khóa trái cửa với mọi người, khóc nức nở. Mọi người làm như không để ý gì khi cậu đến bàn trà với vẻ lầm lì và u ám, đôi mắt sưng mọng vì khóc.

Ngày hôm sau, hoàng đế đến. Một vài người hầu nhà Rostov xin phép đi xem mặt sa hoàng. Sáng hôm đó, Petya mặc quần áo rất lâu, chải chuốt và chỉnh đốn cổ áo y như người lớn. Cậu cau mày trước gương, làm các điệu bộ, nhún vai và cuối cùng, không nói với ai một lời, đội mũ ca–lô và ra khỏi nhà bằng lối cửa sau, cố gắng để không bị ai nhận ra. Petya quyết định đi thẳng đến nơi có hoàng đế, và giải thích trực tiếp với một viên thị thần nào đó (Petya tưởng rằng hoàng đế luôn có các thị thần vây quanh), rằng cậu, bá tước Rostov, bất chấp tuổi trẻ của mình, mong muốn được phục vụ tổ quốc, rằng tuổi trẻ không thể là trở ngại cho lòng trung thành và rằng cậu đã sẵn sàng... Petya, trong lúc đi, đã chuẩn bị sẵn nhiều lời lẽ tốt đẹp để nói với viên thị thần.

Petya tính đến sự thành công của việc ra mắt hoàng đế chính vì cậu là một đứa trẻ (Petya còn nghĩ mọi người sẽ ngạc nhiên thế nào trước tuổi trẻ của mình) ; nhưng

đồng thời, qua cách chỉnh cổ áo, kiểu tóc và dáng đi thong thả, chững chạc, cậu lại muốn thể hiện mình là một người từng trải. Nhưng càng đi xa, cậu càng bị xao nhãng bởi đám đông dân chúng đang đổ về phía Điện Kremlin, cậu càng quên mất việc giữ vẻ chững chạc và thong thả vốn có của người lớn. Khi đến gần Điện Kremlin, cậu đã bắt đầu lo lắng để không bị xô đẩy, và với vẻ kiên quyết, cậu chống khuỷu tay sang hai bên một cách đe dọa. Nhưng tại cổng Troitsky, bất chấp tất cả sự quyết tâm của cậu, mọi người, những người có lẽ không biết cậu đến Điện Kremlin với mục đích yêu nước nào, đã ép cậu vào tường mạnh đến mức cậu phải khuất phục và dừng lại, trong khi các cỗ xe chạy qua dưới vòm cổng với tiếng động ầm ầm. Cạnh Petya là một bà lão với tên gia nhân, hai người lái buôn và một người lính giải ngũ. Đứng ở cổng một lúc lâu, Petya, không đợi được cho đến khi tất cả các xe chạy qua, muốn di chuyển tiếp trước những người khác và bắt đầu dùng khuỷu tay làm việc một cách quyết liệt ; nhưng bà lão đứng đối diện, người mà cậu hướng khuỷu tay vào đầu tiên, đã giận dữ quát cậu :

– Cái gì thế, cậu ấm, sao lại xô đẩy thế. Thấy không – mọi người đều đang đứng. Sao lại lách vào thế !

– Thì mọi người cũng đang lách đấy thôi, – tên gia nhân nói và cũng bắt đầu dùng khuỷu tay, ép Petya vào một góc hôi hám của cổng thành.

Petya lấy tay lau mồ hôi đang phủ đầy mặt, và chỉnh lại đôi cổ áo đã mềm nhũn vì mồ hôi và sự chật chội, cái mà cậu đã chỉnh sửa rất kỹ ở nhà y như người lớn.

Petya cảm thấy mình có vẻ ngoài không chỉnh tề, và sợ rằng nếu xuất hiện trước các thị thần như vậy, họ sẽ không cho cậu tiếp cận hoàng đế. Nhưng không có cách nào để chỉnh đốn lại hay chuyển sang chỗ khác vì quá chật. Một trong những vị tướng đi ngang qua là người quen của nhà Rostov. Petya định nhờ ông ta giúp đỡ, nhưng lại nghĩ rằng điều đó sẽ trái với tinh thần thượng võ. Khi tất cả các cỗ xe đã đi qua, đám đông ùa tới và cuốn Petya ra quảng trường. Không chỉ trên quảng trường, mà cả trên các dốc, trên mái nhà, đâu đâu cũng có người. Ngay khi Petya vừa đặt chân lên quảng trường, cậu đã nghe thấy rõ rệt tiếng chuông vang dội khắp Điện Kremlin và tiếng xôn xao vui sướng của dân chúng.

Có một lúc trên quảng trường khá thoáng đãng, nhưng bỗng nhiên tất cả các mái đầu đều lộ ra, mọi người lại lao về phía trước một nơi nào đó. Petya bị ép mạnh đến mức không thở nổi, và tất cả đều hô vang : «Ura ! Ura!

Ura !» Petya kiễng chân lên, xô đẩy, cấu véo, nhưng chẳng nhìn thấy gì ngoài dòng người xung quanh mình.

Trên tất cả các khuôn mặt đều có một biểu hiện chung của sự xúc động và cuồng nhiệt. Một bà vợ lái buôn đứng cạnh Petya nức nở, nước mắt tuôn dài từ mắt bà.

– Cha ơi, thiên thần, đức vua của con ! – bà vừa lẩm bẩm vừa lấy ngón tay lau nước mắt.

– Ura ! – tiếng hô vang lên từ mọi phía.

Trong một phút, đám đông đứng yên một chỗ, nhưng rồi lại lao về phía trước.

Petya, không còn biết gì về bản thân, nghiến chặt răng và trợn ngược mắt một cách hung dữ, lao về phía trước, dùng khuỷu tay làm việc và hô vang : «Ura !» như thể cậu đã sẵn sàng giết chết bản thân và mọi người trong giây phút đó ; nhưng từ hai bên, những khuôn mặt hung dữ cũng lao tới cậu với những tiếng hô «Ura !» tương tự.

«Thế ra hoàng đế là như vậy đấy !» Petya nghĩ. «Không, không thể tự mình dâng sớ cho Người được, điều đó quá táo bạo !» Bất chấp điều đó, cậu vẫn tuyệt vọng lao về phía trước, và từ sau lưng những người phía trước, cậu thoáng thấy một khoảng trống trải trải

thảm đỏ ; nhưng đúng lúc này đám đông lại dạt ra phía sau (phía trước cảnh sát đang đẩy lùi những người tiến quá gần đoàn rước : hoàng đế đang đi từ cung điện đến Nhà thờ Thăng thiên), và Petya bất ngờ nhận được một cú thúc mạnh vào sườn và bị ép chặt đến mức bỗng nhiên mắt cậu tối sầm lại và cậu mất ý thức. Khi cậu tỉnh lại, một người có vẻ ngoài như giáo sĩ, với một búi tóc bạc phía sau, mặc chiếc áo choàng sờn cũ, có lẽ là một thầy phó tế, một tay đỡ cậu dưới nách, tay kia bảo vệ cậu khỏi đám đông đang chen lấn.

– Đè chết cậu ấm rồi ! – thầy phó tế nói. – Cái gì thế này !.. Nhẹ thôi !.. Đè chết rồi, đè chết rồi !

Hoàng đế đã đi vào Nhà thờ Thăng thiên. Đám đông lại dạt ra, và thầy phó tế dẫn Petya, lúc này tái nhợt và không thở nổi, đến chỗ khẩu Thần công Sa hoàng. Một vài người thấy thương hại Petya, và bỗng nhiên cả đám đông quay sang cậu, và một cuộc hỗn loạn lại xảy ra quanh cậu. Những người đứng gần giúp cậu, cởi chiếc áo đuôi tôm của cậu ra, cho cậu ngồi lên khẩu súng đại bác đặt trên cao và trách móc ai đó đã chèn ép cậu.

– Cứ thế này thì đè chết người ta mất. Cái gì thế này! Đồ sát nhân ! Khổ thân cậu bé, trắng bệch như tờ giấy ấy, – những tiếng nói vang lên.

Petya nhanh chóng hồi phục, sắc mặt hồng hào trở lại, cơn đau đã qua, và nhờ sự khó chịu tạm thời này, cậu đã có được một chỗ trên khẩu súng, từ đó cậu hy vọng sẽ nhìn thấy hoàng đế đi ra. Petya không còn nghĩ đến việc dâng sớ nữa. Bây giờ cậu chỉ cần được nhìn thấy Người, và thế là cậu đã coi mình là hạnh phúc rồi !

Trong lúc làm lễ tại Nhà thờ Thăng thiên – lễ tạ ơn kết hợp nhân dịp hoàng đế đến và lễ cầu nguyện tạ ơn vì việc ký kết hòa bình với người Thổ – đám đông tản ra ; những người bán nước kvas, bánh gừng, hạt anh túc xuất hiện, những thứ mà Petya đặc biệt ưa thích, và những cuộc trò chuyện bình thường vang lên. Một bà vợ lái buôn cho xem chiếc khăn quàng cổ bị xé rách của mình và kể nó đã được mua đắt như thế nào ; một người khác nói rằng bây giờ tất cả các loại vải lụa đều lên giá. Thầy phó tế, người cứu Petya, đang nói chuyện với một viên chức về việc ai đang phục vụ hôm nay với đức ngài. Thầy phó tế lặp lại vài lần từ «nhà thờ lớn», mà Petya không hiểu. Hai thanh niên thị dân đang đùa giỡn với những cô gái giúp việc, nhấm nháp hạt dẻ. Tất cả những cuộc trò chuyện này, đặc biệt là những lời đùa cợt với các cô gái, đối với Petya ở độ tuổi của cậu, vốn có sức hấp dẫn đặc biệt, nhưng giờ đây tất cả những cuộc trò chuyện này đều không làm Petya quan tâm ; cậu ngồi trên khẩu súng thần công của mình, vẫn xúc

động như cũ khi nghĩ về hoàng đế và về tình yêu của mình đối với Người. Sự trùng hợp giữa cảm giác đau đớn và sợ hãi khi bị ép chặt với cảm giác cuồng nhiệt càng làm tăng thêm trong cậu ý thức về tầm quan trọng của giây phút này.

Bỗng nhiên từ phía bờ sông vang lên những tiếng súng thần công (đây là tiếng súng bắn kỷ niệm hòa bình với người Thổ), và đám đông vội vã lao về phía bờ sông – để xem họ bắn thế nào. Petya cũng muốn chạy đến đó, nhưng thầy phó tế, người đã nhận bảo trợ cậu ấm, không để cậu đi. Những tiếng súng vẫn tiếp tục vang lên, khi từ Nhà thờ Thăng thiên các sĩ quan, tướng lĩnh, thị thần chạy ra, sau đó những người khác cũng đi ra không vội vã như vậy, mũ lại được cởi ra khỏi đầu, và những người đã chạy đi xem bắn đại bác lại chạy ngược trở lại. Cuối cùng, có thêm bốn người đàn ông mặc quân phục và đeo dải huân chương bước ra từ cửa nhà thờ. «Ura ! Ura !» đám đông lại reo hò.

– Vị nào ? Vị nào ? – Petya hỏi với giọng mếu máo xung quanh mình, nhưng không ai trả lời cậu : mọi người đều quá mải mê ; và Petya, chọn lấy một trong bốn người này, người mà cậu không thể nhìn rõ qua làn nước mắt đang trào ra vì xúc động, đã tập trung toàn bộ sự nhiệt thành của mình vào người đó, dù đó không

phải là hoàng đế, và hét vang «ura !» với giọng điên cuồng và quyết định rằng ngay ngày mai, bất kể giá nào, cậu sẽ trở thành quân nhân.

Đám đông chạy theo hoàng đế, tiễn Người đến cung điện và bắt đầu giải tán. Lúc đó đã muộn, và Petya chưa ăn gì, mồ hôi đổ ra như tắm ; nhưng cậu không về nhà mà đứng cùng với đám đông tuy đã giảm đi nhưng vẫn còn khá lớn trước cung điện, trong lúc hoàng đế đang dùng bữa, nhìn vào các cửa sổ cung điện, chờ đợi một điều gì đó nữa và ghen tị như nhau với các vị quan chức lái xe đến thềm cung điện để dùng bữa với hoàng đế, và các thị thần, gia nhân phục vụ tại bàn ăn và thoáng hiện qua các cửa sổ.

Trong bữa ăn, hoàng đế nói với Valuev, nhìn ra ngoài cửa sổ :

– Dân chúng vẫn còn hy vọng được nhìn thấy bệ hạ.

Bữa ăn đã kết thúc, hoàng đế đứng dậy, ăn nốt miếng bánh quy, và bước ra ban công. Dân chúng, với Petya ở giữa, lao về phía ban công.

– Thiên thần, cha ơi ! Ura ! Cha ơi !.. – dân chúng và Petya hô vang ; và một lần nữa những người đàn bà

và một số đàn ông yếu đuối hơn, trong đó có Petya, đã khóc vì hạnh phúc.

Một miếng bánh quy khá lớn, mà hoàng đế đang cầm trên tay, bị gãy ra, rơi xuống lan can ban công, rồi từ lan can rơi xuống đất. Một người đánh xe mặc áo chẽn đứng gần nhất đã lao đến miếng bánh quy đó và nhặt lấy. Một vài người từ đám đông lao về phía người đánh xe. Thấy vậy, hoàng đế bảo đưa cho mình một đĩa bánh quy và bắt đầu ném bánh quy từ ban công xuống. Mắt Petya đỏ ngầu, nguy hiểm bị đè bẹp càng làm cậu phấn khích hơn, cậu lao vào những miếng bánh quy. Cậu không biết tại sao, nhưng cần phải lấy được một miếng bánh quy từ tay sa hoàng và không được chịu thua. Cậu lao tới và xô ngã một bà lão đang định bắt miếng bánh quy. Nhưng bà lão không coi mình là kẻ bại trận, dù đang nằm dưới đất : bà cố vồ lấy những miếng bánh quy và không để chúng lọt vào tay ai. Petya dùng đầu gối hất tay bà ra, chộp lấy một miếng bánh quy và như thể sợ bị muộn, lại hét vang : «ura !» bằng giọng đã khản đặc.

Hoàng đế đi vào, và sau đó phần lớn đám đông bắt đầu giải tán.

– Đấy, tôi đã nói là nên đợi thêm chút nữa mà, – những tiếng nói vui vẻ vang lên từ các phía trong đám đông.

Dù Petya có hạnh phúc đến thế nào, cậu vẫn cảm thấy buồn khi phải về nhà và biết rằng tất cả niềm vui của ngày hôm nay đã kết thúc. Từ Điện Kremlin, Petya không về nhà mà đến chỗ bạn mình là Obolensky, người cũng mười lăm tuổi và cũng đang chuẩn bị vào trung đoàn. Khi trở về nhà, cậu tuyên bố một cách kiên quyết và dứt khoát rằng nếu không để cậu đi, cậu sẽ bỏ trốn. Và ngày hôm sau, dù vẫn chưa hoàn toàn đồng ý, bá tước Ilya Andreevich đã đi hỏi han xem làm thế nào để sắp xếp cho Petya vào một nơi nào đó an toàn hơn.

XXII

Sáng ngày 15, ngày thứ ba sau sự kiện đó, có vô số cỗ xe đứng trước cung điện Slobodsky.

Các sảnh đường đầy nghẹt người. Ở sảnh đầu tiên là các quý tộc mặc quân phục ; ở sảnh thứ hai là các lái buôn với huân chương, râu dài và áo ca–ftan xanh. Trong sảnh họp của quý tộc, có tiếng xì xào và chuyển động. Tại một chiếc bàn lớn, dưới bức chân dung hoàng đế, các vị đại thần ngồi trên những chiếc ghế có lưng tựa cao ; nhưng phần lớn các quý tộc đều đi lại trong sảnh.

Tất cả các quý tộc, những người mà Pierre thường gặp hàng ngày ở câu lạc bộ hoặc ở nhà họ, đều mặc quân phục, người mặc từ thời Catherine, người mặc từ thời Paul, người mặc quân phục Alexander mới, hoặc trong quân phục quý tộc chung ; và đặc điểm chung của các quân phục này đã mang lại một vẻ kỳ lạ và huyền ảo cho những gương mặt già trẻ, vốn đã quen thuộc này. Đặc biệt ấn tượng là những người già, mắt mờ, không răng, hói đầu, béo mọng với lớp mỡ vàng hoặc nhăn nheo, gầy gò. Họ phần lớn ngồi yên một chỗ và im lặng, và nếu có đi lại hay trò chuyện, họ thường tìm đến những người trẻ hơn. Cũng giống như trên khuôn

mặt của đám đông mà Petya đã thấy trên quảng trường, trên tất cả những khuôn mặt này có một nét tương phản đáng ngạc nhiên : sự kỳ vọng chung về một điều gì đó trọng đại và sự tầm thường của ngày hôm qua – ván bài boston, đầu bếp Petrushka, sức khỏe của Zinaida Dmitrievna, v.v.

Pierre, từ sáng sớm đã bị bó mình trong một bộ quân phục quý tộc chật chội và đã trở nên quá nhỏ so với ông, đang ở trong các sảnh đường. Ông đang trong trạng thái xúc động : cuộc họp bất thường không chỉ của giới quý tộc mà còn của giới thương nhân – các tầng lớp, états généraux – đã khơi dậy trong ông một loạt các ý tưởng từ lâu đã bị bỏ quên nhưng đã ăn sâu vào tâm hồn ông về «Khế ước xã hội» và cuộc Cách mạng Pháp. Những lời ông nhận thấy trong lời kêu gọi rằng hoàng đế sẽ đến thủ đô để hội ý với nhân dân đã củng cố quan điểm này của ông. Và ông, tin rằng theo hướng đó một điều gì đó quan trọng đang đến gần, điều mà ông đã chờ đợi từ lâu, đã đi lại, quan sát, lắng nghe các cuộc trò chuyện, nhưng đâu đâu cũng không tìm thấy sự thể hiện của những ý tưởng đang chiếm lĩnh tâm trí mình.

Bản tuyên cáo của hoàng đế đã được đọc, gây ra sự cuồng nhiệt, và sau đó mọi người tản ra, trò chuyện. Ngoài những mối quan tâm thông thường, Pierre còn

nghe thấy những lời bàn tán về việc các thủ lĩnh đứng ở đâu khi hoàng đế vào, khi nào thì tổ chức dạ hội cho hoàng đế, liệu nên chia theo các huyện hay toàn tỉnh... v.v. ; nhưng ngay khi vấn đề liên quan đến chiến tranh và mục đích triệu tập cuộc họp, các ý kiến trở nên thiếu quyết đoán và không xác định. Mọi người đều thích nghe hơn là nói.

Một người đàn ông trung niên, can trường, đẹp trai trong bộ quân phục hải quân giải ngũ đang nói chuyện trong một sảnh, và xung quanh ông ta mọi người tụ tập lại. Pierre đi đến vòng tròn đang hình thành quanh người nói và bắt đầu lắng nghe. Bá tước Ilya Andreevich, trong bộ áo ca–ftan thống đốc thời Catherine của mình, đi lại với nụ cười dễ mến giữa đám đông, quen biết mọi người, cũng tiến lại gần nhóm này và bắt đầu lắng nghe với nụ cười nhân hậu, gật đầu đồng ý với người nói. Người lính thủy giải ngũ nói rất bạo dạn ; điều đó có thể thấy qua biểu cảm trên khuôn mặt của những người nghe, những người phục tùng nhất, và qua việc Pierre thấy những người hiền lành và trầm lặng nhất cũng bước đi với vẻ không tán thành hoặc phản đối ông ta. Pierre lách vào giữa vòng tròn, lắng nghe và tin rằng người nói thực sự là một người tự do, nhưng lại theo một nghĩa hoàn toàn khác với những gì Pierre nghĩ. Người lính thủy nói bằng giọng nam trung trầm

hùng, dễ nghe của giới quý tộc, với cách phát âm «r» và rút gọn các nguyên âm một cách dễ mến, cái giọng mà người ta thường dùng để quát : «Này, mang tẩu thuốc lại đây !» và những câu tương tự. Ông ta nói với thói quen của sự buông thả và quyền lực trong giọng nói.

– Thế nào, những người vùng Smolensk đã đề nghị đưa dân binh cho hoàng đế. Chẳng lẽ người Smolensk là luật cho chúng ta sao ? Nếu giới quý tộc cao quý của tỉnh Moscow thấy cần thiết, họ có thể bày tỏ lòng trung thành với hoàng đế bằng các phương tiện khác. Chẳng lẽ chúng ta đã quên việc tuyển dân binh vào năm thứ bảy rồi sao ! Chỉ có bọn trục lợi và phường trộm cướp là giàu lên thôi...

Bá tước Ilya Andreevich, mỉm cười ngọt ngào, gật đầu tán thành.

– Và rồi sao, chẳng lẽ dân binh của chúng ta đã mang lại lợi ích gì cho quốc gia ? Không hề ! Chỉ làm tan nát gia nghiệp của chúng ta thôi. Thà đi lính còn hơn... nếu không thì sẽ trả lại cho các ngài không phải là người lính, cũng chẳng phải là nông dân ; mà chỉ là sự đồi bại. Các quý tộc không tiếc thân mình, chúng ta sẽ tự mình đi lên đường, tất cả chúng ta sẽ mang theo tân binh, và chỉ cần có tiếng gọi, tất cả chúng ta sẽ hy sinh

vì Người, – người diễn thuyết vừa nói vừa trở nên đầy nhiệt huyết.

Ilya Andreevich nuốt nước bọt vì sung sướng và huých Pierre, nhưng Pierre cũng muốn nói. Ông tiến lên phía trước, cảm thấy mình đang đầy nhiệt huyết, chính ông cũng không biết mình sẽ nói gì. Ông chỉ vừa mở miệng để nói, giống như một vị thượng nghị sĩ hoàn toàn không có răng, với khuôn mặt thông minh và giận dữ đứng gần người diễn thuyết, đã ngắt lời Pierre. Với thói quen rõ rệt của việc tranh luận và đặt câu hỏi, ông ta nói nhỏ nhưng rõ ràng :

– Tôi cho rằng, thưa ngài, – vị thượng nghị sĩ thều thào bằng cái miệng không răng, – rằng chúng ta được triệu tập đến đây không phải để thảo luận cái gì thuận tiện hơn cho quốc gia vào lúc này – tuyển quân hay dân binh. Chúng ta được triệu tập để đáp lại lời kêu gọi mà hoàng đế đã ban cho chúng ta. Còn việc thảo luận xem cái gì thuận tiện hơn – tuyển quân hay dân binh, chúng ta hãy để cho quyền lực tối cao phán xét...

Pierre bỗng nhiên tìm thấy một lối thoát cho sự nhiệt huyết của mình. Ông trở nên gay gắt đối với vị thượng nghị sĩ, người đang đưa ra cái nhìn đúng đắn và hạn hẹp này về nhiệm vụ của giới quý tộc. Pierre bước tới và chặn ông ta lại. Bản thân ông cũng không biết mình

sẽ nói gì, nhưng ông bắt đầu một cách sôi nổi, thỉnh thoảng xen lẫn các từ tiếng Pháp và diễn đạt theo ngôn ngữ sách vở bằng tiếng Nga.

– Xin lỗi ngài, thưa ngài, – ông bắt đầu (Pierre vốn quen thuộc với vị thượng nghị sĩ này, nhưng ông nghĩ cần phải xưng hô với ông ta một cách chính thức ở đây), – mặc dù tôi không đồng ý với quý ông... (Pierre vấp váp. Ông muốn nói : mon très honorable préopinant) với quý ông... người vừa phát biểu trước tôi, nhưng tôi cho rằng giới quý tộc, ngoài việc thể hiện sự đồng cảm và lòng nhiệt thành của mình, còn được triệu tập để cùng nhau thảo luận về những biện pháp mà chúng ta có thể giúp đỡ tổ quốc. Tôi cho rằng, – ông nói tiếp, càng lúc càng hăng hái, – rằng chính hoàng đế cũng sẽ không hài lòng nếu ông thấy ở chúng ta chỉ là những chủ sở hữu nông nô mà chúng ta đem nộp cho Người, và đám... chaire à canon mà chúng ta tạo ra từ chính mình, nhưng lại không tìm thấy ở chúng ta lời... lời khuyên.

Nhiều người rời khỏi vòng tròn, nhận thấy nụ cười khinh bỉ của vị thượng nghị sĩ và việc Pierre đang nói một cách quá tự do ; chỉ có Ilya Andreevich là hài lòng với bài phát biểu của Pierre, cũng như ông đã hài lòng với bài phát biểu của người lính thủy, vị thượng nghị

sĩ, và nói chung là bài phát biểu cuối cùng mà ông vừa nghe.

– Tôi cho rằng trước khi thảo luận những vấn đề này, – Pierre tiếp tục, – chúng ta phải thỉnh cầu hoàng đế, thỉnh cầu hoàng đế một cách tôn kính nhất để Người truyền đạt cho chúng ta biết chúng ta có bao nhiêu quân, quân đội chúng ta đang ở trong tình trạng nào, và sau đó...

Nhưng Pierre chưa kịp nói hết những lời này thì bỗng nhiên từ ba phía, mọi người ập tới ông. Stepan Stepanovich Adraksin, một người quen cũ từ lâu, luôn là một tay chơi bài boston giỏi và rất có thiện cảm với Pierre, hiện đang mặc quân phục, bất kể vì quân phục hay vì lý do nào khác, Pierre thấy trước mặt mình một con người hoàn toàn khác. Stepan Stepanovich, với vẻ căm phẫn già nua đột ngột hiện lên trên khuôn mặt, hét vào mặt Pierre :

– Thứ nhất, tôi báo cho ông biết rằng chúng ta không có quyền hỏi hoàng đế về điều đó, và thứ hai, nếu quý tộc Nga có một quyền như vậy, thì hoàng đế không thể trả lời chúng ta. Quân đội di chuyển phù hợp với sự di chuyển của kẻ thù, quân đội giảm đi và tăng lên...

Một giọng nói khác của một người đàn ông tầm thước, khoảng bốn mươi tuổi, người mà Pierre từng thấy ở chỗ những người Di gan trước kia và biết đó là một tay chơi bài không tử tế, nay cũng đã thay đổi trong bộ quân phục, tiến lại gần Pierre, ngắt lời Adraksin.

– Và đây không phải là lúc để bàn luận, – tiếng nói của người quý tộc này vang lên, – mà cần phải hành động : chiến tranh đang ở Nga. Kẻ thù của chúng ta đang tiến tới để hủy diệt nước Nga, để xúc phạm mồ mả cha ông chúng ta, để cướp bóc vợ con chúng ta. – Người quý tộc đấm tay vào ngực. – Tất cả chúng ta sẽ đứng dậy, tất cả chúng ta sẽ ra đi, tất cả vì hoàng đế cha yêu quý ! – ông ta hét lên, đôi mắt trợn ngược đỏ ngầu vì máu. Một vài giọng nói tán thành vang lên từ đám đông. – Chúng ta là người Nga và sẽ không tiếc máu mình để bảo vệ đức tin, ngai vàng và tổ quốc. Còn những lời mê sảng thì phải gạt sang một bên, nếu chúng ta là những người con của tổ quốc. Chúng ta sẽ cho châu Âu thấy nước Nga trỗi dậy vì nước Nga như thế nào, – người quý tộc hét lớn.

Pierre muốn phản đối, nhưng không thể thốt ra một lời nào. Ông cảm thấy rằng âm thanh từ những lời nói của mình, bất kể chúng chứa đựng ý nghĩ gì, đều ít

được lắng nghe hơn âm thanh từ giọng nói của người quý tộc đang đầy nhiệt huyết kia.

Ilya Andreevich đứng phía sau vòng tròn tán thưởng; một vài người quay vai về phía người diễn thuyết một cách mạnh mẽ khi kết thúc câu, và nói :

– Đúng thế, đúng thế ! Hoàn toàn đúng !

Pierre muốn nói rằng ông không ngại đóng góp tiền bạc, nông dân hay chính bản thân mình, nhưng người ta cần phải biết tình hình công việc để có thể giúp đỡ ; nhưng ông không thể nói được. Nhiều giọng nói cùng gào thét và nói chuyện cùng một lúc, đến nỗi Ilya Andreevich không kịp gật đầu với tất cả, và nhóm người cứ lớn dần lên, tản ra, rồi lại tụ lại và di chuyển đi, rì rào tiếng nói, vào sảnh lớn, đến cái bàn lớn. Pierre không chỉ không thể nói được mà còn bị ngắt lời một cách thô bạo, bị đẩy sang một bên, bị ngoảnh mặt đi như thể ông là kẻ thù chung. Điều này xảy ra không phải vì họ không hài lòng với ý nghĩa bài phát biểu của ông – nó đã bị quên đi sau vô số các bài phát biểu tiếp sau đó, – nhưng để làm hưng phấn đám đông cần phải có một đối tượng cụ thể để yêu thương và một đối tượng cụ thể để căm ghét. Pierre đã trở thành đối tượng sau cùng đó. Nhiều người diễn thuyết đã phát biểu sau người quý tộc

đầy nhiệt huyết kia, và tất cả đều nói với cùng một tông giọng. Nhiều người nói rất hay và độc đáo.

Glinka, nhà xuất bản của tờ «Người đưa tin Nga», người đã được nhận ra («nhà văn, nhà văn !» tiếng xôn xao vang lên trong đám đông), đã nói rằng «địa ngục phải phản chiếu địa ngục», rằng ông đã «thấy một đứa trẻ mỉm cười trước tia chớp và tiếng sấm gầm», nhưng chúng ta «sẽ không là đứa trẻ đó».

– Đúng, đúng, trước tiếng sấm gầm ! – những tiếng tán thành lặp lại ở những hàng ghế phía sau.

Đám đông tiến đến cái bàn lớn, nơi những vị quan đại thần sáu bảy mươi tuổi, tóc bạc, hói đầu, mặc quân phục, đeo dải huân chương đang ngồi, những người mà Pierre hầu như ai cũng thấy ở nhà với những trò đùa hay ở câu lạc bộ bên ván bài boston. Đám đông tiến đến bàn, không ngừng xôn xao. Từng người một và đôi khi hai người cùng một lúc, bị ép từ phía sau vào lưng ghế cao của các vị đại thần, các diễn thuyết phát biểu. Những người đứng phía sau để ý thấy những gì diễn thuyết nói chưa hết và vội vã nói ra những gì bị bỏ sót. Những người khác, trong sự hăng hái và chật chội này, lùng sục trong đầu mình xem liệu có ý nghĩ nào không, và vội vã nói ra. Những cụ già quan chức quen thuộc với Pierre ngồi đó và nhìn hết người này đến người

khác, và biểu hiện của phần lớn họ chỉ nói lên rằng họ đang rất nóng. Pierre tuy vậy cũng cảm thấy mình bị kích động, và cảm giác chung muốn cho thấy rằng chúng ta bất chấp tất cả, thể hiện nhiều hơn trong âm thanh và biểu cảm khuôn mặt hơn là trong ý nghĩa của lời nói, cũng đã truyền sang ông. Ông không từ bỏ ý nghĩ của mình, nhưng cảm thấy mình có lỗi về một điều gì đó và muốn được minh oan.

– Tôi chỉ nói rằng chúng ta sẽ thuận tiện hơn nếu thực hiện các đóng góp khi chúng ta biết nhu cầu nằm ở đâu, – ông cố gắng nói át đi những giọng nói khác.

Một ông già đứng gần nhất nhìn lại ông, nhưng ngay lập tức bị thu hút bởi tiếng hét bắt đầu từ phía bên kia bàn.

– Đúng, Moscow sẽ được giao nộp ! Cô ấy sẽ là người chuộc lỗi ! – một người hét lên.

– Hắn là kẻ thù của nhân loại ! – một người khác hét lên. – Cho phép tôi nói... Thưa các ngài, các ngài đang ép tôi quá !..

XXIII

Vào lúc này, với những bước đi nhanh nhẹn, đám đông quý tộc rẽ ra trước một người mặc quân phục tướng lĩnh, đeo dải huân chương qua vai, với chiếc cằm nhô ra và đôi mắt linh lợi, đó là bá tước Rostopchin.

– Hoàng đế bệ hạ sẽ đến ngay bây giờ, – Rostopchin nói, – tôi vừa từ đó đến. Tôi cho rằng, trong tình cảnh mà chúng ta đang ở, không có gì nhiều để bàn luận. Hoàng đế đã hạ cố triệu tập chúng ta và giới thương nhân, – bá tước Rostopchin nói. – Từ đó hàng triệu sẽ tuôn ra (ông chỉ vào sảnh của các lái buôn), còn việc của chúng ta là đưa ra dân binh và không tiếc thân mình... Đó là điều tối thiểu mà chúng ta có thể làm !

Các cuộc hội đàm bắt đầu giữa các quan đại thần ngồi tại bàn. Toàn bộ cuộc họp diễn ra hơn cả yên tĩnh. Nó thậm chí dường như buồn bã, khi mà sau tất cả những ồn ào trước đó, thi thoảng mới nghe thấy những giọng nói già nua vang lên – người này : «đồng ý», người kia để cho khác đi một chút : «tôi cũng cùng ý kiến đó», v.v.

Lệnh được truyền cho thư ký viết nghị quyết của giới quý tộc Moscow về việc người dân Moscow, giống như

người dân Smolensk, sẽ hiến dâng cứ 10 người trên 1.000 dân cùng toàn bộ quân trang. Các quý ông đang dự họp đứng dậy, như thể được nhẹ người, bàn ghế loảng xoảng, họ đi quanh sảnh để duỗi chân, nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện.

– Hoàng đế ! Hoàng đế ! – bỗng nhiên tiếng hô vang khắp các sảnh, và toàn bộ đám đông lao về phía lối ra.

Qua lối đi rộng giữa hai hàng quý tộc, hoàng đế tiến vào sảnh. Trên gương mặt mọi người biểu lộ sự tôn kính và tò mò đầy sợ hãi. Pierre đứng khá xa và không thể nghe rõ hoàn toàn những lời của hoàng đế. Anh chỉ hiểu được qua những gì nghe thấy rằng hoàng đế đang nói về mối nguy hiểm mà đất nước đang đối mặt, và về những hy vọng mà ngài đặt vào giới quý tộc Moscow. Một giọng nói khác đáp lại hoàng đế, thông báo về nghị quyết vừa mới được thông qua của giới quý tộc.

– Thưa các quý ông ! – giọng nói run rẩy của hoàng đế vang lên.

Đám đông xôn xao rồi lại im lặng, và Pierre nghe rõ giọng nói đầy nhân hậu và cảm động của hoàng đế, người đang nói :

– Chưa bao giờ tôi nghi ngờ sự nhiệt thành của giới quý tộc Nga. Nhưng trong ngày hôm nay, nó đã vượt quá sự mong đợi của tôi. Tôi thay mặt tổ quốc cảm ơn các vị. Thưa các quý ông, chúng ta hãy hành động, – thời gian là quý nhất...

Hoàng đế im lặng, đám đông bắt đầu chen lấn quanh ngài, và từ khắp các phía vang lên những tiếng tung hô nồng nhiệt.

– Phải, quý giá nhất... lời của bậc quân vương, – Ilya Andreevich nức nở nói từ phía sau, ông chẳng nghe thấy gì nhưng lại hiểu mọi thứ theo cách riêng của mình.

Từ sảnh của giới quý tộc, hoàng đế bước sang sảnh của giới thương nhân. Ngài ở đó khoảng 10 phút. Pierre nằm trong số những người khác đã nhìn thấy hoàng đế bước ra khỏi sảnh thương nhân với những giọt nước mắt xúc động trên mắt. Như sau đó được biết, hoàng đế vừa mới bắt đầu bài diễn văn với các thương nhân thì nước mắt đã trào ra khỏi mắt ngài, và ngài đã kết thúc nó với giọng nói run rẩy. Khi Pierre nhìn thấy hoàng đế, ngài đang đi ra, tháp tùng bởi hai thương nhân. Một người quen với Pierre, một gã thầu thuế béo tốt, người kia – một thủ lĩnh, với khuôn mặt gầy, râu hẹp và vàng võ. Cả hai đều khóc. Gã thầu thuế béo tốt thì khóc nức nở như trẻ con và luôn miệng nói :

– Cả mạng sống và tài sản xin bệ hạ cứ lấy đi !

Pierre lúc này không cảm thấy gì ngoài mong muốn chứng tỏ rằng mọi thứ đối với anh là hư không và anh sẵn sàng hy sinh tất cả. Lời trách cứ về bài diễn văn mang hơi hướng hiến pháp của mình giờ đây hiện ra trước mắt anh như một vết nhơ ; anh tìm cơ hội để xóa sạch nó. Khi biết rằng bá tước Mamonov hiến dâng một trung đoàn, Bezukhov ngay lập tức tuyên bố với bá tước Rastopchin rằng anh sẽ dâng 1.000 người và chi phí nuôi dưỡng họ.

Ông già Rostov không cầm được nước mắt khi kể cho vợ nghe những gì đã xảy ra, và ngay tại đó đã đồng ý với lời thỉnh cầu của Petya và tự mình đi ghi danh cho cậu.

Ngày hôm sau hoàng đế rời đi. Tất cả các quý tộc đã tụ họp cởi bỏ quân phục, lại tản về nhà và các câu lạc bộ, vừa rên rỉ vừa ra lệnh cho các quản gia về lực lượng dân quân, và tự ngạc nhiên về những gì họ đã làm.

PHẦN THỨ HAI

I

Napoleon bắt đầu cuộc chiến với Nga vì ông ta không thể không đến Dresden, không thể không bị lóa mắt bởi những vinh quang, không thể không mặc quân phục Ba Lan, không thể không chịu ảnh hưởng của buổi sáng tháng Sáu đầy hứa hẹn, không thể kiềm chế cơn thịnh nộ trước sự hiện diện của Kurakin và sau đó là Balashev.

Alexander từ chối mọi cuộc đàm phán vì ngài cá nhân cảm thấy mình bị xúc phạm. Barclay de Tolly cố gắng điều hành quân đội theo cách tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ của mình và xứng đáng với danh tiếng của một vị tướng vĩ đại. Rostov lao vào tấn công quân Pháp vì anh không thể kiềm chế được mong muốn phi nước đại trên cánh đồng bằng phẳng. Và cứ thế, do những đặc tính cá nhân, thói quen, điều kiện và mục tiêu riêng biệt, tất cả vô số những người tham gia cuộc chiến này đã hành động. Họ sợ hãi, phù phiếm, vui mừng, phẫn nộ, lý luận, tin rằng họ biết mình đang làm gì và làm vì chính mình, nhưng tất cả đều là những công cụ vô thức của lịch sử và thực hiện một công việc ẩn giấu đối với họ nhưng lại dễ hiểu đối với chúng ta. Đó là số phận

không đổi của tất cả các nhân vật thực tiễn, và họ càng đứng cao trong hệ thống cấp bậc của con người thì họ càng không tự do.

Giờ đây, những nhân vật của năm 1812 đã rời xa vị trí của mình từ lâu, những lợi ích cá nhân của họ đã biến mất không dấu vết, và chỉ còn lại những kết quả lịch sử của thời đại đó trước mắt chúng ta.

Nhưng hãy giả định rằng những người châu Âu dưới sự lãnh đạo của Napoleon phải tiến sâu vào lòng nước Nga và hy sinh ở đó, thì toàn bộ hoạt động đầy mâu thuẫn, vô nghĩa, tàn bạo của những người tham gia cuộc chiến này trở nên dễ hiểu đối với chúng ta.

Sự quan phòng đã buộc tất cả những người này, khi cố gắng đạt được các mục tiêu cá nhân của mình, phải góp phần thực hiện một kết quả khổng lồ duy nhất, mà không một người nào (cả Napoleon, lẫn Alexander, và càng không phải bất kỳ ai khác trong số những người tham gia cuộc chiến) có được sự kỳ vọng nhỏ nhất về nó.

Giờ đây chúng ta đã hiểu rõ nguyên nhân dẫn đến sự diệt vong của quân đội Pháp năm 1812 là gì. Không ai tranh cãi rằng nguyên nhân gây ra cái chết cho quân đội Napoleon là, một mặt, việc họ tiến sâu vào lòng nước

Nga vào thời điểm muộn mà không chuẩn bị cho chiến dịch mùa đông ; và mặt khác, tính chất mà cuộc chiến đã mang lại từ việc đốt phá các thành phố của Nga và sự kích động lòng căm thù kẻ thù trong nhân dân Nga. Nhưng khi đó không chỉ không ai lường trước được điều này (điều mà bây giờ có vẻ rõ ràng), rằng chỉ bằng cách này thì đội quân 800.000 người, đội quân giỏi nhất thế giới và được dẫn dắt bởi vị tướng giỏi nhất, mới có thể bị tiêu diệt khi đối đầu với một đội quân Nga yếu hơn gấp đôi, thiếu kinh nghiệm và được dẫn dắt bởi những vị tướng thiếu kinh nghiệm ; không chỉ không ai lường trước được điều này, mà mọi nỗ lực từ phía người Nga đều thường xuyên nhằm mục đích ngăn cản điều duy nhất có thể cứu được nước Nga, và từ phía quân Pháp, bất chấp kinh nghiệm và cái gọi là thiên tài quân sự của Napoleon, mọi nỗ lực đều hướng đến việc tiến đến Moscow vào cuối mùa hè, tức là làm chính cái việc lẽ ra phải tiêu diệt họ.

Trong các tác phẩm lịch sử về năm 1812, các tác giả người Pháp rất thích nói về việc Napoleon đã cảm thấy nguy hiểm của việc kéo dài đường hành quân của mình như thế nào, việc ông tìm kiếm trận đánh ra sao, việc các nguyên soái đã khuyên ông dừng lại ở Smolensk như thế nào, và những lý lẽ tương tự khác để chứng minh rằng dường như khi đó mối nguy hiểm của chiến

dịch đã được nhận thức ; còn các tác giả người Nga thì lại càng thích nói về việc ngay từ đầu chiến dịch đã tồn tại một kế hoạch chiến tranh Scythia – dụ Napoleon vào sâu trong lòng nước Nga, và họ gán kế hoạch này cho Phfull, cho một người Pháp nào đó, cho Toll, hay cho chính Hoàng đế Alexander, chỉ ra những ghi chép, dự án và bức thư trong đó thực sự có những gợi ý về cách hành động như vậy. Nhưng tất cả những gợi ý về việc lường trước những gì đã xảy ra, từ phía quân Pháp cũng như từ phía quân Nga, giờ đây được đưa ra chỉ vì sự việc đã được chứng minh bằng kết quả. Nếu sự việc không xảy ra, thì những gợi ý này sẽ bị lãng quên, cũng như hàng ngàn và hàng triệu những gợi ý và giả định trái ngược nhau khác vốn đã tồn tại lúc bấy giờ, nhưng hóa ra là không đúng và vì thế bị lãng quên. Về kết cục của mỗi sự việc đang diễn ra luôn có quá nhiều giả định đến nỗi, dù nó kết thúc như thế nào, vẫn sẽ luôn có những người nói : «Lúc đó tôi đã nói rằng nó sẽ như thế này mà», trong khi quên mất rằng trong số vô vàn những giả định đó cũng có những giả định hoàn toàn trái ngược.

Những giả định về việc Napoleon nhận thức được nguy hiểm của việc kéo dài đường hành quân và về việc phía người Nga dụ kẻ thù vào sâu trong lòng nước Nga rõ ràng thuộc về loại này, và các nhà sử học chỉ có thể

gán những suy tính như vậy cho Napoleon và những kế hoạch như vậy cho các tướng lĩnh Nga với một sự gượng ép lớn. Tất cả các sự kiện đều hoàn toàn mâu thuẫn với những giả định đó. Không chỉ trong suốt thời gian chiến tranh phía người Nga không có mong muốn dụ quân Pháp vào sâu trong lòng nước Nga, mà mọi thứ đã được thực hiện để ngăn cản họ ngay từ lần đầu tiên họ xâm nhập vào Nga ; và không chỉ Napoleon không sợ kéo dài đường hành quân của mình, mà ông còn vui mừng, như một chiến thắng, trước mỗi bước tiến và rất lười biếng, không giống như trong các chiến dịch trước đây của mình, tìm kiếm trận đánh.

Ngay từ khi bắt đầu chiến dịch, quân đội của chúng ta đã bị chia cắt, và mục tiêu duy nhất mà chúng ta hướng tới là hợp nhất họ ; mặc dù để rút lui và dụ kẻ thù vào sâu trong nước thì việc hợp nhất các cánh quân là không có lợi. Hoàng đế ở cùng quân đội để cổ vũ họ bảo vệ từng bước chân trên đất Nga, chứ không phải để rút lui. Một doanh trại Drissa khổng lồ được thiết lập theo kế hoạch của Phfull và không có ý định rút lui xa hơn. Hoàng đế khiển trách tổng tư lệnh về mỗi bước rút lui. Không chỉ việc đốt cháy Moscow, mà ngay cả việc để kẻ thù tiến đến Smolensk cũng không thể hiện ra trong trí tưởng tượng của hoàng đế, và khi các cánh quân hợp lại, hoàng đế đã phẫn nộ vì Smolensk bị chiếm và bị đốt

cháy mà không có một trận đánh lớn trước tường thành của nó.

Hoàng đế nghĩ như vậy, nhưng các tướng lĩnh Nga và tất cả người dân Nga thậm chí còn phẫn nộ hơn trước ý nghĩ rằng quân ta đang rút lui sâu vào lòng đất nước.

Napoleon, sau khi chia cắt các cánh quân, tiến sâu vào lòng đất nước và bỏ lỡ vài cơ hội giao chiến. Vào tháng Tám, ông ở Smolensk và chỉ nghĩ về việc làm sao để tiến xa hơn nữa, mặc dù, như chúng ta thấy bây giờ, chuyển động tiến lên này rõ ràng là tai hại cho ông.

Các sự thật cho thấy rõ ràng rằng cả Napoleon cũng không lường trước được nguy hiểm trong việc tiến quân đến Moscow, cả Alexander và các tướng lĩnh Nga lúc đó cũng không nghĩ đến việc dụ Napoleon, mà nghĩ về điều ngược lại. Việc dụ Napoleon vào sâu trong đất nước diễn ra không theo kế hoạch của bất kỳ ai (không ai tin vào khả năng của điều đó), mà diễn ra từ một trò chơi phức tạp của các mưu đồ, mục tiêu, mong muốn của những người tham gia chiến tranh, những người không đoán trước được điều gì lẽ ra phải có, và điều gì là sự cứu rỗi duy nhất cho nước Nga. Mọi thứ diễn ra một cách tình cờ : Quân đội bị chia cắt ngay từ đầu chiến dịch. Chúng ta cố gắng hợp nhất họ với mục tiêu rõ ràng – để giao chiến và kìm hãm bước tiến của kẻ thù,

nhưng trong nỗ lực hợp nhất này, tránh các trận đánh với kẻ thù mạnh hơn và vô tình rút lui theo một góc nhọn, chúng ta dẫn quân Pháp đến tận Smolensk. Nhưng chưa đủ nếu nói rằng chúng ta rút lui theo góc nhọn vì quân Pháp di chuyển giữa hai cánh quân của chúng ta – góc này càng trở nên nhọn hơn, và chúng ta càng đi xa hơn vì Barclay de Tolly, một người Đức không được lòng dân, bị Bagration (người đáng lẽ phải nằm dưới quyền chỉ huy của ông) căm ghét ; và Bagration, chỉ huy quân đoàn 2, cố gắng trì hoãn việc hợp nhất với Barclay càng lâu càng tốt để không phải phục tùng ông ta. Bagration trì hoãn việc hợp nhất (mặc dù đây là mục tiêu chính của tất cả các cấp chỉ huy) bởi vì ông ta thấy rằng trên hành trình này ông ta đang đặt quân đội mình vào nguy hiểm và điều có lợi nhất cho ông là rút lui sang bên trái và về phía nam, quấy rối kẻ thù từ phía sườn và phía sau và bổ sung quân đội của mình tại Ukraine. Nhưng có vẻ như điều này được ông nghĩ ra là vì ông không muốn phục tùng người Đức Barclay kém cấp bậc hơn mình.

Hoàng đế có mặt tại quân đội để cổ vũ, nhưng sự hiện diện của ngài và sự thiếu hiểu biết về những gì cần quyết định, cùng vô số các cố vấn và kế hoạch đã phá hủy năng lượng hành động của quân đoàn 1, và quân đội phải rút lui.

Tại doanh trại Drissa, dự định sẽ dừng lại ; nhưng bất ngờ Paulucci, người đang nhắm tới vị trí tổng tư lệnh, dùng năng lượng của mình tác động lên Alexander, và toàn bộ kế hoạch của Phfull bị vứt bỏ, và mọi việc được giao phó cho Barclay. Nhưng vì Barclay không gây được sự tin tưởng, quyền lực của ông bị hạn chế. Các cánh quân bị chia cắt, không có sự thống nhất về chỉ huy, Barclay không được lòng dân ; nhưng từ sự hỗn loạn, chia cắt và sự không được lòng dân của người Đức – tổng tư lệnh này, một mặt lại nảy sinh sự thiếu quyết đoán và tránh né các trận đánh (điều không thể tránh khỏi nếu quân đội hợp nhất và không phải Barclay làm chỉ huy), mặt khác – sự phẫn nộ ngày càng tăng đối với người Đức và sự thức tỉnh của tinh thần yêu nước.

Cuối cùng hoàng đế rời quân đội, và như một cái cớ duy nhất và thuận tiện nhất cho sự ra đi của ngài, ý kiến được chọn là ngài cần phải cổ vũ nhân dân ở các kinh đô để kích động cuộc chiến tranh nhân dân. Và chuyến đi này của hoàng đế đến Moscow đã làm tăng gấp ba sức mạnh của quân đội Nga.

Hoàng đế rời quân đội để không làm hạn chế quyền lực thống nhất của tổng tư lệnh, và hy vọng rằng những biện pháp quyết liệt hơn sẽ được thực hiện ; nhưng vị trí chỉ huy quân đội thậm chí còn trở nên hỗn loạn và yếu

kém hơn. Benigsen, đại công tước và một nhóm các tướng lĩnh tùy tùng ở lại quân đội để theo dõi các hành động của tổng tư lệnh và thúc đẩy năng lượng của ông ; và Barclay, càng cảm thấy mình không được tự do dưới sự giám sát của tất cả các «đôi mắt hoàng đế» này, càng trở nên thận trọng hơn đối với các hành động quyết liệt và né tránh các trận đánh.

Barclay ủng hộ sự thận trọng. Thái tử ám chỉ về sự phản bội và yêu cầu một trận đánh tổng lực. Lubomirski, Bronitsky, Vlotsky và những người tương tự thổi phồng tất cả những ồn ào này đến mức Barclay, dưới cái cớ chuyển giao các giấy tờ cho hoàng đế, đã gửi các tướng lĩnh tùy tùng người Ba Lan đến Petersburg và bước vào cuộc đấu tranh công khai với Benigsen và đại công tước.

Tại Smolensk, cuối cùng, dù Bagration không muốn thế nào, các cánh quân cũng đã hợp nhất.

Bagration đi xe ngựa đến ngôi nhà do Barclay ở. Barclay quấn khăn quàng cổ, đi ra đón và báo cáo với Bagration là người có quân hàm cao hơn. Bagration, trong một sự hào hiệp cao thượng, mặc dù có thâm niên về cấp bậc, vẫn phục tùng Barclay ; nhưng, dù đã phục tùng, ông vẫn ít đồng thuận với ông ta hơn. Bagration đích thân, theo lệnh của hoàng đế, báo cáo với ngài. Ông viết cho Arakcheev : «Ý muốn của hoàng đế tôi, tôi

không thể ở cùng bộ trưởng (Barclay) được. Vì Chúa, hãy phái tôi đi đâu đó dù chỉ chỉ huy một trung đoàn, chứ ở đây thì không thể ; toàn bộ đại bản doanh đầy rẫy người Đức, đến nỗi người Nga không thể sống nổi, và chẳng có ý nghĩa gì cả. Tôi nghĩ mình thực sự phục vụ hoàng đế và tổ quốc, nhưng thực tế lại hóa ra là tôi phục vụ Barclay. Tôi thú thực là không muốn». Nhóm các Bronitsky, Wintzingerode và những người khác càng làm vẩn đục thêm mối quan hệ giữa các tổng tư lệnh, và sự thống nhất thậm chí còn ít hơn. Họ định tấn công quân Pháp trước Smolensk. Một tướng được cử đi xem xét các vị trí. Vị tướng này, vốn căm ghét Barclay, đã đến gặp một người bạn là chỉ huy quân đoàn, ngồi lỳ ở đó cả ngày, trở về gặp Barclay và chỉ trích mọi điểm của chiến trường mà ông ta chưa hề nhìn thấy.

Trong khi các cuộc tranh luận và mưu đồ về chiến trường tương lai đang diễn ra, trong khi chúng ta đang tìm kiếm quân Pháp, do nhầm lẫn về vị trí đóng quân của họ, quân Pháp đã chạm trán với sư đoàn của Neverovsky và tiến đến tận tường thành Smolensk.

Cần phải chấp nhận một trận đánh bất ngờ tại Smolensk để cứu vãn các đường dây liên lạc của mình. Trận đánh đã diễn ra. Hàng ngàn người bị giết ở cả hai phía.

Smolensk bị bỏ lại trái với ý muốn của hoàng đế và toàn dân. Nhưng Smolensk đã bị chính cư dân đốt cháy, những người bị lừa dối bởi thống đốc của họ, và những cư dân bị tàn phá đó, nêu gương cho những người Nga khác, đã lên đường đi Moscow, chỉ nghĩ về những mất mát của mình và nhen nhóm lòng căm thù kẻ thù. Napoleon tiến xa hơn, chúng ta rút lui, và đạt được chính cái điều lẽ ra phải để đánh bại Napoleon.

II

Ngày hôm sau sau khi con trai rời đi, công tước Nikolai Andreevich gọi tiểu thư Marya đến.

– Thế nào, giờ cô hài lòng rồi chứ ? – ông nói với nàng, – làm mình làm mẩy với con trai ! Hài lòng chứ? Cô chỉ cần có thế thôi mà ! Hài lòng chứ ?.. Tôi thấy đau, đau lắm. Tôi già và yếu rồi, còn cô thì chỉ muốn thế thôi. Nào, vui đi, vui đi...

Và sau đó tiểu thư Marya trong suốt một tuần không nhìn thấy cha mình. Ông bị bệnh và không ra khỏi phòng làm việc.

Trước sự ngạc nhiên của mình, tiểu thư Marya nhận thấy rằng trong thời gian lâm bệnh, ông già công tước cũng không cho cô Bourienne đến gần mình. Chỉ có Tikhon là vào chăm sóc ông.

Một tuần sau công tước ra ngoài và bắt đầu lại cuộc sống trước đây, đặc biệt tích cực với các công trình xây dựng và khu vườn, đồng thời chấm dứt mọi quan hệ trước đó với cô Bourienne. Vẻ mặt và giọng nói lạnh lùng của ông đối với tiểu thư Marya dường như đang nói với nàng : «đấy cô thấy chưa, cô đã bịa đặt về tôi, đã nói dối công tước Andrei về quan hệ của tôi với người

phụ nữ Pháp này và làm tôi cãi nhau với nó ; còn cô thấy đấy, tôi không cần cô, cũng không cần người phụ nữ Pháp nào hết».

Một nửa ngày tiểu thư Marya dành cho Nikolushka, theo dõi các bài học của cậu bé, nàng tự dạy cậu các bài học tiếng Nga và âm nhạc và trò chuyện với Desalles ; nửa thời gian còn lại nàng dành cho sách vở, bà vú già và với những người của Chúa, những người đôi khi đi từ cửa sau đến gặp nàng.

Về chiến tranh, tiểu thư Marya nghĩ như cách những người phụ nữ nghĩ về chiến tranh. Nàng lo sợ cho anh trai mình, người đang ở đó, kinh hãi, không hiểu sự tàn khéo của con người khiến họ giết hại lẫn nhau ; nhưng nàng không hiểu ý nghĩa của cuộc chiến này, vốn dường như đối với nàng cũng giống như tất cả các cuộc chiến trước đây. Nàng không hiểu ý nghĩa của cuộc chiến này, mặc dù Desalles, người bạn đồng hành thường xuyên của nàng, say mê theo dõi diễn biến của cuộc chiến, đã cố gắng giải thích cho nàng những suy nghĩ của mình, và mặc dù những người của Chúa đến gặp nàng đều kể với vẻ kinh hãi theo cách của dân gian về những lời đồn đại về Kẻ phản Chúa, và mặc dù Julie, giờ đây là nữ công tước Drubetskaya, người đã lại bắt đầu viết thư cho nàng, đã viết những lá thư yêu nước từ Moscow.

«Em viết cho chị bằng tiếng Nga, người bạn tốt của em», Julie viết, «vì em có lòng căm thù đối với tất cả người Pháp, cũng như đối với ngôn ngữ của họ, thứ mà em không thể nghe nổi... Ở Moscow, tất cả chúng em đều nồng nhiệt với lòng nhiệt huyết đối với hoàng đế kính yêu của chúng ta.

Người chồng tội nghiệp của em đang chịu đựng gian khổ và đói khát trong những quán trọ Do Thái ; nhưng những tin tức mà em nhận được còn làm em phấn chấn hơn nữa.

Chị chắc hẳn đã nghe về chiến công anh hùng của Raevsky, người đã ôm lấy hai con trai mình và nói : «Chúng ta sẽ cùng chết, nhưng sẽ không dao động !» Và quả thực, mặc dù kẻ thù mạnh gấp đôi chúng ta, chúng ta đã không dao động. Chúng ta dành thời gian như chúng ta có thể ; nhưng trong chiến tranh, như là trong chiến tranh. Tiểu thư Alina và Sophie ngồi cùng em cả ngày, và chúng em, những góa phụ tội nghiệp của những người chồng đang sống, vừa xe sợi vừa có những cuộc trò chuyện tuyệt vời ; chỉ thiếu mỗi chị thôi, bạn của em...» v.v.

Chủ yếu là tiểu thư Marya không hiểu hết ý nghĩa của cuộc chiến này vì ông già công tước không bao giờ nói về nó với nàng, không thừa nhận nó và cười nhạo

Desalles khi ông này nói về cuộc chiến trong bữa ăn. Giọng nói của công tước quá điềm tĩnh và tự tin đến nỗi tiểu thư Marya tin ông mà không cần suy nghĩ.

Suốt tháng Bảy, ông già công tước vô cùng năng động và thậm chí hoạt bát. Ông còn lập thêm một khu vườn mới và một tòa nhà mới cho những người hầu trong điền trang. Có một điều làm tiểu thư Marya lo lắng là ông ngủ rất ít và thay đổi thói quen ngủ trong phòng làm việc, mỗi ngày lại thay đổi chỗ ngủ. Hoặc là ông ra lệnh kê chiếc giường dã chiến của mình trong hành lang ; hoặc là ông ở lại trên ghế sofa hoặc trên chiếc ghế tựa Voltaire trong phòng khách và thiu thiu ngủ mà không cởi quần áo, trong khi thay vì cô Bourienne, cậu bé Petrusha đọc sách cho ông nghe ; đôi khi ông lại ngủ lại trong phòng ăn.

Vào ngày đầu tiên của tháng Tám, nhận được bức thư thứ hai từ công tước Andrei. Trong bức thư đầu tiên, nhận được không lâu sau khi anh ra đi, công tước Andrei đã khiêm tốn xin lỗi cha mình về những gì anh đã cho phép mình nói với ông, và xin ông hãy rủ lòng thương trở lại. Trước bức thư này, ông già công tước đã trả lời bằng một bức thư trìu mến và sau bức thư đó đã đuổi người phụ nữ Pháp đi. Bức thư thứ hai của công tước Andrei, viết từ gần Vitebsk sau khi quân Pháp đã

chiếm thành phố này, bao gồm một mô tả ngắn gọn về toàn bộ chiến dịch với bản kế hoạch được vẽ trong thư, và những suy nghĩ về diễn biến tiếp theo của chiến dịch. Trong bức thư này, công tước Andrei trình bày với cha mình sự bất tiện của vị trí ông ở gần chiến trường, ngay trên đường di chuyển của quân đội, và khuyên ông nên đi Moscow.

Trong bữa ăn ngày hôm đó, trước lời nói của Desalles cho rằng nghe nói quân Pháp đã tiến vào Vitebsk, ông già công tước nhớ lại bức thư của công tước Andrei.

– Nhận được thư của công tước Andrei hôm nay, – ông nói với tiểu thư Marya, – cô chưa đọc à ?

– Chưa, thưa cha, – tiểu thư Marya trả lời đầy sợ hãi.

Nàng không thể đọc bức thư mà nàng thậm chí còn chưa nghe nói là đã nhận được.

– Nó viết về cuộc chiến này đây, – công tước nói với nụ cười khinh miệt quen thuộc mà ông luôn dùng khi nói về cuộc chiến hiện tại.

– Chắc hẳn là rất thú vị, – Desalles nói. – Công tước có khả năng để biết...

– À, rất thú vị ! – cô Bourienne nói.

– Đi lấy cho tôi, – ông già công tước quay sang cô Bourienne. – Cô biết đấy, trên chiếc bàn nhỏ dưới cái chặn giấy ấy.

Cô Bourienne vui sướng nhảy cẫng lên.

– À, không ! – ông cau mày quát. – Đi đi, Mikhail Ivanovich !

Mikhail Ivanovich đứng dậy đi vào phòng làm việc. Nhưng ông ta vừa mới đi khỏi, ông già công tước bồn chồn nhìn quanh, vứt khăn ăn sang một bên và tự mình đi theo.

– Họ chẳng biết làm gì cả, họ sẽ làm rối tung hết lên cho xem.

Trong khi ông đi, tiểu thư Marya, Desalles, cô Bourienne và ngay cả Nikolushka im lặng nhìn nhau. Ông già công tước trở lại với những bước chân nhanh nhẹn, tháp tùng bởi Mikhail Ivanovich, với bức thư và bản kế hoạch mà ông không đưa cho ai xem trong suốt bữa ăn, ông đặt nó bên cạnh mình.

Khi chuyển sang phòng khách, ông đưa bức thư cho tiểu thư Marya và trải bản kế hoạch xây dựng mới trước mặt mình, ông dán mắt vào đó và ra lệnh cho nàng đọc to. Sau khi đọc xong bức thư, tiểu thư Marya hỏi dò

nhìn cha. Ông nhìn vào bản kế hoạch, rõ ràng đang chìm đắm trong những suy nghĩ của mình.

– Ngài nghĩ thế nào về việc này, thưa công tước ? – Dessalles mạo muội hỏi.

– Tôi ? Tôi ?... – công tước nói, như thể vừa tỉnh giấc một cách khó chịu, mắt không rời khỏi bản kế hoạch xây dựng.

– Rất có thể là chiến trường sẽ tiến đến gần chúng ta...

– Ha–ha–ha ! Chiến trường ! – công tước nói. – Ta đã nói và vẫn nói rằng chiến trường là Ba Lan, và kẻ thù sẽ không bao giờ xâm nhập xa hơn sông Neman.

Dessalles ngạc nhiên nhìn vị công tước đang nói về sông Neman, trong khi kẻ thù đã ở bên sông Dnieper; nhưng tiểu thư Marya, vốn quên mất vị trí địa lý của sông Neman, lại nghĩ rằng những gì cha mình nói là đúng.

– Khi tuyết tan, chúng sẽ chết chìm trong các đầm lầy ở Ba Lan. Chúng chỉ có thể không nhìn thấy thôi, – công tước lẩm bẩm, rõ ràng là đang nghĩ về chiến dịch năm 1807, một sự kiện đối với ông dường như mới xảy

ra gần đây. – Bennigsen đáng lẽ phải tiến vào Phổ sớm hơn, sự việc đã xoay chuyển theo hướng khác...

– Nhưng, thưa công tước, – Dessalles rụt rè nói, – trong thư có nhắc đến Vitebsk...

– À, trong thư ? Phải... – công tước nói một cách không hài lòng. – Phải... phải... – Gương mặt ông bỗng trở nên u ám. Ông im lặng. – Phải, nó viết là quân Pháp bị đánh bại, ở bên dòng sông nào nhỉ ?

Dessalles cúi mặt xuống.

– Công tước không viết gì về chuyện đó cả, – anh nói khẽ.

– Chẳng lẽ không viết sao ? Hừm ! Ta đâu có tự bịa ra đâu.

Mọi người im lặng hồi lâu.

– Phải... phải... Này, Mikhail Ivanytch, – đột nhiên ông nói, ngẩng đầu lên và chỉ vào bản kế hoạch xây dựng, – hãy nói xem, anh muốn sửa lại chỗ này thế nào...

Mikhail Ivanovich tiến lại gần bản kế hoạch, và công tước, sau khi nói chuyện với anh ta về kế hoạch xây

dựng mới, trừng mắt giận dữ nhìn tiểu thư Marya và Dessalles rồi đi về phòng mình.

Tiểu thư Marya đã nhìn thấy cái nhìn bối rối và ngạc nhiên của Dessalles hướng về phía cha mình, nhận thấy sự im lặng của ông và kinh ngạc vì cha mình đã quên bức thư của con trai trên bàn phòng khách ; nhưng cô không chỉ sợ nói và hỏi Dessalles về nguyên nhân sự bối rối và im lặng của ông, mà còn sợ cả khi nghĩ về điều đó.

Buổi tối, Mikhail Ivanovich, do công tước cử đến, đã đến gặp tiểu thư Marya để lấy bức thư của công tước Andrei mà cô đã để quên trong phòng khách. Tiểu thư Marya đưa bức thư. Mặc dù điều này rất khó chịu, cô vẫn mạo muội hỏi Mikhail Ivanovich xem cha mình đang làm gì.

– Mọi người đều đang bận rộn, – anh ta đáp với một nụ cười cung kính xen lẫn giễu cợt khiến tiểu thư Marya tái mặt. – Công tước rất lo lắng về khu nhà mới. Họ đã đọc một chút, nhưng bây giờ, – anh hạ thấp giọng nói, – ở chỗ bàn viết, chắc là đang lo liệu về di chúc. (Thời gian gần đây, một trong những việc yêu thích của công tước là sắp xếp lại những giấy tờ cần để lại sau khi ông qua đời và được ông gọi là di chúc.)

– Có cử Alpatych đi Smolensk không ? – tiểu thư Marya hỏi.

– Có chứ ạ, ông ấy đã đợi từ lâu rồi.

III

Khi Mikhail Ivanovich cầm bức thư trở lại phòng làm việc, công tước đang đeo kính, mắt che bởi một cái chụp đèn và nến thắp sáng, ngồi bên chiếc bàn viết mở rộng, với mớ giấy tờ trong bàn tay đưa ra xa, và trong một tư thế hơi trang trọng, ông đang đọc những bản thảo của mình (những ghi chú, như ông gọi), những thứ cần được dâng lên hoàng đế sau khi ông qua đời.

Khi Mikhail Ivanovich bước vào, mắt ông đẫm lệ khi nhớ về thời điểm ông viết những dòng đó, cái thời mà ông đang đọc lại bây giờ. Ông cầm lấy bức thư từ tay Mikhail Ivanovich, bỏ vào túi áo, dọn dẹp đống giấy tờ và gọi Alpatych, người đã đợi từ lâu.

Trên một mảnh giấy, ông đã viết sẵn những thứ cần mua ở Smolensk, và đi qua căn phòng qua mặt Alpatych đang đợi ở cửa, ông bắt đầu ra lệnh.

– Thứ nhất – giấy viết thư, nghe rõ chưa, tám tập, đây, theo mẫu ; mạ vàng ở mép... mẫu đây, để nhất định phải đúng như thế ; sơn, sáp phong – theo ghi chú của Mikhail Ivanytch.

Ông đi đi lại lại trong phòng và nhìn vào cuốn sổ ghi nhớ.

– Sau đó, đích thân đưa thư cho thống đốc về việc ghi danh.

Sau đó, cần các chốt cửa cho khu nhà mới, nhất định phải theo kiểu dáng này, do chính công tước nghĩ ra. Sau đó, cần đặt một chiếc hòm bọc da để cất giữ các bản di chúc.

Việc ra lệnh cho Alpatych kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Công tước vẫn không để ông đi. Ông ngồi xuống, suy nghĩ, rồi nhắm mắt lại, thiu thiu ngủ. Alpatych khẽ động đậy.

– Thôi, đi đi, đi đi ; nếu có gì cần, ta sẽ sai người đem đến.

Alpatych đi ra ngoài. Công tước lại đến bên bàn viết, nhìn vào đó, lấy tay chạm vào các giấy tờ của mình, rồi lại khóa nó lại và ngồi vào bàn viết thư cho thống đốc.

Trời đã khuya khi ông đứng dậy sau khi đã niêm phong bức thư. Ông muốn đi ngủ, nhưng ông biết rằng mình sẽ không ngủ được và những ý nghĩ tồi tệ nhất thường đến với ông khi nằm trên giường. Ông gọi Tikhon, đi qua các phòng để bảo anh ta dọn giường ở đâu cho đêm nay. Ông đi quanh, đo đạc từng góc phòng.

Mọi nơi ông đều cảm thấy không ổn, nhưng tệ nhất là chiếc sofa quen thuộc trong phòng làm việc. Chiếc sofa này khiến ông sợ hãi, có lẽ vì những ý nghĩ nặng nề mà ông đã trải qua khi nằm trên đó. Chẳng có nơi nào tốt cả, nhưng góc phòng sau cây đàn piano trong phòng khách vẫn là tốt nhất : ông chưa bao giờ ngủ ở đó.

Tikhon mang giường cùng người phục vụ đến và bắt đầu sắp xếp.

– Không phải thế, không phải thế ! – công tước hét lên và tự mình đẩy chiếc giường ra xa góc phòng một chút, rồi lại kéo lại gần hơn.

– Thôi, cuối cùng thì, mọi thứ đã xong, bây giờ ta sẽ nghỉ ngơi, – công tước nghĩ và để Tikhon giúp mình cởi quần áo.

Bực bội nhăn mặt vì những nỗ lực cần thiết để cởi chiếc áo ca–pát và quần dài, công tước cởi đồ, nặng nề ngồi xuống giường và như thể đang suy nghĩ, khinh bỉ nhìn vào đôi chân gầy guộc héo hon của mình. Ông không suy nghĩ, mà chỉ chần chừ trước công việc sắp tới là nhấc đôi chân này lên và di chuyển chúng lên giường. «Ôi, sao mà cực nhọc thế ! Ôi, giá như những cực hình này mau chóng kết thúc, và giá như các người thả tôi ra !» – ông nghĩ. Ông mím môi, thực hiện nỗ lực

lần thứ hai mươi và nằm xuống. Nhưng ngay khi vừa nằm xuống, cả chiếc giường dường như rung chuyển nhịp nhàng tới lui dưới thân ông, như thể ông đang thở nặng nề và bị xô đẩy. Chuyện này xảy ra với ông hầu như mỗi đêm. Ông mở to đôi mắt vừa khép lại.

– Chẳng có bình yên, quân khốn kiếp ! – ông lẩm bẩm với vẻ giận dữ với ai đó. – «Phải, phải, còn điều gì đó quan trọng nữa, rất quan trọng mà tôi đã để dành cho đêm nay khi nằm trên giường. Chốt cửa ? Không, không phải chuyện đó. Không, có cái gì đó, có cái gì đó trong phòng khách. Tiểu thư Marya đã nói điều gì đó nhảm nhí. Dessalles cũng nói gì đó – cái đồ ngốc này – đã nói. Trong túi có cái gì đó – tôi không nhớ».

– Tishka ! Bữa trưa chúng mày nói về chuyện gì ?

– Về công tước Mikhail...

– Im đi, im đi. – Công tước đập tay xuống bàn. – «Phải, tôi biết rồi, thư của công tước Andrei. Tiểu thư Marya đã đọc. Dessalles nói gì đó về Vitebsk. Bây giờ tôi sẽ đọc».

Ông bảo lấy bức thư ra khỏi túi và kéo chiếc bàn nhỏ với nước chanh và cây nến xoắn lại gần giường, đeo kính vào và bắt đầu đọc. Chỉ có ở đây, trong sự tĩnh

lặng của đêm khuya, dưới ánh sáng yếu ớt từ dưới cái chụp đèn màu xanh lá cây, ông mới hiểu được ý nghĩa của nó trong giây lát đầu tiên.

– Quân Pháp ở Vitebsk, sau bốn chặng hành quân nữa chúng có thể ở Smolensk ; có lẽ chúng đã ở đó rồi. Tishka ! – Tikhon nhảy dựng lên. – Không, không cần, không cần đâu ! – công tước hét lên.

Ông giấu bức thư dưới chân nến và nhắm mắt lại. Và hiện ra trước mắt ông là dòng sông Danube, một buổi trưa tươi sáng, những rặng lau sậy, doanh trại của quân Nga, và ông bước vào, ông – một vị tướng trẻ, không một nếp nhăn trên mặt, hoạt bát, vui vẻ, hồng hào, trong lều trại lộng lẫy của Potemkin, và cái cảm giác ghen tị cháy bỏng đối với người được sủng ái, cũng mãnh liệt như lúc đó, lại làm ông xao động. Và ông nhớ lại tất cả những lời đã nói trong lần gặp đầu tiên với Potemkin. Và hiện ra trước mắt ông là một người phụ nữ đẫy đà, da vàng vọt, vóc dáng thấp, mập mạp – thái hậu nương nương, nụ cười của bà, những lời nói khi bà lần đầu tiên ân cần đón tiếp ông, và ông nhớ lại gương mặt của bà trên linh cữu và cuộc đụng độ với Zubov, người lúc đó ở gần linh cữu bà đã tranh giành quyền được hôn tay bà.

«Ái chà, mau lên, mau lên để quay lại thời gian đó và để thực tại này mau chóng kết thúc, mau lên ; để họ để tôi được yên !»

IV

Lysye Gory, thái ấp của công tước Nikolai Andreyevich Bolkonsky, nằm cách Smolensk 60 dặm, về phía sau nó, và cách đường Moscow ba dặm.

Ngay trong buổi tối hôm đó, khi công tước ra lệnh cho Alpatych, Dessalles, sau khi yêu cầu được gặp tiểu thư Marya, đã báo với cô rằng vì công tước không được khỏe lắm và không thực hiện bất kỳ biện pháp nào cho sự an toàn của mình, mà theo thư của công tước Andrei thì thấy rằng việc ở lại Lysye Gory là không an toàn, nên ông cung kính khuyên cô tự mình viết thư cho tỉnh trưởng ở Smolensk với yêu cầu thông báo cho cô về tình hình và mức độ nguy hiểm mà Lysye Gory đang gặp phải. Dessalles đã viết cho tiểu thư Marya một bức thư gửi thống đốc mà cô đã ký, và bức thư này đã được đưa cho Alpatych với lệnh phải trao nó cho thống đốc và, trong trường hợp nguy hiểm, phải quay lại càng sớm càng tốt.

Sau khi nhận được tất cả các mệnh lệnh, Alpatych, có gia nhân đi cùng, trong chiếc mũ lông trắng (món quà của công tước), cầm gậy, giống như công tước, bước ra để lên chiếc xe mui kín lót da, được kéo bởi bộ ba ngựa hồng khỏe mạnh.

Cái chuông đã được buộc lại, và những chiếc lục lạc được nhét đầy giấy vụn. Công tước không cho phép bất kỳ ai ở Lysye Gory đi lại với tiếng chuông. Nhưng Alpatych thích tiếng chuông và lục lạc trên đường xa. Các gia nhân của Alpatych : viên thư ký, một chị đầu bếp – người đen, người trắng, hai bà già, một cậu bé giúp việc, bác xà ích và nhiều gia nhân trong sân khác ra tiễn ông.

Con gái ông xếp sau lưng ông và dưới ông những chiếc gối bằng vải bông và đệm lông. Bà chị vợ già lén lút nhét một cái bọc nhỏ vào. Một trong những bác xà ích đỡ tay giúp ông lên xe.

– Nào, nào, đàn bà bày vẽ ! Đàn bà, đàn bà ! – Alpatych thở hổn hển nói nhanh, y hệt như cách công tước vẫn nói, và ngồi vào xe.

Sau khi đưa ra những chỉ thị cuối cùng về công việc cho viên quản lý và trong việc này không còn bắt chước công tước nữa, Alpatych bỏ chiếc mũ khỏi cái đầu hói và làm dấu thánh ba lần.

– Ông, nếu có chuyện gì... ông quay về nhé, Yakov Alpatych ; vì Chúa, hãy thương chúng tôi, – bà vợ kêu lên, ám chỉ những tin đồn về chiến tranh và kẻ thù.

– Đàn bà, đàn bà, đàn bà bày vẽ ! – Alpatych lẩm bẩm một mình rồi đánh xe đi, nhìn quanh những cánh đồng nơi lúa mạch đã vàng, nơi yến mạch còn xanh tốt, nơi lại có những đám lúa mạch đen mà họ mới bắt đầu gặt.

Alpatych vừa đi vừa ngắm nhìn mùa màng bội thu của các loại cây vụ xuân năm nay, quan sát những dải lúa mạch đen, nơi ở một vài chỗ họ đã bắt đầu gặt, và thực hiện những tính toán kinh tế của mình về việc gieo hạt và thu hoạch, và về việc liệu có quên mất mệnh lệnh nào của công tước không.

Sau khi cho ngựa ăn hai lần trên đường, đến tối ngày 4 tháng 8, Alpatych đã tới thành phố.

Trên đường đi, Alpatych gặp và vượt qua những đoàn xe chở đồ và binh lính. Khi tiến gần Smolensk, ông nghe thấy những tiếng súng nổ từ xa, nhưng những âm thanh này không làm ông ngạc nhiên. Điều làm ông ngạc nhiên nhất là khi tiến vào Smolensk, ông nhìn thấy một cánh đồng yến mạch tuyệt đẹp, nơi một số binh lính đang gặt ; rõ ràng là để làm thức ăn cho ngựa, và họ đang đóng trại ở đó ; sự việc này làm Alpatych kinh ngạc, nhưng ông sớm quên đi, chỉ nghĩ đến công việc của mình.

Mọi mối quan tâm trong cuộc sống của Alpatych trong hơn ba mươi năm qua đều giới hạn trong ý chí duy nhất của công tước, và ông không bao giờ thoát ra khỏi vòng tròn này. Tất cả những gì không liên quan đến việc thực hiện các chỉ thị của công tước, không chỉ không làm ông quan tâm mà còn không tồn tại đối với Alpatych.

Alpatych, đến Smolensk vào tối ngày 4 tháng 8, đã dừng chân ở ngoại ô Gachensky bên kia sông Dnieper, tại quán trọ của người chủ nhà Ferapontov, nơi ông đã có thói quen dừng chân từ ba mươi năm nay. Ferapontov, ba mươi năm trước từ sự gợi ý của Alpatych đã mua một khu rừng của công tước, bắt đầu buôn bán, và giờ đây đã có một ngôi nhà, một quán trọ và một cửa hàng bột mì trong tỉnh. Ferapontov là một người đàn ông mập mạp, đen đúa, đỏ mặt, khoảng bốn mươi tuổi, với đôi môi dày, cái mũi hình quả lựu to, cũng có những cục u như vậy phía trên đôi lông mày đen nhíu lại và cái bụng phệ.

Ferapontov, mặc áo gile, trong chiếc áo sơ mi vải in hoa, đang đứng cạnh cửa hàng nhìn ra đường. Nhìn thấy Alpatych, ông tiến lại gần.

– Chào mừng ông, Yakov Alpatych. Mọi người từ thành phố chạy ra, còn ông lại vào thành phố sao ? – chủ nhà nói.

– Có chuyện gì vậy, từ thành phố ấy ? – Alpatych hỏi.

– Và tôi nói – dân chúng ngu ngốc. Đều sợ quân Pháp cả.

– Chuyện đàn bà, chuyện đàn bà thôi ! – Alpatych lẩm bẩm.

– Tôi cũng nghĩ vậy, Yakov Alpatych. Tôi nói, có lệnh rồi, nghĩa là không được để chúng vào – đó là điều chắc chắn. Thế mà bọn nông dân đòi ba rúp một chuyến xe – chẳng có lương tâm gì cả !

Yakov Alpatych lơ đãng lắng nghe. Ông yêu cầu một ấm trà và cỏ cho ngựa, sau khi uống trà xong, ông đi ngủ.

Suốt đêm, các đơn vị quân đội di chuyển qua quán trọ trên đường phố. Ngày hôm sau, Alpatych mặc chiếc áo camisole mà ông chỉ mặc khi vào thành phố, và đi làm việc. Buổi sáng trời nắng, và từ tám giờ đã bắt đầu nóng. Một ngày đẹp trời để thu hoạch ngũ cốc, như Alpatych nghĩ. Từ sáng sớm, ngoài thành phố đã nghe thấy tiếng súng nổ.

Đến tám giờ, tiếng súng trường được nối tiếp bởi tiếng pháo. Trên đường phố có rất nhiều người đang vội vã đi đâu đó ; nhiều binh lính, nhưng cũng như mọi khi, những người đánh xe đi lại, các thương nhân đứng bên cửa hàng, và trong các nhà thờ buổi lễ vẫn đang diễn ra. Alpatych đi đến các cửa hàng, các cơ quan công quyền, bưu điện và đến chỗ thống đốc. Ở các cơ quan, trong cửa hàng, ở bưu điện, mọi người đều nói về binh lính, về kẻ thù đã tấn công thành phố ; mọi người hỏi nhau : phải làm gì, và tất cả đều cố gắng trấn an lẫn nhau.

Tại nhà thống đốc, Alpatych thấy một lượng lớn người, quân Cossack và một cỗ xe đi đường thuộc về thống đốc. Trên thềm nhà, Yakov Alpatych gặp hai vị quý tộc, trong đó một người ông biết. Đó là một quý tộc, cựu cảnh sát trưởng, đang nói một cách nhiệt huyết:

– Đây đâu phải là chuyện đùa, – ông ta nói. – Tốt thôi, ai ở một mình. Một cái đầu và nghèo khổ – chỉ một mình thôi, nhưng đây là 13 người trong gia đình, lại toàn bộ tài sản nữa... Họ đã để đến mức tất cả sẽ mất trắng ; thế thì chính quyền để làm gì sau chuyện này ?.. Ái chà, lũ cướp đường...

– Thôi nào, đủ rồi ! – người kia nói.

– Tôi thì quan tâm gì, cứ để ông ta nghe ! Chúng tôi đâu phải là chó, – vị cựu cảnh sát trưởng nói và nhìn quanh, thấy Alpatych.

– À, Yakov Alpatych, ông đến đây có việc gì ?

– Theo lệnh của đức ngài đến gặp ngài thống đốc, – Alpatych trả lời, kiêu hãnh ngẩng đầu và đút tay vào ngực áo, điều ông luôn làm khi nhắc đến công tước. – Được lệnh đến tìm hiểu về tình hình sự việc, – ông nói.

– Thì cứ tìm hiểu đi, – vị điền chủ hét lên, – họ đã để đến mức không có cả xe ngựa, chẳng có gì hết !.. Đấy, nghe thấy không ? – ông ta nói, chỉ tay về phía có tiếng súng nổ.

– Đã để đến mức tất cả sẽ hy sinh... quân cướp đường! – ông ta lại nói và đi xuống khỏi thềm.

Alpatych lắc đầu và đi lên cầu thang. Trong phòng đợi có các thương gia, phụ nữ, viên chức, lặng lẽ nhìn nhau. Cửa phòng làm việc mở ra ; tất cả đứng dậy và tiến về phía trước. Từ trong cửa, một viên chức chạy ra, nói gì đó với một thương gia, gọi một viên chức mập mạp đeo huy chương trên cổ đi theo mình và biến mất sau cánh cửa, rõ ràng là muốn tránh né tất cả những ánh nhìn và câu hỏi hướng về mình. Alpatych tiến về phía

trước và khi viên chức đi ra lần tiếp theo, đặt tay lên chiếc áo đuôi tôm cài kín, ông đưa cho viên chức hai bức thư.

– Cho ngài nam tước Ash từ tướng tổng tư lệnh công tước Bolkonsky, – ông tuyên bố một cách trang trọng và trịnh trọng đến mức viên chức nọ quay sang nhìn ông và cầm lấy bức thư.

Vài phút sau, thống đốc tiếp Alpatych và vội vã nói với ông :

– Hãy thưa với công tước và tiểu thư rằng tôi chẳng biết gì cả : tôi đã hành động theo những chỉ thị cao nhất – đây... – Ông đưa cho Alpatych một tờ giấy. – Còn về phần khác, vì công tước không được khỏe, lời khuyên của tôi là họ nên đi Moscow. Chính tôi bây giờ cũng sắp đi đây. Hãy thưa...

Nhưng thống đốc chưa kịp nói hết ; qua cửa, một sĩ quan đầy bụi bặm và mồ hôi chạy vào và bắt đầu nói gì đó bằng tiếng Pháp. Trên mặt thống đốc hiện rõ vẻ kinh hoàng.

– Đi đi, – ông nói, gật đầu với Alpatych, và bắt đầu hỏi vị sĩ quan điều gì đó.

Những ánh nhìn thèm khát, sợ hãi, bất lực hướng về Alpatych khi ông bước ra khỏi phòng làm việc của thống đốc. Vô tình lắng nghe tiếng súng đang trở nên gần hơn và dữ dội hơn, Alpatych vội vã trở về quán trọ. Tờ giấy mà thống đốc đưa cho Alpatych có nội dung như sau :

«Tôi cam đoan với ông rằng thành phố Smolensk chưa gặp phải mối nguy hiểm nhỏ nhất, và không thể tin được rằng nó đang bị đe dọa. Một bên là tôi, bên kia là công tước Bagration đang tiến tới hội quân trước Smolensk, việc này sẽ được thực hiện vào ngày 22, và cả hai đạo quân với lực lượng kết hợp sẽ bảo vệ những đồng bào thuộc tỉnh được giao phó cho ông, cho đến khi nỗ lực của họ đẩy lùi được kẻ thù của tổ quốc hoặc cho đến khi người lính cuối cùng ngã xuống. Ông thấy từ đây rằng ông hoàn toàn có quyền trấn an cư dân Smolensk, vì ai được bảo vệ bởi hai đạo quân dũng cảm như vậy thì có thể tin chắc vào chiến thắng của họ». (Chỉ thị của Barclay de Tolly gửi thống đốc dân sự Smolensk nam tước Ash, năm 1812).

Dân chúng lo lắng đi lại trên đường phố.

Những chiếc xe chất đầy đồ đạc trong nhà : ghế, tủ, giường từ cổng các ngôi nhà đi ra và di chuyển dọc theo đường phố. Tại ngôi nhà bên cạnh, nhà của Ferapontov,

các xe ngựa đang đỗ và những người đàn bà đang vừa chia tay vừa than vãn. Con chó nhỏ sủa, xoay quanh những con ngựa đã được thắng yên.

Alpatych đi bước nhanh hơn bình thường, bước vào sân và đi thẳng đến chuồng ngựa và xe của mình. Bác xà ích đang ngủ ; ông đánh thức anh ta dậy, bảo thắng ngựa và bước vào hành lang. Trong phòng chủ nhà, nghe thấy tiếng khóc của trẻ con, tiếng nức nở xé lòng của phụ nữ và tiếng hét giận dữ, khàn khàn của Ferapontov. Chị đầu bếp, như một con gà bị hoảng sợ, đang hốt hoảng trong hành lang ngay khi Alpatych bước vào.

– Đánh chết bà chủ rồi – đánh chết rồi !.. Đánh thế đấy, lôi thế đấy !..

– Vì chuyện gì ? – Alpatych hỏi.

– Đòi đi. Việc của đàn bà ! Đưa tôi đi, bà ấy nói, đừng để tôi chết cùng lũ trẻ nhỏ ; mọi người, bà ấy nói, đều đi hết rồi ; chúng ta thì sao ? Thế là ông ấy bắt đầu đánh. Đánh thế đấy, lôi thế đấy !

Alpatych như muốn tán thành những lời này, nhưng không muốn biết thêm gì nữa, đã đi đến cánh cửa đối diện của căn phòng chủ nhà, nơi những món đồ mua sắm của ông vẫn còn ở đó.

– Đồ độc ác, quân hủy diệt ! – một người phụ nữ gầy gò, tái nhợt bế đứa trẻ trên tay và chiếc khăn trùm đầu bị xé rách hét lên lúc đó, lao ra khỏi cửa và chạy xuống cầu thang ra sân.

Ferapontov đi ra sau bà ta, và khi nhìn thấy Alpatych, ông chỉnh lại chiếc áo gile, vuốt lại mái tóc, ngáp một cái rồi đi vào phòng theo sau Alpatych.

– Thế ông cũng muốn đi à ? – ông ta hỏi.

Không trả lời câu hỏi và không nhìn lại phía chủ nhà, Alpatych kiểm tra những món đồ của mình, hỏi Alpatych xem hết bao nhiêu tiền trọ.

– Tính sau ! Thế ở chỗ thống đốc thế nào ? – Ferapontov hỏi. – Quyết định thế nào rồi ?

Alpatych trả lời rằng thống đốc không nói gì chắc chắn cả.

– Theo công việc của chúng tôi thì có dọn đi không? – Ferapontov nói. – Đưa đến Dorogobuzh 7 rúp một chuyến xe. Tôi thì nói thế này : chẳng có lương tâm gì cả ! – ông ta nói. – Selivanov, cái gã đó đã gặp may vào thứ năm, bán bột mì cho quân đội với giá chín rúp một bao. Thế nào, ông có muốn uống trà không ? – ông ta hỏi thêm.

Trong khi họ thắng ngựa, Alpatych và Ferapontov uống trà và nói chuyện về giá ngũ cốc, về mùa màng và thời tiết thuận lợi cho việc thu hoạch.

– Tuy nhiên, đã bắt đầu yên tĩnh rồi, – Ferapontov nói, sau khi uống ba chén trà và đứng dậy : – chắc là quân ta đã thắng. Đã nói rồi mà, không cho vào đâu. Nghĩa là – sức mạnh... Còn dạo trước, họ nói, Matvey Ivanytch Platov đã đuổi chúng xuống sông Marina, giết sạch mười tám ngàn tên, hay bao nhiêu đó, trong một ngày.

Alpatych thu dọn đồ đạc, đưa chúng cho bác xà ích vừa bước vào, rồi thanh toán với chủ nhà. Ở cổng vang lên tiếng bánh xe, tiếng móng ngựa và tiếng lục lạc của chiếc xe mui kín đang đi ra.

Trời đã quá trưa ; một nửa đường phố nằm trong bóng râm, nửa kia được mặt trời chiếu sáng rực rỡ. Alpatych nhìn ra cửa sổ và đi ra phía cửa. Đột nhiên vang lên một âm thanh kỳ lạ từ xa, một tiếng rít và một cú va chạm, và ngay sau đó vang lên một tiếng gầm vang dội liên tục làm rung chuyển các cửa kính.

Alpatych đi ra đường ; trên phố có hai người đang chạy về phía cây cầu. Từ các phía khác nhau nghe thấy tiếng rít, tiếng va đập của những quả đạn pháo và tiếng

nổ của lựu đạn rơi vào thành phố. Nhưng những âm thanh này hầu như không nghe thấy được và cư dân thành phố cũng không chú ý đến so với âm thanh của trận pháo kích nghe thấy ngoài thành phố. Đó là cuộc oanh tạc mà vào lúc 5 giờ, Napoleon đã ra lệnh khai hỏa vào thành phố từ 130 khẩu pháo. Lúc đầu dân chúng không hiểu ý nghĩa của cuộc oanh tạc này.

Âm thanh của những quả lựu đạn và đạn pháo rơi lúc đầu chỉ gây ra sự tò mò. Vợ của Ferapontov, người không ngừng kêu khóc dưới chuồng ngựa, đã im lặng và bế đứa con trên tay bước ra cổng, im lặng nhìn mọi người và lắng nghe âm thanh đó.

Ra phía cổng có chị đầu bếp và anh bán hàng. Tất cả với vẻ tò mò vui vẻ cố gắng nhìn những quả đạn pháo đang bay qua đầu mình. Từ phía góc phố, vài người đàn ông xuất hiện, nói chuyện sôi nổi.

– Đó mới là sức mạnh ! – một người nói, – cả nắp và trần nhà đều tan tành thành từng mảnh.

– Như con lợn ấy, nó đào bới đất lên, – một người khác nói. – Thế mới oai chứ, thế mới phấn chấn chứ ! – ông ta cười nói. – May mà tôi đã nhảy tránh đi, không thì nó đã quết tôi nhừ tử rồi.

Dân chúng quay sang những người này. Họ dừng lại và kể lại việc những quả đạn pháo đã rơi trúng nhà họ như thế nào. Trong khi đó, những quả đạn pháo khác, lúc thì với tiếng rít nhanh, u ám – quả đạn, lúc thì với tiếng rít dễ chịu – lựu đạn, không ngừng bay qua đầu dân chúng ; nhưng không một quả đạn nào rơi gần đó, tất cả đều bay qua. Alpatych ngồi vào xe mui kín. Chủ nhà đứng ở cổng.

– Có gì mà chưa thấy đâu ! – ông ta hét lên với chị đầu bếp, người đang xắn tay áo, mặc chiếc váy đỏ, đung đưa đôi tay trần, tiến ra góc phố để nghe những gì người ta kể.

– Thật là kỳ diệu, – bà ta lẩm bẩm, nhưng nghe thấy giọng của chủ nhà, bà quay lại, kéo chiếc váy đã vén lên.

Lại nữa, nhưng lần này rất gần, một cái gì đó rít lên như con chim nhỏ bay từ trên xuống, một tia lửa lóe lên giữa phố, một tiếng súng nổ và khói bao trùm đường phố.

– Đồ độc ác, mày đang làm gì thế này ? – chủ nhà hét lên, chạy về phía chị đầu bếp.

Cùng lúc đó, từ các phía khác nhau vang lên tiếng khóc thê lương của phụ nữ, một đứa trẻ khóc thét lên vì sợ hãi, và dân chúng im lặng tụ tập xung quanh chị đầu bếp với những gương mặt tái mét. Từ trong đám đông này nghe thấy rõ nhất tiếng rên rỉ và lời than vãn của chị đầu bếp.

– Ôi–ô–ôi, những con bồ câu của tôi ! Những con bồ câu trắng của tôi ! Đừng để tôi chết ! Những con bồ câu trắng của tôi !..

Năm phút sau, không còn ai ở trên đường phố. Chị đầu bếp với cái hông bị vỡ bởi một mảnh lựu đạn, đã được khiêng vào bếp. Alpatych, người đánh xe của ông ta, vợ Ferapontov cùng lũ trẻ, người gác cổng ngồi dưới hầm, lắng tai nghe. Tiếng gầm của đại bác, tiếng rít của đạn pháo và tiếng rên rỉ thảm thiết của mụ đầu bếp, át hẳn mọi âm thanh khác, không hề dứt dù chỉ một giây. Bà chủ lúc thì đu đưa dỗ dành đứa nhỏ, lúc lại thì thầm hỏi han đầy đau khổ những người mới vào hầm xem ông chủ đâu, người vẫn còn ở ngoài phố. Một người bán hàng bước vào hầm bảo bà rằng ông chủ đã cùng mọi người đi đến nhà thờ lớn, nơi người ta đang rước bức tượng thánh mẫu Smolensk linh thiêng.

Khi hoàng hôn buông xuống, tiếng đại bác bắt đầu dịu đi. Alpatych bước ra khỏi hầm và dừng lại ở cửa.

Trước kia bầu trời buổi chiều vốn trong trẻo nay đã bị khói bao phủ hoàn toàn. Và xuyên qua lớp khói ấy, lưỡi liềm của vầng trăng non treo cao tỏa sáng một cách lạ lùng. Sau khi tiếng đại bác kinh hoàng trước đó im bặt, một sự tĩnh lặng dường như bao trùm khắp thành phố, chỉ bị ngắt quãng bởi tiếng bước chân sột soạt, tiếng rên rỉ, những tiếng kêu xa xăm và tiếng răng rắc của các đám cháy. Tiếng rên của mụ đầu bếp giờ đã tắt. Từ hai phía, những cuộn khói đen từ các đám cháy bốc lên và tản ra. Trên đường phố, không phải theo hàng lối, mà như lũ kiến từ tổ bị phá, binh lính mặc đủ loại quân phục, đi theo nhiều hướng khác nhau, đang băng qua và chạy vụt đi. Trước mắt Alpatych, vài người trong số họ chạy vào sân nhà Ferapontov. Alpatych bước ra cổng. Một trung đoàn nào đó, chen chúc và vội vã, đang làm tắc nghẽn con phố, đi ngược trở lại.

– Thành phố bị bỏ rồi, hãy đi đi, đi ngay đi, – một sĩ quan nhận thấy dáng người của ông ta đã nói vậy, rồi lập tức quay sang quát binh lính :

– Ta sẽ cho các anh biết tay nếu còn chạy lung tung vào các sân nhà ! – ông ta hét lên.

Alpatych trở lại trong lều, và sau khi gọi người đánh xe, bảo ông ta chuẩn bị khởi hành. Theo sau Alpatych và người đánh xe là tất cả những người trong nhà

Ferapontov. Khi nhìn thấy khói và cả ánh lửa của các đám cháy giờ đã hiện rõ hơn trong bóng tối đang bắt đầu phủ xuống, những người đàn bà vốn nãy giờ vẫn im lặng, bỗng bắt đầu gào khóc, nhìn về phía đám cháy. Những tiếng khóc tương tự như vậy cũng vang lên từ các đầu phố khác. Alpatych cùng người đánh xe, với đôi bàn tay run rẩy, đang gỡ những sợi dây cương và dây buộc ngựa bị rối dưới mái che.

Khi Alpatych đánh xe ra khỏi cổng, ông nhìn thấy trong cửa hàng đang mở của Ferapontov có khoảng mười người lính đang vừa nói chuyện ồn ào vừa đổ bột mì và hạt hướng dương vào đầy các túi và ba lô. Cùng lúc đó, từ ngoài phố trở về cửa hàng, Ferapontov bước vào. Nhìn thấy binh lính, ông ta định hét lên điều gì đó, nhưng bỗng dừng lại, nắm lấy tóc mình và bật cười một cách tức tưởi.

– Khuân hết đi, các cậu ! Đừng để lại cho lũ quỷ, – ông ta hét lên, tự mình vớ lấy những bao tải và ném chúng ra ngoài phố.

Vài người lính sợ hãi bỏ chạy, những người khác tiếp tục đổ bột vào bao. Thấy Alpatych, Ferapontov quay sang ông ta :

– Nước Nga tiêu rồi ! – ông ta hét lên. – Alpatych ! Tiêu rồi ! Tự tôi đốt đây. Tiêu rồi... – Ferapontov chạy biến vào sân.

Trên phố, binh lính đi qua liên tục, làm tắc nghẽn cả lối, đến nỗi Alpatych không thể đi tiếp và đành phải chờ đợi. Vợ Ferapontov cùng lũ trẻ cũng ngồi trên xe, chờ đợi để có thể khởi hành.

Trời đã hoàn toàn tối. Trên bầu trời có những vì sao và vầng trăng non thỉnh thoảng bị che khuất bởi khói. Xuống phía sông Dnieper, những cỗ xe của Alpatych và bà chủ nhà, vốn đang di chuyển chậm chạp trong hàng ngũ binh lính và các phương tiện khác, buộc phải dừng lại. Cách đó không xa, tại một ngã tư nơi các cỗ xe dừng lại, một ngôi nhà và một cửa hàng đang cháy trong con hẻm. Đám cháy đã sắp tàn. Ngọn lửa lúc dịu đi và tan biến trong làn khói đen, lúc lại bùng lên rực rỡ, chiếu sáng rõ rệt một cách kỳ lạ khuôn mặt của những người đang tụ tập ở ngã tư. Trước đám cháy, bóng dáng đen thui của những người lính vụt qua ; và giữa tiếng răng rắc không dứt của lửa, nghe thấy những tiếng trò chuyện và la hét. Alpatych bước xuống xe, thấy rằng cỗ xe của mình sẽ còn lâu mới được cho qua, liền rẽ vào hẻm để xem đám cháy. Binh lính chạy đi chạy lại không ngừng qua đám cháy ; và Alpatych thấy hai người lính

cùng một người đàn ông mặc áo khoác sờn cũ đang kéo những thanh gỗ cháy dở từ đám cháy qua đường sang sân nhà bên cạnh ; những người khác thì ôm những bó cỏ khô.

Alpatych tiến lại gần một đám đông lớn đứng đối diện với một kho thóc cao đang cháy ngùn ngụt. Các bức tường đều chìm trong lửa ; bức tường phía sau đã sụp đổ, mái nhà bằng ván đã đổ xuống, các thanh xà đang rực cháy. Rõ ràng, đám đông đang chờ đợi khoảnh khắc mái nhà sụp xuống hoàn toàn. Alpatych cũng chờ đợi điều đó.

– Alpatych ! – bỗng nhiên một giọng nói quen thuộc gọi ông già.

– Thưa đức ông, – Alpatych đáp ngay lập tức, nhận ra giọng nói của vị công tước trẻ của mình.

Công tước Andrei, mặc áo choàng, đang cưỡi trên một con ngựa đen, đứng sau đám đông và nhìn Alpatych.

– Sao ông lại ở đây ? – chàng hỏi.

– Thưa đức ông... thưa đức ông, – Alpatych thốt lên và bật khóc. – Thưa đức ông... thưa đức ông... hay là chúng ta mất hết rồi ? Thưa cha...

– Sao ông lại ở đây ? – công tước Andrei lặp lại.

Ngọn lửa bùng lên rực rỡ vào lúc đó và chiếu sáng khuôn mặt nhợt nhạt, kiệt sức của vị chủ nhân trẻ của Alpatych. Alpatych kể lại việc ông được phái đến như thế nào và ông đã khó khăn lắm mới đi được như thế nào.

– Vậy thế nào, thưa đức ông, hay là chúng ta mất hết rồi ? – chàng hỏi lại.

Công tước Andrei không trả lời, lấy ra một cuốn sổ tay, nhấc đầu gối lên, bắt đầu viết bằng bút chì lên một tờ giấy xé ra. Chàng viết cho em gái :

«Smolensk sắp mất rồi, – chàng viết, – Đồi Trọc sẽ bị quân thù chiếm đóng trong vòng một tuần. Hãy đi ngay đến Moscow. Hãy trả lời tôi ngay lập tức khi mọi người đi, bằng cách gửi người liên lạc đến Usvyazh».

Viết xong và đưa tờ giấy cho Alpatych, chàng dặn dò bằng lời về việc sắp xếp cho chuyến ra đi của công tước, tiểu thư và con trai cùng thầy giáo, và việc phải trả lời chàng ngay lập tức như thế nào. Chàng còn chưa kịp dặn hết những mệnh lệnh này thì một sĩ quan tham mưu cao cấp, có đoàn tùy tùng đi kèm, phi ngựa đến chỗ chàng.

– Anh là đại tá à ? – trưởng tham mưu hét lên, với giọng Đức quen thuộc đối với công tước Andrei. – Trước sự hiện diện của anh, họ đang đốt các ngôi nhà, mà anh vẫn đứng đó à ? Cái này nghĩa là gì ? Anh phải trả lời đấy, – Berg hét lên, người mà giờ đây là trợ lý của trưởng tham mưu cánh trái của quân đoàn bộ binh số một, – «một vị trí rất dễ chịu và dễ thấy», như Berg vẫn nói.

Công tước Andrei nhìn anh ta và không trả lời, tiếp tục quay sang Alpatych :

– Vậy hãy nói rằng cho đến ngày mồng mười tôi sẽ chờ câu trả lời, còn nếu đến ngày mồng mười mà tôi không nhận được tin báo rằng tất cả đã đi, thì chính tôi sẽ phải bỏ mọi việc và đi đến Đồi Trọc.

– Tôi, thưa công tước, tôi chỉ nói thế vì, – Berg nói sau khi nhận ra công tước Andrei, – tôi phải thực hiện các mệnh lệnh, bởi vì tôi luôn thực hiện chính xác... Xin hãy thứ lỗi cho tôi, – Berg cố bào chữa điều gì đó.

Có thứ gì đó kêu răng rắc trong đám cháy. Ngọn lửa bỗng dịu đi trong giây lát ; những cuộn khói đen tràn ra từ dưới mái nhà. Lại một tiếng kêu răng rắc kinh khủng trong lửa, và một thứ gì đó khổng lồ sụp đổ.

– Ù rù rù ! – đám đông hò reo theo sự sụp đổ của trần kho thóc, nơi tỏa ra mùi bánh quy từ số ngũ cốc bị cháy ; ngọn lửa bùng lên và chiếu sáng những khuôn mặt phấn khích, vui mừng và kiệt sức của những người đứng quanh đám cháy.

Người đàn ông mặc áo khoác sờn cũ, giơ tay lên cao, hét lớn :

– Tuyệt vời ! Bắt đầu đánh nhau rồi ! Các cậu ơi, tuyệt vời !

– Đó chính là ông chủ đấy, – những tiếng nói vang lên.

– Thôi thôi ! – công tước Andrei nói, quay sang Alpatych, – hãy chuyển lời tất cả những gì tôi đã nói, – và không đáp lại một lời nào với Berg, người đã im lặng bên cạnh, chàng thúc ngựa và đi vào hẻm.

V

Từ Smolensk, quân đội tiếp tục rút lui. Quân thù tiến theo sau họ. Ngày mồng mười tháng Tám, trung đoàn do công tước Andrei chỉ huy đang đi trên con đường lớn đi qua đại lộ dẫn đến Đồi Trọc. Thời tiết nắng nóng và hạn hán đã kéo dài hơn ba tuần. Mỗi ngày trên bầu trời có những đám đám mây tích đi qua, đôi khi che khuất mặt trời ; nhưng đến chiều trời lại quang đãng, và mặt trời lặn vào một làn sương mù đỏ nâu. Chỉ có những giọt sương đêm mạnh mẽ mới làm mát mặt đất. Những bông lúa còn trên gốc đã bị cháy xém và rụng xuống. Các đầm lầy đã khô cạn. Gia súc gầm lên vì đói, không tìm thấy cỏ trên những đồng cỏ bị mặt trời thiêu rụi. Chỉ có ban đêm và trong rừng, chừng nào sương còn đọng, mới có chút mát mẻ. Nhưng trên đường, trên con đường lớn nơi quân đội đi qua, ngay cả ban đêm và trong rừng cũng không có sự mát mẻ đó. Bụi không bám trên cát đường, vốn đã bị cày xới lên sâu hơn một phần tư acsin. Ngay khi trời vừa sáng, cuộc hành quân bắt đầu. Những đoàn xe vận tải, pháo binh lặng lẽ đi sâu đến trục bánh xe, còn bộ binh đi ngập đến mắt cá chân trong lớp bụi mềm, nóng bức, không hề mát đi qua đêm. Một phần của lớp bụi cát này bị chân người và bánh xe nhào trộn, phần khác bốc lên và đứng

lại thành một đám mây phía trên quân đội, bay vào mắt, vào tóc, vào tai, vào mũi, và quan trọng nhất là vào phổi của những người và động vật đang di chuyển trên con đường đó. Mặt trời càng lên cao, đám mây bụi càng bốc cao hơn, và xuyên qua lớp bụi nóng hổi mỏng manh này, mặt trời không bị che khuất bởi những đám mây, có thể được nhìn thấy bằng mắt thường. Mặt trời hiện ra như một quả cầu lớn màu đỏ thẫm. Gió không có, và mọi người nghẹt thở trong bầu không khí tĩnh lặng đó. Mọi người đi, quấn khăn quanh mũi và miệng. Khi đến làng, ai nấy đều lao về phía những giếng nước. Họ tranh giành nhau lấy nước và uống đến mức toàn bùn đất.

Công tước Andrei chỉ huy một trung đoàn, và việc tổ chức trung đoàn, sự an nguy của binh lính, sự cần thiết phải nhận và ra lệnh chiếm trọn tâm trí chàng. Đám cháy ở Smolensk và việc bỏ thành phố là một mốc lịch sử đối với công tước Andrei. Một cảm giác căm thù mới chống lại quân thù khiến chàng quên đi nỗi đau riêng của mình. Chàng hoàn toàn tận tâm với công việc của trung đoàn mình, chàng chăm lo cho binh lính và sĩ quan của mình và rất tử tế với họ. Trong trung đoàn, người ta gọi chàng là «vị công tước của chúng ta», họ tự hào về chàng và yêu quý chàng. Nhưng chàng chỉ tử tế và hiền lành với những người trong trung đoàn, với Timokhin và những người tương tự, với những người

hoàn toàn mới và trong môi trường xa lạ, với những người không thể biết và hiểu về quá khứ của chàng ; nhưng ngay khi chàng đối mặt với ai đó từ những người cũ, từ những người thuộc tham mưu, chàng lập tức trở nên gai góc : chàng trở nên hung dữ, mỉa mai và khinh miệt. Tất cả những gì liên quan đến ký ức về quá khứ của chàng đều đẩy lùi chàng, và vì vậy trong các mối quan hệ với thế giới cũ này, chàng chỉ cố gắng không tỏ ra bất công và thực hiện nghĩa vụ của mình.

Sự thật là, mọi thứ trong ánh sáng mờ mịt, u ám đều hiện ra trước công tước Andrei, đặc biệt là sau khi họ rời bỏ Smolensk (mà theo quan niệm của chàng, có thể và đáng lẽ phải bảo vệ được) ngày mồng sáu tháng Tám, và sau khi cha chàng, một người bệnh tật, đã phải chạy trốn đến Moscow và bỏ mặc cho sự cướp phá Đồi Trọc vốn được chăm chút và đông đúc mà ông hằng yêu quý ; nhưng mặc dù vậy, nhờ vào trung đoàn, công tước Andrei có thể nghĩ về một thứ khác, hoàn toàn độc lập với những vấn đề chung, một đối tượng – về trung đoàn của mình. Ngày mồng mười tháng Tám, đoàn quân mà trung đoàn chàng tham gia đã đi ngang qua Đồi Trọc. Công tước Andrei hai ngày trước đã nhận được tin rằng cha, con trai và em gái chàng đã đi Moscow. Mặc dù công tước Andrei không có việc gì phải làm ở Đồi Trọc, chàng, với mong muốn tự nhiên là xát muối vào nỗi đau

của chính mình, đã quyết định rằng mình phải ghé qua Đồi Trọc.

Chàng ra lệnh thắng ngựa và từ chỗ hành quân đi ngựa về phía ngôi làng của cha, nơi chàng đã sinh ra và trải qua thời thơ ấu. Khi đi ngang qua cái ao, nơi luôn có hàng chục người đàn bà vừa trò chuyện vừa đập và giặt đồ bằng chày ; công tước Andrei nhận thấy rằng trên ao không có ai cả, và cái cầu nổi bị mục nát, một nửa bị ngập nước, nằm nghiêng giữa ao. Công tước Andrei đi ngựa đến trạm gác. Ở cánh cổng đá của lối vào không có ai, và cửa thì mở toang. Những con đường trong vườn đã mọc đầy cỏ, bê con và ngựa đang đi lại trong công viên kiểu Anh. Công tước Andrei đi ngựa đến nhà kính : những tấm kính đã bị vỡ, và những cây trong chậu một số bị đổ, một số bị khô héo. Chàng gọi Taras, người làm vườn. Nhưng không ai đáp lại. Đi vòng qua nhà kính để đến khu trưng bày, chàng thấy hàng rào gỗ chạm khắc đã bị gãy hoàn toàn và những trái cây, mận bị vặt trụi cành. Một lão nông (công tước Andrei nhận ra lão từ thời thơ ấu) đang ngồi và tết giày cỏ trên băng ghế xanh.

Lão bị điếc và không nghe thấy tiếng ngựa của công tước Andrei đi tới. Lão ngồi trên băng ghế, nơi mà lão công tước vẫn thường hay ngồi, và cạnh lão có treo

những sợi vỏ cây trên cành của một cây mộc lan bị gãy và khô.

Công tước Andrei đi ngựa đến ngôi nhà. Vài cây chanh ở công viên cũ đã bị chặt hạ, một con ngựa cái màu xám loang lổ cùng một con ngựa con đang đi lại ngay trước ngôi nhà giữa những bụi hoa hồng. Ngôi nhà đã bị đóng chặt các cửa sổ. Một cửa sổ ở tầng dưới đang mở. Một cậu bé giúp việc, nhìn thấy công tước Andrei, liền chạy vào trong nhà. Alpatych, sau khi tiễn gia đình đi, một mình ở lại Đồi Trọc ; ông đang ngồi trong nhà và đọc sách Hạnh các thánh. Khi biết công tước Andrei đến, ông đeo kính lên mũi, cài cúc áo, bước ra khỏi nhà, vội vã đi đến chỗ công tước và, không nói lời nào, bật khóc, hôn vào đầu gối công tước Andrei.

Sau đó ông quay đi với nỗi đau vì sự yếu lòng của mình và bắt đầu báo cáo về tình hình sự việc. Tất cả những gì giá trị và quý giá đã được đưa đến Bogucharovo. Ngũ cốc, lên đến 100 chetvert, cũng đã được chuyển đi ; cỏ khô và ngũ cốc vụ xuân, thật phi thường, như Alpatych nói, mùa màng năm nay đã được thu hoạch xanh và quân đội đã cắt hết. Những người nông dân đã bị tàn phá ; một số cũng đã đi đến Bogucharovo, một phần nhỏ còn lại.

Công tước Andrei, không nghe hết lời ông ta, hỏi :

– Cha và em gái đi khi nào ? – hiển nhiên là họ đã đi Moscow.

Alpatych trả lời, tin rằng người ta đang hỏi về việc ra đi đến Bogucharovo, rằng họ đã đi vào ngày mồng bảy, và lại bắt đầu nói lan man về tình hình trang trại, hỏi về các chỉ thị.

– Ngài có ra lệnh cho phép các toán quân lấy yến theo biên nhận không ? Chúng ta còn khoảng 600 chetvert, – Alpatych hỏi.

«Phải trả lời ông ta thế nào đây ?» công tước Andrei nghĩ, nhìn vào cái đầu hói bóng loáng dưới ánh mặt trời của ông già và thấy trên nét mặt lão hiện lên sự nhận thức rằng lão hiểu rõ tính không đúng lúc của những câu hỏi này, nhưng lão chỉ hỏi như vậy để át đi nỗi đau của chính mình.

– Có, cứ cho phép, – chàng nói.

– Nếu ngài đã hạ cố nhận thấy sự mất trật tự trong vườn, – Alpatych nói, – thì điều đó là không thể ngăn cản được : ba trung đoàn đã đi qua và nghỉ đêm ở đây, đặc biệt là quân kỵ long. Tôi đã ghi lại cấp bậc và tên của người chỉ huy để nộp đơn khiếu nại.

– Này, thế ông sẽ làm gì ? Sẽ ở lại đây, ngay cả khi quân thù chiếm đóng sao ? – công tước Andrei hỏi lão.

Alpatych, quay mặt về phía công tước Andrei, nhìn chàng và bỗng nhiên, với một cử chỉ trang trọng, giơ tay lên cao.

– Ngài là người bảo trợ của tôi, nguyện theo ý Chúa! – lão nói.

Một đám đông nông dân và người trong nhà đi chân trần trên cỏ với đầu để trần, tiến lại gần công tước Andrei.

– Thôi, chào ông ! – công tước Andrei nói, cúi người xuống chỗ Alpatych. – Hãy đi đi, mang theo những gì có thể, và bảo dân chúng đi đến vùng Ryazan hoặc những trang trại ngoại ô Moscow.

Alpatych nép vào chân chàng và bật khóc. Công tước Andrei cẩn thận đẩy lão ra, thúc ngựa và phi nước đại xuống con đường nhỏ.

Tại khu trưng bày, mọi thứ vẫn vô tư như trước, như con ruồi trên mặt người chết, ông già vẫn ngồi và gõ vào khuôn giày cỏ, và hai bé gái với những quả mận trong vạt áo mà chúng đã hái từ những cây trong nhà kính, đang chạy ra khỏi đó và va phải công tước Andrei.

Thấy vị chủ nhân trẻ, bé gái lớn hơn, với vẻ mặt sợ hãi, nắm lấy tay cô em nhỏ hơn và cùng em trốn sau một cây bạch dương, không kịp nhặt những quả mận xanh đã rơi vãi.

Công tước Andrei sợ hãi vội vàng quay mặt đi, sợ để chúng thấy rằng chàng đã nhìn thấy chúng. Chàng thấy thương xót cho cô bé nhỏ nhắn xinh xắn và sợ hãi này. Chàng sợ không dám nhìn cô bé, nhưng đồng thời chàng lại khao khát điều đó một cách không thể cưỡng lại. Một cảm giác mới, dễ chịu và an ủi bao trùm lấy chàng khi chàng, nhìn vào hai cô bé này, hiểu ra sự tồn tại của những lợi ích con người khác, hoàn toàn xa lạ với chàng và cũng hợp pháp như những lợi ích đã chiếm trọn tâm trí chàng. Những cô bé này rõ ràng là khao khát mãnh liệt một điều – mang đi và ăn hết những quả mận xanh này mà không bị bắt, và công tước Andrei cùng với chúng mong muốn cho sự thành công của công việc đó. Chàng không thể kìm lòng mà nhìn chúng thêm một lần nữa. Nghĩ rằng mình đã an toàn, chúng nhảy ra khỏi nơi ẩn nấp và, kêu lên điều gì đó bằng những giọng nói thanh thanh, túm vạt áo lại, vui vẻ và nhanh nhẹn chạy trên thảm cỏ bằng đôi chân trần sạm nắng của mình.

Công tước Andrei cảm thấy nhẹ nhõm hơn một chút ; sau khi ra khỏi khu vực bụi bặm của con đường lớn, nơi quân đội đang di chuyển. Nhưng cách Đồi Trọc không xa, chàng lại đi vào con đường đó và bắt kịp trung đoàn của mình tại nơi nghỉ chân, gần đập của một cái ao nhỏ. Lúc đó là sau hai giờ chiều. Mặt trời, một quả cầu đỏ trong bụi, thiêu đốt một cách không thể chịu nổi và đốt cháy lưng chàng xuyên qua chiếc áo choàng đen. Bụi vẫn y như vậy, đứng im lìm phía trên những tiếng rì rầm của quân đội đã dừng lại. Gió không có. Khi đi qua đập, công tước Andrei ngửi thấy mùi bùn và hơi mát của ao. Chàng muốn xuống nước – cho dù nó có bẩn thỉu đến đâu. Chàng nhìn quanh phía cái ao, từ đó vang lên những tiếng kêu và tiếng cười. Cái ao nhỏ đục ngầu với màu xanh của bùn, rõ ràng đã dâng cao lên khoảng nửa acsin, tràn qua đập, vì nó đầy rẫy những thân hình người, binh lính, trần truồng, đang vẫy vùng trong đó với những thân hình trắng trẻo, với đôi tay, khuôn mặt và cổ màu đỏ như gạch. Tất cả những tiếng hò reo, những cơ thể trắng trẻo, trần truồng đó cùng với tiếng cười và tiếng kêu ré lên đang vẫy vùng trong vũng bùn bẩn thỉu này như những con cá diếc bị nhét vào một cái thùng. Sự vẫy vùng đó đầy vẻ vui nhộn, và chính vì thế mà nó mang vẻ buồn bã đặc biệt.

Một người lính trẻ tóc vàng – công tước Andrei biết anh ta ở đại đội 3, với một sợi dây dưới bắp chân, đang làm dấu thánh, lùi lại để lấy đà thật tốt và nhảy ùm xuống nước ; một người khác, người da đen, một hạ sĩ quan tóc luôn bù xù, đang vui vẻ đứng dưới nước ngang thắt lưng, với thân hình cơ bắp đang nhún nhảy, vui sướng phì phò, dội nước lên đầu mình bằng đôi bàn tay đen đến cổ tay. Nghe thấy tiếng vỗ nước lẫn nhau, và tiếng la hét, thở dốc.

Trên bờ, trên đập, trong ao, khắp nơi đều là những thân hình trắng trẻo, khỏe mạnh, cơ bắp. Sĩ quan Timokhin, với chiếc mũi đỏ, đang lau người bằng khăn trên đập và cảm thấy ngượng ngùng khi thấy công tước, tuy nhiên chàng đã quyết định quay sang chàng :

– Thật là tốt, thưa đức ông, ngài cũng nên thử xem! – lão nói.

– Bẩn lắm, – công tước Andrei nói, nhăn mặt.

– Chúng tôi sẽ dọn sạch ngay cho ngài. – Và Timokhin, vẫn chưa mặc quần áo, chạy đi dọn dẹp.

– Công tước muốn đấy.

– Công tước nào ? – những giọng nói vang lên, và mọi người vội vàng đến mức công tước Andrei khó

lòng làm họ bình tĩnh lại. Chàng nghĩ ra cách tốt hơn là dội nước lên mình trong kho thóc.

«Thịt, thân hình, chair à canon !» chàng nghĩ, nhìn vào thân hình trần truồng của chính mình và rùng mình không phải vì lạnh, mà vì một cảm giác ghê tởm và kinh hãi không hiểu nổi khi nhìn thấy một số lượng lớn những thân hình như vậy đang tắm trong cái ao bẩn thỉu này.

Ngày mồng bảy tháng Tám, công tước Bagration tại trạm dừng chân Mikhailovka trên con đường Smolensk đã viết như sau :

«Kính thưa đức ông bá tước Alexei Andreyevich.

(Ông viết cho Arakcheyev, nhưng biết rằng thư của mình sẽ được đức vua đọc, và vì vậy, trong khả năng của mình, ông đã cân nhắc từng lời nói của mình.)

«Tôi nghĩ rằng bộ trưởng đã báo cáo về việc bỏ Smolensk cho kẻ thù. Thật đau lòng, buồn bã, và toàn bộ quân đội đang trong sự tuyệt vọng rằng địa điểm quan trọng nhất đã bị bỏ rơi một cách vô ích. Về phần mình, tôi đã đích thân cầu xin ông ta một cách thuyết phục nhất, và cuối cùng đã viết ; nhưng không gì có thể làm ông ta đồng ý. Tôi thề với ông bằng danh dự của

mình, rằng Napoleon đã ở trong một tình thế như chưa từng có, và ông ta có thể mất một nửa quân đội, nhưng không chiếm được Smolensk. Quân đội của chúng ta đã chiến đấu và đang chiến đấu như chưa từng thấy. Tôi đã cầm cự với 15 ngàn người trong hơn 35 giờ và đánh bại họ ; nhưng ông ta không muốn ở lại dù chỉ 14 giờ. Điều đó thật hổ thẹn và là một vết nhơ cho quân đội ta ; còn về phần ông ta, tôi thiết nghĩ, ông ta không nên sống trên đời này. Nếu ông ta báo cáo rằng tổn thất là lớn – đó là sai sự thật ; có lẽ khoảng 4 ngàn người, không hơn, nhưng dù có là mười ngàn đi nữa, thì sao ? – chiến tranh mà. Nhưng bù lại kẻ thù đã mất vô kể.

«Còn phải ở lại hai ngày nữa để làm gì ? Thậm chí nếu quá lắm, họ cũng sẽ tự rời đi, vì họ không có nước cho người và ngựa uống. Ông ta đã hứa với tôi rằng sẽ không rút lui, nhưng bỗng nhiên gửi đi bản đồ tác chiến rằng ông ta sẽ ra đi trong đêm. Với cách thức tiến hành chiến tranh như vậy, chúng ta không thể và chúng ta có thể sớm đưa kẻ thù đến tận Moscow...

«Có tin đồn rằng ông đang nghĩ về hòa bình. Cầu Chúa cứu giúp ! Sau tất cả những sự hy sinh và sau những cuộc rút lui điên rồ như vậy – hòa bình : ông sẽ đặt toàn bộ nước Nga chống lại mình, và mỗi người trong chúng ta sẽ cảm thấy hổ thẹn khi mặc quân phục.

Nếu mọi chuyện đã đi đến nước này – thì cần phải chiến đấu, chừng nào nước Nga còn có thể và chừng nào mọi người còn đứng vững trên đôi chân mình.

«Phải có một người chỉ huy, chứ không phải hai. Bộ trưởng của các ông có lẽ giỏi về công việc của bộ, nhưng là một vị tướng thì không chỉ tệ, mà còn tồi tệ ; và người ta đã giao phó vận mệnh của toàn bộ tổ quốc chúng ta cho ông ta... Tôi, thật tình, phát điên vì uất ức ; xin hãy thứ lỗi cho tôi vì đã viết một cách táo bạo. Rõ ràng, người đó không yêu đức vua và mong muốn sự diệt vong của tất cả chúng ta, những người khuyên nên ký kết hòa bình và giao quân đội cho bộ trưởng chỉ huy. Vì vậy, tôi viết cho ông sự thật : hãy chuẩn bị lực lượng dân quân. Bởi vì bộ trưởng đang dẫn dắt vị khách vào thủ đô một cách tài tình nhất. Sự nghi ngờ lớn đổ dồn lên toàn bộ quân đội bởi viên sĩ quan tùy tùng Wolzogen. Người ta nói rằng ông ta thân với Napoleon hơn là với chúng ta, và ông ta tư vấn mọi điều cho bộ trưởng. Tôi không chỉ phục tùng đối với ông ta, mà còn vâng lời như một hạ sĩ, mặc dù ông ta trẻ hơn tôi. Điều đó thật đau đớn ; nhưng vì tình yêu dành cho người bảo trợ và đức vua của tôi, tôi vâng lời. Chỉ tiếc cho đức vua, người đã tin tưởng quân đội vẻ vang như vậy cho một người như thế. Hãy tưởng tượng rằng với cuộc rút lui của chúng ta, chúng ta đã mất những người

vì kiệt sức và trong các bệnh viện hơn 15 ngàn người, còn nếu chúng ta tấn công, điều đó đã không xảy ra. Xin hãy nói vì Chúa, nước Nga của chúng ta – mẹ của chúng ta – sẽ nói gì, rằng chúng ta sợ hãi như vậy, và vì cái gì mà chúng ta lại giao phó một tổ quốc tốt đẹp và tận tụy như vậy cho lũ cặn bã và gieo rắc vào lòng mỗi thần dân sự căm thù và nỗi nhục nhã ? Tại sao phải sợ hãi và phải sợ ai ? Tôi không có lỗi gì cả, vì bộ trưởng là người nhu nhược, hèn nhát, vô lý, chậm chạp và có đủ mọi tính xấu. Toàn bộ quân đội khóc lóc thảm thiết, và nguyền rủa ông ta đến chết».

VI

Trong số vô vàn những sự phân chia có thể thực hiện được trong các hiện tượng của cuộc sống, có thể chia tất cả chúng thành những loại sau : một loại mà nội dung chiếm ưu thế, loại khác mà hình thức chiếm ưu thế. Trong số đó, ngược lại với cuộc sống ở nông thôn, địa phương, tỉnh lẻ, thậm chí cả cuộc sống ở Moscow, có thể xếp cuộc sống ở Petersburg, đặc biệt là cuộc sống trong các phòng khách. Cuộc sống này là bất biến. Từ năm 1805, chúng ta đã hòa giải và gây gổ với Buonaparte, chúng ta đã soạn thảo các hiến pháp và phân chia chúng, nhưng các phòng khách của Anna Pavlovna và phòng khách của Helene vẫn y nguyên như cũ, chính xác như chúng đã từng bảy năm trước, loại kia năm năm trước đó. Vẫn y như vậy tại phòng khách Anna Pavlovna, người ta nói với sự ngạc nhiên về những thành công của Bonaparte và thấy trong những thành công đó, cũng như trong việc dung túng cho ông ta của các quân vương châu Âu, một âm mưu ác độc, mang mục đích duy nhất là gây khó chịu và lo lắng cho nhóm triều đình mà Anna Pavlovna là đại diện. Vẫn y như vậy tại phòng khách Helene, người mà chính Rumyantsev đã hạ cố ghé thăm và coi là một phụ nữ thông minh đáng chú ý, vẫn y như vậy vào năm 1808 cũng như vào

năm 1812, người ta nói với sự nhiệt thành về dân tộc vĩ đại và con người vĩ đại và với sự hối tiếc nhìn vào sự rạn nứt với Pháp, một sự rạn nứt mà theo ý kiến của những người tập hợp trong phòng khách Helene, đáng lẽ phải kết thúc bằng hòa bình.

Trong thời gian gần đây, sau khi đức vua từ quân đội trở về, đã xảy ra một số xáo động trong các nhóm phòng khách đối lập này và đã có một số cuộc biểu tình chống lại nhau, nhưng xu hướng của các nhóm vẫn giữ nguyên như cũ. Trong nhóm Anna Pavlovna chỉ tiếp nhận những người Pháp là những người bảo hoàng cực đoan, và nảy sinh tư tưởng yêu nước về việc không nên đi xem nhà hát Pháp và rằng việc duy trì đoàn kịch tốn kém ngang với việc duy trì cả một quân đoàn. Những sự kiện quân sự được theo dõi một cách tham lam, và lan truyền những tin đồn có lợi nhất cho quân đội ta. Trong nhóm Helene, nhóm Rumyantsev, nhóm Pháp, những tin đồn về sự tàn bạo của quân thù và chiến tranh bị bác bỏ và tất cả các nỗ lực của Napoleon nhằm hòa giải. Trong vòng tròn này, người ta trách móc những ai đã đưa ra những lời khuyên quá vội vã về việc chuẩn bị rời đi Kazan cho các cơ sở giáo dục của triều đình và phụ nữ, vốn nằm dưới sự bảo trợ của hoàng thái hậu. Nói chung, toàn bộ diễn biến cuộc chiến được trình bày trong phòng khách của Helene như những màn phô

trương vô nghĩa, sẽ sớm kết thúc bằng hòa bình, và ý kiến của Bilibin, người hiện đang ở Petersburg và là khách thường xuyên tại nhà Helene (mọi người thông minh đều nên đến chỗ cô ấy), rằng không phải thuốc súng, mà là những kẻ nghĩ ra nó mới quyết định sự việc, đang chiếm ưu thế. Trong vòng tròn này, người ta mỉa mai và rất thông minh, dù hết sức thận trọng, chế nhạo sự nhiệt tình của Moscow, tin tức về điều đó đã đến Petersburg cùng với hoàng đế.

Trong vòng tròn của Anna Pavlovna, ngược lại, người ta ngưỡng mộ những sự nhiệt tình này và nói về chúng như Plutarch nói về những người cổ đại. Công tước Vasily, người vẫn giữ những chức vụ quan trọng như cũ, là mắt xích kết nối giữa hai vòng tròn. Ông đi đến chỗ «người bạn tốt của tôi» Anna Pavlovna và đi đến «phòng khách ngoại giao của con gái tôi» và thường xuyên, trong những lần di chuyển không ngừng từ trại này sang trại khác, ông bị nhầm lẫn và nói ở chỗ Helene những gì đáng lẽ phải nói ở chỗ Anna Pavlovna, và ngược lại.

Chẳng bao lâu sau khi hoàng đế đến, công tước Vasily đã trò chuyện tại chỗ Anna Pavlovna về các vấn đề chiến tranh, chỉ trích gay gắt Barclay de Tolly và phân vân không biết nên bổ nhiệm ai làm tổng tư lệnh.

Một trong những vị khách, được biết đến với cái tên «một người rất xứng đáng», kể về việc ông ta đã thấy hôm nay Kutuzov, người được chọn làm người đứng đầu dân quân Petersburg, đang ngồi trong cơ quan nhà nước để tiếp nhận binh sĩ, đã mạo muội thận trọng đưa ra giả thuyết rằng Kutuzov chính là người có thể đáp ứng mọi yêu cầu.

Anna Pavlovna mỉm cười buồn bã và nhận xét rằng Kutuzov, ngoài những điều phiền toái, chẳng làm được gì cho hoàng đế.

– Tôi đã nói và đã nói ở hội đồng quý tộc, – công tước Vasily ngắt lời, – nhưng người ta không nghe tôi. Tôi đã nói rằng việc chọn ông ta làm người đứng đầu dân quân sẽ không làm hài lòng hoàng đế. Họ đã không nghe tôi.

– Đó là một kiểu cuồng chống đối nào đó, – ông tiếp tục. – Và trước mặt ai ? Và tất cả là vì chúng ta muốn bắt chước những sự nhiệt tình ngu ngốc của Moscow, – công tước Vasily nói, hạ giọng trong phút chốc và quên mất rằng ở chỗ Helene thì nên chế nhạo sự nhiệt tình của Moscow, còn ở chỗ Anna Pavlovna thì nên ngưỡng mộ chúng. Nhưng ông đã sửa lại ngay lập tức. – Này, liệu có xứng đáng cho công tước Kutuzov, vị tướng già nhất ở Nga, ngồi trong cơ quan nhà nước không ! Chẳng lẽ có thể bổ nhiệm làm tổng tư lệnh một người không thể

cưỡi ngựa, ngủ gật trong cuộc họp, một người có những thói quen tồi tệ nhất ! Ông ta đã thể hiện mình rất tốt ở Bucharest ! Tôi chưa nói về những phẩm chất của ông ta như một vị tướng, nhưng chẳng lẽ có thể trong một khoảnh khắc như thế này lại bổ nhiệm một người già nua và mù lòa, đơn giản là mù lòa ? Một vị tướng mù thì có gì tốt ! Ông ta chẳng nhìn thấy gì cả. Chơi trò bịt mắt bắt dê... đơn giản là không nhìn thấy gì !

Không ai phản đối điều đó.

Vào ngày 24 tháng 7, điều đó hoàn toàn công bằng. Nhưng vào ngày 29 tháng 7, Kutuzov được ban tước hiệu công tước. Tước hiệu công tước có thể có nghĩa là họ muốn tống khứ ông ta, và vì vậy ý kiến của công tước Vasily tiếp tục được coi là đúng đắn, mặc dù ông không vội vàng phát biểu nó bây giờ. Nhưng vào ngày 8 tháng 8, một ủy ban gồm các tướng thống chế Saltykov, Arakcheev, Vyazmitinov, Lopukhin và Kochubey đã được triệu tập để thảo luận về các vấn đề chiến tranh. Ủy ban đã quyết định rằng những thất bại xảy ra là do sự chồng chéo quyền lực, và mặc dù các thành viên ủy ban biết hoàng đế không có cảm tình với Kutuzov, sau một cuộc thảo luận ngắn, họ đã đề nghị bổ nhiệm Kutuzov làm tổng tư lệnh. Và ngay trong ngày hôm đó,

Kutuzov đã được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh toàn quyền của quân đội và toàn bộ vùng bị quân đội chiếm đóng.

Vào ngày 9 tháng 8, công tước Vasily lại gặp gỡ ở chỗ Anna Pavlovna với «người rất xứng đáng». «Người rất xứng đáng» đang săn đón Anna Pavlovna nhân dịp muốn được bổ nhiệm làm quản lý của một cơ sở giáo dục nữ giới. Công tước Vasily bước vào phòng với vẻ mặt của một người chiến thắng hạnh phúc, người đã đạt được mục tiêu mong muốn của mình.

– Này, các bạn biết tin lớn rồi chứ. Công tước Kutuzov là thống chế. Mọi bất đồng đã chấm dứt. Tôi rất hạnh phúc, rất vui mừng ! – công tước Vasily nói. – Cuối cùng thì đây mới là con người, – ông nói tiếp, nhìn quanh một cách đầy ý nghĩa và nghiêm nghị tất cả những người có mặt trong phòng khách.

Người rất xứng đáng, mặc dù mong muốn nhận được vị trí, đã không thể kìm lòng để không nhắc nhở công tước Vasily về ý kiến trước đây của ông. (Điều này là bất lịch sự cả trước mặt công tước Vasily trong phòng khách của Anna Pavlovna và trước mặt Anna Pavlovna, người cũng đã đón nhận tin tức này một cách vui mừng ; nhưng ông ta đã không thể kìm nén).

– Nhưng họ nói rằng ông ấy mù, thưa công tước ? – ông ta nói, nhắc lại chính lời của công tước Vasily.

– Thôi đi, ông ấy nhìn đủ rõ rồi, – công tước Vasily nói bằng giọng trầm, nhanh nhẹn kèm theo tiếng hắng giọng, cái giọng mà ông dùng để giải quyết mọi khó khăn.

– Thôi đi, ông ấy nhìn đủ rõ rồi, – ông lặp lại. – Và điều tôi vui mừng, – ông tiếp tục, – chính là việc hoàng đế đã trao cho ông ấy toàn quyền đối với tất cả quân đội, đối với toàn vùng, – một quyền lực mà chưa bao giờ có ở bất kỳ tổng tư lệnh nào. Đây là một vị quân chủ khác, – ông kết luận với một nụ cười chiến thắng.

– Cầu Chúa cho, cầu Chúa cho, – Anna Pavlovna nói.

Người rất xứng đáng, vẫn còn là người mới trong xã hội triều đình, muốn lấy lòng Anna Pavlovna, bào chữa cho ý kiến trước đây của bà từ cuộc thảo luận này, đã nói :

– Người ta nói rằng hoàng đế đã miễn cưỡng trao quyền lực này cho Kutuzov. Người ta nói rằng ông ấy đỏ mặt như một thiếu nữ khi đọc «Joconde» với ông ấy khi nói : «hoàng đế và tổ quốc ban tặng cho ông vinh dự này».

– Có lẽ trái tim đã không tham gia vào đó, – Anna Pavlovna nói.

– Ồ không, không, – công tước Vasily nhiệt tình bảo vệ. Bây giờ ông đã không thể nhường Kutuzov cho bất kỳ ai. Theo ý kiến của công tước Vasily, không chỉ Kutuzov tự thân đã tốt, mà tất cả mọi người đều tôn sùng ông ấy. – Không, điều đó không thể thế được, bởi vì hoàng đế đã biết trân trọng ông ấy từ trước, – ông nói.

– Chỉ cầu Chúa cho công tước Kutuzov, – Anna Pavlovna nói, – nắm lấy quyền lực thực sự và không để ai chọc gậy bánh xe.

Công tước Vasily hiểu ngay lập tức ai là người mà bà ám chỉ. Ông thì thầm nói :

– Tôi biết chắc chắn rằng Kutuzov, như một điều kiện tất yếu, đã yêu cầu để thái tử không ở trong quân đội. Bạn biết ông ấy đã nói gì với hoàng đế chứ ?

Và công tước Vasily lặp lại những lời được cho là của Kutuzov nói với hoàng đế : «tôi không thể trừng phạt ông ta nếu ông ta làm điều xấu, và khen thưởng nếu ông ta làm điều tốt».

– Ồ ! Đó là một người rất thông minh, công tước Kutuzov, tôi đã biết ông ấy từ lâu.

– Thậm chí người ta còn nói, – «người rất xứng đáng» nói, người vẫn chưa có sự tinh tế của triều đình, – rằng vị công tước sáng chói đã đặt điều kiện tất yếu là chính hoàng đế không được đến quân đội.

Ngay khi ông ta nói điều đó, trong một khoảnh khắc, công tước Vasily và Anna Pavlovna quay lưng lại với ông ta và thở dài buồn bã về sự ngây ngô của ông ta, nhìn nhau.

VII

Vào thời điểm điều này đang diễn ra ở Petersburg, quân Pháp đã đi qua Smolensk và ngày càng tiến gần đến Moscow. Nhà sử học của Napoleon, Thiers, cũng giống như các nhà sử học khác của Napoleon, khi cố gắng bào chữa cho anh hùng của mình, nói rằng Napoleon bị lôi kéo đến tường thành Moscow một cách ngoài ý muốn. Ông ta đúng, cũng như tất cả các nhà sử học tìm kiếm sự giải thích cho các sự kiện lịch sử trong ý chí của một con người ; ông ta đúng cũng như các nhà sử học Nga, những người khẳng định rằng Napoleon bị lôi kéo đến Moscow bởi nghệ thuật của các nhà cầm quân Nga. Ở đây, ngoài quy luật của tính hồi cố (tính đảo ngược), trình bày toàn bộ quá khứ như một sự chuẩn bị cho sự kiện đã hoàn thành, còn có sự tương hỗ, làm rối rắm toàn bộ sự việc. Một người chơi cờ giỏi, bị thua trong ván cờ, tin chắc rằng thất bại của mình là do sai lầm của mình, và ông ta tìm kiếm sai lầm này ở đầu ván chơi của mình, nhưng quên rằng trong mỗi bước đi của mình, trong suốt toàn bộ ván chơi, cũng có những sai lầm tương tự, rằng không có một bước đi nào của ông ta là hoàn hảo. Sai lầm mà ông ta chú ý đến, chỉ đáng chú ý đối với ông ta bởi vì đối thủ đã tận dụng nó. Trò chơi chiến tranh phức tạp hơn bao nhiêu, trò chơi diễn

ra trong những điều kiện nhất định của thời gian, nơi không phải một ý chí điều khiển những cỗ máy vô hồn, mà là nơi mọi thứ nảy sinh từ vô số những va chạm của các ý chí khác nhau ?

Sau Smolensk, Napoleon tìm kiếm một trận chiến tại Dorogobuzh, tại Vyazma, sau đó tại Tsarevo–Zaimishche ; nhưng hóa ra, do sự va chạm vô số của các hoàn cảnh, cho đến Borodino, cách Moscow 112 dặm, người Nga đã không thể chấp nhận trận chiến. Từ Vyazma, một lệnh đã được Napoleon đưa ra để hành quân thẳng đến Moscow.

Moscow, thủ đô châu Á của đế chế vĩ đại này, thành phố linh thiêng của các dân tộc của Alexander, Moscow với vô số nhà thờ có hình dáng như những ngôi chùa Trung Hoa, – Moscow này đã không để trí tưởng tượng của Napoleon được yên. Trên đường di chuyển từ Vyazma đến Tsarevo–Zaimishche, Napoleon cưỡi trên con ngựa ambling kiểu Anh màu vàng sẫm của mình, đi cùng với đội cận vệ, đội cảnh vệ, các tiểu đồng và các sĩ quan tùy tùng. Tham mưu trưởng Berthier đã tụt lại phía sau để thẩm vấn một kỵ binh Nga bị bắt làm tù binh. Ông ta phi nước đại đến, đi cùng với người phiên dịch Lelorme d'Ideville, đuổi kịp Napoleon và với khuôn mặt vui vẻ, ông dừng ngựa lại.

– Thế nào ? – Napoleon nói.

– Một người Cossack của Platov nói rằng quân đoàn của Platov đang hợp nhất với đại quân, rằng Kutuzov đã được bổ nhiệm làm tổng tư lệnh. Rất thông minh và lém lỉnh !

Napoleon mỉm cười, ra lệnh đưa cho người Cossack này một con ngựa và dẫn anh ta đến chỗ mình. Ông ta muốn trò chuyện với anh ta. Một vài sĩ quan tùy tùng đã phi ngựa đi, và sau một giờ, Lavrushka, tên đầy tớ của Denisov đã được nhường lại cho Rostov, trong chiếc áo khoác của lính hầu, cưỡi trên một chiếc yên ngựa kỵ binh Pháp, với khuôn mặt tinh quái và say khướt, vui vẻ, đã tiến đến chỗ Napoleon. Napoleon ra lệnh cho anh ta đi bên cạnh mình và bắt đầu hỏi :

– Anh là người Cossack à ?

– Thưa vâng, thưa ngài.

«Người Cossack không biết mình đang ở trong xã hội nào, bởi vì sự giản dị của Napoleon không có gì có thể bộc lộ cho một trí tưởng tượng phương Đông về sự hiện diện của một vị quân chủ, đã trò chuyện với sự thân mật cực độ về các vấn đề của cuộc chiến hiện tại», Thiers nói, khi kể về giai thoại này. Thực tế, Lavrushka, người

đã say xỉn vào ngày hôm trước và để chủ mình không có bữa trưa, đã bị đánh đòn vào ngày hôm trước và bị gửi về làng để kiếm gà, nơi anh ta bị cuốn vào việc cướp bóc và bị người Pháp bắt làm tù binh. Lavrushka là một trong những tên hầu thô lỗ, xấc xược, đã từng trải qua nhiều chuyện, những kẻ coi việc làm mọi thứ với sự đê tiện và mưu mẹo là nhiệm vụ của mình, những kẻ sẵn sàng phục vụ bất kỳ dịch vụ nào cho chủ của mình và những kẻ đoán trước một cách khéo léo những ý nghĩ xấu xa của chủ, đặc biệt là sự phù phiếm và sự nhỏ mọn.

Rơi vào xã hội của Napoleon, người mà anh ta nhận ra rất rõ và dễ dàng, Lavrushka không hề lúng túng mà chỉ cố gắng hết lòng để phục vụ những người chủ mới.

Anh ta biết rất rõ rằng đây chính là Napoleon, và sự hiện diện của Napoleon không thể làm anh ta lúng túng hơn sự hiện diện của Rostov hay của viên đội với những chiếc roi da, bởi vì anh ta chẳng có gì để mất mà họ không thể tước đoạt, và không gì mà viên đội hay Napoleon không thể trả lại cho anh ta.

Anh ta nói dối tất cả những gì đang được bàn tán giữa những người đầy tớ. Phần lớn trong đó là sự thật. Nhưng khi Napoleon hỏi anh ta nghĩ gì, liệu người Nga sẽ đánh bại Bonaparte hay không, Lavrushka nheo mắt và suy nghĩ.

Anh ta nhìn thấy ở đây một sự mưu mẹo tinh vi, như những người như Lavrushka luôn thấy mưu mẹo trong mọi thứ, anh ta cau mày và im lặng.

– Điều đó có nghĩa là : nếu có trận chiến, – anh ta nói một cách đăm chiêu, – và trong thời gian ngắn, thì phía các ông sẽ thắng. Điều đó là chắc chắn. Nhưng nếu trôi qua ba ngày, sau chính ngày đó, thì trận chiến đó sẽ kéo dài.

Napoleon được dịch lại như sau : «Nếu trận chiến được đưa ra trước ba ngày, người Pháp sẽ thắng, nhưng nếu trận chiến được đưa ra muộn hơn, Chúa mới biết điều gì sẽ xảy ra», Lelorme d'Ideville vừa cười vừa truyền đạt. Napoleon không mỉm cười, mặc dù ông ta, có vẻ như, đang ở trong một trạng thái tinh thần rất vui vẻ, và ra lệnh lặp lại cho mình những lời này.

Lavrushka nhận thấy điều đó và để làm cho ông ta vui vẻ hơn, đã nói, giả vờ như không biết ông ta là ai.

– Chúng tôi biết, các ông có Bonaparte, ông ta đã đánh bại tất cả mọi người trên thế giới, nhưng với chúng tôi thì lại là chuyện khác... – anh ta nói, chính anh ta cũng không biết tại sao và từ đâu mà sự yêu nước khoe khoang lại lọt vào lời nói của mình.

Người phiên dịch đã truyền đạt những lời này cho Napoleon mà không có đoạn kết, và Bonaparte mỉm cười. «Người Cossack trẻ tuổi đã khiến người đối thoại quyền năng của mình mỉm cười», Thiers nói. Sau khi đi vài bước trong im lặng, Napoleon quay sang Berthier và nói rằng ông ta muốn thử nghiệm tác động mà «đứa con của sông Don» này sẽ nhận được khi biết rằng người mà anh ta đang trò chuyện chính là hoàng đế, chính người đã viết tên tuổi bất tử của mình lên các kim tự tháp.

Tin tức đã được truyền đi.

Lavrushka (hiểu rằng điều này được thực hiện để làm cho anh ta bối rối, và rằng Napoleon nghĩ rằng anh ta sẽ sợ hãi), để làm hài lòng những người chủ mới, ngay lập tức giả vờ kinh ngạc, sững sờ, trợn mắt và làm ra khuôn mặt giống như anh ta thường làm khi bị dẫn đi đánh đòn. «Ngay khi người phiên dịch của Napoleon», Thiers nói, «vừa mới nói, người Cossack, bị choáng váng bởi một kiểu kinh ngạc nào đó, đã không thốt ra được lời nào và bước đi với đôi mắt dán chặt vào kẻ chinh phục này, người mà tên tuổi đã thấu đến tận chỗ anh ta, qua các thảo nguyên của phương Đông. Toàn bộ sự hoạt bát của anh ta đột ngột dừng lại, nhường chỗ cho một cảm giác ngưỡng mộ ngây ngô và im lặng. Napoleon, sau khi đã ban thưởng cho anh ta, đã trả tự

do cho anh ta, như một con chim được trả về với những cánh đồng mà nó đã sinh ra».

Napoleon tiếp tục đi xa hơn, mơ về Moscow đó, thành phố đã chiếm lĩnh trí tưởng tượng của ông ta, và «con chim được trả về với những cánh đồng mà nó đã sinh ra» đã phi ngựa đến các tiền đồn, nghĩ ra trước tất cả những gì không có thật và những gì anh ta sẽ kể cho những người của mình. Những gì thực sự đã xảy ra với anh ta, anh ta không muốn kể chính vì nó có vẻ không xứng đáng để kể đối với anh ta. Anh ta đã đi đến chỗ những người Cossack, hỏi xem trung đoàn đang ở đâu, thuộc quân đoàn của Platov, và đến tối anh ta đã tìm thấy chủ của mình là Nikolai Rostov, người đang đóng quân ở Yankovo và vừa mới cưỡi ngựa đi, để cùng với Ilyin thực hiện một cuộc đi dạo qua các làng lân cận. Anh ta đã đưa cho Lavrushka một con ngựa khác và dẫn anh ta đi cùng.

VIII

Công chúa Marya đã không ở Moscow và thoát khỏi nguy hiểm, như công tước Andrei đã nghĩ.

Sau khi Alpatych trở về từ Smolensk, công tước già dường như đột ngột tỉnh dậy sau một giấc ngủ. Ông ra lệnh tập hợp những người dân quân từ các làng, vũ trang cho họ và viết một lá thư cho tổng tư lệnh, trong đó ông thông báo về ý định ở lại Bald Hills cho đến giới hạn cuối cùng và tự vệ, để lại cho ông ta quyết định thực hiện hay không thực hiện các biện pháp bảo vệ Bald Hills, nơi mà một trong những vị tướng già nhất của Nga sẽ bị bắt làm tù binh hoặc bị giết, và tuyên bố với những người trong nhà rằng ông sẽ ở lại Bald Hills.

Nhưng, khi vẫn ở lại Bald Hills, công tước đã ra lệnh gửi công chúa và Desalle cùng với vị công tước nhỏ đến Bogucharovo, và từ đó đến Moscow. Công chúa Marya, sợ hãi trước sự hoạt động sốt sắng, không ngủ của cha mình, điều đã thay thế sự suy sụp trước đây của ông, đã không thể quyết định để ông ở lại một mình và lần đầu tiên trong đời đã cho phép mình không vâng lời ông. Cô từ chối đi, và một cơn bão giận dữ khủng khiếp của công tước đã đổ ập xuống cô. Ông nhắc lại cho cô tất cả những gì ông đã không công bằng với cô.

Cố gắng buộc tội cô, ông nói với cô rằng cô đã làm khổ ông, rằng cô đã gây gổ với con trai ông, đã nuôi dưỡng những nghi ngờ xấu xa chống lại ông, rằng nhiệm vụ của cô là làm khổ cuộc đời ông, và ông đã đuổi cô ra khỏi phòng làm việc của mình, nói với cô rằng nếu cô không đi thì ông cũng chẳng quan tâm. Ông nói rằng ông không muốn biết về sự tồn tại của cô, nhưng cảnh báo trước cho cô rằng cô đừng có mạo muội lọt vào mắt ông. Thực tế là ông không muốn nhìn thấy cô, trái với sự lo sợ của công chúa Marya, ông đã không ép buộc cô đi, mà chỉ ra lệnh cho cô không được xuất hiện trước mắt, điều này làm cho công chúa Marya vui mừng. Cô biết rằng điều đó chứng tỏ rằng trong sâu thẳm tâm hồn mình, ông rất vui vì cô đã ở lại nhà và không đi đâu cả.

Vào ngày hôm sau sau khi Nikolushka đi, công tước già vào buổi sáng đã mặc quân phục đầy đủ và chuẩn bị đi gặp tổng tư lệnh. Cỗ xe đã được đưa đến. Công chúa Marya thấy ông, trong quân phục và tất cả các huân chương, bước ra khỏi nhà và đi vào vườn để kiểm soát những người dân quân được vũ trang và những người hầu. Công chúa Marya ngồi bên cửa sổ, lắng nghe giọng nói của ông vang lên từ vườn. Đột nhiên có vài người chạy ra khỏi hẻm với khuôn mặt sợ hãi.

Công chúa Marya chạy ra hiên, xuống lối đi đầy hoa và vào hẻm. Một đám đông lớn những người dân quân và những người hầu đang tiến về phía cô, và ở giữa đám đông đó, vài người đang dìu một ông cụ trong quân phục và các huân chương bằng hai tay. Công chúa Marya chạy đến chỗ ông, và trong những vòng tròn nhỏ của ánh sáng rơi xuống qua bóng của các hàng cây chanh trong hẻm, cô đã không thể nhận ra sự thay đổi nào đã xảy ra trên khuôn mặt ông. Điều duy nhất cô nhìn thấy là nét mặt nghiêm nghị và quyết đoán trước đây của ông đã thay thế bằng nét mặt rụt rè và phục tùng. Khi nhìn thấy con gái, ông mấp máy đôi môi yếu ớt và thở khò khè. Không thể hiểu được ông muốn gì. Ông được nâng lên bằng tay, đưa vào phòng làm việc và đặt lên chính chiếc ghế sofa mà ông hằng lo sợ trong thời gian gần đây.

Vị bác sĩ được đưa đến ngay trong đêm đó đã trích máu và thông báo rằng công tước bị một cơn đột quỵ ở phía bên phải.

Ở lại Bald Hills ngày càng trở nên nguy hiểm hơn, và vào ngày hôm sau sau cơn đột quỵ, công tước được đưa đi Bogucharovo. Vị bác sĩ đi cùng với ông.

Khi họ đến Bogucharovo, Desalle và vị công tước nhỏ đã đi đến Moscow.

Vẫn trong tình trạng đó, không tệ hơn cũng không tốt hơn, vị công tước già bị liệt nằm ở Bogucharovo trong căn nhà mới do công tước Andrei xây dựng trong ba tuần. Công tước già ở trong tình trạng mê man ; ông nằm như một cái xác bị biến dạng. Ông không ngừng lẩm bẩm điều gì đó, giật giật lông mày và đôi môi, và không thể biết được ông có hiểu hay không hiểu những gì đang diễn ra xung quanh mình. Chỉ có một điều có thể biết chắc chắn – đó là ông đang đau khổ và cảm thấy cần phải bày tỏ điều gì đó. Nhưng đó là gì, không ai có thể hiểu được : liệu đó là một ý thích bất chợt của một người bệnh và mê sảng, hay nó liên quan đến những sự việc chung của công việc, hay liên quan đến các hoàn cảnh gia đình.

Vị bác sĩ nói rằng sự lo lắng mà ông thể hiện không có ý nghĩa gì, rằng nó có nguyên nhân vật lý ; nhưng công chúa Marya nghĩ (và sự hiện diện của cô luôn làm tăng thêm sự lo lắng của ông, điều đó khẳng định giả thuyết của cô), cô nghĩ rằng ông muốn nói điều gì đó với cô.

Ông, rõ ràng, đang đau khổ cả về thể chất lẫn tinh thần. Không có hy vọng chữa khỏi. Mang ông đi là không thể. Và điều gì sẽ xảy ra, nếu ông chết trên đường đi ? «Chẳng lẽ không tốt hơn nếu là sự kết thúc, sự kết

thúc hoàn toàn ?» – đôi khi công chúa Marya nghĩ. Cô theo dõi ông ngày đêm, hầu như không ngủ, và thật đáng sợ khi phải nói ra, cô thường xuyên theo dõi ông không phải với hy vọng tìm thấy các dấu hiệu thuyên giảm, mà là theo dõi, thường mong muốn tìm thấy các dấu hiệu tiến gần đến kết thúc.

Dù lạ lùng đến thế nào khi cô công chúa thừa nhận cảm giác này trong mình, nhưng nó vẫn hiện diện trong cô. Và điều còn kinh khủng hơn đối với công chúa Marya là từ khi cha cô lâm bệnh (thậm chí có lẽ còn sớm hơn, không phải khi đó sao, khi cô ở lại với ông với sự mong đợi một điều gì đó), trong cô đã thức dậy tất cả những mong muốn và hy vọng cá nhân bị lãng quên, đã ngủ yên trong nhiều năm qua. Những gì trong nhiều năm không hề đến với cô, – những ý nghĩ về một cuộc sống tự do không có sự sợ hãi đối với cha mình, thậm chí cả ý nghĩ về khả năng có tình yêu và hạnh phúc gia đình, – như những sự cám dỗ của quỷ dữ, không ngừng lẩn quẩn trong trí tưởng tượng của cô. Dù cô có xua đuổi chúng ra sao, chúng vẫn không ngừng hiện ra trong đầu cô những câu hỏi về việc cô sẽ sắp xếp cuộc sống của mình như thế nào bây giờ, sau đó. Đó là những sự cám dỗ của quỷ dữ, và công chúa Marya biết điều đó. Cô biết rằng vũ khí duy nhất chống lại ông ta là những lời cầu nguyện, và cô đã cố gắng cầu

nguyện. Cô đứng trong tư thế cầu nguyện, nhìn vào các bức tượng thánh, đọc các lời cầu nguyện, nhưng không thể cầu nguyện. Cô cảm thấy rằng bây giờ cô đã bị bao trùm bởi một thế giới khác – thế giới của cuộc sống đời thường, lao động và tự do, hoàn toàn trái ngược với thế giới tinh thần mà cô đã bị giam hãm trước đây và trong đó niềm an ủi lớn nhất là lời cầu nguyện. Cô đã không thể cầu nguyện và không thể khóc, và nỗi lo toan đời thường đã bao trùm lấy cô.

Ở lại Bogucharovo trở nên nguy hiểm. Từ khắp nơi nghe thấy tin tức về quân Pháp đang tiến đến, và tại một ngôi làng, cách Bogucharovo 15 dặm, một trang trại đã bị những kẻ cướp bóc người Pháp tàn phá.

Vị bác sĩ nhấn mạnh rằng cần phải đưa công tước đi xa hơn, viên quan chức do thống đốc phái đến đã thuyết phục công chúa Marya, thuyết phục cô rời đi càng sớm càng tốt ; viên cảnh sát trưởng, đến Bogucharovo, cũng nhấn mạnh điều tương tự, nói rằng quân Pháp ở cách đó bốn mươi dặm, rằng các tuyên cáo của Pháp đang được rải trong các làng và rằng nếu công chúa không rời đi cùng cha mình trước ngày 15, thì ông sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì.

Công chúa quyết định ra đi vào ngày 15. Những lo toan chuẩn bị, đưa ra các chỉ thị, những việc mà mọi

người đều tìm đến cô, đã chiếm trọn cả ngày của cô. Đêm từ ngày 14 sang ngày 15 cô đã trải qua, như thường lệ, không cởi quần áo, trong căn phòng bên cạnh căn phòng mà công tước đang nằm. Vài lần, thức dậy, cô nghe thấy tiếng rên rỉ, lẩm bẩm của ông, tiếng cót két của giường và bước chân của Tikhon và bác sĩ, những người của ông quay trở lại. Đã mấy lần nàng đứng lắng tai nghe bên cửa, và nàng có cảm giác rằng hôm nay ông lầm bầm to hơn thường lệ và hay trở mình hơn. Nàng không thể ngủ được và đã mấy lần tiến lại gần cửa, lắng nghe, muốn bước vào nhưng không đành lòng làm thế. Mặc dù ông không nói gì, nhưng công chúa Marya thấy rõ, biết rõ mọi biểu hiện của sự lo lắng cho ông đều làm ông khó chịu như thế nào. Nàng nhận thấy ông quay đi một cách không hài lòng trước cái nhìn của nàng, đôi khi vô tình và chăm chú hướng về phía ông. Nàng biết rằng việc nàng đến vào ban đêm, vào một giờ bất thường, sẽ làm ông nổi giận.

Nhưng chưa bao giờ nàng thấy thương ông đến thế, chưa bao giờ thấy sợ hãi việc mất ông đến thế. Nàng nhớ lại suốt cuộc đời mình sống bên ông, và trong mỗi lời nói, hành động của ông, nàng đều tìm thấy biểu hiện tình yêu của ông dành cho nàng. Đôi khi giữa những ký ức này, những cám dỗ của quỷ dữ lại len lỏi vào trí tưởng tượng của nàng, những suy nghĩ về điều gì sẽ xảy

ra sau khi ông mất và cuộc sống mới, tự do của nàng sẽ được sắp đặt ra sao. Nhưng với sự ghê tởm, nàng gạt bỏ những ý nghĩ đó. Đến sáng ông im lặng, và nàng thiếp đi.

Nàng thức dậy muộn. Sự chân thành thường có khi mới thức dậy đã cho nàng thấy rõ điều gì trong cơn bạo bệnh của cha làm nàng bận tâm nhất. Nàng thức dậy, lắng nghe những gì đang diễn ra sau cánh cửa, và khi nghe thấy tiếng rên rỉ của ông, nàng thở dài tự nhủ rằng mọi chuyện vẫn như cũ.

– Nhưng chuyện gì phải thế ? Tôi đã muốn gì cơ chứ? Tôi muốn ông chết,– nàng thốt lên với sự ghê tởm chính bản thân mình.

Nàng mặc quần áo, rửa mặt, đọc kinh nguyện và đi ra hiên.

Ở hiên nhà, những cỗ xe không ngựa đã được đưa đến, người ta đang xếp đồ đạc vào đó.

Buổi sáng ấm áp và xám xịt. Công chúa Marya dừng lại ở hiên nhà, không ngừng kinh hãi trước sự đê tiện trong tâm hồn mình và cố gắng chấn chỉnh lại những suy nghĩ của mình trước khi vào gặp ông.

Bác sĩ từ trên gác đi xuống và tiến lại gần nàng.

– Hôm nay ông ấy khá hơn một chút, – bác sĩ nói. – Tôi đã đi tìm cô. Có thể hiểu được đôi chút từ những gì ông ấy nói, đầu óc tỉnh táo hơn. Đi thôi. Ông ấy đang gọi cô...

Trái tim công chúa Marya đập mạnh trước tin này, đến nỗi nàng tái nhợt đi, tựa vào cửa để khỏi ngã. Nhìn thấy ông, nói chuyện với ông, chịu đựng cái nhìn của ông bây giờ, khi cả tâm hồn công chúa Marya đang tràn ngập những cám dỗ tội lỗi khủng khiếp này, thật là đau đớn, vui mừng và kinh hãi.

– Đi thôi, – bác sĩ nói.

Công chúa Marya bước vào phòng cha và tiến lại gần giường. Ông nằm ngửa, đôi bàn tay nhỏ nhắn, xương xẩu, phủ đầy những mạch máu tím bầm nổi lên trên tấm chăn, mắt trái nhìn thẳng và mắt phải hơi lé, đôi lông mày và đôi môi bất động. Cả người ông gầy gò, nhỏ bé và thảm hại. Khuôn mặt ông dường như tóp lại và tan chảy, các đường nét trở nên nhỏ bé hơn. Công chúa Marya tiến lại và hôn tay ông. Bàn tay trái siết chặt tay nàng đến mức thấy rõ rằng ông đã chờ đợi nàng từ lâu. Ông giật giật tay nàng, lông mày và đôi môi ông cử động một cách giận dữ.

Nàng sợ hãi nhìn ông, cố gắng đoán xem ông muốn gì ở nàng. Khi ông thay đổi tư thế, nhích lại gần hơn để mắt trái có thể nhìn thấy mặt nàng, ông dịu lại trong vài giây, không rời mắt khỏi nàng. Sau đó môi và lưỡi ông cử động, những âm thanh phát ra, và ông bắt đầu nói, nhìn nàng một cách rụt rè và khẩn cầu, rõ ràng là sợ rằng nàng sẽ không hiểu ông.

Công chúa Marya căng mọi sự chú ý, nhìn ông. Sự nỗ lực nực cười mà ông dùng để uốn lưỡi khiến công chúa Marya phải cúi mặt xuống và cố gắng nén những tiếng nấc nghẹn trong cổ họng. Ông nói điều gì đó, lặp lại lời mình vài lần. Công chúa Marya không thể hiểu được chúng ; nhưng nàng cố gắng đoán những gì ông nói, và lặp lại một cách dò hỏi những lời ông đã nói.

– Ga–ga – boi... boi... – ông lặp lại vài lần.

Không tài nào hiểu được những lời này. Bác sĩ nghĩ rằng ông đã đoán ra, và lặp lại lời ông, hỏi : công chúa sợ à ? Ông lắc đầu phủ nhận và lại lặp lại như cũ...

– Linh hồn, linh hồn đau đớn, – công chúa Marya đã đoán ra và nói.

Ông lẩm bẩm khẳng định, nắm lấy tay nàng và bắt đầu áp nó vào các phần khác nhau trên ngực mình, như thể đang tìm một nơi thích hợp cho nó.

– Luôn nghĩ ! về con... suy nghĩ... – sau đó ông thốt ra tốt hơn và rõ ràng hơn nhiều so với trước đây, bây giờ, khi ông tin chắc rằng mình đã được hiểu.

Công chúa Marya áp đầu vào tay ông, cố giấu những tiếng nấc và nước mắt.

Ông đưa tay vuốt tóc nàng.

– Cha đã gọi con suốt đêm... – ông thốt lên.

– Nếu con biết được... – nàng nói qua nước mắt. – Con đã sợ không dám vào.

Ông bóp nhẹ tay nàng.

– Con không ngủ à ?

– Thưa cha, con không ngủ, – công chúa Marya nói, khẽ lắc đầu phủ nhận.

Vô tình tuân theo cha, giờ đây nàng cũng nói như cách ông nói, cố gắng ra hiệu nhiều hơn, và cũng khó khăn uốn lưỡi như thể chính nàng cũng gặp trở ngại đó.

– Con yêu... hoặc bạn hiền... – công chúa Marya không thể phân biệt rõ ; nhưng chắc chắn, theo biểu cảm cái nhìn của ông, đó là một từ dịu dàng, âu yếm mà ông chưa bao giờ nói ra. – Tại sao con không đến ?

«Mà con thì lại muốn, muốn ông chết !» công chúa Marya nghĩ.

Ông im lặng.

– Cảm ơn con... con gái, bạn hiền... vì tất cả, vì tất cả... tha lỗi cho cha... cảm ơn con... tha lỗi cho cha... cảm ơn con !.. – Và nước mắt chảy ra từ mắt ông. – Gọi Andryusha lại đây, – đột nhiên ông nói, và một điều gì đó rụt rè như trẻ con và không tin tưởng hiện lên trên khuôn mặt ông khi đưa ra lời yêu cầu này.

Ông dường như chính mình cũng biết rằng yêu cầu của mình không có ý nghĩa gì. Ít nhất, đối với công chúa Marya, điều đó dường như là vậy.

– Con đã nhận được thư từ anh ấy, – công chúa Marya trả lời.

Ông nhìn nàng với sự ngạc nhiên và rụt rè.

– Anh ấy ở đâu ?

– Anh ấy ở trong quân đội, thưa cha, ở Smolensk.

Ông im lặng hồi lâu, nhắm mắt lại ; sau đó gật đầu khẳng định, như thể để trả lời cho những nghi ngờ của mình và để xác nhận rằng bây giờ ông đã hiểu và nhớ lại tất cả, rồi mở mắt ra.

– Phải, – ông nói rõ ràng và khẽ khàng. – Nước Nga đã mất rồi ! Đã làm hại nó rồi !

Và ông lại nấc lên, và nước mắt chảy ra từ mắt ông. Công chúa Marya không thể kìm lòng được nữa và cũng khóc, nhìn vào mặt ông.

Ông lại nhắm mắt. Những tiếng nấc của ông ngừng lại. Ông ra hiệu bằng tay về phía mắt, và Tikhon, hiểu ý ông, lau nước mắt cho ông.

Sau đó ông mở mắt và nói điều gì đó mà lâu sau không ai có thể hiểu được, và cuối cùng, Tikhon đã hiểu và truyền đạt lại. Công chúa Marya tìm kiếm ý nghĩa lời nói của ông trong tâm trạng mà ông đã nói một phút trước đó. Nàng nghĩ rằng ông đang nói về nước Nga, hoặc về hoàng tử Andrei, hoặc về nàng, về đứa cháu, hoặc về cái chết của chính mình. Và vì thế nàng không thể đoán được lời ông.

– Hãy mặc chiếc váy trắng của con vào, cha yêu nó, – ông nói.

Hiểu được những lời này, công chúa Marya lại khóc to hơn, và bác sĩ, cầm lấy tay nàng, đưa nàng ra khỏi phòng ra ban công, khuyên nàng hãy bình tĩnh và lo chuẩn bị cho chuyến đi. Sau khi công chúa Marya rời khỏi chỗ hoàng tử, ông lại bắt đầu nói về con trai, về chiến tranh, về hoàng đế, lông mày giật giật giận dữ, giọng nói khàn khàn bắt đầu cao lên, và với ông đã xảy ra đòn tấn công thứ hai và cũng là cuối cùng.

Công chúa Marya dừng lại trên ban công. Ngày đã hửng nắng ; trời nắng và nóng. Nàng không thể hiểu được gì, không thể nghĩ về điều gì và không cảm thấy gì, ngoại trừ tình yêu mãnh liệt của mình dành cho cha, – một tình yêu mà nàng dường như không biết đến cho tới phút này. Nàng chạy vội vào vườn và khóc nức nở, chạy xuống phía ao theo những con đường mòn rợp bóng cây bồ đề non do hoàng tử Andrei trồng.

– Phải... tôi... tôi... tôi đã muốn ông chết ! Phải, tôi đã muốn cho nhanh chóng kết thúc... Tôi đã muốn được bình yên... Nhưng còn tôi thì sao ? Tôi cần sự bình yên của mình làm gì khi ông không còn nữa ! – công chúa Marya lẩm bẩm thành tiếng, bước nhanh qua vườn và lấy tay ép chặt ngực, từ đó những tiếng nấc thốt ra một cách co thắt.

Đi một vòng quanh vườn rồi trở về nhà, nàng thấy những người đang đi về phía mình : Mademoiselle Bourienne (người vẫn ở lại Bogucharovo và không muốn rời đi) và một người đàn ông lạ mặt. Đó là vị thủ lĩnh quý tộc của huyện, người đích thân đến gặp công chúa để trình bày với nàng về sự cần thiết phải rời đi gấp. Công chúa Marya nghe nhưng không hiểu ông ta; nàng đưa ông ta vào nhà, mời ông ta ăn sáng và ngồi cùng ông ta. Sau đó, xin lỗi vị thủ lĩnh, nàng tiến lại cửa phòng của ông già hoàng tử. Bác sĩ với khuôn mặt lo lắng bước ra gặp nàng và nói rằng không thể vào được.

– Đi đi, công chúa, đi đi, đi đi !

Công chúa Marya lại đi vào vườn và xuống chân đồi, bên ao, ở nơi mà không ai có thể nhìn thấy, nàng ngồi xuống cỏ. Nàng không biết mình đã ở đó bao lâu. Tiếng bước chân của ai đó đang chạy dọc theo con đường nhỏ làm nàng sực tỉnh. Nàng ngẩng lên và nhìn thấy Dunyasha, cô hầu gái của nàng, rõ ràng là đang chạy theo nàng, đột nhiên, như thể sợ hãi trước dáng vẻ của tiểu thư mình, cô ấy dừng lại.

– Xin mời, công chúa... hoàng tử... – Dunyasha nói với giọng đứt quãng.

– Bây giờ, tôi đến đây, tôi đến đây, – công chúa vội vàng nói, không để Dunyasha kịp nói hết những gì cô định nói, và cố gắng không nhìn Dunyasha, nàng chạy về phía nhà.

– Công chúa, ý Chúa đang thực thi, cô phải chuẩn bị cho mọi tình huống, – vị thủ lĩnh nói khi gặp nàng ở cửa vào.

– Hãy để tôi yên ; đó không phải sự thật, – nàng hét lên một cách giận dữ với ông ta.

Bác sĩ muốn ngăn nàng lại. Nàng đẩy ông ta ra và chạy đến cửa. «Và tại sao những người này với khuôn mặt sợ hãi lại ngăn cản tôi ? Tôi không cần ai cả ! Và họ đang làm gì ở đây thế này !» Nàng mở cửa, và ánh sáng ban ngày rực rỡ trong căn phòng trước đó vốn mờ tối làm nàng kinh hãi. Trong phòng có các bà các cô và bà vú. Tất cả họ đều tránh xa giường, nhường đường cho nàng. Ông nằm vẫn như thế trên giường ; nhưng vẻ mặt nghiêm nghị của khuôn mặt điềm tĩnh của ông đã làm công chúa Marya dừng lại ở ngưỡng cửa căn phòng.

«Không, ông chưa chết, điều đó không thể nào !» công chúa Marya tự nhủ, tiến lại gần ông và, vượt qua nỗi kinh hoàng đang xâm chiếm mình, áp môi vào má ông. Nhưng ngay lập tức nàng lùi lại khỏi ông. Ngay

lập tức mọi sức mạnh của sự dịu dàng đối với ông mà nàng cảm thấy trong lòng biến mất, thay vào đó là cảm giác kinh hãi trước những gì đang ở trước mặt mình. «Không, ông không còn nữa ! Ông không có ở đây, mà có một thứ gì đó ở ngay đây, tại chính nơi này, nơi ông đã từng ở, một cái gì đó xa lạ và thù địch, một bí mật khủng khiếp, đáng sợ và xua đuổi !» Và, che mặt bằng hai tay, công chúa Marya ngã vào vòng tay của bác sĩ, người đang đỡ nàng.

Trong sự hiện diện của Tikhon và bác sĩ, những người phụ nữ đã tắm rửa cho thứ đã từng là ông, buộc khăn quanh đầu để cái miệng há hốc không bị cứng lại, và buộc đôi chân đang choãi ra bằng một chiếc khăn khác. Sau đó họ mặc cho ông bộ quân phục với các huân chương và đặt cái xác nhỏ bé, teo tóp lên bàn. Chúa mới biết ai và khi nào đã lo liệu việc này, nhưng mọi chuyện dường như tự nó diễn ra. Đến đêm, quanh quan tài nến cháy, trên quan tài có tấm phủ, trên sàn rắc lá thông, dưới đầu xác chết teo tóp là một bản kinh nguyện in sẵn, và ở góc phòng một thầy phó tế ngồi đọc sách Thánh vịnh.

Như ngựa hoảng sợ, tụ tập và phì phò bên xác con ngựa chết, trong phòng khách quanh quan tài cũng có những người lạ và người nhà tụ tập – vị thủ lĩnh, và ông

trưởng thôn, và các bà các cô ; và tất cả, với đôi mắt sững sờ, sợ hãi, làm dấu thánh và cúi chào, và hôn bàn tay lạnh lẽo và cứng đờ của ông già hoàng tử.

IX

Bogucharovo luôn luôn, cho đến khi hoàng tử Andrei đến định cư ở đó, là một thái ấp vắng chủ, và nông dân Bogucharovo có một tính cách hoàn toàn khác với nông dân ở Lysye Gory. Họ khác biệt với những người kia cả về giọng nói, trang phục và phong tục. Họ được gọi là người vùng thảo nguyên. Ông già hoàng tử khen ngợi họ vì sự chịu khó làm việc khi họ đến Lysye Gory để giúp thu hoạch hoặc đào ao đào rãnh, nhưng ông không thích họ vì sự hoang dã của họ.

Lần lưu trú cuối cùng của hoàng tử Andrei ở Bogucharovo với những cải cách của ông – bệnh viện, trường học và việc giảm nhẹ thuế thân – không làm dịu đi tính cách của họ, mà trái lại, càng làm tăng thêm những nét tính cách mà ông già hoàng tử gọi là sự hoang dã. Giữa họ luôn có những lời đồn thổi không rõ ràng : khi thì về việc liệt kê tất cả bọn họ vào hàng ngũ Cossack, khi thì về một tôn giáo mới mà họ sẽ bị chuyển sang, khi thì về những sắc lệnh của Sa hoàng, khi thì về lời thề với Phaolô Petrovich vào năm 1797 (về điều mà họ nói rằng khi đó tự do đã được ban ra nhưng các lãnh chúa đã tước đoạt mất), khi thì về Peter Feodorovich, người sẽ lên ngôi trong 7 năm nữa, lúc đó mọi thứ sẽ tự

do và mọi thứ sẽ đơn giản đến mức sẽ chẳng còn gì cả. Những tin đồn về chiến tranh và Bonaparte cùng cuộc xâm lăng của ông ta được kết nối đối với họ với những hình ảnh mù mờ tương tự về Kẻ phản Chúa, ngày tận thế và sự tự do hoàn toàn.

Trong vùng lân cận Bogucharovo có những ngôi làng lớn, của nhà nước và của các điền chủ nộp thuế thân. Có rất ít điền chủ sống ở vùng này ; cũng có rất ít người phục vụ trong nhà và người biết chữ, và trong đời sống của nông dân vùng này, những dòng chảy ngầm bí ẩn của đời sống nhân dân Nga, nguyên nhân và ý nghĩa của chúng thường không thể giải thích được đối với những người đương thời, hiện lên rõ rệt và mạnh mẽ hơn những nơi khác. Một trong những hiện tượng như vậy là phong trào diễn ra khoảng 20 năm trước giữa các nông dân vùng này đòi di cư đến một số «vùng sông nước ấm áp» nào đó. Hàng trăm nông dân, trong đó có cả những người ở Bogucharovo, đột nhiên bắt đầu bán gia súc và rời đi cùng gia đình về một hướng nào đó ở phía đông nam. Như chim bay đi biển, những người này cùng vợ con hướng về phía đông nam, nơi không ai trong số họ từng đến. Họ đi theo từng đoàn xe, từng người một chuộc thân, chạy trốn hoặc lái xe đi về phía đó, về phía những dòng sông ấm áp. Nhiều người đã bị trừng phạt, bị đày đi Siberia ; nhiều người chết vì

lạnh và đói trên đường đi ; nhiều người tự quay trở về, và phong trào tự nó lắng xuống như khi nó bắt đầu mà không có lý do rõ ràng. Nhưng những dòng chảy ngầm không ngừng chảy trong dòng tộc này và đang tập hợp cho một sức mạnh mới, thứ sức mạnh sẽ lộ diện một cách kỳ lạ, bất ngờ và đồng thời đơn giản, tự nhiên và mạnh mẽ. Bây giờ, vào năm 1812, đối với một người sống gần gũi với nhân dân, có thể nhận thấy rằng những dòng chảy ngầm này đang thực hiện một công việc mạnh mẽ và sắp sửa bộc lộ.

Alpatych, khi đến Bogucharovo một thời gian trước khi ông già hoàng tử qua đời, nhận thấy rằng giữa nhân dân đang có sự xao động và rằng, trái ngược với những gì đang diễn ra ở dải Lysye Gory trong bán kính sáu mươi dặm, nơi tất cả nông dân đều bỏ đi (nhường lại làng mạc cho quân Cossack tàn phá), thì ở dải thảo nguyên, trong vùng Bogucharovo, nông dân, như người ta nghe thấy, có liên lạc với quân Pháp, nhận được một số giấy tờ nào đó lưu truyền giữa họ, và vẫn ở nguyên tại chỗ. Ông biết được qua những người hầu trung thành với mình rằng người nông dân Karp, người có ảnh hưởng lớn đối với cộng đồng, mấy ngày trước đã đi cùng một chuyến xe của nhà nước và trở về với tin tức rằng quân Cossack đang tàn phá các ngôi làng, trong khi quân Pháp không động chạm đến họ. Ông còn biết

rằng một nông dân khác hôm qua đã mang về từ làng Visloukhovo, nơi quân Pháp đang đóng, một tờ giấy của một vị tướng Pháp tuyên bố với dân cư rằng họ sẽ không bị tổn hại gì và mọi thứ lấy của họ sẽ được trả tiền nếu họ ở lại. Để làm bằng chứng, người nông dân đó đã mang về từ Visloukhovo một trăm rúp tiền giấy (ông không biết chúng là tiền giả) được trả trước cho cỏ khô.

Cuối cùng, quan trọng nhất, Alpatych biết rằng ngay trong ngày hôm đó, khi ông ra lệnh cho trưởng thôn tập hợp xe ngựa để chuyển đồ đạc của công chúa khỏi Bogucharovo, thì sáng sớm đã có một cuộc họp ở làng mà tại đó người ta quyết định không chuyển đi và chờ đợi. Trong khi đó thời gian không chờ đợi. Vị thủ lĩnh, vào ngày hoàng tử qua đời, 15 tháng Tám, đã nhấn mạnh với công chúa Marya rằng nàng nên rời đi ngay trong ngày hôm đó, vì điều đó đã trở nên nguy hiểm. Ông nói rằng sau 16 tháng Tám ông không chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì. Vào ngày hoàng tử mất, ông đã rời đi vào buổi tối, nhưng hứa sẽ quay lại dự đám tang vào ngày hôm sau. Nhưng ngày hôm sau ông đã không thể quay lại, vì theo tin tức nhận được, quân Pháp đột nhiên tiến tới, và ông chỉ kịp đưa gia đình và mọi thứ quý giá khỏi điền trang của mình.

Trong ba mươi năm qua, Bogucharovo được quản lý bởi trưởng thôn Dron, người mà ông già hoàng tử gọi là Dronushka.

Dron là một trong những người nông dân khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, những người ngay khi vừa trưởng thành đã để râu, và cứ thế không thay đổi, sống đến 60 – 70 tuổi, không một sợi tóc bạc hay thiếu một chiếc răng, vẫn thẳng thắn và mạnh mẽ ở tuổi 60 như ở tuổi 30.

Dron, ngay sau cuộc di cư đến những dòng sông ấm áp mà ông có tham gia, đã được cử làm trưởng thôn – quản lý ở Bogucharovo và đã giữ chức vụ này suốt 23 năm mà không để xảy ra sai sót nào. Các nông dân sợ ông hơn cả điền chủ. Các ông chủ, cả ông già hoàng tử lẫn ông trẻ và người quản lý đều tôn trọng ông và gọi đùa ông là bộ trưởng. Trong suốt thời gian phục vụ, Dron chưa bao giờ say xỉn hay đau ốm ; chưa bao giờ, sau những đêm không ngủ hay sau bất kỳ công việc khó khăn nào, ông biểu hiện một chút mệt mỏi, và mặc dù không biết chữ, ông không bao giờ quên một tài khoản tiền nong nào hay những bao bột mì trong những đoàn xe khổng lồ mà ông tự tay bán đi, và không một đống cỏ khô nào trên mỗi mẫu đất của cánh đồng Bogucharovo.

Người Dron này là người mà Alpatych, khi từ Lysye Gory bị tàn phá đến, đã gọi đến vào ngày đám tang của hoàng tử và ra lệnh chuẩn bị 12 con ngựa cho các cỗ xe của công chúa và 18 cỗ xe cho đoàn hành lý phải được điều động từ Bogucharovo. Mặc dù nông dân là những người nộp thuế thân, việc thực hiện mệnh lệnh này không gặp khó khăn gì theo ý kiến của Alpatych, vì ở Bogucharovo có 230 hộ gia đình và nông dân ở đây rất khá giả. Nhưng trưởng thôn Dron, sau khi nghe lệnh, lẳng lặng cúi mặt. Alpatych nêu tên những nông dân mà ông biết và từ những người đó ông ra lệnh lấy xe ngựa.

Dron trả lời rằng ngựa của những nông dân đó đang đi vận chuyển. Alpatych nêu tên những nông dân khác. Ở những người này, theo lời Dron, cũng không có ngựa: một số đang phục vụ xe ngựa của nhà nước, số khác thì yếu, số thứ ba thì ngựa đã chết vì thiếu cỏ khô. Ngựa, theo ý kiến của Dron, không thể tập hợp được không chỉ cho đoàn hành lý mà cho cả các cỗ xe.

Alpatych nhìn kỹ Dron và cau mày. Giống như Dron là một trưởng thôn kiểu mẫu, Alpatych cũng không phải vô cớ mà quản lý các điền trang của hoàng tử trong 20 năm và là một người quản lý gương mẫu. Ông ở mức độ cao nhất có khả năng hiểu được nhu cầu và

bản năng của nhân dân bằng trực giác, và nhờ đó ông là một người quản lý xuất sắc. Nhìn vào Dron, ông lập tức hiểu rằng những câu trả lời của Dron không phải là biểu hiện suy nghĩ của Dron, mà là biểu hiện của tâm trạng chung của cộng đồng Bogucharovo, thứ mà trưởng thôn đã bị cuốn vào. Nhưng đồng thời ông cũng biết rằng Dron, người đã tích lũy tài sản và bị cộng đồng ghét bỏ, chắc chắn phải do dự giữa hai phe – phe điền chủ và phe nông dân. Sự do dự này ông nhận thấy trong ánh mắt của Dron, và vì thế Alpatych, cau mày, tiến lại gần Dron.

– Này, Dronushka, nghe này, – ông nói. – Đừng nói lời vô ích với tôi. Đức cao trọng vọng hoàng tử Andrei Nikolaich tự thân đã ra lệnh cho tôi gửi toàn bộ dân chúng đi và không được ở lại với kẻ thù, và có lệnh của Sa hoàng về việc đó. Còn ai ở lại, người đó là kẻ phản bội Sa hoàng. Nghe rõ chưa ?

– Tôi nghe rồi, – Dron trả lời, không ngước mắt lên.

Alpatych không hài lòng với câu trả lời này.

– Ê, Dron, sẽ tệ đấy ! – Alpatych nói, lắc đầu.

– Quyền hành thuộc về ông ! – Dron nói một cách buồn rầu.

– Ê, Dron, thôi đi ! – Alpatych lặp lại, rút tay ra khỏi ngực áo và bằng một cử chỉ trang trọng chỉ xuống sàn dưới chân Dron. – Tôi không chỉ nhìn thấu ông, mà tôi còn nhìn thấu suốt ba mét dưới chân ông, – ông nói, nhìn chằm chằm vào chân Dron.

Dron bối rối, liếc nhìn Alpatych rồi lại cúi mặt.

– Ông hãy thôi những chuyện tầm phào đó đi và bảo dân chúng chuẩn bị rời nhà đi Moscow, và sáng mai xe ngựa phải có mặt ở đoàn hành lý của công chúa ; còn bản thân ông đừng đi họp làng nữa. Nghe rõ chưa ?

Dron đột nhiên quỳ sụp xuống chân ông.

– Yakov Alpatych, xin hãy tha cho tôi ! Hãy lấy chìa khóa từ tôi, hãy tha cho tôi vì Chúa !

– Thôi đi ! – Alpatych nói một cách nghiêm khắc. – Tôi nhìn thấu suốt ba mét dưới chân ông, – ông lặp lại, biết rằng kỹ năng nuôi ong, kiến thức về việc khi nào nên gieo yến mạch, và việc ông đã 20 năm biết cách làm hài lòng ông già hoàng tử, từ lâu đã mang lại cho ông danh tiếng là một thầy phù thủy, và rằng khả năng nhìn thấu suốt ba mét dưới chân một người thường được gán cho các thầy phù thủy.

Dron đứng dậy và định nói điều gì đó, nhưng Alpatych ngắt lời ông :

– Các người nghĩ gì thế ? Hả ?.. Các người đang nghĩ gì thế ? Hả ?

– Tôi phải làm gì với dân chúng đây ? – Dron nói. – Họ hoàn toàn nổi loạn rồi. Tôi cũng đã nói với họ...

– Tôi biết rồi, tôi biết rồi, – Alpatych nói. – Họ có uống rượu không ? – ông hỏi ngắn gọn.

– Hoàn toàn nổi loạn rồi, Yakov Alpatych : họ vừa mang đến một thùng rượu khác.

– Vậy thì ông nghe đây. Tôi sẽ đi gặp quan huyện, còn ông thì báo cho dân chúng biết, bảo họ bỏ ngay chuyện đó đi và chuẩn bị xe ngựa.

– Tôi nghe rồi, – Dron trả lời.

Yakov Alpatych không nhấn mạnh thêm nữa. Ông đã quản lý dân chúng từ lâu và biết rằng phương tiện chính để làm cho mọi người tuân phục là không bày tỏ sự nghi ngờ rằng họ có thể không tuân phục. Sau khi nhận được sự vâng lời một cách phục tùng «thưa tôi nghe» từ Dron, Yakov Alpatych đã hài lòng với điều đó, mặc dù ông không chỉ nghi ngờ mà gần như chắc chắn rằng xe

ngựa sẽ không được đưa đến nếu không có sự trợ giúp của đội quân đồn trú.

Và thực tế là đến tối xe ngựa vẫn chưa được tập hợp. Ở làng cạnh quán rượu lại có một cuộc họp, và tại cuộc họp đó người ta quyết định đuổi ngựa vào rừng và không đưa xe ngựa ra. Không nói gì về điều này với công chúa, Alpatych ra lệnh dỡ đồ đạc của chính mình khỏi những chiếc xe đến từ Lysye Gory và chuẩn bị những con ngựa đó cho các cỗ xe của công chúa, còn bản thân ông thì đi báo cáo với chính quyền.

X

Sau đám tang của cha, công chúa Marya tự nhốt mình trong phòng và không cho ai vào. Một cô gái đến cửa để nói rằng Alpatych đã đến hỏi xin chỉ thị về việc rời đi. (Chuyện này xảy ra trước cuộc nói chuyện của Alpatych với Dron.) Công chúa Marya hơi nhổm dậy khỏi ghế sofa, nơi nàng đang nằm, và qua cánh cửa đóng kín, nàng nói rằng nàng sẽ không đi đâu cả và yêu cầu hãy để nàng được yên.

Các cửa sổ trong căn phòng nơi công chúa Marya nằm hướng về phía tây. Nàng nằm trên sofa, mặt quay vào tường, vân vê những chiếc cúc trên chiếc gối da, chỉ nhìn thấy chiếc gối này, và những suy nghĩ rời rạc của nàng tập trung vào một điều : nàng nghĩ về sự tất yếu của cái chết và về sự đê tiện trong tâm hồn mình, điều mà nàng không hề biết cho đến tận bây giờ và nó đã bộc lộ trong thời gian cha nàng lâm bệnh. Nàng muốn cầu nguyện nhưng không dám, nàng không dám cầu nguyện trong tình trạng tâm hồn mà nàng đang mắc phải. Nàng nằm lâu trong tư thế đó.

Mặt trời đã lặn sang phía bên kia của ngôi nhà và những tia nắng chiều xiên khoai qua các cửa sổ đang mở chiếu sáng căn phòng và một phần của chiếc gối da

mà công chúa Marya đang nhìn vào. Luồng suy nghĩ của nàng đột ngột dừng lại. Nàng vô thức nhổm dậy, vuốt lại tóc, đứng lên và đi về phía cửa sổ, vô tình hít thở không khí mát mẻ của buổi chiều tà trong sáng, lộng gió.

«Vâng, bây giờ cô có thể thoải mái ngắm nhìn buổi tối rồi ! Ông ấy không còn nữa, và sẽ không ai ngăn cản cô đâu», nàng tự nhủ, và gục đầu xuống bệ cửa sổ.

Có ai đó với giọng nói dịu dàng và khẽ khàng gọi nàng từ phía vườn và hôn lên đầu nàng. Đó là cô Bourienne, trong bộ váy đen và đẫm lệ. Cô ta khẽ tiến lại gần công chúa Marya, thở dài, hôn nàng và lập tức òa khóc. Công chúa Marya ngoảnh lại nhìn cô ta. Tất cả những cuộc va chạm trước đây với cô ta, sự ghen tuông với cô ta đều hiện về trong tâm trí công chúa Marya ; nàng cũng nhớ lại việc ông ấy thời gian gần đây đã thay đổi thái độ với cô Bourienne như thế nào, không thể chịu nổi khi nhìn thấy cô ta, và do đó, những lời trách móc mà công chúa Marya thầm dành cho cô ta thật bất công biết bao. «Mà mình là ai, mình, người từng mong ông ấy chết, lại đi phán xét bất kỳ ai cơ chứ !» nàng nghĩ thầm.

Công chúa Marya hình dung sống động tình cảnh của cô Bourienne, thời gian gần đây bị gạt ra khỏi sự gần gũi với nàng, nhưng đồng thời lại phụ thuộc vào nàng

và sống trong một ngôi nhà xa lạ. Và nàng cảm thấy thương hại cô ta. Nàng nhìn cô ta với ánh mắt dịu dàng đầy chất vấn và đưa tay ra cho cô ta. Cô Bourienne lập tức khóc nức nở, bắt đầu hôn tay công chúa và nói về nỗi đau buồn đã ập xuống đầu công chúa, biến mình thành người cùng chia sẻ nỗi đau này. Cô ta nói rằng niềm an ủi duy nhất trong nỗi đau của mình là việc công chúa cho phép cô ta được cùng san sẻ nó. Cô ta nói rằng tất cả những hiểu lầm trước đây phải bị xóa bỏ trước nỗi đau buồn vĩ đại, rằng cô ta cảm thấy mình trong sạch trước mọi người và rằng từ trên kia ông ấy nhìn thấy tình yêu và lòng biết ơn của cô ta. Công chúa lắng nghe cô ta, không hiểu những lời cô ta nói, nhưng thỉnh thoảng lại nhìn cô ta và lắng nghe âm thanh giọng nói của cô ta.

– Tình cảnh của cô thật khốn khổ gấp bội, công chúa thân mến, – sau một hồi im lặng, cô Bourienne nói. – Tôi hiểu rằng cô đã không thể và không thể nghĩ cho bản thân mình ; nhưng tôi, bằng tình yêu của mình dành cho cô, có nghĩa vụ phải làm điều đó... Alpatych đã đến chỗ cô chưa ? Ông ấy đã nói với cô về việc rời đi chưa? – cô ta hỏi.

Công chúa Marya không trả lời. Nàng không hiểu phải đi đâu và ai phải đi. «Chẳng lẽ bây giờ có thể làm

được việc gì, nghĩ về điều gì sao ? Chẳng phải tất cả đều như nhau sao ?» Nàng không đáp.

– Cô có biết không, chère Marie, – cô Bourienne nói, – cô có biết rằng chúng ta đang gặp nguy hiểm, rằng chúng ta đang bị người Pháp bao vây ; đi bây giờ là nguy hiểm. Nếu chúng ta đi, chúng ta gần như chắc chắn sẽ bị bắt làm tù binh, và Chúa mới biết được...

Công chúa Marya nhìn người bạn của mình, không hiểu những gì cô ta đang nói.

– Ôi, giá mà có ai biết được, đối với tôi bây giờ mọi thứ đều như nhau, – nàng nói. – Tất nhiên, tôi không đời nào muốn rời bỏ ông ấy... Alpatych đã nói gì đó với tôi về việc rời đi... Các người hãy nói chuyện với ông ấy ; tôi không thể, không thể làm gì và không muốn gì cả...

– Tôi đã nói chuyện với ông ấy. Ông ấy hy vọng rằng chúng ta sẽ kịp rời đi vào ngày mai ; nhưng tôi nghĩ rằng bây giờ tốt hơn là nên ở lại đây, – cô Bourienne nói. – Bởi vì, cô hãy đồng ý đi, chère Marie, rơi vào tay những người lính hay những gã nông dân nổi loạn trên đường đi thì thật kinh khủng.

Cô Bourienne lấy từ trong chiếc túi xách ra một tờ thông cáo (không phải trên loại giấy Nga thông thường) của tướng Pháp Rameau nói về việc cư dân không nên rời bỏ nhà cửa của mình, rằng họ sẽ được chính quyền Pháp bảo hộ thỏa đáng, và đưa cho công chúa.

– Tôi nghĩ rằng tốt hơn là nên tìm đến vị tướng này, – cô Bourienne nói, – và tôi tin chắc rằng cô sẽ nhận được sự kính trọng xứng đáng.

Công chúa Marya đọc tờ giấy, và những tiếng nức nở khô khốc làm co thắt khuôn mặt nàng.

– Qua ai mà cô nhận được cái này ? – nàng hỏi.

– Có lẽ, họ biết rằng tôi là người Pháp, qua tên tuổi, – cô Bourienne đỏ mặt nói.

Công chúa Marya cầm tờ giấy trong tay đứng dậy khỏi cửa sổ và với khuôn mặt nhợt nhạt bước ra khỏi phòng và đi vào văn phòng cũ của hoàng thân Andrey.

– Dunyasha, hãy gọi Alpatych, Dronushka, bất kỳ ai đến cho tôi ! – công chúa Marya nói. – Và bảo Amalia Karlovna đừng vào chỗ tôi, – nàng nói thêm khi nghe thấy giọng nói của cô Bourienne. – Phải đi ngay thôi ! Đi ngay lập tức ! – công chúa Marya nói, kinh hãi trước

ý nghĩ rằng nàng có thể ở lại dưới quyền của người Pháp.

«Để hoàng thân Andrey biết rằng nàng đang ở trong tay người Pháp ! Để nàng, con gái của hoàng thân Nikolai Andreyevich Bolkonsky, yêu cầu tướng Rameau ban cho sự bảo hộ và hưởng những ân huệ của ông ta !» Ý nghĩ này khiến nàng kinh hãi, làm nàng rùng mình, đỏ mặt và cảm thấy những cơn giận dữ và kiêu hãnh chưa từng trải qua trỗi dậy. Tất cả những gì nặng nề, và quan trọng nhất, nhục nhã trong tình cảnh của nàng hiện lên sống động trước mắt nàng. «Họ, những người Pháp, sẽ định cư trong ngôi nhà này ; tướng Rameau sẽ chiếm văn phòng của hoàng thân Andrey ; họ sẽ lục lọi và đọc những bức thư và giấy tờ của anh ấy để làm trò tiêu khiển. Cô Bourienne lui fera les honneurs de Bogucharovo. Họ sẽ cho tôi một căn phòng nhỏ vì lòng nhân từ ; những tên lính sẽ phá nát ngôi mộ mới đắp của cha để tháo những chiếc thánh giá và ngôi sao khỏi người ông ; họ sẽ kể cho tôi nghe về những chiến thắng trước người Nga, sẽ giả vờ bày tỏ sự cảm thông với nỗi đau của tôi...» công chúa Marya nghĩ thầm, không phải bằng những suy nghĩ của riêng mình, mà cảm thấy mình có nghĩa vụ phải suy nghĩ bằng những suy nghĩ của cha và anh trai. Đối với cá nhân nàng, ở đâu hay chuyện gì xảy ra với nàng cũng đều như nhau ; nhưng nàng cảm

thấy mình đồng thời là người đại diện cho người cha quá cố và hoàng thân Andrey. Nàng vô tình suy nghĩ bằng suy nghĩ của họ và cảm nhận bằng cảm xúc của họ. Họ sẽ nói gì, họ sẽ làm gì bây giờ, đó chính là điều nàng cảm thấy cần phải làm. Nàng đi vào văn phòng của hoàng thân Andrey và cố gắng thấm nhuần những suy nghĩ của anh, suy ngẫm về tình cảnh của mình.

Những đòi hỏi của cuộc sống, mà nàng tưởng chừng đã bị tiêu diệt bởi cái chết của người cha, bỗng nhiên trỗi dậy với một sức mạnh mới, chưa từng biết tới, hiện ra trước công chúa Marya và bao trùm lấy nàng.

Kích động, đỏ bừng mặt, nàng đi lại trong phòng, yêu cầu gọi Alpatych, Mikhail Ivanovich, Tikhon, Dron. Dunyasha, bảo mẫu và tất cả các cô gái đều không thể nói gì về việc cô Bourienne đã tuyên bố đúng đến mức nào. Alpatych không có nhà : ông đã đi gặp cấp trên. Mikhail Ivanovich, kiến trúc sư, người được gọi đến, hiện ra trước công chúa Marya với đôi mắt ngái ngủ, không thể nói gì với nàng. Ông ta đáp lại với chính nụ cười đồng ý mà ông ta đã quen dùng trong suốt mười lăm năm để trả lời các câu hỏi của vị hoàng thân già, không biểu lộ ý kiến riêng của mình, vì vậy không thể rút ra điều gì xác định từ những câu trả lời của ông ta. Tikhon, người hầu già được gọi đến, với khuôn mặt hốc

hác và tiều tụy mang dấu ấn của nỗi đau khôn nguôi, đáp lại «xin tuân lệnh» cho tất cả các câu hỏi của công chúa Marya và hầu như không cầm được nước mắt khi nhìn nàng.

Cuối cùng, viên quản gia Dron bước vào phòng và, cúi chào thấp trước công chúa, dừng lại ở ngưỡng cửa.

Công chúa Marya đi ngang qua phòng và dừng lại đối diện với ông ta.

– Dronushka, – công chúa Marya nói, người nhìn thấy ở ông ta một người bạn chắc chắn, chính Dronushka đó, người mà trong chuyến đi chợ hàng năm tới Vyazma luôn mang về cho nàng đủ loại bánh gừng với nụ cười... – Dronushka, bây giờ, sau tai họa của chúng ta... – nàng bắt đầu và im lặng, không đủ sức để nói tiếp.

– Tất cả chúng ta đều đi dưới bóng Chúa, – ông ta nói với một tiếng thở dài.

Họ im lặng.

– Dronushka, Alpatych đã đi đâu đó rồi, tôi không có ai để nhờ cậy ; có đúng như họ nói với tôi rằng tôi không thể rời đi không ?

– Tại sao cô lại không thể đi được, thưa cô, cô có thể đi chứ, – Dron nói.

– Họ nói với tôi rằng có nguy hiểm từ kẻ thù. Bạn thân mến, tôi không thể làm gì cả, không hiểu gì cả, tôi không có ai bên cạnh. Tôi nhất định muốn đi đêm nay hoặc sáng sớm mai.

Dron im lặng. Ông ta lén nhìn công chúa Marya.

– Ngựa không có, – ông ta nói, – tôi cũng đã nói với Alpatych rồi.

– Tại sao lại không có ? – công chúa hỏi.

– Tất cả là do Chúa trừng phạt, – Dron nói. – Ngựa thì bị quân đội lấy đi, số còn lại thì chết : năm nay thật tồi tệ. Không phải nói đến việc nuôi ngựa, mà chính bản thân người ta cũng đang chết đói ! Có người ngồi ba ngày không có gì ăn. Chẳng còn gì cả, phá sản hoàn toàn rồi.

Công chúa Marya chăm chú lắng nghe những gì ông ta nói với nàng.

– Những người nông dân bị phá sản sao ? Họ không có bánh mì ư ? – nàng hỏi.

– Họ đang chết vì đói, – Dron nói, – không phải là xe kéo...

– Nhưng tại sao ông không nói, Dronushka ? Chẳng lẽ không thể giúp gì sao ? Tôi sẽ làm tất cả những gì có thể...

Công chúa Marya cảm thấy lạ lùng khi nghĩ rằng, vào một khoảnh khắc như thế này, khi nỗi đau lớn lao như vậy đang tràn đầy tâm hồn nàng, lại có thể có những người giàu và người nghèo và rằng những người giàu không thể giúp đỡ những người nghèo. Nàng biết mang máng và nghe nói rằng có loại thóc gạo của chủ và người ta đem phát cho nông dân. Nàng cũng biết rằng cả anh trai và cha nàng đều không từ chối nông dân khi họ cần ; nàng chỉ sợ mắc lỗi gì đó trong những lời nói về việc phát lương thực cho nông dân này, việc mà nàng muốn ra lệnh. Nàng thấy mừng vì mình có được một lý do để lo toan như vậy, khiến nàng có thể quên đi nỗi đau của mình mà không thấy hổ thẹn. Nàng bắt đầu hỏi Dronushka chi tiết về nhu cầu của nông dân và về những gì có trong kho thóc của chủ ở Bogucharovo.

– Chẳng lẽ chúng ta có lúa gạo của anh trai tôi sao? – nàng hỏi.

– Lúa gạo của chủ còn nguyên vẹn, – Dron nói với vẻ tự hào : – hoàng thân chúng ta không ra lệnh bán.

– Hãy phát cho nông dân, phát tất cả những gì họ cần : tôi cho phép ông nhân danh anh trai tôi, – công chúa Marya nói.

Dron không trả lời và thở dài sâu sắc.

– Ông hãy phát cho họ cái bánh mì đó, nếu nó đủ cho họ. Hãy phát tất cả đi. Tôi ra lệnh cho ông nhân danh anh trai tôi, và hãy nói với họ rằng : những gì là của chúng ta thì cũng là của họ. Chúng ta sẽ không tiếc gì cho họ cả. Cứ nói với họ như vậy.

Dron nhìn chăm chằm vào công chúa trong lúc nàng nói.

– Hãy cho tôi nghỉ việc, thưa cô, vì Chúa ; hãy ra lệnh cho tôi giao lại chìa khóa, – ông ta nói. – Tôi đã phục vụ 23 năm, chưa làm điều gì xấu ; xin hãy cho tôi nghỉ, vì Chúa.

Công chúa Marya không hiểu ông ta muốn gì ở nàng và tại sao ông ta lại xin nghỉ việc. Nàng trả lời ông ta rằng nàng chưa bao giờ nghi ngờ lòng trung thành của ông và rằng nàng sẵn sàng làm mọi thứ cho ông và cho những người nông dân.

XI

Một giờ sau đó, Dunyasha đến gặp công chúa với tin tức rằng Dron đã đến và tất cả những người nông dân, theo lệnh của công chúa, đã tập trung tại kho thóc, muốn thưa chuyện với bà chủ.

– Nhưng tôi chưa bao giờ gọi họ, – công chúa Marya nói, – tôi chỉ bảo Dronushka phát thóc gạo cho họ thôi.

– Chỉ vì Chúa, thưa cô, hãy ra lệnh đuổi họ đi và đừng ra gặp họ. Tất cả chỉ là lừa dối thôi, – Dunyasha nói, – còn Yakov Alpatych sẽ đến và chúng ta sẽ đi... chứ cô đừng có...

– Lừa dối gì cơ ? – công chúa ngạc nhiên hỏi.

– Vâng, tôi biết chứ, cô cứ nghe lời tôi, vì Chúa. Cứ hỏi bảo mẫu mà xem. Họ nói rằng họ không đồng ý rời đi theo lệnh của cô.

– Cô đang nói gì đó không đúng rồi. Nhưng tôi chưa bao giờ ra lệnh rời đi... – công chúa Marya nói. – Hãy gọi Dronushka đến đây.

Dron bước vào và xác nhận những lời của Dunyasha : những người nông dân đã đến theo lệnh của công chúa.

– Nhưng tôi chưa bao giờ gọi họ, – công chúa nói. – Chắc là ông đã truyền đạt không đúng cho họ. Tôi chỉ bảo ông phát lương thực cho họ thôi.

Dron không trả lời, thở dài.

– Nếu cô ra lệnh, họ sẽ đi về, – ông ta nói.

– Không, không, tôi sẽ đi gặp họ, – công chúa Marya nói.

Mặc cho sự ngăn cản của Dunyasha và bảo mẫu, công chúa Marya bước ra ngoài hiên. Dronushka, Dunyasha, bảo mẫu và Mikhail Ivanovich đi theo nàng.

«Họ, có lẽ, nghĩ rằng tôi đưa lương thực cho họ để họ ở lại tại chỗ, còn bản thân tôi thì đi, bỏ mặc họ cho người Pháp tùy nghi xử lý», công chúa Marya nghĩ. «Tôi sẽ hứa với họ về lương thực hằng tháng và chỗ ở tại trang trại vùng ngoại ô Moskva ; tôi chắc chắn rằng André sẽ còn làm nhiều hơn thế nữa ở địa vị của tôi», nàng nghĩ thầm khi tiến lại gần đám đông đứng ở bệ kho thóc trong lúc hoàng hôn.

Đám đông, đứng chen chúc nhau, bắt đầu xôn xao, và những chiếc mũ nhanh chóng được tháo ra. Công chúa Marya, hạ thấp mắt và lúng túng trong tà váy của mình, tiến lại gần họ. Rất nhiều đôi mắt già trẻ khác nhau

hướng về phía nàng và có rất nhiều khuôn mặt khác nhau, đến nỗi công chúa Marya không nhìn thấy một khuôn mặt nào cụ thể và cảm thấy cần phải đột ngột nói chuyện với tất cả bọn họ, nàng không biết phải làm thế nào. Nhưng một lần nữa, nhận thức rằng mình là người đại diện cho cha và anh trai đã tiếp thêm sức mạnh cho nàng, và nàng mạnh dạn bắt đầu bài phát biểu của mình.

– Tôi rất vui vì các anh đã đến, – công chúa Marya bắt đầu, không ngước mắt lên và cảm thấy tim mình đập nhanh và mạnh như thế nào. – Dronushka đã nói với tôi rằng chiến tranh đã tàn phá các anh. Đó là nỗi đau chung của chúng ta, và tôi sẽ không tiếc gì để giúp đỡ các anh. Bản thân tôi sẽ đi, vì ở đây đang nguy hiểm... và kẻ thù đang ở gần... vì... Tôi tặng các anh mọi thứ, các bạn của tôi, và xin các anh hãy lấy tất cả, lấy tất cả lúa gạo của chúng ta, để các anh không bị thiếu thốn. Và nếu người ta bảo với các anh rằng tôi đưa thóc gạo cho các anh với điều kiện các anh phải ở lại đây, thì đó là điều không đúng. Tôi trái lại, xin các anh hãy rời đi với toàn bộ tài sản của mình đến trang trại ngoại ô Moskva của chúng tôi, và ở đó tôi nhận trách nhiệm về mình và hứa với các anh rằng các anh sẽ không phải thiếu thốn gì. Các anh sẽ được cấp cả nhà cửa và lương thực.

Công chúa dừng lại. Từ trong đám đông chỉ nghe thấy những tiếng thở dài.

– Tôi không làm điều này vì bản thân mình, – công chúa tiếp tục, – tôi làm điều này nhân danh người cha quá cố, người đã là một ông chủ tốt của các anh, và nhân danh anh trai tôi cùng con trai anh ấy.

Nàng lại dừng lại. Không ai ngắt quãng sự im lặng của nàng.

– Nỗi đau của chúng ta là chung, và chúng ta sẽ chia đôi mọi thứ. Tất cả những gì của tôi là của các anh, – nàng nói, nhìn lướt qua những khuôn mặt đứng trước mặt mình.

Tất cả các đôi mắt nhìn nàng với cùng một biểu cảm, ý nghĩa của nó nàng không thể hiểu nổi. Đó có phải là sự tò mò, lòng trung thành, lòng biết ơn hay sự sợ hãi và nghi ngờ, nhưng biểu cảm trên tất cả các khuôn mặt đều giống nhau.

– Rất hài lòng với những ân huệ của cô, nhưng chúng tôi không cần phải nhận lúa gạo của chủ, – một giọng nói vang lên từ phía sau.

– Nhưng tại sao lại vậy ? – công chúa hỏi.

Không ai trả lời, và công chúa Marya, nhìn quanh đám đông, nhận thấy rằng bây giờ tất cả những đôi mắt mà nàng bắt gặp đều lập tức nhìn xuống.

– Tại sao các anh lại không muốn ? – nàng lại hỏi.

Không ai trả lời.

Công chúa Marya cảm thấy nặng nề trước sự im lặng này ; nàng cố gắng bắt gặp ánh mắt của ai đó.

– Tại sao ông không nói ? – công chúa quay sang một ông lão đứng trước mặt nàng, người đang tựa vào chiếc gậy. – Hãy nói đi, nếu ông nghĩ rằng còn cần điều gì nữa. Tôi sẽ làm tất cả, – nàng nói, bắt gặp ánh mắt của ông ta.

Nhưng ông ta, như thể tức giận vì điều này, đã gục đầu xuống hoàn toàn và nói :

– Việc gì phải đồng ý, chúng tôi không cần lúa gạo.

– Tại sao chúng tôi lại phải bỏ mọi thứ mà đi ? Không đồng ý... Không đồng ý... Không có sự đồng ý của chúng tôi. Chúng tôi thương hại cô, nhưng không có sự đồng ý của chúng tôi. Cô cứ tự đi đi, một mình... – những tiếng nói vang lên trong đám đông từ các phía khác nhau.

Và một lần nữa trên tất cả các khuôn mặt của đám đông này hiện lên cùng một biểu cảm, và bây giờ đó chắc chắn không phải là biểu cảm của sự tò mò và lòng biết ơn, mà là biểu cảm của sự quyết tâm đầy thù hận.

– Đúng là các anh không hiểu, chắc chắn rồi, – công chúa Marya nói với một nụ cười buồn bã. – Tại sao các anh lại không muốn đi ? Tôi hứa sẽ định cư các anh, nuôi dưỡng các anh. Còn ở đây kẻ thù sẽ tàn phá các anh...

Nhưng giọng nói của nàng bị át đi bởi giọng nói của đám đông.

– Không có sự đồng ý của chúng tôi, cứ để nó tàn phá! Chúng tôi không lấy lúa gạo của cô, không có sự đồng ý của chúng tôi !

Công chúa Marya cố gắng bắt gặp một ánh mắt khác từ đám đông, nhưng không một ánh mắt nào hướng về nàng ; đôi mắt rõ ràng là né tránh nàng. Nàng cảm thấy lạ lùng và lúng túng.

– Xem kìa, cô ta dạy bảo khéo thật, cứ theo cô ta vào pháo đài mà ở ! Phá nhà phá cửa, rồi đi làm nô lệ mà phục dịch. Làm gì có chuyện đó ? Tôi sẽ đưa lúa gạo, này, lấy đi ! – những tiếng nói vang lên trong đám đông.

Công chúa Marya gục đầu xuống, bước ra khỏi vòng vây và đi vào nhà. Lặp lại mệnh lệnh cho Dron rằng ngày mai phải có ngựa để rời đi, nàng đi về phòng mình và ở lại một mình với những suy nghĩ của mình.

XII

Suốt đêm đó, công chúa Marya ngồi bên cửa sổ mở trong phòng mình, lắng nghe tiếng nói chuyện của những người nông dân vang lên từ phía ngôi làng, nhưng nàng không nghĩ về họ. Nàng cảm thấy rằng, dù nàng có nghĩ về họ bao nhiêu đi chăng nữa, nàng cũng không thể hiểu được họ. Nàng chỉ nghĩ về một điều – về nỗi đau của mình, nỗi đau mà bây giờ, sau một quãng nghỉ do những lo toan cho hiện tại gây ra, đã trở thành quá khứ đối với nàng. Nàng bây giờ đã có thể nhớ lại, có thể khóc và có thể cầu nguyện. Khi mặt trời lặn, gió dịu dần. Đêm thật tĩnh lặng và mát mẻ. Đến 12 giờ, các giọng nói bắt đầu im lặng ; tiếng gà gáy vang lên ; từ sau những hàng cây chanh bắt đầu hiện ra vầng trăng tròn ; một làn sương mù trắng, mát mẻ và đẫm sương trỗi dậy, và sự tĩnh lặng bao trùm lên ngôi làng và ngôi nhà.

Những bức tranh về quá khứ gần đây – bệnh tật và những phút cuối cùng của người cha – lần lượt hiện ra trước mắt nàng. Và với một nỗi buồn vui sướng, nàng bây giờ dừng lại ở những hình ảnh này, xua đuổi khỏi bản thân với sự kinh hãi chỉ một hình ảnh cuối cùng về cái chết của ông, cái điều mà nàng cảm thấy – mình

không đủ sức để chiêm nghiệm ngay cả trong trí tưởng tượng vào giờ phút tĩnh lặng và huyền bí này của đêm. Và những hình ảnh này hiện ra trước mắt nàng với sự rõ ràng và chi tiết đến mức chúng dường như đối với nàng là thực tại, lúc là quá khứ, lúc là tương lai.

Nàng hình dung sống động khoảnh khắc khi ông bị đột quỵ và người ta khiêng ông từ trong vườn ở Lysye Gory dưới nách, và ông lẩm bẩm điều gì đó bằng chiếc lưỡi bất lực, giật giật đôi lông mày bạc và nhìn nàng một cách lo lắng và rụt rè.

«Ngay cả lúc đó ông cũng muốn nói với mình những gì ông đã nói với mình vào ngày ông mất», nàng nghĩ. «Ông luôn nghĩ về những gì ông đã nói với mình». Và rồi nàng nhớ lại với tất cả chi tiết đêm ở Lysye Gory, đêm trước khi ông bị đột quỵ, khi công chúa Marya, linh cảm thấy điềm xấu, đã trái với ý muốn của ông mà ở lại bên ông. Nàng không ngủ và ban đêm đi nhón chân xuống dưới, và đi đến tận cửa phòng hoa, nơi cha nàng ngủ đêm đó, lắng nghe giọng nói của ông. Ông, với giọng nói mệt mỏi, kiệt sức, đang nói chuyện với Tikhon. Ông đang nói về Krym, về những đêm ấm áp, về hoàng hậu. Chắc hẳn, ông muốn trò chuyện. «Và tại sao ông không gọi mình ? Tại sao ông không cho phép mình có mặt ở đó thay cho Tikhon ?» công chúa Marya

nghĩ. «Ông ấy sẽ không bao giờ nói cho ai biết tất cả những gì có trong tâm hồn ông ấy nữa. Sẽ không bao giờ quay lại phút giây này nữa, khi ông ấy nói ra tất cả những gì ông ấy muốn nói, còn mình, chứ không phải Tikhon, lẽ ra đã lắng nghe và hiểu ông ấy. Tại sao mình không vào phòng ông ấy lúc đó ?» nàng nghĩ. «Có lẽ, lúc đó ông ấy cũng sẽ nói với mình những gì ông ấy đã nói vào ngày ông mất. Lúc đó, trong cuộc trò chuyện với Tikhon, ông ấy đã hai lần hỏi về mình. Ông ấy muốn gặp mình, còn mình thì đứng đây, sau cánh cửa. Ông ấy buồn, nói chuyện với Tikhon thật nặng nề, người không hiểu ông. Tôi nhớ ông ấy bắt đầu nói với ông ta về Lise, như thể cô ấy còn sống, – ông ấy đã quên rằng cô ấy đã mất, và Tikhon nhắc ông rằng cô ấy không còn nữa, và ông ấy quát lên : «đồ ngốc !» Thật nặng nề cho ông ấy. Tôi đã nghe thấy từ sau cánh cửa ông ấy rên rỉ nằm xuống giường và quát to : «Chúa ơi !» Tại sao tôi không vào lúc đó ? Ông ấy sẽ làm gì tôi ? Tôi sẽ mất gì cơ chứ ? Mà có lẽ, lúc đó ông ấy sẽ được an ủi, ông ấy sẽ nói với tôi lời đó». Và công chúa Marya thốt ra thành lời cái từ âu yếm mà ông đã nói với nàng vào ngày ông mất. «Linh–hồn–nhỏ !» công chúa lặp lại lời này và òa khóc với những giọt lệ làm nhẹ lòng. Khuôn mặt ông bây giờ hiện ra trước mắt nàng. Và không phải khuôn mặt mà nàng biết từ hồi đó, từ khi nàng còn nhớ được

mình, và khuôn mặt mà nàng luôn thấy từ đằng xa ; mà là khuôn mặt rụt rè và yếu ớt mà nàng, khi cúi sát miệng ông để nghe những gì ông nói, đã lần đầu tiên nhìn thấy thật gần với tất cả những nếp nhăn và chi tiết của nó.

«Linh hồn nhỏ», nàng lặp lại.

«Ông ấy đã nghĩ gì khi nói lời này ? Bây giờ ông ấy đang nghĩ gì ?» bỗng nhiên một câu hỏi hiện ra trong đầu nàng, và để trả lời cho câu hỏi đó, nàng nhìn thấy ông trước mặt mình với biểu cảm khuôn mặt mà ông đã có trong chiếc quan tài trên chiếc khăn trắng bao quanh cằm. Và cái sự kinh hoàng đã bao trùm lấy nàng lúc đó, khi nàng chạm vào ông và tin chắc rằng đó không chỉ không phải là ông, mà là một cái gì đó bí ẩn và ghê rợn, lại bao trùm lấy nàng và bây giờ. Nàng muốn nghĩ về điều khác, muốn cầu nguyện và không thể làm gì được. Nàng với đôi mắt to, mở rộng nhìn vào ánh trăng và bóng tối, mỗi giây mỗi phút nàng đều chờ đợi được nhìn thấy khuôn mặt người chết của ông và cảm thấy rằng sự tĩnh lặng bao trùm ngôi nhà và trong nhà, đang giam cầm nàng.

– Dunyasha ! – nàng thì thầm. – Dunyasha ! – nàng thét lên bằng một giọng hoang dại và, lao ra khỏi sự tĩnh lặng, chạy về phía phòng của các cô gái để gặp bảo mẫu và các cô gái đang chạy tới chỗ nàng.

XIII

Ngày 17 tháng Tám, Rostov và Ilyin, chỉ có Lavrushka và một người lính kỵ binh tùy tùng đi kèm, trở về từ nơi bị bắt làm tù binh, từ trạm dừng chân của họ ở Yankovo, cách Bogucharovo 15 dặm, định đi cưỡi ngựa – thử con ngựa mới mua của Ilyin và tìm hiểu xem trong các làng có cỏ khô không.

Bogucharovo nằm trong ba ngày cuối cùng giữa hai đội quân địch, vì vậy đội hậu vệ Nga cũng dễ dàng ghé vào đó như đội tiền phong Pháp ; và do đó Rostov, với tư cách là một chỉ huy phi đội tận tụy, muốn chiếm lấy số lương thực còn ở Bogucharovo trước khi người Pháp kịp làm điều đó.

Rostov và Ilyin đang ở trong tâm trạng vui vẻ nhất. Trên đường đến Bogucharovo, đến điền trang của hoàng thân với dinh thự, nơi họ hy vọng tìm thấy đông đảo gia nhân và những cô gái xinh đẹp, họ hết hỏi Lavrushka về Napoleon và cười nhạo những câu chuyện của anh ta, lại thi chạy ngựa, thử con ngựa của Ilyin.

Rostov không hề biết và không hề nghĩ rằng ngôi làng mà anh đang đi tới chính là điền trang của chính Bolkonsky đó, người từng là vị hôn phu của em gái anh.

Rostov cùng Ilyin lần cuối cùng cho ngựa chạy đua xuống dốc vào làng Bogucharovo, và Rostov, người đã vượt qua Ilyin, là người đầu tiên phi vào phố của làng Bogucharovo.

– Anh đã chiếm ưu thế rồi, – Ilyin đỏ mặt nói.

– Phải, tất cả đều ở phía trước ; cả trên đồng cỏ phía trước và ở đây, – Rostov đáp, tay xoa vuốt con ngựa Don đang đẫm mồ hôi của mình.

– Còn tôi thì cưỡi trên con ngựa Pháp, thưa ngài, – Lavrushka nói từ phía sau, gọi con ngựa thồ tồi tàn của mình là con ngựa Pháp, – tôi đã có thể vượt qua, nhưng chỉ không muốn làm ngài xấu hổ thôi.

Họ bước chậm lại tiến về phía kho thóc, nơi một đám đông nông dân lớn đang đứng.

Một số nông dân bỏ mũ ra, một số nhìn những người vừa đến mà không bỏ mũ. Hai ông lão, với khuôn mặt nhăn nheo và bộ râu thưa thớt, bước ra khỏi quán rượu và với nụ cười, vừa đi vừa loạng choạng và hát một bài hát không rõ ràng nào đó, tiến lại gần các sĩ quan.

– Các chàng trai giỏi lắm ! – Rostov vừa nói vừa cười. – Thế nào, có cỏ khô không ?

– Và những người giống nhau... – Ilyin nói.

– Xon... xon... xon... xon... xon... – một nông dân hát với nụ cười hạnh phúc.

Một người trong số các nông dân tách ra khỏi đám đông và tiến lại gần Rostov.

– Các anh từ đâu đến vậy ? – anh ta hỏi.

– Người Pháp, – Ilyin cười đáp. – Đây là Napoleon chính hiệu, – anh ta nói, chỉ vào Lavrushka.

– Nghĩa là, các anh là người Nga phải không ? – người nông dân hỏi lại.

– Thế lực của các anh ở đây có đông không ? – một người nông dân nhỏ bé khác tiến lại gần họ hỏi.

– Nhiều, nhiều lắm, – Rostov đáp. – Thế các anh tụ tập ở đây làm gì vậy ? – anh ta thêm vào : – đang có lễ hội hay sao ?

– Những ông già tụ tập vì việc làng, – người nông dân trả lời, rời xa anh ta.

Vào lúc đó, trên con đường từ nhà dinh thự, xuất hiện hai người phụ nữ và một người đàn ông đội mũ trắng, đang đi về phía các sĩ quan.

– Cô mặc áo hồng là của tôi ; cấm tranh đấy ! – Ilyin nói, khi nhận thấy Dunyasha đang kiên quyết chạy về phía mình.

– Sẽ là của chúng ta thôi ! – Lavrushka nháy mắt nói với Ilyin.

– Gì thế, người đẹp của tôi, cô cần gì ? – Ilyin mỉm cười hỏi.

– Tiểu thư ra lệnh hỏi, các ông thuộc trung đoàn nào và họ tên là gì.

– Đây là Bá tước Rostov, chỉ huy đại đội, còn tôi là bề tôi khiêm nhường của cô.

– Bé... xế... đề... nhà !.. – một gã nông dân say rượu hát nghêu ngao, mỉm cười hạnh phúc và nhìn Ilyin đang trò chuyện với cô gái. Theo sau Dunyasha, Alpatych tiến đến chỗ Rostov, đã cởi mũ từ xa.

– Dám làm phiền ngài, thưa ngài, – ông ta nói một cách cung kính nhưng có chút khinh miệt đối với sự trẻ tuổi của viên sĩ quan này và đút một tay vào trong ngực áo. – Bà chủ của tôi, con gái của ngài tổng tư lệnh quá cố Nikolai Andreevich Bolkonsky, người vừa tạ thế vào ngày 15 này, đang gặp khó khăn do sự ngu muội của những hạng người này, – ông ta chỉ tay về phía những

người nông dân, – xin mời ngài ghé thăm... Liệu ngài có vui lòng, – Alpatych nói với một nụ cười buồn bã, – đi xa hơn một chút, nếu không thì không tiện lắm trước mặt... – Alpatych chỉ vào hai người nông dân đang lởn vởn quanh ông ta như ruồi quanh ngựa.

– A !.. Alpatych... A, Yakov Alpatych... Quan trọng đấy ! Tha lỗi cho, vì Chúa. Quan trọng đấy ! A ?.. – những người nông dân nói, mỉm cười rạng rỡ với ông ta.

Rostov nhìn những người nông dân say rượu và mỉm cười.

– Hay là, có lẽ, điều này an ủi ngài, thưa đức ông? – Yakov Alpatych nói với vẻ điềm tĩnh, dùng bàn tay không đút trong ngực áo chỉ vào những ông già.

– Không, ở đây chẳng có gì an ủi cả, – Rostov nói và lái ngựa đi. – Có chuyện gì vậy ? – anh hỏi.

– Dám báo cáo với đức ông rằng đám dân thô lỗ ở đây không muốn để bà chủ rời khỏi thái ấp và đe dọa sẽ tháo ngựa ra, nên từ sáng đến giờ mọi thứ đã xếp xong mà bà chủ vẫn không thể đi được.

– Không thể nào ! – Rostov kêu lên.

– Tôi hân hạnh được báo cáo với ngài sự thật trần trụi, – Alpatych lặp lại.

Rostov xuống ngựa và giao nó cho người lính phục vụ, rồi cùng Alpatych đi bộ về phía ngôi nhà, hỏi han ông ta về các chi tiết của sự việc. Quả thực, lời đề nghị cho mượn thóc của tiểu thư đối với nông dân ngày hôm qua, cuộc giải thích của cô với Dron và cuộc họp làng đã làm hỏng việc đến nỗi Dron cuối cùng đã giao lại chìa khóa, gia nhập với đám nông dân và không xuất hiện theo yêu cầu của Alpatych, còn đến sáng, khi tiểu thư ra lệnh thắng xe để đi, những người nông dân đã kéo lũ lượt đến kho thóc và cho người vào báo rằng họ sẽ không để tiểu thư ra khỏi làng, rằng đã có lệnh không được di dời, và họ sẽ tháo ngựa ra. Alpatych đã ra gặp họ, khuyên nhủ họ, nhưng họ trả lời ông ta (Karp là người nói nhiều nhất ; Dron không lộ diện trong đám đông), rằng không thể để tiểu thư đi, rằng đã có lệnh như vậy, và cứ để tiểu thư ở lại, rồi họ sẽ phục vụ và tuân lệnh bà về mọi mặt như cũ.

Đúng lúc Rostov và Ilyin đang phi nước đại trên đường thì tiểu thư Marya, bất chấp sự ngăn cản của Alpatych, bà vú và các cô hầu, đã ra lệnh thắng xe và định khởi hành ; nhưng thấy các kỵ binh phóng qua, họ

lại tưởng đó là quân Pháp, các phu xe bỏ chạy, và trong nhà vang lên tiếng khóc than của phụ nữ.

– Cha ơi ! Người cha ruột thịt ! Chúa đã phái người đến, – những giọng nói xúc động vang lên khi Rostov đi qua hành lang.

Tiểu thư Marya, thất thần và bất lực, đang ngồi trong phòng khách đúng lúc người ta dẫn Rostov vào gặp cô. Cô không hiểu anh là ai, tại sao anh lại ở đó và điều gì sẽ xảy ra với mình. Khi nhìn thấy khuôn mặt Nga của anh, qua dáng vẻ lúc bước vào và những lời đầu tiên anh nói, cô nhận ra anh là một người thuộc tầng lớp của mình, cô nhìn anh bằng ánh mắt sâu thẳm và tỏa sáng rồi bắt đầu nói bằng giọng nói ngắt quãng và run rẩy vì xúc động. Rostov lập tức hình dung thấy điều gì đó lãng mạn trong cuộc gặp gỡ này. «Một cô gái không nơi nương tựa, đau đớn vì cái chết của cha, bị bỏ mặc cho đám nông dân thô lỗ, nổi loạn hoành hành ! Và một định mệnh kỳ lạ nào đó đã đẩy mình tới đây !» Rostov nghĩ khi lắng nghe cô và nhìn cô. «Và nét mặt cô mới dịu dàng, cao quý làm sao !» anh nghĩ khi lắng nghe câu chuyện rụt rè của cô.

Khi cô kể về việc tất cả những điều này xảy ra vào ngày hôm sau đám tang cha cô, giọng cô run lên. Cô quay đi và sau đó, như thể sợ rằng Rostov sẽ hiểu lầm

lời nói của cô là muốn làm anh mủi lòng, cô nhìn anh với vẻ dò hỏi và sợ hãi. Lệ đã dâng lên trong mắt Rostov. Tiểu thư Marya nhận thấy điều đó và nhìn Rostov một cách biết ơn bằng ánh mắt tỏa sáng khiến anh quên đi vẻ không xinh đẹp trên khuôn mặt cô.

– Tôi không thể diễn tả hết, thưa tiểu thư, tôi hạnh phúc thế nào khi tình cờ ghé qua đây và có thể chứng tỏ cho tiểu thư thấy sự sẵn lòng của mình, – Rostov nói và đứng dậy. – Xin tiểu thư cứ việc khởi hành, tôi xin lấy danh dự bảo đảm với tiểu thư rằng không một người nào dám gây phiền hà cho tiểu thư, nếu tiểu thư cho phép tôi được hộ tống tiểu thư, – và, cúi chào cung kính như cách người ta chào các lệnh bà thuộc dòng dõi hoàng tộc, anh đi về phía cửa.

Qua vẻ cung kính trong giọng nói của mình, Rostov dường như muốn cho thấy rằng, mặc dù anh coi việc được làm quen với cô là một niềm hạnh phúc, anh vẫn không muốn lợi dụng sự rủi ro của cô để tiếp cận cô.

Tiểu thư Marya hiểu và đánh giá cao giọng điệu đó.

– Tôi rất, rất biết ơn ngài, – tiểu thư nói với anh bằng tiếng Pháp, – nhưng tôi hy vọng rằng tất cả chuyện này chỉ là một sự hiểu lầm và không ai có lỗi trong chuyện này. – Tiểu thư bỗng bật khóc. – Xin lỗi tôi, – cô nói.

Rostov cau mày, một lần nữa cúi chào thấp và bước ra khỏi phòng.

XIV

Thế nào, em yêu ? Không, anh bạn ạ, cô em áo hồng của tôi là một tuyệt phẩm, và họ gọi cô ấy là Dunyasha...

Nhưng khi nhìn vào mặt Rostov, Ilyin im bặt. Anh ta thấy vị anh hùng và chỉ huy của mình đang ở trong một trạng thái tâm trí hoàn toàn khác.

Rostov giận dữ liếc nhìn Ilyin và không trả lời anh ta, bước nhanh về phía làng.

– Tôi sẽ cho chúng biết tay, tôi sẽ dạy cho chúng một bài học, bọn cướp này, – anh tự nhủ.

Alpatych bước đi nhanh để không phải chạy, nhưng cũng khó lòng đuổi kịp Rostov.

– Ngài đã quyết định thế nào ạ ? – ông ta hỏi khi đuổi kịp anh.

Rostov dừng lại và nắm chặt tay, đột nhiên tiến thẳng về phía Alpatych một cách đe dọa.

– Quyết định ? Quyết định gì ? Thằng cha già này! – anh quát ông ta. – Ông nhìn cái gì thế ? Dân chúng nổi loạn, còn ông thì không biết xoay xở sao ? Bản thân

ông cũng là kẻ phản bội ! Tôi biết các người rồi, tôi sẽ lột da tất cả các người... – Và như thể sợ phí hoài cơn giận dữ của mình, anh bỏ lại Alpatych và bước nhanh về phía trước.

Alpatych, nén nỗi uất ức, bước nhanh theo sau Rostov và tiếp tục trình bày những suy nghĩ của mình. Ông ta nói rằng những người nông dân đang ở trong trạng thái ngoan cố ; rằng vào thời điểm hiện tại thật không khôn ngoan khi chống đối họ mà không có một đơn vị quân đội ; rằng chẳng phải tốt hơn là nên cử người đi gọi một đơn vị quân đội sao.

– Tôi sẽ cho chúng thấy một đơn vị quân đội... Tôi sẽ chống lại chúng, – Nikolai lẩm bẩm một cách vô nghĩa, thở hổn hển vì một cơn giận dữ phi lý, thú tính và nhu cầu muốn trút bỏ cơn giận này.

Không suy tính xem mình sẽ làm gì, anh vô thức bước đi nhanh chóng và quyết đoán về phía đám đông. Và càng tiến gần họ, Alpatych càng cảm thấy rằng hành động thiếu suy nghĩ của anh có thể mang lại kết quả tốt. Những người nông dân trong đám đông cũng cảm thấy như vậy khi nhìn thấy dáng đi nhanh nhẹn, vững chãi và khuôn mặt cau có đầy quyết tâm của anh.

Sau khi các kỵ binh tiến vào làng và Rostov đi về phía nhà tiểu thư, trong đám đông đã nảy sinh sự bối rối và chia rẽ. Một số nông dân bắt đầu nói rằng những người vừa đến là người Nga, và mong sao họ không phật lòng vì việc không cho tiểu thư đi. Dron cũng có cùng ý kiến đó ; nhưng ngay khi ông ta bày tỏ điều đó, Karp và những người nông dân khác liền tấn công vị cựu trưởng thôn.

– Ngươi đã ăn bổng lộc của làng bao nhiêu năm rồi? – Karp quát ông ta. – Ngươi thì thế nào cũng được. Ngươi sẽ đào hũ tiền lên, rồi mang đi ; ngươi thì mặc kệ, nhà cửa chúng ta có bị tàn phá hay không ?

– Người ta đã bảo phải có trật tự, để không ai ra khỏi nhà ; để không mang đi một hạt bụi nào – đấy là tất cả9! – một người khác hét lên.

– Đến lượt con trai ngươi đi lính, chắc ngươi đã tiếc của rồi, – bỗng một lão già nhỏ thò nhanh nhảu nói, tấn công Dron, – nên đã hối lộ để giữ nó lại, còn con Vanka nhà tôi thì bị bắt đi lính. Ôi, chúng ta sẽ phải chết mất !

– Đúng thế, chúng ta sẽ phải chết !

– Tôi không từ bỏ làng, – Dron nói.

– Không từ bỏ làng cái nỗi gì, nuôi bụng mỡ thì có !..

Hai người nông dân cao lớn lên tiếng. Ngay khi Rostov, cùng với Ilyin, Lavrushka và Alpatych tiến đến đám đông, Karp, đút ngón tay sau thắt lưng, mỉm cười nhẹ bước lên phía trước. Dron, ngược lại, lùi về các hàng sau, và đám đông đứng xích lại gần nhau hơn.

– Này ! Ai là trưởng thôn ở đây ? – Rostov quát to, bước nhanh tới chỗ đám đông.

– Trưởng thôn hả ? Các ông cần gì ?.. – Karp hỏi.

Nhưng anh ta chưa kịp nói hết thì chiếc mũ đã bay khỏi đầu, và đầu anh ta nghẹo sang một bên vì một cú đấm mạnh.

– Bỏ mũ xuống, quân phản bội ! – Rostov quát bằng giọng khàn đặc. – Trưởng thôn đâu ? – anh hét lên bằng một giọng điên cuồng.

– Trưởng thôn, nó gọi trưởng thôn kìa... Dron Zakharich, ông kìa, – những giọng nói run rẩy phục tùng vang lên đây đó, và mũ bắt đầu được cởi ra khỏi đầu.

– Chúng tôi không được nổi loạn, chúng tôi tuân giữ trật tự, – Karp nói, và vài giọng nói từ phía sau ngay lập tức vang lên :

– Các cụ già đã quyết rồi, có nhiều người như các ông, cấp trên ấy...

– Trò chuyện hả ?.. Nổi loạn !.. Quân cướp ! Quân phản bội ! – Rostov gào lên một cách vô nghĩa, không bằng giọng của chính mình, chộp lấy cổ áo Karp. – Trói nó lại, trói nó ! – anh hét lên, mặc dù chẳng có ai để trói ngoài Lavrushka và Alpatych.

Tuy nhiên, Lavrushka đã chạy đến chỗ Karp và tóm lấy hai tay anh ta từ phía sau.

– Có cho phép gọi người của chúng tôi từ dưới đồi lên không ạ ? – anh ta hét lên.

Alpatych quay sang những người nông dân, gọi tên hai người để trói Karp. Những người nông dân phục tùng bước ra khỏi đám đông và bắt đầu tháo thắt lưng.

– Trưởng thôn đâu ? – Rostov hét lên.

Dron, với khuôn mặt cau có và tái nhợt, bước ra khỏi đám đông.

– Ngươi là trưởng thôn hả ? Trói nó lại, Lavrushka! – Rostov hét lên, như thể mệnh lệnh này cũng không thể gặp phải trở ngại nào.

Và quả thực, thêm hai người nông dân nữa bắt đầu trói Dron, người như thể đang giúp họ, đã tự mình tháo thắt lưng và đưa cho họ.

– Còn tất cả các người, hãy nghe đây. – Rostov quay sang những người nông dân : – Bây giờ hãy giải tán về nhà ngay lập tức, tôi mà còn nghe thấy tiếng ai thì liệu hồn.

– Thưa ngài, chúng tôi có làm gì sai đâu. Chúng tôi chỉ, nghĩa là, vì sự ngu muội thôi. Chỉ làm chuyện xằng bậy thôi... Tôi đã bảo rồi mà, không có trật tự gì cả, – những giọng nói vang lên, trách móc lẫn nhau.

– Đấy, tôi đã nói với các người rồi mà, – Alpatych nói, bước vào quyền hạn của mình. – Không tốt đâu, các anh em !

– Sự ngu muội của chúng tôi thôi, Yakov Alpatych, – những giọng nói trả lời, và đám đông bắt đầu tản ra và giải tán khắp làng.

Hai người nông dân bị trói được dẫn vào sân nhà dinh thự. Hai người nông dân say rượu đi theo sau họ.

– Ôi, tôi nhìn ông mà xem ! – một người trong số họ nói, quay sang Karp.

– Chẳng lẽ lại có thể nói chuyện với các ông chủ như thế à ? Ông nghĩ gì vậy ? Đồ ngốc, – người kia xác nhận, – đúng thật, đồ ngốc !

Hai giờ sau, các xe thồ đã đứng sẵn trong sân nhà ở Bogucharovo. Những người nông dân nhộn nhịp khuân vác và xếp đồ đạc của chủ lên xe, còn Dron, theo yêu cầu của tiểu thư Marya, đã được thả ra khỏi nhà kho nơi ông ta bị nhốt, đang đứng ngoài sân chỉ huy những người nông dân.

– Đừng xếp đồ của tiểu thư cẩu thả như thế, – một người nông dân nói, một người cao lớn với khuôn mặt tròn trịa, mỉm cười, cầm một chiếc tráp trang sức từ tay cô hầu gái. – Cái này cũng đáng tiền đấy. Sao ông lại ném nó như thế – phải buộc dây vào, nếu không nó sẽ bị cọ xát đấy. Tôi không thích thế đâu. Phải làm mọi thứ tử tế, theo đúng luật lệ. Đấy, cứ như thế này này, dưới tấm chiếu thô, rồi phủ cỏ khô lên, thế mới chuẩn.

– Kìa, nhìn đống sách này, sách kìa, – một người nông dân khác nói, đang khiêng những chiếc tủ thư viện của Công tước Andrei. – Đừng có móc vào đấy ! Nặng đấy, các cậu ạ ; sách to thật !

– Ừ, họ viết chứ không đi chơi đâu ! – người nông dân mặt tròn cao lớn nói một cách đầy ý nghĩa, chỉ vào những cuốn từ điển nằm ở trên cùng.

Rostov, không muốn ép buộc sự làm quen của mình với tiểu thư, đã không vào gặp cô mà ở lại trong làng đợi cô khởi hành. Đợi sau khi các xe ngựa của tiểu thư Marya ra khỏi nhà, Rostov lên ngựa và hộ tống cô đến tận con đường bị quân ta chiếm đóng, cách Bogucharovo mười hai dặm. Ở Yankovo, tại trạm dừng chân, anh cung kính từ biệt cô, lần đầu tiên cho phép mình hôn tay cô.

– Ngài thật là không biết ngại sao, – tiểu thư Marya trả lời một cách đỏ mặt trước lời cảm ơn của cô về việc cứu mạng (như cô gọi hành động của anh), – bất cứ viên cảnh sát nào cũng sẽ làm như vậy. Nếu chúng tôi chỉ phải chiến đấu với những người nông dân, chúng tôi đã không để kẻ thù tiến xa đến thế, – anh nói, cảm thấy ngượng ngùng vì điều gì đó và cố gắng chuyển chủ đề câu chuyện. – Tôi chỉ hạnh phúc vì đã có cơ hội được làm quen với tiểu thư. Vĩnh biệt tiểu thư, tôi chúc tiểu thư hạnh phúc và bình an và mong được gặp lại tiểu thư trong những hoàn cảnh vui vẻ hơn. Nếu tiểu thư không muốn làm tôi phải đỏ mặt, làm ơn đừng cảm ơn tôi nữa.

Nhưng tiểu thư, nếu không cảm ơn bằng lời nói, thì đã cảm ơn anh bằng toàn bộ vẻ rạng rỡ của khuôn mặt

mình vì lòng biết ơn. Cô không thể tin anh rằng cô không có gì để cảm ơn anh. Ngược lại, đối với cô, chắc chắn rằng nếu không có anh, cô chắc chắn đã phải bỏ mạng vì cả những kẻ nổi loạn và quân Pháp ; rằng anh, để cứu cô, đã tự dấn thân vào những nguy hiểm rõ ràng và khủng khiếp nhất ; và còn chắc chắn hơn nữa là anh là một người có tâm hồn cao quý và hào hiệp, người biết thấu hiểu hoàn cảnh và nỗi đau của cô. Đôi mắt nhân hậu, trung thực của anh với những giọt lệ dâng trào vào lúc cô tự mình khóc lóc kể với anh về sự mất mát của mình, đã không rời khỏi tâm trí cô.

Khi cô từ biệt anh và chỉ còn lại một mình, tiểu thư Marya bỗng cảm thấy lệ dâng trong mắt, và lần đầu tiên cô tự đặt cho mình một câu hỏi kỳ lạ : liệu mình có yêu anh không ?

Trên đường đi tiếp đến Moscow, mặc dù hoàn cảnh của tiểu thư chẳng có gì vui vẻ, Dunyasha, người ngồi cùng cô trong xe, đã không ít lần nhận thấy tiểu thư, thò đầu ra ngoài cửa sổ xe, mỉm cười một cách vừa rạng rỡ vừa buồn bã về điều gì đó.

«Thế nào, nếu như mình lại yêu anh ấy ?» tiểu thư Marya nghĩ.

Dù cảm thấy xấu hổ khi phải thừa nhận với bản thân rằng mình là người đầu tiên yêu một người đàn ông có lẽ sẽ không bao giờ yêu mình, cô vẫn tự an ủi mình bằng ý nghĩ rằng sẽ không ai biết được điều này và cô sẽ không có lỗi nếu cô yêu anh cho đến cuối đời mà không nói với ai về điều đó.

Đôi khi cô nhớ lại ánh mắt của anh, sự chia sẻ của anh, những lời nói của anh, và hạnh phúc dường như không phải là điều không thể đối với cô. Và chính lúc đó Dunyasha nhận thấy cô vừa nhìn ra cửa sổ xe vừa mỉm cười.

«Và nhất thiết phải đến Bogucharovo, và vào đúng phút giây này !» tiểu thư Marya nghĩ. «Và nhất thiết anh ấy phải là em trai của Natasha !» Và trong tất cả những điều này, tiểu thư Marya thấy ý muốn của Thiên Chúa.

Ấn tượng mà tiểu thư Marya để lại cho Rostov là một ấn tượng rất dễ chịu. Khi anh nhớ về cô, anh cảm thấy vui vẻ, và khi các đồng đội của anh, biết về cuộc phiêu lưu đã xảy ra với anh ở Bogucharovo, trêu chọc anh rằng anh, khi đi kiếm cỏ khô, đã vớ được một trong những cô dâu giàu có nhất nước Nga, Rostov đã nổi giận. Anh nổi giận chính vì ý nghĩ về việc kết hôn với tiểu thư Marya dịu dàng, với khối tài sản khổng lồ, đã

không ít lần nảy ra trong đầu anh trái với ý muốn của mình. Đối với bản thân, Nikolai không thể mong muốn một người vợ nào tốt hơn tiểu thư Marya : việc cưới cô sẽ làm nữ bá tước, mẹ anh, hạnh phúc, và sẽ vực dậy công việc của cha anh, và thậm chí – Nikolai cảm thấy điều đó – sẽ mang lại hạnh phúc cho tiểu thư Marya.

Nhưng còn Sonya ? Còn lời hứa đã trao ? Và chính vì điều này mà Rostov nổi giận khi người ta trêu chọc anh về tiểu thư Bolkonskaya.

XV

Sau khi tiếp nhận quyền chỉ huy các đạo quân, Kutuzov nhớ đến Công tước Andrei và gửi cho anh ta mệnh lệnh phải có mặt tại tổng hành dinh.

Công tước Andrei đến Tsarevo–Zaimishche vào đúng ngày và đúng giờ mà Kutuzov đang thực hiện cuộc duyệt binh đầu tiên. Công tước Andrei dừng lại ở làng gần nhà của vị linh mục, nơi xe của tổng tư lệnh đang đỗ, và ngồi trên ghế băng ở cổng, đợi lệnh bà Ngài, như mọi người vẫn gọi Kutuzov lúc bấy giờ. Ở cánh đồng sau làng, người ta nghe thấy tiếng nhạc trung đoàn, rồi tiếng reo hò «Ura !» rầm trời của một số lượng lớn các giọng nói dành cho vị tổng tư lệnh mới. Ngay tại cổng, cách Công tước Andrei khoảng mười bước chân, lợi dụng sự vắng mặt của công tước và thời tiết tuyệt đẹp, có hai người hầu cận, một người đưa tin và một quản gia đang đứng đó. Một viên trung tá kỵ binh hussar nhỏ nhắn, da sạm, mặt đầy râu quai nón và ria mép, lái ngựa đến cổng, và sau khi nhìn Công tước Andrei, hỏi: có phải lệnh bà Ngài đang ở đây và liệu ngài có sắp ra không ?

Công tước Andrei nói rằng anh không thuộc bộ tham mưu của lệnh bà Ngài và cũng vừa mới đến. Viên trung

tá hussar quay sang một người hầu cận ăn diện, và người hầu cận của tổng tư lệnh nói với anh ta bằng vẻ khinh miệt đặc trưng mà những người hầu cận của tổng tư lệnh thường dùng khi nói chuyện với các sĩ quan :

– Cái gì ? Lệnh bà Ngài hả ? Chắc là sắp ra rồi. Các ông cần gì ?

Viên trung tá hussar khẽ nhếch mép dưới bộ ria mép trước giọng điệu đó của người hầu cận, xuống ngựa, giao ngựa cho người lính phục vụ và đi đến chỗ Bolkonsky, khẽ cúi chào anh. Bolkonsky đứng sang một bên trên ghế băng. Viên trung tá hussar ngồi xuống cạnh anh.

– Cũng đang đợi tổng tư lệnh hả ? – viên trung tá hussar bắt đầu nói. – Người ta nói, tất cả mọi người đều có thể tiếp cận được, tạ ơn Chúa. Nếu không thì với lũ hàng xúc xích này thật là khổ ! Không phải vô cớ mà Ermolov đã xin làm người Đức. Bây giờ, có lẽ, sẽ được nói chuyện với người Nga. Chứ bọn họ thì ai mà biết được họ đã làm những gì. Tất cả đều rút lui – tất cả đều rút lui. Các ông đã tham gia chiến dịch à ? – anh ta hỏi.

– Tôi đã có vinh dự, – Công tước Andrei trả lời, – không chỉ tham gia cuộc rút lui, mà còn bị mất mát trong cuộc rút lui này tất cả những gì tôi quý trọng,

chưa kể đến các điền trang và ngôi nhà tổ tiên... người cha của tôi, người đã chết vì đau buồn. Tôi ở Smolensk.

– A ?.. Ngài là Công tước Bolkonsky ? Rất hân hạnh được làm quen : Trung tá Denisov, được biết đến nhiều hơn dưới cái tên Vaska, – Denisov nói, bắt tay Công tước Andrei và nhìn sâu vào mặt Bolkonsky với sự chú ý đặc biệt chân thành. – Phải, tôi có nghe nói, – anh ta nói với vẻ đồng cảm và sau khi im lặng một chút, tiếp tục : – Thế đấy, cuộc chiến tranh kiểu Scythia này. Tất cả thì tốt đấy, chỉ có điều là những người phải chịu trận lại chính là người của mình. À, ngài là Công tước Andrei Bolkonsky hả ? – Anh ta lắc đầu. – Rất hân hạnh, công tước, rất hân hạnh được làm quen, – anh ta nói thêm với một nụ cười buồn, lại bắt tay anh.

Công tước Andrei biết Denisov qua những câu chuyện kể của Natasha về người chồng chưa cưới đầu tiên của cô. Kỷ niệm này thật ngọt ngào và cay đắng, đưa anh về với những cảm giác đau đớn mà anh đã không còn nghĩ tới từ lâu, nhưng chúng vẫn còn đó trong tâm hồn anh. Thời gian gần đây có quá nhiều ấn tượng nghiêm trọng khác, như việc bỏ rơi Smolensk, việc anh đến Bald Hills, tin tức gần đây về cái chết của cha anh, – có quá nhiều cảm xúc đã trải qua đến nỗi những kỷ niệm này đã không còn tìm đến anh từ lâu, và khi chúng tìm

đến, chúng không còn tác động lên anh với sức mạnh như trước. Và đối với Denisov, chuỗi kỷ niệm gợi lại cái tên Bolkonsky là một quá khứ xa xăm và đầy chất thơ, khi anh, sau bữa tối và những bài hát của Natasha, mà bản thân không biết làm thế nào, đã ngỏ lời cầu hôn cô bé mười lăm tuổi. Anh mỉm cười với những kỷ niệm của thời kỳ đó và tình yêu dành cho Natasha, rồi ngay lập tức chuyển sang điều đang khiến anh say mê một cách mãnh liệt và duy nhất bây giờ. Đó là kế hoạch tác chiến mà anh đã nghĩ ra khi phục vụ trong các đội tiền tiêu trong cuộc rút lui. Anh trình bày kế hoạch này cho Barclay de Tolly và bây giờ dự định trình nó cho Kutuzov. Kế hoạch dựa trên thực tế là tuyến hành quân của quân Pháp quá kéo dài và thay vì hoặc cùng với việc tác chiến từ mặt trận, cần phải tác chiến vào các đường dây liên lạc của họ. Anh bắt đầu giải thích kế hoạch của mình cho Công tước Andrei.

– Họ không thể giữ vững toàn bộ tuyến đường này. Điều đó là không thể, tôi cam đoan với ngài, tôi đã thăm dò họ ; hãy cho tôi 500 người, tôi sẽ bẻ gãy họ, điều đó là chắc chắn ! Chỉ có một hệ thống thôi – chiến tranh du kích.

Denisov đứng dậy và thực hiện các cử chỉ, trình bày kế hoạch của mình cho Bolkonsky. Ở giữa cuộc trình

bày của anh là tiếng hò reo của quân đội, vang dội hơn, dồn dập hơn, lan rộng hơn và hòa quyện với âm nhạc và các bài hát, vẳng lại từ nơi đang duyệt binh. Trên đường làng vang lên tiếng vó ngựa và tiếng reo hò.

– Chính Ngài đang đến, – một người lính Cossack đứng ở cổng hét lên, – Ngài đang đến !

Bolkonsky và Denisov tiến ra cổng, nơi có một nhóm nhỏ binh sĩ (một đội danh dự) đang đứng, và họ nhìn thấy Kutuzov đang đi dọc theo con đường, cưỡi trên một con ngựa nhỏ màu hung. Một đoàn tùy tùng lớn gồm các tướng lĩnh đi sau ông. Barclay cũng cưỡi ngựa đi ngay cạnh ; một đám đông sĩ quan chạy theo họ và vây quanh họ, hét lớn «Ura !».

Phía trước ông, các sĩ quan tùy tùng phóng vào sân. Kutuzov, sốt ruột thúc con ngựa của mình đang đi nước kiệu một cách nặng nề, và không ngừng gật đầu, đưa tay lên chiếc mũ kỵ binh màu trắng (có vành màu trắng và không có vành che nắng) đội trên đầu. Tiến đến đội danh dự gồm những người lính ném lựu đạn bảnh bao, phần lớn là kỵ binh, đang chào ông, ông im lặng nhìn họ trong một phút với cái nhìn kiên định của người chỉ huy rồi quay lại phía đám đông các tướng lĩnh và sĩ quan đang đứng xung quanh mình. Khuôn mặt ông

bỗng mang một vẻ tinh tế ; ông nhún vai với một cử chỉ đầy thắc mắc.

– Và với những chàng trai như thế này mà lại phải rút lui và rút lui ! – ông nói. – Thôi, chào các ngài, tướng quân, – ông nói thêm và thúc ngựa đi qua cổng qua mặt Công tước Andrei và Denisov.

– Ura ! ura ! ura ! – những tiếng hò reo vang lên phía sau ông.

Kể từ lần cuối Công tước Andrei nhìn thấy ông, Kutuzov đã béo lên đáng kể, sệ xuống và đầy mỡ. Nhưng con mắt trắng quen thuộc, vết sẹo và vẻ mặt mệt mỏi trên khuôn mặt và vóc dáng vẫn như cũ. Ông mặc một chiếc áo khoác quân đội (có một sợi dây thừng mảnh treo trên vai) và một chiếc mũ kỵ binh màu trắng. Ông, đang thở một cách nặng nề và lắc lư, ngồi trên con ngựa nhỏ hoạt bát của mình. «Phù... phù... phù...» tiếng huýt sáo của ông nghe rõ mồn một khi ông tiến vào sân. Trên khuôn mặt ông hiện rõ vẻ thanh thản của một người định nghỉ ngơi sau một buổi lễ tân. Ông rút chân trái ra khỏi bàn đạp, ngã người ra sau bằng toàn bộ cơ thể và nhăn mặt vì nỗ lực, khó khăn lắm mới đưa được chân lên yên ngựa, tì vào đầu gối, rên lên và hạ mình xuống vòng tay của những người lính Cossack và các sĩ quan tùy tùng đang đỡ ông.

Ông trấn tĩnh lại, liếc nhìn xung quanh bằng đôi mắt nheo nheo và nhìn thấy Công tước Andrei, dường như không nhận ra anh, ông bước đi với dáng đi chúi về phía trước về phía thềm nhà. «Phù... phù... phù...» tiếng huýt sáo và lại liếc nhìn công tước Andrei. Ấn tượng về khuôn mặt của công tước Andrei chỉ sau vài giây (như thường xảy ra ở những người già) mới gắn kết được với ký ức về con người anh.

– A, chào công tước ; chào cậu thân mến ; đi thôi...– ông mệt mỏi nói, nhìn quanh, và nặng nề bước lên bậc thềm đang kêu răng rắc dưới trọng lượng của mình.

Ông cởi cúc áo và ngồi xuống chiếc ghế băng đặt trên bậc thềm.

– Thế nào, cha cậu sao rồi ?

– Hôm qua tôi nhận được tin về sự qua đời của ông cụ,– công tước Andrei trả lời ngắn gọn.

Kutuzov nhìn công tước Andrei với đôi mắt mở to sợ hãi, sau đó cởi mũ ca–lô và làm dấu thánh :

– Cầu chúc linh hồn ông cụ được về cõi thiên đàng! Nguyện xin ý Chúa được thực hiện trên tất cả chúng ta!– Ông thở dài nặng nề bằng cả lồng ngực và im lặng

một lát. – Ta đã rất yêu quý và kính trọng ông cụ, và hết lòng chia buồn với cậu.

Ông ôm lấy công tước Andrei, ép anh vào lồng ngực mập mạp của mình và giữ anh rất lâu không buông. Khi ông buông anh ra, công tước Andrei thấy đôi môi trễ xuống của Kutuzov đang run rẩy và có những giọt nước mắt trong mắt ông. Ông thở dài và dùng cả hai tay vịn vào ghế để đứng dậy.

– Đi thôi, đi vào chỗ ta, ta sẽ trò chuyện,– ông nói.

Nhưng đúng lúc này Denisov, người ít sợ hãi trước cấp trên cũng như trước quân thù, mặc dù các sĩ quan tùy tùng ở bậc thềm đang thì thầm giận dữ ngăn cản, vẫn mạnh dạn, thúc thúc đinh thúc ngựa kêu lạch cạch trên các bậc thang, bước lên thềm. Kutuzov, vẫn chống hai tay lên ghế, nhìn Denisov với vẻ không hài lòng. Denisov, sau khi xưng tên, tuyên bố rằng anh có một việc vô cùng quan trọng cần báo cáo với đức ngài vì lợi ích của tổ quốc. Kutuzov bắt đầu nhìn Denisov bằng ánh mắt mệt mỏi và với một cử chỉ bực bội, ông bỏ tay ra, khoanh tay trước bụng, nhắc lại : «Vì lợi ích của tổ quốc ? Nào, cái gì thế ? Nói đi». Denisov đỏ mặt như một thiếu nữ (thật lạ lùng khi thấy sự đỏ mặt trên khuôn mặt râu ria, già dặn và say sỉn đó) và bắt đầu trình bày một cách bạo dạn kế hoạch cắt đứt đường hành quân

của quân thù giữa Smolensk và Vyazma. Denisov từng sống ở những vùng này và biết rất rõ địa hình. Kế hoạch của anh chắc chắn là tốt, đặc biệt là ở sức thuyết phục mạnh mẽ có trong những lời nói của anh. Kutuzov nhìn chằm chằm vào đôi chân mình và thỉnh thoảng liếc nhìn ra sân của ngôi nhà bên cạnh, như thể ông đang đợi một điều gì đó khó chịu từ đó. Từ ngôi nhà mà ông đang nhìn, thực sự, trong lúc Denisov đang nói, xuất hiện một vị tướng với chiếc cặp dưới nách.

– Cái gì ? – Kutuzov nói xen vào giữa phần trình bày của Denisov, – đã xong rồi sao ?

– Đã xong, thưa đức ngài, – vị tướng nói.

Kutuzov lắc đầu, như thể muốn nói : «làm sao một người có thể kịp làm hết tất cả những việc này», và tiếp tục nghe Denisov.

– Tôi xin thề danh dự của một sĩ quan Nga, – Denisov nói, – rằng tôi sẽ cắt đứt đường dây liên lạc của Napoleon.

– Cậu với Kirill Andreevich Denisov, tổng quản hậu cần, là thế nào với nhau ? – Kutuzov ngắt lời anh.

– Chú của tôi, thưa đức ngài.

– Ồ ! Chúng ta đã từng là bạn của nhau, – Kutuzov vui vẻ nói. – Tốt, tốt lắm, cậu thân mến ; cứ ở lại đây, tại bản doanh ; ngày mai chúng ta sẽ trò chuyện.

Gật đầu với Denisov, ông quay đi và đưa tay về phía những xấp giấy mà Konovnitsyn mang đến cho ông.

– Đức ngài có vui lòng vào phòng không, – vị tướng trực nhật nói với giọng không hài lòng : – cần phải xem xét các bản đồ và ký một số giấy tờ.

Một sĩ quan tùy tùng bước ra từ cửa báo cáo rằng trong phòng mọi thứ đã sẵn sàng. Nhưng Kutuzov, rõ ràng, muốn vào phòng khi các phòng đã trống. Ông cau mày...

– Không, bảo mang ra đây, cậu thân mến, một cái bàn nhỏ ; ta sẽ xem ở đây, – Kutuzov nói. – Cậu đừng đi, – ông nói thêm, quay sang công tước Andrei.

Công tước Andrei ở lại trên bậc thềm, lắng nghe vị tướng trực nhật báo cáo.

Trong thời gian báo cáo, đằng sau cánh cửa ra vào, công tước Andrei nghe thấy tiếng thì thầm của phụ nữ và tiếng sột soạt của chiếc váy lụa phụ nữ. Vài lần liếc nhìn về hướng đó, anh nhận thấy sau cánh cửa, trong chiếc váy màu hồng và chiếc khăn lụa màu tím trên

đầu, một người phụ nữ đầy đặn, hồng hào và xinh đẹp với một chiếc đĩa, rõ ràng, đang đợi vị tổng tư lệnh bước vào. Sĩ quan tùy tùng thì thầm giải thích với công tước Andrei rằng đó là bà chủ nhà, vợ của linh mục, người đang có ý định dâng bánh mì và muối cho đức ngài. Chồng bà ta đã đón đức ngài với cây thánh giá ở nhà thờ, còn bà ta thì ở nhà... «Rất xinh xẻo», sĩ quan tùy tùng nói thêm với một nụ cười. Kutuzov quay lại nhìn những lời đó. Kutuzov lắng nghe báo cáo của vị tướng trực nhật (nội dung chính là sự chỉ trích vị trí tại Tsarevo–Zaimishche) cũng giống như cách ông đã nghe Denisov, cũng giống như cách ông đã nghe các cuộc tranh luận tại hội đồng chiến tranh Austerlitz bảy năm trước. Ông, rõ ràng, chỉ lắng nghe vì ông có đôi tai, mặc dù thực tế là trong một tai có một miếng bông biển, ông không thể không nghe thấy ; nhưng rõ ràng là không có gì trong số những gì vị tướng trực nhật có thể nói với ông có thể làm ông ngạc nhiên hoặc quan tâm, mà ông đã biết trước tất cả những gì họ sẽ nói với ông, và ông lắng nghe tất cả chỉ vì ông cần phải nghe, như cần phải nghe một bài hát cầu nguyện được hát. Tất cả những gì Denisov nói là đúng và thông minh. Những gì vị tướng trực nhật nói thậm chí còn đúng và thông minh hơn, nhưng rõ ràng là Kutuzov coi thường cả trí tuệ lẫn kiến thức và biết một điều gì đó khác có thể quyết định

vấn đề, – một điều gì đó khác, độc lập với trí tuệ và kiến thức. Công tước Andrei chăm chú theo dõi nét mặt của vị tổng tư lệnh, và biểu cảm duy nhất mà anh có thể nhận thấy ở ông là biểu cảm của sự buồn chán, sự tò mò về cái tiếng phụ nữ thì thầm đằng sau cánh cửa, và mong muốn giữ đúng phép tắc. Rõ ràng là Kutuzov coi thường trí tuệ, kiến thức và thậm chí cả lòng yêu nước mà Denisov đã thể hiện, nhưng ông không coi thường chúng bằng trí tuệ, không bằng cảm xúc, không bằng kiến thức (vì ông không hề cố gắng thể hiện chúng), mà ông coi thường chúng bằng một cái gì đó khác. Ông coi thường chúng bằng tuổi già của mình, bằng kinh nghiệm sống của mình. Một mệnh lệnh mà Kutuzov tự mình đưa ra trong báo cáo này liên quan đến việc cướp bóc của quân đội Nga. Vị tướng trực nhật ở cuối bản báo cáo đã trình đức ngài ký một tờ giấy về việc thu hồi từ các chỉ huy quân đội theo đơn khiếu nại của một điền chủ vì số yến mạch xanh đã bị cắt.

Kutuzov chép miệng và lắc đầu sau khi nghe xong việc này.

– Cho vào lò sưởi... cho vào lửa. Và ta nói với cậu một lần và mãi mãi, cậu thân mến, – ông nói, – tất cả những việc này hãy cho vào lửa. Cứ để họ cắt lúa mì và đốt củi để giữ sức khỏe. Ta không ra lệnh điều đó và

không cho phép, nhưng cũng không thể thu hồi được. Không có cái đó thì không thể được. Đốn cây thì vụn gỗ bay. – Ông liếc nhìn tờ giấy một lần nữa. – Ồ, sự ngăn nắp kiểu Đức ! – ông nói, lắc đầu.

XVI

Nào, bây giờ là xong tất cả, – Kutuzov nói, ký vào tờ giấy cuối cùng, và nặng nề đứng dậy, vuốt những nếp gấp trên chiếc cổ trắng trẻo, béo múp míp của mình, với khuôn mặt đã tươi tỉnh hơn, ông đi về phía cửa.

Vợ linh mục, với dòng máu dồn lên mặt, chộp lấy chiếc đĩa mà bà, mặc dù đã chuẩn bị từ lâu, vẫn không kịp dâng đúng lúc. Và với một cái cúi chào thấp, bà dâng nó cho Kutuzov.

Đôi mắt Kutuzov nheo lại ; ông mỉm cười, nắm lấy cằm bà và nói :

– Và thật là một người đẹp ! Cảm ơn bà, người đẹp.

Ông lấy từ trong túi quần rộng ra vài đồng tiền vàng và đặt lên đĩa cho bà. «Nào, bà sống thế nào ?» Kutuzov nói, đi về phía căn phòng dành riêng cho mình. Vợ linh mục, mỉm cười với đôi má lúm đồng tiền trên khuôn mặt hồng hào, đi theo ông vào phòng. Sĩ quan tùy tùng bước ra ngoài tới chỗ công tước Andrei trên bậc thềm và mời anh đi ăn sáng ; sau nửa giờ, công tước Andrei lại được gọi đến chỗ Kutuzov. Kutuzov đang nằm trên chiếc ghế bành trong chiếc áo đuôi tôm không cài cúc.

Ông đang cầm trong tay một cuốn sách tiếng Pháp và khi công tước Andrei bước vào, ông đã đánh dấu trang bằng một con dao, rồi gấp lại. Đó là cuốn «Les chevaliers du Cygne», tác phẩm của bà De Genlis, như công tước Andrei thấy trên bìa sách.

– Nào, ngồi xuống, ngồi xuống đây, ta hãy trò chuyện, – Kutuzov nói. – Buồn, buồn lắm. Nhưng hãy nhớ, bạn thân mến, rằng đối với cậu, ta là một người cha, một người cha thứ hai...

Công tước Andrei kể cho Kutuzov tất cả những gì anh biết về sự qua đời của cha mình, và về những gì anh đã thấy ở Lysye Gory khi đi qua đó.

– Đến mức nào... họ đã dẫn đến mức nào ! – Kutuzov bất ngờ nói với giọng xúc động, rõ ràng đã hình dung rõ ràng từ lời kể của công tước Andrei về tình cảnh mà nước Nga đang lâm vào.

– Hãy cho ta thời gian, hãy cho ta thời gian, – ông nói thêm với một vẻ mặt giận dữ, và rõ ràng không muốn tiếp tục cuộc trò chuyện khiến ông xúc động này, ông nói : – Ta đã gọi cậu đến để giữ cậu lại bên mình.

– Tôi cảm ơn đức ngài, – công tước Andrei trả lời, – nhưng tôi e rằng mình không còn phù hợp với các ban

tham mưu nữa, – anh nói với một nụ cười mà Kutuzov nhận thấy.

Kutuzov nhìn anh một cách dò hỏi.

– Và quan trọng nhất, – công tước Andrei nói thêm, – tôi đã quen với trung đoàn, tôi yêu mến các sĩ quan, và binh sĩ, dường như, cũng yêu mến tôi. Tôi sẽ rất tiếc nếu phải rời bỏ trung đoàn ! Nếu tôi từ chối vinh dự được ở bên đức ngài, thì xin hãy tin tôi...

Một biểu cảm thông minh, hiền hậu và đồng thời hơi mỉa mai hiện lên trên khuôn mặt béo phị của Kutuzov. Ông ngắt lời Bolkonsky.

– Ta tiếc, ta cần cậu ; nhưng cậu đúng, cậu đúng. Chúng ta không cần người ở đây. Những người cố vấn thì luôn luôn nhiều, nhưng quân lính thì không có. Những trung đoàn như thế sẽ không tồn tại nếu tất cả những người cố vấn đều phục vụ ở đó, trong các trung đoàn, như cậu. Ta nhớ cậu từ Austerlitz... Ta nhớ, ta nhớ, với lá cờ, ta nhớ, – Kutuzov nói, và một màu hồng hạnh phúc dâng lên mặt công tước Andrei khi nghe ký ức này.

Kutuzov kéo tay anh lại, chìa má ra cho anh, và một lần nữa công tước Andrei thấy nước mắt trong mắt ông

già. Mặc dù công tước Andrei biết rằng Kutuzov hay rơi nước mắt và ông đặc biệt vuốt ve và hối hận vì mong muốn bày tỏ sự thông cảm đối với sự mất mát của anh, nhưng đối với công tước Andrei, ký ức về Austerlitz vẫn thật ngọt ngào và đáng tự hào.

– Hãy đi với Chúa theo con đường của cậu. Ta biết, con đường của cậu – đó là con đường danh dự. – Ông im lặng một lát. – Ta đã rất hối hận về cậu ở Bucharest: ta đã phải gửi cậu đi. – Và, thay đổi cuộc trò chuyện, Kutuzov bắt đầu nói về cuộc chiến tranh Thổ Nhĩ Kỳ và về nền hòa bình đã ký kết. – Phải, ta đã bị chỉ trích không ít, – Kutuzov nói, – cả về cuộc chiến lẫn nền hòa bình... nhưng mọi thứ đều đến đúng lúc. Tout vient à point à celui qui sait attendre. Và ở đó những người cố vấn cũng không ít hơn ở đây đâu... – ông tiếp tục, quay lại với những người cố vấn, những người dường như đang chiếm lấy tâm trí ông. – Ôi, các cố vấn, cố vấn! – ông nói, – nếu nghe theo tất cả bọn họ, thì chúng ta đã không ký được hòa bình ở Thổ Nhĩ Kỳ và cuộc chiến đã không kết thúc. Tất cả phải nhanh chóng hơn, mà cái nhanh chóng đó lại dẫn đến sự kéo dài lâu. Nếu Kamensky không chết, ông ta đã bị tiêu diệt. Ông ta với ba mươi ngàn quân đã tấn công pháo đài. Chiếm pháo đài không khó, chiến thắng chiến dịch mới khó. Và vì điều đó không cần phải tấn công và công phá,

mà cần sự kiên nhẫn và thời gian. Kamensky đã gửi lính tới Rushchuk, còn ta chỉ gửi chúng (sự kiên nhẫn và thời gian) và ta đã chiếm được nhiều pháo đài hơn Kamensky, và bắt quân Thổ Nhĩ Kỳ ăn thịt ngựa. – Ông lắc đầu. – Và quân Pháp cũng sẽ phải như vậy, hãy tin lời ta, – Kutuzov nói một cách đầy nhiệt huyết, vỗ vào ngực mình, – họ sẽ ăn thịt ngựa ở chỗ ta. – Và đôi mắt ông lại đẫm lệ.

– Tuy nhiên, chắc chắn sẽ phải chấp nhận trận đánh chứ ? – công tước Andrei nói.

– Chắc chắn sẽ phải, nếu tất cả mọi người đều muốn điều đó ; không còn cách nào khác... Nhưng hãy tin ta, cậu thân mến : không có hai chiến binh nào mạnh hơn sự kiên nhẫn và thời gian ; họ sẽ làm tất cả. Nhưng các cố vấn n'entendent pas de cette oreille, voilà le mal. Một số người muốn, những người khác không muốn. Phải làm gì đây ? – ông hỏi, rõ ràng là đang chờ đợi câu trả lời. – Phải, cậu bảo ta phải làm gì ? – ông nhắc lại, và đôi mắt ông lấp lánh với một biểu cảm sâu sắc, thông minh. – Ta sẽ nói cho cậu biết phải làm gì, – ông nói, vì công tước Andrei vẫn không trả lời. – Ta sẽ nói cho cậu biết ta làm gì, và ta sẽ làm gì. Dans le doute, mon cher, – ông im lặng một lát, – abstiens toi, – ông nói một cách dứt khoát. – Nào, tạm biệt nhé, bạn thân mến ;

hãy nhớ rằng ta mang theo sự mất mát của cậu với tất cả linh hồn và rằng đối với cậu ta không phải là đức ngài, không phải là tổng tư lệnh, mà là cha của cậu. Nếu có gì cần, hãy đến thẳng chỗ ta. Tạm biệt, cậu thân mến !

Ông lại ôm và hôn anh. Và công tước Andrei còn chưa kịp bước ra khỏi cửa, Kutuzov đã thở dài một cách nhẹ nhõm và cầm lại cuốn tiểu thuyết chưa đọc xong của bà Genlis «Les chevaliers du Cygne».

Làm thế nào và tại sao điều đó đã xảy ra, công tước Andrei không thể giải thích được, nhưng sau cuộc gặp gỡ này với Kutuzov, anh đã trở lại trung đoàn của mình với sự an tâm về tiến trình chung của sự việc và về người mà nó đã được giao phó. Anh càng thấy sự thiếu vắng hoàn toàn bất kỳ điều gì mang tính cá nhân ở ông già này, người mà dường như chỉ còn lại những thói quen của các đam mê, và thay vì trí tuệ (thứ đang sắp xếp các sự kiện và đưa ra các kết luận), chỉ còn một khả năng quan sát bình tĩnh tiến trình của các sự kiện, thì anh càng thấy an tâm hơn rằng mọi thứ sẽ diễn ra như nó phải thế. «Ông ấy sẽ không có bất cứ cái gì của riêng mình. Ông ấy sẽ không nghĩ ra bất cứ điều gì, sẽ không thực hiện bất cứ hành động nào», công tước Andrei nghĩ, «nhưng ông ấy sẽ lắng nghe tất cả, sẽ ghi nhớ tất cả, sẽ đặt tất cả vào đúng vị trí của nó, sẽ không

cản trở bất cứ điều gì có ích và sẽ không cho phép bất cứ điều gì có hại. Ông ấy hiểu rằng có một cái gì đó mạnh mẽ hơn và quan trọng hơn ý chí của mình, – đó là tiến trình tất yếu của các sự kiện, và ông ấy biết cách nhìn thấy chúng, biết cách hiểu ý nghĩa của chúng và, xét theo ý nghĩa này, biết cách từ bỏ việc tham gia vào các sự kiện này, từ bỏ ý chí cá nhân của mình, hướng nó vào việc khác. «Và quan trọng nhất», công tước Andrei nghĩ, «tại sao mình lại tin tưởng ông ấy, đó là vì ông ấy là người Nga, mặc dù có cuốn tiểu thuyết của bà Genlis và các câu ngạn ngữ tiếng Pháp ; đó là vì giọng nói của ông ấy đã run lên khi ông ấy nói : «họ đã dẫn đến mức nào !» và vì ông ấy đã khóc khi nói về việc ông ấy sẽ «bắt họ ăn thịt ngựa».

Trên cùng một cảm xúc đó, mà mọi người đều cảm thấy ít nhiều mơ hồ, đã dựa trên sự nhất trí và sự chấp thuận chung đi kèm với việc bầu chọn Kutuzov làm tổng tư lệnh theo cách phản bác lại những ý đồ của triều đình.

XVII

Sau khi hoàng đế rời khỏi Moscow, cuộc sống ở Moscow vẫn tiếp diễn theo trình tự cũ, và tiến trình của cuộc sống này bình thường đến mức khó có thể nhớ lại những ngày đầy lòng nhiệt huyết yêu nước và sự phấn khích vừa qua, và khó có thể tin rằng nước Nga thực sự đang lâm nguy và rằng các thành viên của Câu lạc bộ Anh, cùng với các con trai của tổ quốc, đã sẵn sàng cho bất kỳ sự hy sinh nào. Một điều duy nhất gợi nhớ về niềm hưng phấn yêu nước hào hùng trước đây trong thời gian hoàng đế ở Moscow là yêu cầu đóng góp người và tiền bạc, những thứ này, ngay khi chúng được đưa ra, đã mang hình thức pháp lý, chính thức và dường như là không thể tránh khỏi.

Cùng với sự tiến gần của quân thù tới Moscow, cái nhìn của người dân Moscow về vị thế của họ không những không trở nên nghiêm túc hơn, mà ngược lại, lại càng trở nên phù phiếm hơn, như thường xảy ra với những người thấy mình đang tiến gần đến một mối nguy hiểm lớn. Khi mối nguy hiểm đến gần, luôn có hai tiếng nói vang lên đồng đều trong linh hồn con người: một tiếng nói luôn nói một cách hợp lý về việc con người nên cân nhắc kỹ về bản chất của mối nguy hiểm

và các phương tiện để thoát khỏi nó ; tiếng nói kia còn hợp lý hơn khi nói rằng việc nghĩ về mối nguy hiểm là quá nặng nề và đau đớn, trong khi việc dự đoán mọi thứ và tự cứu mình khỏi tiến trình chung của sự việc không nằm trong quyền hạn của con người, và vì vậy tốt hơn là nên quay lưng lại với những điều nặng nề cho đến khi chúng chưa xảy ra, và nghĩ về những điều dễ chịu. Trong sự cô độc, con người phần lớn nghe theo tiếng nói thứ nhất, trong xã hội, ngược lại, là tiếng nói thứ hai. Chính vì thế mà bây giờ, với các cư dân của Moscow. Đã lâu rồi người ta không vui vẻ như vậy ở Moscow như năm nay.

Những tờ áp–phích của Rostopchin với hình vẽ phía trên là một quán rượu, một người chủ quán và một người thợ Moscow là Karpushka Chigirin, người, sau khi đi lính và uống thêm một ly quá chén, nghe tin Bonaparte muốn tiến đánh Moscow, đã nổi giận, chửi rủa bằng những lời lẽ thậm tệ tất cả quân Pháp, bước ra khỏi quán rượu và bắt đầu nói chuyện với đám đông tụ tập dưới biểu tượng đại bàng, đã được đọc và thảo luận ngang hàng với những bài thơ đố chữ cuối cùng của Vasily Lvovich Pushkin.

Trong câu lạc bộ, ở căn phòng góc, người ta tụ tập để đọc những tờ áp–phích này, và một số người thích cách

Karpushka chế nhạo quân Pháp, nói rằng họ «bị trướng bụng vì bắp cải, bị vỡ bụng vì cháo, bị ngạt thở vì xúp, rằng tất cả họ đều là những kẻ lùn và một người đàn bà cầm chĩa cũng có thể quăng ba người bọn họ đi». Một số người không tán thành giọng điệu này và nói rằng nó tầm thường và ngu ngốc. Có người kể rằng Rostopchin đã đuổi tất cả người Pháp và thậm chí tất cả những người nước ngoài ra khỏi Moscow, rằng trong số họ có những gián điệp và đặc vụ của Napoleon ; nhưng họ kể chuyện này chủ yếu là để truyền đạt những lời lẽ dí dỏm do Rostopchin nói khi tiễn họ đi. Những người nước ngoài được đưa lên một chiếc thuyền lớn tới Nizhny, và Rostopchin đã nói với họ : «Rentrez en vous–même, entrez dans la barque et n'en faites pas une barque de Charon». Có người kể rằng người ta đã chuyển tất cả các cơ quan công quyền ra khỏi Moscow, và ngay lập tức thêm vào trò đùa của Shinshin, rằng chỉ vì điều này mà Moscow nên biết ơn Napoleon. Có người kể rằng Mamonov sẽ phải tốn 800 ngàn cho trung đoàn của mình ; rằng Bezukhov thậm chí còn chi nhiều hơn cho lính của mình ; nhưng điều tuyệt vời nhất trong hành động của Bezukhov là anh ta sẽ tự mình mặc quân phục và cưỡi ngựa đi trước trung đoàn và sẽ không thu bất cứ khoản tiền nào từ những người sẽ đến xem anh ta.

– Bà không làm ơn cho ai cả, – Julie Drubetskaya nói, vừa thu thập vừa dùng những ngón tay gầy guộc đeo đầy nhẫn của mình ép một đống bông vụn đã được xé ra.

Julie đang chuẩn bị rời khỏi Moscow vào ngày hôm sau và tổ chức một buổi tối chia tay.

– Bezukhov est ridicule, nhưng anh ta rất tốt, rất tử tế. Có gì vui khi trở nên caustique như vậy ?

– Phạt ! – một chàng trai trẻ mặc quân phục dân quân nói, người mà Julie gọi là «mon chevalier» và là người sẽ cùng cô đi tới Nizhny.

Trong xã hội của Julie, cũng như trong nhiều xã hội khác ở Moscow, người ta đã quy định chỉ nói tiếng Nga, và những người mắc lỗi nói tiếng Pháp đều phải nộp phạt vào quỹ đóng góp của ủy ban.

– Một khoản phạt khác vì lỗi dùng từ Pháp hóa, – một nhà văn Nga, người có mặt trong phòng khách, nói. – «Có gì vui» không phải là tiếng Nga.

– Bà không làm ơn cho ai cả, – Julie tiếp tục nói với người lính dân quân, không chú ý đến nhận xét của nhà văn. – Vì sự caustique mà bà có lỗi, – cô nói, – và tôi khóc, nhưng vì niềm vui được nói cho bà biết sự thật,

tôi sẵn sàng trả thêm tiền ; đối với những lỗi dùng từ Pháp hóa, tôi không chịu trách nhiệm, – cô quay sang nhà văn : – tôi không có cả tiền bạc, lẫn thời gian, như ở chỗ công tước Golitsyn, để thuê thầy dạy và học tiếng Nga. À, anh ta đây rồi, – Julie nói. – Quand on... Không, không, – cô quay sang người lính dân quân, – anh sẽ không bắt được tôi đâu. Khi người ta nói về mặt trời, họ sẽ thấy những tia sáng của nó, – bà chủ nhà nói, mỉm cười duyên dáng với Pierre. – Chúng tôi vừa mới nói về ông, – cô nói với sự xảo quyệt vốn có của những phụ nữ thượng lưu, – chúng tôi đã nói rằng trung đoàn của ông, chắc chắn, sẽ tốt hơn của Mamonov.

– Ồ, đừng nói với tôi về trung đoàn của tôi, – Pierre trả lời, hôn tay bà chủ nhà và ngồi xuống cạnh cô. – Nó khiến tôi quá mệt mỏi rồi.

– Ông chắc chắn sẽ tự mình chỉ huy nó chứ ? – Julie nói, liếc nhìn đầy ẩn ý và mỉa mai sang phía người lính dân quân.

Người lính dân quân có mặt Pierre đã không còn caustique như vậy nữa, và trên khuôn mặt anh ta hiện lên vẻ lúng túng về việc nụ cười của Julie có ý nghĩa gì. Mặc dù vẻ lơ đãng và tốt bụng của mình, con người Pierre đã ngay lập tức chấm dứt mọi nỗ lực chế giễu khi có mặt anh.

– Không, – Pierre vừa cười vừa trả lời, nhìn quanh thân hình to lớn, mập mạp của mình. – Tôi rất dễ bị quân Pháp bắt, vả lại tôi cũng sợ mình không trèo lên nổi ngựa.

Trong số những người được chọn làm chủ đề trò chuyện, xã hội của Julie đã nhắc đến nhà Rostov.

– Nói chung, người ta nói, công việc của họ rất tệ, – Julie nói. – Và ông ta cũng chẳng ra sao – bản thân bá tước ấy. Razumovsky muốn mua nhà và điền trang của ông ta ở ngoại ô Moscow, và tất cả việc này đang kéo dài : Ông ta đòi giá quá cao.

– Không, dường như, vài ngày tới sẽ bán thôi, – ai đó nói. – Mặc dù bây giờ việc mua bất cứ thứ gì ở Moscow thật là điên rồ.

– Tại sao ? – Julie nói. – Chẳng lẽ ông nghĩ rằng có mối nguy hiểm cho Moscow sao ?

– Tại sao ông lại đi ?

– Tôi à ? Thật lạ lùng. Tôi đi vì... nà, vì tất cả mọi người đều đi ; và sau đó – tôi không phải là Jeanne d'Arc và không phải là nữ chiến binh Amazon.

– Nào, đúng rồi, đúng rồi. Hãy cho tôi thêm ít vải vụn.

– Nếu ông ta có thể giải quyết được công việc, ông ta có thể trả hết nợ, – người lính dân quân tiếp tục nói về nhà Rostov.

– Ông già đó tốt bụng, nhưng rất pauvre sire. Và tại sao họ lại sống ở đây lâu thế ? Họ đã muốn đi về nông thôn từ lâu rồi. Natalie, dường như, bây giờ đã khỏe rồi? – Julie hỏi Pierre một cách ranh mãnh.

– Họ đang đợi con trai út, – Pierre nói. – Cậu ta đã vào lính kỵ mã Obolensky và đi đến Belaya Tserkov. Trung đoàn đang được thành lập ở đó. Và bây giờ họ đã chuyển cậu ta sang trung đoàn của tôi và đang đợi cậu ta mỗi ngày. Bá tước đã muốn đi từ lâu, nhưng nữ bá tước nhất quyết không đồng ý rời Moscow cho đến khi con trai về.

– Tôi đã thấy họ ba ngày trước ở nhà Arkharov. Natalie lại xinh đẹp và tươi tỉnh hơn rồi. Cô ấy đã hát một bản tình ca. Một số người thật dễ dàng vượt qua mọi chuyện !

– Vượt qua cái gì ? – Pierre hỏi với vẻ không hài lòng.

Julie mỉm cười.

– Ông biết đấy, bá tước, rằng những hiệp sĩ như ông, chỉ có trong các tiểu thuyết của bà Suza.

– Hiệp sĩ gì ? Tại sao ? – Pierre hỏi, mặt đỏ bừng.

– Nào, thôi nào, bá tước thân mến, c'est la fable de tout Moscou. Je vous admire, ma parole d'honneur.

– Phạt ! Phạt ! – người lính dân quân nói.

– Nào, được rồi. Không thể nói chuyện được, chán quá !

– Qu'est–ce qui est la fable de tout Moscou ? – Pierre nói, đứng dậy một cách giận dữ.

– Thôi nào, bá tước. Ông biết mà !

– Tôi không biết gì cả, – Pierre nói.

– Tôi biết, ông là bạn thân với Natalie, và vì vậy... Không, tôi luôn thân thiết với Vera hơn. Cette chère Véra.

– Non, madame, – Pierre tiếp tục với giọng không hài lòng. – Tôi hoàn toàn không nhận vai hiệp sĩ của tiểu thư Rostov, và đã gần một tháng nay tôi không đến nhà họ. Nhưng tôi không hiểu sự tàn nhẫn...

– Qui s'excuse – s'accuse, – Julie vừa mỉm cười vừa vẫy đống bông vụn, và để mình là người nói lời cuối cùng, cô lập tức thay đổi chủ đề. – Thế nào, hôm qua tôi mới biết : Marie Bolkonskaya đáng thương đã đến Moscow ngày hôm qua. Ông đã nghe chưa, cô ấy đã mất cha ?

– Thật sao ! Cô ấy ở đâu ? Tôi rất muốn được gặp cô ấy, – Pierre nói.

– Tôi đã dành cả buổi tối hôm qua với cô ấy. Hôm nay hoặc sáng mai cô ấy sẽ đi về ngoại ô Moscow với người cháu của mình.

– Thế nào, cô ấy thế nào ? – Pierre nói.

– Không có gì, buồn bã. Nhưng anh có biết ai đã cứu cô ấy không ? Đó là cả một tiểu thuyết. Nicolas Rostov. Cô ấy bị bao vây, họ muốn giết cô, làm bị thương người của cô. Anh ấy đã lao vào và cứu cô ấy...

– Lại một tiểu thuyết nữa, – người dân binh nói. – Thật sự, đây là một âm mưu chung được tạo ra để tất cả các cô dâu cũ đều đi lấy chồng. Catiche – một, tiểu thư Bolkonskaya – người kia.

– Anh biết không, tôi thực sự nghĩ rằng cô ấy hơi yêu anh chàng trẻ tuổi một chút.

– Phạt ! Phạt ! Phạt !

– Nhưng làm thế nào để nói điều đó bằng tiếng Nga ?

XVIII

Khi Pierre trở về nhà, người ta đưa cho anh hai tờ áp phích của Rastopchin mang đến trong ngày hôm đó.

Trong tờ thứ nhất nói về việc có tin đồn rằng Bá tước Rastopchin cấm rời khỏi Moscow là không công bằng và ngược lại, Bá tước Rastopchin vui mừng vì các bà các cô và vợ các thương gia đang rời khỏi Moscow. «Ít sợ hãi hơn, ít tin tức hơn», áp phích viết, «nhưng tôi thề bằng mạng sống của mình rằng kẻ gian ác sẽ không ở Moscow». Những lời này lần đầu tiên chỉ cho Pierre thấy rõ rằng người Pháp sẽ ở Moscow. Trong tờ áp phích thứ hai nói rằng bộ tham mưu của chúng ta ở Vyazma, rằng Bá tước Wittgenstein đã đánh bại người Pháp, nhưng vì nhiều cư dân muốn vũ trang, nên đã chuẩn bị sẵn vũ khí trong kho : kiếm, súng lục, súng trường mà cư dân có thể nhận được với giá rẻ. Giọng điệu của các tờ áp phích không còn đùa cợt như trong các cuộc trò chuyện ở Chigirin trước đây. Pierre suy nghĩ về những tờ áp phích này. Rõ ràng, đám mây bão khủng khủng khiếp đó, thứ mà anh đã triệu hồi bằng tất cả sức mạnh tâm hồn mình và đồng thời gây ra trong

anh một nỗi khiếp sợ vô thức, – rõ ràng, đám mây đó đang đến gần.

«Gia nhập quân ngũ và đi vào quân đội hay chờ đợi?» – Pierre tự hỏi mình câu hỏi này lần thứ một trăm. Anh lấy bộ bài đang nằm trên bàn và bắt đầu bói bài.

– Nếu quẻ bói này thành, – anh tự nói với mình, tráo bài, tay cầm bộ bài và nhìn lên trên, – nếu nó thành, có nghĩa là... có nghĩa là gì ?...

Anh chưa kịp quyết định xem điều đó có nghĩa là gì thì sau cửa phòng làm việc vang lên tiếng của tiểu thư cả, đang hỏi liệu có thể vào được không.

– Khi đó sẽ có nghĩa là tôi phải đi vào quân đội, – Pierre tự nhủ. – Mời vào, mời vào, – anh nói thêm, quay sang phía tiểu thư.

(Một tiểu thư cả, với dáng người dài và khuôn mặt thạch hóa, vẫn tiếp tục sống trong nhà Pierre ; hai cô em đã đi lấy chồng.)

– Xin lỗi, anh họ, vì tôi đã đến gặp anh, – cô nói với giọng trách móc – lo lắng. – Dù sao cũng phải, cuối cùng, quyết định một điều gì đó. Chuyện này sẽ ra sao ? Mọi người đã rời khỏi Moscow, và dân chúng đang nổi loạn. Tại sao chúng ta lại ở lại ?

– Ngược lại, mọi thứ, dường như, đều tốt đẹp, ma cousine, – Pierre nói với thói quen đùa cợt đó, thứ mà Pierre, người luôn cảm thấy lúng túng khi đóng vai người ban ơn trước mặt tiểu thư, đã hình thành đối với cô.

– Dạ, thật là tốt đẹp... tốt đẹp thay ! Hôm nay Varvara Ivanovna đã kể cho tôi nghe quân đội của chúng ta khác biệt như thế nào. Chắc chắn là có thể ghi nhận công lao. Vả lại dân chúng hoàn toàn nổi loạn, họ không thèm nghe lời nữa ; con bé của tôi cũng đã bắt đầu thô lỗ rồi. Chẳng mấy chốc họ sẽ đánh cả chúng ta nữa. Không thể đi lại trên đường phố được. Và cái chính là – nay mai người Pháp sẽ đến, chúng ta còn đợi gì nữa ? Tôi chỉ xin một điều thôi, mon cousin, – tiểu thư nói, – hãy ra lệnh đưa tôi đến Petersburg : tôi dù thế nào đi nữa, nhưng tôi không thể sống dưới chính quyền Bonaparte được.

– Thôi đủ rồi, cô em họ, cô lấy tin tức đó ở đâu ra? Ngược lại...

– Tôi sẽ không khuất phục trước Napoleon của anh đâu. Những người khác, tùy họ muốn thế nào... Nếu anh không muốn làm việc này...

– Dạ tôi sẽ làm, tôi sẽ ra lệnh ngay bây giờ.

Tiểu thư, rõ ràng, đang bực bội vì không có ai để giận. Cô vừa lẩm bẩm điều gì đó vừa ngồi xuống ghế.

– Nhưng người ta báo cáo với cô không đúng đâu, – Pierre nói. – Trong thành phố mọi thứ đều yên tĩnh, và không có nguy hiểm nào cả. Đây tôi vừa đọc xong... – Pierre cho tiểu thư xem các tờ áp phích. – Bá tước viết rằng ông ấy thề bằng mạng sống của mình rằng kẻ thù sẽ không ở Moscow.

– Ồ, ông bá tước của anh ấy, – tiểu thư nói với vẻ hung dữ, – đó là kẻ đạo đức giả, kẻ gian ác, kẻ đã tự mình kích động dân chúng nổi loạn. Chẳng lẽ không phải ông ta đã viết trong những tờ áp phích ngớ ngẩn này rằng, bất kể kẻ nào ở đó, hãy nắm tóc hắn đưa đến đồn cảnh sát (và thật là ngu ngốc !) ? Ai bắt được, người đó sẽ có danh dự và vinh quang. Thế là ông ta lại nịnh bợ dân chúng. Varvara Ivanovna kể rằng họ suýt giết chết người của bà ấy vì bà ấy nói tiếng Pháp...

– Dạ nhưng đúng là như vậy... Cô cứ quá để tâm mọi chuyện vào lòng, – Pierre nói và bắt đầu bày quẻ bói bài.

Mặc dù quẻ bói đã thành, Pierre vẫn không đi vào quân đội, mà ở lại Moscow đang vắng bóng người, vẫn trong trạng thái bồn chồn, thiếu quyết đoán, trong sợ

hãi và đồng thời trong niềm vui chờ đợi một điều gì đó khủng khiếp.

Ngày hôm sau, tiểu thư ra đi vào buổi chiều, và một quản gia đến gặp Pierre với tin tức rằng không thể có được số tiền cần thiết để trang bị cho trung đoàn trừ khi bán đi một điền trang. Viên quản gia nói chung trình bày với Pierre rằng tất cả những kế hoạch trung đoàn này chắc chắn sẽ làm anh phá sản. Pierre khó khăn lắm mới giấu được nụ cười khi nghe những lời của viên quản gia.

– Này, hãy bán đi, – anh nói. – Biết làm sao được, tôi không thể từ chối bây giờ !

Tình hình của mọi công việc càng tệ, và đặc biệt là công việc của anh, thì Pierre càng thấy dễ chịu hơn, càng thấy rõ ràng hơn rằng thảm họa mà anh chờ đợi đang đến gần. Hầu như không còn ai quen biết Pierre trong thành phố. Julie đã đi, tiểu thư Marya đã đi. Trong số những người thân thiết, quen thuộc chỉ còn lại nhà Rostov ; nhưng Pierre không đến gặp họ.

Trong ngày hôm đó, để giải trí, Pierre đã đi đến làng Vorontsovo để xem một quả khí cầu lớn mà Leppich đang chế tạo để tiêu diệt kẻ thù, và một quả khí cầu thử nghiệm sẽ được thả vào ngày mai. Quả khí cầu này vẫn

chưa sẵn sàng ; nhưng, như Pierre được biết, nó được chế tạo theo mong muốn của hoàng thượng. Hoàng thượng đã viết cho Bá tước Rastopchin về quả khí cầu này như sau :

«Ngay khi Leppich sẵn sàng, hãy lập cho ông ta một đội ngũ gồm những người đáng tin cậy và thông minh cho chiếc thuyền của ông ta và gửi một người đưa thư đến cho tướng Koutousoff để báo cho ông ấy biết. Tôi đã hướng dẫn ông ấy về việc này.

Hãy dặn Leppich, tôi xin ông, hãy hết sức chú ý đến nơi ông ta sẽ hạ cánh lần đầu tiên, để không bị nhầm lẫn và không rơi vào tay kẻ thù. Điều cấp thiết là ông ta phải phối hợp các chuyển động của mình với tổng tư lệnh».

Khi trở về nhà từ Vorontsovo và đi ngang qua quảng trường Bolotnaya, Pierre nhìn thấy một đám đông tại nơi hành hình, anh dừng lại và xuống xe. Đó là cuộc hành hình một đầu bếp người Pháp bị buộc tội làm gián điệp. Cuộc hành hình vừa kết thúc, và đao phủ đang cởi trói cho một người đàn ông to béo, rên rỉ thảm thiết, có râu quai nón hung đỏ, mặc tất xanh và áo chẽn màu xanh lá cây. Một tên tội phạm khác, gầy gò và nhợt nhạt, đang đứng ngay đó. Cả hai, nhìn qua nét mặt, đều

là người Pháp. Với vẻ sợ hãi đau đớn, tương tự như người gầy gò, Pierre lách qua đám đông.

– Chuyện gì vậy ? Ai ? Vì cái gì ? – anh hỏi.

Nhưng sự chú ý của đám đông – các quan chức, thị dân, thương gia, nông dân, những phụ nữ mặc áo choàng và áo lông – đều dồn vào những gì đang xảy ra tại nơi hành hình đến mức không ai trả lời anh. Người đàn ông to béo đứng dậy, cau mày, nhún vai, và rõ ràng muốn thể hiện sự cứng cỏi, anh ta bắt đầu mặc áo chẽn mà không nhìn quanh ; nhưng đột nhiên môi anh ta run rẩy, và anh ta bật khóc, tự giận mình, giống như những người lớn có tính khí nóng nảy thường khóc. Đám đông bắt đầu bàn tán xôn xao, như Pierre thấy, là để át đi cảm giác thương hại trong chính họ.

– Đầu bếp của vị công tước nào đó...

– Này, ông kia, có vẻ nước xốt thạch kiểu Nga không hợp khẩu vị người Pháp rồi... làm ê cả răng ? – một viên chức nhăn nheo đứng gần Pierre nói khi người Pháp bật khóc.

Viên chức nhìn quanh, rõ ràng là chờ đợi sự đánh giá cho câu đùa của mình. Một số người cười lớn, một số

nhìn đao phủ đang cởi quần áo cho người kia với vẻ sợ hãi.

Pierre thở khò khè, nhăn mặt và nhanh chóng quay lại, đi về phía xe, không ngừng lầm bầm một mình điều gì đó khi anh bước đi và ngồi vào xe. Trong suốt quãng đường, anh mấy lần giật mình và kêu lên to đến mức người đánh xe phải hỏi anh :

– Ngài ra lệnh gì ạ ?

– Anh định đi đâu vậy ? – Pierre hét lên với người đánh xe đang rẽ ra phố Lubyanka.

– Có lệnh đi đến chỗ tổng tư lệnh ạ, – người đánh xe trả lời.

– Đồ ngu ! Đồ súc vật ! – Pierre hét lên, điều hiếm khi xảy ra với anh, mắng nhiếc người đánh xe của mình. – Ta bảo về nhà ; và hãy đi nhanh lên, đồ ngốc. Hôm nay vẫn phải khởi hành, – Pierre tự nói với mình.

Pierre, khi nhìn thấy người Pháp bị trừng phạt và đám đông bao quanh nơi hành hình, cuối cùng đã quyết định rằng mình không thể ở lại Moscow lâu hơn được nữa và phải đi vào quân đội ngay trong ngày hôm nay, điều mà anh cảm thấy như mình đã nói hoặc định nói với

người đánh xe, hoặc là người đánh xe đáng lẽ phải biết điều đó.

Về đến nhà, Pierre ra lệnh cho người đánh xe Evstafyevich vạn năng của mình, người biết cả Moscow, về việc anh sẽ đi Mozhaysk vào ban đêm để vào quân đội, và lệnh cho những con ngựa cưỡi của mình phải được gửi đến đó. Tất cả những điều này không thể thực hiện được trong cùng một ngày, vì vậy theo đề nghị của Evstafyevich, Pierre phải hoãn chuyến đi sang ngày hôm sau để có thời gian cho những con ngựa trạm khởi hành.

Ngày 24, trời hửng sáng sau đợt thời tiết xấu, và vào ngày hôm đó sau bữa trưa, Pierre rời khỏi Moscow. Ban đêm, khi đang thay ngựa ở Perkhushkov, Pierre biết rằng tối hôm đó đã có một trận đánh lớn. Người ta kể rằng ở đây, tại Perkhushkov, đất rung chuyển vì những tiếng súng. Trước những câu hỏi của Pierre về việc ai thắng, không ai có thể trả lời anh. (Đây là trận đánh ngày 24 tại Shevardino.) Lúc bình minh, Pierre đang tiến gần đến Mozhaysk.

Tất cả các ngôi nhà ở Mozhaysk đều bị quân đội chiếm làm chỗ trọ, và tại quán trọ nơi người quản ngựa và người đánh xe của Pierre gặp anh, không còn chỗ trong các căn phòng : tất cả đều đầy ắp sĩ quan.

Ở Mozhaysk và phía sau Mozhaysk, quân đội đứng và đi khắp nơi. Lính Cossack, bộ binh, kỵ binh, xe chở đồ, thùng đạn, đại bác có thể nhìn thấy từ mọi phía. Pierre vội vã tiến lên phía trước, và càng rời xa Moscow, càng lún sâu vào biển quân đội này, anh càng bị bao vây bởi cảm giác lo âu và một cảm giác vui sướng mới mẻ chưa từng trải qua. Đó là một cảm giác tương tự như cảm giác mà anh đã trải qua tại cung điện Slobodskoy trong chuyến viếng thăm của hoàng đế, – cảm giác cần phải thực hiện một điều gì đó và hy sinh một điều gì đó. Lúc này anh đang trải qua một cảm giác dễ chịu khi biết rằng tất cả những gì cấu thành nên hạnh phúc của con người – sự tiện nghi của cuộc sống, sự giàu có, thậm chí cả chính mạng sống – đều là những thứ vô nghĩa mà thật dễ chịu khi vứt bỏ khi so sánh với một cái gì đó... Với cái gì, Pierre không thể tự giải thích cho mình, và anh cũng không cố gắng làm rõ, anh thấy mình thuộc về ai và vì mục đích gì anh thấy có một sức hấp dẫn đặc biệt khi hy sinh mọi thứ. Anh không quan tâm đến việc anh muốn hy sinh vì cái gì, nhưng chính sự hy sinh đó đã tạo nên một cảm giác vui sướng mới mẻ cho anh.

XIX

Ngày 24 là trận đánh tại pháo đài Shevardino, ngày 25 không có một phát súng nào từ phía này hay phía kia, ngày 26 đã diễn ra trận Borodino.

Tại sao và làm thế nào mà các trận đánh tại Shevardino và tại Borodino đã được đưa ra và chấp nhận ? Tại sao trận Borodino lại được đưa ra ? Nó không có một ý nghĩa nhỏ nhất nào đối với cả người Pháp lẫn người Nga. Kết quả trực tiếp nhất đã và đáng lẽ phải là – đối với người Nga là chúng ta đã tiến gần hơn đến sự sụp đổ của Moscow (điều mà chúng ta sợ nhất trên đời), và đối với người Pháp là họ đã tiến gần hơn đến sự sụp đổ của toàn bộ quân đội (điều mà họ cũng sợ nhất trên đời). Kết quả này lúc đó đã hoàn toàn rõ ràng, nhưng mặc dù vậy Napoleon đã đưa ra, và Kutuzov đã chấp nhận trận đánh này.

Nếu các chỉ huy quân sự được dẫn dắt bởi những lý do hợp lý, thì dường như phải rõ ràng đối với Napoleon rằng, bằng cách tiến sâu vào hai nghìn dặm và chấp nhận một trận đánh với khả năng rủi ro – tổn thất 1/4 quân đội, ông ta đang đi đến cái chết chắc chắn ; và cũng rõ ràng như vậy đối với Kutuzov rằng, bằng cách chấp nhận trận đánh và cũng mạo hiểm mất đi một phần

tư quân đội, ông ta chắc chắn sẽ mất Moscow. Đối với Kutuzov, điều này rõ ràng về mặt toán học, giống như rõ ràng rằng nếu trong trò chơi cờ đam tôi có ít hơn đối thủ một quân cờ và tôi đổi quân, tôi chắc chắn sẽ thua và do đó không nên đổi quân.

Khi đối thủ có 16 quân cờ, còn tôi có 14 quân, thì tôi chỉ yếu hơn ông ta một phần tám ; nhưng khi tôi đổi 13 quân cờ, thì ông ta sẽ mạnh gấp ba lần tôi.

Trước trận Borodino, lực lượng của chúng ta xấp xỉ so với quân Pháp là năm đối với sáu, và sau trận đánh – là một đối với hai, tức là trước trận đánh là 100 nghìn đối với 120 nghìn, và sau trận đánh là 50 đối với 100. Thế nhưng Kutuzov thông minh và dày dạn kinh nghiệm đã chấp nhận trận đánh. Napoleon, một chỉ huy thiên tài, như người ta gọi ông, đã đưa ra trận đánh, mất đi một phần tư quân đội và còn kéo dài đường dây của mình thêm nữa. Nếu người ta nói rằng, bằng cách chiếm Moscow, ông ta nghĩ rằng sẽ kết thúc chiến dịch như đã chiếm Vienna, thì đối với điều này đã có rất nhiều bằng chứng ngược lại. Chính các sử gia của Napoleon kể rằng ngay từ Smolensk ông ta đã muốn dừng lại, biết rõ sự nguy hiểm của vị trí kéo dài của mình và biết rằng việc chiếm Moscow sẽ không phải là kết thúc chiến dịch, vì từ Smolensk ông ta đã thấy các thành phố Nga bị người

Nga bỏ lại trong tình trạng như thế nào, và không nhận được một câu trả lời nào cho những tuyên bố lặp đi lặp lại của mình về mong muốn đàm phán.

Khi đưa ra và chấp nhận trận Borodino, Kutuzov và Napoleon đã hành động một cách vô thức và vô nghĩa. Còn các sử gia sau đó đã đưa ra những sự thật đã rồi với những bằng chứng ngụy tạo về sự dự đoán và thiên tài của các chỉ huy quân sự, những người trong số tất cả các công cụ vô thức của các sự kiện thế giới là những tác nhân nô lệ và vô thức nhất.

Người xưa đã để lại cho chúng ta những mẫu thơ anh hùng, trong đó các anh hùng chiếm toàn bộ mối quan tâm của lịch sử, và chúng ta vẫn chưa thể làm quen với việc lịch sử loại đó đối với thời đại nhân loại của chúng ta là không có ý nghĩa.

Đối với một câu hỏi khác – làm thế nào mà trận Borodino và trận Shevardino trước đó đã được đưa ra – tồn tại một quan niệm hoàn toàn xác định và mọi người đều biết, hoàn toàn sai lầm. Tất cả các sử gia mô tả sự việc như sau :

Quân đội Nga, như thể đang trong lúc rút lui khỏi Smolensk, tìm kiếm cho mình vị trí tốt nhất cho một

trận đánh tổng lực, và một vị trí như vậy đã được tìm thấy, như thể là, tại Borodino.

Người Nga, như thể là, đã củng cố trước vị trí này, ở phía bên trái con đường (từ Moscow đến Smolensk), theo một góc gần như vuông với nó, từ Borodino đến Utitsa, chính tại nơi mà trận đánh đã diễn ra.

Phía trước vị trí này, như thể là, đã được dựng lên để quan sát kẻ thù một tiền đồn kiên cố trên đồi Shevardino. Vào ngày 24, như thể là, Napoleon đã tấn công tiền đồn này và chiếm được nó ; vào ngày 26, ông ta đã tấn công toàn bộ quân đội Nga đang đứng ở vị trí trên cánh đồng Borodino.

Đó là cách nói trong các cuốn sử, và tất cả điều này là hoàn toàn không công bằng, điều mà bất kỳ ai muốn đi sâu vào thực chất của vấn đề đều có thể dễ dàng nhận thấy.

Người Nga không hề tìm kiếm vị trí tốt nhất, mà ngược lại, trong lúc rút lui, họ đã đi qua nhiều vị trí tốt hơn vị trí Borodino. Họ không dừng lại ở bất kỳ vị trí nào trong số này : cả vì Kutuzov không muốn chấp nhận một vị trí không phải do ông chọn, và vì yêu cầu của nhân dân về một trận đánh tổng lực vẫn chưa thể hiện đủ mạnh mẽ, và vì những lý do khác không thể đếm

xuể. Sự thật là – những vị trí trước đây mạnh hơn và vị trí Borodino (cái mà trận đánh diễn ra) không những không mạnh, mà hoàn toàn không phải là một vị trí ; tại sao vị trí này lại tốt hơn bất kỳ nơi nào khác trong Đế chế Nga, nơi mà người ta có thể chỉ bằng một cái ghim trên bản đồ một cách ngẫu nhiên.

Người Nga không những không củng cố vị trí của cánh đồng Borodino ở bên trái theo góc vuông với con đường (tức là nơi mà trận đánh diễn ra), mà họ còn chưa bao giờ nghĩ đến việc một trận đánh có thể diễn ra trước ngày 25 tháng 8 năm 1812 tại địa điểm này. Điều này được minh chứng, thứ nhất, bởi việc không chỉ vào ngày 25 mà ở địa điểm này không có các công sự, mà những công sự bắt đầu từ ngày 25 đã không được hoàn thành vào ngày 26 ; thứ hai, bởi vị trí của pháo đài Shevardino : pháo đài Shevardino, ở phía trước vị trí nơi trận đánh diễn ra, không có bất kỳ ý nghĩa nào. Tại sao pháo đài này lại được bảo vệ mạnh mẽ hơn tất cả các điểm khác ? Và để làm gì, khi bảo vệ nó vào ngày 24 cho đến tận đêm khuya, mọi nỗ lực đã cạn kiệt và sáu nghìn người đã hy sinh ? Để quan sát kẻ thù thì một toán lính tuần tiễu Cossack là đủ. Thứ ba, bằng chứng cho thấy vị trí mà trận đánh diễn ra không hề được dự đoán trước và pháo đài Shevardino không phải là điểm tiền tiêu của vị trí này, là việc Barclay de Tolly và Bagration

cho đến ngày 25 vẫn tin rằng pháo đài Shevardino là cánh trái của vị trí và chính Kutuzov trong báo cáo của mình, viết ngay sau trận đánh, gọi pháo đài Shevardino là cánh trái của vị trí. Mãi về sau, khi các báo cáo được viết một cách thong thả về trận Borodino, người ta mới nghĩ ra (có lẽ để biện minh cho những sai lầm của tổng tư lệnh, người phải là kẻ không bao giờ sai lầm) lời khai gian dối và kỳ lạ rằng pháo đài Shevardino phục vụ như một tiền đồn (trong khi nó chỉ là một điểm kiên cố của cánh trái) và như thể trận Borodino đã được chúng ta chấp nhận trên một vị trí đã được củng cố và chọn sẵn, trong khi nó diễn ra ở một nơi hoàn toàn không ngờ tới và hầu như không được củng cố.

Sự việc, rõ ràng, là thế này : vị trí đã được chọn dọc theo sông Kolocha, cắt ngang con đường lớn không phải theo góc vuông, mà theo một góc nhọn, sao cho cánh trái nằm ở Shevardino, cánh phải ở gần làng Novoye và trung tâm ở Borodino, tại nơi hợp lưu của sông Kolocha và Voyna. Vị trí này, dưới sự che chở của sông Kolocha, đối với quân đội có mục đích ngăn chặn kẻ thù đang di chuyển trên con đường Smolensk về phía Moscow, là rõ ràng đối với bất kỳ ai nhìn vào cánh đồng Borodino mà quên đi việc trận đánh đã diễn ra như thế nào.

Napoleon, khi rời khỏi Valuyevo vào ngày 24, đã không nhìn thấy (như các sử gia kể lại) vị trí của người Nga từ Utitsa đến Borodino (ông ta không thể nhìn thấy vị trí này vì nó không tồn tại) và không nhìn thấy tiền đồn của quân đội Nga, mà đã vấp phải hậu phương quân Nga đang truy đuổi – vào cánh trái của vị trí người Nga – tại pháo đài Shevardino, và bất ngờ đối với người Nga đã đưa quân vượt qua Kolocha. Và người Nga, chưa kịp tham gia vào một trận đánh tổng lực, đã rút lui bằng cánh trái của mình từ vị trí mà họ định chiếm, và chiếm một vị trí mới, vốn không được dự đoán trước và không được củng cố. Khi sang phía bên trái của Kolocha, chếch về phía trái con đường, Napoleon đã chuyển toàn bộ trận đánh tương lai từ bên phải sang bên trái (về phía người Nga) và đưa nó vào cánh đồng giữa Utitsa, Semenovskoye và Borodino (vào cánh đồng này, nơi không có gì thuận lợi hơn cho một vị trí so với bất kỳ cánh đồng nào khác ở Nga), và trên cánh đồng này đã diễn ra toàn bộ trận đánh ngày 26. Dưới dạng thô sơ, sơ đồ của trận đánh dự kiến và trận đánh đã diễn ra sẽ như sau :

Nếu Napoleon không đi ra vào tối ngày 24 đến Kolocha và không ra lệnh tấn công pháo đài ngay lập tức vào buổi tối, mà bắt đầu cuộc tấn công vào sáng ngày hôm sau, thì không ai nghi ngờ rằng pháo đài Shevardino là

cánh trái của vị trí chúng ta, và trận đánh sẽ diễn ra như chúng ta mong đợi. Trong trường hợp đó, chúng ta có lẽ sẽ bảo vệ pháo đài Shevardino kiên cường hơn – cánh trái của chúng ta ; đã tấn công Napoleon ở trung tâm hoặc bên phải, và vào ngày 24 đã diễn ra một trận đánh tổng lực trên vị trí đó, nơi đã được củng cố và dự đoán trước. Nhưng vì cuộc tấn công vào cánh trái của chúng ta diễn ra vào buổi tối sau khi hậu phương của chúng ta rút lui, tức là ngay sau trận đánh tại Gridnevo, và vì các chỉ huy quân sự Nga không muốn hoặc không kịp bắt đầu trận đánh tổng lực ngay lúc đó vào tối ngày 24, nên hành động đầu tiên và chính yếu của trận Borodino đã bị thua ngay từ ngày 24 và, rõ ràng, đã dẫn đến sự thất bại của cả trận đánh được đưa ra vào ngày 26.

Sau khi mất pháo đài Shevardino, sáng ngày 25 chúng ta thấy mình không có vị trí ở cánh trái và buộc phải đẩy cánh trái của mình lùi lại và vội vàng củng cố nó ở bất cứ nơi nào có thể.

Nhưng không chỉ có vậy, vào ngày 26 tháng 8, quân đội Nga chỉ đứng dưới sự bảo vệ của những công sự yếu ớt, chưa hoàn thiện, sự bất lợi của vị trí này còn tăng lên bởi việc các chỉ huy quân sự Nga, không thừa nhận hoàn toàn sự thật đã rồi (việc mất vị trí ở cánh trái và việc chuyển toàn bộ chiến trường tương lai từ phải

sang trái), vẫn giữ nguyên vị trí kéo dài của mình từ làng Novoye đến Utitsa và do đó phải chuyển quân của mình trong thời gian trận đánh từ phải sang trái. Như vậy, trong suốt thời gian trận đánh, người Nga đã phải đối mặt với toàn bộ quân đội Pháp hướng vào cánh trái của chúng ta, với lực lượng yếu hơn gấp đôi.

(Hành động của Poniatowski chống lại Utitsa và của Uvarov ở cánh phải quân Pháp là những hành động riêng biệt so với diễn biến của trận đánh). Như vậy, trận Borodino đã diễn ra hoàn toàn không như (cố gắng che giấu những sai lầm của các chỉ huy quân sự của chúng ta) người ta mô tả. Trận Borodino đã không diễn ra trên một vị trí đã chọn và củng cố với lực lượng chỉ hơi yếu hơn một chút từ phía người Nga, mà trận Borodino, do hậu quả của việc mất pháo đài Shevardino, đã được người Nga chấp nhận trên một địa hình mở, hầu như không được củng cố với lực lượng yếu hơn gấp đôi so với người Pháp, tức là trong những điều kiện như vậy mà không những không thể tưởng tượng nổi việc phải chiến đấu trong mười giờ đồng hồ và làm cho trận đánh không phân thắng bại, mà còn không thể tưởng tượng nổi việc giữ chân quân đội trong suốt ba giờ đồng hồ khỏi sự tan rã và tháo chạy hoàn toàn.

XX

Sáng ngày 25, Pierre rời khỏi Mozhaisk. Ở đoạn dốc xuống của một ngọn núi lớn, dốc và cong, dẫn từ thành phố đi qua ngôi nhà thờ nằm bên phải, nơi đang cử hành lễ và tiếng chuông đang vang lên, Pierre bước ra khỏi xe và đi bộ. Phía sau ông, một trung đoàn kỵ binh nào đó với những người hát đi đầu đang đi xuống núi. Ngược chiều với ông, một đoàn xe chở những người bị thương trong trận đánh hôm qua đang đi lên. Những người đánh xe – những người nông dân, vừa quát tháo ngựa vừa quất roi, chạy từ bên này sang bên kia. Những chiếc xe bò, trên đó nằm và ngồi ba hoặc bốn người lính bị thương, nhảy xóc trên những tảng đá được ném xuống làm mặt đường ở đoạn dốc cao. Những người bị thương, đầu quấn giẻ, tái nhợt, môi mím chặt và lông mày nhíu lại, bám vào thành xe, nhảy xóc và xô đẩy nhau trong xe. Hầu như tất cả đều nhìn chiếc mũ trắng và chiếc áo đuôi tôm màu xanh lá cây của Pierre với sự tò mò trẻ thơ ngây ngô.

Người đánh xe của Pierre giận dữ quát vào đoàn xe bị thương để họ đi dạt sang một bên. Một trung đoàn kỵ binh, với những bài hát, đi xuống núi, lấn sát vào chiếc xe ngựa của Pierre và choán hết đường. Pierre dừng lại,

ép mình vào mép con đường được đào sâu vào núi. Do vách núi dốc, mặt trời không chiếu tới được chỗ lõm của con đường – ở đây lạnh và ẩm ướt ; nhưng trên đầu Pierre là một buổi sáng tháng Tám rực rỡ và tiếng chuông vang lên vui vẻ. Một chiếc xe chở người bị thương dừng lại ở mép đường ngay cạnh Pierre. Người đánh xe đi giày cỏ, thở hổn hển, chạy đến chiếc xe của mình, đút một hòn đá xuống dưới bánh xe sau không có lốp và bắt đầu chỉnh lại cái dây dắt trên con ngựa gầy yếu đã dừng lại của mình.

Một người lính già bị thương, tay băng bó, đi sau chiếc xe, bám vào nó bằng cánh tay lành lặn và nhìn lại Pierre.

– Thế nào, đồng hương, họ sẽ đặt chúng tôi ở đây hay sao ? Hay là đến tận Moscow ? – ông ta nói.

Pierre mải suy nghĩ đến mức không nghe rõ câu hỏi. Ông nhìn lúc thì vào trung đoàn kỵ binh giờ đây đang gặp đoàn xe bị thương, lúc thì vào chiếc xe mà ông đang đứng cạnh, trên đó có hai người bị thương ngồi và một người nằm, và ông cảm thấy, rằng ở đó, trong họ, ẩn chứa lời giải cho câu hỏi đang chiếm lấy tâm trí ông. Một trong những người lính ngồi trên xe, có lẽ bị thương ở má. Toàn bộ đầu ông ta quấn giẻ, và một bên má sưng lên to bằng đầu trẻ con. Miệng và mũi ông ta

lệch sang một bên. Người lính này nhìn vào nhà thờ và làm phép. Một người khác, một chàng trai trẻ, một tân binh, tóc vàng và trắng trẻo, dường như hoàn toàn không còn máu trong khuôn mặt thanh tú, với nụ cười hiền lành đọng lại nhìn Pierre ; người thứ ba nằm sấp, và khuôn mặt ông ta không nhìn thấy được. Những kỵ binh hát hò đi qua ngay sát chiếc xe.

– Ôi ! Mất tiêu rồi... cái đầu nhím... Sống nơi đất khách quê người... – họ đang hát một bài hát lính nhảy múa.

Như để họa theo họ, nhưng theo một cung cách vui vẻ khác, tiếng chuông vang lên từ trên cao. Và lại theo một cách khác, những tia nắng ấm áp của mặt trời rưới xuống đỉnh vách núi đối diện. Nhưng dưới vách núi cạnh chiếc xe chở người bị thương, cạnh con ngựa nhỏ thở hổn hển nơi Pierre đang đứng, trời ẩm ướt, u ám và buồn bã.

Người lính với cái má sưng to nhìn giận dữ vào những kỵ binh hát hò.

– Ô kìa, những công tử bột ! – ông ta nói giọng trách móc.

– Ngày nay không chỉ có lính, mà cả dân cũng được thấy rồi ! Cả dân nữa, họ cũng bị lùa đi, – người lính với nụ cười buồn bã nói, đứng sau chiếc xe và quay sang Pierre. – Ngày nay họ không phân biệt... Họ muốn cả dân tộc cùng ập vào ; một từ thôi – Moscow. Họ muốn kết thúc một thể.

Mặc dù những lời của người lính không rõ ràng, Pierre đã hiểu tất cả những gì ông ta muốn nói, và gật đầu tán thành.

Con đường đã thông thoáng, và Pierre đi xuống núi và đi tiếp.

Pierre lái xe đi, nhìn sang hai bên đường, tìm kiếm những khuôn mặt quen thuộc và ở khắp nơi chỉ gặp những khuôn mặt quân nhân xa lạ thuộc đủ các binh chủng, đều nhìn với sự ngạc nhiên vào chiếc mũ trắng và chiếc áo đuôi tôm màu xanh lá cây của ông.

Đi được khoảng bốn dặm, ông gặp người quen đầu tiên và vui vẻ quay sang người đó. Người quen này là một trong những bác sĩ cấp cao trong quân đội. Ông ta ngồi trong một chiếc xe mui trần đi ngược chiều Pierre, ngồi cạnh một bác sĩ trẻ, và khi nhận ra Pierre, ông ta cho dừng người lính Cossack của mình lại, người đang ngồi trên ghế lái thay cho người đánh xe.

– Thưa bá tước ! Thưa ngài, sao ngài lại ở đây ? – bác sĩ hỏi.

– Vâng, tôi muốn đi xem...

– Vâng, vâng, sẽ có cái để xem đấy...

Pierre xuống xe và dừng lại, trò chuyện với bác sĩ, giải thích cho ông ta ý định tham gia vào trận đánh của mình.

Bác sĩ khuyên Bezukhov nên trực tiếp tìm gặp ngài điện hạ.

– Thượng đế mới biết ngài sẽ ở đâu trong lúc diễn ra trận đánh, trong sự mù mịt, – ông ta nói, liếc nhìn người bạn trẻ của mình, – nhưng ngài điện hạ dù sao cũng biết ngài và sẽ đón tiếp tử tế. Vậy nhé, bác nó, cứ làm như vậy, – bác sĩ nói.

Bác sĩ có vẻ mệt mỏi và vội vã.

– Ngài nghĩ thế sao... Tôi còn muốn hỏi ngài, vị trí chính xác nhất ở đâu ? – Pierre hỏi.

– Vị trí ư ? – bác sĩ nói, – việc đó không thuộc chuyên môn của tôi. Ngài cứ đi qua Tatarinovo, ở đó họ đang đào bới nhiều lắm. Ngài hãy lên gò đất : từ đó nhìn rõ lắm, – bác sĩ nói.

– Và có nhìn rõ từ đó không ?.. Nếu ngài...

Nhưng bác sĩ ngắt lời ông và tiến về phía chiếc xe của mình.

– Tôi muốn đưa ngài đi, nhưng thề có Chúa – đây này (bác sĩ chỉ vào cổ họng), tôi đang vội đến chỗ chỉ huy quân đoàn. Vì ngài biết đấy, thưa bá tước, ngày mai là trận đánh ; với một trăm nghìn quân, phải tính ít nhất là 20 nghìn người bị thương. Mà chúng tôi không có cáng, không có giường, không có nhân viên y tế, không có bác sĩ cho 6 nghìn người. Có 10 nghìn chiếc xe, nhưng cần những thứ khác nữa. Cứ làm theo cách ngài muốn thôi.

Cái ý nghĩ kỳ lạ rằng trong số hàng nghìn người đó, những người khỏe mạnh, trẻ và già, những người đang nhìn chiếc mũ của ông với sự ngạc nhiên vui vẻ, chắc chắn có 20 nghìn người bị định sẵn sẽ bị thương và chết (có lẽ chính là những người mà ông đã thấy), – đã làm Pierre kinh ngạc.

«Họ, có lẽ, sẽ chết vào ngày mai ; tại sao họ lại nghĩ về điều gì khác ngoài cái chết ?» Và bất ngờ, nhờ một sợi dây liên kết ý nghĩ bí ẩn nào đó, ông hình dung ra một cách sống động cảnh dốc xuống từ ngọn núi Mozhaisk, những chiếc xe chở người bị thương, tiếng

chuông, những tia nắng mặt trời xiên khoai và bài hát của những kỵ binh.

«Kỵ binh đi vào trận đánh và gặp những người bị thương và không một phút nào họ suy nghĩ về những gì đang chờ đợi mình, họ đi qua và nháy mắt với những người bị thương. Và từ tất cả 20 nghìn người này đều bị định sẵn cái chết, vậy mà họ lại ngạc nhiên trước chiếc mũ của mình ! Lạ thật !» Pierre nghĩ, tiếp tục hướng về phía Tatarinovo.

Tại nhà của một điền chủ, bên trái con đường, có những chiếc xe ngựa, xe vận tải, đám đông quân hầu và lính canh. Ở đó có ngài điện hạ. Nhưng vào lúc Pierre đến, ngài không có ở đó, và hầu như không có ai trong ban tham mưu. Tất cả đều đang đi dự lễ cầu nguyện. Pierre lái xe đi tiếp về phía Gorki.

Lên đến đỉnh đồi và đi vào một con phố nhỏ của ngôi làng, Pierre lần đầu tiên nhìn thấy những người nông dân – dân binh với những chữ thập trên mũ và mặc áo sơ mi trắng, họ đang nói chuyện và cười đùa ầm ĩ, sống động và đầy mồ hôi, đang làm việc gì đó bên phải con đường, trên một cái gò đất lớn mọc đầy cỏ.

Một số người trong số họ dùng xẻng đào đất trên núi, những người khác dùng xe cút kít chở đất đi theo các tấm ván, những người thứ ba đứng đó, chẳng làm gì cả.

Hai sĩ quan đứng trên gò đất, chỉ huy họ. Nhìn thấy những người nông dân này, những người rõ ràng đang vui vẻ với tình trạng quân sự mới của mình, Pierre lại nhớ đến những người lính bị thương ở Mozhaisk, và ông đã hiểu ra điều mà người lính đã muốn diễn đạt khi nói rằng cả dân tộc muốn cùng ập vào. Nhìn những người nông dân đang làm việc trên chiến trường này với những bộ râu xồm xoàm, với đôi ủng vụng về kỳ lạ của họ, với cái cổ đẫm mồ hôi và một số người có cổ áo sơ mi mở phanh, từ dưới đó lộ ra những xương quai xanh rám nắng, Pierre bị tác động mạnh mẽ hơn cả bởi những gì ông đã thấy và nghe cho đến tận lúc này về sự trọng đại và ý nghĩa của khoảnh khắc hiện tại.

XXI

Pierre bước ra khỏi xe và đi qua những dân binh đang làm việc để lên cái gò đất mà từ đó, như bác sĩ đã nói, có thể nhìn thấy chiến trường.

Lúc đó là khoảng 11 giờ sáng. Mặt trời đứng hơi lệch sang bên trái và phía sau Pierre, chiếu sáng rực rỡ qua bầu không khí trong lành, thưa thớt, một khung cảnh bao la hiện ra như một rạp hát vòng tròn trên địa hình đang dâng cao trước mặt ông.

Chạy ngược lên và sang trái qua rạp hát vòng tròn này, cắt ngang nó, là con đường Smolensk lớn, chạy qua một ngôi làng với nhà thờ màu trắng, nằm cách gò đất khoảng 500 bước về phía trước và thấp hơn (đó là Borodino). Con đường băng qua dưới ngôi làng qua một cây cầu và qua những đoạn dốc xuống và dốc lên lượn vòng ngày càng cao hơn tới ngôi làng Valuevo đang hiện ra cách đó sáu dặm (trong đó Napoleon đang đứng). Phía sau Valuevo, con đường biến mất trong một khu rừng đang ngả vàng trên đường chân trời. Trong khu rừng này, gồm cây bạch dương và cây thông, bên phải hướng của con đường, lấp lánh dưới ánh mặt trời là cây thánh giá và tháp chuông từ xa của tu viện Kolotsky. Khắp vùng xanh thẳm này, bên phải và bên trái của rừng

và con đường, ở những nơi khác nhau, có thể nhìn thấy những đống lửa đang bốc khói và những khối quân đội không xác định rõ của chúng ta và của kẻ thù. Bên phải, theo dòng chảy của sông Kolocha và Moskva, địa hình có nhiều khe rãnh và đồi núi. Giữa những khe rãnh đó, ở đằng xa, có thể nhìn thấy các ngôi làng Bezzubovo, Zakharino. Bên trái, địa hình bằng phẳng hơn, có những cánh đồng lúa mì, và có thể nhìn thấy một ngôi làng bị đốt cháy đang bốc khói – Semenovskaya.

Tất cả những gì Pierre nhìn thấy ở bên phải và bên trái đều không xác định đến mức không có bên trái hay bên phải nào của cánh đồng làm ông hoàn toàn hài lòng với hình dung của mình. Ở khắp nơi không phải là một bãi chiến trường mà ông mong đợi thấy, mà là những cánh đồng, những bãi cỏ, quân đội, rừng, khói từ những đống lửa, những ngôi làng, những gò đất, những con suối ; và dù Pierre cố gắng thế nào, ông cũng không thể tìm thấy vị trí chiến thuật trong vùng địa hình sống động này và thậm chí không thể phân biệt quân ta với quân địch.

«Cần phải hỏi một người hiểu biết», ông nghĩ và quay sang một sĩ quan đang nhìn hình dáng phi quân sự to lớn của ông với sự tò mò.

– Cho phép tôi hỏi, – Pierre quay sang sĩ quan, – ngôi làng ở phía trước là gì vậy ?

– Burdino hay gì đó ? – sĩ quan nói, quay sang hỏi người bạn của mình.

– Borodino, – người kia trả lời, sửa lại cho đúng.

Viên sĩ quan, rõ ràng là hài lòng với cơ hội được trò chuyện, tiến lại gần Pierre.

– Ở đó là quân ta phải không ? – Pierre hỏi.

– Vâng, còn đằng kia xa hơn là quân Pháp, – viên sĩ quan nói. – Kia kìa, họ kìa, có thể nhìn thấy được.

– Ở đâu ? Ở đâu ? – Pierre hỏi.

– Có thể nhìn thấy bằng mắt thường. Đây này.

Viên sĩ quan lấy tay chỉ vào những làn khói hiện ra bên trái phía sau con sông, và trên khuôn mặt ông ta hiện ra vẻ nghiêm khắc và nghiêm túc mà Pierre đã thấy trên nhiều khuôn mặt mà ông gặp.

– À, đó là quân Pháp ! Thế còn đằng kia ?.. – Pierre chỉ sang bên trái vào một cái gò đất, xung quanh đó có thể nhìn thấy quân đội.

– Đó là quân ta.

– À, quân ta ! Thế còn đằng kia ?.. – Pierre chỉ vào một gò đất xa hơn khác với một cái cây lớn cạnh một ngôi làng, hiện ra trong một khe rãnh, nơi cũng có khói bốc lên và có cái gì đó đen đen.

– Đó lại là hắn, – viên sĩ quan nói (đó là đồn lũy Shevardino). – Hôm qua nó là của ta, nhưng bây giờ là của hắn.

– Thế còn vị trí của chúng ta thì sao ?

– Vị trí ư ? – viên sĩ quan nói với nụ cười hài lòng, – tôi có thể kể cho ngài nghe một cách rõ ràng, vì tôi đã xây dựng hầu hết các công sự của chúng ta. Đây, ngài thấy đấy, trung tâm của chúng ta là ở Borodino, ngay đằng kia. – Ông ta chỉ vào ngôi làng với nhà thờ màu trắng, ở phía trước. – Ở đó là nơi vượt qua sông Kolocha. Đây này, ngài thấy đấy, nơi ở chỗ trũng còn nằm những hàng cỏ mới cắt, ở đó có một cây cầu. Đó là trung tâm của chúng ta. Cánh phải của chúng ta là ở đằng kia (ông ta chỉ mạnh sang bên phải, xa vào khe rãnh) ; ở đó có sông Moskva, và ở đó chúng tôi đã xây dựng ba đồn lũy rất mạnh. Cánh trái... – ở đây viên sĩ quan dừng lại. – Ngài thấy đấy, điều này thật khó giải thích cho ngài... Hôm qua cánh trái của chúng ta là ở đằng kia, tại Shevardino;

ngài thấy nơi có cây sồi không ; nhưng bây giờ chúng ta đã rút cánh trái về phía sau ; bây giờ kìa, ngài thấy ngôi làng và khói không, – đó là Semenovskoye ; vâng ở ngay đó, – ông ta chỉ vào gò đất của Raevsky. – Chỉ có điều trận đánh khó có thể diễn ra ở đây. Hắn đã chuyển quân tới đây, đó là một sự lừa dối ; hắn, chắc chắn, sẽ đi vòng từ bên phải Moscow. Tuy nhiên, dù ở đâu đi nữa, ngày mai sẽ không đếm xuể nhiều người đâu ! – viên sĩ quan nói.

Một viên hạ sĩ quan già, tiến lại gần viên sĩ quan trong lúc ông ta đang kể, lặng lẽ chờ đợi kết thúc bài nói của cấp trên ; nhưng ở chỗ này, rõ ràng là không hài lòng với những lời của viên sĩ quan, ông ta đã ngắt lời ông ta.

– Phải đi lấy giỏ sọt thôi, – ông ta nói một cách nghiêm nghị.

Viên sĩ quan dường như lúng túng, như thể ông ta hiểu rằng có thể nghĩ về việc ngày mai sẽ không đếm xuể bao nhiêu người, nhưng không nên nói về điều đó.

– Phải rồi, lại cho đội thứ ba đi đi, – viên sĩ quan vội vàng nói.

– Thế ngài là ai, không phải bác sĩ sao ?

– Không, tôi chỉ là vậy, – Pierre trả lời.

Và Pierre đi xuống núi một lần nữa đi qua những dân binh.

– À, đồ chết tiệt ! – viên sĩ quan đi sau ông nói, bịt mũi và chạy qua những người đang làm việc.

– Kia kìa !.. Đang khiêng, đang đi... Kia kìa... bây giờ sẽ tới... – bất chợt những tiếng nói vang lên, và các sĩ quan, binh lính và dân binh chạy về phía trước trên con đường.

Từ dưới chân núi phía Borodino một đoàn rước của nhà thờ đang đi lên. Đi đầu đoàn người trên con đường đầy bụi là bộ binh đi thành hàng lối với những chiếc mũ lính đã bỏ ra và súng hướng xuống dưới. Phía sau bộ binh nghe thấy tiếng hát của nhà thờ.

Vượt qua Pierre, không đội mũ, những dân binh chạy ngược chiều với những người đang đi.

– Họ đang kiệu Đức Mẹ ! Đấng Bảo hộ !.. Iverskaya!..

– Đức Mẹ Smolensk, – một người khác sửa lại.

Những dân binh, cả những người đã ở trong làng và những người đang làm việc trên khẩu đội, vứt bỏ xẻng, chạy ngược chiều với đoàn rước. Sau tiểu đoàn đi dọc

theo con đường đầy bụi là các giáo sĩ mặc áo lễ – một cụ già quấn khăn trên đầu với những người giúp việc và ca đoàn. Phía sau họ, các binh lính và sĩ quan khiêng một bức tượng lớn với khuôn mặt đen, trong khung chạm khắc. Đó là bức tượng được mang ra từ Smolensk và từ thời gian đó được quân đội mang theo. Phía sau bức tượng – xung quanh nó, phía trước nó, từ mọi phía – những đám đông quân nhân đi, chạy và cúi đầu sát đất với những cái đầu để trần.

Lên đến đỉnh đồi, bức tượng dừng lại ; những người giữ tượng bằng khăn tay thay phiên nhau, các thầy phó tế thắp lại bình hương, và buổi lễ cầu nguyện bắt đầu. Những tia nắng chói chang của mặt trời chiếu thẳng từ trên cao xuống ; một làn gió nhẹ, tươi mát vờn mái tóc của những cái đầu để trần và những dải băng trang trí bức tượng ; tiếng hát vang lên không quá lớn dưới bầu trời mở. Một đám đông khổng lồ, với những cái đầu để trần, các sĩ quan, binh lính, dân binh bao quanh bức tượng. Phía sau linh mục và thầy phó tế trên một khoảng đất trống là những người có chức quyền. Một vị tướng hói đầu với huy chương Saint George trên cổ đứng thẳng ngay sau lưng linh mục và, không làm phép (rõ ràng là người Đức), kiên nhẫn chờ đợi kết thúc buổi lễ mà ông ta coi là cần thiết phải nghe, có lẽ để kích thích lòng yêu nước của người dân Nga. Một vị

tướng khác đứng trong tư thế quân sự và vung tay trước ngực, nhìn quanh mình. Giữa vòng tròn quan chức này, Pierre, đứng trong đám đông nông dân, nhận ra một số người quen ; nhưng ông không nhìn họ : toàn bộ sự chú ý của ông bị thu hút bởi biểu cảm nghiêm trọng trên khuôn mặt của những người lính và dân binh trong đám đông này, họ đang nhìn chăm chú vào bức tượng với vẻ thèm muốn đồng nhất. Ngay khi những thầy phó tế mệt mỏi (họ đã hát buổi lễ cầu nguyện thứ hai mươi) bắt đầu hát một cách uể oải và quen thuộc : «xin hãy cứu giúp những nô lệ của Ngài khỏi tai ương, hỡi Đức Mẹ», và linh mục cùng thầy phó tế tiếp nối : «như thể tất cả chúng con tìm đến Ngài theo ý Chúa, như một bức tường và sự bảo trợ không thể phá vỡ», – trên mọi khuôn mặt đều bừng sáng lại cùng một biểu cảm nhận thức về tính trọng đại của phút giây sắp tới mà ông đã thấy dưới chân núi ở Mozhaisk và từng lúc trên nhiều và nhiều khuôn mặt mà ông gặp trong buổi sáng này; và những cái đầu cúi xuống thường xuyên hơn, mái tóc được hất lại và nghe thấy những tiếng thở dài cùng tiếng đập của các dấu thánh giá trên ngực.

Đám đông bao quanh bức tượng đột nhiên mở ra và ép sát Pierre. Một ai đó, có lẽ là một nhân vật rất quan trọng, xét theo sự vội vã mà mọi người tránh đường trước ông ta, đang tiến lại gần bức tượng.

Đó là Kutuzov, người đang đi kiểm tra vị trí. Ông, trên đường quay về Tatarinovo, đã đi đến buổi lễ cầu nguyện. Pierre nhận ra Kutuzov ngay lập tức qua dáng người đặc biệt, khác biệt với mọi người của ông.

Trong chiếc áo choàng dài trên thân hình to lớn, với cái lưng hơi khòm, với cái đầu bạc để trần và một con mắt trắng đã hỏng trên khuôn mặt sưng phồng, Kutuzov bước vào bằng dáng đi lắc lư, đu đưa của mình vào vòng tròn và dừng lại phía sau linh mục. Ông làm phép bằng một cử chỉ quen thuộc, đưa tay xuống chạm đất và, thở dài nặng nề, cúi cái đầu bạc của mình xuống. Sau Kutuzov là Bennigsen và đoàn tùy tùng. Mặc dù có sự hiện diện của vị tổng tư lệnh, người đã thu hút sự chú ý của tất cả các quan chức cấp cao, những dân binh và binh lính vẫn tiếp tục cầu nguyện mà không thèm nhìn ông ta.

Khi buổi lễ cầu nguyện kết thúc, Kutuzov tiến lại gần bức tượng, nặng nề quỳ xuống, cúi lạy sát đất, và một hồi lâu cố gắng đứng dậy vì sức nặng và sự yếu ớt. Cái đầu bạc của ông run rẩy vì những nỗ lực. Cuối cùng ông đứng dậy và với một cái mím môi trẻ thơ ngây ngô áp mình vào bức tượng và lại cúi lạy, chạm tay xuống đất. Giới tướng lĩnh theo gương ông ; sau đó là các sĩ quan,

và sau họ, xô đẩy nhau, với khuôn mặt xúc động, những binh lính và dân binh bò lết tới.

XXII

Chệnh choạng vì sự chen lấn bao quanh mình, Pierre nhìn quanh.

– Bá tước, Petr Kirilych ! Ngài làm gì ở đây thế ? – một giọng nói của ai đó vang lên.

Pierre nhìn lại. Boris Drubetskoy, đang phủi tay khỏi đầu gối vốn đã bị bẩn (có lẽ ông ta cũng đã áp mình vào bức tượng), mỉm cười tiến lại gần Pierre. Boris ăn mặc sang trọng, với một chút vẻ phong trần của người đi chiến trận : ông ta mặc một chiếc áo choàng dài và một cái roi quất qua vai, giống hệt như của Kutuzov.

Trong lúc đó, Kutuzov đi tới ngôi làng và ngồi xuống bóng râm của ngôi nhà gần nhất trên một chiếc ghế băng, mà một người lính Cossack đã vội vàng mang tới, và một người khác nhanh chóng phủ lên đó một tấm thảm nhỏ. Một đoàn tùy tùng rực rỡ bao quanh vị tổng tư lệnh.

Bức tượng đi tiếp, được đám đông đi theo. Pierre đi vài bước cách Kutuzov ba mươi bước và dừng lại, trò chuyện với Boris.

Pierre giải thích ý định tham gia trận đánh và quan sát vị trí của mình.

– Hãy làm thế này, – Boris nói. – Tôi sẽ đón tiếp ngài tại trại. Tốt nhất là ngài sẽ thấy tất cả từ chỗ bá tước Bennigsen. Vì tôi đang phục vụ chỗ ngài ấy. Tôi sẽ báo cáo với ngài ấy. Còn nếu ngài muốn đi kiểm tra vị trí, thì hãy đi cùng chúng tôi : chúng tôi bây giờ sẽ đi ra cánh trái. Rồi chúng ta sẽ quay về, và tôi xin mời ngài nghỉ đêm tại chỗ tôi, và chúng ta sẽ tổ chức một bữa tiệc. Ngài biết đấy, chúng ta đều quen biết với Dmitry Sergeevich cả. Ông ấy đang ở ngôi nhà thứ ba tại Gorki.

– Nhưng tôi muốn xem cánh phải ; họ nói nó rất mạnh, – Pierre nói. – Tôi muốn đi hết từ sông Moskva và toàn bộ vị trí.

– Vậy thì sau này ngài có thể đi được, nhưng cánh chính là cánh trái...

– Vâng, vâng. Thế trung đoàn của công tử Bolkonsky ở đâu, ngài có thể chỉ cho tôi không ? – Pierre hỏi.

– Andrey Nikolaevich ư ? Chúng ta sẽ đi ngang qua, tôi sẽ dẫn ngài đến chỗ anh ấy.

– Cánh trái thế nào rồi ? – Pierre hỏi.

– Nói thật với ngài, giữa chúng ta thôi, cánh trái của chúng ta Chúa mới biết đang ở trong tình trạng nào, – Boris nói, hạ thấp giọng một cách tin cẩn : – Bá tước Bennigsen hoàn toàn không định làm như vậy. Ông ấy định củng cố cái gò đất đằng kia, hoàn toàn không phải như thế này, nhưng... – Boris nhún vai, – ngài điện hạ không muốn, hoặc người ta đã nói xằng bậy với ngài ấy. Vì... – Và Boris không nói hết lời, bởi vì lúc đó Kaisarov, sĩ quan tùy tùng của Kutuzov, tiến lại gần Pierre. – A ! Paisiy Sergeevich, – Boris nói, quay sang Kaisarov với nụ cười tự nhiên. – Còn tôi đây đang cố gắng giải thích cho bá tước vị trí đây. Thật đáng ngạc nhiên khi ngài điện hạ có thể đoán đúng ý đồ của quân Pháp một cách chính xác như vậy !

– Ngài nói về cánh trái ư ? – Kaisarov hỏi.

– Vâng, vâng, chính xác như vậy. Bây giờ cánh trái của chúng ta rất, rất mạnh.

Mặc dù Kutuzov đã đuổi tất cả những người thừa ra khỏi tham mưu, Boris, sau những thay đổi do Kutuzov thực hiện, vẫn giữ được vị trí tại tổng hành dinh. Boris đã xin đi theo bá tước Bennigsen. Bá tước Bennigsen, giống như tất cả những người mà Boris từng phục vụ, coi chàng trai trẻ Drubetskoy là một người vô cùng quý giá.

Trong việc chỉ huy quân đội có hai phe rõ rệt, xác định : phe của Kutuzov và phe của Bennigsen, tham mưu trưởng. Boris thuộc phe thứ hai này, và không ai biết cách, giống như ông ta, thể hiện sự kính trọng nô lệ đối với Kutuzov, làm cho mọi người cảm thấy rằng ông lão già nua này kém cỏi và toàn bộ công việc đang được điều hành bởi Bennigsen. Bây giờ đã đến phút giây quyết định của trận đánh, phút giây phải tiêu diệt Kutuzov và chuyển giao quyền lực cho Bennigsen, hoặc thậm chí nếu Kutuzov thắng trận đánh, thì cũng làm cho mọi người cảm thấy rằng mọi thứ đều do Bennigsen thực hiện. Dù trong trường hợp nào, sau ngày mai, những phần thưởng lớn nhất sẽ phải được trao và những người mới sẽ được đưa lên hàng đầu. Và do đó Boris đang ở trong trạng thái phấn chấn sôi nổi suốt cả ngày này.

Sau Kaisarov, những người quen khác cũng tiến lại gần Pierre, và ông không kịp trả lời các câu hỏi về Moscow, những câu hỏi dồn dập về ông và cũng không kịp nghe các câu chuyện họ kể cho ông. Trên mọi khuôn mặt đều thể hiện sự phấn chấn và lo âu. Nhưng Pierre thấy rằng nguyên nhân của sự phấn chấn thể hiện trên một số khuôn mặt đó, nằm nhiều hơn ở các vấn đề về thành công cá nhân, và trong đầu ông cứ đọng lại một biểu cảm phấn chấn khác, không phải về cá nhân mà là chung chung, biểu cảm mà ông đã thấy trên các khuôn

mặt khác và nói về các câu hỏi về sự sống và cái chết. Kutuzov nhận thấy hình dáng của Pierre và nhóm người đang tập trung quanh ông.

– Hãy gọi ông ấy đến cho tôi, – Kutuzov nói.

Một sĩ quan tùy tùng truyền đạt ý muốn của ngài điện hạ, và Pierre tiến về phía ghế băng. Nhưng trước khi ông đến, một binh nhì dân binh, đó là Dolokhov, đã tiến lại gần Kutuzov.

– Tên này ở đâu ra đây ? – Pierre hỏi.

– Đó là cái gã quỷ quyệt, len lỏi khắp nơi ! – họ trả lời Pierre. – Vì hắn đã bị giáng chức mà. Bây giờ hắn cần phải nhảy lên thôi. Đã nộp một số đề án nào đó và bò lén vào tuyến quân địch ban đêm... Nhưng thật là một chàng trai cừ !..

Pierre cởi mũ, cung kính nghiêng mình trước Kutuzov.

– Tôi đã quyết định rằng nếu tôi báo cáo với ngài điện hạ, ngài có thể đuổi tôi đi hoặc nói rằng ngài đã biết những gì tôi báo cáo, và khi đó tôi sẽ không mất gì cả... – Dolokhov nói.

– Đúng, đúng.

– Còn nếu tôi đúng, tôi sẽ mang lại lợi ích cho tổ quốc, vì điều đó tôi sẵn sàng chết.

– Đúng... đúng...

– Và nếu đức ngài cần một người không tiếc thân mình, thì xin hãy nhớ đến tôi... Có thể tôi sẽ giúp ích được cho đức ngài.

– Thế... thế... – Kutuzov lặp lại, đôi mắt nheo lại cười nhìn chằm chằm vào Pierre.

Lúc này Boris, với sự khéo léo nơi cung đình của mình, đã tiến đến bên cạnh Pierre để tiếp cận cấp trên và với vẻ tự nhiên nhất, anh ta nói nhỏ với Pierre như thể đang tiếp tục cuộc trò chuyện đã bắt đầu :

– Những người dân quân – họ đã mặc những chiếc áo sơ mi trắng tinh để chuẩn bị cho cái chết. Thật là anh hùng, thưa bá tước !

Boris nói điều này với Pierre rõ ràng là để cho đức ngài nghe thấy. Anh ta biết rằng Kutuzov sẽ chú ý đến những lời này, và quả thực đức ngài đã quay sang anh ta :

– Anh nói gì về dân quân ? – ông hỏi Boris.

– Thưa đức ngài, họ đang chuẩn bị cho ngày mai, cho cái chết, họ đã mặc những chiếc áo sơ mi trắng.

– A !.. Một dân tộc tuyệt vời, không gì sánh bằng ! – Kutuzov nói, và nhắm mắt lại, ông lắc đầu. – Một dân tộc không gì sánh bằng ! – ông lặp lại với một tiếng thở dài.

– Anh muốn ngửi mùi thuốc súng chứ ? – ông nói với Pierre. – Phải, một mùi hương dễ chịu. Tôi hân hạnh được là người ngưỡng mộ vợ anh, bà ấy có khỏe không? Trạm dừng chân của tôi luôn sẵn sàng phục vụ anh.

Và, như thường lệ xảy ra với những người già, Kutuzov bắt đầu nhìn quanh một cách lơ đãng, như thể quên mất tất cả những gì ông cần nói hoặc làm.

Rõ ràng, nhớ lại những gì mình đang tìm kiếm, ông vẫy Andrei Sergeyevich Kaisarov, anh trai của viên sĩ quan tùy tùng của mình, lại gần.

– Thế nào, thế nào là những câu thơ của Marin? Những câu thơ đó thế nào ? Ông ấy đã viết gì về Gerakov: «Ngài sẽ là thầy giáo trong quân đoàn...» Nói đi, nói đi, – Kutuzov bắt đầu nói, rõ ràng là định cười nhạo.

Kaisarov đọc... Kutuzov vừa mỉm cười vừa gật đầu theo nhịp điệu của những câu thơ.

Khi Pierre rời khỏi Kutuzov, Dolokhov tiến lại gần, nắm lấy tay anh.

– Rất vui được gặp anh ở đây, thưa bá tước, – anh ta nói to và không hề e ngại sự hiện diện của những người lạ, với một sự quyết đoán và trang trọng đặc biệt. – Vào đêm trước của ngày mà Chúa mới biết ai trong chúng ta sẽ còn sống, tôi rất vui khi có dịp được nói với anh rằng tôi rất tiếc về những hiểu lầm đã xảy ra giữa chúng ta, và tôi muốn anh không còn ác cảm gì với tôi. Xin hãy tha lỗi cho tôi.

Pierre mỉm cười nhìn Dolokhov, không biết phải nói gì với anh ta. Dolokhov với những giọt nước mắt trào ra trong mắt, đã ôm và hôn Pierre.

Boris nói gì đó với vị tướng của mình, và bá tước Bennigsen quay sang Pierre đề nghị cùng đi dọc theo chiến tuyến.

– Anh sẽ thấy điều đó thú vị, – ông nói.

– Vâng, rất thú vị, – Pierre nói.

Nửa giờ sau, Kutuzov lên đường đi Tatarinovo, còn Bennigsen cùng đoàn tùy tùng, trong đó có Pierre, đi dọc theo chiến tuyến.

XXIII

Bennigsen từ Gorki đi xuống con đường lớn đến cây cầu mà viên sĩ quan trên gò đất đã chỉ cho Pierre là trung tâm của vị trí, và nơi trên bờ sông có những hàng cỏ mới cắt thơm nồng. Qua cầu, họ đi vào làng Borodino, từ đó rẽ trái và đi ngang qua một lượng lớn binh lính và đại bác, đi đến một gò đất cao, nơi dân quân đang đào đất. Đó là một đồn lũy, lúc đó chưa có tên, sau này được gọi là đồn lũy Raevsky, hay là khẩu đội trên gò đất.

Pierre không chú ý đặc biệt đến đồn lũy này. Anh không biết rằng nơi này sẽ trở nên đáng nhớ nhất đối với anh trong tất cả các địa điểm trên cánh đồng Borodino. Sau đó, họ đi qua một khe vực đến Semenovskoye, nơi binh lính đang tháo dỡ những khúc gỗ cuối cùng của các ngôi nhà gỗ và kho lúa. Sau đó, họ xuống dốc rồi lại lên dốc, đi qua một cánh đồng lúa mạch đen bị giẫm nát, bị tàn phá bởi mưa đá, dọc theo con đường mới được pháo binh mở ra qua những luống cày của cánh đồng đến các pháo đài tiền tiêu, lúc đó cũng đang được đào.

Bennigsen dừng lại ở các pháo đài tiền tiêu và bắt đầu nhìn về phía trước (nơi trước đây là của quân ta)

đồn lũy Shevardino, nơi có thể nhìn thấy vài kỵ sĩ. Các sĩ quan nói rằng Napoleon hoặc Murat đang ở đó. Và tất cả đều háo hức nhìn vào nhóm kỵ sĩ đó. Pierre cũng nhìn về phía đó, cố gắng đoán xem ai trong số những người vừa mới lộ diện là Napoleon. Cuối cùng các kỵ sĩ xuống khỏi gò đất và biến mất.

Bennigsen quay sang một vị tướng vừa tiến lại gần và bắt đầu giải thích toàn bộ vị trí quân ta. Pierre lắng nghe những lời của Bennigsen, căng hết trí lực để hiểu được bản chất của trận chiến sắp tới, nhưng anh cảm thấy buồn bã vì khả năng trí tuệ của mình không đủ cho việc này. Anh chẳng hiểu gì cả. Bennigsen ngừng nói và, nhận thấy dáng vẻ đang lắng nghe của Pierre, đột nhiên quay sang anh :

– Tôi nghĩ việc này không thú vị với anh chứ ?

– Ồ, ngược lại, rất thú vị ! – Pierre lặp lại không hoàn toàn thành thật.

Từ các pháo đài tiền tiêu, họ đi tiếp theo con đường về phía trái, uốn lượn qua một khu rừng bạch dương rậm rạp nhưng không cao. Ở giữa khu rừng này, một con thỏ nâu với đôi chân trắng nhảy ra đường trước mặt họ và, sợ hãi bởi tiếng vó ngựa của một số lượng lớn ngựa, đã bối rối đến mức nhảy dọc theo con đường

phía trước họ trong một thời gian dài, thu hút sự chú ý và tiếng cười của mọi người, và chỉ khi có vài tiếng hét vang lên hướng về nó, nó mới lao sang một bên và biến mất trong bụi rậm. Đi tiếp hai dặm qua khu rừng, họ ra đến một bãi đất trống, nơi quân đoàn của Tuchkov đang đứng, có nhiệm vụ bảo vệ cánh trái.

Tại đây, ở tận cùng cánh trái, Bennigsen đã nói rất nhiều và sôi nổi, đồng thời thực hiện một mệnh lệnh mà theo Pierre thấy là rất quan trọng về mặt quân sự. Phía trước vị trí của quân Tuchkov có một gò đất cao. Gò đất này không được quân ta chiếm giữ. Bennigsen lớn tiếng chỉ trích sai lầm này, nói rằng thật điên rồ khi để trống một điểm cao chỉ huy địa hình như vậy và không đặt quân dưới đó. Một số vị tướng cũng bày tỏ ý kiến tương tự. Một người đặc biệt sôi nổi về quân sự đã nói rằng họ bị đặt ở đây để chờ chết. Bennigsen nhân danh mình ra lệnh chuyển quân lên cao điểm đó.

Mệnh lệnh này ở cánh trái càng khiến Pierre nghi ngờ khả năng hiểu biết việc quân sự của mình. Nghe Bennigsen và các vị tướng chỉ trích vị trí của quân dưới chân núi, Pierre hoàn toàn hiểu và đồng tình với ý kiến của họ ; nhưng chính vì thế mà anh không thể hiểu được làm thế nào người đã đặt họ ở đó dưới chân núi lại có thể phạm một sai lầm rõ ràng và thô thiển như vậy.

Pierre không biết rằng những đội quân này được đặt ở đó không phải để bảo vệ vị trí như Bennigsen nghĩ, mà được đặt ở một nơi kín đáo để phục kích, tức là để không bị nhìn thấy và bất ngờ đánh vào quân địch đang tiến tới. Bennigsen không biết điều này và đã chuyển quân về phía trước theo những tính toán riêng của mình mà không nói gì với tổng tư lệnh.

XXIV

Công tước Andrei vào buổi tối tháng Tám trong trẻo ngày 25 này đang nằm, tựa tay lên khuỷu tay, trong một nhà kho bị đổ nát ở làng Kniazkovo, bên rìa vị trí của trung đoàn mình. Qua lỗ hổng ở bức tường bị vỡ, anh nhìn vào dải cây bạch dương ba mươi năm tuổi với những cành dưới bị chặt bớt dọc theo hàng rào, vào cánh đồng cày với những đống lúa mạch đen bị đánh nát và vào bụi rậm, nơi có thể thấy khói từ các đống lửa – bếp ăn của binh lính.

Dù cuộc sống hiện tại có vẻ chật hẹp, không cần thiết và không nặng nề đối với công tước Andrei, anh vẫn cảm thấy lo lắng và cáu kỉnh như bảy năm trước ở Austerlitz, vào đêm trước của trận đánh.

Mệnh lệnh cho trận chiến ngày mai đã được đưa ra và nhận được. Anh không còn việc gì để làm nữa. Nhưng những ý nghĩ, những ý nghĩ đơn giản nhất, rõ ràng nhất và vì thế đáng sợ nhất, không để anh yên. Anh biết rằng trận chiến ngày mai sẽ là trận chiến đáng sợ nhất trong tất cả những trận mà anh đã tham gia, và khả năng cái chết lần đầu tiên trong đời hiện ra trước anh một cách trần trụi, không có bất kỳ mối quan hệ nào với đời sống xã hội, không có những tính toán về việc nó sẽ tác động

thế nào đến người khác, mà chỉ liên quan đến chính anh, đến linh hồn anh, một cách sống động, gần như chắc chắn, đơn giản và khủng khiếp. Và từ đỉnh cao của quan niệm này, tất cả những gì trước đây làm khổ và chiếm lấy tâm trí anh đột nhiên được soi sáng bởi một luồng ánh sáng lạnh lẽo, trắng xóa, không có bóng tối, không có triển vọng, không có sự khác biệt về đường nét. Toàn bộ cuộc đời hiện ra trước anh như một chiếc đèn lồng ma thuật, mà qua đó anh đã nhìn lâu qua lớp kính và dưới ánh sáng nhân tạo. Giờ đây anh đột nhiên thấy không có kính, dưới ánh sáng ban ngày rực rỡ, những hình ảnh vẽ vụng về này. «Phải, phải, đây chính là chúng, những hình ảnh giả dối đã từng làm mình xúc động, ngưỡng mộ và đau khổ», anh tự nói với mình, điểm lại trong trí tưởng tượng những hình ảnh chính của chiếc đèn lồng ma thuật cuộc đời mình, giờ đây nhìn chúng dưới ánh sáng ban ngày lạnh lẽo, trắng xóa này – ánh sáng của cái chết. «Đây rồi, những hình vẽ vụng về này, vốn dĩ từng hiện ra một cách tuyệt vời và bí ẩn. Danh vọng, công ích, tình yêu với phụ nữ, chính tổ quốc – những hình ảnh này mới vĩ đại làm sao, chúng dường như chứa đựng một ý nghĩa sâu sắc biết bao ! Và tất cả lại đơn giản, nhợt nhạt và thô thiển đến thế dưới ánh sáng trắng lạnh lẽo của buổi sáng hôm đó, cái buổi sáng mà tôi cảm thấy đang trỗi dậy cho tôi». Ba nỗi khổ

chính của cuộc đời anh đặc biệt thu hút sự chú ý của anh : tình yêu với một người phụ nữ, cái chết của cha anh và cuộc xâm lược của người Pháp, vốn đã chiếm mất một nửa nước Nga. «Tình yêu !.. Cô gái đó, đối với mình dường như tràn đầy những sức mạnh bí ẩn! Làm sao nhỉ ? Mình đã yêu cô ấy, mình đã lập những kế hoạch thơ mộng về tình yêu, về hạnh phúc với cô ấy. Ôi, cậu bé đáng yêu !» anh nói to một cách cay nghiệt. «Làm sao nhỉ ! Mình đã tin vào một tình yêu lý tưởng nào đó, cái tình yêu đáng lẽ phải giữ cho cô ấy sự chung thủy đối với mình trong suốt một năm mình vắng mặt. Như con chim bồ câu dịu dàng trong câu chuyện ngụ ngôn, cô ấy hẳn đã héo mòn vì xa cách mình. Nhưng mọi chuyện đơn giản hơn thế nhiều... Tất cả chuyện này thật khủng khiếp, đơn giản, tởm lợm !»

«Cha mình cũng đã xây dựng ở Lysye Gory và nghĩ rằng đó là nơi của mình, là đất của mình, là không khí của mình, là những người nông dân của mình ; nhưng Napoleon đã đến và, không hề biết về sự tồn tại của ông, như một mẩu gỗ trên đường, đã va phải ông, và Lysye Gory của ông cùng toàn bộ cuộc đời ông sụp đổ. Còn công nương Marya nói rằng đây là thử thách được gửi xuống từ trên cao. Tại sao lại là thử thách, khi ông ấy không còn nữa và sẽ không bao giờ có nữa ? Sẽ không bao giờ có nữa ! Vậy thử thách này dành cho ai ? – Tổ

quốc, sự sụp đổ của Moscow ! Còn ngày mai mình sẽ bị giết – và thậm chí không phải bởi một người Pháp, mà bởi chính người của mình, như hôm qua một người lính đã cướp cò súng ngay sát tai mình ; và người Pháp sẽ đến, nắm chân nắm đầu mình và ném xuống hố để mình không làm thối mũi họ ; và những điều kiện sống mới sẽ hình thành, chúng cũng sẽ trở nên quen thuộc đối với những người khác, và mình sẽ không hề biết về chúng, và mình sẽ không còn nữa».

Anh nhìn vào dải cây bạch dương, với màu vàng bất động của chúng, sắc xanh và vỏ cây trắng, lấp lánh dưới ánh mặt trời. «Để chết... Để mình bị giết... ngày mai... Để mình không còn nữa... Để tất cả những thứ này vẫn còn đó, còn mình thì không còn nữa». Anh hình dung một cách sống động sự vắng mặt của mình khỏi cuộc đời này. Và những cây bạch dương này với ánh sáng và bóng tối, và những đám mây cuồn cuộn này, và khói từ những đống lửa này, tất cả mọi thứ xung quanh đã biến đổi đối với anh và hiện ra một cái gì đó đáng sợ và đe dọa. Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng anh. Nhanh chóng đứng dậy, anh đi ra khỏi nhà kho và bắt đầu đi lại.

Phía sau nhà kho vang lên tiếng nói.

– Ai đó ? – công tước Andrei cất tiếng gọi.

Đại úy Timokhin mũi đỏ, nguyên là đại đội trưởng trong trung đoàn của Dolokhov, bây giờ, do thiếu sĩ quan, là tiểu đoàn trưởng, rụt rè bước vào nhà kho. Theo sau anh ta là viên sĩ quan tùy tùng và viên quản lý của trung đoàn.

Công tước Andrei vội vàng đứng dậy, lắng nghe những gì các sĩ quan phải báo cáo với anh, đưa ra thêm cho họ một số mệnh lệnh và định cho họ lui ra, thì từ sau nhà kho vang lên một giọng nói quen thuộc lơ lớ.

– Cái quái gì thế ! – một giọng người vang lên, va phải cái gì đó.

Công tước Andrei, nhìn ra từ nhà kho, thấy Pierre đang tiến lại gần, anh vừa bị vấp phải một chiếc sào nằm dưới đất và suýt ngã. Công tước Andrei nói chung cảm thấy không vui khi nhìn thấy những người từ thế giới của mình, đặc biệt là Pierre, người gợi lại cho anh tất cả những khoảnh khắc nặng nề mà anh đã trải qua trong lần cuối cùng đến Moscow.

– À, hóa ra là thế nào ! – anh nói. – Cơn gió nào đưa anh đến đây ? Tôi không ngờ đấy.

Trong khi anh nói điều đó, trong mắt và vẻ mặt của anh không chỉ là sự khô khan, mà còn là một sự thù

địch, điều mà Pierre nhận ra ngay lập tức. Anh tiến lại gần nhà kho trong trạng thái tinh thần hưng phấn nhất, nhưng khi thấy vẻ mặt của công tước Andrei, anh cảm thấy lúng túng và vụng về.

– Tôi đến... thế đấy... anh biết đấy... tôi đến... tôi thấy thú vị, – Pierre nói, anh đã lặp lại từ «thú vị» này nhiều lần trong ngày hôm nay. – Tôi muốn được xem trận chiến.

– Phải, phải, còn các anh em mason nói gì về chiến tranh ? Làm thế nào để ngăn chặn nó ? – công tước Andrei nói một cách mỉa mai. – Thế nào, Moscow thế nào ? Những người của tôi thế nào ? Cuối cùng họ đã đến Moscow chưa ? – anh hỏi một cách nghiêm túc.

– Họ đã đến. Julie Drubetskaya đã nói với tôi. Tôi đã đến gặp họ nhưng không gặp được. Họ đã đi đến một điền trang ngoại ô Moscow.

XXV

Các sĩ quan định cáo lui, nhưng công tước Andrei, như thể không muốn ở riêng mặt đối mặt với người bạn của mình, đã đề nghị họ ngồi lại và uống trà. Ghế băng và trà được mang đến. Các sĩ quan không khỏi ngạc nhiên khi nhìn vào thân hình to lớn, đồ sộ của Pierre và lắng nghe những câu chuyện của anh về Moscow và về việc bố trí quân đội của chúng ta, mà anh đã kịp đi tham quan vòng quanh. Công tước Andrei im lặng, và vẻ mặt anh khó chịu đến mức Pierre quay sang nói chuyện nhiều hơn với viên tiểu đoàn trưởng tốt bụng Timokhin hơn là với Bolkonsky.

– Vậy là anh đã hiểu toàn bộ việc bố trí quân đội chứ? – công tước Andrei ngắt lời anh.

– Vâng, tức là thế nào ? – Pierre nói, – vì tôi không phải quân nhân, tôi không thể nói là hoàn toàn hiểu, nhưng dù sao tôi cũng đã hiểu cách bố trí chung.

– Chà, anh tiến bộ hơn bất cứ ai rồi đấy, – Công tước Andrei nói.

– A ! – Pierre nói với vẻ hoài nghi, nhìn công tước Andrei qua cặp kính của mình. – Thế anh nói sao về việc bổ nhiệm Kutuzov ? – anh hỏi.

– Tôi rất mừng về việc bổ nhiệm này, đó là tất cả những gì tôi biết, – công tước Andrei nói.

– Thế anh hãy nói xem, ý kiến của anh thế nào về Barclay de Tolly ? Ở Moscow Chúa mới biết người ta nói gì về ông ấy. Anh phán xét ông ấy thế nào ?

– Anh hãy hỏi họ ở đây này, – công tước Andrei nói, chỉ vào các sĩ quan.

Pierre nhìn với nụ cười khoan dung hỏi han, cái nụ cười mà mọi người thường vô thức dành cho Timokhin, nhìn vào anh ta.

– Thưa đức ngài, họ đã thấy ánh sáng, khi đức ngài bước vào, – Timokhin nói, rụt rè và liên tục nhìn vào chỉ huy trung đoàn của mình.

– Tại sao lại thế ? – Pierre hỏi.

– Dạ, ít nhất là về chuyện củi hay thức ăn gia súc, tôi sẽ báo cáo với ngài. Chẳng là chúng tôi đã rút lui từ Svenzyany, không dám chạm vào một cành củi hay một bó cỏ nào. Chẳng là chúng tôi đang rút đi, kẻ địch sẽ chiếm được nó, phải không thưa đức ngài ? – anh ta quay sang công tước của mình, – còn ngài thì không được chạm vào. Trong trung đoàn của chúng tôi, hai sĩ quan đã bị đưa ra tòa vì những chuyện như vậy. Thế

đấy, khi đức ngài Kutuzov nhậm chức, mọi chuyện trở nên đơn giản. Họ đã thấy ánh sáng...

– Vậy tại sao ông ấy lại cấm ?

Timokhin bối rối nhìn quanh, không hiểu phải trả lời thế nào cho một câu hỏi như vậy. Pierre cũng với câu hỏi đó quay sang công tước Andrei.

– Để không làm kiệt quệ vùng đất mà chúng ta để lại cho quân địch, – công tước Andrei nói một cách mỉa mai cay nghiệt. – Đó là một điều rất căn bản : không được phép cướp bóc vùng đất và phải tập cho quân đội thói quen không đi ăn cướp. Thế đấy, ở Smolensk ông ta cũng đã phán đoán đúng rằng quân Pháp có thể đi vòng qua chúng ta và họ có lực lượng mạnh hơn. Nhưng ông ta không thể hiểu được rằng, – đột nhiên công tước Andrei hét lên bằng một giọng mỏng mảnh như thể bị xé ra, – nhưng ông ta không thể hiểu được rằng lần đầu tiên chúng ta chiến đấu ở đó vì đất nước Nga, rằng trong quân đội có một tinh thần mà tôi chưa từng thấy, rằng chúng ta đã đánh bật quân Pháp trong hai ngày liên tiếp và thành công này đã tăng cường sức mạnh của chúng ta lên gấp mười lần. Ông ta đã ra lệnh rút lui, và tất cả nỗ lực cũng như tổn thất đều trở nên vô ích. Ông ta không nghĩ đến sự phản bội, ông ta cố gắng làm mọi việc tốt nhất có thể, ông ta đã suy nghĩ

thấu đáo mọi chuyện ; nhưng chính vì thế mà ông ta không phù hợp. Ông ta không phù hợp bây giờ chính vì ông ta suy nghĩ thấu đáo mọi chuyện một cách rất căn bản và chính xác, như bất kỳ người Đức nào cũng nên làm. Làm sao nói với anh nhỉ... Thế đấy, cha anh có một người hầu phòng người Đức, và ông ta là một người hầu phòng tuyệt vời và đáp ứng mọi nhu cầu của ông tốt hơn anh, và hãy để ông ta phục vụ ; nhưng nếu cha anh lâm bệnh lúc sắp chết, anh sẽ đuổi người hầu phòng đi và bằng đôi bàn tay không quen việc, vụng về của mình anh sẽ chăm sóc cha và làm ông yên lòng hơn là một người lạ dù khéo léo nhưng khô khan. Đó là cách họ đã làm với Barclay. Chừng nào Nga còn khỏe mạnh, một người lạ có thể phục vụ cô ấy và là một bộ trưởng tuyệt vời ; nhưng ngay khi cô ấy gặp nguy hiểm, cần một người thân thuộc, dòng máu của mình. Còn ở câu lạc bộ của anh, họ đã bịa ra rằng ông ta là kẻ phản bội ! Họ vu khống ông ta là kẻ phản bội, họ sẽ chỉ làm cho sau này, hổ thẹn vì lời vu khống dối trá của mình, họ sẽ đột nhiên biến ông ta thành một anh hùng hoặc một thiên tài, điều đó sẽ còn bất công hơn nữa. Ông ta là một người Đức trung thực và rất ngăn nắp...

– Tuy nhiên, người ta nói ông ta là một vị chỉ huy khéo léo, – Pierre nói.

– Tôi không hiểu «vị chỉ huy khéo léo» nghĩa là gì, – công tước Andrei nói với vẻ mỉa mai.

– Vị chỉ huy khéo léo, – Pierre nói, – là người dự tính trước mọi tình huống... người đoán được ý đồ của đối phương.

– Điều đó là không thể, – công tước Andrei nói, như thể về một việc đã được quyết định từ lâu.

Pierre nhìn anh với vẻ ngạc nhiên.

– Tuy nhiên, – anh nói, – người ta chẳng bảo rằng chiến tranh giống như một trò chơi cờ vua đó sao.

– Đúng, – công tước Andrei nói, – chỉ với một sự khác biệt nhỏ là trong cờ vua, với mỗi bước đi anh có thể suy nghĩ bao lâu tùy thích, anh đang ở ngoài những điều kiện về thời gian, và còn một sự khác biệt nữa là con ngựa luôn mạnh hơn con tốt và hai con tốt luôn mạnh hơn một con, còn trong chiến tranh một tiểu đoàn đôi khi mạnh hơn một sư đoàn, và đôi khi lại yếu hơn một đại đội. Sức mạnh tương đối của quân đội không ai có thể biết được. Hãy tin tôi, – anh nói, – nếu mọi việc phụ thuộc vào mệnh lệnh của các bộ tham mưu, thì tôi đã ở đó và đưa ra các mệnh lệnh, nhưng thay vào đó tôi hân hạnh được phục vụ tại đây, trong trung đoàn này,

với những quý ông này, và tôi tin rằng ngày mai thực sự sẽ phụ thuộc vào chúng tôi, chứ không phải vào họ... Thành công chưa bao giờ phụ thuộc và sẽ không phụ thuộc vào vị trí, vào vũ khí, hay thậm chí vào số lượng; mà ít nhất là vào vị trí.

– Vậy thì vào cái gì ?

– Vào cảm giác có trong tôi, trong anh ta, – anh chỉ vào Timokhin, – trong mỗi người lính.

Công tước Andrei liếc nhìn Timokhin, người đang nhìn chỉ huy của mình với vẻ sợ hãi và bối rối. Trái ngược với sự dè dặt và trầm lặng trước đây của mình, công tước Andrei lúc này có vẻ bị kích động. Rõ ràng anh không thể kiềm chế việc bày tỏ những ý nghĩ đột ngột nảy ra trong đầu mình.

– Trận đánh sẽ thắng bởi người đã quyết tâm thắng nó. Tại sao chúng ta thua trận Austerlitz ? Tổn thất của chúng ta gần như ngang bằng với quân Pháp, nhưng chúng ta đã tự nhủ với mình rất sớm rằng chúng ta đã thua trận, và chúng ta đã thua. Và chúng ta đã nói như vậy vì chúng ta không có lý do gì để chiến đấu ở đó : chúng ta muốn rút khỏi chiến trường càng sớm càng tốt. «Thua rồi – nào thì chạy !» và chúng ta đã chạy. Nếu cho đến tối chúng ta không nói như vậy, thì Chúa mới

biết điều gì đã xảy ra. Còn ngày mai chúng ta sẽ không nói như vậy. Anh bảo : vị trí của chúng ta, cánh trái yếu, cánh phải bị kéo dài, – anh tiếp tục, – tất cả những thứ đó là vô nghĩa, chẳng có gì như thế cả. Còn những gì đang chờ đợi chúng ta ngày mai ? Hàng triệu sự tình cờ đa dạng nhất, chúng sẽ được quyết định ngay lập tức bởi việc họ đã chạy hay chúng ta đã chạy, bởi việc họ giết người này hay người kia ; còn tất cả những gì đang làm bây giờ chỉ là trò giải trí. Việc là ở chỗ, những người mà anh cùng đi tham quan vị trí không những không đóng góp vào diễn biến chung của sự việc, mà còn cản trở nó. Họ chỉ bận rộn với những quyền lợi nhỏ mọn của chính mình.

– Vào giây phút như thế này sao ? – Pierre nói với vẻ trách móc.

– Vào giây phút như thế này, – công tước Andrei lặp lại, – đối với họ đó chỉ là một giây phút như thế, mà người ta có thể đào bới dưới đối thủ và nhận thêm một chiếc huân chương hay một dải ruy băng. Đối với tôi ngày mai là thế này : 100 ngàn quân Nga và 100 ngàn quân Pháp đã gặp nhau để chiến đấu, và thực tế là trong số 200 ngàn người này, ai chiến đấu dữ dội hơn và ít tiếc thân mình hơn thì người đó sẽ thắng. Và nếu anh muốn, tôi sẽ nói cho anh biết, dù có chuyện gì xảy ra,

dù họ có làm rối loạn gì ở trên đó, chúng ta sẽ thắng trận ngày mai. Ngày mai, dù có chuyện gì đi nữa, chúng ta sẽ thắng trận !

– Đấy, thưa đức ngài, đúng là thế ; đúng là sự thật, – Timokhin nói. – Sao lại phải tiếc thân mình bây giờ ? Binh lính trong tiểu đoàn của tôi, xin ngài hãy tin, họ không chịu uống rượu : không phải ngày như thế, họ nói vậy.

Mọi người im lặng. Các sĩ quan đứng dậy. Công tước Andrei đi ra phía sau nhà kho cùng với họ, đưa ra những mệnh lệnh cuối cùng cho viên sĩ quan tùy tùng. Khi các sĩ quan đã đi khỏi, Pierre tiến lại gần công tước Andrei và vừa định bắt đầu cuộc trò chuyện, thì trên con đường không xa nhà kho vang lên tiếng vó ngựa của ba con ngựa, và nhìn về hướng đó, công tước Andrei nhận ra Wolzogen và Klausewitz, có một lính Cossack đi cùng. Họ đi ngang qua rất gần, tiếp tục trò chuyện, và Pierre cùng công tước Andrei vô tình nghe thấy những câu sau:

– Chiến tranh phải được chuyển dịch trong không gian. Tôi không thể tán thành quan điểm này cho đủ được.

– Ồ, đúng vậy, – một giọng nói khác vang lên, – mục đích chỉ là để làm suy yếu kẻ thù, vì vậy chắc chắn không thể để tâm đến những tổn thất của các cá nhân được.

– O, ja, – người thứ nhất xác nhận.

– Phải, im Raum verlegen, – công tước Andrei lặp lại, hứ mũi một cách giận dữ khi họ đi qua. – Im Raum đó, tôi còn cha và con trai, và em gái ở Lysye Gory. Đối với ông ta thì tất cả đều như nhau. Đấy, chính là những gì tôi đã nói với anh – những quý ông người Đức này ngày mai sẽ không thắng trận đâu, mà chỉ làm hỏng việc thôi, vì trong cái đầu người Đức của ông ta chỉ có những suy luận không đáng một quả trứng thối, còn trong tim không có cái duy nhất cần cho ngày mai – cái có ở Timokhin. Họ đã trao toàn bộ châu Âu cho ông ta và đến để dạy chúng ta – những người thầy tuyệt vời! – giọng anh lại rít lên.

– Vậy anh nghĩ trận ngày mai sẽ thắng chứ ? – Pierre hỏi.

– Đúng, đúng, – công tước Andrei lơ đãng nói. – Một điều mà tôi sẽ làm nếu tôi có quyền lực, – anh bắt đầu lại, – tôi sẽ không bắt tù binh. Tù binh là cái gì? Đó là thói hiệp sĩ hão. Người Pháp đã phá hủy nhà tôi và đang

đi phá hủy Moscow; họ đã và đang xúc phạm tôi từng giây từng phút. Họ là kẻ thù của tôi, tất cả bọn họ đều là tội phạm theo quan điểm của tôi. Và Timokhin cùng toàn thể quân đội cũng nghĩ như vậy. Cần phải xử tử chúng. Nếu chúng đã là kẻ thù của tôi thì không thể là bạn bè, bất kể chúng đã trò chuyện gì với nhau ở Tilsit.

– Phải, phải, – Pierre nói, đôi mắt sáng rực nhìn về phía Công tước Andrei, – tôi hoàn toàn đồng ý với anh !

Câu hỏi vốn đã làm Pierre lo lắng từ núi Mozhaisk và trong suốt cả ngày hôm đó, giờ đây hiện ra trước mắt ông hoàn toàn rõ ràng và đã được giải quyết xong xuôi. Giờ đây ông đã hiểu toàn bộ ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc chiến này và trận đánh sắp tới. Tất cả những gì ông thấy ngày hôm đó, tất cả những biểu cảm nghiêm nghị, quan trọng trên những khuôn mặt mà ông đã thoáng nhìn thấy, đều được soi sáng bởi một luồng ánh sáng mới. Ông đã hiểu được thứ nhiệt lượng ẩn tàng, như người ta nói trong vật lý, của lòng yêu nước, thứ nhiệt lượng có trong tất cả những con người mà ông đã thấy, và nó giải thích cho ông lý do tại sao tất cả những người này lại chuẩn bị cho cái chết một cách bình thản và như thể là nhẹ lòng.

– Không bắt tù binh, – Công tước Andrei tiếp tục. – Chỉ riêng điều này thôi sẽ thay đổi toàn bộ cuộc chiến

và làm nó bớt tàn khốc hơn. Còn chúng ta thì đã chơi trò chiến tranh – đó là điều tồi tệ ; chúng ta hào hiệp và vân vân. Sự hào hiệp và đa cảm này giống như sự hào hiệp và đa cảm của một quý bà, người cảm thấy buồn nôn khi nhìn thấy một con bê bị giết : bà ta tốt bụng đến mức không thể nhìn thấy máu, nhưng bà ta lại ngon miệng ăn chính con bê đó với nước xốt. Người ta nói với chúng ta về luật chiến tranh, về tinh thần hiệp sĩ, về việc thương thuyết, về việc thương xót những kẻ khốn khổ và vân vân. Tất cả đều là nhảm nhí. Tôi đã thấy tinh thần hiệp sĩ và thương thuyết vào năm 1805 : họ lừa chúng ta, chúng ta lừa họ. Họ cướp phá nhà cửa người khác, phát hành tiền giả, và tệ hơn cả là – họ giết con cái tôi, cha tôi, rồi lại nói về các quy tắc chiến tranh và sự hào hiệp với kẻ thù. Không bắt tù binh, mà là giết và đi vào chỗ chết ! Ai đã đạt đến điều đó như tôi, qua chính những đau khổ đó...

Công tước Andrei, người vốn nghĩ rằng mình không quan tâm liệu Moscow có bị chiếm hay không, giống như Smolensk đã bị chiếm, bỗng nhiên dừng lại trong bài phát biểu của mình vì một cơn co thắt bất ngờ nghẹn ở cổ. Anh đi đi lại lại vài lần trong im lặng, nhưng đôi mắt anh lấp lánh cơn sốt và môi anh run rẩy khi anh bắt đầu nói lại :

– Nếu không có sự hào hiệp hão huyền trong chiến tranh, chúng ta sẽ chỉ ra trận khi điều đó đáng để đi vào cái chết chắc chắn, như bây giờ. Khi đó sẽ không có chiến tranh chỉ vì Pavel Ivanych xúc phạm Mikhail Ivanych. Nhưng nếu là chiến tranh, như bây giờ, thì là chiến tranh. Và khi đó cường độ của quân đội sẽ không như vậy, như bây giờ. Khi đó tất cả những người Westphalia và người Hesse này, những kẻ mà Napoleon kéo theo, sẽ không đi theo ông ta vào Nga, và chúng ta sẽ không đi đánh nhau ở Áo và Phổ mà không biết tại sao. Chiến tranh không phải là một sự lịch thiệp, mà là việc tồi tệ nhất trong cuộc đời ; và cần phải hiểu điều đó, chứ không phải chơi trò chiến tranh. Cần phải chấp nhận sự cần thiết khủng khiếp này một cách nghiêm túc và khắt khe. Tất cả nằm ở chỗ : rũ bỏ sự dối trá, và chiến tranh là chiến tranh, chứ không phải là trò chơi. Nếu không thì chiến tranh là trò tiêu khiển yêu thích của những kẻ nhàn rỗi và nhẹ dạ. Tầng lớp quân nhân là cao quý nhất.

– Nhưng chiến tranh là gì, cái gì cần thiết cho thành công trong quân sự, những phong tục của xã hội quân đội là gì ? Mục tiêu của chiến tranh là giết người ; công cụ của chiến tranh là gián điệp, phản bội và khuyến khích phản bội, sự tàn phá cư dân, cướp bóc họ hoặc trộm cắp để cung cấp cho quân đội ; lừa dối và dối trá,

được gọi là mưu mẹo quân sự ; phong tục của tầng lớp quân nhân – thiếu tự do, tức là kỷ luật, nhàn rỗi, ngu dốt, tàn nhẫn, đồi trụy, say rượu. Và mặc dù vậy, đây là tầng lớp cao nhất, được mọi người kính trọng. Tất cả các vị vua, ngoại trừ vua Trung Quốc, đều mặc quân phục, và kẻ nào giết được nhiều người nhất thì được ban thưởng lớn nhất.

– Họ sẽ gặp nhau, như ngày mai, để giết hại lẫn nhau, họ sẽ tàn sát, làm tàn phế hàng chục ngàn người, và sau đó họ sẽ cử hành những buổi lễ tạ ơn vì đã giết được nhiều người (mà con số đó họ còn khai tăng thêm), và tuyên bố chiến thắng, cho rằng càng giết được nhiều người thì công lao càng lớn. Chúa từ trên cao nhìn xuống và lắng nghe họ như thế nào ! – Công tước Andrei hét lên bằng một giọng mỏng manh, chói tai. – Ôi, linh hồn tôi ơi, thời gian gần đây tôi cảm thấy sống thật nặng nề. Tôi thấy rằng mình đã bắt đầu hiểu quá nhiều. Và con người không nên ăn trái cây từ cây biết điều thiện và điều ác... Chà, nhưng không còn lâu nữa đâu ! – anh nói thêm.

– Tuy nhiên, anh đang buồn ngủ, và cũng đã đến lúc tôi phải đi rồi ; hãy về Gorki đi, – đột nhiên Công tước Andrei nói.

– Ồ không ! – Pierre trả lời với đôi mắt nhìn Công tước Andrei một cách sợ hãi và đầy cảm thông.

– Hãy đi đi, hãy đi đi : trước trận đánh cần phải ngủ đủ, – Công tước Andrei lặp lại.

Anh nhanh chóng đi đến chỗ Pierre, ôm và hôn ông.

– Vĩnh biệt, đi đi, – anh hét lên. – Hẹn gặp lại, hay không... – và anh, nhanh chóng quay lưng lại, đi vào trong kho.

Trời đã tối, và Pierre không thể nhận ra vẻ mặt trên khuôn mặt Công tước Andrei, liệu nó là ác ý hay dịu dàng.

Pierre đứng đó một lúc lâu trong im lặng, phân vân không biết nên đi theo anh hay đi về nhà. «Không, anh ấy không cần !» Pierre tự quyết định, «và tôi biết rằng đây là cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi». Ông thở dài nặng nề và lái xe trở lại Gorki.

Công tước Andrei, trở lại trong kho, nằm xuống thảm nhưng không thể ngủ được.

Anh nhắm mắt lại. Những hình ảnh này nối tiếp những hình ảnh khác. Trên một hình ảnh, anh dừng lại lâu và vui vẻ. Anh nhớ lại một buổi tối ở Petersburg.

Natasha với khuôn mặt sinh động, đầy lo lắng kể cho anh nghe việc cô đã đi hái nấm vào mùa hè năm ngoái và bị lạc trong khu rừng lớn như thế nào. Cô mô tả cho anh một cách rời rạc về sự tĩnh lặng của khu rừng, và cảm xúc của mình, và những cuộc trò chuyện với một người nuôi ong mà cô gặp, và cứ mỗi phút cô lại ngắt quãng trong câu chuyện của mình, nói rằng : «không, tôi không thể, tôi không kể đúng đâu ; không, các anh không hiểu đâu», mặc dù Công tước Andrei đã trấn an cô, nói rằng anh hiểu, và anh thực sự hiểu tất cả những gì cô muốn nói. Natasha đã không hài lòng với lời lẽ của chính mình, – cô cảm thấy rằng mình không thể diễn đạt được cái cảm giác thơ mộng nồng nhiệt mà cô đã trải qua ngày hôm đó và cô muốn bộc lộ ra ngoài. «Ông lão đó thật quyến rũ, và trong rừng thật tối... và ông ấy có những đôi mắt tốt bụng như vậy... không, tôi không biết kể lại đâu», cô nói, đỏ mặt và xúc động. Công tước Andrei mỉm cười với chính nụ cười vui vẻ đó mà anh đã mỉm cười lúc đó, nhìn vào mắt cô. «Tôi đã hiểu cô ấy», Công tước Andrei nghĩ. «Không chỉ hiểu, mà còn cả sức mạnh tâm hồn này, sự chân thành này, sự cởi mở tâm hồn này, cái tâm hồn mà dường như bị ràng buộc bởi thể xác, cái tâm hồn mà tôi đã yêu ở cô ấy... yêu một cách mãnh liệt, một cách hạnh phúc như vậy...» Và đột nhiên anh nhớ lại tình yêu của mình đã

kết thúc như thế nào. «Anh ta không cần gì cả. Anh ta không nhìn thấy và không hiểu gì cả. Anh ta chỉ thấy ở cô một cô bé xinh xắn và tươi tắn mà anh ta không thèm gắn kết số phận mình với cô ấy. Còn tôi ?.. Và cho đến giờ anh ta vẫn còn sống và vui vẻ».

Công tước Andrei, như thể bị ai đó làm bỏng, bật dậy và lại bắt đầu đi đi lại lại trước nhà kho.

XXVI

Ngày 25 tháng 8, ngay trước trận Borodino, quan quản lý cung điện của hoàng đế Pháp là ông de Beausset và đại tá Fabvier đã đến, người thứ nhất từ Paris, người thứ hai từ Madrid, đến chỗ hoàng đế Napoleon tại trạm dừng chân của ông ở Valuyevo.

Thay bộ quân phục cung đình, ông de Beausset ra lệnh mang bưu phẩm mà ông mang đến cho hoàng đế đi trước mình và bước vào gian đầu tiên của lều Napoleon, nơi ông bắt đầu nói chuyện với các tùy tùng của Napoleon đang vây quanh ông, những người đang bận rộn mở một chiếc hòm.

Fabvier, không vào trong lều, dừng lại nói chuyện với những vị tướng quen thuộc ở lối vào.

Hoàng đế Napoleon vẫn chưa ra khỏi phòng ngủ và đang hoàn tất việc vệ sinh của mình. Ông vừa khịt mũi vừa thở dài, lúc thì quay cái lưng dày, lúc thì quay bộ ngực béo phì đầy lông dưới chiếc bàn chải mà người hầu phòng đang dùng để chà xát cơ thể ông. Một người hầu phòng khác, dùng ngón tay giữ một chiếc lọ thủy tinh, xịt nước hoa lên thân hình đã được chăm sóc kỹ lưỡng của hoàng đế với một biểu cảm như muốn nói

rằng chỉ mình ông mới có thể biết cần phải xịt bao nhiêu nước hoa và xịt vào đâu. Mái tóc ngắn của Napoleon ướt đẫm và rủ xuống trán. Nhưng khuôn mặt ông, dù hơi sưng và vàng vọt, lại lộ vẻ thỏa mãn về thể chất : «Allez ferme, allez toujours...» ông vừa nói vừa nhăn mặt và thở dài, trong khi người hầu phòng đang chà xát ông. Một tùy tùng bước vào phòng ngủ để báo cáo với hoàng đế về việc bao nhiêu tù binh đã bị bắt trong trận đánh ngày hôm qua, trao lại những gì cần thiết, đứng ở cửa, chờ đợi sự cho phép được rời đi. Napoleon nhăn mặt nhìn người tùy tùng từ dưới lông mày.

– Không bắt tù binh, – ông lặp lại lời của viên tùy tùng. – Chúng đang bị tiêu diệt. Càng tệ cho quân đội Nga, – ông nói. – Cứ tiếp tục đi, hãy tiến lên thật kiên quyết, – ông nói, khom lưng và đưa ra đôi vai béo phì của mình.

– Được rồ ! Cho ông de Beausset và cả Fabvier vào, – ông nói với tùy tùng, khẽ gật đầu.

– Vâng, thưa Bệ hạ, – và người tùy tùng biến mất qua cửa lều.

Hai người hầu phòng nhanh chóng mặc quần áo cho hoàng thượng, và ông, trong bộ quân phục xanh của đội

cận vệ, với những bước đi vững chãi, nhanh nhẹn, bước vào phòng tiếp tân.

Beausset lúc này đang vội vàng dùng tay đặt món quà do mình mang đến từ hoàng hậu lên hai chiếc ghế, ngay trước lối vào của hoàng đế. Nhưng hoàng đế đã thay đồ và đi ra nhanh chóng đến nỗi ông ta không kịp chuẩn bị xong điều bất ngờ.

Napoleon ngay lập tức nhận thấy những gì họ đang làm và đoán ra rằng họ vẫn chưa chuẩn bị xong. Ông không muốn tước đi niềm vui được tạo bất ngờ cho mình. Ông giả vờ như không thấy ông Beausset, và gọi Fabvier đến chỗ mình. Napoleon lắng nghe với vẻ mặt nghiêm nghị, nhíu mày và im lặng những gì Fabvier nói về lòng dũng cảm và sự tận tụy của quân đội ông, những người đang chiến đấu ở Salamanca ở đầu kia của châu Âu và chỉ có một ý nghĩ – là xứng đáng với hoàng đế của mình và một nỗi sợ – là không làm hài lòng ông. Kết quả của trận đánh thật đáng buồn. Napoleon đưa ra những nhận xét đầy mỉa mai trong lúc Fabvier kể chuyện, như thể ông không hề nghĩ rằng mọi chuyện có thể diễn ra khác đi khi ông vắng mặt.

– Tôi phải sửa chữa điều này ở Moscow, – Napoleon nói. – A tantôt, – ông nói thêm và gọi de Beausset, người

lúc này đã chuẩn bị xong điều bất ngờ, đặt một vật gì đó lên những chiếc ghế và phủ một tấm khăn lên.

De Beausset cúi chào thấp với cái cúi chào của một cận thần Pháp, cái cúi chào mà chỉ những người hầu cũ của dòng họ Bourbon mới biết cách thực hiện, và tiến lại gần, trao một phong thư.

Napoleon vui vẻ quay sang ông ta và véo tai ông ta.

– Ông đã vội vã, tôi rất vui. Chà, Paris nói gì ? – Napoleon nói, đột nhiên thay đổi vẻ mặt nghiêm nghị trước đó sang vẻ mặt niềm nở nhất.

– Sire, tout Paris regrette votre absence, – de Beausset trả lời như lẽ thường phải vậy.

Nhưng mặc dù Napoleon biết rằng Beausset phải nói điều này hoặc điều gì đó tương tự, mặc dù trong những giây phút tỉnh táo ông biết rằng điều đó không đúng, nhưng ông vẫn thấy dễ chịu khi nghe điều đó từ de Beausset. Ông lại một lần nữa dành cho ông ta sự chạm tay vào tai.

– Je suis fâché de vous avoir fait faire tant de chemin, – hoàng đế nói.

– Sire ! Je ne m'attendais pas à moins qu'à vous trouver aux portes de Moscou, – Beausset nói.

Napoleon mỉm cười và lơ đãng ngẩng đầu lên, nhìn sang bên phải. Một viên tùy tùng với những bước đi uyển chuyển tiến lại gần với một chiếc hộp thuốc lá bằng vàng và đưa cho ông. Napoleon cầm lấy nó.

– Phải, mọi chuyện đã diễn ra tốt đẹp cho ông, – ông nói, đưa hộp thuốc lá đã mở lên mũi : – ông thích đi du lịch, trong ba ngày nữa ông sẽ thấy Moscow. Ông chắc chắn không ngờ sẽ thấy kinh đô của châu Á. Ông sẽ thực hiện một chuyến du hành thú vị.

Beausset cúi chào với lòng biết ơn vì sự quan tâm này đối với sở thích du lịch của mình (mà cho đến lúc đó ông ta vẫn chưa biết).

– A ! đây là cái gì ? – Napoleon nói, nhận thấy tất cả các cận thần đang nhìn vào một vật gì đó được phủ khăn.

Beausset với sự khéo léo của một cận thần, không quay lưng lại, lùi hai bước về phía sau và đồng thời giật tấm khăn ra và nói :

– Món quà cho hoàng thượng từ hoàng hậu.

Đó là một bức chân dung được vẽ bằng những màu sắc tươi sáng bởi Gérard, vẽ một đứa trẻ, con trai của Napoleon và con gái của hoàng đế Áo, người mà vì lý do nào đó mọi người đều gọi là vua La Mã.

Một đứa trẻ tóc xoăn rất đẹp với ánh mắt giống như ánh mắt của Chúa Hài Đồng trong bức Sistine Madonna, được vẽ đang chơi trò chơi bilboquet. Quả cầu tượng trưng cho quả địa cầu, và chiếc que ở tay kia tượng trưng cho vương trượng.

Mặc dù không hoàn toàn rõ ràng họa sĩ muốn thể hiện điều gì khi vẽ cái gọi là vua La Mã đang đâm quả địa cầu bằng một chiếc que, nhưng câu chuyện ngụ ngôn này, cũng như đối với tất cả những người đã xem bức tranh ở Paris, và đối với Napoleon, rõ ràng là có vẻ rõ ràng và rất vừa ý.

– Roi de Rome ! – ông nói, chỉ vào bức chân dung bằng một cử chỉ hào hùng của bàn tay. – Admirable !

Với khả năng thay đổi biểu cảm khuôn mặt một cách tùy ý của người Ý, ông đi đến bên bức chân dung và ra vẻ dịu dàng trầm tư. Ông cảm thấy rằng những gì ông sẽ nói và làm bây giờ chính là lịch sử. Và ông thấy rằng điều tốt nhất ông có thể làm bây giờ là thể hiện qua sự vĩ đại của mình một tình cha con giản dị nhất. Đôi mắt

ông mờ đi, ông tiến lại gần, nhìn quanh chiếc ghế (chiếc ghế nhảy dựng dưới chân ông) và ngồi xuống đối diện với bức chân dung. Một cử chỉ của ông – và tất cả mọi người đi kiễng chân ra ngoài, để mặc cho con người vĩ đại tự đối diện với chính mình và cảm xúc của mình.

Ngồi đó một lúc và chạm vào, chính mình cũng không biết tại sao, vào độ nhám của vết sáng trên bức chân dung, ông đứng dậy và lại gọi Beausset và viên sĩ quan trực nhật. Ông ra lệnh mang bức chân dung ra ngoài phía trước lều, để không tước đi niềm hạnh phúc của đội cận vệ già, đang đứng quanh lều của ông, được thấy vua La Mã, con trai và người thừa kế của vị hoàng đế được họ tôn sùng.

Đúng như ông mong đợi, trong khi ông đang ăn sáng với ông Beausset, người được hưởng vinh dự này, từ phía trước lều vang lên những tiếng reo hò cuồng nhiệt của các sĩ quan và binh lính của đội cận vệ già vừa chạy đến bên bức chân dung.

– Hoàng đế vạn tuế ! Vua thành Rome vạn tuế ! Hoàng đế vạn tuế ! – những giọng nói cuồng nhiệt vang lên.

Sau khi ăn sáng, Napoleon, trước sự hiện diện của Beausset, đã đọc mệnh lệnh của mình cho quân đội.

– Courte et énergique ! – Napoleon nói khi chính ông đọc xong mệnh lệnh được viết mà không có sự sửa đổi nào. Trong mệnh lệnh có ghi :

«Các chiến binh ! Đây là trận đánh mà các bạn hằng mong đợi. Chiến thắng phụ thuộc vào các bạn. Nó là cần thiết cho chúng ta ; nó sẽ mang lại cho chúng ta tất cả những gì cần thiết, chỗ ở tốt và sự trở về quê hương nhanh chóng. Hãy hành động như các bạn đã hành động tại Austerlitz, Friedland, Vitebsk và Smolensk. Hãy để hậu thế sau này nhớ về những chiến công của các bạn trong ngày này với niềm tự hào. Hãy để người ta nói về mỗi người trong các bạn : ông ta đã có mặt trong trận đánh lớn dưới chân thành Moscow !»

– De la Moskowa ! – Napoleon lặp lại và mời ông Beausset, người thích đi du lịch, đi cùng mình đi dạo, ông bước ra khỏi lều đến những con ngựa đã được đóng yên.

– Bệ hạ thật quá đỗi nhân từ, – Beausset nói trước lời mời đi cùng hoàng đế : ông ta muốn ngủ, và ông ta không biết và sợ cưỡi ngựa.

Nhưng Napoleon gật đầu với người lữ hành, và Beausset buộc phải đi. Khi Napoleon bước ra khỏi lều, những tiếng reo hò của các cận vệ trước bức chân dung

con trai ông càng trở nên dữ dội hơn. Napoleon nhíu mày.

– Hãy cất nó đi, – ông nói, chỉ vào bức chân dung với một cử chỉ duyên dáng và hùng dũng. – Đối với nó, vẫn còn quá sớm để thấy chiến trường.

Beausset, nhắm mắt và cúi đầu, thở dài nặng nề, qua cử chỉ này thể hiện rằng ông biết cách trân trọng và hiểu những lời của hoàng đế.

XXVII

Cả ngày hôm đó, ngày 25 tháng 8, như các sử gia của ông kể lại, Napoleon đã ngồi trên lưng ngựa, quan sát địa hình, thảo luận về các kế hoạch do các thống chế của ông trình bày, và trực tiếp ra lệnh cho các tướng lĩnh của mình.

Tuyến phòng thủ ban đầu của quân đội Nga dọc theo sông Kolotscha đã bị bẻ gãy, và một phần của tuyến này, cụ thể là cánh trái của quân Nga, do việc chiếm được pháo đài Shevardino vào ngày 24, đã bị đẩy lùi về phía sau. Phần này của tuyến không được củng cố, không được che chở bởi dòng sông, và phía trước nó là một không gian mở và bằng phẳng. Rõ ràng đối với bất kỳ quân nhân hay người không chuyên nào, phần này của tuyến chính là nơi cần phải tấn công quân Pháp. Có vẻ như điều này không cần phải suy nghĩ nhiều, không cần phải có sự quan tâm và lo lắng như vậy của hoàng đế và các thống chế của ông và hoàn toàn không cần đến khả năng siêu việt gọi là thiên tài, thứ mà người ta thường gán cho Napoleon ; nhưng các sử gia sau này mô tả sự kiện này, và những người xung quanh Napoleon lúc đó, và bản thân ông lại nghĩ khác.

Napoleon cưỡi ngựa trên cánh đồng, trầm ngâm nhìn vào địa hình, tự mình gật đầu tán thành hoặc nghi ngờ, không chia sẻ với những tướng lĩnh xung quanh tiến trình suy nghĩ thâm sâu của mình, cái tiến trình dẫn đến những quyết định của ông, ông chỉ truyền đạt cho họ những kết luận cuối cùng dưới dạng các mệnh lệnh. Sau khi nghe đề nghị của Davout, người được gọi là công tước Eckmühl, về việc bao vây cánh trái của quân Nga, Napoleon nói rằng điều này không cần thiết, không giải thích tại sao điều này không cần thiết. Đối với đề nghị của tướng Compans (người sẽ tấn công các công sự), dẫn sư đoàn của mình qua rừng, Napoleon bày tỏ sự đồng ý của mình, mặc dù cái gọi là công tước Elchingen, tức là Ney, đã mạn phép lưu ý rằng việc di chuyển qua rừng là nguy hiểm và có thể làm rối loạn sư đoàn.

Quan sát địa hình đối diện với pháo đài Shevardino, Napoleon suy nghĩ một lúc trong im lặng và chỉ vào những nơi mà ngày mai hai khẩu đội pháo cần được xây dựng để chống lại các công sự của Nga, và những nơi mà pháo binh dã chiến nên được dàn trận cạnh chúng.

Sau khi đưa ra những mệnh lệnh này và các mệnh lệnh khác, ông trở về lều của mình, và dưới sự đọc của ông, bản bố trí trận đánh đã được viết ra.

Bản bố trí này, mà các sử gia Pháp nói đến với sự nhiệt huyết và các sử gia khác với sự kính trọng sâu sắc, như sau :

«Vào lúc bình minh, hai khẩu đội pháo mới, được xây dựng trong đêm trên đồng bằng do công tước Eckmühl chiếm giữ, sẽ khai hỏa vào hai khẩu đội đối diện của quân địch.

Cùng lúc đó, chỉ huy pháo binh của quân đoàn 1, tướng Pernetti, với 30 khẩu pháo của sư đoàn Compans và tất cả các pháo lựu của các sư đoàn Dessix và Friant, sẽ tiến về phía trước, khai hỏa và dội đạn lựu vào khẩu đội của quân địch, chống lại khẩu đội đó sẽ có :

24 khẩu pháo của pháo binh cận vệ,
30 khẩu pháo của sư đoàn Compans
và 8 khẩu pháo của các sư đoàn Friant và Dessix.

Tổng cộng... 62 khẩu pháo.

Chỉ huy pháo binh của quân đoàn 3, tướng Fouché, sẽ đặt tất cả các pháo lựu của quân đoàn 3 và 8, tổng cộng 16 khẩu, ở hai bên sườn của khẩu đội được chỉ định để bắn phá công sự bên trái, điều này sẽ tạo ra tổng cộng 40 khẩu pháo chống lại nó.

Tướng Sorbier phải sẵn sàng theo lệnh đầu tiên mang tất cả các pháo lựu của pháo binh cận vệ chống lại một hoặc công sự khác.

Trong suốt quá trình bắn pháo, Công tước Poniatowski sẽ tiến về phía ngôi làng, vào trong rừng, và sẽ bao vây vị trí của quân địch.

Tướng Compans sẽ di chuyển qua rừng để chiếm công sự đầu tiên.

Sau khi tiến vào trận chiến theo cách này, các mệnh lệnh sẽ được đưa ra tương ứng với hành động của quân địch.

Cuộc pháo kích ở cánh trái sẽ bắt đầu ngay khi nghe thấy tiếng pháo của cánh phải. Các xạ thủ của sư đoàn Morand và các sư đoàn của phó vương sẽ khai hỏa mạnh mẽ khi thấy cuộc tấn công ở cánh phải bắt đầu.

Phó vương sẽ chiếm ngôi làng và đi qua ba cây cầu của nó, theo sau trên cùng một độ cao với các sư đoàn Morand và Gérard, những người dưới sự chỉ huy của ông sẽ tiến về phía pháo đài và gia nhập hàng ngũ với các quân đoàn khác của quân đội.

Tất cả điều này phải được thực hiện theo thứ tự (le tout se fera avec ordre et methode), giữ quân đội trong dự bị càng nhiều càng tốt.

«Tại trại của hoàng đế, gần Mozhaisk, ngày 6 tháng 9 năm 1812.»

Bản bố trí này, rất mơ hồ và rối rắm, nếu cho phép mình không có sự tôn kính tôn giáo đối với thiên tài của Napoleon, bao gồm bốn điểm – bốn chỉ thị. Không có chỉ thị nào trong số này có thể được thực hiện và đã không được thực hiện.

Trong bản bố trí nói rằng, thứ nhất, các khẩu đội được xây dựng tại địa điểm do Napoleon chọn với các khẩu pháo có thể sánh ngang với các khẩu pháo của quân địch, pháo binh của Pernetti và Fouché, tổng cộng 102 khẩu pháo, sẽ khai hỏa và dội đạn vào các công sự và pháo đài của Nga. Điều này không thể thực hiện được, vì từ những địa điểm do Napoleon chỉ định, đạn không bay tới các công sự của Nga, và 102 khẩu pháo này đã bắn vào khoảng không cho đến khi viên chỉ huy gần nhất, trái với mệnh lệnh của Napoleon, đưa chúng lên phía trước.

Chỉ thị thứ hai là Poniatowski, tiến về phía ngôi làng trong rừng, sẽ bao vây cánh trái của quân Nga. Điều này

không thể và đã không được thực hiện vì Poniatowski, tiến về phía ngôi làng trong rừng, đã gặp Tuchkov đang chắn đường ở đó và không thể và đã không bao vây được vị trí của quân Nga.

Chỉ thị thứ ba : Tướng Compans sẽ di chuyển vào rừng để chiếm công sự đầu tiên. Sư đoàn của Compans đã không chiếm được công sự đầu tiên mà đã bị đẩy lùi, vì khi ra khỏi rừng, nó buộc phải dàn trận dưới làn đạn pháo mà Napoleon không hề hay biết.

Chỉ thị thứ tư : Phó vương sẽ chiếm ngôi làng (Borodino) và đi qua ba cây cầu của nó, đi theo trên cùng một độ cao với các sư đoàn Morand và Friant (về những người này không nói rõ họ sẽ đi đâu và khi nào), những người dưới sự chỉ huy của ông sẽ tiến về phía pháo đài và gia nhập hàng ngũ với các quân đoàn khác.

Theo như có thể hiểu, nếu không phải từ đoạn văn lộn xộn này, thì từ những nỗ lực mà phó vương đã thực hiện để thực hiện các mệnh lệnh đưa cho mình, ông ta lẽ ra phải di chuyển qua Borodino từ bên trái về phía pháo đài, trong khi các sư đoàn Morand và Friant lẽ ra phải di chuyển đồng thời từ mặt trận.

Tất cả những điều này, cũng như các điểm khác của bản bố trí, đã không và không thể được thực hiện. Đi qua

Borodino, phó vương đã bị đẩy lùi trên sông Kolotscha và không thể tiến xa hơn ; các sư đoàn Morand và Friant đã không chiếm được pháo đài, mà đã bị đẩy lùi, và pháo đài chỉ bị chiếm bởi lực lượng kỵ binh vào cuối trận đánh (có lẽ, điều mà Napoleon không dự kiến và chưa nghe nói tới một việc đã được dự liệu đối với Napoléon và là một việc chưa từng thấy). Như vậy, không một mệnh lệnh nào trong bản bố quân được và có thể được thực hiện. Nhưng trong bản bố quân có nói rằng : sau khi lâm trận theo cách đó, các mệnh lệnh sẽ được đưa ra phù hợp với các hoạt động của quân thù, và vì thế có vẻ như trong thời gian chiến đấu Napoléon sẽ đưa ra mọi mệnh lệnh cần thiết ; nhưng điều này đã không có và không thể có, bởi vì trong suốt thời gian trận đánh Napoléon đã ở cách xa đến nỗi (như sau này mới rõ) diễn biến của trận đánh không thể được ông ta biết rõ, và không một mệnh lệnh nào của ông ta trong thời gian trận đánh có thể được thực hiện.

XXVIII

Nhiều nhà sử học nói rằng trận Borodino không được người Pháp thắng vì Napoléon bị sổ mũi ; rằng nếu ông ta không bị sổ mũi, thì các mệnh lệnh của ông ta trước và trong trận đánh còn thiên tài hơn nữa, và nước Nga đã bị diệt vong, và bộ mặt thế giới đã thay đổi. Đối với các nhà sử học công nhận rằng nước Nga được hình thành theo ý chí của một người – Pyotr Đại đế, và nước Pháp từ một nền cộng hòa đã trở thành một đế chế, và quân đội Pháp tiến vào nước Nga theo ý chí của một người – Napoléon, thì lập luận rằng nước Nga vẫn hùng mạnh vì Napoléon bị sổ mũi nặng vào ngày 26 – đối với các nhà sử học đó, một lập luận như vậy là nhất quán tất yếu.

Nếu việc cho hay không cho nổ ra trận Borodino phụ thuộc vào ý chí của Napoléon, và việc đưa ra mệnh lệnh này hay mệnh lệnh kia phụ thuộc vào ý chí của ông ta, thì rõ ràng việc sổ mũi có ảnh hưởng đến sự thể hiện ý chí của ông ta có thể là nguyên nhân cứu rỗi nước Nga, và do đó người hầu phòng đã quên không đưa cho Napoléon đôi ủng không thấm nước vào ngày 24 chính là người cứu rỗi nước Nga. Trên con đường tư duy này, kết luận đó là không thể nghi ngờ ; cũng không thể nghi

ngờ như kết luận mà Voltaire đã nói đùa (chính ông cũng không biết mình đang đùa về điều gì) khi nói rằng đêm Saint–Barthélemy xảy ra là do chứng rối loạn tiêu hóa của Charles IX. Nhưng đối với những người không chấp nhận việc nước Nga được hình thành theo ý chí của một người, Pyotr I, và đế chế Pháp được hình thành và cuộc chiến với nước Nga bắt đầu theo ý chí của một người, Napoléon, thì lập luận này không những có vẻ sai lầm, vô lý, mà còn trái với toàn bộ bản chất con người. Đối với câu hỏi về cái gì tạo nên nguyên nhân của các sự kiện lịch sử, lại hiện ra một câu trả lời khác, đó là diễn biến của các sự kiện thế giới đã được định sẵn từ trên cao, phụ thuộc vào sự trùng hợp của mọi ý chí của những người tham gia vào các sự kiện đó, và ảnh hưởng của các Napoléon đối với diễn biến của các sự kiện này chỉ là vẻ ngoài và giả tạo.

Dù giả thuyết cho rằng đêm Saint–Barthélemy xảy ra không phải theo ý chí của Charles IX mà ông ta chỉ tưởng rằng mình đã ra lệnh làm việc đó, và trận tàn sát Borodino với 80 ngàn người chết không phải theo ý chí của Napoléon (mặc dù ông ta đã ra lệnh bắt đầu và diễn biến trận đánh) mà ông ta chỉ tưởng rằng mình đã ra lệnh – dù giả thuyết này thoạt nhìn có vẻ kỳ lạ đến đâu, nhưng nhân phẩm con người nói với tôi rằng mỗi người trong chúng ta, nếu không phải là hơn, thì cũng không

kém gì mọi Napoléon, buộc phải chấp nhận giải pháp này cho vấn đề ; và các nghiên cứu lịch sử xác nhận dồi dào giả thuyết này.

Trong trận Borodino, Napoléon không bắn vào bất kỳ ai và không giết ai. Tất cả những việc này là do những người lính làm. Có nghĩa là, không phải ông ta giết người.

Những người lính của quân đội Pháp đi giết hại lẫn nhau trong trận Borodino không phải do mệnh lệnh của Napoléon, mà theo nguyện vọng của chính họ. Toàn bộ quân đội – người Pháp, người Ý, người Đức, người Ba Lan, những người đói khát, rách rưới và kiệt sức vì cuộc hành quân – khi nhìn thấy quân đội đang chặn đường họ đến Moscow, đã cảm thấy rằng rượu đã rót thì phải uống. Nếu Napoléon cấm họ chiến đấu với người Nga bây giờ, họ sẽ giết ông ta và đi chiến đấu với người Nga, bởi vì điều đó là cần thiết đối với họ.

Khi họ nghe mệnh lệnh của Napoléon, cái mệnh lệnh hứa hẹn cho họ sự an ủi về những vết thương và cái chết của họ bằng những lời của hậu thế về việc họ đã ở trong trận chiến dưới chân Moscow, họ đã hét lên : «Hoàng đế vạn tuế !» y hệt như họ đã hét lên «Hoàng đế vạn tuế !» khi nhìn thấy hình ảnh cậu bé đâm thủng quả địa cầu bằng một chiếc gậy bida, y hệt như họ sẽ

hét lên «Hoàng đế vạn tuế !» trước bất kỳ sự vô nghĩa nào mà người ta nói với họ. Họ không còn cách nào khác là hét lên «Hoàng đế vạn tuế !» và đi đánh nhau để tìm thức ăn và sự nghỉ ngơi của những người chiến thắng ở Moscow. Có nghĩa là, không phải do mệnh lệnh của Napoléon mà họ giết hại những người đồng loại của mình.

Và không phải Napoléon điều khiển diễn biến trận đánh, bởi vì không một điều gì trong bản bố quân của ông ta được thực hiện, và trong thời gian trận đánh ông ta không biết những gì đang diễn ra phía trước mình. Có nghĩa là, việc những người này giết hại lẫn nhau cũng xảy ra độc lập với ông ta, theo ý chí của hàng trăm ngàn người tham gia vào công việc chung. Napoléon chỉ tưởng rằng tất cả những việc đó diễn ra theo ý chí của ông ta. Và vì thế câu hỏi về việc liệu Napoléon có bị sổ mũi hay không không có lợi ích cho lịch sử hơn là câu hỏi về việc sổ mũi của người lính vận tải cuối cùng.

Hơn nữa, việc Napoléon bị sổ mũi vào ngày 26 tháng Tám không có ý nghĩa gì, bởi vì những lời kể của các nhà văn về việc như thể chứng sổ mũi của Napoléon là nguyên nhân khiến bản bố quân (không được soạn thảo tốt như những bản trước) và các mệnh lệnh của ông ta

trong thời gian trận đánh không được tốt như trước, là hoàn toàn không công bằng.

Bản bố quân được chép ở đây không hề kém hơn, mà thậm chí còn tốt hơn tất cả các bản bố quân trước đó, theo đó các trận đánh đã được thắng. Những mệnh lệnh giả định trong thời gian trận đánh cũng không kém hơn những mệnh lệnh trước đó, mà chính xác là giống như mọi khi. Nhưng bản bố quân và các mệnh lệnh này chỉ có vẻ kém hơn những bản trước đó vì trận Borodino là trận đầu tiên mà Napoléon không thắng. Tất cả những bản bố quân và mệnh lệnh tuyệt vời và sâu sắc nhất đều có vẻ rất tồi tệ, và mọi học giả quân sự với vẻ mặt quan trọng đều chỉ trích chúng khi trận đánh theo chúng mà không thắng ; và những bản bố quân và mệnh lệnh tồi tệ nhất lại có vẻ rất tốt, và những người nghiêm túc trong những cuốn sách dày cộp chứng minh ưu điểm của những mệnh lệnh tồi tệ khi trận đánh theo chúng mà thắng.

Bản bố quân do Weyrother soạn thảo trong trận Austerlitz là một mẫu mực của sự hoàn hảo trong các tác phẩm loại này, nhưng dù sao người ta vẫn chỉ trích nó, chỉ trích vì sự hoàn hảo của nó, vì sự chi tiết quá mức.

Napoléon trong trận Borodino đã thực hiện công việc của mình với tư cách là người đại diện của chính quyền cũng tốt và thậm chí còn tốt hơn trong các trận đánh khác. Ông ta không làm điều gì có hại cho diễn biến của trận đánh ; ông ta nghiêng về những ý kiến sáng suốt nhất ; ông ta không nhầm lẫn, không mâu thuẫn với chính mình, không hoảng sợ và không chạy trốn khỏi chiến trường, mà với sự khéo léo lớn lao và kinh nghiệm chiến tranh của mình, ông ta đã bình tĩnh và xứng đáng thực hiện vai trò của mình như một người chỉ huy bề ngoài.

XXIX

Trở về sau chuyến đi thị sát thứ hai dọc theo chiến tuyến, Napoléon nói :

– Các quân cờ đã được đặt xong, cuộc chơi sẽ bắt đầu vào ngày mai.

Ông ra lệnh mang cho mình một cốc rượu punch, và sau khi gọi Bosset đến, ông bắt đầu trò chuyện với anh ta về Paris, về một số thay đổi mà ông dự định thực hiện trong cung điện của hoàng hậu, làm vị quan thị thần ngạc nhiên bởi trí nhớ về tất cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất của các mối quan hệ trong triều đình.

Ông quan tâm đến những chuyện vụn vặt, đùa cợt về sở thích du lịch của Bosset và tán gẫu một cách hờ hững, như một bác sĩ phẫu thuật nổi tiếng, tự tin và thạo việc của mình vẫn làm trong lúc ông ta xắn tay áo và thắt tạp dề, còn bệnh nhân thì đang bị buộc vào giường. «Mọi việc đều nằm trong tay ta và trong đầu ta, rõ ràng và xác định. Khi cần bắt tay vào việc, ta sẽ làm nó như không ai khác có thể làm được, còn bây giờ ta có thể đùa cợt ; và các ngươi càng đùa cợt và bình tĩnh, các ngươi càng phải tin tưởng, bình tĩnh và ngạc nhiên trước thiên tài của ta».

Sau khi uống xong cốc punch thứ hai, Napoléon đi nghỉ trước công việc nghiêm túc đang chờ đợi ông vào ngày mai.

Ông quan tâm đến công việc sắp tới này đến mức không thể ngủ được, và mặc dù hơi ẩm buổi tối làm chứng sổ mũi nặng thêm, vào lúc ba giờ sáng, ông vừa khịt mũi to vừa đi ra phần lớn của lều. Ông hỏi xem quân Nga đã rút đi chưa. Người ta trả lời ông rằng những ánh lửa của quân thù vẫn ở những chỗ cũ. Ông gật đầu tán thành.

Viên sĩ quan tùy tùng trực ban đi vào lều.

– Nào, Rapp, anh nghĩ sao, hôm nay công việc của chúng ta sẽ tốt chứ ? – ông quay sang anh ta.

– Không chút nghi ngờ, thưa Bệ hạ, – Rapp trả lời.

Napoléon nhìn anh ta.

– Anh có nhớ không, thưa Bệ hạ, những gì Người đã hạ cố nói với tôi ở Smolensk, – Rapp nói : – rượu đã rót thì phải uống.

Napoléon cau mày và ngồi im lặng hồi lâu, gục đầu lên tay.

– Đội quân khốn khổ này, – bỗng nhiên ông nói, – nó đã hao hụt đi nhiều kể từ Smolensk. Vận may là một kẻ lẳng lơ thực thụ, Rapp ; tôi luôn nói như vậy, và bây giờ tôi bắt đầu cảm thấy điều đó. Nhưng đội cận vệ, Rapp, đội cận vệ vẫn còn nguyên vẹn chứ ? – ông hỏi với vẻ dò hỏi.

– Thưa Bệ hạ, vâng, – Rapp trả lời.

Napoléon lấy một viên thuốc đặt vào miệng và nhìn đồng hồ. Ông không muốn ngủ, cho đến sáng vẫn còn lâu ; và để giết thời gian – không thể đưa ra bất kỳ mệnh lệnh nào nữa, bởi vì tất cả đã được đưa ra và đang được thực hiện :

– Bánh quy và gạo đã được phát cho các trung đoàn cận vệ chưa ? – Napoléon hỏi nghiêm nghị.

– Thưa Bệ hạ, rồi.

– Nhưng còn gạo ?

Rapp trả lời rằng ông đã chuyển các mệnh lệnh của hoàng thượng về gạo ; nhưng Napoléon lắc đầu không hài lòng, như thể ông không tin rằng mệnh lệnh của mình đã được thực hiện. Một người hầu đi vào với cốc punch. Napoléon ra lệnh đưa cho Rapp một cốc khác và lặng lẽ nhấp từng ngụm từ cốc của mình.

– Tôi chẳng còn vị giác hay khứu giác gì cả, – ông nói, ngửi cốc rượu. – Cái chứng sổ mũi này làm tôi phát chán. Họ cứ nói mãi về y học. Y học kiểu gì khi họ không thể chữa khỏi chứng sổ mũi ! Corvisart đã đưa cho tôi những viên thuốc này, nhưng chúng chẳng giúp được gì cả. Họ có thể chữa được gì ? Chẳng chữa được gì cả. Cơ thể chúng ta là một cỗ máy để sống. Nó được tổ chức cho việc đó, đó là bản chất của nó ; hãy để sự sống trong đó yên ổn, hãy để nó tự bảo vệ mình : nó sẽ làm được nhiều hơn nếu anh làm nó tê liệt bằng cách nhồi nhét các phương thuốc vào nó. Cơ thể chúng ta giống như một chiếc đồng hồ hoàn hảo phải chạy trong một thời gian nhất định ; người thợ đồng hồ không có khả năng mở nó ra, anh ta không thể điều khiển nó trừ khi mò mẫm và với đôi mắt bị băng bó... Cơ thể chúng ta là một cỗ máy để sống, vậy thôi.

Và như thể vừa bước vào con đường của những định nghĩa mà Napoléon yêu thích, ông đột nhiên đưa ra một định nghĩa mới.

– Anh có biết không, Rapp, nghệ thuật quân sự là gì? – ông hỏi. – Nghệ thuật mạnh hơn quân thù vào một thời điểm nhất định. Vậy thôi.

Rapp không trả lời gì.

– Ngày mai chúng ta sẽ phải đối phó với Koutouzoff! – Napoléon nói. – Hãy xem nào. Hãy nhớ rằng, ở Braunau ông ta đã chỉ huy quân đội và trong ba tuần lễ không một lần leo lên lưng ngựa để xem xét các công sự. Hãy xem nào !

Ông nhìn đồng hồ. Vừa mới 4 giờ. Ông chưa muốn ngủ, cốc punch đã uống hết và vẫn chẳng có việc gì làm. Ông đứng dậy, đi đi lại lại, mặc chiếc áo choàng ấm và đội mũ rồi đi ra khỏi lều. Đêm tối và ẩm ướt ; một làn hơi ẩm mỏng manh gần như không nghe thấy được rơi xuống từ phía trên. Những đống lửa không cháy sáng ở gần đó, trong đội cận vệ Pháp, và ở xa tít tắp qua làn khói, những đống lửa lấp lánh dọc theo chiến tuyến Nga. Khắp nơi đều im lặng, và người ta nghe rõ tiếng sột soạt và tiếng chân của quân đội Pháp đã bắt đầu di chuyển để chiếm lĩnh vị trí.

Napoléon đi qua trước lều, nhìn vào những ánh lửa, lắng nghe tiếng chân và khi đi qua một lính cận vệ cao lớn đội mũ lông gấu, đang đứng gác cạnh lều ông và đứng thẳng như một cột trụ đen khi hoàng đế xuất hiện, ông dừng lại trước mặt anh ta.

– Anh phục vụ từ năm nào ? – ông hỏi với vẻ hào nhoáng thô lỗ và dịu dàng quen thuộc của người lính mà ông vẫn luôn dùng khi nói chuyện với binh sĩ.

Người lính trả lời ông.

– À ! một trong những người cũ ! Anh đã nhận được gạo cho trung đoàn chưa ?

– Thưa Bệ hạ, đã nhận rồi.

Napoléon gật đầu và đi khỏi anh ta.

Đến năm giờ rưỡi, Napoléon cưỡi ngựa đi về phía làng Shevardino.

Trời bắt đầu rạng, bầu trời quang đãng, chỉ có một đám mây nằm ở phía đông. Những đống lửa bị bỏ lại đang cháy tàn trong ánh sáng mờ nhạt của buổi sáng.

Bên phải vang lên một tiếng súng đại bác cô độc, trầm đục, vang lên và lịm đi giữa sự im lặng chung. Một vài phút trôi qua.

Vang lên tiếng súng thứ hai, thứ ba ; không khí dao động ; tiếng súng thứ tư, thứ năm vang lên gần đó và trang nghiêm ở đâu đó bên phải.

Tiếng súng đầu tiên chưa dứt thì đã vang lên những tiếng súng khác, ngày càng nhiều hơn, hòa lẫn và át lẫn nhau.

Napoléon cưỡi ngựa cùng đoàn tùy tùng đến pháo đài Shevardino và xuống ngựa. Cuộc chơi đã bắt đầu.

XXX

Trở về từ chỗ công tước Andrey ở Gorki, Pierre ra lệnh cho người đánh xe chuẩn bị ngựa và đánh thức anh dậy thật sớm vào buổi sáng ; rồi anh lập tức ngủ thiếp đi sau tấm vách ngăn, trong góc mà Boris đã nhường cho anh.

Khi Pierre tỉnh dậy vào sáng hôm sau, trong túp lều đã không còn ai. Những tấm kính rung rinh trong các ô cửa sổ nhỏ. Người đánh xe đứng đó, lay vai anh.

– Thưa ngài, thưa ngài, thưa ngài... – người đánh xe kiên trì gọi, không thèm nhìn Pierre và rõ ràng là đã mất hy vọng đánh thức anh dậy, anh ta vừa lay vai vừa lẩm bẩm.

– Cái gì ? Bắt đầu rồi sao ? Đến giờ rồi à ? – Pierre nói, choàng tỉnh.

– Xin ngài hãy nghe tiếng súng, – người đánh xe, một người lính giải ngũ, nói, – tất cả các quý ông đã đi hết rồi, cả các bậc cao sang nhất cũng đã đi qua từ lâu.

Pierre vội vàng mặc quần áo và chạy ra ngoài hiên. Bên ngoài trời trong sáng, mát mẻ, đẫm sương và vui tươi. Mặt trời vừa mới nhô ra khỏi đám mây che khuất

nó, bắn những tia sáng bị những đám mây cắt ngang qua mái nhà của con phố đối diện lên lớp bụi đường đẫm sương, lên những bức tường nhà, lên những cửa sổ hàng rào và lên những con ngựa của Pierre đang đứng cạnh túp lều. Tiếng súng nổ nghe rõ hơn ở ngoài sân. Qua các con phố, một viên sĩ quan tùy tùng cùng một người lính Cossack phi qua.

– Đến giờ rồi, bá tước, đến giờ rồi ! – viên sĩ quan tùy tùng hét lên.

Ra lệnh dắt ngựa theo mình, Pierre đi dọc theo phố đến gò đất mà từ đó hôm qua anh đã quan sát chiến trường. Trên gò đất này có một đám đông quân nhân, và người ta nghe thấy tiếng trò chuyện của các sĩ quan tham mưu, và có thể thấy cái đầu bạc của Koutouzoff với chiếc mũ ca–lô viền đỏ và cái gáy bạc phơ, đang lún sâu vào vai. Koutouzoff nhìn qua ống nhòm về phía trước dọc theo con đường lớn.

Bước lên những bậc thang dẫn vào gò đất, Pierre nhìn về phía trước và sững sờ vì kinh ngạc trước vẻ đẹp của cảnh tượng. Đó chính là bức tranh toàn cảnh mà anh đã chiêm ngưỡng hôm qua từ gò đất này ; nhưng bây giờ toàn bộ vùng đất này đã bị bao phủ bởi quân đội và những làn khói súng, và những tia nắng xiên của mặt trời rực rỡ, mọc lên từ phía sau bên trái Pierre,

ném vào đó trong bầu không khí trong lành buổi sáng một luồng sáng vàng và hồng với những bóng dài đậm nét. Những khu rừng xa tít tắp, kết thúc bức tranh toàn cảnh như được tạc từ một loại đá quý màu vàng xanh, hiện rõ đường cong uốn lượn của các ngọn cây trên đường chân trời, và giữa chúng phía sau Valouyevo là con đường Smolensk lớn bị cắt ngang, toàn bộ bị bao phủ bởi quân đội. Gần hơn, những cánh đồng vàng và những lùm cây nhỏ lấp lánh. Khắp nơi – phía trước, bên phải và bên trái – đều thấy quân đội. Tất cả những điều đó thật sống động, hùng vĩ và bất ngờ ; nhưng điều làm Pierre ngạc nhiên nhất chính là bản thân chiến trường, Borodino và thung lũng hai bên bờ sông Kolocha.

Trên sông Kolocha, ở Borodino và hai bên bờ sông, đặc biệt là phía bên trái, nơi sông Voyna đổ vào Kolocha trong những bờ đầm lầy, có một làn sương mù tan ra, lan tỏa và sáng lên khi mặt trời rực rỡ hiện ra và khoác lên nó một màu sắc kỳ diệu cùng những đường nét. Vào làn sương mù này hòa lẫn khói súng, và qua làn sương mù và khói này khắp nơi đều lấp lánh ánh sáng ban mai trên mặt nước, trên những giọt sương, trên lưỡi lê của quân đội, đang tụ tập trên các bờ sông và ở Borodino. Qua làn sương mù này có thể thấy một nhà thờ trắng, chỗ này chỗ kia là những mái nhà tranh của Borodino, chỗ này chỗ kia là những khối binh sĩ đặc nghẹt, chỗ

này chỗ kia là những hòm đạn xanh, những khẩu đại bác. Và tất cả những điều đó di chuyển hoặc dường như di chuyển, vì sương mù và khói trải dài khắp không gian này. Như ở vùng thấp quanh Borodino bị bao phủ bởi sương mù, cũng vậy và ở phía trên nó, cao hơn và đặc biệt là phía bên trái, dọc theo toàn bộ chiến tuyến, qua các khu rừng, qua các cánh đồng, ở các vùng thấp, trên các đỉnh đồi, những làn khói súng xuất hiện không ngừng, tự chúng phát sinh từ hư không, đơn lẻ, từng đám, thưa thớt, dày đặc, nở ra, lớn dần, cuộn lại, hòa lẫn vào nhau, hiện rõ khắp không gian này.

Những làn khói súng này và, thật lạ lùng khi nói như vậy, tiếng súng của chúng tạo nên vẻ đẹp chính của cảnh tượng.

«Puff !» – đột nhiên hiện ra một làn khói tròn, đặc, chơi đùa với các màu tím, xám và trắng sữa, và «boong!» – một giây sau vang lên tiếng nổ của làn khói này.

«Puff, puff !» – hai làn khói bốc lên, đẩy nhau và hòa quyện ; và «boong, boong !» – những tiếng súng xác nhận những gì mắt đã thấy.

Pierre nhìn quanh làn khói đầu tiên mà anh đã để lại như một quả bóng tròn, đặc, và ở chỗ của nó đã là những dải khói kéo dài sang một bên ; và «puff... (có

một khoảng lặng) puff, puff !» – lại nảy sinh ba, bốn làn khói khác, và với mỗi làn khói với cùng những khoảng lặng đó, «boong... boong, boong, boong !» – những âm thanh đẹp đẽ, rắn rỏi, chính xác vang lên trả lời. Có vẻ như những làn khói này chạy, hoặc chúng đứng yên, và vượt qua chúng là những khu rừng, những cánh đồng và những lưỡi lê lấp lánh chạy qua. Từ phía bên trái trên các cánh đồng và bụi cây không ngừng nảy sinh những làn khói lớn với những tiếng vang trang nghiêm, và gần hơn ở những vùng thấp và khu rừng bùng lên những làn khói nhỏ, không kịp tròn trịa đã tan ra thành những làn khói nhỏ, những làn khói súng trường và chính xác như vậy là những tiếng nổ nhỏ của chúng. «Trakh–ta–ta–takh», súng trường nổ lách tách, mặc dù thường xuyên, nhưng không đều và yếu ớt so với những phát súng đại bác.

Pierre muốn được ở đó, nơi có những làn khói này, những lưỡi lê lấp lánh này, sự chuyển động này, những âm thanh này. Anh nhìn sang Koutouzoff và đoàn tùy tùng của ông để đối chiếu cảm nhận của mình với những người khác. Tất cả đều chính xác như anh, và như anh cảm thấy, với cùng một cảm giác đang nhìn về phía trước chiến trường. Trên mọi khuôn mặt bây giờ đều tỏa sáng cái hơi ấm tiềm tàng mà Pierre đã nhận thấy

hôm qua và anh đã hiểu hoàn toàn sau cuộc trò chuyện với công tước Andrey.

– Đi đi, con yêu, đi đi, Chúa ở cùng con, – Koutouzoff nói, không rời mắt khỏi chiến trường, với một vị tướng đứng cạnh ông.

Nghe xong mệnh lệnh, vị tướng này đi qua Pierre xuống chân gò đất.

– Đến bến phà ! – vị tướng nói lạnh lùng và nghiêm nghị với một người trong số các sĩ quan tham mưu khi người này hỏi ông đang đi đâu.

«Cả tôi nữa, cả tôi nữa», Pierre nghĩ và đi theo hướng của vị tướng.

Vị tướng ngồi lên ngựa do một người lính Cossack dắt đến. Pierre đi đến chỗ người đánh xe đang giữ ngựa của mình. Hỏi xem con đường nào yên tĩnh hơn, Pierre leo lên ngựa, nắm lấy bờm, ép gót chân của đôi chân đang xoay ra ngoài vào bụng ngựa và cảm thấy cặp kính của mình sắp rơi và mình không thể rời tay khỏi bờm và dây cương, anh phi theo vị tướng, khơi dậy những nụ cười của các sĩ quan tham mưu đang nhìn anh từ gò đất.

XXXI

Vị tướng mà Pierre phi theo, sau khi xuống núi, rẽ ngoặt sang trái, và Pierre mất dấu ông ta, đã phi vào hàng ngũ những người lính bộ binh đang đi phía trước ông. Anh cố gắng lách ra khỏi họ lúc lên phía trước, lúc sang trái, lúc sang phải ; nhưng khắp nơi đều có binh lính, với những khuôn mặt lo lắng như nhau, đang bận rộn với một công việc nào đó có vẻ vô hình nhưng rõ ràng là quan trọng. Tất cả đều nhìn người béo mặc mũ trắng này với vẻ không hài lòng, dò hỏi, không hiểu vì sao anh ta lại giày xéo họ bằng con ngựa của mình.

– Sao lại cưỡi ngựa giữa tiểu đoàn thế này ! – một người hét lên với anh.

Người khác thúc báng súng vào con ngựa của anh, và Pierre, ép mình vào yên ngựa và khó khăn lắm mới giữ được con ngựa đang lồng lên, đã phi lên phía trước những người lính, nơi có khoảng trống.

Phía trước anh là một chiếc cầu, và ở cạnh cầu, vừa bắn vừa đứng những người lính khác. Pierre phi đến chỗ họ. Chính anh cũng không biết, Pierre đã phi đến chiếc cầu bắc qua sông Kolocha, nằm giữa Gorki và

Borodino và đã bị quân Pháp tấn công trong hành động đầu tiên của trận đánh (sau khi chiếm được Borodino). Pierre thấy rằng phía trước có một chiếc cầu và ở hai bên bờ sông và trên đồng cỏ, trong những hàng cỏ khô nằm đó, những người lính đang làm gì đó ; nhưng bất chấp tiếng súng không ngớt ở nơi này, anh không bao giờ nghĩ rằng đây chính là chiến trường. Anh không nghe thấy tiếng đạn rít, hay những viên đạn bay qua anh; anh không nhìn thấy quân thù ở phía bên kia sông, và trong một thời gian dài không nhìn thấy những người chết và bị thương, mặc dù nhiều người đã ngã xuống không xa anh. Với một nụ cười không rời khỏi khuôn mặt, anh nhìn quanh mình.

– Sao cái anh này lại cưỡi ngựa lên trước chiến tuyến thế ? – lại có ai đó hét lên với anh.

– Sang trái, rẽ sang phải ấy... – người ta hét lên với anh.

Pierre rẽ sang phải và bất ngờ đi song song với một viên sĩ quan tùy tùng quen thuộc của tướng Raevsky. Viên sĩ quan tùy tùng này nhìn Pierre với vẻ giận dữ, rõ ràng cũng định hét lên với anh, nhưng khi nhận ra anh, anh ta gật đầu.

– Anh ở đây bằng cách nào ? – anh ta nói và phi tiếp.

Pierre cảm thấy mình không đúng chỗ và không có việc gì làm, sợ lại làm phiền ai đó, anh phi theo viên sĩ quan tùy tùng.

– Ở đây có chuyện gì thế ? Tôi có thể đi cùng các anh được không ? – anh hỏi.

– Bây giờ, bây giờ, – viên sĩ quan tùy tùng trả lời và phi đến chỗ một đại tá béo đang đứng trên đồng cỏ, chuyển cho ông ta điều gì đó rồi quay lại phía Pierre.

– Sao anh lại đến đây, bá tước ? – anh ta nói với một nụ cười. – Lúc nào cũng tò mò thế à ?

– Đúng, đúng, – Pierre nói.

Nhưng viên sĩ quan tùy tùng, quay ngựa lại, đã đi xa hơn.

– Ở đây, tạ ơn Chúa, – viên sĩ quan tùy tùng nói, – nhưng ở cánh trái chỗ Bagration đang có một cuộc nướng người khủng khiếp.

– Thật sao ! – Pierre hỏi. – Đó là ở đâu vậy ?

– Kìa, hãy đi cùng tôi lên gò đất. Từ chỗ chúng tôi có thể nhìn thấy. Còn ở chỗ đài pháo của chúng tôi thì vẫn còn chịu đựng được, – viên sĩ quan tùy tùng nói.

– Vâng, tôi đi với ông, – Pierre nói, nhìn quanh tìm người giữ ngựa của mình.

Chỉ đến lúc đó Pierre mới lần đầu tiên nhìn thấy những người bị thương, đang đi bộ lảo đảo và bị khiêng trên cáng. Trên chính bãi cỏ với những hàng cỏ khô thơm ngát mà ông đã đi qua hôm qua, nằm ngang các hàng cỏ, đầu ngoẹo đi một cách vụng về, một người lính nằm bất động với chiếc mũ ki–vơ bị rơi ra.

– Tại sao người này không được nhấc lên ? – Pierre định bắt đầu hỏi ; nhưng nhìn thấy khuôn mặt nghiêm nghị của viên sĩ quan tùy tùng đang ngoảnh lại cùng phía đó, ông đã dừng lại.

Pierre không tìm thấy người giữ ngựa của mình và cùng với viên sĩ quan tùy tùng đi xuống dọc theo thung lũng đến gò Raevsky. Con ngựa của Pierre tụt lại sau viên sĩ quan tùy tùng và xốc ông lên một cách đều đặn.

– Hình như ngài không quen cưỡi ngựa, thưa bá tước? – viên sĩ quan tùy tùng hỏi.

– Không, không sao ; nhưng không hiểu sao nó cứ nhảy lên dữ quá, – Pierre nói với vẻ lúng túng.

– Ê–ê !.. nó bị thương rồi, – viên sĩ quan tùy tùng nói: – chân trước bên phải, phía trên đầu gối. Chắc là

một viên đạn. Chúc mừng ngài, thưa bá tước, – ông ta nói, – lễ rửa tội bằng lửa.

Đi qua làn khói của quân đoàn thứ sáu, phía sau pháo binh đang tiến lên phía trước và bắn vang cả khu rừng, họ đã đến một khu rừng nhỏ. Trong rừng thật mát mẻ, yên tĩnh và nồng mùi mùa thu. Pierre và viên sĩ quan tùy tùng xuống ngựa và đi bộ lên núi.

– Tướng quân có ở đây không ? – viên sĩ quan tùy tùng hỏi khi đến gần gò đất.

– Vừa mới ở đây, đã đi về phía này rồi, – người ta trả lời ông, chỉ tay về phía bên phải.

Viên sĩ quan tùy tùng nhìn lại Pierre, như thể không biết phải làm gì với ông bây giờ.

– Đừng lo lắng, – Pierre nói. – Tôi sẽ lên gò đất, có được không ?

– Vâng, ngài cứ đi đi, từ đó thấy hết và không nguy hiểm lắm. Còn tôi sẽ đi tìm ngài sau.

Pierre đi về phía đài pháo, còn viên sĩ quan tùy tùng đi tiếp. Họ không còn gặp lại nhau nữa, và mãi về sau Pierre mới biết rằng viên sĩ quan tùy tùng đó đã bị đứt lìa một cánh tay vào ngày hôm ấy.

Gò đất mà Pierre bước lên chính là gò đất nổi tiếng (sau này người Nga gọi là đài pháo trên gò hay đài pháo Raevsky, còn người Pháp gọi là đại đồn, đồn lũy định mệnh, đồn lũy trung tâm), một nơi mà quanh đó hàng chục ngàn người đã ngã xuống và người Pháp coi là điểm quan trọng nhất của trận địa.

Đồn lũy này bao gồm một gò đất, trên đó ba mặt đã được đào các hào rãnh. Ở vị trí được bao quanh bởi các hào rãnh, có mười khẩu pháo đang bắn, nhô ra qua các lỗ hở của bờ thành.

Thẳng hàng với gò đất là các khẩu pháo ở cả hai phía, cũng bắn liên tục. Hơi lùi về phía sau các khẩu pháo là các đơn vị bộ binh. Bước lên gò đất này, Pierre không bao giờ nghĩ rằng nơi được bao quanh bởi những hào rãnh nhỏ này, nơi có vài khẩu pháo đang đứng và bắn, lại là nơi quan trọng nhất trong trận chiến.

Trái lại, Pierre có cảm giác rằng nơi này (chính vì ông đang ở trên đó) là một trong những nơi ít quan trọng nhất của trận đánh.

Bước lên gò đất, Pierre ngồi xuống ở cuối hào rãnh bao quanh đài pháo, và với một nụ cười vui sướng vô thức, ông nhìn vào những gì đang diễn ra xung quanh mình. Thỉnh thoảng Pierre lại đứng dậy với chính nụ

cười đó và cố gắng không làm vướng chân những người lính đang nạp đạn và đẩy pháo, những người liên tục chạy qua ông với các túi và hòm đạn, ông đi lại trên đài pháo. Các khẩu pháo trên đài pháo này liên tục bắn hết khẩu này đến khẩu khác, làm điếc tai bằng những âm thanh của mình và bao phủ cả vùng lân cận bằng khói thuốc súng.

Trái ngược với vẻ đáng sợ thường thấy giữa các binh lính bộ binh được che chắn, ở đây, trên đài pháo, nơi một số ít người bận rộn với công việc bị giới hạn, ngăn cách với những người khác bằng một hào rãnh, người ta cảm thấy một sự hoạt bát chung và đồng nhất, như là một không khí gia đình.

Sự xuất hiện của hình bóng không quân sự của Pierre trong chiếc mũ trắng ban đầu đã gây ấn tượng khó chịu cho những người này. Các binh lính, đi ngang qua ông, nhìn chéo vào hình dáng ông với vẻ ngạc nhiên và thậm chí là sợ hãi. Viên sĩ quan pháo binh cao lớn, chân dài, mặt rỗ, trông như thể được sinh ra để quan sát tác động của khẩu pháo cuối cùng, đã đi đến chỗ Pierre và tò mò nhìn ông.

Một viên sĩ quan trẻ, mặt tròn, trông như một đứa trẻ, rõ ràng là vừa mới tốt nghiệp quân trường, đang điều

khiển hai khẩu pháo được giao cho mình một cách rất cẩn thận, đã nhìn Pierre một cách nghiêm nghị.

– Thưa ông, xin phép yêu cầu ông tránh đường, – ông ta nói với Pierre, – ở đây không được phép.

Các binh lính lắc đầu không tán thành, nhìn Pierre. Nhưng khi tất cả đã tin rằng con người trong chiếc mũ trắng này không những không làm điều gì xấu, mà còn ngồi yên lặng trên bờ hào hoặc với nụ cười rụt rè, lịch sự nhường đường cho các binh lính, đi lại trên đài pháo dưới những làn đạn một cách bình thản như trên một con đường dạo chơi, thì dần dần cảm giác ngờ vực không thiện cảm đối với ông bắt đầu chuyển sang một sự quan tâm trìu mến và đùa cợt, tương tự như cách binh lính đối xử với các con vật của mình : chó, gà, dê và nói chung là các con vật sống trong các đơn vị quân đội. Những người lính này ngay lập tức đã nhận Pierre vào gia đình mình, đặt cho ông một biệt danh. «Ông chủ của chúng ta» là cách họ gọi ông và cười đùa thân mật với nhau về ông.

Một quả đạn pháo cày xới đất cách Pierre hai bước chân. Ông phủi sạch lớp đất bị quả đạn bắn lên quần áo mình và mỉm cười nhìn quanh.

– Và sao ông không sợ hả ông chủ, thật đấy ! – một người lính mặt đỏ, miệng rộng, cười nhe hàm răng trắng khỏe mạnh, quay sang Pierre.

– Còn anh, anh có sợ không ? – Pierre hỏi.

– Sao lại không sợ chứ ? – người lính trả lời. – Nó không có lòng thương đâu. Nó mà văng ra là ruột gan lòi ra ngoài hết. Không thể không sợ được, – ông ta nói và cười.

Một vài người lính với khuôn mặt vui vẻ và hiền lành dừng lại cạnh Pierre. Họ dường như không ngờ rằng ông lại nói chuyện như mọi người, và phát hiện này làm họ vui mừng.

– Việc của chúng tôi là việc lính. Nhưng còn ông chủ, thật là lạ lùng ! Đúng là ông chủ !

– Về vị trí ! – viên sĩ quan trẻ hét lên với các binh lính đang tụ tập quanh Pierre.

Viên sĩ quan trẻ này, rõ ràng là đang thực hiện nhiệm vụ của mình lần đầu hoặc lần thứ hai, và vì vậy ông ta đối xử với binh lính và cấp trên với một sự rõ ràng và khuôn mẫu đặc biệt.

Tiếng súng pháo và súng trường dồn dập tăng lên trên khắp cánh đồng, đặc biệt là ở phía bên trái, nơi có các đồn lũy của Bagration ; nhưng vì khói súng, từ nơi Pierre đang đứng, hầu như không thể nhìn thấy gì. Hơn nữa, việc quan sát cái vòng nhỏ của những con người (bị tách biệt khỏi tất cả những người khác) đang ở trên đài pháo đã thu hút toàn bộ sự chú ý của Pierre. Sự phấn khích vui sướng vô thức đầu tiên do cảnh tượng và âm thanh của chiến trường gây ra, giờ đây đã được thay thế, đặc biệt là sau khi nhìn thấy người lính nằm cô độc trên bãi cỏ, bằng một cảm giác khác. Ngồi trên bờ hào, ông quan sát những khuôn mặt xung quanh mình.

Đến mười giờ, đã có khoảng hai mươi người bị khiêng ra khỏi đài pháo : hai khẩu pháo bị hỏng, và đạn pháo ngày càng rơi trúng đài pháo nhiều hơn, bay tới, vo ve và rít lên. Nhưng những người có mặt trên đài pháo dường như không chú ý đến điều này : từ mọi phía đều nghe thấy những tiếng cười đùa vui vẻ.

– Chim non kìa ! – một người lính hét lên khi thấy một quả lựu đạn đang bay tới với tiếng rít.

– Không phải vào đây ! Vào chỗ bộ binh kìa ! – một người khác thêm vào với tiếng cười lớn, khi nhận thấy quả lựu đạn bay quá và rơi vào hàng ngũ quân dự bị.

– Gì thế, người quen à ? – một người lính khác cười nhạo một bác nông dân đang cúi xuống khi quả đạn bay qua.

Một vài người lính tụ tập bên bờ thành, nhìn xem những gì đang diễn ra phía trước.

– Và họ đã rút dây xích rồi, thấy không ; họ đã đi lùi rồi, – họ nói, chỉ tay qua bờ thành.

– Hãy lo việc của mình đi, – một viên hạ sĩ quan già hét lên với họ. – Đã đi lùi, nghĩa là có việc ở phía sau.

Và viên hạ sĩ quan, nắm lấy vai một người lính, đẩy anh ta bằng đầu gối. Tiếng cười rộ lên.

– Phục vụ khẩu pháo thứ năm, nạp đạn ! – tiếng hét từ một phía.

– Cùng nhau, nhịp nhàng, kiểu phu kéo thuyền, – những tiếng reo hò vui vẻ nghe thấy quanh khẩu pháo.

– Ái chà, suýt nữa thì làm bay mũ của ông chủ chúng ta rồi, – tên hề mặt đỏ cười nhe răng nói với Pierre. – Ếch, thật vụng về, – ông ta trách móc quả đạn đã bắn trúng bánh xe và chân một người.

– Này các chú cáo ! – một người khác cười nhạo những dân binh đang lên đài pháo để khiêng người bị thương.

– Hay là cháo không ngon ? Ái chà, lũ quạ, đứng sững ra thế ! – họ hét vào những dân binh đang khựng lại trước một người lính bị đứt lìa chân.

– Cái này cái nọ, chú em ạ, – họ nhại lại những bác nông dân. – Sợ là không thích đâu !

Pierre nhận thấy rằng sau mỗi quả đạn trúng đích, sau mỗi tổn thất, sự hoạt bát chung lại càng bùng lên mạnh mẽ hơn.

Như từ một đám mây giông đang kéo đến, ngày càng thường xuyên hơn, những tia chớp rạng rỡ và tươi sáng bùng lên trên khuôn mặt của tất cả những người này (như để chống lại tia chớp của đám mây ẩn giấu đang bùng nổ), sự bốc cháy trong tâm hồn ông.

Pierre không nhìn về phía trước vào chiến trường và không quan tâm đến những gì đang diễn ra ở đó : ông hoàn toàn đắm chìm vào việc chiêm ngưỡng sự bốc cháy ngày càng tăng này, điều mà ông cảm thấy cũng đang bốc cháy trong tâm hồn mình.

Vào mười giờ, các binh lính bộ binh, những người đã ở phía trước đài pháo trong các bụi cây và bên bờ sông Kamen–ka, đã rút lui. Từ đài pháo có thể nhìn thấy họ chạy ngược về phía sau qua đài pháo, khiêng những người bị thương trên súng trường. Một tướng quân nào đó cùng với tùy tùng bước lên gò đất và sau khi nói chuyện với viên đại tá, trừng mắt nhìn Pierre rồi lại đi xuống, lệnh cho bộ binh đang đứng sau đài pháo nằm xuống để bớt bị trúng đạn. Sau đó, trong hàng ngũ bộ binh, phía bên phải đài pháo, tiếng trống vang lên, những tiếng hô lệnh vang lên, và từ đài pháo có thể nhìn thấy các hàng ngũ bộ binh tiến lên phía trước.

Pierre nhìn qua bờ thành. Một khuôn mặt đặc biệt đập vào mắt ông. Đó là một viên sĩ quan, với khuôn mặt trẻ trung nhợt nhạt, đang đi giật lùi, cầm thanh kiếm hạ thấp và lo lắng nhìn quanh.

Các hàng ngũ bộ binh biến mất trong khói súng, nghe thấy tiếng kêu kéo dài và tiếng súng trường bắn liên tục. Sau vài phút, những đám đông người bị thương và người khiêng cáng đi qua đó. Trên đài pháo, đạn pháo bắt đầu rơi trúng nhiều hơn. Một vài người nằm đó không được dọn đi. Xung quanh các khẩu pháo, các binh lính trở nên bận rộn và hoạt bát hơn. Không ai còn chú ý đến Pierre nữa. Một hai lần người ta quát mắng

ông một cách giận dữ vì ông đứng cản đường. Viên sĩ quan trưởng, với khuôn mặt cau có, bước những bước dài nhanh chóng từ khẩu pháo này sang khẩu pháo khác. Viên sĩ quan trẻ, càng trở nên đỏ mặt hơn, điều khiển binh lính một cách sốt sắng hơn bao giờ hết. Các binh lính nạp đạn, quay pháo, nạp đạn và làm việc của mình với một sự trau chuốt đầy căng thẳng. Họ nhảy nhót khi đang đi như trên những lò xo.

Đám mây giông đã kéo đến, và trên khuôn mặt của tất cả mọi người, ngọn lửa đó đã bùng cháy rực rỡ, ngọn lửa mà Pierre đã theo dõi sự bùng phát của nó. Ông đứng cạnh viên sĩ quan trưởng. Viên sĩ quan trẻ chạy đến, tay đưa lên mũ ki–vơ, chào viên sĩ quan trưởng.

– Tôi có vinh dự được báo cáo, thưa ngài đại tá, đạn chỉ còn tám hòm, ngài có lệnh tiếp tục bắn không ? – ông ta hỏi.

– Đạn chùm ! – viên sĩ quan trưởng hét lên mà không trả lời, nhìn qua bờ thành.

Đột nhiên có điều gì đó xảy ra ; viên sĩ quan trẻ kêu «a» một tiếng và gục xuống, nằm trên mặt đất như một con chim bị bắn rơi khi đang bay. Mọi thứ trở nên kỳ lạ, không rõ ràng và mờ mịt trong mắt Pierre.

Hết quả đạn này đến quả đạn khác rít lên và đập vào bờ thành, vào binh lính, vào các khẩu pháo. Pierre, người trước đây chưa bao giờ nghe thấy những âm thanh này, giờ đây chỉ nghe thấy những âm thanh đó. Ở bên cạnh đài pháo, phía bên phải, với tiếng hô «ura», các binh lính chạy không phải về phía trước mà là về phía sau, như Pierre thấy.

Một quả đạn đập vào ngay mép bờ thành trước chỗ Pierre đứng, đất văng tung tóe, và trong mắt ông hiện lên một quả bóng đen nhỏ xíu, và ngay khoảnh khắc đó một tiếng «bộp» vang lên trong cái gì đó. Các dân binh, những người vừa vào đài pháo, đã chạy ngược trở ra.

– Tất cả dùng đạn chùm ! – viên sĩ quan hét lên.

Viên hạ sĩ quan chạy đến chỗ viên sĩ quan trưởng và nói thầm với vẻ sợ hãi (như người quản gia báo cáo với chủ nhà trong bữa ăn rằng không còn loại rượu được yêu cầu nữa) rằng đạn đã hết.

– Lũ cướp, họ đang làm gì thế ! – viên sĩ quan hét lên, quay sang Pierre.

Khuôn mặt viên sĩ quan trưởng đỏ gay và đầy mồ hôi, đôi mắt cau có long lanh.

– Chạy về phía đội dự bị, mang các hòm đạn lại đây! – ông ta hét lên, nhìn Pierre một cách giận dữ và quay sang binh lính của mình.

– Tôi sẽ đi, – Pierre nói.

Viên sĩ quan không trả lời ông, bước những bước lớn sang phía khác.

– Đừng bắn... Đợi đã ! – ông ta hét lên.

Người lính được lệnh đi lấy đạn đâm sầm vào Pierre.

– Ếch, ông chủ ơi, chỗ của ông không phải ở đây đâu, – ông ta nói và chạy xuống dưới.

Pierre chạy theo người lính, tránh nơi mà viên sĩ quan trẻ đang ngồi.

Một quả, hai quả, quả thứ ba bay qua đầu ông, đập vào phía trước, từ hai bên, từ phía sau. Pierre chạy xuống dưới. «Mình đi đâu vậy ?» đột nhiên ông nhớ ra, khi đã chạy đến gần các hòm đạn màu xanh. Ông dừng lại với vẻ do dự, không biết nên đi lùi hay tiến tới. Đột nhiên một cú đẩy khủng khiếp hất ông ngã ra phía sau, xuống đất. Ngay khoảnh khắc đó, ánh sáng của một ngọn lửa lớn chiếu rực lên ông, và ngay sau đó một tiếng nổ chói

tai vang lên, làm ù tai ông bằng tiếng sấm, tiếng răng rắc và tiếng rít.

Pierre, khi tỉnh lại, thấy mình đang ngồi bệt xuống đất, tay chống xuống đất ; cái hòm đạn mà ông đứng cạnh đã biến mất ; chỉ còn những mảnh ván cháy xém và những mảnh giẻ rách vương vãi trên thảm cỏ cháy, và một con ngựa, đang giãy giụa những mảnh gỗ của càng xe, chạy nước đại qua chỗ ông, còn một con ngựa khác, giống như chính Pierre, nằm trên mặt đất và rên rỉ kéo dài, chói tai.

XXXII

Pierre, không còn nhớ mình vì sợ hãi, nhảy dựng lên và chạy ngược về đài pháo, như là nơi trú ẩn duy nhất thoát khỏi tất cả những nỗi kinh hoàng đang bao quanh mình.

Vào lúc Pierre bước vào hào rãnh, ông nhận thấy trên đài pháo không nghe thấy tiếng súng bắn, nhưng có những người nào đó đang làm gì đó ở đó. Pierre không kịp hiểu họ là ai. Ông nhìn thấy viên đại tá trưởng đang nằm quay lưng lại phía mình trên bờ thành, như thể đang xem xét một cái gì đó bên dưới, và thấy một người lính mà ông nhận ra, người này đang giằng co thoát khỏi những người đang giữ tay anh ta và hét lên : «Anh em ơi !». Và ông thấy một điều gì đó kỳ lạ khác.

Nhưng ông vẫn chưa kịp hiểu ra rằng viên đại tá đã bị giết, rằng người đang hét «anh em ơi» là một tù binh, rằng ngay trước mắt ông một người lính khác đã bị đâm vào lưng bằng lưỡi lê. Ngay khi ông vừa chạy vào hào rãnh, một người đàn ông gầy gò, mặt vàng vọt, đầy mồ hôi, mặc quân phục xanh, cầm thanh kiếm trong tay, đã chạy về phía ông và hét lên điều gì đó. Pierre, theo bản năng chống lại cú đẩy, vì họ không nhìn thấy nhau, đã giơ tay ra và tóm lấy người này (đó là một viên sĩ quan

Pháp) một tay vào vai, một tay vào cổ họng. Viên sĩ quan, đánh rơi thanh kiếm, túm lấy Pierre bằng cổ áo.

Trong vài giây, cả hai nhìn vào khuôn mặt nhau với ánh mắt sợ hãi, và cả hai đều tỏ ra lúng túng về những gì họ đã làm và những gì họ phải làm. «Tôi bị bắt làm tù binh hay tôi bắt ông ta làm tù binh ?» – mỗi người trong họ đều nghĩ như vậy. Nhưng, rõ ràng, viên sĩ quan Pháp nghiêng về ý nghĩ rằng ông ta bị bắt làm tù binh, vì bàn tay khỏe mạnh của Pierre, bị điều khiển bởi nỗi sợ vô thức, ngày càng bóp chặt cổ ông ta. Người Pháp định nói điều gì đó, thì đột nhiên một quả đạn pháo rít lên ngay trên đầu họ một cách thấp lè tè và đáng sợ, và Pierre có cảm giác như đầu của viên sĩ quan Pháp đã bị đứt lìa : ông ta đã cúi đầu xuống thật nhanh.

Pierre cũng cúi đầu và buông tay ra. Không còn nghĩ gì về việc ai bắt ai làm tù binh nữa, người Pháp chạy ngược lại đài pháo, còn Pierre đi xuống dưới núi, vấp phải những người chết và bị thương, những người dường như đang túm lấy chân ông. Nhưng ông chưa kịp xuống đến dưới thì những đám đông dày đặc quân lính Nga đang chạy đã hiện ra trước mặt ông, họ ngã, vấp và kêu la, chạy một cách vui vẻ và ồn ào lên đài pháo. (Đây là cuộc tấn công mà Yermolov đã tự nhận là do lòng dũng cảm và may mắn của mình, cuộc tấn công

mà ông được cho là đã ném những chiếc huân chương Thánh George có sẵn trong túi lên gò đất).

Quân Pháp, những người đã chiếm đài pháo, đã bỏ chạy. Quân Nga với tiếng hô «ura» đã đuổi quân Pháp ra xa đài pháo đến mức khó có thể dừng họ lại.

Từ đài pháo người ta khiêng những tù binh xuống, trong đó có một tướng quân Pháp bị thương, người bị các sĩ quan vây quanh. Những đám đông người bị thương, cả người quen và người lạ với Pierre, người Nga và người Pháp, với những khuôn mặt bị biến dạng vì đau đớn, đã đi, bò và được khiêng trên cáng ra khỏi đài pháo. Pierre bước lên gò đất, nơi ông đã ở hơn một giờ đồng hồ, và trong cái vòng gia đình đó, ông không tìm thấy ai cả. Có nhiều người chết, xa lạ với ông. Nhưng một số người ông đã nhận ra. Viên sĩ quan trẻ vẫn ngồi như cũ, cuộn tròn ở mép bờ thành, trong một vũng máu. Người lính mặt đỏ vẫn còn co giật, nhưng người ta không dọn ông ta đi.

Pierre chạy xuống dưới.

– Không, bây giờ họ sẽ thôi việc này ; bây giờ họ sẽ kinh hãi vì những gì họ đã làm ! – Pierre nghĩ, đi một cách vô định theo những đám đông khiêng cáng đang di chuyển khỏi chiến trường.

Nhưng mặt trời, bị che lấp bởi khói súng, vẫn còn đứng cao, và ở phía trước, đặc biệt là ở phía trái, chỗ Semenovskoye, có gì đó đang sôi sục trong làn khói, và tiếng súng, tiếng đại bác không những không yếu đi, mà còn tăng lên đến mức tuyệt vọng, giống như một người đang cố gắng hết sức để gào thét.

XXXIII

Diễn biến chính của trận Borodino diễn ra trên không gian 1.000 sa–gien giữa Borodino và các đồn lũy Bagration. (Bên ngoài không gian này, một mặt đã có cuộc biểu dương của kỵ binh Uvarov vào giữa ngày ; mặt khác, phía sau Utitsa, đã có cuộc chạm súng của Poniatowski với Tuchkov ; nhưng đó là hai sự kiện riêng biệt và yếu ớt so với những gì diễn ra ở giữa chiến trường). Trên cánh đồng giữa Borodino và các đồn lũy, bên cạnh khu rừng, trên một không gian mở và có thể quan sát được từ cả hai phía, diễn biến chính của trận đánh đã diễn ra theo cách đơn giản nhất, không chút xảo thuật nào.

Trận đánh bắt đầu bằng cuộc nã pháo từ cả hai phía từ hàng trăm khẩu súng.

Sau đó, khi khói súng bao trùm khắp cánh đồng, trong làn khói đó đã di chuyển (từ phía quân Pháp) hai sư đoàn của Desaix và Compans về phía các đồn lũy, và từ phía bên trái, các trung đoàn của thống chế – về phía Borodino.

Từ đồn lũy Shevardino, nơi Napoleon đang đứng, các đồn lũy nằm cách đó một dặm, còn Borodino cách

đó hơn hai dặm theo đường thẳng, và vì vậy Napoleon không thể thấy những gì đang diễn ra ở đó, đặc biệt là vì khói súng, hòa quyện với sương mù, đã che khuất toàn bộ địa hình. Các binh lính thuộc sư đoàn Desaix tiến về phía các đồn lũy chỉ được nhìn thấy cho đến khi họ xuống thung lũng ngăn cách họ với các đồn lũy. Ngay khi họ xuống thung lũng, khói súng đại bác và súng trường trên các đồn lũy trở nên dày đặc đến mức bao phủ toàn bộ phía bên kia của thung lũng. Qua làn khói, thỉnh thoảng hiện lên cái gì đó đen đen, có lẽ là người, và đôi khi là ánh thép của lưỡi lê. Nhưng liệu đó là quân Pháp hay quân Nga, thì không thể biết được từ đồn lũy Shevardino.

Mặt trời mọc rực rỡ và chiếu những tia nắng xiên thẳng vào mặt Napoleon, người đang nhìn từ dưới bàn tay về phía các đồn lũy. Khói súng trải dài trước các đồn lũy, và đôi khi có vẻ như khói súng đang di chuyển, đôi khi có vẻ như quân lính đang di chuyển. Đôi khi nghe thấy qua tiếng súng là tiếng kêu của con người, nhưng không thể biết họ đang làm gì ở đó.

Napoleon, đứng trên gò đất, nhìn qua ống nhòm, và trong vòng tròn nhỏ của ống nhòm, ông nhìn thấy khói súng và con người, đôi khi là của mình, đôi khi là quân

Nga ; nhưng nơi mà những gì ông nhìn thấy diễn ra, ông không biết khi nhìn lại bằng mắt thường.

Ông bước xuống khỏi gò đất và bắt đầu đi lại phía trước nó.

Thỉnh thoảng ông dừng lại, lắng nghe tiếng súng và nhìn chăm chú vào chiến trường.

Không chỉ từ nơi ông đứng ở phía dưới, không chỉ từ gò đất nơi một số tướng lĩnh của ông đang đứng, mà ngay cả từ chính các đồn lũy, nơi mà quân Nga và quân Pháp lúc này đang luân phiên hoặc đồng thời có mặt – những người chết, người bị thương và những người sống sót, sợ hãi hoặc mất trí – cũng không thể hiểu được những gì đang diễn ra ở nơi đó. Trong suốt vài giờ tại nơi này, giữa tiếng súng trường và tiếng pháo không dứt, đôi khi chỉ có quân Nga hiện ra, đôi khi chỉ có quân Pháp, đôi khi là bộ binh, đôi khi là kỵ binh ; họ hiện ra, ngã xuống, bắn nhau, va chạm nhau, không biết phải làm gì với nhau, kêu la và chạy ngược lại.

Từ chiến trường, các sĩ quan tùy tùng do ông gửi đi và các sĩ quan liên lạc của các thống chế liên tục phi ngựa đến chỗ Napoleon với các báo cáo về diễn biến của trận đánh ; nhưng tất cả các báo cáo này đều sai sự thật : cả vì trong cái nóng của trận chiến không thể

nói chính xác những gì đang diễn ra vào thời điểm đó ; và vì nhiều sĩ quan tùy tùng đã không đến được nơi thực sự của trận đánh mà chỉ truyền đạt lại những gì họ nghe được từ người khác ; và cũng vì trong khi sĩ quan tùy tùng đi hết hai ba dặm, những tình tiết đã thay đổi và tin tức mà ông ta mang theo đã trở nên không còn chính xác nữa. Chẳng hạn, một sĩ quan tùy tùng từ phía phó vương phi ngựa đến với tin rằng Borodino đã bị chiếm và cây cầu trên sông Kolocha đã nằm trong tay quân Pháp. Sĩ quan tùy tùng hỏi Napoleon xem ông có ra lệnh cho quân đội vượt sông không. Napoleon ra lệnh dàn quân ở phía bên kia và chờ đợi. Nhưng không chỉ vào thời điểm Napoleon ra lệnh đó, mà ngay cả khi sĩ quan tùy tùng vừa rời khỏi Borodino, cây cầu đã bị quân Nga chiếm lại và đốt cháy, trong chính cuộc giáp lá cà mà Pierre đã tham gia vào lúc bắt đầu trận đánh.

Một sĩ quan tùy tùng phi ngựa đến từ các đồn lũy với khuôn mặt nhợt nhạt, sợ hãi báo cáo với Napoleon rằng cuộc tấn công đã bị đẩy lùi và Compans bị thương và Davout đã bị giết ; trong khi đó các đồn lũy đã bị chiếm bởi một bộ phận khác của quân đội vào lúc mà người ta báo cáo với Napoleon rằng quân Pháp đã bị đẩy lùi, và Davout vẫn sống và chỉ bị chấn động nhẹ. Dựa trên những báo cáo sai lệch tất yếu như vậy, Napoleon đã đưa ra các chỉ thị của mình, những chỉ thị hoặc đã được thực

hiện trước khi ông đưa ra, hoặc không thể và không bao giờ được thực hiện trước khi ông đưa ra chúng, hoặc giả không thể và đã không được thực hiện.

Các thống chế và tướng lĩnh ở khoảng cách gần chiến trường hơn, nhưng cũng giống như Napoléon, không tham gia vào chính trận chiến và chỉ thỉnh thoảng mới tiến vào vùng hỏa lực, không cần hỏi ý kiến Napoléon, đã tự mình sắp xếp và ra lệnh về việc bắn vào đâu và từ đâu, kỵ binh phi đi đâu và bộ binh chạy đi đâu. Nhưng ngay cả những sắp xếp của họ, cũng giống như những sắp xếp của Napoléon, ở mức độ rất nhỏ và hiếm khi được thực hiện. Phần lớn kết quả lại ngược lại với những gì họ ra lệnh. Những người lính được lệnh tiến lên, khi rơi vào làn đạn pháo, đã chạy lui lại ; những người lính được lệnh đứng yên tại chỗ, bỗng nhiên thấy quân Nga xuất hiện trước mặt mình, đôi khi lại lao lên phía trước, và kỵ binh phi đuổi theo quân Nga đang chạy mà không có mệnh lệnh. Cứ như vậy, hai trung đoàn kỵ binh đã phi qua hẻm núi Semenovskoye, và vừa mới lên tới đồi, đã quay đầu và phi hết tốc lực trở lại. Các binh sĩ bộ binh cũng di chuyển như vậy, đôi khi chạy lạc hoàn toàn không đúng nơi họ được lệnh. Tất cả những sắp xếp về việc đưa pháo đi đâu và khi nào, khi nào gửi bộ binh đi bắn, khi nào kỵ binh – chà đạp bộ binh Nga, tất cả những sắp xếp này đều do chính các chỉ huy đơn vị gần

nhất thực hiện, những người đang ở trong hàng ngũ, không thèm hỏi cả Ney, Davout và Murat, chứ đừng nói đến Napoléon. Họ không sợ bị trừng phạt vì không thực hiện mệnh lệnh hoặc vì tự ý sắp xếp, bởi vì trong trận chiến, điều đó liên quan đến thứ quý giá nhất của con người – mạng sống của chính mình ; và đôi khi dường như sự cứu rỗi nằm ở việc chạy lùi lại, đôi khi ở việc chạy tiến lên, và những người này, trong lúc dầu sôi lửa bỏng của trận chiến, đã hành động theo tâm trạng nhất thời. Về bản chất, tất cả những chuyển động tiến và lùi này không làm giảm bớt và không thay đổi vị trí của quân đội. Tất cả các cuộc đột kích và rượt đuổi lẫn nhau của họ hầu như không gây hại cho đối phương, mà sự tổn hại, cái chết và thương tích là do đạn pháo và đạn lạc bay khắp không gian nơi những người này đang hỗn loạn. Ngay khi những người này ra khỏi không gian mà đạn pháo và đạn lạc đang bay, các chỉ huy đứng phía sau ngay lập tức lập lại đội hình, đưa họ vào kỷ luật và dưới ảnh hưởng của kỷ luật đó, lại đưa họ vào vùng hỏa lực, nơi họ một lần nữa (dưới ảnh hưởng của nỗi sợ chết) mất đi kỷ luật và hỗn loạn theo tâm trạng ngẫu nhiên của đám đông.

XXXIV

Các tướng lĩnh của Napoléon – Davout, Ney và Murat, những người ở gần vùng hỏa lực này và thậm chí đôi khi còn tiến vào đó – đã nhiều lần đưa vào vùng này những khối quân chỉnh tề và khổng lồ. Nhưng trái ngược với những gì luôn xảy ra trong tất cả các trận chiến trước đây, thay vì tin tức mong đợi về việc quân địch tháo chạy, các khối quân chỉnh tề từ đó trở về trong những đám đông hỗn loạn, sợ hãi. Họ lại sắp xếp lại chúng, nhưng số lượng người ngày càng ít đi. Vào giữa trưa, Murat cử viên sĩ quan tùy tùng của mình đến gặp Napoléon với yêu cầu tiếp viện.

Napoléon đang ngồi dưới chân gò đất và uống rượu punch, khi viên sĩ quan tùy tùng của Murat phi ngựa đến với cam đoan rằng quân Nga sẽ bị đánh bại nếu hoàng thượng cho thêm một sư đoàn nữa.

– Tiếp viện ? – Napoléon nói với vẻ ngạc nhiên nghiêm nghị, như thể không hiểu lời anh ta, và nhìn vào cậu bé tùy tùng xinh đẹp với mái tóc đen dài xoăn (giống như mái tóc Murat vẫn để).

«Tiếp viện !» Napoléon nghĩ thầm. «Họ đòi tiếp viện cái gì, khi trong tay họ là một nửa quân đội, nhắm vào sườn quân Nga yếu ớt, không được củng cố !»

– Hãy nói với vua Naples rằng bây giờ chưa phải là trưa và tôi vẫn chưa nhìn rõ trên bàn cờ của mình. Đi đi...

Cậu bé tùy tùng xinh đẹp với mái tóc dài, không rời tay khỏi mũ, thở dài nặng nề, lại phi ngựa về nơi người ta đang giết chóc.

Napoléon đứng dậy và gọi Caulaincourt cùng Berthier, bắt đầu trò chuyện với họ về những việc không liên quan đến trận chiến.

Giữa cuộc trò chuyện, cuộc trò chuyện bắt đầu làm Napoléon quan tâm, mắt Berthier hướng về một vị tướng cùng đoàn tháp tùng đang phi ngựa về phía gò đất trên một con ngựa đẫm mồ hôi. Đó là Belliard. Ông xuống ngựa, bước nhanh đến chỗ hoàng đế và mạnh dạn, bằng giọng nói to, bắt đầu chứng minh sự cần thiết của quân tiếp viện. Ông thề bằng danh dự rằng quân Nga sẽ tiêu vong nếu hoàng đế cho thêm một sư đoàn nữa.

Napoléon nhún vai và không trả lời gì, tiếp tục cuộc đi dạo của mình. Belliard bắt đầu nói to và sôi nổi với các tướng lĩnh trong đoàn tùy tùng đang vây quanh ông.

– Ông rất nhiệt huyết, Belliard, – Napoléon nói, lại tiến gần đến vị tướng vừa phi ngựa tới. – Rất dễ nhầm lẫn trong lúc dầu sôi lửa bỏng. Hãy đi và quan sát kỹ, rồi hãy quay lại gặp tôi.

Belliard còn chưa kịp khuất khỏi tầm mắt thì từ phía bên kia, một sứ giả mới từ chiến trường phi tới.

– À, có chuyện gì vậy ? – Napoléon nói với giọng của một người đang bực bội vì những phiền toái không ngừng.

– Tâu hoàng thượng, hoàng tử... – viên sĩ quan tùy tùng bắt đầu.

– Xin tiếp viện ? – Napoléon nói với cử chỉ giận dữ.

Viên sĩ quan tùy tùng gật đầu xác nhận và bắt đầu báo cáo ; nhưng hoàng đế đã quay lưng đi khỏi anh ta, bước đi hai bước, dừng lại, quay lại và gọi Berthier.

– Phải cho quân dự bị, – ông nói, hơi dang tay ra. – Theo ông thì nên cử ai đến đó ? – ông quay sang

Berthier, người thuộc lòng tất cả các sư đoàn, trung đoàn và tiểu đoàn.

Napoléon gật đầu xác nhận.

Viên sĩ quan tùy tùng phi đến sư đoàn của Claparède. Và sau vài phút, đội cận vệ trẻ, đứng sau gò đất, bắt đầu rời khỏi vị trí. Napoléon im lặng quan sát theo hướng đó.

– Không, – ông đột ngột quay sang Berthier, – tôi không thể cử Claparède đi. Hãy cử sư đoàn của Friant đi.

Mặc dù không có lợi thế gì trong việc cử sư đoàn của Friant thay vì Claparède, và thậm chí còn có sự bất tiện và chậm trễ rõ ràng trong việc dừng Claparède lại và cử Friant đi, nhưng mệnh lệnh đã được thực hiện chính xác. Napoléon không thấy rằng, đối với quân đội của mình, ông đang đóng vai một bác sĩ gây cản trở bằng các phương thuốc của mình – một vai trò mà ông đã hiểu và lên án một cách đúng đắn.

Sư đoàn của Friant cũng giống như những sư đoàn khác, biến mất trong làn khói của chiến trường. Từ các phía khác nhau, các sĩ quan tùy tùng tiếp tục phi đến, và tất cả, như đã thỏa thuận trước, đều nói cùng một điều.

Tất cả đều xin tiếp viện, tất cả đều nói rằng quân Nga vẫn giữ vững vị trí của mình và tạo ra một luồng hỏa lực kinh khủng, khiến quân Pháp tan chảy.

Napoléon ngồi trầm tư trên chiếc ghế xếp.

M. de Beausset, người thích du lịch, đã nhịn đói từ sáng, tiến đến chỗ hoàng đế và đánh bạo cung kính mời hoàng thượng dùng bữa sáng.

– Ta hy vọng rằng giờ đây ta đã có thể chúc mừng hoàng thượng về chiến thắng, – ông nói.

Napoléon im lặng lắc đầu phủ nhận. Cho rằng sự phủ nhận liên quan đến chiến thắng chứ không phải bữa sáng, M. de Beausset đã cho phép mình nhận xét một cách vui vẻ và cung kính rằng không có lý do gì trên thế giới có thể ngăn cản việc ăn sáng khi có thể thực hiện được việc đó.

– Đi đi... – Napoléon bất thình lình nói một cách u ám và quay đi.

Một nụ cười hạnh phúc vì sự hối tiếc, ăn năn và nhiệt huyết rạng rỡ trên khuôn mặt quý ngài Bosset, và ông bước đi với dáng vẻ uyển chuyển về phía các tướng lĩnh khác.

Napoléon đang trải qua một cảm giác nặng nề, giống như cảm giác của một người chơi bạc luôn gặp may, kẻ đã điên cuồng ném tiền của mình, kẻ luôn thắng và bỗng nhiên, chính vào lúc anh ta đã tính toán mọi sự ngẫu nhiên của trò chơi, anh ta cảm thấy rằng mình càng suy tính kỹ đường đi nước bước bao nhiêu, thì anh ta lại càng chắc chắn bị thua bấy nhiêu.

Quân đội vẫn là những quân đội đó, các tướng lĩnh vẫn là những tướng lĩnh đó, sự chuẩn bị vẫn vậy, sự dàn quân vẫn thế, cùng một bản tuyên cáo ngắn gọn và mạnh mẽ ; chính ông cũng vẫn là ông như vậy, ông biết điều đó, ông biết rằng giờ đây ông thậm chí còn có kinh nghiệm và tài giỏi hơn trước ; ngay cả kẻ thù cũng vẫn là kẻ thù đó như ở Austerlitz và Friedland – nhưng cú vung tay khủng khiếp đã rơi xuống một cách yếu ớt một cách thần kỳ.

Tất cả những thủ pháp cũ, vốn luôn được vương miện thắng lợi ban cho thành công : cả việc tập trung pháo binh vào một điểm, và cuộc tấn công của quân dự bị để chọc thủng phòng tuyến, và cuộc tấn công của kỵ binh những người lính thiết giáp – tất cả những thủ pháp này đã được sử dụng, và không chỉ không có chiến thắng, mà từ khắp nơi đều có cùng một tin tức về các tướng lĩnh bị giết và bị thương, về sự cần thiết phải tiếp viện,

về việc không thể đánh bật quân Nga và về sự hỗn loạn của quân đội.

Trước đây, sau hai ba mệnh lệnh, hai ba câu nói, các thống chế và sĩ quan tùy tùng với khuôn mặt tươi cười và chúc mừng đã phi đến báo cáo về chiến lợi phẩm : các quân đoàn bị bắt làm tù binh, những bó cờ và đại bàng của quân địch, pháo binh, đoàn xe – và Murat chỉ xin phép được thả kỵ binh để thu giữ đoàn xe. Cứ như vậy ở Lodi, Marengo, Arcole, Jena, Austerlitz, Wagram, v.v., v.v. Giờ đây, một điều gì đó kỳ lạ đang xảy ra với quân đội của ông.

Mặc dù có tin tức về việc chiếm được các đồn lũy, Napoléon thấy rằng điều đó không giống, hoàn toàn không giống với những gì đã xảy ra trong tất cả các trận chiến trước đây của ông. Ông thấy rằng chính cái cảm giác mà ông đang trải qua cũng là cái cảm giác mà tất cả những người xung quanh, những người có kinh nghiệm trong việc chiến trận, đang trải qua. Tất cả khuôn mặt đều buồn bã, mọi đôi mắt đều né tránh nhau. Chỉ có một mình Bosset là không hiểu ý nghĩa của những gì đang diễn ra. Napoléon, sau kinh nghiệm lâu năm về chiến tranh, biết rõ rằng việc nỗ lực trong suốt 8 giờ đồng hồ mà vẫn không giành được thắng lợi cho bên tấn công có nghĩa là gì. Ông biết rằng đây gần như là một trận chiến

đã thất bại và chỉ một sự ngẫu nhiên nhỏ nhất bây giờ cũng có thể – trên cái điểm cân bằng đang căng thẳng này – hủy diệt ông và quân đội của ông.

Khi ông lướt qua trong tâm trí toàn bộ chiến dịch Nga kỳ lạ này, trong đó không có một trận đánh nào thắng lợi, trong đó suốt hai tháng không chiếm được một lá cờ, một khẩu pháo, hay một quân đoàn nào ; khi ông nhìn vào những khuôn mặt buồn bã kín đáo của những người xung quanh và lắng nghe các báo cáo rằng quân Nga vẫn đứng vững, – một cảm giác kinh hoàng, giống như cảm giác trải qua trong những cơn ác mộng, xâm chiếm ông, và nảy ra trong đầu ông những sự ngẫu nhiên bất hạnh có thể hủy diệt ông. Quân Nga có thể tấn công vào sườn trái của ông ; có thể chọc thủng trung tâm của ông ; một quả đạn lạc có thể giết chết chính ông. Tất cả điều này đều có thể xảy ra. Trong các trận chiến trước đây, ông chỉ tính toán những xác suất thành công, nhưng giờ đây vô số những xác suất rủi ro hiện ra trước mắt ông, và ông chờ đợi tất cả chúng. Vâng, điều đó giống như trong một giấc mơ, khi một kẻ ác đang tiến về phía một người, và người đó trong giấc mơ vung tay lên và đánh kẻ ác bằng một nỗ lực khủng khiếp mà người đó biết là phải tiêu diệt hắn, và người đó cảm thấy cánh tay mình rơi xuống như một miếng giẻ, vô lực và mềm nhũn,

và nỗi kinh hoàng về sự hủy diệt không thể tránh khỏi chiếm lấy người đang bất lực.

Tin tức về việc quân Nga đang tấn công sườn trái quân Pháp đã gây ra nỗi kinh hoàng này ở Napoléon. Ông im lặng ngồi dưới gò đất trên chiếc ghế xếp, gục đầu vào hai bàn tay và tì khuỷu tay lên đầu gối. Berthier tiến đến chỗ ông và đề nghị đi dọc theo chiến tuyến để xác định tình hình hiện tại.

– Cái gì ? Ông nói gì ? – Napoléon nói. – Vâng, hãy bảo họ dắt ngựa cho tôi.

Ông lên ngựa và đi về phía Semenovskoye.

Trong làn khói thuốc súng đang tan chậm trên khắp không gian đó, nơi Napoléon đang đi, trong những vũng máu, ngựa và người nằm rải rác hoặc thành từng đống. Một nỗi kinh hoàng như vậy, một số lượng người chết lớn như vậy trên một không gian nhỏ như vậy, Napoléon và bất kỳ tướng lĩnh nào của ông chưa bao giờ nhìn thấy. Tiếng gầm của đại bác không ngừng vang lên trong suốt 10 tiếng đồng hồ và làm mệt mỏi đôi tai, mang lại một ý nghĩa đặc biệt cho cảnh tượng này (giống như âm nhạc trong các bức tranh sống động). Napoléon phi ngựa lên gò đất Semenovskoye và qua làn khói, ông nhìn thấy

những hàng người trong những bộ quân phục có màu sắc lạ lẫm đối với mắt ông. Đó là quân Nga.

Quân Nga đứng thành những hàng dày đặc phía sau Semenovskoye và gò đất, và pháo của họ không ngừng gầm vang và bốc khói dọc theo chiến tuyến của họ. Trận chiến đã không còn nữa. Đó là một cuộc tàn sát kéo dài không dẫn đến kết quả gì cho cả quân Nga lẫn quân Pháp. Napoléon dừng ngựa và lại rơi vào trạng thái trầm tư mà từ đó Berthier đã kéo ông ra ; ông không thể ngăn cản việc đó, cái việc đang diễn ra trước mặt ông và xung quanh ông, và cái việc từng được coi là do ông điều khiển và phụ thuộc vào ông, và cái việc này giờ đây, lần đầu tiên do thất bại, hiện ra là không cần thiết và kinh khủng.

Một trong những tướng lĩnh phi đến chỗ Napoléon, đánh bạo đề nghị ông đưa đội cận vệ già vào cuộc chiến. Ney và Berthier, đứng cạnh Napoléon, nhìn nhau và mỉm cười khinh bỉ trước lời đề nghị vô nghĩa của vị tướng này.

Napoléon gục đầu và im lặng hồi lâu.

– Cách nước Pháp tám trăm dặm, tôi sẽ không để đội cận vệ của mình bị tiêu diệt ! – ông nói, rồi quay ngựa và phi ngược trở lại Shevardino.

XXXV

Kutuzov ngồi gục cái đầu bạc trắng và buông thõng thân hình nặng nề trên chiếc ghế dài phủ thảm, chính tại nơi mà sáng nay Pierre đã nhìn thấy ông. Ông không thực hiện bất kỳ sắp xếp nào, mà chỉ đồng ý hoặc không đồng ý với những gì người ta đề xuất với ông.

– Vâng, vâng, hãy làm thế đi, – ông trả lời các đề nghị khác nhau. – Vâng, vâng, đi đi, con trai, xem thế nào, – ông quay sang người này rồi người kia trong số những người thân cận ; hoặc : – Không, không cần đâu, tốt hơn là nên đợi, – ông nói. Ông lắng nghe các báo cáo được mang đến, ra lệnh khi cấp dưới yêu cầu ; nhưng khi lắng nghe các báo cáo, ông dường như không quan tâm đến ý nghĩa của những lời người ta nói, mà là một điều gì đó khác trong biểu cảm khuôn mặt, trong giọng điệu của những người báo cáo mới là điều ông quan tâm. Với kinh nghiệm quân sự lâu năm, ông hiểu và bằng trí óc của tuổi già, ông nhận ra rằng việc chỉ huy hàng trăm ngàn con người đang chiến đấu với cái chết là điều không thể đối với một người, và ông biết rằng số phận của trận chiến không được quyết định bởi những sắp xếp của tổng tư lệnh, không bởi vị trí đứng của

quân đội, không bởi số lượng pháo và số người bị giết, mà bởi cái lực lượng vô hình được gọi là tinh thần quân đội, và ông đã theo dõi lực lượng này và điều khiển nó trong chừng mực quyền hạn của mình.

Biểu cảm chung trên khuôn mặt Kutuzov là một sự chú ý bình thản và căng thẳng, hầu như không vượt qua nổi sự mệt mỏi của thân thể già nua và yếu ớt.

Vào lúc 11 giờ sáng, người ta mang đến cho ông tin tức rằng các đồn lũy đã bị quân Pháp chiếm lại một lần nữa bị đánh bật, nhưng hoàng tử Bagration đã bị thương. Kutuzov kêu lên một tiếng và lắc đầu.

– Hãy đến gặp hoàng tử Pyotr Ivanovich và tìm hiểu kỹ xem thế nào, – ông nói với một trong những sĩ quan tùy tùng, và sau đó quay sang hoàng tử Wurttemberg đang đứng phía sau ông :

– Điện hạ có muốn nhận quyền chỉ huy quân đoàn 2 không ?

Ngay sau khi hoàng tử khởi hành, trước khi ông kịp đến Semenovskoye, sĩ quan tùy tùng của hoàng tử đã quay lại báo cáo rằng hoàng tử xin thêm quân.

Kutuzov nhíu mày và cử Dokhturov lệnh tiếp nhận quyền chỉ huy quân đoàn 2, còn hoàng tử, người mà

nếu không có ông ta thì theo ông, không thể thiếu được trong những phút quan trọng này, xin được quay lại với ông. Khi tin tức về việc bắt sống Murat được mang đến và các sĩ quan tham mưu chúc mừng Kutuzov, ông đã mỉm cười.

– Hãy đợi đã, các quý ngài. – ông nói. – Trận chiến đã thắng, và trong việc bắt sống Murat không có gì bất thường. Nhưng tốt hơn là hãy đợi rồi hãy vui mừng.

Tuy nhiên, ông vẫn cử một sĩ quan tùy tùng đi dọc theo quân đội với tin tức này.

Khi Shcherbinin từ cánh trái phi đến với báo cáo về việc quân Pháp chiếm được các đồn lũy và Semenovskoye, Kutuzov, đoán qua tiếng động trên chiến trường và qua nét mặt của Shcherbinin rằng tin tức không tốt, đã đứng dậy như để vận động đôi chân, và cầm lấy tay Shcherbinin, dẫn anh ta sang một bên.

– Đi đi, con trai, – ông nói với Yermolov, – xem thử xem có thể làm được gì không.

Kutuzov đang ở Gorki, tại trung tâm vị trí của quân đội Nga. Cuộc tấn công của Napoléon vào cánh trái của chúng ta đã bị đẩy lùi nhiều lần. Ở trung tâm, quân

Pháp không tiến xa hơn Borodino. Từ cánh trái, kỵ binh của Uvarov đã khiến quân Pháp phải tháo chạy.

Vào giờ thứ ba, các cuộc tấn công của quân Pháp đã ngừng lại. Trên tất cả các khuôn mặt đến từ chiến trường và trên khuôn mặt của những người đứng quanh ông, Kutuzov đọc được một biểu cảm căng thẳng cực độ. Kutuzov hài lòng với thành công của ngày hôm nay vượt quá mong đợi. Nhưng sức lực thể chất đang rời bỏ ông già. Nhiều lần đầu ông gục xuống thấp như thể đang rơi xuống, và ông thiu thiu ngủ. Người ta mang bữa trưa đến cho ông.

Flügel–adjutant Wolzogen, chính là người mà khi đi ngang qua hoàng tử Andrei, đã nói rằng chiến tranh phải được đưa vào không gian, và là người mà Bagration ghét cay ghét đắng, đã đến gặp Kutuzov vào lúc đang ăn trưa. Wolzogen đến từ Barclay de Tolly với báo cáo về diễn biến công việc ở cánh trái. Barclay de Tolly sáng suốt, nhìn thấy những đám đông thương binh đang tháo chạy và hàng ngũ quân đội hỗn loạn, cân nhắc tất cả các tình tiết của vụ việc, đã quyết định rằng trận chiến đã thất bại, và với tin tức này, ông đã cử người yêu thích của mình đến gặp tổng tư lệnh.

Kutuzov khó khăn nhai miếng thịt gà rán và với đôi mắt nheo lại, vui vẻ hơn nhìn Wolzogen.

Wolzogen, uể oải duỗi chân, với nụ cười khinh khỉnh trên môi, tiến đến chỗ Kutuzov, chạm nhẹ tay vào vành mũ.

Wolzogen thưa chuyện với điện hạ với một sự cẩu thả có tính toán, nhằm mục đích cho thấy rằng ông, một quân nhân có học thức cao, để cho người Nga tôn thờ cái ông già vô dụng này, còn bản thân ông thì biết mình đang giao thiệp với ai. «Ông già» (như người Đức gọi Kutuzov trong vòng tròn của họ) «đang ngồi khá thoải mái», Wolzogen nghĩ thầm, và nhìn nghiêm nghị vào những chiếc đĩa đặt trước mặt Kutuzov, bắt đầu báo cáo cho ông già tình hình công việc ở cánh trái theo cách mà Barclay đã ra lệnh và theo cách chính ông đã nhìn thấy và hiểu.

– Tất cả các điểm của vị trí chúng ta đều nằm trong tay quân địch và không có gì để đánh bật chúng, bởi vì không còn quân đội ; họ đang chạy trốn, và không có khả năng nào để dừng họ lại, – ông báo cáo.

Kutuzov, ngừng nhai, ngạc nhiên nhìn Wolzogen như thể không hiểu những gì anh ta nói. Wolzogen, nhận thấy sự xúc động của ông già, đã nói với một nụ cười :

– Tôi không cho phép mình giấu giếm với điện hạ những gì tôi đã thấy. Quân đội đang hoàn toàn hỗn loạn...

– Anh đã thấy ? Anh đã thấy ?.. – Kutuzov cau mày, quát lớn, nhanh chóng đứng dậy và tiến về phía Wolzogen. – Sao... sao anh dám !.. – thực hiện những cử chỉ đe dọa bằng đôi tay run rẩy, ông quát lên : – Sao anh dám, thưa ngài, nói điều đó với tôi. Anh chẳng biết gì cả. Hãy thay mặt tôi truyền đạt cho tướng Barclay rằng những thông tin của ông ấy là sai lệch và diễn biến thực sự của trận chiến tôi biết rõ hơn ông ấy.

Wolzogen định phản đối điều gì đó, nhưng Kutuzov đã ngắt lời ông.

– Quân địch bị đánh bật ở cánh trái và bị đánh bại ở cánh phải. Nếu anh nhìn không rõ, thưa ngài, thì đừng cho phép mình nói những gì anh không biết. Hãy vui lòng đến gặp tướng Barclay và truyền đạt cho ông ấy ý định kiên quyết của tôi là sẽ tấn công quân địch vào ngày mai, – Kutuzov nói một cách nghiêm khắc.

Tất cả đều im lặng, và chỉ nghe thấy hơi thở nặng nề của vị tướng già đang hổn hển.

– Đã bị đánh bật ở khắp nơi, vì điều đó tôi tạ ơn Chúa và quân đội dũng cảm của chúng ta. Quân địch đã bị đánh bại, và ngày mai chúng ta sẽ đuổi chúng ra khỏi vùng đất thánh của Nga, – Kutuzov nói, làm dấu thánh giá, và bỗng nhiên thổn thức vì những giọt nước mắt trào ra.

Wolzogen, nhún vai và cong môi, im lặng bước sang một bên, ngạc nhiên về sự tự đắc của ông già.

– À, đây rồi, người hùng của tôi, – Kutuzov nói với một vị tướng tóc đen, đẹp trai, người đang bước lên gò đất vào lúc này.

Đó là Raevsky, người đã dành cả ngày tại điểm chính của chiến trường Borodino.

Raevsky báo cáo rằng quân đội đang đứng vững tại vị trí của mình và quân Pháp không dám tấn công thêm nữa.

Nghe xong, Kutuzov nói bằng tiếng Pháp :

– Vậy là ông không nghĩ giống như những người khác rằng chúng ta buộc phải rút lui chứ ?

– Ngược lại, thưa điện hạ, trong những việc chưa ngã ngũ, kẻ kiên trì nhất sẽ luôn là người chiến thắng, – Raevsky trả lời, – và ý kiến của tôi...

– Kaisarov ! – Kutuzov gọi viên sĩ quan tùy tùng của mình. – Ngồi xuống, viết mệnh lệnh cho ngày mai. Còn anh, – ông quay sang người khác, – hãy đi dọc theo chiến tuyến và thông báo rằng ngày mai chúng ta sẽ tấn công.

Trong khi cuộc trò chuyện với Raevsky đang diễn ra và mệnh lệnh đang được đọc, Wolzogen quay lại từ chỗ Barclay và báo cáo rằng tướng Barclay de Tolly muốn có xác nhận bằng văn bản về mệnh lệnh mà thống chế đã đưa ra.

Kutuzov, không nhìn Wolzogen, ra lệnh viết mệnh lệnh này, cái mệnh lệnh mà với mục đích tránh trách nhiệm cá nhân, vị tổng tư lệnh cũ muốn có.

Và bằng một mối liên hệ bí ẩn, vô hình, duy trì tinh thần trong toàn bộ quân đội, cùng một tâm trạng, được gọi là tinh thần quân đội và tạo thành dây thần kinh chính của chiến tranh, những lời của Kutuzov, mệnh lệnh của ông cho trận chiến ngày mai đã được truyền đi đồng thời đến tất cả các đầu của quân đội.

Hoàn toàn không phải chính những lời đó, không phải chính mệnh lệnh đó đã được truyền đi trong mắt xích cuối cùng của mối liên hệ này. Thậm chí không có gì giống như những gì Kutuzov đã nói trong những câu chuyện mà người ta truyền tai nhau ở các đầu khác nhau của quân đội ; nhưng ý nghĩa lời nói của ông đã lan tỏa khắp nơi, bởi vì những gì Kutuzov nói không xuất phát từ những tính toán xảo quyệt, mà từ cảm xúc nằm trong tâm hồn của tổng tư lệnh, cũng như trong tâm hồn của mỗi người Nga.

Và khi biết rằng ngày mai chúng ta sẽ tấn công quân địch, từ những tầng lớp cao nhất của quân đội khi nghe xác nhận về những gì họ muốn tin, những con người đang mệt mỏi, dao động đã được an ủi và khích lệ.

XXXVI

Trung đoàn của Công tước Andrei ở trong quân dự bị, cho đến 2 giờ vẫn đứng bất động phía sau làng Semenovskoye dưới hỏa lực pháo binh dữ dội. Vào giờ thứ hai, trung đoàn, vốn đã mất hơn 200 người, được lệnh tiến lên phía trước qua một cánh đồng yến mạch bị giẫm nát, vào khoảng trống giữa làng Semenovskoye và gò pháo đài, nơi mà trong ngày hôm đó hàng ngàn người đã tử trận và là nơi vào lúc 2 giờ chiều đang chịu hỏa lực tập trung ác liệt từ hàng trăm khẩu pháo của kẻ thù.

Không rời khỏi vị trí đó và không bắn một phát súng nào, trung đoàn đã mất thêm một phần ba quân số tại đây. Phía trước, và đặc biệt là từ phía bên phải trong làn khói không tan, những khẩu đại bác gầm lên, và từ vùng khói bí ẩn che phủ toàn bộ khu vực phía trước, những quả đạn pháo bay ra với tiếng rít nhanh và những quả lựu đạn rít lên chậm chạp. Đôi khi, như để nghỉ ngơi, mười lăm phút trôi qua mà tất cả đạn pháo và lựu đạn đều bay vọt qua, nhưng đôi khi trong vòng một phút, vài người bị văng ra khỏi trung đoàn, và họ không ngừng kéo những người chết đi và đưa những người bị thương ra ngoài.

Với mỗi đòn tấn công mới, cơ hội sống sót càng ít đi đối với những người chưa bị giết. Trung đoàn đứng thành các hàng tiểu đoàn cách nhau 300 bước, nhưng bất chấp điều đó, tất cả mọi người luôn ở dưới ảnh hưởng của cùng một tâm trạng. Tất cả mọi người trong trung đoàn đều im lặng và u sầu như nhau. Hiếm khi nghe thấy tiếng nói chuyện giữa các hàng quân, nhưng tiếng nói đó lại tắt lịm mỗi khi nghe thấy một cú va chạm và tiếng kêu : cáng ! Phần lớn thời gian, những người lính của trung đoàn theo lệnh của cấp trên đều ngồi trên mặt đất. Có người bỏ mũ ca–lô, cẩn thận tháo và tết lại những dải dây ; người thì dùng đất khô chà xát nó trong lòng bàn tay để lau sạch lưỡi lê ; người thì xoa bóp thắt lưng và thắt lại khóa dây đeo ; người thì cẩn thận vuốt phẳng và gấp lại những miếng vải quấn chân rồi đi giày lại. Một số dựng những ngôi nhà nhỏ bằng những cục đất cày hoặc tết những chiếc rổ từ rơm rạ trên cánh đồng. Tất cả dường như hoàn toàn đắm chìm vào những việc này. Khi có người bị thương hoặc bị giết, khi những chiếc cáng được khiêng đi, khi quân ta quay trở lại, khi những khối quân địch lớn thấp thoáng qua làn khói, không ai chú ý đến những tình tiết này. Nhưng khi pháo binh hoặc kỵ binh đi qua phía trước, những chuyển động của bộ binh ta lộ ra, những lời nhận xét tán thưởng lại vang lên từ khắp phía. Tuy nhiên, sự

chú ý lớn nhất lại dành cho những sự kiện hoàn toàn không liên quan, không có chút dính dáng nào đến trận chiến. Như thể tâm trí của những con người kiệt quệ về tinh thần này đang nghỉ ngơi trong những sự kiện đời thường, tầm thường này. Một khẩu đội pháo đi ngang qua phía trước trung đoàn. Tại một trong những chiếc hòm đạn pháo, con ngựa phụ đã dẫm vào dây kéo. «Ê, con ngựa phụ kìa !.. Sửa lại đi ! Nó ngã mất... Ích gì, họ không thấy !..» khắp trung đoàn mọi người đều hét lên như nhau từ các hàng quân. Lần khác, sự chú ý chung bị thu hút bởi một con chó nhỏ màu nâu, đuôi dựng đứng, không biết từ đâu ra, chạy nước kiệu lo lắng trước các hàng quân và bỗng nhiên vì một quả đạn pháo rơi gần đó mà rú lên, cụp đuôi lại, lao sang một bên. Tiếng cười rộ lên và những tiếng kêu vang khắp trung đoàn. Nhưng những trò giải trí kiểu này chỉ kéo dài vài phút, còn những con người đã đứng hơn tám tiếng đồng hồ không ăn và không có việc gì làm dưới nỗi kinh hoàng khôn nguôi của cái chết, và những khuôn mặt tái nhợt, cau có lại càng tái nhợt và cau có hơn.

Công tước Andrei cũng giống như vậy, giống như tất cả mọi người trong trung đoàn, cau có và tái nhợt, đi tới đi lui trên bãi cỏ cạnh cánh đồng yến mạch từ ranh giới này sang ranh giới khác, hai tay chắp sau lưng và cúi đầu. Không có việc gì làm và cũng chẳng có lệnh gì

để ban ra cho ông. Mọi thứ tự nó diễn ra. Những người chết được kéo ra sau mặt trận, những người bị thương được đưa đi, các hàng quân khép lại. Nếu lính tráng chạy đi, họ lập tức vội vàng quay trở lại. Lúc đầu Công tước Andrei, coi đó là bổn phận của mình để khích lệ lòng can đảm của binh sĩ và làm gương cho họ, đã đi dạo qua các hàng quân ; nhưng sau đó ông tin chắc rằng ông không có gì để dạy họ và không có gì để dạy họ cả. Tất cả sức mạnh tâm hồn ông, cũng giống như của mỗi người lính, đều hướng về một cách vô thức vào việc giữ cho mình khỏi suy ngẫm về nỗi kinh hoàng của tình cảnh mà họ đang gặp phải. Ông đi trên bãi cỏ, lê chân, làm xào xạc cỏ và quan sát bụi bặm bám đầy đôi ủng của mình : lúc thì ông bước những bước dài, cố gắng bước vào những dấu chân để lại bởi những người thợ cắt cỏ trên bãi cỏ ; lúc thì ông, đếm những bước chân của mình, tính toán xem mình phải đi bao nhiêu lần từ ranh giới này đến ranh giới kia để đi hết một dặm ; lúc thì ông bứt những bông hoa ngải cứu mọc trên ranh giới, vò chúng trong lòng bàn tay và ngửi mùi hương thơm đắng, nồng nàn. Từ tất cả công việc của ngày hôm qua, không còn ý nghĩ nào sót lại. Ông không nghĩ về bất cứ điều gì. Ông lắng nghe bằng đôi tai mệt mỏi tất cả những âm thanh cũ đó, phân biệt tiếng rít của những viên đạn qua tiếng gầm của những phát súng,

nhìn vào những khuôn mặt đã trở nên quen thuộc của những người lính tiểu đoàn 1 và chờ đợi. «Đây rồi... quả này lại hướng về phía chúng ta !» ông nghĩ, lắng nghe tiếng rít đang đến gần từ vùng khói bị che khuất. «Một quả, quả nữa ! Lại nữa ! Trúng rồi...» Ông dừng lại và nhìn vào các hàng quân. «Không, bay qua rồi. À, quả này thì trúng rồi.» Và ông lại bắt đầu đi, cố gắng thực hiện những bước chân lớn sao cho trong 16 bước thì đến ranh giới. Tiếng rít và va chạm ! Cách ông năm bước, đất khô bị tung lên và một quả đạn pháo biến mất. Một luồng lạnh bất chợt chạy dọc sống lưng ông. Ông lại nhìn vào các hàng quân. Có lẽ, nhiều người đã bị hạ gục ; một đám đông lớn đã tụ tập ở tiểu đoàn 2.

– Sĩ quan tùy tùng, – ông gọi to, – hãy ra lệnh cho họ đừng tụ tập lại.

Viên sĩ quan tùy tùng, thực hiện mệnh lệnh, tiến lại gần Công tước Andrei. Từ phía bên kia, viên chỉ huy tiểu đoàn phi ngựa tới.

«Hãy coi chừng !» tiếng kêu sợ hãi của một người lính vang lên, và giống như một con chim rít lên trong chuyến bay nhanh, sà xuống đất, cách Công tước Andrei hai bước, cạnh con ngựa của viên chỉ huy tiểu đoàn, một quả lựu đạn rơi xuống với tiếng đập nhẹ. Con ngựa trước tiên, không hỏi xem việc thể hiện nỗi sợ hãi là tốt

hay xấu, đã phì phò, chồm lên, suýt nữa làm rơi viên thiếu tá, và nhảy sang một bên. Nỗi kinh hoàng của con ngựa lây sang những người xung quanh.

– Nằm xuống ! – tiếng của viên sĩ quan tùy tùng hét lên, khi anh ta nằm rạp xuống đất.

Công tước Andrei đứng trong sự do dự. Quả lựu đạn, như một con quay, tỏa khói, xoay tròn giữa ông và viên sĩ quan tùy tùng đang nằm, trên mép đất cày và bãi cỏ, cạnh bụi cây ngải cứu.

«Chẳng lẽ đây là cái chết ?» Công tước Andrei nghĩ, nhìn với một ánh mắt hoàn toàn mới, đầy ghen tị vào đám cỏ, vào cây ngải cứu và vào luồng khói đang cuộn lên từ vật thể màu đen đang xoay tròn. «Mình không thể, mình không muốn chết, mình yêu cuộc sống, yêu đám cỏ này, đất này, không khí này...» Ông nghĩ về điều đó và đồng thời nhớ rằng mọi người đang nhìn ông.

– Thật đáng xấu hổ, thưa ông sĩ quan ! – ông nói với viên sĩ quan tùy tùng, – cái gì...

Ông chưa nói hết câu. Cùng lúc đó, một tiếng nổ vang lên, tiếng rít của các mảnh đạn như từ một khung cửa sổ bị vỡ, mùi thuốc súng ngột ngạt, và Công tước Andrei

bị văng sang một bên, giơ tay lên cao, ngã sấp ngực xuống đất.

Vài sĩ quan chạy lại phía ông. Từ phía bên phải bụng, một vết máu lớn loang ra trên cỏ.

Những người dân binh được gọi đến cùng với chiếc cáng đã dừng lại phía sau các sĩ quan. Công tước Andrei nằm sấp mặt xuống đất, thở hổn hển một cách nặng nề.

– Nào, đứng đờ ra đó làm gì, lại đây !

Những người đàn ông tiến lại gần và nắm lấy vai và chân ông, nhưng ông rên rỉ thảm thiết, và những người đàn ông, nhìn nhau, lại hạ ông xuống.

– Cầm lấy đi, đặt lên, tất cả đều như nhau thôi ! – tiếng của ai đó hét lên.

Lần nữa họ nắm lấy vai ông và đặt lên cáng.

– Ôi, Chúa tôi, Chúa tôi ! Cái gì thế này... Cái bụng! Đây là kết thúc rồi ! Ôi, Chúa tôi ! – những tiếng nói vang lên giữa các sĩ quan.

– Một viên đạn rít qua tai, – viên sĩ quan tùy tùng nói.

Những người đàn ông, đặt chiếc cáng lên vai, vội vã lên đường theo con đường mòn mà họ đã tạo ra để đến trạm cứu thương.

– Đi vào chân kìa... Ê !.. quân nhà quê ! – một sĩ quan hét lên, giữ vai những người đàn ông đang đi không đều và làm rung chuyển chiếc cáng.

– Chỉnh lại đi, hay là, Fedor, à Fedor, – người đàn ông đi phía trước nói.

– Đấy, thế này, vững chãi rồi, – người đi sau vui vẻ nói, khi bước trúng chân.

– Thưa điện hạ, Công tước ? – Timokhin nói với giọng run rẩy, chạy lại gần nhìn vào chiếc cáng.

Công tước Andrei mở mắt và nhìn ra từ chiếc cáng, trong đó đầu ông đã lún sâu vào, về phía người đang nói, và lại nhắm mắt.

Những người dân binh khiêng Công tước Andrei đến khu rừng, nơi những chiếc xe tải đang đỗ và nơi trạm cứu thương tọa lạc. Trạm cứu thương bao gồm ba chiếc lều trải ra, với những vạt áo được vén lên, nằm ở bìa rừng bạch dương. Trong rừng bạch dương có những chiếc xe tải và ngựa. Những con ngựa trong máng ăn đang ăn yến mạch, và những con chim sẻ bay đến chỗ

chúng và nhặt những hạt rơi vãi. Những đàn quạ, đánh hơi thấy mùi máu, mất kiên nhẫn kêu oác oác, bay lượn trên những cây bạch dương. Xung quanh các lều, trên diện tích hơn hai mẫu đất, những con người nằm, ngồi, đứng đầy máu trong những trang phục khác nhau. Xung quanh những người bị thương với những khuôn mặt ủ rũ và chăm chú là những đám đông lính khiêng cáng, những người mà cấp trên cố gắng đuổi ra khỏi nơi này một cách vô ích. Không nghe lời các sĩ quan, những người lính đứng đó, tựa vào chiếc cáng, và nhìn chăm chú, như thể cố gắng hiểu ý nghĩa khó khăn của cảnh tượng đó. Từ trong các lều nghe thấy những tiếng kêu to, dữ dội, hoặc những tiếng rên rỉ thảm thiết. Đôi khi các y tá chạy ra từ đó để lấy nước và chỉ vào những người cần được mang vào. Những người bị thương, chờ đợi đến lượt mình trước lều, khò khè, rên rỉ, khóc lóc, la hét, chửi rủa, đòi rượu. Một số mê sảng. Công tước Andrei, như một chỉ huy trung đoàn, bước qua những người bị thương chưa được băng bó, được khiêng lại gần một trong những chiếc lều hơn và dừng lại, chờ đợi mệnh lệnh. Công tước Andrei mở mắt và trong một thời gian dài không thể hiểu những gì đang diễn ra xung quanh mình. Bãi cỏ, cây ngải cứu, đất cày, vật thể màu đen đang xoay tròn và sự bùng phát mãnh liệt của tình yêu đối với cuộc sống hiện ra trong tâm trí ông. Cách

ông hai bước, nói to và thu hút sự chú ý chung, là một hạ sĩ quan cao ráo, đẹp trai, tóc đen, đầu quấn băng, đứng tựa vào một cành cây. Anh ta bị thương ở đầu và chân bằng đạn. Xung quanh anh ta, những người bị thương và lính khiêng cáng tham lam lắng nghe lời anh ta nói.

– Chúng ta đã đánh chúng từ đó như thế nào, họ đã vứt bỏ tất cả, ngay cả nhà vua cũng bị bắt, – người lính hét lên với đôi mắt đen cháy rực và nhìn quanh mình. – Chỉ cần quân dự bị đến đúng lúc đó, hỡi người anh em của tôi, sẽ không còn dấu vết nào của hắn, vì tôi nói thật với anh...

Công tước Andrei cũng giống như tất cả những người xung quanh người kể chuyện, nhìn anh ta với ánh mắt rạng rỡ và cảm thấy một cảm giác an ủi. «Nhưng chẳng lẽ bây giờ không phải tất cả đều như nhau sao», ông nghĩ. «Và điều gì sẽ xảy ra ở đó và điều gì đã xảy ra ở đây ? Tại sao mình lại thấy tiếc nuối khi phải từ biệt cuộc sống như vậy ? Có điều gì đó trong cuộc sống này mà mình không hiểu và không hiểu.»

XXXVII

Một trong những bác sĩ mặc tạp dề đầy máu và với đôi bàn tay nhỏ đầy máu, trong đó ông ta cầm một điếu xì gà giữa ngón út và ngón cái (để không làm bẩn nó), bước ra khỏi lều. Vị bác sĩ này ngẩng đầu lên và bắt đầu nhìn sang các phía, nhưng nhìn cao hơn những người bị thương. Rõ ràng, ông ta muốn nghỉ ngơi một chút. Đảo mắt một lát về bên phải rồi bên trái, ông ta thở dài và hạ mắt xuống.

– Nào, bây giờ, – ông ta nói theo lời của y tá, người đang chỉ cho ông ta về Công tước Andrei, và ra lệnh khiêng ông vào lều.

Trong đám đông những người bị thương đang chờ đợi, một tiếng xầm xì nổi lên.

– Thấy đấy, ngay cả ở thế giới bên kia, các quý ông cũng sống một mình, – một người nói.

Công tước Andrei được đưa vào và đặt lên chiếc bàn vừa mới được dọn sạch, nơi một y tá đang rửa một cái gì đó. Công tước Andrei không thể phân biệt riêng biệt những gì có trong lều. Những tiếng rên rỉ đau đớn từ các phía khác nhau, nỗi đau hành hạ ở đùi, bụng và lưng làm ông phân tâm. Tất cả những gì ông thấy xung

quanh mình đều hòa lẫn thành một ấn tượng chung về cơ thể người trần truồng đầy máu, dường như lấp đầy toàn bộ chiếc lều thấp, giống như vài tuần trước cái ao bùn nóng nực trên đường Smolensk đã lấp đầy. Phải, đó chính là cơ thể đó, chính cái chair à canon đó, cái mà hình ảnh của nó ngay từ lúc đó, như thể báo trước hiện tại, đã khơi dậy trong ông nỗi kinh hoàng.

Trong lều có ba chiếc bàn. Hai chiếc đã có người, chiếc thứ ba họ đặt Công tước Andrei lên. Trong một thời gian, họ để ông một mình, và ông vô tình nhìn thấy những gì đang diễn ra trên hai chiếc bàn khác. Trên bàn gần nhất có một người Tartar đang ngồi, có lẽ là một người Cossack, xét theo quân phục quăng dưới chân. Bốn người lính giữ anh ta. Vị bác sĩ đeo kính đang cắt một cái gì đó trên cái lưng nâu, đầy cơ bắp của anh ta.

– Ôi, ôi, ôi !.. – người Tartar kêu lên như lợn rừng, và bỗng nhiên, ngẩng khuôn mặt gò má cao, đen, mũi hếch lên, nhe hàm răng trắng nhởn, bắt đầu vùng vẫy, giật giật và rú lên một tiếng rít dài, chói tai. Trên chiếc bàn kia, xung quanh đó có rất nhiều người tụ tập, một người đàn ông to lớn, đầy đặn nằm ngửa, đầu ngả ra sau (mái tóc xoăn, màu sắc và hình dạng của cái đầu dường như quen thuộc một cách kỳ lạ với Công tước Andrei). Vài y tá đè lên ngực người đàn ông này và giữ anh ta.

Một cái chân trắng, to, đầy đặn co giật nhanh chóng và liên tục với những cơn run rẩy co thắt. Người đàn ông này nức nở và nghẹn ngào một cách dữ dội. Hai bác sĩ im lặng – một người tái nhợt và run rẩy – đang làm gì đó trên cái chân đỏ rực kia của người đàn ông này. Sau khi xử lý xong người Tartar, vị bác sĩ đeo kính, lau tay, đi tới chỗ Công tước Andrei.

Ông ta nhìn vào mặt Công tước Andrei và vội vàng quay đi.

– Cởi đồ ra ! Đứng đờ ra đó làm gì ? – ông ta hét lên giận dữ với các y tá.

Ký ức thời thơ ấu xa xôi nhất hiện về trong tâm trí Công tước Andrei khi viên y tá với đôi tay xắn cao vội vã cởi các cúc áo và cởi quần áo của ông. Vị bác sĩ cúi xuống vết thương, sờ nắn nó và thở dài nặng nề. Sau đó ông ta ra hiệu cho ai đó. Và nỗi đau hành hạ bên trong bụng khiến Công tước Andrei bất tỉnh. Khi ông tỉnh lại, những mảnh xương đùi bị vỡ đã được lấy ra, những miếng thịt đã được cắt bỏ và vết thương đã được băng bó. Họ vẩy nước vào mặt ông. Ngay khi Công tước Andrei mở mắt, vị bác sĩ cúi xuống ông, lặng lẽ hôn vào môi ông và vội vàng đi chỗ khác.

Sau nỗi đau đớn đã trải qua, Công tước Andrei cảm thấy một niềm hạnh phúc mà ông đã lâu không được nếm trải. Tất cả những khoảnh khắc tốt đẹp nhất, hạnh phúc nhất trong cuộc đời ông, đặc biệt là thời thơ ấu xa xưa nhất, khi ông được cởi quần áo và đặt vào cũi, khi người vú nuôi, đu đưa, hát cho ông nghe, khi chôn đầu vào gối, ông cảm thấy mình hạnh phúc chỉ với ý thức về cuộc sống, hiện ra trong trí tưởng tượng của ông, thậm chí không phải như quá khứ, mà như là thực tại. Xung quanh người bị thương đó, những đường nét trên khuôn mặt có vẻ quen thuộc với Công tước Andrei, các bác sĩ đang bận rộn, họ nâng anh ta lên và trấn an anh ta.

– Hãy cho tôi xem... Ôi ! ồ ! ôi ! – tiếng rên rỉ ngắt quãng bởi những tiếng nức nở, sợ hãi và phục tùng trước nỗi đau của anh ta vang lên.

Nghe những tiếng rên rỉ này, Công tước Andrei muốn khóc. Có phải vì ông đang chết mà không có vinh quang; hay vì ông thấy tiếc nuối khi phải từ biệt cuộc sống ; hay vì những ký ức tuổi thơ không thể quay lại này ; hay vì ông đau đớn, vì những người khác rên rỉ và tiếng rên rỉ này vang lên thảm thiết trước mặt ông, – nhưng ông muốn khóc những giọt nước mắt trẻ con, nhân hậu, gần như vui sướng.

Người bị thương được cho xem cái chân đã bị cắt rời với đôi ủng bám đầy máu khô.

– Ô ! Ô ! – anh ta òa khóc như một người phụ nữ.

Vị bác sĩ đứng trước người bị thương, che mặt anh ta lại, đi ra chỗ khác.

– Chúa tôi ! Cái gì thế này ? Tại sao anh ta lại ở đây ? – Công tước Andrei tự nói với mình.

Trong con người bất hạnh, đang nức nở, kiệt sức đó, người mà họ vừa lấy đi cái chân, ông đã nhận ra Anatole Kuragin. Anatole được giữ trên tay và được mời uống nước trong một chiếc cốc, vành cốc mà anh ta không thể ngậm lấy bằng đôi môi run rẩy, sưng tấy. Anatole nức nở nặng nề. «Phải, đó là anh ta ; phải, người này có điều gì đó gần gũi và liên quan chặt chẽ với tôi», Công tước Andrei nghĩ, chưa hiểu rõ những gì đang diễn ra trước mắt mình. «Mối liên hệ của con người này với tuổi thơ của tôi, với cuộc đời tôi là gì ?» ông tự hỏi, không tìm thấy câu trả lời. Và bỗng nhiên, một ký ức mới, bất ngờ từ thế giới tuổi thơ, trong sạch và yêu thương hiện ra trước Công tước Andrei. Ông nhớ lại Natasha như cái cách mà ông đã thấy cô lần đầu tiên tại buổi khiêu vũ năm 1810, với chiếc cổ thon, đôi tay, với khuôn mặt sẵn sàng rạng rỡ, sợ hãi, hạnh phúc, và tình yêu và sự dịu

dàng đối với cô trỗi dậy trong tâm hồn ông còn sống động và mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bây giờ ông đã nhớ lại mối liên hệ tồn tại giữa ông và con người này, người đang nhìn ông qua những giọt nước mắt làm đầy đôi mắt sưng húp, mờ đục. Công tước Andrei nhớ lại tất cả, và một lòng thương xót và tình yêu vô bờ bến đối với con người này đã lấp đầy trái tim hạnh phúc của ông.

Công tước Andrei không thể kìm nén thêm được nữa và đã khóc những giọt nước mắt dịu dàng, đầy yêu thương trên những con người, trên chính mình và trên những sai lầm của họ và của chính mình.

«Lòng trắc ẩn, tình yêu đối với anh em, đối với những người yêu thương ta ; tình yêu đối với những kẻ ghét ta, tình yêu đối với kẻ thù ; phải, cái tình yêu mà Chúa đã thuyết giáo trên trái đất, cái mà Công chúa Marya đã dạy tôi và cái mà tôi không hiểu, – đó là lý do tại sao tôi thấy tiếc nuối cho cuộc sống, đó là cái còn lại cho tôi, nếu tôi còn sống. Nhưng bây giờ đã quá muộn rồi. Tôi biết điều đó !»

XXXVIII

Cảnh tượng kinh hoàng của chiến trường, phủ đầy xác chết và những người bị thương, kết hợp với sức nặng của cái đầu và với những tin tức về việc bị giết và bị thương của hai mươi vị tướng quen thuộc và với ý thức về sự bất lực của cánh tay trước kia mạnh mẽ của mình đã tạo ra một ấn tượng bất ngờ đối với Napoleon, người vốn thường thích quan sát những người bị giết và bị thương, thử thách sức mạnh tâm hồn của mình theo cách đó (như ông ta nghĩ). Vào ngày này, cảnh tượng kinh hoàng của chiến trường đã chiến thắng sức mạnh tâm hồn đó, cái mà ông ta coi là công lao và sự vĩ đại của mình. Ông ta vội vàng rời khỏi chiến trường và quay trở lại gò Shevardino. Vàng vọt, sưng húp, nặng nề, với đôi mắt mờ đục, chiếc mũi đỏ và giọng nói khàn khàn, ông ta ngồi trên một chiếc ghế xếp, vô tình lắng nghe những tiếng súng và không ngước mắt lên. Ông ta chờ đợi với nỗi buồn bệnh tật sự kết thúc của công việc đó mà ông ta coi mình là người tham gia, nhưng là người mà ông ta không thể ngăn cản. Cảm giác nhân bản tự nhiên trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã chiếm ưu thế trên cái bóng ma nhân tạo của cuộc đời mà ông ta đã phục vụ quá lâu. Ông ta tự gánh lấy những đau khổ và cái chết mà ông ta đã thấy trên chiến trường.

Sức nặng của cái đầu và ngực nhắc nhở ông ta về khả năng của những đau khổ và cái chết cho chính mình. Vào phút này, ông ta không muốn cho mình cả Moscow, lẫn chiến thắng, lẫn vinh quang (ông ta còn cần vinh quang nào nữa !). Điều duy nhất ông ta mong muốn bây giờ là nghỉ ngơi, yên tĩnh và tự do. Tuy nhiên, khi ông ta ở trên cao điểm Semenovskoye, chỉ huy pháo binh đã đề nghị ông ta đặt vài khẩu đội lên những cao điểm này để tăng cường hỏa lực vào những quân Nga đang tập trung trước Knyazkovo. Napoleon đồng ý và ra lệnh mang tin tức cho ông ta về việc những khẩu đội này sẽ tạo ra tác động gì.

Một sĩ quan tùy tùng đến nói rằng theo lệnh của hoàng đế, 200 khẩu súng đã hướng vào quân Nga, nhưng quân Nga vẫn đứng vững như vậy.

– Hỏa lực của chúng ta quét sạch từng hàng của họ, nhưng họ vẫn đứng, – viên sĩ quan tùy tùng nói.

– Chúng vẫn còn muốn nữa !.. – Napoleon nói với giọng khàn khàn.

– Bệ hạ ? – viên sĩ quan tùy tùng không nghe rõ lặp lại.

– Chúng vẫn còn muốn nữa, – Napoleon cau mày nói với giọng khàn khàn, – vậy thì cho chúng thêm đi.

Và không cần lệnh của ông ta, những gì ông ta không muốn vẫn được thực hiện, và ông ta ra lệnh chỉ vì ông ta nghĩ rằng người ta chờ đợi lệnh của ông ta. Và ông ta lại một lần nữa chuyển vào thế giới cũ, nhân tạo của mình về những bóng ma về một sự vĩ đại nào đó, và một lần nữa (giống như con ngựa đó, đi bộ trên vòng tròn của bánh xe kéo, tự tưởng tượng rằng mình đang làm gì đó cho mình) ông ta phục tùng đóng vai trò tàn ác, buồn bã và nặng nề, phi nhân tính đã được định sẵn cho mình.

Và không chỉ vào giờ này và ngày này mà tâm trí và lương tâm của con người này, người mang trên mình toàn bộ sức nặng của những gì đang diễn ra, bị lu mờ ; mà không bao giờ, cho đến cuối đời, ông ta có thể hiểu được cái thiện, cái đẹp, sự thật, ý nghĩa của những hành động của mình, những hành động vốn quá trái ngược với cái thiện và sự thật, quá xa rời tất cả những gì là nhân bản để ông ta có thể hiểu được ý nghĩa của chúng. Ông ta không thể từ bỏ những hành động của mình, vốn được một nửa thế giới ca ngợi, và do đó ông ta phải từ bỏ sự thật và cái thiện và tất cả những gì là nhân bản.

Không chỉ vào ngày này, khi đi qua bãi chiến trường đầy xác chết và những người bị tàn phế (như ông ta

nghĩ, theo ý chí của mình), ông ta, khi nhìn vào những con người này, đã tính toán xem có bao nhiêu người Nga cho một người Pháp, và đánh lừa chính mình, tìm ra lý do để vui mừng rằng cứ một người Pháp thì có năm người Nga. Không chỉ vào ngày này, ông ta đã viết trong bức thư gửi Paris rằng «le champ de bataille a été superbe», bởi vì trên đó có 50 ngàn xác chết ; mà ngay cả ở đảo St. Helena, trong sự tĩnh lặng của nơi ẩn dật, nơi ông ta nói rằng ông ta dự định dành thời gian rảnh rỗi của mình để trình bày những việc lớn lao mà ông ta đã làm, ông ta đã viết :

«Cuộc chiến với Nga đáng lẽ phải là cuộc chiến phổ biến nhất của thời hiện đại : đó là cuộc chiến của lương tri và những lợi ích thực sự, của sự nghỉ ngơi và an ninh cho tất cả mọi người ; nó hoàn toàn mang tính chất hòa bình và bảo thủ.

«Nó dành cho sự nghiệp lớn lao, cho sự kết thúc của những rủi ro và để bắt đầu sự an toàn. Một chân trời mới, những công việc mới sẽ mở ra, đầy hạnh phúc và thịnh vượng cho tất cả mọi người. Hệ thống châu Âu đã được thiết lập ; nó chỉ còn là vấn đề tổ chức nó.

«Hài lòng về những điểm lớn lao này và yên tĩnh ở khắp mọi nơi, tôi cũng sẽ có đại hội và liên minh thánh của mình. Đó là những ý tưởng mà người ta đã đánh

cắp của tôi. Trong cuộc họp của các quốc vương vĩ đại này, chúng tôi sẽ thảo luận về lợi ích của mình như trong gia đình và thanh toán với các dân tộc như chủ nợ với con nợ.

«Châu Âu sẽ sớm thực sự tạo thành một dân tộc duy nhất, và mỗi người, khi đi du lịch khắp nơi, sẽ luôn thấy mình ở trong một quê hương chung. Tôi sẽ yêu cầu tất cả các con sông có thể giao thông được cho tất cả mọi người, sự chung tay của các vùng biển, và để các đội quân thường trực lớn được giảm bớt xuống chỉ còn là đội cận vệ của các quốc vương.

«Khi trở về Pháp, trong lòng quê hương, vĩ đại, mạnh mẽ, huy hoàng, yên tĩnh, vinh quang, tôi sẽ tuyên bố rằng biên giới của nó là không thay đổi ; mọi cuộc chiến tương lai, thuần túy mang tính phòng thủ ; mọi sự mở rộng mới là phản quốc. Tôi sẽ kết nối con trai mình vào đế chế ; chế độ độc tài của tôi sẽ kết thúc, và triều đại lập hiến của nó sẽ bắt đầu...

«Paris sẽ là thủ đô của thế giới, và người Pháp là niềm ghen tị của các dân tộc !..

«Thời gian rảnh rỗi sau đó và những ngày già của tôi sẽ được dành cho việc đồng hành với hoàng hậu và trong suốt quá trình học tập hoàng gia của con trai tôi,

đi thăm thú từ từ và như một cặp đôi nhà quê thực thụ, với những con ngựa riêng của chúng tôi, tất cả các ngóc ngách của Đế chế, nhận những lời phàn nàn.»

Ông, người được Định mệnh giao cho vai trò đau đớn và mất tự do của kẻ hành quyết các dân tộc, đã tự thuyết phục mình rằng mục đích các hành động của ông là vì hạnh phúc của các dân tộc và rằng ông có thể điều khiển số phận của hàng triệu người và bằng con đường quyền lực để làm những việc thiện !

«Trong số 400.000 người vượt sông Vistula, – ông viết tiếp về cuộc chiến ở Nga, – một nửa là người Áo, Phổ, Saxon, Ba Lan, Bavaria, Württemberg, Mecklenburg, Tây Ban Nha, Ý và Naples. Quân đội đế chế đúng nghĩa có một phần ba bao gồm người Hà Lan, Bỉ, dân cư ven bờ sông Rhine, người Piedmont, Thụy Sĩ, Geneva, Tuscan, La Mã, dân cư thuộc sư đoàn quân sự số 32, Bremen, Hamburg, v.v.; nó chỉ có vẻn vẹn 140.000 người nói tiếng Pháp. Cuộc viễn chinh sang Nga gây tổn thất cho nước Pháp hiện nay chưa đầy 50.000 người : quân đội Nga trong cuộc rút lui từ Wilna đến Moscow, qua các trận đánh khác nhau, đã mất nhiều gấp bốn lần quân đội Pháp ; vụ cháy Moscow đã làm 100.000 người Nga thiệt mạng vì lạnh và đói khổ trong rừng ; cuối cùng, trong cuộc hành quân từ Moscow đến sông Oder, quân

đội Nga cũng bị ảnh hưởng bởi thời tiết khắc nghiệt ; khi đến Wilna nó chỉ còn 50.000 người, và tại Kalisch còn chưa đầy 18.000.»

Ông tưởng tượng rằng cuộc chiến với Nga đã xảy ra theo ý chí của ông, và nỗi kinh hoàng của những gì đã diễn ra không làm tâm hồn ông kinh ngạc. Ông mạnh dạn nhận lấy mọi trách nhiệm về sự việc, và trí óc mù quáng của ông thấy sự biện minh trong việc rằng trong số hàng chục ngàn người tử trận có ít người Pháp hơn người Hessen và người Bavaria.

XXXIX

Vài chục ngàn người nằm chết ở những tư thế khác nhau và trong những bộ quân phục khác nhau trên những cánh đồng và đồng cỏ thuộc về các quý ngài Davydov và những nông dân nhà nước, trên những cánh đồng và đồng cỏ mà trong hàng trăm năm nay những nông dân của các làng Borodino, Gorki, Shevardino và Semenovskoye đã cùng lúc thu hoạch mùa màng và chăn thả gia súc. Tại các điểm băng bó, trên diện tích một mẫu Anh, cỏ và đất đẫm máu. Những đám đông người bị thương và không bị thương của các đơn vị khác nhau, với khuôn mặt sợ hãi, một bên lết về phía Mojaisk, một bên lết về phía Valuyevo. Những đám đông khác, kiệt sức và đói khát, dưới sự chỉ huy của các sĩ quan, tiến về phía trước. Những người thứ ba đứng tại chỗ và tiếp tục nổ súng.

Trên khắp cánh đồng, vốn trước đó rực rỡ và đẹp đẽ với những ánh chớp của lưỡi lê và làn khói trong ánh mặt trời buổi sáng, giờ đây bao phủ một lớp sương mù của sự ẩm ướt và khói, và có mùi kỳ lạ của axit diêm tiêu và máu. Những đám mây tích tụ, và một cơn mưa nhỏ bắt đầu rơi xuống những người đã chết, những người bị thương, những người sợ hãi và những người

kiệt sức, và cả những người đang nghi ngờ. Như thể nó đang nói : «Đủ rồi, đủ rồi, mọi người. Hãy dừng lại... Hãy tỉnh lại đi. Các người đang làm gì thế ?»

Giờ đây làn sương mù ẩm ướt và khói, và có mùi lạ của axit diêm tiêu và máu. Những đám mây tích tụ, và cơn mưa nhỏ bắt đầu rơi xuống những người đã chết, những người bị thương, những người sợ hãi và những người kiệt sức, và cả những người đang nghi ngờ. Như thể nó đang nói : «Đủ rồi, đủ rồi, mọi người. Hãy dừng lại... Hãy tỉnh lại đi. Các người đang làm gì thế ?»

Đối với những con người mệt mỏi không có thức ăn và không được nghỉ ngơi ở cả hai bên, sự nghi ngờ bắt đầu nảy sinh như nhau về việc liệu họ có nên tiếp tục tiêu diệt lẫn nhau hay không, và trên mọi khuôn mặt đều lộ rõ sự dao động, và trong mỗi tâm hồn đều nảy sinh một câu hỏi như nhau : «Tại sao, vì ai mà tôi phải giết và bị giết ? Hãy giết bất cứ ai các người muốn ; hãy làm bất cứ điều gì các người muốn, còn tôi không muốn nữa !» Ý nghĩ này vào buổi tối đã chín muồi như nhau trong tâm hồn của mỗi người. Bất cứ lúc nào tất cả những người này cũng có thể kinh hoàng vì những gì họ đã làm, vứt bỏ mọi thứ và bỏ chạy đi bất cứ đâu.

Nhưng mặc dù vào cuối trận đánh, con người đã cảm nhận được toàn bộ nỗi kinh hoàng về hành động của

mình, mặc dù họ đã sẵn lòng dừng lại, một sức mạnh bí ẩn, không thể hiểu nổi nào đó vẫn tiếp tục điều khiển họ, và những pháo thủ đẫm mồ hôi, trong bụi thuốc súng và máu, chỉ còn lại một phần ba, mặc dù vấp ngã và hổn hển vì mệt mỏi, vẫn mang đạn tới, nạp đạn, nhắm bắn, châm ngòi : và những quả đạn pháo cũng bay đi nhanh chóng và tàn nhẫn từ cả hai phía và nghiền nát thân thể con người, và cái việc khủng khiếp đó vẫn tiếp tục được thực hiện, cái việc không phải được thực hiện theo ý muốn của con người, mà theo ý muốn của Đấng đang điều khiển con người và thế giới.

Bất cứ ai nhìn vào hậu phương tan tác của quân đội Nga sẽ nói rằng người Pháp chỉ cần nỗ lực thêm một chút nữa là quân đội Nga sẽ biến mất ; và bất cứ ai nhìn vào hậu phương của quân Pháp sẽ nói rằng người Nga chỉ cần nỗ lực thêm một chút nữa là người Pháp sẽ tiêu vong. Nhưng cả người Pháp và người Nga đều không thực hiện nỗ lực này, và ngọn lửa của trận đánh từ từ lụi tàn.

Người Nga không thực hiện nỗ lực này vì họ không tấn công người Pháp. Vào đầu trận đánh họ chỉ đứng chắn đường tới Moscow, và họ tiếp tục đứng như vậy vào cuối trận đánh, giống như họ đã đứng vào lúc bắt đầu. Nhưng ngay cả khi mục tiêu của người Nga là

đánh bật người Pháp, họ cũng không thể thực hiện nỗ lực cuối cùng này, vì tất cả các cánh quân Nga đều bị đánh tan, không có một bộ phận quân đội nào không chịu tổn thất trong trận đánh, và người Nga, vẫn đứng ở vị trí của mình, đã mất một nửa quân số của mình.

Người Pháp, với ký ức về tất cả những chiến thắng trong 15 năm qua, với niềm tin vào sự bất bại của Napoleon, với nhận thức rằng họ đã chiếm được một phần chiến trường, rằng họ chỉ mất một phần tư quân số và rằng họ vẫn còn đội cận vệ 20.000 người chưa hề chạm đến, có thể dễ dàng thực hiện nỗ lực này. Người Pháp, những người tấn công quân đội Nga với mục tiêu đánh bật họ khỏi vị trí, lẽ ra phải thực hiện nỗ lực này, vì cho đến khi đó, giống như người Nga đứng chắn đường tới Moscow, mục tiêu của người Pháp vẫn chưa đạt được, và tất cả những nỗ lực và mất mát của họ đều trở nên vô ích. Nhưng người Pháp đã không thực hiện nỗ lực này. Một số nhà sử học nói rằng Napoleon chỉ cần đưa đội cận vệ già chưa chạm đến của mình ra để trận đánh giành phần thắng. Nói về việc điều gì sẽ xảy ra nếu Napoleon đưa đội cận vệ của mình cũng giống như nói về việc điều gì sẽ xảy ra nếu mùa thu trở thành mùa xuân. Điều đó không thể xảy ra. Napoleon đã không đưa đội cận vệ của mình ra không phải vì ông không muốn, mà vì điều đó không thể thực hiện được.

Tất cả các tướng lĩnh, sĩ quan, binh lính của quân đội Pháp đều biết rằng điều này là không thể, vì tinh thần sa sút của quân đội không cho phép làm điều đó.

Không chỉ riêng Napoleon trải qua cảm giác giống như trong một cơn ác mộng rằng cú vung tay khủng khiếp lại rơi xuống một cách bất lực ; mà tất cả các tướng lĩnh, tất cả những người lính tham chiến và không tham chiến của quân đội Pháp, sau tất cả những kinh nghiệm của các trận đánh trước đó (nơi sau những nỗ lực ít hơn gấp mười lần kẻ địch đã bỏ chạy), đều trải qua một cảm giác kinh hoàng như nhau trước kẻ thù, kẻ sau khi mất một nửa quân số, vẫn đứng đó đe dọa vào lúc kết thúc trận đánh như lúc bắt đầu. Sức mạnh tinh thần của quân đội tấn công Pháp đã cạn kiệt. Không phải là chiến thắng được xác định bằng những mảnh vải trên cây gậy gọi là cờ, và bằng khoảng không gian mà quân đội đã đứng và đang đứng, mà là chiến thắng tinh thần, cái chiến thắng thuyết phục kẻ thù về ưu thế tinh thần của đối phương và về sự bất lực của chính mình, đã được người Nga giành được tại Borodino. Cuộc xâm lược của Pháp, như một con thú dữ bị thương nặng, cảm nhận thấy sự diệt vong của mình trong khi đang bỏ chạy; nhưng nó không thể dừng lại, cũng như quân đội Nga yếu hơn gấp đôi không thể không né tránh. Sau cú hích này, quân đội Pháp vẫn có thể lết đến Moscow

; nhưng ở đó, không cần những nỗ lực mới từ phía quân đội Nga, nó phải diệt vong, chảy máu đến chết vì vết thương chí mạng đã nhận tại Borodino. Hệ quả trực tiếp của trận Borodino là cuộc tháo chạy không lý do của Napoleon khỏi Moscow, sự trở lại theo con đường Smolensk cũ, sự diệt vong của cuộc xâm lược 500.000 người và sự diệt vong của nước Pháp dưới thời Napoleon, lần đầu tiên tại Borodino đã bị đặt dưới bàn tay của một đối thủ mạnh mẽ hơn về tinh thần.

PHẦN THỨ BA

I

Đối với trí tuệ con người, sự liên tục tuyệt đối của chuyển động là không thể hiểu nổi. Con người chỉ hiểu được các quy luật của bất kỳ chuyển động nào khi họ xem xét các đơn vị được lấy ra một cách tùy ý của chuyển động đó. Nhưng đồng thời từ việc chia nhỏ một cách tùy ý chuyển động liên tục thành các đơn vị rời rạc sẽ nảy sinh một phần lớn những sai lầm của con người.

Cái gọi là ngụy biện của người xưa đã được biết rõ, bao gồm việc Achilles sẽ không bao giờ đuổi kịp con rùa đi phía trước, mặc dù Achilles đi nhanh gấp mười lần con rùa : ngay khi Achilles đi hết khoảng cách ngăn cách ông với con rùa, con rùa sẽ đi thêm được một phần mười khoảng cách đó ; Achilles sẽ đi hết phần mười này, con rùa sẽ đi thêm được một phần trăm, v.v. cho đến vô tận. Bài toán này đối với người xưa dường như không thể giải được. Sự phi lý của lời giải (rằng Achilles sẽ không bao giờ đuổi kịp con rùa) nảy sinh từ việc người ta đã chấp nhận một cách tùy ý các đơn vị rời rạc của chuyển động, trong khi chuyển động của Achilles và con rùa diễn ra một cách liên tục.

Bằng cách lấy các đơn vị chuyển động ngày càng nhỏ hơn, chúng ta chỉ tiến gần đến lời giải của câu hỏi, nhưng không bao giờ đạt được nó. Chỉ bằng cách chấp nhận một đại lượng vô cùng nhỏ và cấp số tiến tăng dần từ nó lên đến một phần mười và lấy tổng của cấp số nhân này, chúng ta mới đạt được lời giải của câu hỏi. Một nhánh mới của toán học, sau khi đạt được nghệ thuật xử lý các đại lượng vô cùng nhỏ, giờ đây đưa ra câu trả lời cho những câu hỏi vốn dĩ dường như không thể giải được.

Nhánh toán học mới này, vốn không được người xưa biết đến, khi xem xét các câu hỏi về chuyển động, bằng cách chấp nhận các đại lượng vô cùng nhỏ, tức là những đại lượng mà theo đó điều kiện chính của chuyển động (sự liên tục tuyệt đối) được phục hồi, chính nhờ đó mà nó sửa chữa được sai lầm tất yếu mà trí tuệ con người không thể không mắc phải khi xem xét các đơn vị chuyển động riêng lẻ thay vì chuyển động liên tục.

Trong việc tìm kiếm các quy luật của chuyển động lịch sử, điều tương tự cũng xảy ra.

Chuyển động của nhân loại, xuất phát từ vô số ý chí cá nhân của con người, diễn ra một cách liên tục.

Việc nắm bắt các quy luật của chuyển động này là mục tiêu của lịch sử. Nhưng để nắm bắt được các quy luật của chuyển động liên tục của tổng hòa tất cả các ý chí của con người, trí tuệ con người chấp nhận các đơn vị tùy ý, rời rạc. Phương pháp đầu tiên của lịch sử bao gồm việc lấy một chuỗi các sự kiện liên tục tùy ý và xem xét nó tách biệt khỏi những sự kiện khác, trong khi không thể có điểm bắt đầu của bất kỳ sự kiện nào, mà một sự kiện luôn luôn nảy sinh liên tục từ một sự kiện khác. Phương pháp thứ hai bao gồm việc xem xét hành động của một con người, một vị vua, một vị tướng, như là tổng hòa các ý chí của con người, trong khi tổng hòa ý chí của con người không bao giờ được thể hiện trong hoạt động của một nhân vật lịch sử duy nhất.

Khoa học lịch sử trong quá trình phát triển của mình không ngừng lấy các đơn vị ngày càng nhỏ hơn để xem xét và bằng cách này cố gắng tiến gần đến sự thật. Nhưng cho dù các đơn vị mà lịch sử chấp nhận có nhỏ đến đâu, chúng ta vẫn cảm thấy rằng việc chấp nhận một đơn vị tách biệt khỏi đơn vị khác, việc chấp nhận sự bắt đầu của bất kỳ hiện tượng nào và việc chấp nhận rằng ý chí của tất cả mọi người được thể hiện trong hành động của một nhân vật lịch sử, tự thân chúng đã là sai lầm.

Bất kỳ kết luận nào của lịch sử, mà không có một nỗ lực nhỏ nhất nào từ phía sự phê phán, đều tan thành mây khói, không để lại gì sau nó, chỉ vì sự phê phán chọn cho mình đối tượng quan sát là một đơn vị rời rạc lớn hơn hoặc nhỏ hơn ; mà nó luôn có quyền làm như vậy, vì bất kỳ đơn vị lịch sử nào cũng luôn là tùy ý.

Chỉ bằng cách chấp nhận một đơn vị vô cùng nhỏ để quan sát – vi phân của lịch sử, tức là những thiên hướng đồng nhất của con người – và đạt được nghệ thuật tích phân (lấy tổng của những đại lượng vô cùng nhỏ này), chúng ta mới có thể hy vọng nắm bắt được các quy luật của lịch sử.

15 năm đầu tiên của thế kỷ XIX ở châu Âu cho thấy một chuyển động phi thường của hàng triệu người. Mọi người từ bỏ những công việc thường nhật của mình, lao từ phía này sang phía kia của châu Âu, cướp bóc, giết hại lẫn nhau, đắc thắng và tuyệt vọng ; và toàn bộ tiến trình cuộc sống trong vài năm thay đổi và thể hiện một chuyển động tăng cường, lúc đầu tăng lên, sau đó yếu đi. Nguyên nhân của chuyển động này là gì hoặc nó diễn ra theo những quy luật nào ? – trí tuệ con người đặt câu hỏi.

Các nhà sử học, trả lời câu hỏi này, trình bày cho chúng ta về những hành động và lời nói của vài chục

người trong một trong những tòa nhà của thành phố Paris, gọi những hành động và lời nói này bằng từ cách mạng ; sau đó đưa ra một tiểu sử chi tiết về Napoleon và một số người có thiện cảm hoặc thù địch với ông, kể về ảnh hưởng của một số người này lên những người khác và nói : đây là lý do tại sao chuyển động này đã xảy ra, và đây là các quy luật của nó.

Nhưng trí tuệ con người không chỉ từ chối tin vào lời giải thích này, mà còn nói thẳng rằng phương pháp giải thích là sai lầm, bởi vì trong cách giải thích này, hiện tượng yếu nhất lại được coi là nguyên nhân của hiện tượng mạnh nhất. Tổng hòa các ý chí của con người đã tạo ra cả cách mạng và Napoleon, và chỉ có tổng hòa các ý chí này mới dung dưỡng và tiêu diệt họ.

«Nhưng mỗi khi có các cuộc chinh phạt, đều có các nhà chinh phạt ; mỗi khi có các cuộc đảo chính trong quốc gia, đều có những con người vĩ đại», lịch sử nói. Thật vậy, mỗi khi có các nhà chinh phạt, đều có các cuộc chiến tranh, trí tuệ con người trả lời, nhưng điều này không chứng minh rằng các nhà chinh phạt là nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và có thể tìm thấy các quy luật của chiến tranh trong hoạt động cá nhân của một con người. Mỗi khi tôi nhìn vào đồng hồ của mình, tôi thấy rằng kim chỉ đến số 10, tôi nghe thấy

tiếng chuông bắt đầu ở nhà thờ bên cạnh ; nhưng từ việc mỗi khi kim chỉ đến 10 giờ thì tiếng chuông bắt đầu, tôi không có quyền kết luận rằng vị trí của kim đồng hồ là nguyên nhân của chuyển động của những quả chuông.

Mỗi khi tôi nhìn thấy chuyển động của đầu tàu, tôi nghe thấy tiếng còi, tôi thấy van mở ra và bánh xe chuyển động ; nhưng từ đó tôi không có quyền kết luận rằng tiếng còi và sự chuyển động của bánh xe là nguyên nhân của chuyển động của đầu tàu.

Nông dân nói rằng vào cuối mùa xuân có gió lạnh thổi qua, vì nụ sồi đang nở, và quả thực, mỗi mùa xuân đều có gió lạnh thổi qua khi sồi đang nở. Nhưng mặc dù tôi không biết nguyên nhân của việc thổi gió lạnh trong lúc nụ sồi đang nở, tôi không thể đồng ý với những người nông dân rằng nguyên nhân của gió lạnh là việc nở nụ sồi, bởi vì sức mạnh của gió nằm ngoài tầm ảnh hưởng của nụ. Tôi chỉ thấy một sự trùng hợp của những điều kiện diễn ra trong mọi hiện tượng đời sống, và tôi thấy rằng cho dù tôi có quan sát kim đồng hồ, van và bánh xe của đầu tàu, và nụ sồi chi tiết và kỹ lưỡng đến đâu, tôi cũng sẽ không biết được nguyên nhân của tiếng chuông, chuyển động của đầu tàu và gió mùa xuân. Để làm được điều này, tôi phải thay đổi hoàn toàn điểm quan sát của mình và nghiên cứu các quy luật chuyển

động của hơi nước, quả chuông và gió. Lịch sử cũng nên làm như vậy. Và những nỗ lực theo hướng này đã được thực hiện.

Để nghiên cứu các quy luật của lịch sử, chúng ta phải thay đổi hoàn toàn đối tượng quan sát, để các vị vua, các bộ trưởng và các tướng lĩnh được yên, mà hãy nghiên cứu các yếu tố đồng nhất, vô cùng nhỏ điều khiển các khối quần chúng. Không ai có thể nói con người đã được ban cho bao nhiêu để đạt được theo cách này sự hiểu biết về các quy luật của lịch sử ; nhưng rõ ràng là chỉ trên con đường này mới có khả năng nắm bắt được các quy luật lịch sử, và trí tuệ con người vẫn chưa dành một phần triệu những nỗ lực mà các nhà sử học đã dành cho việc mô tả các hành động của các vị vua, tướng lĩnh và bộ trưởng khác nhau và trình bày những suy nghĩ của họ về các hành động đó.

II

Sức mạnh của mười hai ngôn ngữ châu Âu đã tràn vào Nga. Quân đội Nga và người dân rút lui, tránh các cuộc đụng độ cho đến Smolensk và từ Smolensk đến Borodino. Quân đội Pháp với sức mạnh không ngừng tăng lên lao về phía Moscow, tới mục tiêu của sự chuyển động của mình. Sức mạnh tốc độ của nó, khi tiến gần đến mục tiêu, tăng lên giống như sự tăng tốc độ của một vật thể đang rơi khi tiến gần đến mặt đất. Phía sau – hàng ngàn dặm đất nước đói khát, thù địch ; phía trước – vài chục dặm tách biệt khỏi mục tiêu. Điều này được cảm nhận bởi mọi người lính trong quân đội Napoleon, và cuộc xâm lược tự mình tiến lên, chỉ nhờ vào một sức mạnh tốc độ duy nhất.

Trong quân đội Nga, cùng với đà rút lui, tinh thần căm phẫn quân thù ngày càng bốc cháy dữ dội : khi lùi về phía sau, nó tập trung lại và tăng dần lên. Tại Borodino, một cuộc chạm trán đã xảy ra. Cả quân đội này lẫn quân đội kia đều không tan rã, nhưng quân đội Nga ngay sau cuộc chạm trán đã rút lui theo một tất yếu khách quan, giống như một quả bóng tất yếu phải bật ra khi va chạm với một quả bóng khác đang lao tới nó với tốc độ lớn hơn ; và cũng theo một tất yếu như thế (mặc

dù đã mất hết toàn bộ lực lượng trong cú va chạm), quả bóng đang đà xâm lược ấy vẫn lăn thêm được một quãng đường nữa.

Người Nga rút lui xa 120 dặm – quá Moscow, người Pháp tiến đến Moscow và dừng lại ở đó. Trong vòng năm tuần sau đó không có một trận đánh nào. Người Pháp không di chuyển. Giống như một con thú bị thương nặng đang chảy máu, liếm các vết thương của mình, họ ở lại Moscow trong năm tuần mà không làm gì, và bất ngờ, không có nguyên nhân mới nào, lại chạy ngược trở lại : lao vào con đường Kaluga (và sau chiến thắng, cũng giống như tại Borodino, lại một lần nữa chiến trường thuộc về họ) dưới Malo–Yaroslavets, mà không tham gia vào một trận đánh nghiêm trọng nào, họ chạy nhanh hơn nữa về phía Smolensk, qua Smolensk, qua Wilna, qua Berezina và xa hơn nữa.

Vào buổi tối ngày 26 tháng 8, cả Kutuzov và toàn bộ quân đội Nga đều tin rằng trận Borodino đã thắng. Kutuzov đã viết như vậy cho hoàng đế. Kutuzov ra lệnh chuẩn bị cho một trận đánh mới để kết liễu kẻ thù, không phải vì ông muốn đánh lừa ai đó, mà vì ông biết rằng kẻ thù đã bị đánh bại, giống như mọi người tham gia trận đánh đều biết như vậy.

Nhưng ngay tối hôm đó và vào ngày hôm sau, các tin tức bắt đầu dồn dập đưa tới về những tổn thất chưa từng thấy, về việc mất một nửa quân đội ; và một trận đánh mới hóa ra là không thể về mặt vật lý.

Không thể đưa ra một trận đánh khi mà những dữ kiện vẫn chưa được thu thập, những người bị thương chưa được mang đi, đạn dược chưa được bổ sung, những người tử trận chưa được kiểm đếm, các chỉ huy mới chưa được bổ nhiệm thay cho những người đã chết, con người chưa được ăn uống và ngủ nghỉ. Và đồng thời ngay sau trận đánh, vào sáng hôm sau, quân đội Pháp (theo sức mạnh tốc độ của chuyển động, giờ đây tăng lên giống như tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách) đã tiến sát quân đội Nga. Kutuzov muốn tấn công vào ngày hôm sau, và toàn bộ quân đội đều muốn điều đó. Nhưng để tấn công, cần phải có mong muốn làm điều đó ; nhưng mong muốn này không có. Không thể không rút lui một chặng, sau đó cũng không thể không rút lui thêm một chặng thứ hai và thứ ba, và cuối cùng, vào ngày 1 tháng 9, khi quân đội tiến sát Moscow, mặc dù toàn bộ sức mạnh cảm xúc đã dâng cao trong các hàng ngũ quân đội, sức mạnh của sự việc đòi hỏi quân đội phải rút lui ra sau Moscow. Và quân đội đã rút lui thêm một chặng cuối cùng – chặng cuối cùng và nhường Moscow cho kẻ thù.

Đối với những người đã quen nghĩ rằng các kế hoạch chiến tranh và các trận đánh được các thống soái lập ra theo cùng một cách như mỗi chúng ta, khi ngồi trong phòng làm việc trên bản đồ, đưa ra những suy luận về việc mình sẽ sắp xếp như thế nào trong trận đánh này hay trận đánh kia, thì nảy sinh các câu hỏi : tại sao Kutuzov khi rút lui đã không làm như thế này hay thế kia, tại sao ông không chiếm vị trí trước Fili, tại sao ông không rút lui ngay sang con đường Kaluga, để lại Moscow, v.v. Những người đã quen nghĩ như vậy quên mất hoặc không biết những điều kiện tất yếu, trong đó hoạt động của bất kỳ tổng tư lệnh nào cũng luôn diễn ra. Hoạt động của một thống soái không hề có một chút tương đồng nào với hoạt động mà chúng ta tưởng tượng ra, khi ngồi tự do trong phòng làm việc, phân tích một chiến dịch nào đó trên bản đồ, với một số lượng quân đội nhất định ở bên này và bên kia và từ một địa điểm đã biết, và bắt đầu những suy luận của mình từ một thời điểm đã biết nào đó. Tổng tư lệnh không bao giờ ở trong những điều kiện bắt đầu của một sự kiện nào đó mà chúng ta luôn xem xét sự việc. Tổng tư lệnh luôn ở giữa một loạt các sự kiện đang chuyển động, đến mức ông không bao giờ, vào bất kỳ lúc nào, có thể suy nghĩ về toàn bộ ý nghĩa của sự việc đang diễn ra. Sự việc diễn ra một cách không nhận thấy, từng khoảnh khắc

một, và tại mỗi thời điểm của chuỗi sự kiện liên tục này, tổng tư lệnh ở trung tâm của một trò chơi mưu mô phức tạp nhất, những lo toan, sự lệ thuộc, quyền lực, các dự án, các lời khuyên, các mối đe dọa, sự lừa dối, luôn thấy mình trong sự cần thiết phải trả lời vô số các câu hỏi mâu thuẫn lẫn nhau được đưa ra cho mình.

Các nhà khoa học quân sự nói với chúng ta một cách rất nghiêm túc rằng Kutuzov đáng lẽ phải điều quân sang con đường Kaluga từ trước Fili, rằng thậm chí có người đã đề xuất một dự án như vậy. Nhưng trước một tổng tư lệnh, đặc biệt là trong một thời điểm khó khăn, không chỉ có một dự án, mà luôn có hàng chục dự án cùng một lúc. Và mỗi dự án trong số này, dựa trên chiến lược và chiến thuật, đều mâu thuẫn với cái khác. Có vẻ như nhiệm vụ của tổng tư lệnh chỉ là chọn lấy một trong những dự án này. Nhưng ngay cả điều này ông cũng không thể làm được. Các sự kiện và thời gian không chờ đợi. Người ta đề xuất với ông, giả sử, vào ngày 28 là chuyển sang con đường Kaluga ; nhưng đúng lúc đó một viên sĩ quan tùy tùng từ Miloradovich phi tới và hỏi có nên giao chiến ngay lúc này với người Pháp hay rút lui. Ông ta phải đưa ra mệnh lệnh ngay bây giờ, vào phút này. Mà mệnh lệnh rút lui làm chệch đi tiếp tế từ chỗ rẽ sang đường Kaluga. Và ngay sau viên sĩ quan tùy tùng, viên quản lý quân nhu hỏi phải chở lương

thực đi đâu, còn trưởng ban quân y hỏi phải chở thương binh đi đâu ; một sứ giả từ Petersburg mang tới bức thư của hoàng đế, không cho phép khả năng rời bỏ Moscow ; còn kẻ đối thủ của tổng tư lệnh, người đang đào chân tường dưới chân ông (luôn có những kẻ như vậy, và không chỉ một, mà là vài người), đề xuất một dự án mới, hoàn toàn trái ngược với kế hoạch rút lui sang đường Kaluga ; còn sức lực của chính tổng tư lệnh thì đòi hỏi giấc ngủ và sự bồi dưỡng ; còn một vị tướng đáng kính bị bỏ qua phần thưởng thì đến phàn nàn ; còn dân cư thì van nài sự bảo vệ ; viên sĩ quan được cử đi quan sát địa hình đến và báo cáo hoàn toàn ngược lại với những gì viên sĩ quan được cử đi trước đó đã nói ; còn tên thám tử, tên tù binh và vị tướng vừa đi trinh sát về tất cả đều mô tả khác nhau về vị trí của quân địch. Những người vốn đã quen không hiểu hoặc quên đi những điều kiện tất yếu này trong hoạt động của bất kỳ vị tổng tư lệnh nào, thường trình bày với chúng ta, chẳng hạn, tình thế của quân đội tại Fili và đồng thời giả định rằng vào ngày 1 tháng chín, tổng tư lệnh có thể hoàn toàn tự do giải quyết vấn đề về việc bỏ hay bảo vệ Moscow, trong khi với tình thế của quân đội Nga cách Moscow 5 dặm thì vấn đề này không thể tồn tại. Vậy khi nào vấn đề này đã được quyết định ? Cả ở Drissa, cả ở Smolensk, và rõ rệt nhất là vào ngày 24 ở Shevardino, và ngày 26

ở Borodino, và trong mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút của cuộc rút lui từ Borodino đến Fili.

III

Khi Yermolov, được Kutuzov cử đi để quan sát vị trí, nói với thống chế rằng dưới chân Moscow tại vị trí này không thể chiến đấu và phải rút lui, Kutuzov nhìn ông ta im lặng.

– Đưa tay đây cho ta, – ông nói, và xoay nó để bắt mạch ông ta, ông nói : – Anh không khỏe rồi, anh bạn thân mến. Hãy nghĩ lại xem anh đang nói gì.

Kutuzov vẫn chưa thể hiểu rằng có thể rút lui qua Moscow mà không có trận chiến.

Kutuzov trên đồi Poklonnaya, cách trạm gác Dorogomilovskaya sáu dặm, bước ra khỏi xe và ngồi xuống chiếc ghế băng bên lề đường. Một đám đông lớn các tướng lĩnh tập trung quanh ông. Bá tước Rastopchin, từ Moscow đến, gia nhập với họ. Tất cả giới thượng lưu rực rỡ này, chia thành nhiều nhóm nhỏ, bàn tán với nhau về những lợi hại của vị trí, về tình hình quân đội, về các kế hoạch dự kiến, về tình trạng của Moscow, nói chung về các vấn đề quân sự. Tất cả đều cảm thấy rằng mặc dù họ không được triệu tập cho mục đích đó, mặc dù nó không được gọi như vậy, nhưng đây thực sự là một hội đồng quân sự. Mọi cuộc trò chuyện đều nằm trong phạm

vi các vấn đề chung. Nếu ai đó thông báo hoặc tìm hiểu tin tức cá nhân, thì điều đó cũng được nói thầm, và ngay lập tức lại chuyển sang các vấn đề chung: không một lời đùa cợt, không một tiếng cười, thậm chí không một nụ cười mỉm nào được nhận thấy giữa tất cả những người này. Tất cả, rõ ràng, với nỗ lực cố gắng giữ mình ở mức độ cao của tình thế. Và tất cả các nhóm, vừa trò chuyện với nhau, vừa cố gắng giữ khoảng cách gần với vị tổng tư lệnh (người mà chiếc ghế băng của ông tạo thành trung tâm trong các nhóm này) và nói sao để ông có thể nghe thấy họ. Vị tổng tư lệnh lắng nghe và đôi khi hỏi lại những gì họ đang nói xung quanh ông, nhưng chính ông không tham gia vào cuộc trò chuyện và không bày tỏ bất kỳ ý kiến nào. Phần lớn, sau khi nghe cuộc trò chuyện của một nhóm nào đó, ông với vẻ thất vọng – như thể họ hoàn toàn không nói về những gì ông muốn biết – quay đi chỗ khác. Một số nói về vị trí đã chọn, chỉ trích không phải chính vị trí đó, mà là khả năng trí tuệ của những người đã chọn nó ; những người khác chứng minh rằng sai lầm đã được thực hiện từ trước, rằng lẽ ra phải chấp nhận trận chiến từ ba ngày trước ; những người thứ ba nói về trận chiến tại Salamanca, mà một người Pháp tên là Crossart vừa mới đến kể lại, trong bộ quân phục Tây Ban Nha. (Người Pháp này cùng với một trong những hoàng tử Đức phục vụ trong quân đội

Nga, đang phân tích cuộc bao vây Zaragoza, tiên liệu khả năng bảo vệ Moscow theo cách tương tự.) Trong nhóm thứ tư, bá tước Rastopchin nói về việc ông cùng với đội dân binh Moscow sẵn sàng hy sinh dưới chân tường thành của thủ đô, nhưng dù sao ông cũng không thể không hối tiếc về sự bất định đó, trong đó ông đã bị bỏ lại, và rằng nếu ông biết điều này sớm hơn, thì mọi chuyện đã khác... Những người thứ năm, thể hiện chiều sâu của các suy tính chiến lược của mình, nói về hướng mà quân đội nên đi. Những người thứ sáu nói điều hoàn toàn vô nghĩa. Khuôn mặt của Kutuzov ngày càng trở nên lo lắng và buồn bã hơn. Từ tất cả những cuộc trò chuyện này, Kutuzov thấy một điều : để bảo vệ Moscow thì không có bất kỳ khả năng vật lý nào theo đúng nghĩa của những từ này, nghĩa là đến mức độ không có khả năng đến nỗi nếu có một vị tổng tư lệnh điên rồ nào đó ra lệnh đưa ra trận chiến, thì sự hỗn loạn sẽ xảy ra và trận chiến dù sao cũng sẽ không có ; sẽ không có bởi vì tất cả các cấp chỉ huy không chỉ thừa nhận vị trí này là không thể, mà trong các cuộc trò chuyện của mình chỉ thảo luận về những gì sẽ xảy ra sau việc rời bỏ vị trí này một cách không thể tránh khỏi. Làm sao các cấp chỉ huy có thể dẫn quân của mình ra chiến trường, nơi mà họ coi là không thể ? Các cấp chỉ huy thấp hơn, thậm chí cả binh lính (họ cũng suy luận), cũng thừa nhận vị

trí này là không thể và do đó không thể đi chiến đấu với niềm tin vào sự thất bại. Nếu Bennigsen cứ khăng khăng đòi bảo vệ vị trí này và những người khác còn thảo luận về nó, thì vấn đề này đối với họ đã không còn ý nghĩa tự thân nữa, mà chỉ có ý nghĩa như một cái cớ để tranh luận và âm mưu. Kutuzov hiểu điều này.

Bennigsen, sau khi chọn vị trí, nhiệt tình phô trương lòng yêu nước Nga của mình (điều mà Kutuzov không thể nghe mà không nhăn mặt), khăng khăng đòi bảo vệ Moscow. Kutuzov thấy rõ như ban ngày mục tiêu của Bennigsen : trong trường hợp thất bại của việc bảo vệ – đổ lỗi cho Kutuzov, người đã dẫn quân không qua trận chiến tới đồi Vorobyovy ; còn trong trường hợp thành công – sẽ vơ lấy công trạng về mình ; trong trường hợp bị từ chối – rửa sạch bản thân khỏi tội lỗi rời bỏ Moscow. Nhưng vấn đề âm mưu này giờ đây không chiếm lấy tâm trí của ông già. Một câu hỏi kinh khủng chiếm lấy ông. Và đối với câu hỏi này, ông không nghe thấy câu trả lời từ bất kỳ ai. Câu hỏi đối với ông bây giờ chỉ gồm có : «Chẳng lẽ ta thực sự đã để Napoleon đến tận Moscow, và khi nào ta đã làm điều đó ? Khi nào điều đó đã được quyết định ? Chẳng lẽ là hôm qua, khi ta gửi lệnh cho Platov rút lui, hay tối hôm kia, khi ta thiếp đi và ra lệnh cho Bennigsen điều hành ? Hay thậm chí sớm hơn ? Nhưng khi nào, khi nào điều kinh

khủng này đã được quyết định ? Moscow phải bị bỏ lại. Quân đội phải rút lui, và phải đưa ra mệnh lệnh này». Đưa ra mệnh lệnh kinh khủng này đối với ông dường như cũng giống như từ bỏ việc chỉ huy quân đội. Mà hơn nữa, ông vốn yêu quyền lực, đã quen với nó (sự tôn trọng dành cho hoàng thân Prozorovsky, người mà ông đã phục vụ ở Thổ Nhĩ Kỳ, đã trêu chọc ông), ông đã tin chắc rằng mình được định sẵn để cứu Nga, và chỉ vì điều đó, trái với ý muốn của hoàng đế và theo ý muốn của nhân dân, ông đã được chọn làm tổng tư lệnh. Ông đã tin chắc rằng mình là người duy nhất trong những điều kiện khó khăn này có thể đứng đầu quân đội, rằng ông là người duy nhất trên toàn thế giới có thể đối mặt với Napoleon bất khả chiến bại mà không kinh hãi ; và ông đã kinh hãi khi nghĩ về mệnh lệnh mà ông phải đưa ra. Nhưng cần phải quyết định điều gì đó, cần phải chấm dứt những cuộc trò chuyện xung quanh ông, những cuộc trò chuyện đang bắt đầu mang tính chất quá tự do.

Ông gọi các tướng lĩnh cao cấp nhất lại chỗ mình.

– Đầu của tôi, dù tốt hay xấu, thì cũng chỉ phải tự nhờ cậy vào chính nó thôi, – ông nói, đứng dậy khỏi ghế băng, và đi tới Fili, nơi các cỗ xe của ông đang đỗ.

IV

Trong căn nhà gỗ rộng rãi, tốt nhất của người nông dân Andrey Savostyanov vào lúc hai giờ, hội đồng đã tập trung. Những người đàn ông, đàn bà và trẻ em của gia đình nông dân đông đúc chen chúc trong căn nhà gỗ đen qua bức vách. Chỉ có một mình đứa cháu gái của Andrey, Malasha, một cô bé sáu tuổi, người được ngài rực rỡ nhất cưng nựng, cho một miếng đường khi uống trà, là ở lại trên lò sưởi trong căn nhà gỗ lớn. Malasha rụt rè và vui sướng nhìn từ trên lò sưởi xuống những khuôn mặt, quân phục và những huân chương của các vị tướng, những người lần lượt bước vào nhà và ngồi xuống ở góc đỏ trên những chiếc ghế băng rộng dưới những bức tượng thánh. Chính cụ nội, như Malasha thầm gọi Kutuzov, ngồi riêng biệt với họ, trong một góc tối phía sau lò sưởi. Ông ngồi, lún sâu vào chiếc ghế bành gấp, và không ngừng hắng giọng và chỉnh lại cổ áo chiếc áo đuôi tôm, cái cổ áo dù đã tháo cúc nhưng dường như vẫn làm đau cổ ông. Những người bước vào lần lượt tiến đến chỗ thống chế ; ông bắt tay một số, gật đầu với một số khác. Viên tùy tùng Kaisarov muốn kéo tấm rèm ở cửa sổ đối diện với Kutuzov, nhưng Kutuzov giận dữ xua tay với anh ta, và Kaisarov

hiểu rằng ngài rực rỡ nhất không muốn họ nhìn thấy khuôn mặt ông.

Xung quanh chiếc bàn ăn bằng gỗ của người nông dân, trên đó có trải những bản đồ, sơ đồ, bút chì, giấy tờ, đã tập trung rất nhiều người, đến mức những người hầu cận phải mang thêm một chiếc ghế băng và đặt nó cạnh bàn. Trên chiếc ghế băng này là những người đã đến sau : Yermolov, Kaisarov và Toll. Dưới ngay những bức tượng thánh ở vị trí thứ nhất là một người có huân chương Saint George trên cổ, với khuôn mặt tái nhợt, bệnh tật và với vầng trán cao hòa cùng cái đầu hói, Barclay de Tolly. Đã ngày thứ hai ông phải chịu đựng cơn sốt, và ngay lúc này ông đang bị run rẩy và đau nhức. Cạnh ông là Uvarov, người đang nói điều gì đó với giọng trầm và không to (như tất cả mọi người đều nói) bằng những cử chỉ nhanh nhẹn. Một Dokhturov nhỏ nhắn, tròn trịa, hơi nhướn mày và khoanh tay trên bụng, đang chăm chú lắng nghe. Từ phía bên kia là một người đang ngồi, chống tay lên cánh tay rộng của mình với những nét mặt bướng bỉnh và đôi mắt sáng rực, bá tước Ostermann–Tolstoy và dường như đang chìm đắm trong suy nghĩ của mình. Raevsky với vẻ thiếu kiên nhẫn, với cử chỉ quen thuộc vuốt ngược những lọn tóc đen ở thái dương, thỉnh thoảng nhìn Kutuzov, rồi nhìn ra cửa ra vào. Khuôn mặt cương nghị, đẹp đẽ và nhân

hậu của Konovnitsyn rạng rỡ với một nụ cười hiền hậu và tinh quái. Ông bắt gặp ánh mắt của Malasha và ra hiệu bằng mắt khiến cô bé mỉm cười.

Tất cả đều chờ đợi Bennigsen, người đang kết thúc bữa trưa ngon lành của mình dưới cái cớ là một cuộc khảo sát vị trí mới. Họ đã đợi ông từ bốn đến sáu tiếng đồng hồ và trong suốt thời gian này họ không bắt đầu cuộc họp và chỉ trò chuyện riêng tư bằng giọng thấp.

Chỉ khi Bennigsen bước vào căn nhà gỗ, Kutuzov mới nhổm dậy khỏi góc của mình và tiến lại gần bàn, nhưng không đến mức khuôn mặt ông được chiếu sáng bởi những ngọn nến đã đặt sẵn trên bàn.

Bennigsen mở đầu hội đồng bằng câu hỏi : «Rời bỏ mà không chiến đấu thủ đô linh thiêng và cổ kính của Nga hay bảo vệ nó ?» Tiếp theo đó là sự im lặng kéo dài và chung cuộc. Tất cả khuôn mặt đều cau lại, và trong sự tĩnh lặng, người ta nghe thấy tiếng hắng giọng giận dữ và tiếng ho của Kutuzov. Tất cả đôi mắt đều nhìn ông. Malasha cũng nhìn vào cụ nội. Cô bé ở gần tất cả họ hơn và thấy khuôn mặt ông nhăn lại : ông dường như sắp khóc. Nhưng điều này không kéo dài lâu.

– Thủ đô linh thiêng, cổ kính của Nga ! – đột nhiên ông lên tiếng, với giọng giận dữ lặp lại những lời của

Bennigsen và qua đó chỉ ra nốt nhạc giả tạo trong những lời này. – Cho phép tôi thưa với ngài, thưa ngài rực rỡ nhất, rằng câu hỏi này không có ý nghĩa đối với một người Nga. (Ông nhào người về phía trước bằng thân hình nặng nề của mình.) Một câu hỏi như vậy không thể đặt ra, và một câu hỏi như vậy không có ý nghĩa. Câu hỏi mà tôi đã mời các quý ông tụ họp ở đây để giải quyết, đó là câu hỏi quân sự. Câu hỏi là như sau : «Cứu Nga nằm ở quân đội. Liệu có lợi hơn khi mạo hiểm mất quân đội và Moscow bằng cách chấp nhận trận chiến, hay rời bỏ Moscow không qua trận chiến ?» Đó là câu hỏi mà tôi muốn biết ý kiến của các quý ông. (Ông ngả người ra sau dựa vào lưng ghế bành.)

Các cuộc tranh luận bắt đầu. Bennigsen không coi trò chơi là đã thua. Thừa nhận ý kiến của Barclay và những người khác về việc không thể chấp nhận trận chiến phòng ngự tại Fili, ông, thấm nhuần lòng yêu nước Nga và tình yêu đối với Moscow, đã đề xuất chuyển quân trong đêm từ cánh phải sang cánh trái và tấn công vào cánh phải của người Pháp vào ngày hôm sau. Ý kiến bị chia rẽ, có những cuộc tranh luận ủng hộ và phản đối ý kiến này. Yermolov, Dokhturov và Raevsky đồng ý với ý kiến của Bennigsen. Được dẫn dắt bởi cảm giác cần phải hy sinh trước khi rời bỏ thành phố hoặc bởi các cân nhắc cá nhân khác, nhưng những vị tướng này dường

như không hiểu rằng hội đồng hiện tại không thể thay đổi tiến trình không thể tránh khỏi của sự việc và rằng Moscow đã bị rời bỏ rồi. Các tướng lĩnh còn lại hiểu điều này và, gạt vấn đề về Moscow sang một bên, họ nói về hướng mà quân đội nên đi trong cuộc rút lui của mình. Malasha, người không rời mắt nhìn vào những gì đang diễn ra trước mặt mình, hiểu ý nghĩa của hội đồng này theo cách khác. Cô bé thấy dường như đây chỉ là cuộc đấu tranh cá nhân giữa cụ nội và ông mặc áo dài, như cô gọi Bennigsen. Cô thấy rằng họ đang giận nhau, khi họ nói chuyện với nhau, và trong tâm hồn mình cô đứng về phía cụ nội. Ở giữa cuộc trò chuyện, cô nhận thấy một cái nhìn nhanh nhẹn, tinh quái mà cụ nội ném về phía Bennigsen, và ngay sau đó cô đã vui mừng khi nhận thấy rằng cụ nội, nói điều gì đó với ông mặc áo dài, đã làm ông ta bối rối : Bennigsen đột nhiên đỏ mặt và giận dữ đi lại trong căn nhà gỗ. Những lời đã tác động đến Bennigsen là ý kiến được Kutuzov bày tỏ một cách bình tĩnh và giọng thấp về lợi ích và bất lợi của đề xuất của Bennigsen : về việc chuyển quân trong đêm từ cánh phải sang cánh trái để tấn công cánh phải của người Pháp.

– Thưa các quý ông, tôi, – Kutuzov nói, – không thể chấp nhận kế hoạch của bá tước. Các cuộc chuyển quân trong khoảng cách gần với quân địch luôn luôn nguy

hiểm, và lịch sử quân sự xác nhận nhận xét này. Chẳng hạn như... (Kutuzov như đang suy nghĩ, tìm kiếm một ví dụ và nhìn Bennigsen bằng ánh mắt sáng ngời, ngây thơ). Đúng vậy, ít nhất là trận chiến Friedland, mà tôi nghĩ bá tước nhớ rõ, đã không hoàn toàn thành công chỉ vì quân đội của chúng ta đã dàn lại đội hình ở khoảng cách quá gần quân địch...

Tiếp theo đó là một sự im lặng kéo dài một phút đối với tất cả mọi người.

Các cuộc tranh luận lại tiếp tục, nhưng thường có những quãng nghỉ, và người ta cảm thấy rằng không còn gì để nói nữa.

Trong một trong những quãng nghỉ như vậy, Kutuzov thở dài nặng nề, như thể đang chuẩn bị nói. Tất cả đều quay lại nhìn ông.

– Vậy đó, các quý ông ! Tôi thấy rằng tôi là người sẽ phải trả giá cho những chiếc nồi bị đập vỡ, – ông nói. Và, chậm rãi nhổm dậy, ông tiến lại gần bàn. – Thưa các quý ông, tôi đã nghe ý kiến của các ngài. Một số người sẽ không đồng ý với tôi. Nhưng tôi (ông dừng lại) bằng quyền lực được hoàng đế và đất nước giao phó, tôi ra lệnh rút lui.

Ngay sau đó các tướng lĩnh bắt đầu giải tán với sự thận trọng trang nghiêm và lặng lẽ giống như người ta giải tán sau một đám tang.

Một vài vị tướng nói bằng giọng không to, hoàn toàn ở một tông giọng khác so với khi họ nói tại hội đồng, đã chuyển một số điều cho tổng tư lệnh.

Malasha, người đã đợi bữa tối từ lâu, thận trọng bò lùi xuống từ lò sưởi, bám bằng đôi chân trần vào những gờ của lò sưởi, và, len lỏi giữa đôi chân của các tướng lĩnh, lách ra ngoài cửa.

Sau khi cho các tướng lĩnh về, Kutuzov ngồi hồi lâu, chống khuỷu tay lên bàn, và nghĩ về chính câu hỏi kinh khủng đó : «Khi nào, khi nào cuối cùng, đã quyết định rằng Moscow bị rời bỏ ? Khi nào điều đó đã được thực hiện, cái điều đã quyết định vấn đề, và ai là người có lỗi trong chuyện này ?»

– Ta không ngờ điều này, ta không ngờ điều này ! – ông nói với viên tùy tùng Schneider, người bước vào chỗ ông lúc đã khuya, – ta không ngờ điều này ! Ta không nghĩ đến điều này !

– Ngài cần phải nghỉ ngơi, thưa ngài rực rỡ nhất, – Schneider nói.

– Phải thôi ! Họ sẽ phải ăn thịt ngựa, như quân Thổ Nhĩ Kỳ, – Kutuzov hét lên mà không trả lời, đấm nắm tay xuống bàn, – họ sẽ phải vậy, chỉ cần...

V

Trái ngược với Kutuzov, trong cùng thời gian đó, trong một sự kiện còn quan trọng hơn cuộc rút lui của quân đội không qua trận chiến, – đó là việc rời bỏ Moscow và đốt cháy nó, – Rastopchin, người được chúng ta coi là người điều hành sự kiện này, đã hành động hoàn toàn khác.

Sự kiện này – việc rời bỏ Moscow và đốt cháy nó – cũng không thể tránh khỏi như việc rút lui của quân đội không qua trận chiến sau trận Borodino.

Mỗi người Nga, không dựa trên các suy luận, mà dựa trên cảm giác nằm trong chúng ta và đã nằm trong tổ tiên chúng ta, đều có thể tiên đoán những gì đã xảy ra.

Bắt đầu từ Smolensk, trong tất cả các thành phố và làng mạc trên đất Nga, không có sự tham gia của bá tước Rastopchin và những tờ áp phích của ông, sự việc tương tự đã diễn ra như ở Moscow. Người dân chờ đợi quân địch một cách vô tư, không nổi loạn, không lo lắng, không xé xác ai cả, mà bình tĩnh chờ đợi số phận của mình, cảm thấy trong mình sức mạnh vào thời điểm khó khăn nhất để tìm ra những gì phải làm. Và ngay khi quân địch đến gần, những thành phần dân cư giàu có

nhất rời đi, để lại tài sản của mình ; những người nghèo nhất ở lại và đốt cháy, tiêu hủy những gì còn lại.

Ý thức rằng mọi chuyện sẽ như vậy và sẽ luôn như vậy, đã nằm và đang nằm trong tâm hồn của con người Nga. Và ý thức này, thậm chí hơn thế, sự linh cảm rằng Moscow sẽ bị chiếm, đã nằm trong xã hội Nga ở Moscow vào năm 12. Những người bắt đầu rời khỏi Moscow ngay từ tháng bảy và đầu tháng tám, đã chỉ ra rằng họ mong đợi điều này. Những người rời đi với những gì họ có thể mang theo, bỏ lại nhà cửa và một nửa tài sản, đã hành động như vậy do lòng yêu nước thầm kín (tiềm ẩn) đó, điều không được thể hiện qua các cụm từ, không phải qua việc giết chóc con cái vì sự cứu rỗi của tổ quốc, v.v..., mà được thể hiện một cách lặng lẽ, đơn giản, hữu cơ và do đó luôn tạo ra những kết quả mạnh mẽ nhất.

«Thật xấu hổ khi chạy trốn khỏi nguy hiểm ; chỉ những kẻ hèn nhát mới chạy trốn khỏi Moscow», người ta nói với họ. Rastopchin trong các tờ áp phích của mình đã gieo rắc vào họ rằng rời khỏi Moscow là nhục nhã. Họ cảm thấy xấu hổ khi mang danh kẻ hèn nhát, xấu hổ khi rời đi, nhưng dù sao họ vẫn rời đi, biết rằng đó là điều cần phải làm. Tại sao họ lại rời đi ? Không thể giả định rằng Rastopchin đã làm họ sợ hãi bằng những

điều kinh hoàng mà Napoleon đã gây ra ở các vùng đất bị chinh phục. Những người đầu tiên rời đi là những người giàu có, có học thức, những người biết rất rõ rằng Vienna và Berlin vẫn nguyên vẹn và ở đó, trong thời gian Napoleon chiếm đóng, họ đã dành thời gian vui vẻ với những người Pháp quyến rũ, những người mà đàn ông Nga và đặc biệt là phụ nữ Nga lúc bấy giờ rất yêu thích.

Họ rời đi bởi vì đối với người Nga không thể có câu hỏi : liệu có tốt hay xấu khi ở dưới sự cai trị của người Pháp ở Moscow. Dưới sự cai trị của người Pháp thì không thể được : đó là điều tồi tệ nhất. Họ đã rời đi ngay cả trước trận Borodino, và thậm chí nhanh hơn sau trận Borodino, bất chấp những lời kêu gọi bảo vệ, bất chấp những tuyên bố của tổng tư lệnh Moscow về ý định của ông ta là mang bức tượng thánh Iverskaya đi chiến đấu, và trên những chiếc khinh khí cầu lẽ ra phải tiêu diệt người Pháp, và bất chấp tất cả những điều vô nghĩa đó mà Rastopchin đã viết trong các tờ áp phích của mình. Họ biết rằng quân đội phải chiến đấu, và nếu nó không thể, thì cùng với những người hầu và gia nhân không thể đi đến Đồi Ba Ngọn để đánh nhau với Napoleon, mà cần phải rời đi, dù có đau lòng đến thế nào khi để tài sản của mình bị tiêu tán. Họ đã rời đi và không nghĩ về ý nghĩa vĩ đại của thủ đô rộng lớn, giàu có này, bị

cư dân rời bỏ và rõ ràng là bị đốt cháy (không phá hủy, không đốt cháy những ngôi nhà trống không nằm trong tâm hồn của người Nga) ; họ đã rời đi mỗi người vì chính mình, nhưng đồng thời chỉ nhờ vào việc họ đã rời đi, mà sự kiện vĩ đại đã diễn ra, sự kiện sẽ mãi mãi là niềm vinh quang tốt nhất của nhân dân Nga. Người phụ nữ đó, người ngay từ tháng sáu, cùng với những người hầu cận da đen và những người hầu gái của mình, đã rời Moscow đi đến ngôi làng ở Saratov, với ý thức lờ mờ rằng bà không phải là nô lệ của Bonaparte, và với nỗi sợ rằng bà sẽ không bị ngăn lại theo lệnh của bá tước Rastopchin, đã làm đúng và chân chính cái việc vĩ đại đã cứu nước Nga.

Về phần bá tước Rastopchin, người lúc thì làm nhục những người rời đi ; lúc thì mang đi các cơ quan công quyền ; lúc thì cấp những vũ khí không dùng được cho đám đông say xỉn ; lúc thì mang các bức tượng thánh đi ; lúc thì cấm đức tổng giám mục Augustin mang các thánh tích và các bức tượng thánh đi ; lúc thì chiếm dụng tất cả các xe ngựa tư nhân đang có mặt ở Moscow ; lúc thì trên 136 chiếc xe ngựa chở chiếc khinh khí cầu đang được Leppich chế tạo ; lúc thì ám chỉ rằng ông ta sẽ đốt cháy Moscow ; lúc thì kể về việc ông ta đã đốt cháy nhà mình và viết một bản tuyên cáo cho người Pháp, trong đó ông ta long trọng trách móc họ rằng họ

đã phá hủy nơi trú ẩn của con cái ông ; lúc thì nhận vinh quang về việc đốt cháy Moscow, lúc thì chối bỏ nó ; lúc thì ra lệnh cho dân chúng bắt tất cả các gián điệp và đưa đến chỗ ông, lúc thì trách móc dân chúng về việc này; lúc thì trục xuất tất cả người Pháp ra khỏi Moscow, lúc thì để lại trong thành phố quý bà Ober–Chalmey, người tạo thành trung tâm của toàn bộ dân cư Pháp ở Moscow, và không có tội lỗi gì đặc biệt đã ra lệnh bắt giữ và đưa đi đày viên giám đốc bưu điện già nua đáng kính Klucharev ; lúc thì tập hợp dân chúng trên Đồi Ba Ngọn để đánh nhau với người Pháp ; lúc thì để thoát khỏi đám dân chúng này, đã giao cho họ một con người để giết chết và chính mình đã chuồn ra cửa sau ; lúc thì nói rằng ông ta sẽ không sống sót sau nỗi bất hạnh của Moscow ; lúc thì viết vào album bằng tiếng Pháp những câu thơ về sự tham gia của mình vào việc này, – con người này không hiểu ý nghĩa của sự kiện đang diễn ra, mà chỉ muốn tự mình làm điều gì đó, làm ai đó ngạc nhiên, làm điều gì đó mang tính anh hùng yêu nước, và như một cậu bé nô đùa trên sự kiện vĩ đại và không thể tránh khỏi của việc rời bỏ và đốt cháy Moscow và cố gắng dùng bàn tay nhỏ bé của mình lúc thì khuyến khích, lúc thì ngăn chặn dòng chảy khổng lồ của nhân dân đang cuốn ông đi cùng với nó.

VI

Hélène, trở về cùng với Triều đình từ Vilna đến Petersburg, đang ở trong một tình thế khó khăn.

Ở Petersburg, Hélène được hưởng sự bảo trợ đặc biệt của một vị đại thần, người giữ một trong những chức vụ cao nhất trong nhà nước. Ở Vilna, bà đã gần gũi với một hoàng tử ngoại quốc trẻ tuổi. Khi bà trở về Petersburg, cả hoàng tử và vị đại thần đều ở Petersburg, cả hai đều tuyên bố quyền lợi của mình, và đối với Hélène, một nhiệm vụ mới đã nảy sinh trong sự nghiệp của bà : giữ gìn sự gần gũi trong quan hệ với cả hai mà không xúc phạm bất kỳ ai.

Những gì dường như khó khăn và thậm chí không thể đối với một người phụ nữ khác, đã không một lần nào khiến nữ bá tước Bezukhova phải suy nghĩ, người rõ ràng không phải vô cớ mà được hưởng danh tiếng là một trong những người phụ nữ thông minh nhất. Nếu bà bắt đầu che giấu hành vi của mình, thoát khỏi tình thế khó xử bằng sự lươn lẹo, bà sẽ làm hỏng việc của mình ngay lập tức bằng cách thừa nhận mình có lỗi ; nhưng Hélène, ngược lại, ngay lập tức, như một người thực sự vĩ đại, người có thể làm tất cả những gì mình muốn, đã đặt mình vào vị trí của người đúng, vào vị

trí mà bà chân thành tin tưởng, còn tất cả những người khác thì vào vị trí của kẻ có lỗi.

Lần đầu tiên, khi khuôn mặt trẻ tuổi ngoại quốc cho phép mình đưa ra những lời trách móc bà, bà, ngẩng cao cái đầu xinh đẹp của mình một cách kiêu hãnh và quay nửa người về phía anh ta, đã nói một cách kiên quyết :

– Đây là sự ích kỷ và tàn nhẫn của đàn ông ! Tôi không mong đợi điều gì khác. Người phụ nữ hy sinh bản thân cho các anh, cô ấy đau khổ, và đây là phần thưởng dành cho cô ấy. Ngài có quyền gì, thưa ngài, để yêu cầu tôi báo cáo về tình bạn của tôi, về những tình cảm của tôi ? Đó là một người đàn ông đối với tôi còn hơn cả một người cha.

Khuôn mặt muốn nói điều gì đó. Hélène ngắt lời anh ta.

– Vâng, đúng vậy, – bà nói, – có lẽ ông ấy có đối với tôi những tình cảm khác ngoài tình cảm của một người cha, nhưng đó không phải là lý do để tôi đóng cửa đuổi ông đi. Tôi không phải hạng đàn ông để mà vô ơn. Hãy biết rằng, Thưa Đức ông, đối với tất cả những gì liên quan đến tình cảm thầm kín của mình, tôi chỉ chịu trách nhiệm trước Chúa và lương tâm mình, – nàng kết thúc,

tay chạm vào khuôn ngực đẹp đang phập phồng và ngước mắt nhìn lên bầu trời.

– Nhưng hãy nghe tôi, nhân danh Chúa.

– Hãy cưới tôi, và tôi sẽ là nô lệ của ông.

– Nhưng điều đó là không thể được.

– Ông không thèm hạ mình xuống với tôi, ông... – vừa khóc, Helene vừa nói.

Vị chức sắc bắt đầu an ủi nàng ; Helene thì vừa khóc vừa nói (như thể trong cơn quên lãng), rằng không gì có thể ngăn cản nàng đi bước nữa, rằng đã có những tiền lệ (khi đó còn ít tiền lệ, nhưng nàng đã nêu tên Napoleon và những nhân vật cao quý khác), rằng nàng chưa bao giờ là vợ của chồng mình, rằng nàng đã bị đem ra làm vật hy sinh.

– Nhưng luật pháp, tôn giáo... – vị chức sắc nói, đã bắt đầu xuôi lòng.

– Luật pháp, tôn giáo... Chúng được bày ra làm gì, nếu chúng không thể làm được việc này ! – Helene nói.

Vị chức sắc quan trọng ngạc nhiên vì một lý lẽ đơn giản như vậy lại không nảy ra trong đầu mình, và ông ta đã đi hỏi ý kiến những người anh em thánh thiện của

dòng Tên, những người mà ông ta có mối quan hệ thân thiết.

Vài ngày sau đó, tại một trong những buổi lễ hội mê hoặc mà Helene tổ chức tại biệt thự của mình trên đảo Kamenny, nàng được giới thiệu với một người đàn ông không còn trẻ, với mái tóc trắng như tuyết và đôi mắt đen lánh, ông Jobert đầy quyến rũ, một tu sĩ dòng Tên mặc áo ngắn, người đã đứng rất lâu trong vườn, dưới ánh đèn trang trí và tiếng nhạc, trò chuyện với Helene về tình yêu đối với Chúa, với Chúa Kitô, với trái tim Đức Mẹ và về những niềm an ủi được ban tặng trong đời này và đời sau bởi tôn giáo Công giáo duy nhất và chân chính. Helene đã xúc động, và vài lần cả nàng lẫn ông Jobert đều rơm rớm nước mắt và giọng nói run run. Một điệu nhảy, khi người bạn nhảy đến mời Helene, đã làm gián đoạn cuộc trò chuyện của nàng với người hướng dẫn tâm linh tương lai của mình ; nhưng tối hôm sau, ông Jobert đã đến gặp Helene, và từ đó thường xuyên lui tới nhà nàng với người hướng dẫn tâm linh tương lai của nàng ; nhưng tối hôm sau, ông Jobert đã đến gặp Helene, và từ đó thường xuyên lui tới nhà nàng.

Vào một ngày nọ, ông ta dẫn nữ bá tước vào một nhà thờ Công giáo, nơi nàng quỳ xuống trước bàn thờ mà nàng được dẫn đến. Người Pháp không còn trẻ và

quyến rũ đặt tay lên đầu nàng, và, như chính nàng kể lại sau đó, nàng cảm thấy một cái gì đó giống như một làn gió mát rượi thổi vào tâm hồn mình. Người ta giải thích cho nàng rằng đó là ơn sủng,

Sau đó người ta đưa đến cho nàng một vị tu sĩ mặc áo dài, ông ta xưng tội cho nàng và tha tội cho nàng. Ngày hôm sau, người ta mang đến cho nàng một chiếc hộp trong đó có chứa bánh thánh, và để lại nhà nàng để nàng sử dụng. Sau vài ngày, Helene, trước niềm vui sướng của mình, được biết rằng nàng hiện đã gia nhập giáo hội Công giáo chân chính và trong những ngày tới chính Đức Giáo hoàng sẽ biết về nàng và gửi cho nàng một loại văn bản nào đó.

Tất cả những gì diễn ra trong thời gian này xung quanh nàng và với nàng, tất cả sự chú ý này, hướng về nàng bởi biết bao con người thông minh và được thể hiện trong những hình thức dễ chịu, tinh tế như vậy, và sự thuần khiết như chim bồ câu mà nàng hiện đang sống (nàng luôn mặc những chiếc váy trắng với những dải ruy băng trắng), – tất cả những điều đó mang lại cho nàng sự hài lòng ; nhưng vì sự hài lòng này, nàng không một phút nào lơ là mục đích của mình. Và như thường lệ, chuyện xảy ra là trong sự xảo quyệt, kẻ ngốc lại dẫn dắt những người thông minh giỏi hơn, nàng,

sau khi hiểu rằng mục đích của tất cả những lời lẽ và lo toan này chủ yếu là ở chỗ, bằng cách chuyển nàng sang Công giáo, để lấy tiền của nàng ủng hộ các tổ chức của dòng Tên (về việc này người ta đã ám chỉ với nàng), – Helene, trước khi đưa tiền, đã khăng khăng yêu cầu họ thực hiện cho nàng các thao tác khác nhau để giải phóng nàng khỏi chồng. Trong quan niệm của nàng, ý nghĩa của mọi tôn giáo chỉ nằm ở chỗ tuân theo những phép lịch sự nhất định khi thỏa mãn các mong muốn của con người. Và với mục đích này, trong một cuộc trò chuyện với cha giải tội, nàng đã kiên quyết đòi hỏi ông ta trả lời câu hỏi rằng cuộc hôn nhân của nàng ràng buộc nàng đến mức nào.

Họ ngồi trong phòng khách bên cửa sổ. Trời đã sẩm tối. Từ cửa sổ tỏa ra mùi hoa. Helene mặc chiếc váy trắng, lấp lánh trên ngực và vai. Vị tu sĩ, béo tốt, với bộ râu cạo nhẵn nhụi, mũm mĩm, cái miệng tươi tắn và đôi bàn tay trắng trẻo, đan nhẹ nhàng trên đầu gối, ngồi gần Helene và, với nụ cười tinh tế trên môi, nhìn vẻ đẹp của nàng bằng một ánh mắt thán phục hòa bình, thỉnh thoảng lại nhìn vào khuôn mặt nàng và trình bày quan điểm của mình về câu hỏi đang chiếm lĩnh họ. Helene, mỉm cười không yên, nhìn vào mái tóc xoăn của ông ta, đôi má cạo nhẵn, hồng hào và mỗi phút đều chờ đợi một bước ngoặt mới của cuộc trò chuyện. Nhưng vị tu

sĩ, mặc dù rõ ràng là đang tận hưởng vẻ đẹp của người đối thoại, vẫn bị cuốn hút bởi kỹ năng trong công việc của mình.

Tiến trình lập luận của người hướng dẫn tâm linh như sau. Trong sự không biết về ý nghĩa của những gì con người làm, con người đã thề hứa chung thủy trong hôn nhân, người đó, về phía mình, khi bước vào hôn nhân mà không tin vào ý nghĩa tôn giáo của hôn nhân, đã phạm phải một sự báng bổ. Cuộc hôn nhân này không có ý nghĩa kép mà nó đáng lẽ phải có. Nhưng, bất chấp điều đó, lời thề của con người đã ràng buộc con người. Con người đã đi chệch khỏi nó. Con người đã phạm phải điều gì qua việc này ? Tội nhẹ hay tội trọng ? – Tội nhẹ, bởi vì con người đã thực hiện hành vi đó mà không có ý đồ xấu. Nếu con người bây giờ, với mục đích có con, bước vào một cuộc hôn nhân mới, thì tội lỗi của con người có thể được tha thứ. Nhưng câu hỏi lại được chia làm hai : thứ nhất...

– Nhưng tôi nghĩ, – Helene đột nhiên nói, cảm thấy chán nản, với nụ cười mê hoặc của mình, – rằng tôi, khi đã gia nhập tôn giáo chân chính, không thể bị ràng buộc bởi những gì mà một tôn giáo giả tạo đã áp đặt lên tôi.

Người hướng dẫn tâm linh đã sững sờ trước phán quyết này, nó được trình bày trước ông ta với sự đơn

giản của quả trứng Columbus. Ông ta thán phục trước sự nhanh trí bất ngờ của học trò mình, nhưng không thể từ chối tòa nhà của những lập luận được xây dựng bằng những nỗ lực trí tuệ của mình.

– Chúng ta hãy hiểu nhau, thưa nữ bá tước, – ông ta nói với một nụ cười và bắt đầu bác bỏ những lập luận của người con gái tinh thần của mình.

VII

Helene hiểu rằng vấn đề rất đơn giản và dễ dàng từ góc nhìn tâm linh, nhưng những người hướng dẫn của nàng lại tạo ra những khó khăn chỉ vì họ lo sợ chính quyền thế tục sẽ nhìn nhận vấn đề này như thế nào.

Và hệ quả là Helene quyết định rằng cần phải chuẩn bị cho xã hội về việc này. Nàng đã khơi gợi sự ghen tuông của vị đại thần già và nói với ông ta đúng những gì nàng đã nói với người cầu hôn đầu tiên, tức là đặt ra câu hỏi sao cho phương tiện duy nhất để có quyền sở hữu nàng là cưới nàng. Vị đại thần già lúc đầu cũng bị sững sờ trước lời đề nghị cưới một người vợ đang còn chồng, giống như người thanh niên đầu tiên ; nhưng sự tự tin không lay chuyển của Helene trong việc điều đó thật đơn giản và tự nhiên, như là việc một cô gái đi lấy chồng, đã tác động lên ông ta. Nếu nhận thấy dù chỉ là những dấu hiệu nhỏ nhất của sự do dự, xấu hổ hay che giấu ở chính Helene, thì chắc chắn vấn đề của nàng đã thất bại ; nhưng không những không có những dấu hiệu che giấu và xấu hổ đó, trái lại, nàng với sự đơn giản và hồn nhiên tốt bụng đã kể cho những người bạn thân của mình (mà đó là toàn bộ Petersburg) nghe rằng nàng đã

nhận được những lời cầu hôn của cả vị hoàng tử lẫn vị đại thần, và rằng nàng yêu cả hai và sợ sẽ làm buồn lòng người này hay người kia.

Tại Petersburg, tin đồn nhanh chóng lan rộng không phải về việc Helene muốn ly hôn với chồng mình (nếu tin đồn này lan rộng, nhiều người sẽ phản đối một ý định trái luật như vậy), mà tin đồn lan rộng rằng Helene tội nghiệp, thú vị đang ở trong tình trạng bối rối không biết nên chọn ai trong hai người để kết hôn. Câu hỏi không còn nằm ở chỗ điều đó có khả thi đến mức nào, mà chỉ nằm ở chỗ bên nào có lợi hơn và triều đình sẽ nhìn nhận việc này ra sao. Thực sự có một số người già bảo thủ, không đủ khả năng nâng tầm mình lên theo độ cao của vấn đề, đã thấy trong ý định này một sự xúc phạm đến bí tích hôn nhân ; nhưng những người như vậy rất ít, và họ giữ im lặng, đa số thì quan tâm đến những câu hỏi về hạnh phúc đã đến với Helene, và sự lựa chọn nào là tốt nhất. Về việc kết hôn khi người chồng đang còn sống, họ không nói đến, vì câu hỏi này, rõ ràng, đã được giải quyết bởi những người thông minh hơn chúng ta (như người ta nói) và việc nghi ngờ vào tính đúng đắn của việc giải quyết câu hỏi này nghĩa là mạo hiểm bộc lộ sự ngu ngốc của mình và sự không biết cách sống trong xã hội.

Chỉ có một mình Marya Dmitrievna Akhrosimova, người đến Petersburg vào mùa hè năm đó để gặp một trong những người con trai của mình, đã cho phép mình bày tỏ trực tiếp ý kiến của mình, trái ngược với ý kiến của công chúng. Khi gặp Helene tại một buổi vũ hội, Marya Dmitrievna đã dừng nàng lại ở giữa sảnh và, trong sự im lặng chung, bằng giọng nói thô kệch của mình đã nói với nàng : «Ở đây người ta bắt đầu đi lấy chồng khi chồng còn sống rồi đấy. Ngươi, có lẽ, nghĩ rằng ngươi đã nghĩ ra cái mới này sao ? Đã bị người ta chiếm chỗ trước rồi, mẹ nó ạ. Từ lâu rồi đã được nghĩ ra rồi. Trong tất cả các... người ta làm như thế đấy.» Và với những lời này Marya Dmitrievna, với cử chỉ đe dọa quen thuộc, xắn tay áo rộng của mình lên và nghiêm nghị nhìn quanh, đi xuyên qua căn phòng.

Mặc dù người ta sợ Marya Dmitrievna, nhưng ở Petersburg người ta nhìn bà như một kẻ gàn dở, và vì vậy từ những lời bà nói, người ta chỉ nhận thấy lời lẽ thô lỗ và thì thầm lặp lại với nhau, cho rằng trong lời nói đó chứa đựng toàn bộ cốt lõi của những gì đã nói.

Hoàng thân Vasily, thời gian gần đây đặc biệt hay quên những gì mình đã nói, và lặp lại hàng trăm lần cùng một điều, mỗi lần lại nói với con gái mình khi ông tình cờ gặp nàng :

– Helene, cha có đôi lời muốn nói với con, – ông nói với nàng, dẫn nàng sang một bên và kéo tay nàng xuống. – Cha đã nghe loáng thoáng về một số dự án liên quan đến... Con biết đấy. Thôi được, con gái yêu của cha, con biết rằng trái tim người cha rất vui mừng khi biết con... Con đã chịu đựng rất nhiều... Nhưng, con gái yêu... đừng hỏi ý kiến trái tim con. Đó là tất cả những gì cha nói với con.

Và, luôn che giấu sự xúc động như nhau, ông áp má mình vào má con gái và rời đi.

Bilibin, người không đánh mất danh tiếng của một người thông minh nhất và là một người bạn không vụ lợi của Helene, một trong những người bạn đó, những người luôn ở bên cạnh những người phụ nữ tỏa sáng, những người bạn là đàn ông, không bao giờ có thể chuyển sang vai trò người tình, – Bilibin một lần trong một nhóm nhỏ đã bày tỏ với bạn mình là Helene quan điểm của mình về toàn bộ sự việc này.

– Nghe này, Bilibine (Helene luôn gọi những người bạn như vậy bằng họ), – và nàng chạm bàn tay trắng trẻo đầy nhẫn của mình vào tay áo phrock của ông ta. – Hãy nói cho tôi nghe như ông nói với một người em gái, tôi nên làm gì ? Cái nào trong hai người ?

Bilibin nheo da trên lông mày và với nụ cười trên môi bắt đầu suy nghĩ.

– Các bạn đừng làm tôi bất ngờ, các bạn biết đấy, – ông ta nói. – Như một người bạn thực sự, tôi đã suy nghĩ và suy nghĩ lại về vụ này. Các bạn thấy đấy, nếu các bạn cưới vị hoàng tử (đây là một người trẻ tuổi), – ông ta gập một ngón tay, – các bạn sẽ mất mãi mãi cơ hội cưới người kia, và sau đó các bạn làm triều đình không hài lòng (như các bạn biết, ở đó có một mối quan hệ họ hàng). Nhưng nếu các bạn cưới vị bá tước già, các bạn sẽ làm cho những ngày cuối đời của ông ta hạnh phúc, và sau đó với tư cách là góa phụ của một vĩ nhân... vị hoàng tử sẽ không còn coi đó là một cuộc hôn nhân không môn đăng hộ đối khi cưới các bạn, – và Bilibin thả lỏng lớp da trên mặt.

– Đây mới là một người bạn thực sự ! – Helene tỏa sáng nói, một lần nữa chạm tay vào tay áo của Bilibin. – Nhưng vấn đề là tôi yêu cả người này lẫn người kia, tôi không muốn làm cho họ phải buồn. Tôi sẽ hy sinh cuộc đời mình vì hạnh phúc của cả hai, – nàng nói.

Bilibin nhún vai, thể hiện rằng đối với một nỗi buồn như vậy thì ngay cả ông ta cũng không thể giúp gì được nữa.

– Một người phụ nữ làm chủ ! Đây mới gọi là đặt câu hỏi một cách trực diện. Nàng muốn cưới cả ba cùng một lúc, – Bilibin nghĩ.

– Nhưng hãy nói cho tôi biết, chồng của các bạn sẽ nhìn nhận việc này như thế nào ? – ông ta nói, do sự vững vàng của danh tiếng mình nên không sợ làm giảm giá trị bản thân bằng một câu hỏi ngây thơ như vậy. – Anh ta sẽ đồng ý chứ ?

– À ! Anh ấy yêu tôi rất nhiều ! – Helene nói, người vì một lý do nào đó cảm thấy rằng Pierre cũng yêu mình. – Anh ấy sẽ làm tất cả vì tôi.

Bilibin thu da mặt lại để chuẩn bị cho một từ ngữ sâu sắc.

– Ngay cả việc ly hôn, – ông ta nói.

Helene bật cười.

Trong số những người cho phép mình nghi ngờ về tính hợp pháp của cuộc hôn nhân đang dự tính, có mẹ của Helene, công nương Kuragina. Bà luôn bị giày vò bởi sự ghen tỵ với con gái mình và bây giờ, khi đối tượng của sự ghen tỵ là điều gần gũi nhất với trái tim công nương, bà không thể hòa giải với ý nghĩ này. Bà đã hỏi ý kiến một linh mục người Nga về việc ly hôn và

kết hôn khi chồng đang còn sống có thể thực hiện được ở mức độ nào, và linh mục đã nói với bà rằng điều đó là không thể, và trước niềm vui của bà, đã chỉ cho bà thấy đoạn văn trong Tin Mừng, trong đó trực tiếp bác bỏ khả năng kết hôn khi người chồng đang còn sống.

Được trang bị những lập luận này, vốn dĩ đối với bà là không thể bác bỏ được, công nương đã đi đến nhà con gái mình từ sáng sớm để gặp nàng một mình.

Sau khi nghe những lời phản đối của mẹ mình, Helene mỉm cười một cách dịu dàng và đầy châm biếm.

– Nhưng rõ ràng đã nói rồi mà : ai cưới người đàn bà đã ly hôn... – bà công nương già nói.

– À, mẹ ơi, đừng nói những điều ngớ ngẩn. Mẹ không hiểu gì cả. Trong vị thế của con, con có những bổn phận, – Helene bắt đầu nói, chuyển cuộc trò chuyện sang tiếng Pháp, thứ tiếng mà đối với nàng luôn có vẻ như có một sự không rõ ràng nào đó trong vấn đề của mình.

– Nhưng, con yêu của mẹ...

– À, mẹ ơi, làm sao mẹ không hiểu rằng Đức Thánh Cha có quyền ban phát những sự miễn trừ...

Vào lúc này, người phụ nữ giúp việc sống tại nhà Helene bước vào để báo cáo rằng đức ông đang ở trong sảnh và muốn gặp nàng.

– Không, hãy nói với ông ta rằng tôi không muốn gặp ông ta, rằng tôi đang rất tức giận với ông ta, vì ông ta đã không giữ lời hứa.

– Thưa nữ bá tước, mọi tội lỗi đều có sự khoan dung, – một thanh niên tóc vàng với khuôn mặt dài và cái mũi dài vừa bước vào vừa nói.

Bà công nương già cung kính đứng dậy và nhún mình. Chàng thanh niên mới vào không để ý đến bà. Bà công nương gật đầu với con gái và đi ra cửa.

«Không, bà ấy đúng», bà công nương già nghĩ, tất cả những xác tín của bà đã tan biến trước sự xuất hiện của đức ông. «Bà ấy đúng ; nhưng làm sao chúng ta trong thời thanh xuân không thể quay lại của mình lại không biết điều này ? Và điều đó thật đơn giản», bà công nương nghĩ khi bước vào xe ngựa.

Vào đầu tháng Tám, vấn đề của Helene đã hoàn toàn được xác định, và nàng đã viết cho chồng mình (người mà nàng nghĩ là rất yêu nàng) một lá thư, trong đó nàng thông báo cho anh về ý định kết hôn với N. N. và việc

nàng đã gia nhập tôn giáo chân chính duy nhất và rằng nàng yêu cầu anh thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết cho việc ly hôn, những thủ tục mà người đưa lá thư này sẽ chuyển lại cho anh.

«Con cầu xin Chúa, bạn của con, hãy để Người giữ gìn bạn dưới sự bảo vệ thánh thiện và quyền năng của Người. Helene của bạn».

Lá thư này được mang đến nhà Pierre vào thời gian khi anh đang ở trên cánh đồng Borodino.

VIII

Lần thứ hai, vào cuối trận chiến Borodino, sau khi chạy trốn khỏi pháo đài Raevsky, Pierre cùng với những đám đông binh lính đi theo khe núi về phía Knyazkovo, đến trạm sơ cứu, và khi nhìn thấy máu và nghe thấy những tiếng kêu la và rên rỉ, anh đã vội vã đi tiếp, hòa lẫn vào những đám đông binh lính.

Một điều mà Pierre mong muốn bây giờ với tất cả sức mạnh của tâm hồn mình, đó là thoát ra càng sớm càng tốt khỏi những ấn tượng khủng khiếp này, trong đó anh đã sống ngày hôm nay, trở lại với những điều kiện sống bình thường và ngủ một cách yên tĩnh trong căn phòng trên giường mình. Chỉ trong những điều kiện sống bình thường, anh mới cảm thấy rằng anh sẽ có khả năng hiểu được bản thân mình và tất cả những gì anh đã thấy và trải qua. Nhưng những điều kiện sống bình thường này không hề có.

Mặc dù đạn đại bác và đạn súng trường không còn rít lên ở đây trên con đường mà anh đang đi, nhưng ở khắp mọi nơi vẫn là những gì đã có ở đó, trên chiến trường. Vẫn là những con người đau đớn, kiệt sức và đôi khi có những khuôn mặt thờ ơ kỳ lạ, vẫn là máu đó, vẫn là những chiếc áo khoác lính Nga đó, vẫn là những tiếng

nổ, mặc dù từ xa, nhưng vẫn gây ra nỗi khiếp sợ ; ngoài ra, còn có sự ngột ngạt và bụi bặm.

Sau khi đi được khoảng ba dặm dọc theo con đường Mozhaisk lớn, Pierre ngồi xuống bên lề đường.

Hoàng hôn đã buông xuống mặt đất, và tiếng gầm của đại bác đã im bặt. Pierre, tựa tay lên gối, nằm và nằm như vậy rất lâu, nhìn vào những bóng tối đang di chuyển qua mình trong bóng đêm. Anh liên tục có cảm giác rằng với một tiếng rít khủng khiếp, một quả đạn đại bác đang lao về phía mình ; anh giật mình và nhổm dậy. Anh không nhớ mình đã ở đây bao lâu. Giữa đêm, ba người lính, mang theo những cành cây, đã nhóm lửa cạnh anh.

Những người lính, liếc nhìn Pierre, đã nhóm lửa, đặt lên đó một chiếc nồi, bẻ vụn bánh quy vào đó và cho thêm mỡ lợn. Mùi thơm dễ chịu của thức ăn và khói hòa quyện với mùi khói thuốc súng. Pierre nhổm dậy và thở dài. Những người lính (có ba người) đang ăn, không để ý đến Pierre, và trò chuyện với nhau.

– Cậu từ đội nào thế ? – đột nhiên một người lính quay sang Pierre với câu hỏi này, rõ ràng là với câu hỏi này anh ta ám chỉ điều đó, điều mà Pierre cũng nghĩ đến, cụ thể là : nếu cậu muốn ăn, chúng tôi sẽ cho ăn,

chỉ cần nói xem cậu có phải là người trung thực hay không.

– Tôi ? Tôi ?.. – Pierre nói, cảm thấy cần phải hạ thấp vị thế xã hội của mình càng nhiều càng tốt để gần gũi và dễ hiểu hơn đối với những người lính. – Tôi thực sự là một sĩ quan dân quân, chỉ có điều đội của tôi không có ở đây ; tôi đã đến trận chiến và lạc mất người của mình.

– Xem kìa ! – một trong những người lính nói.

Người lính khác lắc đầu.

– Thôi được, ăn đi, nếu muốn, món xào đây ! – người thứ nhất nói và đưa cho Pierre một chiếc thìa gỗ sau khi đã liếm sạch nó.

Pierre ngồi xuống cạnh bếp lửa và bắt đầu ăn món xào, món ăn có trong nồi và đối với anh dường như là món ăn ngon nhất trong tất cả những món ăn mà anh từng ăn. Trong khi anh thèm thuồng ăn, cúi đầu trên chiếc nồi, xúc những thìa lớn, nhai hết thìa này đến thìa khác và khuôn mặt anh có thể nhìn thấy được dưới ánh lửa, những người lính im lặng nhìn anh.

– Cậu cần đi đâu thế ? Cậu nói đi ! – một người trong số họ lại hỏi.

– Đến Mozhaisk.

– Cậu là quý tộc phải không ?

– Phải.

– Tên là gì ?

– Pyotr Kirillovich.

– Nào, Pyotr Kirillovich, đi thôi ; chúng tôi sẽ đưa cậu đi.

Trong bóng tối hoàn toàn, những người lính cùng với Pierre đi về phía Mozhaisk.

Gà đã gáy khi họ đến Mozhaisk và bắt đầu leo lên ngọn đồi dốc của thành phố. Pierre đi cùng với những người lính, hoàn toàn quên mất rằng nhà nghỉ chân của anh ở phía dưới chân đồi và anh đã đi quá nó. Anh có lẽ đã không nhớ ra điều này (trong trạng thái thất thần như vậy), nếu anh không tình cờ gặp người quản ngựa của mình ở giữa đồi, người đang đi tìm anh khắp thành phố và đang quay trở lại nhà nghỉ chân của mình. Người quản ngựa nhận ra Pierre qua chiếc mũ của anh, chiếc mũ trắng lấp lánh trong bóng tối.

– Thưa đức ông, – ông ta nói, – chúng tôi đã tuyệt vọng rồi. Tại sao ông lại đi bộ thế này ? Ông đi đâu thế, làm ơn cho biết !

– À phải, – Pierre nói.

Những người lính dừng lại.

– Thế nào, đã tìm thấy người của mình chưa ? – một người trong số họ nói. – Nào, chào nhé ! Pyotr Kirillovich, có vẻ thế ?

– Chào nhé, Pyotr Kirillovich ! – những giọng nói khác vang lên.

– Chào nhé, – Pierre nói và cùng với người quản ngựa đi về phía nhà nghỉ chân.

«Cần phải cho họ cái gì đó !» Pierre nghĩ, thò tay vào túi. «Không, không cần đâu», một giọng nói nào đó bảo anh.

Trong các phòng của nhà nghỉ chân không còn chỗ trống : tất cả đều đã bị chiếm. Pierre đi vào sân và, trùm đầu kín mít, nằm vào chiếc xe ngựa của mình.

IX

Pierre vừa đặt đầu xuống gối, anh cảm thấy mình đang ngủ thiếp đi ; nhưng đột nhiên với sự rõ ràng gần như thực tế, anh nghe thấy những tiếng bùm, bùm, bùm của tiếng súng, nghe thấy những tiếng rên rỉ, tiếng kêu, tiếng loẹt xoẹt của những quả đạn, ngửi thấy mùi máu và thuốc súng, và cảm giác khiếp sợ, nỗi sợ chết bao trùm lấy anh. Anh sợ hãi mở mắt và nhổm đầu ra khỏi chiếc áo khoác. Mọi thứ trong sân đều im lặng. Chỉ ở cổng, đang trò chuyện với người canh cổng và lội qua bùn, là một người đánh xe. Phía trên đầu Pierre, dưới mặt dưới tối tăm của mái hiên bằng gỗ, những con chim bồ câu giật mình vì chuyển động mà anh tạo ra, tung cánh bay. Trong toàn bộ sân vang lên mùi hương thanh bình, vui vẻ đối với Pierre vào phút giây này, mùi cỏ khô, phân ngựa và nhựa đường. Giữa hai cái mái hiên đen tối có thể nhìn thấy bầu trời trong xanh, đầy sao.

«Tạ ơn Chúa, không còn điều đó nữa», Pierre nghĩ, lại trùm đầu kín. «Ôi, thật kinh khủng biết bao khi sợ hãi và thật nhục nhã làm sao khi tôi đã đầu hàng nó ! Còn họ... họ suốt thời gian đó cho đến cuối cùng đều vững vàng, bình tĩnh...» anh nghĩ.

Họ, trong quan niệm của Pierre, là những người lính, những người đã ở trên chiến lũy, và những người đã nuôi dưỡng ông, và những người đã cầu nguyện trước bức thánh tượng. Họ–những con người lạ lùng, chưa từng biết tới trước đó–họ tách biệt rõ rệt và sắc nét trong tư tưởng của ông khỏi tất cả những người khác.

«Làm một người lính, chỉ là một người lính thôi», Pierre nghĩ khi đang thiếp đi. «Bước vào cuộc sống chung này với toàn bộ bản thể, thấm nhuần những gì làm cho họ trở nên như vậy. Nhưng làm sao để trút bỏ tất cả những thứ thừa thãi, quỷ quái này, toàn bộ gánh nặng của con người bên ngoài này ? Có một thời tôi đã có thể là người ấy. Tôi đã có thể chạy trốn khỏi cha mình, như tôi từng muốn. Tôi còn có thể sau cuộc đấu súng với Dolokhov được gửi đi làm lính». Và trong trí tưởng tượng của Pierre thoáng hiện lên bữa ăn tối tại câu lạc bộ, nơi ông đã thách đấu Dolokhov, và vị ân nhân ở Torzhok. Và kìa Pierre hình dung thấy một phòng ăn trang trọng của hội kín. Căn phòng này nằm ở câu lạc bộ Anh Quốc. Và một người nào đó quen thuộc, gần gũi, quý mến, đang ngồi ở cuối bàn. Đúng là người đó rồi ! Đó là vị ân nhân. «Nhưng ông ấy đã chết rồi mà ?» Pierre nghĩ. «Phải, đã chết ; nhưng tôi không biết rằng ông ấy vẫn sống. Và tôi mới tiếc làm sao khi ông ấy chết, và tôi vui làm sao khi thấy ông ấy lại sống !» Ở

một bên bàn là Anatole, Dolokhov, Nesvitsky, Denisov và những người khác giống như thế (loại người này cũng được xác định rõ ràng trong tâm hồn Pierre trong giấc mơ, như loại người mà ông gọi là họ), và những người này, Anatole, Dolokhov, hét lên ầm ĩ, hát ; nhưng đằng sau tiếng thét của họ vẫn nghe thấy giọng nói của vị ân nhân, nói không ngừng nghỉ, và âm thanh lời nói của ông cũng đầy ý nghĩa và liên tục như tiếng rầm rì của chiến trường, nhưng nó dễ chịu và an ủi. Pierre không hiểu những gì vị ân nhân nói, nhưng ông biết (loại tư tưởng cũng rõ ràng trong giấc mơ), rằng vị ân nhân đang nói về điều thiện, về khả năng trở thành những người như họ. Và họ từ khắp phía, với những khuôn mặt giản dị, nhân hậu, cương nghị, vây quanh vị ân nhân. Nhưng họ, dù nhân hậu, lại không nhìn Pierre, không biết đến ông. Pierre muốn thu hút sự chú ý của họ và nói gì đó. Ông đứng dậy, nhưng ngay lúc đó đôi chân ông lạnh toát và lộ ra.

Ông cảm thấy xấu hổ, và lấy tay che đôi chân mình, cái áo khoác thực sự đã bị tuột khỏi đó. Trong một khoảnh khắc, Pierre vừa chỉnh lại áo khoác, vừa mở mắt và nhìn thấy những mái hiên, những cột trụ, cái sân đó, nhưng tất cả bây giờ đều xanh biếc, sáng sủa và phủ đầy những hạt sương hoặc băng giá lấp lánh.

«Trời đang rạng đông rồi», Pierre nghĩ. «Nhưng không phải cái này. Mình cần phải nghe cho hết và hiểu lời của vị ân nhân». Ông lại đắp kín mình bằng áo khoác, nhưng không còn phòng ăn hội kín, cũng chẳng còn vị ân nhân nữa. Chỉ còn những tư tưởng, được diễn đạt rõ ràng bằng lời nói, những tư tưởng mà ai đó đang nói hoặc chính Pierre đang ngẫm nghĩ lại.

Pierre, sau này nhớ lại những tư tưởng này, mặc dù chúng được gợi lên bởi những ấn tượng của ngày hôm đó, nhưng ông vẫn tin chắc rằng có ai đó bên ngoài đã nói với ông. Chưa bao giờ, ông cảm thấy như vậy, khi tỉnh táo ông lại có thể suy nghĩ và diễn đạt những tư tưởng của mình như thế.

«Việc khó khăn nhất là phục tùng sự tự do của con người vào các định luật của Thiên Chúa», một giọng nói vang lên. «Sự giản đơn là phục tùng Thiên Chúa ; không thể thoát khỏi Ngài. Và họ giản đơn. Họ không nói, mà làm. Lời đã nói ra là bạc, nhưng lời không nói ra là vàng. Không gì có thể sở hữu được con người, chừng nào họ còn sợ cái chết. Còn ai không sợ nó, thì mọi thứ thuộc về người đó. Nếu không có đau khổ, con người sẽ không biết đến giới hạn của mình, không biết đến chính mình. Việc khó khăn nhất (Pierre tiếp tục trong giấc mơ suy nghĩ hoặc nghe thấy) là ở chỗ biết kết

hợp trong tâm hồn mình ý nghĩa của mọi thứ. Kết hợp tất cả ư ?» Pierre tự nhủ. «Không, không phải kết hợp. Không thể kết hợp các tư tưởng, mà phải liên kết chúng lại, đó mới là điều cần thiết ! Phải, cần phải liên kết, cần phải liên kết !» Pierre lặp lại với bản thân với niềm hứng khởi nội tâm, cảm thấy rằng chính bằng những từ này và chỉ bằng những từ này thôi, điều ông muốn diễn đạt đã được thể hiện, và toàn bộ câu hỏi đang hành hạ ông đã được giải quyết.

– Phải, cần phải liên kết, đã đến lúc liên kết rồi.

– Cần phải thắng ngựa, đã đến lúc thắng ngựa rồi, thưa đức ngài ! Thưa đức ngài, – một giọng nói nào đó lặp lại, – cần phải thắng ngựa, đã đến lúc thắng ngựa rồi...

Đó là giọng của người quản ngựa đang đánh thức Pierre. Mặt trời chiếu thẳng vào mặt Pierre. Ông nhìn ra cái sân quán trọ bẩn thỉu, ở giữa sân cạnh cái giếng, những người lính đang cho những con ngựa gầy gò uống nước và từ cổng sân, những cỗ xe ngựa đang đi ra. Pierre quay đi với vẻ ghê tởm, nhắm mắt lại, vội vàng nằm xuống ghế xe. «Không, tôi không muốn cái này, tôi không muốn thấy và hiểu cái này ; tôi muốn hiểu những gì đã mở ra cho tôi trong giấc mơ. Thêm một giây nữa thôi–và tôi sẽ hiểu tất cả. Nhưng tôi phải làm gì bây giờ

? Liên kết, nhưng làm sao liên kết tất cả ?» Và Pierre kinh hoàng cảm thấy rằng tất cả ý nghĩa của những gì ông đã thấy và nghĩ trong giấc mơ đã bị sụp đổ.

Người quản ngựa, bác xà ích và người gác cổng kể cho Pierre nghe rằng có một viên sĩ quan đến với tin tức rằng quân Pháp đã tiến sát Mozhaisk và quân ta đang rút lui.

Pierre đứng dậy, bảo thắng ngựa và đuổi theo mình, rồi đi bộ xuyên qua thành phố.

Quân đội đang rút đi và để lại khoảng 10 ngàn thương binh. Những người thương binh này có thể nhìn thấy trong các sân và ở các cửa sổ nhà dân, và họ chen chúc trên các đường phố. Trên các phố, cạnh những chiếc xe bò phải chở những thương binh đi, có thể nghe thấy tiếng kêu la, chửi rủa và những cú đánh. Pierre trao chiếc xe ngựa đuổi kịp mình cho một vị tướng bị thương quen biết và cùng ông ấy đi đến Moscow. Trên đường đi Pierre biết về cái chết của anh rể mình và cái chết của công tước Andrei.

X

Ngày 30, Pierre trở về Moscow. Gần trạm gác, ông gặp một viên tùy tùng của bá tước Rostopchin.

– Chúng tôi đang tìm ngài khắp nơi, – viên tùy tùng nói. – Bá tước nhất định cần gặp ngài. Ông ấy xin ngài đến gặp ngay bây giờ vì một việc rất quan trọng.

Pierre không tạt về nhà, lấy một chiếc xe thuê và đi thẳng đến dinh tổng chỉ huy.

Bá tước Rostopchin chỉ mới sáng nay về thành phố từ biệt thự ngoại ô ở Sokolniki. Phòng chờ và phòng tiếp khách trong nhà bá tước đầy rẫy các quan chức, những người đến theo yêu cầu của ông hoặc để nhận lệnh. Vasilchikov và Platov đã gặp bá tước và giải thích với ông rằng không thể bảo vệ Moscow và nó sẽ bị nộp cho quân địch. Mặc dù tin tức này vẫn được giấu kín với cư dân, nhưng các quan chức, những người đứng đầu các bộ phận khác nhau đều biết rằng Moscow sẽ rơi vào tay kẻ thù, cũng như bá tước Rostopchin đã biết ; và tất cả họ, để trút bỏ trách nhiệm khỏi bản thân, đã đến gặp tổng chỉ huy với các câu hỏi về cách xử lý các bộ phận được giao phó.

Vào lúc Pierre bước vào phòng tiếp khách, một liên lạc viên vừa từ quân đội về đang đi ra từ chỗ bá tước.

Viên liên lạc viên tuyệt vọng vẫy tay trước các câu hỏi mà mọi người đặt ra cho anh ta, và đi ngang qua hội trường.

Trong khi đợi ở phòng tiếp khách, Pierre đưa mắt mệt mỏi quan sát các quan chức khác nhau, già và trẻ, quân sự và dân sự, những người đang ở trong phòng. Tất cả đều có vẻ không hài lòng và lo lắng. Pierre tiến đến một nhóm quan chức, trong đó có một người quen của ông. Sau khi chào hỏi Pierre, họ tiếp tục cuộc trò chuyện của mình.

– Làm sao mà phái đi rồi lại bắt quay về, sẽ không có chuyện gì đâu ; nhưng trong tình cảnh như thế này thì chẳng thể trả lời được gì cả.

– Kìa xem, ông ấy viết đây này... – một người khác nói, chỉ vào tờ thông báo in mà ông ta đang cầm trên tay.

– Đó là chuyện khác. Đối với nhân dân thì cần điều này, – người thứ nhất nói.

– Cái gì thế ? – Pierre hỏi.

– À, tờ thông báo mới đây.

Pierre cầm lấy nó và bắt đầu đọc :

«Đức ngài tối cao công tước, để nhanh chóng hợp quân với quân đội đang tiến đến gặp ngài, đã vượt qua Mozhaisk và dừng lại ở một vị trí vững chắc, nơi quân địch sẽ không đột ngột tấn công được. 48 khẩu đại bác cùng đạn dược đã được gửi từ đây đến chỗ ngài, và đức ngài nói rằng sẽ bảo vệ Moscow đến giọt máu cuối cùng và sẵn sàng chiến đấu ngay cả trên các đường phố. Các bạn, anh em, đừng nhìn vào việc các cơ quan hành chính đã đóng cửa : cần phải dọn dẹp các công việc ; còn chúng ta sẽ tự xét xử bọn gian ác ! Khi chuyện đến nước đó, tôi cần những thanh niên thành thị và nông thôn. Tôi sẽ kêu gọi trước hai ngày, còn bây giờ thì chưa cần, tôi vẫn im lặng. Tốt nhất là với chiếc rìu, cũng không tệ với cây đinh ba, nhưng tốt hơn cả là chiếc xẻng ba răng: quân Pháp chẳng nặng hơn một bó lúa rỉ sét đâu. Ngày mai, sau bữa trưa, tôi sẽ rước tượng Đức Mẹ Iverskaya đến bệnh viện Catherine, cho những người bị thương. Ở đó chúng ta sẽ làm lễ làm phép nước : họ sẽ nhanh chóng bình phục ; còn tôi bây giờ đã khỏe rồi : mắt tôi từng đau, nhưng giờ tôi nhìn thấu cả hai rồi».

– Còn những quân nhân thì nói với tôi, – Pierre nói, – rằng trong thành phố không thể chiến đấu được và vị trí...

– Phải, đó chính là điều chúng tôi đang nói, – viên quan thứ nhất nói.

– Còn điều này nghĩa là gì : mắt tôi từng đau, nhưng giờ tôi nhìn thấu cả hai ? – Pierre hỏi.

– Bá tước bị lẹo mắt thôi, – viên tùy tùng mỉm cười nói, – và ông ấy rất lo lắng khi tôi nói với ông ấy rằng có người đến hỏi thăm tình hình của ông ấy. Mà bá tước sao rồi ? – viên tùy tùng đột nhiên nói, với nụ cười quay sang Pierre : – chúng tôi nghe nói ngài có những lo lắng gia đình, rằng dường như bá tước phu nhân, vợ ngài...

– Tôi chẳng nghe thấy gì cả, – Pierre thản nhiên nói. – Thế các anh nghe thấy gì ?

– À, ngài biết đấy, người ta thường hay thêu dệt lắm. Tôi chỉ nói những gì nghe được thôi.

– Thế các anh nghe được gì ?

– Dạ, người ta nói, – viên tùy tùng lại nói với nụ cười đó, – rằng bá tước phu nhân, vợ ngài, đang chuẩn bị đi ra nước ngoài. Chắc là tin đồn nhảm thôi...

– Có lẽ thế, – Pierre nói, lơ đãng nhìn quanh mình. – Còn người này là ai ? – ông hỏi, chỉ vào một người đàn ông thấp bé, già nua trong chiếc áo choàng xanh sạch sẽ, với bộ râu trắng như tuyết, đôi lông mày cũng thế và khuôn mặt hồng hào.

– Người này ư ? Đó là một thương gia, tức là chủ quán trọ Vereshchagin. Chắc ngài đã nghe câu chuyện về tờ thông báo rồi.

– À, thì ra đó là Vereshchagin ! – Pierre nói, nhìn kỹ vào khuôn mặt cương nghị và bình thản của lão thương gia và tìm kiếm ở đó biểu hiện của sự phản bội.

– Đó không phải chính hắn. Đó là cha của kẻ đã viết tờ thông báo đó, – viên tùy tùng nói. – Tên kia, tên trẻ, đang ngồi ở hầm, và hắn ta, dường như sẽ khốn khổ đấy.

Một ông lão đeo huân chương và một quan chức khác–người Đức, với cây thánh giá trên cổ, tiến lại gần những người đang trò chuyện.

– Ngài thấy đấy, – viên tùy tùng kể, – đây là một câu chuyện rắc rối. Nó xuất hiện cách đây khoảng hai tháng, cái tờ thông báo này. Người ta báo cáo cho bá tước. Ông ấy ra lệnh điều tra. Gavrila Ivanovich đã tìm kiếm

; tờ thông báo này đã qua tay đúng 63 người. Chúng tôi đến gặp từng người một : các anh nhận được từ ai ? Từ người này người kia. Ông ấy đến gặp người đó : anh nhận từ ai ? và vân vân. Đến tận chỗ Vereshchagin... một tên thương gia học đòi, ngài biết đấy, tên thương gia–chim bồ câu, – viên tùy tùng mỉm cười nói. – Người ta hỏi hắn : «mày nhận từ ai ?» Và cái chính là chúng tôi biết hắn nhận từ ai. Hắn chẳng thể nhận từ ai khác ngoài viên giám đốc bưu điện. Nhưng rõ ràng giữa họ đã có sự thông đồng. Hắn nói : «không nhận từ ai cả, tôi tự sáng tác ra». Và họ đã đe dọa, van xin ; hắn vẫn khăng khăng một mực : tự mình sáng tác. Thế là họ báo cáo với bá tước. Bá tước ra lệnh triệu tập hắn. «Mày lấy tờ thông báo ở đâu ?» – «Tự tôi sáng tác ra». Thế đấy, ngài biết bá tước rồi đấy ! – viên tùy tùng nói với nụ cười kiêu hãnh và vui vẻ. – Ông ấy nổi trận lôi đình, và hãy nghĩ xem : sự trơ trẽn, dối trá và ngoan cố đến thế kia !..

– À ! Bá tước cần hắn chỉ ra Klyucharev, tôi hiểu rồi! – Pierre nói.

– Chẳng cần thiết chút nào, – viên tùy tùng sợ hãi nói. – Klyucharev đã có những tội lỗi khác, vì thế ông ta đã bị đày đi rồi. Nhưng vấn đề là ở chỗ bá tước đã rất phẫn nộ. «Làm sao mày có thể sáng tác ra được ?» bá tước nói. Cầm lấy từ bàn tờ báo Hamburg này. «Đây này !

Mày không sáng tác đâu, mà mày đã chép và dịch–dịch dở tệ, bởi vì mày là một tên ngốc, tiếng Pháp mày cũng chẳng biết». Ngài nghĩ sao ? «Không đâu», hắn nói, «tôi không đọc tờ báo nào cả, tôi tự sáng tác ra». – «À, nếu thế thì mày là kẻ phản bội, và tao sẽ đưa mày ra tòa, và mày sẽ bị treo cổ. Nói mau, mày nhận từ ai ?» – «Tôi không thấy tờ báo nào cả, tôi tự sáng tác ra». Cứ thế mà đứng vững. Bá tước và người cha bị gọi đến : đứng về phía con mình. Và họ đã đưa ra tòa và kết án, dường như là khổ sai. Bây giờ người cha đến xin cho con. Nhưng đó là một thằng nhóc tồi tệ ! Ngài biết đấy, loại con trai thương gia, một kẻ chải chuốt, quyến rũ ; hắn nghe giảng bài ở đâu đó và giờ hắn nghĩ rằng quỷ cũng chẳng phải anh em với hắn. Thật là một loại thanh niên gì thế không biết ! Cha hắn có một quán trọ ở đây, chỗ cầu Kamenny, trong quán trọ đó, ngài biết không, có một bức tượng lớn Thiên Chúa Toàn Năng, trong một tay cầm vương trượng, tay kia cầm quả cầu ; thế là hắn lấy bức tượng đó về nhà vài ngày và hắn đã làm gì cơ chứ ! Hắn đã tìm được một tên khốn–họa sĩ...

XI

Ở giữa câu chuyện mới này, Pierre được gọi vào gặp tổng chỉ huy.

Pierre bước vào phòng làm việc của bá tước Rostopchin. Rostopchin, cau mày, đang lấy tay xoa trán và mắt vào lúc Pierre bước vào. Một người đàn ông thấp bé đang nói điều gì đó, và ngay khi Pierre vừa vào, ông ta im lặng và đi ra.

– À, chào ngài, chiến sĩ vĩ đại, – Rostopchin nói ngay khi người kia vừa ra. – Nghe nói về những chiến công của ngài rồi nhé ! Nhưng vấn đề không phải ở đó. Bạn thân mến, giữa chúng ta với nhau, ngài là thợ nề phải không ? – bá tước Rostopchin nói với giọng nghiêm khắc, như thể có điều gì đó xấu xa trong việc này, nhưng ông định tha thứ. Pierre im lặng. – Bạn thân mến, tôi được biết rõ lắm rồi, nhưng tôi biết rằng có những người thợ nề và những người thợ nề, và tôi hy vọng rằng ngài không thuộc về những kẻ dưới danh nghĩa cứu rỗi nhân loại lại muốn hủy hoại nước Nga.

– Vâng, tôi là thợ nề, – Pierre trả lời.

– Này, ngài thấy đấy, người bạn quý mến của tôi. Tôi nghĩ, chắc ngài không lạ gì việc các ngài Speransky

và Magnitsky đã bị đưa đến nơi cần thiết ; việc tương tự cũng đã được thực hiện với ngài Klyucharev ; và cả với những kẻ khác nữa, những kẻ dưới danh nghĩa xây dựng đền thờ Solomon lại cố gắng phá hủy đền thờ của tổ quốc mình. Ngài có thể hiểu rằng có những lý do cho việc này và rằng tôi không thể không đày vị giám đốc bưu điện ở đây đi, nếu ông ta không phải là một người có hại. Bây giờ tôi được biết rằng ngài đã gửi xe ngựa của mình cho ông ta để đưa ra khỏi thành phố và thậm chí ngài đã nhận từ ông ta những giấy tờ để cất giữ. Tôi yêu quý ngài và không muốn điều xấu cho ngài ; và vì ngài kém tôi hai lần tuổi, tôi, như một người cha, khuyên ngài hãy chấm dứt mọi quan hệ với loại người đó và chính ngài hãy rời khỏi đây càng sớm càng tốt.

– Nhưng tội của Klyucharev là gì, thưa bá tước ? – Pierre hỏi.

– Đó là việc của tôi phải biết, chứ không phải việc của ngài để hỏi tôi, – Rostopchin hét lên.

– Nếu ông ta bị buộc tội truyền bá các tờ thông báo của Napoleon, thì điều đó vẫn chưa được chứng minh, – Pierre nói (không nhìn vào Rostopchin), – và Vereshchagin...

– Kìa kìa ! – Rostopchin đột nhiên cau mày, ngắt lời Pierre, thậm chí còn to hơn trước. – Vereshchagin là một kẻ phản bội và kẻ phản bội, hắn sẽ nhận được án phạt xứng đáng, – Rostopchin nói với sự căm phẫn sục sôi, như người ta thường nói khi nhớ lại một sự xúc phạm. – Nhưng tôi không mời ngài đến đây để thảo luận về các công việc của tôi, mà để đưa ra lời khuyên cho ngài, hoặc mệnh lệnh, nếu ngài muốn thế. Tôi yêu cầu ngài chấm dứt quan hệ với những quý ông như Klyucharev và rời khỏi đây. Tôi sẽ tống khứ cái sự điên rồ này ra khỏi đầu bất cứ ai có nó. – Và, dường như sực tỉnh lại, ông nhận ra rằng mình như đang quát tháo Bezukhov, người vẫn chưa có lỗi gì, ông nói thêm, thân mật nắm lấy tay Pierre : – Chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của một thảm họa công cộng, và tôi không có thời gian để nói những lời tử tế với tất cả những người có việc với tôi. Đầu óc đôi khi quay cuồng cả lên ! Nào, bạn thân mến, ngài làm gì cho cá nhân mình thế ?

– Nhưng không có gì cả, – Pierre trả lời, vẫn không ngước mắt lên và không thay đổi vẻ mặt trầm tư của mình.

Bá tước cau mày.

– Một lời khuyên của người bạn, bạn thân mến. Hãy rút lui càng sớm càng tốt, đó là tất cả những gì tôi nói

với ngài. Người nghe tốt sẽ hiểu ! Chào nhé, người bạn quý mến của tôi. À, phải, – ông hét vọng theo Pierre từ cửa, – có đúng là phu nhân đã rơi vào tay các linh mục của Dòng Tên không ?

Pierre không trả lời gì cả, cau mày và giận dữ, điều mà người ta chưa từng thấy ở ông trước đây, ông bước ra khỏi chỗ Rostopchin.

Khi ông về đến nhà, trời đã bắt đầu sẩm tối. Có tám người thuộc các loại khác nhau đã đến thăm ông tối hôm đó : thư ký ủy ban, viên đại tá tiểu đoàn của ông, người quản lý, người quản gia và các người xin xỏ khác nhau. Mọi người đều có việc cần Pierre giải quyết. Pierre không hiểu gì, không quan tâm đến những công việc này và chỉ trả lời các câu hỏi bằng những câu trả lời để giải thoát ông khỏi những người này. Cuối cùng, khi còn lại một mình, ông mở và đọc lá thư của vợ.

«Họ – những người lính trên chiến lũy, công tước Andrei bị giết... lão già... Sự giản đơn là phục tùng Thiên Chúa. Cần phải đau khổ... ý nghĩa của tất cả... cần phải liên kết... vợ đi lấy chồng... Phải quên và hiểu...» Và ông, tiến lại gần giường, không cởi quần áo, ngã vật xuống đó và ngủ thiếp ngay lập tức.

Khi ông thức dậy vào sáng ngày hôm sau, người quản gia đến báo cáo rằng một quan chức cảnh sát do bá tước Rostopchin cử đến đang ở đây để tìm hiểu xem bá tước Bezukhov đã đi chưa hay đang đi.

Khoảng mười người khác nhau có việc với Pierre đang đợi ông trong phòng khách. Pierre vội vàng mặc quần áo, và thay vì đi gặp những người đang đợi mình, ông đi ra lối sau và từ đó ra ngoài cổng.

Từ bấy giờ cho đến khi kết thúc sự tàn phá Moscow, không ai trong số những người nhà Bezukhov, mặc dù đã tìm kiếm khắp nơi, còn thấy Pierre nữa và không biết ông ở đâu.

XII

Nhà Rostov cho đến ngày 1 tháng Chín, tức là cho đến đêm trước khi quân địch tiến vào Moscow, vẫn ở lại trong thành phố.

Sau khi Petya gia nhập trung đoàn kỵ binh Obolensky và lên đường đi Belaya Tserkov, nơi trung đoàn này đang được thành lập, phu nhân bá tước rơi vào trạng thái sợ hãi. Ý nghĩ rằng cả hai con trai của bà đều đang ở ngoài mặt trận, rằng cả hai đều đã ra khỏi tầm tay bảo bọc của bà, rằng hôm nay hoặc ngày mai mỗi người trong số họ, và có lẽ cả hai cùng lúc, giống như ba đứa con của một người quen của bà, có thể bị giết, lần đầu tiên vào mùa hè này đã hiện ra với sự rõ ràng cay nghiệt trong đầu bà. Bà đã cố gắng đòi Nikolai về cho mình, tự mình muốn đi đến chỗ Petya, để sắp xếp cho nó đi đâu đó ở Petersburg, nhưng cả việc này lẫn việc kia đều tỏ ra không thể thực hiện được. Petya không thể được trả về nếu không đi cùng trung đoàn hoặc thông qua việc chuyển sang một trung đoàn đang hoạt động khác. Nikolai thì đang ở đâu đó trong quân đội và sau lá thư cuối cùng của anh, trong đó anh mô tả chi tiết cuộc gặp gỡ với tiểu thư Marya, anh không còn tin tức gì về mình nữa. Phu nhân bá tước không ngủ được nhiều đêm, và

khi ngủ thiếp đi, bà thấy trong mơ những đứa con trai bị giết của mình. Sau nhiều lời khuyên và thương lượng, bá tước cuối cùng đã nghĩ ra một phương cách để trấn an phu nhân bá tước. Ông đã chuyển Petya từ trung đoàn Obolensky sang trung đoàn của Bezukhov, đang được thành lập gần Moscow. Mặc dù Petya vẫn ở trong quân đội, nhưng với việc chuyển đổi này phu nhân bá tước có được sự an ủi khi thấy ít nhất một đứa con dưới tầm tay mình, và hy vọng sẽ thu xếp cho Petya sao cho nó không còn bị đưa đi tham gia trận đánh nữa. Chừng nào chỉ có một mình Nicolas gặp nguy hiểm, phu nhân bá tước dường như (và bà thậm chí còn hối hận về điều này) cảm thấy rằng bà yêu đứa con trai cả của mình hơn tất cả những đứa trẻ khác ; nhưng khi đứa con út, cậu bé nghịch ngợm, học hành kém cỏi, người hay làm vỡ mọi thứ trong nhà và làm phiền mọi người, cậu Petya này, cái cậu Petya mũi hếch với đôi mắt đen vui vẻ, đôi má hồng hào tươi tắn và lớp lông tơ mới nhú trên má, rơi vào đó, vào chỗ của những người đàn ông to lớn, đáng sợ, hung dữ, những người đang chiến đấu vì cái gì đó và đang tìm thấy niềm vui trong đó,–lúc ấy người mẹ cảm thấy rằng bà yêu nó nhiều hơn, nhiều hơn tất cả những đứa con của mình. Càng gần đến lúc Petya phải trở về Moscow, sự lo lắng của phu nhân bá tước càng tăng lên. Bà đã nghĩ rằng sẽ không bao giờ chờ đợi được hạnh

phúc này. Sự hiện diện không chỉ của Sonya, mà cả của Natasha yêu quý, thậm chí cả của chồng, cũng làm phu nhân bá tước khó chịu. «Tôi cần gì họ chứ, trừ Petya ra!» bà nghĩ.

Vào những ngày cuối cùng của tháng Tám, nhà Rostov nhận được lá thư thứ hai từ Nikolai. Anh viết từ tỉnh Voronezh, nơi anh được cử đi mua ngựa. Lá thư này không làm phu nhân bá tước yên lòng. Biết một đứa con đã thoát khỏi nguy hiểm, bà lại càng lo lắng cho Petya hơn.

Mặc dù thực tế là vào ngày 20 tháng Tám hầu hết những người quen của nhà Rostov đã rời khỏi Moscow, mặc dù thực tế là mọi người đều thuyết phục phu nhân bá tước đi càng sớm càng tốt, bà vẫn không muốn nghe gì về việc ra đi cho đến khi báu vật của bà, cậu Petya yêu quý, trở về. Ngày 28 tháng Tám Petya đã về. Sự dịu dàng đau đớn và nồng cháy mà người mẹ đón nhận anh không làm viên sĩ quan 16 tuổi hài lòng. Mặc dù người mẹ đã che giấu ý định không cho anh rời khỏi vòng tay mình nữa, Petya đã hiểu được ý đồ của bà, và theo bản năng lo sợ rằng bà sẽ làm anh trở nên ủy mị (như anh tự nghĩ), anh đã đối xử lạnh nhạt với bà, tránh mặt bà và trong thời gian ở Moscow, anh chỉ ở cùng với Natasha,

người mà anh luôn có một sự dịu dàng đặc biệt, gần như yêu đương, của tình anh em.

Theo sự bất cẩn thông thường của bá tước, đến ngày 28 tháng Tám vẫn chưa có gì chuẩn bị cho việc ra đi, và những cỗ xe ngựa được chờ đợi từ các làng ở Ryazan và Moscow để chở toàn bộ tài sản chỉ đến vào ngày 30.

Từ ngày 28 đến ngày 31 tháng Tám, toàn bộ Moscow bận rộn và chuyển động. Mỗi ngày vào trạm gác Dorogomilovskaya người ta đưa vào và chở đi khắp Moscow hàng ngàn thương binh trong trận Borodino, và hàng ngàn cỗ xe với cư dân và tài sản đi ra qua các trạm gác khác. Mặc dù có những tờ thông báo của Rostopchin, hoặc độc lập với chúng, những tin tức kỳ lạ và trái ngược nhất được truyền đi khắp thành phố. Người thì nói rằng không ai được phép ra khỏi thành phố ; người thì ngược lại, kể rằng người ta đã mang tất cả các bức thánh tượng ra khỏi các nhà thờ và đuổi tất cả mọi người đi một cách cưỡng bức ; người thì nói rằng đã có một trận chiến khác sau Borodino, trong đó quân Pháp bị đánh tan ; người thì ngược lại, nói rằng toàn bộ quân đội Nga đã bị tiêu diệt ; người thì nói về dân quân Moscow sẽ đi đầu với giới tăng lữ ; người thì rỉ tai nhau rằng thánh Augustin không cho phép ra đi, rằng những kẻ phản bội đã bị bắt, rằng nông dân đang nổi loạn và

cướp bóc những người ra đi, vân vân. Nhưng đây chỉ là những lời nói, còn thực chất cả những người đi, và cả những người ở lại (mặc dù vẫn chưa có hội đồng ở Fili, nơi quyết định bỏ Moscow), tất cả đều cảm thấy, mặc dù không thể hiện ra điều đó, rằng Moscow chắc chắn sẽ bị nộp và cần phải dọn dẹp tài sản của mình và cứu lấy bản thân càng sớm càng tốt. Người ta cảm thấy rằng mọi thứ đột ngột sẽ sụp đổ và thay đổi ; nhưng cho đến ngày 1 tháng Chín vẫn chưa có gì thay đổi. Giống như một tên tội phạm đang bị dẫn đến pháp trường biết rằng mình sắp chết, nhưng vẫn nhìn quanh và chỉnh lại chiếc mũ đội lệch, Moscow vẫn vô tình tiếp tục cuộc sống thường nhật của mình, mặc dù biết rằng thời khắc diệt vong đã gần kề, khi tất cả những mối quan hệ ước lệ của cuộc sống mà mọi người đã quen phục tùng sẽ bị cắt đứt.

Trong suốt ba ngày đó, trước khi Moscow bị chiếm đóng, toàn thể gia đình Rostov đều bận rộn với nhiều công việc thường nhật khác nhau. Người đứng đầu gia đình, bá tước Ilya Andreyevich, không ngừng đi khắp thành phố, thu thập những tin đồn lan truyền từ mọi phía, và ở nhà đưa ra những chỉ dẫn chung chung, hời hợt và vội vã về việc chuẩn bị khởi hành.

Bá tước phu nhân theo dõi việc dọn dẹp đồ đạc, bà không hài lòng với mọi người và đi theo Petya, người không ngừng chạy trốn khỏi bà, bà ghen tị với Natasha, người mà cậu dành toàn bộ thời gian ở cùng. Chỉ có Sonya một mình điều hành khía cạnh thực tế của công việc – đóng gói đồ đạc. Nhưng Sonya đặc biệt buồn bã và im lặng trong suốt thời gian qua. Bức thư của Nicolas, trong đó anh nhắc đến tiểu thư Marya, đã khiến bá tước phu nhân có những suy luận vui vẻ trước mặt cô về việc bà đã thấy ý Chúa trong cuộc gặp gỡ của tiểu thư Marya với Nicolas như thế nào.

– Mẹ chưa bao giờ vui mừng như vậy, – bá tước phu nhân nói, – khi Bolkonsky là hôn phu của Natasha, nhưng mẹ luôn mong muốn, và mẹ có linh cảm rằng Nikolenka sẽ kết hôn với tiểu thư. Và điều đó sẽ tốt biết bao !

Sonya cảm thấy rằng điều đó là sự thật, rằng cơ hội duy nhất để cải thiện tình hình của nhà Rostov là cuộc hôn nhân với một người giàu có và rằng tiểu thư là một đối tượng tốt. Nhưng cô cảm thấy rất đắng cay. Bất chấp nỗi đau của mình, hoặc có lẽ, chính vì nỗi đau đó, cô đã đảm nhận tất cả những công việc khó khăn trong việc sắp xếp và đóng gói đồ đạc và bận rộn suốt cả ngày. Bá tước và phu nhân tìm đến cô khi họ cần ra

lệnh điều gì đó. Trái lại, Petya và Natasha không những không giúp đỡ cha mẹ, mà phần lớn thời gian còn làm phiền và cản trở mọi người trong nhà. Và suốt cả ngày, người ta hầu như nghe thấy tiếng chạy nhảy, tiếng la hét và tiếng cười vô cớ của họ trong nhà. Họ cười và vui mừng hoàn toàn không phải vì có lý do để cười ; mà trong lòng họ cảm thấy vui vẻ và phấn khởi, và vì vậy mọi thứ xảy ra đều là lý do để họ vui vẻ và mỉm cười. Petya cảm thấy vui vẻ vì khi rời khỏi nhà khi còn là một cậu bé, cậu đã trở về (như mọi người nói với cậu) là một chàng trai trẻ dũng cảm ; vui vì cậu đang ở nhà ; vui vì cậu từ Belaya Tserkov, nơi hy vọng sớm được tham gia trận chiến là rất thấp, đã đến được Moscow, nơi họ sẽ chiến đấu trong những ngày tới, và quan trọng nhất, vui vì Natasha, người mà tâm trạng của cô luôn khiến cậu phục tùng, đang vui vẻ. Còn Natasha vui vẻ vì cô đã buồn quá lâu rồi, và giờ đây không có gì gợi nhắc cô về lý do của nỗi buồn đó, và cô đã khỏe mạnh. Cô còn vui vẻ vì có một người ngưỡng mộ cô (sự ngưỡng mộ của những người khác là chất bôi trơn cho bánh xe, điều cần thiết để cỗ máy của cô chuyển động hoàn toàn tự do), và Petya ngưỡng mộ cô. Quan trọng nhất, họ vui vẻ vì chiến tranh đã đến sát Moscow, vì họ sẽ chiến đấu tại các trạm gác, vì vũ khí đang được phát ra, vì mọi người đang tháo chạy, đang đi đâu đó, vì nói chung có một

điều gì đó phi thường đang diễn ra, điều luôn mang lại niềm vui cho con người, đặc biệt là cho người trẻ tuổi.

XIII

Ngày 31 tháng 8, thứ Bảy, trong nhà Rostov mọi thứ dường như bị đảo lộn. Tất cả các cửa đều mở toang, mọi đồ nội thất đã được mang đi hoặc sắp xếp lại, gương và tranh ảnh đã bị gỡ xuống. Trong các phòng đều có rương hòm, rơm rạ, giấy gói và dây thừng nằm vương vãi. Những người nông dân và gia nhân khiêng những vật nặng đi lại trên sàn gỗ với những bước chân nặng nề. Ngoài sân, những chiếc xe ngựa của nông dân chen chúc nhau, một số đã được chất đầy đồ đạc và buộc chặt, một số khác vẫn còn trống rỗng.

Tiếng nói và bước chân của đám gia nhân đông đúc và những người nông dân đi theo xe ngựa vang lên, gọi nhau í ới ngoài sân và trong nhà. Bá tước đã đi đâu đó từ sáng sớm. Phu nhân, người bị đau đầu vì sự hối hả và ồn ào, đang nằm trong phòng khách mới với những dải băng tẩm giấm trên đầu. Petya không có ở nhà (cậu đã đi gặp một người bạn mà cậu định cùng người đó chuyển từ lực lượng dân quân sang quân đội chính quy). Sonya có mặt ở trong sảnh để đóng gói pha lê và sứ. Natasha ngồi trong căn phòng đã bị dọn sạch của mình trên sàn nhà giữa những chiếc váy, ruy băng và khăn quàng cổ nằm vương vãi, nhìn chằm chằm xuống sàn một cách

bất động, cầm trong tay một chiếc váy dạ hội cũ (đã lỗi mốt), chiếc váy mà cô đã mặc lần đầu tiên tại buổi khiêu vũ ở Petersburg.

Natasha cảm thấy xấu hổ vì không làm gì trong nhà, trong khi mọi người đều bận rộn như vậy, và cô đã vài lần cố gắng bắt tay vào việc từ sáng ; nhưng lòng cô không thiết tha với việc này ; và cô không thể và không biết cách làm bất cứ việc gì bằng cả tâm hồn. Cô đứng cạnh Sonya khi cô ấy đóng gói đồ sứ, muốn giúp đỡ, nhưng ngay lập tức bỏ dở và đi về phòng mình để đóng gói đồ đạc cá nhân. Lúc đầu, việc cô tặng váy và ruy băng cho những người hầu gái khiến cô vui vẻ, nhưng sau đó, khi phần còn lại vẫn cần phải đóng gói, cô thấy việc đó thật nhàm chán.

– Dunyasha, em sẽ đóng gói chứ, em yêu ? Có không? Có không ? – Và khi Dunyasha sẵn lòng hứa sẽ làm mọi việc cho cô, Natasha ngồi xuống sàn, cầm chiếc váy dạ hội cũ trong tay và suy nghĩ về một điều hoàn toàn khác với những gì lẽ ra phải khiến cô bận tâm bây giờ. Từ sự trầm ngâm đó, trong đó Natasha đang đắm chìm, tiếng nói của những người hầu gái ở phòng bên cạnh và tiếng bước chân vội vã của họ từ căn phòng phía sau ra hàng hiên sau đã kéo cô ra. Natasha đứng dậy và nhìn ra

cửa sổ. Trên đường phố, một đoàn xe chở thương binh khổng lồ đã dừng lại.

Những cô gái, gia nhân, quản gia, vú em, đầu bếp, đánh xe, người cưỡi ngựa đứng ở cổng, nhìn những người thương binh.

Natasha, quàng một chiếc khăn tay trắng lên tóc và giữ hai đầu khăn bằng cả hai tay, đi ra ngoài đường.

Cựu quản gia, bà lão Mavra Kuzminichna, tách khỏi đám đông đứng ở cổng, và đi đến một chiếc xe ngựa có mui bằng chiếu, đang nói chuyện với một sĩ quan trẻ, nhợt nhạt nằm trong chiếc xe đó. Natasha tiến lại gần vài bước và rụt rè dừng lại, tiếp tục giữ chiếc khăn của mình và lắng nghe những gì bà quản gia nói.

– Thế ra, ở chỗ các cậu, nghĩa là, không có ai ở Moscow sao ? – Mavra Kuzminichna nói. – Các cậu nên nghỉ ngơi ở đâu đó trong một căn hộ... Chỗ chúng tôi đây này. Các chủ nhân sắp đi rồi.

– Tôi không biết, liệu họ có cho phép không, – người sĩ quan nói bằng giọng yếu ớt. – Kìa, cấp trên... hãy hỏi đi, – và anh ta chỉ về phía một viên thiếu tá to béo đang quay trở lại phố theo hàng xe ngựa.

Natasha nhìn vào khuôn mặt của người sĩ quan bị thương với ánh mắt sợ hãi và ngay lập tức đi về phía viên thiếu tá.

– Có thể cho những người thương binh ở lại nhà chúng tôi không ? – cô hỏi.

Viên thiếu tá mỉm cười đưa tay lên vành mũ.

– Cô muốn ai, thưa cô ? – ông ta nói, nheo mắt và mỉm cười.

Natasha bình tĩnh lặp lại câu hỏi của mình, và khuôn mặt cũng như toàn bộ dáng vẻ của cô, mặc dù cô vẫn tiếp tục giữ chiếc khăn của mình ở hai đầu, nghiêm túc đến mức viên thiếu tá thôi mỉm cười và sau khi suy nghĩ một lát, như thể tự hỏi mình xem điều này khả thi đến mức nào, đã trả lời cô một cách khẳng định.

– Ồ, vâng, tại sao lại không chứ, có thể được, – ông ta nói.

Natasha khẽ cúi đầu và quay lại với bước chân nhanh nhẹn về phía Mavra Kuzminichna, người đang đứng cạnh người sĩ quan và nói chuyện với anh ta một cách đầy thương cảm.

– Có thể, ông ấy nói là có thể ! – Natasha thì thầm.

Chiếc xe ngựa của người sĩ quan rẽ vào sân nhà Rostov, và hàng chục chiếc xe chở thương binh bắt đầu rẽ vào sân và lên đến cổng các ngôi nhà trên phố Povarskaya theo lời mời của các cư dân thành phố. Natasha dường như thích những điều kiện sống bất thường này và mối quan hệ với những người mới. Cô cùng với Mavra Kuzminichna cố gắng đưa càng nhiều thương binh vào sân mình càng tốt.

– Dù sao cũng phải báo cáo với ông chủ, – Mavra Kuzminichna nói.

– Không sao, không sao, chẳng phải đều như nhau sao ! Trong một ngày chúng ta sẽ chuyển vào phòng khách. Có thể nhường toàn bộ nửa nhà của chúng ta cho họ.

– Kìa, cô chủ, cô lại nghĩ ra chuyện gì thế ! Ít nhất là vào căn nhà phụ, vào phòng của vú em, còn phải hỏi ý kiến nữa chứ.

– Được rồi, tôi sẽ hỏi.

Natasha chạy vào nhà và đi nhón chân vào cánh cửa đang mở một nửa của phòng khách, nơi nồng nặc mùi giấm và những giọt thuốc Hoffmann.

– Mẹ đang ngủ à, mẹ ?

– Ôi, giấc mơ gì thế này ! – bá tước phu nhân vừa tỉnh giấc sau khi chợp mắt nói.

– Mẹ ơi, mẹ yêu, – Natasha nói, quỳ xuống trước mặt mẹ và áp sát mặt vào mặt bà. – Con xin lỗi, tha lỗi cho con, con sẽ không bao giờ làm thế nữa ; con đã làm mẹ thức giấc. Mavra Kuzminichna cử con đến ; ở đây họ chở những người thương binh đến, các sĩ quan. Xin mẹ cho phép ạ ? Mà họ không có nơi nào để đi ; con biết mẹ sẽ cho phép... – cô nói nhanh, không kịp thở.

– Sĩ quan nào ? Họ chở ai đến ? Mẹ chẳng hiểu gì cả, – bá tước phu nhân nói.

Natasha bật cười, phu nhân cũng mỉm cười yếu ớt.

– Con biết mẹ sẽ cho phép... Con sẽ nói như vậy.

Và Natasha, hôn mẹ mình, đứng dậy và đi ra cửa.

Ở trong sảnh, cô gặp cha mình, người vừa trở về nhà với những tin tức xấu.

– Chúng ta đã ở lại quá lâu rồi ! – bá tước nói với vẻ bực bội không tự chủ. – Và câu lạc bộ đã đóng cửa, và cảnh sát đang rút đi.

– Cha ơi, không sao đâu, con đã mời những người thương binh vào nhà ? – Natasha nói với ông.

– Tất nhiên rồi, không sao cả, – bá tước nói một cách lơ đãng. – Không phải chuyện đó ; mà bây giờ cha yêu cầu đừng làm những việc vặt vãnh, mà hãy giúp đỡ đóng gói và đi thôi, đi thôi, đi thôi vào ngày mai...

Và bá tước lặp lại mệnh lệnh tương tự cho người quản gia và gia nhân.

Trong bữa trưa, Petya trở về kể lại những tin tức của mình.

Cậu nói rằng hôm nay dân chúng đang lấy vũ khí trong Điện Kremlin, rằng mặc dù trong thông cáo của Rastopchin có nói rằng ông ta sẽ phát lời kêu gọi trong hai ngày tới, nhưng lệnh đã được đưa ra chắc chắn là ngày mai tất cả mọi người sẽ đến Ba Ngọn Núi với vũ khí, và ở đó sẽ có một trận chiến lớn.

Phu nhân với vẻ kinh hãi rụt rè nhìn vào khuôn mặt vui vẻ, phấn khích của con trai mình khi cậu nói điều đó. Bà biết rằng nếu bà nói một lời về việc bà yêu cầu Petya không được đi đến trận chiến này (bà biết rằng cậu đang vui mừng trước trận chiến sắp tới này), thì cậu sẽ nói điều gì đó về đàn ông, về danh dự, về tổ quốc – điều gì đó vô nghĩa, ngang ngạnh, cứng nhắc, điều không thể phản đối được, và công việc sẽ bị hỏng; và vì vậy, hy vọng sẽ sắp xếp mọi thứ để rời đi trước

đó và đưa Petya đi cùng như một người bảo vệ và che chở, bà không nói gì với Petya, và sau bữa trưa, bà gọi bá tước lại và rơm rớm nước mắt van xin ông đưa bà đi càng sớm càng tốt, ngay trong đêm nay nếu có thể. Với một sự mưu mẹo thầm kín của tình yêu nữ giới, bà, người cho đến lúc này vẫn thể hiện sự can trường hoàn hảo, nói rằng bà sẽ chết vì sợ hãi nếu họ không đi ngay trong đêm nay. Bà không giả vờ, bây giờ bà sợ hãi tất cả mọi thứ.

XIV

Bà Schosse, người đã đi thăm con gái mình, càng làm tăng thêm nỗi sợ hãi của phu nhân bằng những câu chuyện về những gì bà đã thấy trên phố Myasnitskaya tại một cửa hàng rượu. Khi quay trở lại phố, bà không thể về nhà vì đám đông say xỉn, hung hãn tại cửa hàng. Bà đã thuê một người đánh xe và đi vòng qua hẻm để về nhà ; và người đánh xe kể cho bà nghe rằng dân chúng đang đập phá các thùng rượu trong cửa hàng rượu, rằng lệnh đã được đưa ra như vậy.

Sau bữa trưa, toàn thể gia nhân nhà Rostov bắt đầu công việc đóng gói đồ đạc và chuẩn bị khởi hành với một sự nhiệt tình vội vã. Bá tước già, đột nhiên bắt tay vào việc, sau bữa trưa không ngừng đi từ sân vào nhà và ngược lại, hét lên một cách vô nghĩa với những người đang vội vã và thậm chí còn thúc giục họ nhiều hơn. Petya điều hành ở ngoài sân. Sonya không biết phải làm gì dưới ảnh hưởng của những mệnh lệnh mâu thuẫn của bá tước, và hoàn toàn bối rối với mọi người. Những người gia nhân, la hét, tranh cãi và làm ồn, chạy khắp các phòng và ngoài sân. Natasha, với sự cuồng nhiệt vốn có của mình, cũng đột nhiên bắt tay vào việc. Lúc đầu, sự can thiệp của cô vào việc đóng gói bị đón nhận bằng sự ngờ vực. Không ai mong đợi những trò

đùa từ cô và không muốn nghe lời cô, nhưng cô đòi hỏi sự phục tùng bằng sự kiên trì và nhiệt tình, giận dữ, suýt khóc vì họ không nghe lời cô, và cuối cùng, đạt được việc họ tin tưởng vào cô. Chiến tích đầu tiên của cô, tốn rất nhiều công sức và mang lại cho cô quyền lực, là việc đóng gói những tấm thảm. Nhà bá tước có những tấm thảm gobelins đắt tiền và thảm Ba Tư. Khi Natasha bắt tay vào việc, trong sảnh có hai chiếc hòm đang mở : một chiếc đã được xếp gần đầy sứ, chiếc kia đựng thảm. Còn rất nhiều sứ đặt trên bàn và nhiều đồ vật khác vẫn đang được mang ra từ kho. Cần phải bắt đầu một chiếc hòm thứ ba, và mọi người đã đi lấy nó.

– Sonya, đợi đã, chúng ta sẽ sắp xếp mọi thứ như thế này, – Natasha nói.

– Không được đâu, thưa cô chủ, chúng tôi đã thử rồi, – người quản lý kho nói.

– Không, đợi đã, đợi đã, làm ơn.

And Natasha nhanh chóng bắt đầu lấy những đĩa và bát được bọc trong giấy ra khỏi hòm.

– Bát đĩa phải để vào đây, vào thảm, – cô nói.

– Kìa, thảm còn phải chia cho ba hòm nữa mới hết Chúa ơi, – người quản lý kho nói.

– Đợi đã, làm ơn. – Và Natasha nhanh chóng, khéo léo bắt đầu phân loại. – Đây không cần, – cô nói về những chiếc đĩa Kiev. – Đây – có, đây để vào thảm, – cô nói về những chiếc bát Saxon.

– Thôi để đó đi, Natasha ; thôi đủ rồi, chúng ta sẽ xếp vào, – Sonya nói với vẻ trách móc.

– Kìa, thưa cô chủ... – người quản gia nói.

Nhưng Natasha không bỏ cuộc, cô vứt hết mọi thứ ra và nhanh chóng bắt đầu đóng gói lại, quyết định rằng không cần lấy những tấm thảm gia đình cũ và bát đĩa thừa. Khi mọi thứ đã được lấy ra, họ bắt đầu đóng gói lại. Và thực sự, bằng cách bỏ đi hầu hết những thứ rẻ tiền không đáng mang theo, tất cả những thứ có giá trị đã được xếp vào hai chiếc hòm. Nắp của hòm thảm không đóng lại được. Chỉ có thể lấy ra một ít đồ, nhưng Natasha muốn nhất định phải theo cách của mình. Cô đóng gói, chèn, ấn, bắt người quản lý kho và Petya, những người mà cô đã lôi cuốn theo mình vào việc đóng gói, phải ấn nắp hòm ; và chính cô cũng nỗ lực hết mình.

– Thôi đủ rồi, Natasha, – Sonya nói với cô. – Mình thấy rồi, bạn đúng đấy, nhưng hãy lấy ra một chiếc trên cùng đi.

– Không muốn, – Natasha hét lên, một tay giữ những lọn tóc xõa trên khuôn mặt đẫm mồ hôi, tay kia ấn vào những tấm thảm. – Kìa ấn đi, Petyka, ấn đi ! Vasilyich, ấn đi ! – cô hét lên.

Những tấm thảm bị ép xuống, và nắp hòm đã đóng lại. Natasha, vỗ tay, rít lên vì sung sướng, và những giọt nước mắt trào ra từ mắt cô. Nhưng điều đó chỉ kéo dài một giây. Ngay lập tức cô bắt tay vào việc khác, và bây giờ họ hoàn toàn tin tưởng cô, và bá tước không hề giận, khi người ta nói với ông rằng Natalya Ilyinichna đã hủy bỏ mệnh lệnh của ông, và những người gia nhân đến hỏi Natasha xem đã buộc xe ngựa chưa, và liệu cô có hài lòng với cách xếp đồ không. Công việc tiến triển thuận lợi, nhờ những chỉ dẫn của Natasha : những thứ không cần thiết bị để lại và những thứ cần thiết nhất được đóng gói một cách chặt chẽ nhất những món đồ đắt tiền nhất.

Nhưng dù mọi người có bận rộn đến đâu, cho đến tận đêm khuya vẫn chưa thể đóng gói xong mọi thứ. Phu nhân đã ngủ thiếp đi, và bá tước, hoãn chuyến khởi hành cho đến sáng, đã đi ngủ.

Sonya, Natasha ngủ mà không thay quần áo trong phòng khách.

Đêm đó, một người thương binh mới nữa được chở qua phố Povarskaya, và Mavra Kuzminichna, đứng ở cổng, đã hướng anh ta vào sân nhà Rostov. Người thương binh này, theo những gì Mavra Kuzminichna nghe được, là một người rất quan trọng. Anh ta được chở trong một chiếc xe kéo, hoàn toàn được che kín bằng một tấm bạt và hạ mui xuống. Trên ghế của người đánh xe, cùng với người đánh xe, là một ông già, một người hầu cận đáng kính. Phía sau xe có một bác sĩ và hai người lính đi cùng.

– Xin mời vào chỗ chúng tôi, xin mời. Chủ nhà đang đi, cả ngôi nhà trống không, – bà lão nói, quay sang người hầu già.

– Biết làm thế nào, – người hầu trả lời, thở dài, – mà chở đến không biết nữa ! Chúng tôi có nhà riêng ở Moscow, nhưng xa quá, và không có ai sống ở đó cả.

– Xin mời vào nhà chúng tôi, chúng tôi xin mời chủ của các ông ; xin mời, – Mavra Kuzminichna nói. – Mà sao, có vẻ rất yếu à ? – bà nói thêm.

Người hầu xua tay.

– Không biết có chở đến nơi không ! Phải hỏi bác sĩ đã.

Và người hầu xuống khỏi ghế xe và đi đến chiếc xe ngựa.

– Được rồi, – bác sĩ nói.

Người hầu lại đi đến chiếc xe kéo, nhìn vào trong, lắc đầu, ra lệnh cho người đánh xe rẽ vào sân và dừng lại cạnh Mavra Kuzminichna.

– Chúa ơi ! – bà thốt lên.

Mavra Kuzminichna đề nghị khiêng người thương binh vào nhà.

– Chủ nhà sẽ không nói gì đâu... – bà nói.

Nhưng cần phải tránh việc lên cầu thang, và vì vậy người thương binh được khiêng vào căn nhà phụ và đặt trong căn phòng cũ của m–me Schosse. Người thương binh này chính là công tước Andrei Bolkonsky.

XV

Ngày cuối cùng của Moscow đã đến. Đó là một ngày thu nắng ráo, vui vẻ. Đó là ngày Chủ Nhật. Như những ngày Chủ Nhật bình thường, tiếng chuông báo hiệu giờ lễ vang lên ở tất cả các nhà thờ. Dường như vẫn chưa ai có thể hiểu được điều gì đang chờ đợi Moscow.

Chỉ có hai dấu hiệu cho thấy tình trạng của xã hội thể hiện vị thế mà Moscow đang ở : đám đông dân chúng, tức là tầng lớp nghèo, và giá cả các mặt hàng. Các công nhân, gia nhân và nông dân với một đám đông khổng lồ, trong đó lẫn lộn cả quan chức, học viên trường đạo, quý tộc, sáng sớm hôm đó đã đi ra Ba Ngọn Núi. Sau khi đứng ở đó và không đợi được Rastopchin và tin rằng Moscow sẽ bị đầu hàng, đám đông này tản ra khắp Moscow, vào các quán rượu và nhà hàng. Giá cả vào ngày hôm đó cũng chỉ ra tình thế của sự việc. Giá vũ khí, vàng, xe ngựa và ngựa đều tăng lên, còn giá các tờ giấy bạc và các đồ vật trong thành phố đều giảm xuống, đến mức giữa ngày có những trường hợp các hàng hóa đắt tiền, như vải vóc, được những người đánh xe chở đi miễn phí, còn với một con ngựa của nông dân người ta

phải trả 500 rúp ; đồ nội thất, gương, đồ đồng đều được cho không.

Trong ngôi nhà trang nghiêm và cổ kính của gia đình Rostov, sự tan vỡ của những điều kiện sống trước đây được thể hiện rất yếu ớt. Về mặt con người, chỉ có việc trong đêm đã có ba người biến mất khỏi đám gia nhân đông đúc, nhưng không có gì bị lấy trộm ; còn về mặt giá cả đồ vật, hóa ra là 30 chiếc xe ngựa, từ các làng quê đến, là một tài sản khổng lồ mà nhiều người ghen tị và người ta đã trả cho nhà Rostov những khoản tiền lớn. Không chỉ vậy, vì những chiếc xe ngựa này, từ tối và sáng sớm ngày 1 tháng 9, những viên lính hầu và đầy tớ của các sĩ quan bị thương đã đến sân nhà Rostov và lôi kéo những người thương binh được ở tại nhà Rostov và ở các nhà lân cận, và nài nỉ người nhà Rostov xin cho họ những chiếc xe ngựa để rời khỏi Moscow. Người quản gia, người mà họ tìm đến với những yêu cầu như vậy, mặc dù thương hại những người thương binh, nhưng đã dứt khoát từ chối, nói rằng ông ta thậm chí không dám báo cáo điều đó với bá tước. Dù những người thương binh còn lại có đáng thương đến đâu, rõ ràng là nếu cho đi một chiếc xe ngựa, thì không có lý do gì để không cho chiếc khác, tất cả, – và phải cho cả xe ngựa của mình nữa. Ba mươi chiếc xe ngựa không thể cứu được tất cả những người thương binh, và trong

thảm họa chung không thể không nghĩ đến bản thân và gia đình mình. Người quản gia đã nghĩ như vậy cho chủ nhân của mình.

Thức dậy vào sáng ngày 1, bá tước Ilya Andreyevich lặng lẽ đi ra khỏi phòng ngủ để không làm phu nhân thức giấc, bà chỉ vừa ngủ thiếp đi lúc gần sáng, và đi ra hiên trong chiếc áo choàng lụa màu hoa cà. Những chiếc xe ngựa đã chất đầy đồ đạc đứng ở ngoài sân. Những chiếc xe kéo đứng cạnh hiên. Người quản gia đứng ở lối vào, đang nói chuyện với một lính hầu già và một sĩ quan trẻ, nhợt nhạt với bàn tay bị băng bó. Người quản gia, thấy bá tước, đã ra hiệu cho viên sĩ quan và người lính hầu một cách đáng kể và nghiêm khắc để họ rời đi.

– Thế nào, mọi thứ đã sẵn sàng chưa, Vasilyich ? – bá tước nói, xoa cái đầu hói của mình và nhìn viên sĩ quan và người lính hầu một cách hiền từ và gật đầu với họ. (Bá tước thích những gương mặt mới.)

– Mọi thứ đã sẵn sàng để lên đường rồi ạ, thưa đức ngài.

– Tốt lắm, phu nhân sẽ thức dậy ngay bây giờ, và lạy Chúa ! Còn các ngài, thưa các ngài ? – ông quay sang viên sĩ quan. – Ở nhà tôi à ?

Viên sĩ quan tiến lại gần hơn. Khuôn mặt nhợt nhạt của anh ta đột nhiên đỏ bừng lên.

– Thưa bá tước, xin hãy giúp tôi... vì Chúa... cho phép tôi... trên những chiếc xe của ngài. Ở đây tôi không có gì mang theo cả... Đối với tôi trên xe, tất cả đều như nhau...

Viên sĩ quan chưa kịp nói hết thì người lính hầu cũng đưa ra yêu cầu tương tự cho chủ nhân của mình với bá tước.

– À, vâng, vâng, vâng, – bá tước nói một cách vội vã. – Tôi rất, rất vui. Vasilyich, anh hãy sắp xếp đi, hãy dọn sạch một hoặc hai chiếc xe ở đó, cái đó... cái gì cần thiết... – bá tước nói với những từ ngữ mơ hồ nào đó về mệnh lệnh.

Nhưng ngay lúc đó, biểu cảm biết ơn rạng rỡ của viên sĩ quan đã củng cố những gì ông vừa ra lệnh. Bá tước nhìn quanh mình : ở ngoài sân, ở cổng, ở cửa sổ căn nhà phụ đều thấy những người thương binh và lính hầu. Tất cả họ đều nhìn bá tước và tiến về phía hiên.

– Xin mời, thưa đức ngài, vào hành lang : ở đó có những bức tranh như thế nào ạ ? – người quản gia nói.

Và bá tước cùng với ông ta đi vào nhà, lặp lại mệnh lệnh của mình về việc không được từ chối những người thương binh muốn đi cùng.

– Thế nào, có thể xếp cái gì đó – thêm vào, – ông nói thêm bằng một giọng thấp, bí ẩn, như thể sợ ai đó nghe thấy.

Vào lúc 9 giờ, phu nhân thức dậy, và Matrena Timofeyevna, cựu hầu gái của bà, người hiện giữ chức vụ như một đội trưởng cảnh sát đối với phu nhân, đã đến báo cáo với chủ cũ của mình rằng Marya Karlovna đang rất tự ái và rằng không thể để những chiếc váy mùa hè của cô chủ ở lại đây. Trước những câu hỏi của phu nhân, tại sao m–me Schosse lại tự ái, hóa ra là rương của bà ấy đã bị lấy ra khỏi xe, và tất cả các xe ngựa đều đang bị tháo dỡ, đồ đạc đang bị bỏ xuống và họ đang đón những người thương binh đi cùng, những người mà bá tước, vì sự thật thà của mình, đã ra lệnh mang theo. Phu nhân ra lệnh mời chồng mình đến.

– Cái gì thế này, anh yêu, em nghe nói đồ đạc lại đang bị bỏ xuống ?

– Biết không, ma chère, anh vốn muốn nói với em... ma chère bà bá tước phu nhân... một viên sĩ quan đã đến gặp anh, họ xin cho mượn vài chiếc xe cho thương

binh. Đây toàn là những thứ có thể kiếm lại được ; còn họ ở lại đây thì sao, hãy nghĩ xem !.. Thật vậy, ở sân nhà mình, chúng ta đã mời họ vào, có những viên sĩ quan ở đây... Biết không, anh nghĩ, thực sự, ma chère, hãy để họ chở đi... việc gì phải vội vàng ?

Bá tước nói điều đó một cách rụt rè, như ông vẫn thường nói khi câu chuyện liên quan đến tiền bạc. Phu nhân vốn đã quen với tông giọng này, luôn đi trước những công việc làm hao tổn tài sản của con cái, như một công trình xây dựng hành lang, nhà kính, tổ chức nhà hát tại gia hay âm nhạc, và bà đã quen và coi đó là bổn phận của mình để chống lại những gì được thể hiện bằng tông giọng rụt rè đó.

Bà mang một vẻ mặt cam chịu – thảm hại và nói với chồng mình :

– Nghe này, bá tước, anh đã đưa mọi chuyện đến mức chẳng ai cho cái gì vì nhà mình cả, và bây giờ anh muốn làm mất đi tất cả tài sản của con cái – gia sản của chúng ta. Anh chẳng phải chính anh nói rằng trong nhà có 100 ngàn đồng đáng giá đó sao. Em, anh yêu, không đồng ý và không đồng ý. Ý muốn của anh ! Những người thương binh có chính phủ lo. Họ biết điều đó. Nhìn xem: kìa nhà Lopukhin, từ ba ngày trước họ đã dọn sạch mọi thứ. Đấy là cách người ta làm. Chỉ có chúng

ta là những kẻ ngốc thôi. Hãy thương lấy em, thương lấy các con.

Bá tước xua tay và không nói gì, đi ra khỏi phòng.

– Cha ơi, cha nói về chuyện gì thế ? – Natasha nói, cô vừa đi vào phòng mẹ ngay sau ông.

– Không có gì cả ! Liên quan gì đến con ! – bá tước giận dữ nói.

– Không, con đã nghe rồi, – Natasha nói. – Tại sao mẹ lại không muốn ?

– Việc đó can gì đến con ! – bá tước kêu lên.

Natasha đi ra phía cửa sổ và trầm ngâm.

– Cha ơi, Berg đã đến thăm chúng ta rồi, – cô nói, nhìn ra ngoài cửa sổ.

XVI

Berg, con rể nhà Rostov, giờ đã là trung tá với huân chương Vladimir và Anna trên cổ, và vẫn giữ vị trí trợ lý tham mưu trưởng bộ phận trợ lý tham mưu trưởng quân đoàn thứ hai đầy an nhàn và dễ chịu.

Anh ta từ quân đội về Moscow vào ngày 1 tháng 9.

Ở Moscow anh ta chẳng có việc gì làm ; nhưng anh ta nhận thấy rằng mọi người từ quân đội đều kéo về Moscow và làm việc gì đó ở đó. Anh ta cũng thấy cần thiết phải xin nghỉ phép để giải quyết các việc gia đình và thân tộc.

Berg ngồi trên chiếc xe drozhky nhỏ gọn gàng của mình, kéo bởi một cặp ngựa xám béo tốt, giống hệt như ngựa của một vị hoàng tử nào đó, đánh xe đến nhà bố vợ. Anh ta chăm chú nhìn vào sân đầy những xe bò, và khi bước lên thềm, anh ta rút một chiếc khăn tay sạch ra và thắt một cái nút.

Từ phía tiền sảnh, Berg bước vào phòng khách với những bước chân trôi chảy, không vội vã, ôm lấy bá tước, hôn tay Natasha và Sonya, rồi vội vàng hỏi thăm sức khỏe của mẹ vợ.

– Sức khỏe bây giờ ra sao ? Nào, kể đi chứ, – bá tước nói, – quân đội thế nào ? Đang rút lui hay sẽ còn một trận chiến nữa ?

– Chỉ có một Thiên Chúa vĩnh cửu, thưa cha, – Berg nói, – mới có thể quyết định vận mệnh của tổ quốc. Quân đội đang bừng cháy tinh thần anh dũng, và giờ đây các nhà lãnh đạo, có thể nói, đã tập hợp lại để hội ý. Điều gì sẽ xảy ra – không ai biết. Nhưng con nói chung với cha rằng, thưa cha, một tinh thần anh hùng như vậy, một sự dũng cảm thực sự của người lính Nga cổ xưa, mà họ đã thể hiện hoặc bộc lộ trong trận chiến ngày 26 vừa qua, thì không có lời nào xứng đáng để mô tả... Con nói với cha, thưa cha (anh ta tự đấm vào ngực mình giống như một vị tướng đã kể chuyện trước mặt anh ta đã làm, mặc dù hơi muộn một chút, vì đấm vào ngực phải đúng lúc nói từ : «quân đội Nga»), con nói thật với cha rằng, chúng con, những người chỉ huy, không những không phải thúc giục binh lính hay đại loại như thế, mà chúng con khó lòng có thể kìm nén được những, những... vâng, những chiến công dũng cảm và cổ xưa này, – anh ta nói một cách nhanh nhảu. – Tướng Barclay de Tolly đã hy sinh mạng sống của mình ở khắp mọi nơi phía trước quân đội, con nói với cha đấy. Quân đoàn của chúng con đã được bố trí trên sườn núi. Cha có thể tưởng tượng được không !

Và tại đây Berg kể lại tất cả những gì anh ta đã ghi nhớ từ các câu chuyện nghe được trong thời gian qua. Natasha không rời mắt, cái nhìn làm Berg bối rối, như thể đang tìm kiếm trên khuôn mặt anh ta lời giải cho một câu hỏi nào đó, cô nhìn anh ta.

– Một sự anh hùng như vậy nói chung, mà các chiến binh Nga đã thể hiện, không thể tưởng tượng và không thể khen ngợi cho xứng đáng ! – Berg nói, liếc nhìn Natasha, và như muốn làm cô vui lòng, mỉm cười đáp lại cái nhìn kiên định của cô. – «Nga không ở Moscow, mà ở trong tim những người con của mình !» Đúng không, thưa cha ? – Berg nói.

Vào lúc này, từ phòng đi–văng, nữ bá tước bước ra với vẻ mặt mệt mỏi và không hài lòng. Berg vội vàng bật dậy, hôn tay nữ bá tước, hỏi thăm sức khỏe và bày tỏ sự đồng cảm bằng cách lắc đầu, rồi đứng lại gần bà.

– Vâng, thưa mẹ, con nói thật với mẹ, những thời điểm khó khăn và buồn bã cho mỗi người Nga. Nhưng tại sao lại phải lo lắng như vậy ? Mẹ vẫn kịp rời đi mà...

– Tôi không hiểu mọi người đang làm gì, – nữ bá tước nói, quay sang chồng : – họ vừa nói với tôi rằng vẫn chưa có gì sẵn sàng. Lẽ ra phải có ai đó ra lệnh chứ.

Nhìn xem, rồi ông sẽ lại hối hận về Mitenka. Chuyện này sẽ không bao giờ kết thúc !

Bá tước định nói điều gì đó, nhưng rõ ràng là đã kiềm chế lại. Ông đứng dậy khỏi ghế và đi ra phía cửa.

Berg vào lúc này, như thể để xì mũi, rút khăn tay ra, và nhìn vào cái nút thắt, anh ta trầm ngâm, lắc đầu một cách buồn bã và đáng kể.

– À, con có một yêu cầu lớn đối với cha, thưa cha, – anh ta nói.

– Hử ?.. – bá tước nói, dừng lại.

– Con vừa đi ngang qua nhà Yusupov, – Berg vừa cười vừa nói. – Người quản lý, một người quen của con, chạy ra và hỏi : «ông không mua gì sao ?» Con đã vào, cha biết đấy, vì tò mò, và ở đó có một chiếc tủ nhỏ kiểu chiffonier và một bàn trang điểm. Cha biết Vera đã muốn thứ này thế nào và chúng con đã tranh luận về nó ra sao. (Berg vô tình chuyển sang giọng vui vẻ về sự sung túc của mình, khi anh ta bắt đầu nói về chiếc tủ và bàn trang điểm). Và nó thật là một vẻ đẹp ! – có thể kéo ra, và có bí mật kiểu Anh, cha biết không ? Mà Verochka từ lâu đã muốn rồi. Con muốn làm cho cô ấy một điều bất ngờ. Con đã thấy ở chỗ cha có rất nhiều

những người đàn ông này trong sân. Xin cha cho con một người, con sẽ trả công hậu hĩnh và...

Bá tước nhăn mặt và ho khan.

– Hãy hỏi nữ bá tước, tôi không ra lệnh đâu.

– Nếu thấy phiền, xin cha cứ bỏ qua, – Berg nói. – Con chỉ rất muốn cho Verochka thôi.

– Ồ, các người đi đi hết đi, đi cho khuất mắt, đi cho khuất mắt ! – lão bá tước hét lên. – Đầu óc tôi rối bời rồi.

Và ông bước ra khỏi phòng. Nữ bá tước bật khóc.

– Vâng, vâng, thưa mẹ, thời buổi này thật khó khăn! – Berg nói.

Natasha đi ra cùng cha, và như thể đang suy nghĩ điều gì đó một cách khó nhọc, lúc đầu cô đi theo ông, rồi chạy xuống dưới.

Trên thềm nhà, Petya đứng đó, đang bận rộn trang bị vũ khí cho những người sẽ rời khỏi Moscow. Trong sân, các xe bò đã thắng sẵn vẫn đứng đó. Hai chiếc xe trong số đó đã được tháo dây thừng, và một sĩ quan đang leo lên một chiếc, được một người lính hầu giúp đỡ.

– Chị có biết tại sao không ? – Petya hỏi Natasha.

Natasha hiểu rằng Petya có ý nói về việc cha mẹ cãi nhau. Cô không trả lời.

– Bởi vì cha muốn nhường tất cả xe bò cho những người bị thương, – Petya nói. – Vasilyevich đã nói với em. Theo ý em...

– Theo chị, – đột nhiên Natasha hét lớn, hướng khuôn mặt giận dữ về phía Petya, – theo chị thì đó là một sự đê tiện, một sự ghê tởm như vậy, một sự... chị không biết nữa. Chẳng lẽ chúng ta là quân Đức hay sao ?..

Cổ họng cô run lên vì những tiếng nức nở co thắt, và cô, sợ bị đuối sức và lãng phí cơn giận của mình vô ích, quay người lại và lao nhanh lên cầu thang.

Berg ngồi cạnh nữ bá tước và an ủi bà một cách kính trọng như người thân. Bá tước cầm tẩu thuốc đi lại trong phòng, khi Natasha với khuôn mặt biến dạng vì giận dữ, như một cơn bão, xông vào phòng và bước nhanh tới chỗ mẹ.

– Thật đê tiện ! Thật ghê tởm ! – cô hét lên. – Điều này không thể nào, mẹ đã ra lệnh như vậy.

Berg và nữ bá tước nhìn cô một cách ngơ ngác và sợ hãi. Bá tước dừng lại bên cửa sổ, lắng nghe.

– Mẹ ơi, không thể được : mẹ nhìn xem, ngoài sân có gì kìa ! – cô hét lên. – Họ vẫn còn ở đó !..

– Có chuyện gì với con vậy ? Họ là ai ? Con cần gì ?

– Những người bị thương, đó là họ ! Điều này không thể được, mẹ ơi ; điều này chẳng giống ai cả... Không đâu, mẹ ơi, mẹ yêu quý, không phải thế đâu, xin lỗi mẹ, làm ơn đi, mẹ yêu quý... Mẹ ơi, chúng ta mang đi làm gì, chúng ta mang đi làm gì ; mẹ hãy nhìn ngoài sân xem... Mẹ ơi !.. Điều này không thể nào !..

Bá tước đứng bên cửa sổ, không quay mặt lại, lắng nghe lời Natasha. Đột nhiên ông khịt mũi và đưa mặt sát vào cửa sổ.

Nữ bá tước liếc nhìn con gái, thấy khuôn mặt xấu hổ vì mẹ của cô, thấy sự xúc động của cô, hiểu tại sao chồng mình giờ đây không ngoảnh lại nhìn bà, và với vẻ mặt bối rối bà nhìn quanh mình.

– À, thôi được rồi, làm gì thì làm ! Chẳng lẽ tôi lại ngăn cản ai sao ! – bà nói, vẫn chưa chịu thua ngay.

– Mẹ ơi, mẹ yêu quý, tha lỗi cho con !..

Nhưng nữ bá tước đẩy con gái ra và đi về phía bá tước.

– Mon cher, ông hãy ra lệnh đi, làm sao cho đúng... Tôi thực sự không biết chuyện này, – bà nói, hối lỗi cúi mắt xuống.

– Trứng... trứng lại đòi khôn hơn vịt... – bá tước nói qua những giọt nước mắt hạnh phúc và ôm lấy vợ mình, người đang vui mừng giấu khuôn mặt xấu hổ vào ngực ông.

– Cha ơi, mẹ ơi ! Có thể ra lệnh được không ? Có thể không ?.. – Natasha hỏi. – Dù sao chúng ta cũng sẽ lấy những thứ cần thiết nhất thôi... – Natasha nói.

Bá tước gật đầu xác nhận với cô, và Natasha bằng bước chạy nhanh nhất, bước mà cô vẫn dùng để chơi trò đuổi bắt, chạy qua sảnh vào tiền sảnh và xuống cầu thang ra sân.

Mọi người tập trung quanh Natasha và cho đến lúc đó họ vẫn không thể tin vào mệnh lệnh kỳ lạ mà cô truyền đạt, cho đến khi chính bá tước thay mặt vợ mình xác nhận mệnh lệnh về việc nhường tất cả các xe bò cho những người bị thương, còn các hòm xiểng thì mang vào kho. Khi hiểu ra mệnh lệnh, mọi người vui vẻ và

tất bật bắt tay vào việc mới. Những người hầu giờ đây không chỉ thấy điều đó không kỳ lạ, mà trái lại, dường như với họ điều đó không thể khác được, hệt như cách đây mười lăm phút không ai thấy kỳ lạ khi những người bị thương bị bỏ lại, còn đồ đạc thì được mang đi, giờ đây họ thấy điều đó không thể khác được.

Tất cả người trong nhà, như thể bù đắp cho việc họ đã không bắt tay vào việc đó sớm hơn, đều tất bật với công việc sắp xếp những người bị thương vào chỗ mới. Những người bị thương bò ra khỏi phòng của họ và với khuôn mặt nhợt nhạt rạng rỡ bao quanh các xe bò. Trong những ngôi nhà lân cận cũng lan truyền tin đồn rằng có xe bò, và vào sân nhà Rostov bắt đầu có những người bị thương từ các nhà khác đến. Nhiều người bị thương xin không dỡ đồ đạc xuống mà chỉ cho họ ngồi lên trên. Nhưng một khi việc dỡ đồ đạc đã bắt đầu thì không thể dừng lại được. Điều đó cũng vậy thôi, bỏ lại tất cả hay một nửa. Trong sân nằm rải rác những hòm xiểng chưa dọn sạch đầy bát đĩa, đồ đồng, tranh ảnh, gương, những thứ đã được đóng gói cẩn thận suốt đêm qua, và mọi người tìm kiếm khả năng để xếp cái này cái kia và nhường thêm xe bò.

– Có thể lấy thêm bốn người nữa, – người quản lý nói, – con nhường xe của con, chứ biết để họ vào đâu ?

– Vâng, hãy nhường xe chở quần áo của tôi, – nữ bá tước nói. – Dunyasha sẽ ngồi vào xe ngựa với tôi.

Họ nhường thêm xe chở quần áo và đưa những người bị thương qua hai ngôi nhà khác đến. Tất cả người nhà và người hầu đều trở nên phấn chấn. Natasha ở trong trạng thái phấn khích hạnh phúc một cách long trọng mà cô đã lâu không được trải nghiệm.

– Buộc nó vào đâu bây giờ ? – mọi người nói, cố gắng đặt một chiếc hòm vào chỗ để chân hẹp của xe ngựa. – Cần phải để lại ít nhất một chiếc xe chứ.

– Nó chở cái gì vậy ? – Natasha hỏi.

– Sách của bá tước.

– Để lại đi, Vasilyevich sẽ dọn dẹp. Điều đó không cần thiết.

Trong chiếc xe britzka đã đầy người ; họ nghi ngờ về việc Pyotr Ilyich sẽ ngồi vào đâu.

– Anh ấy lên chỗ ngồi của phu xe. Em lên chỗ ngồi của phu xe chứ, Petya ? – Natasha kêu lên.

Sonya, không ngừng nghỉ, cũng bận rộn ; nhưng mục đích của sự bận rộn của cô trái ngược với mục đích của Natasha : cô dọn dẹp những thứ lẽ ra phải để lại, ghi

chép chúng theo ý muốn của nữ bá tước và cố gắng mang theo càng nhiều càng tốt.

XVII

Vào lúc 2 giờ, bốn cỗ xe của nhà Rostov đã được thắng và xếp đồ xong đứng trước thềm. Các xe bò chở người bị thương lần lượt ra khỏi sân.

Chiếc xe ngựa lớn chở hoàng tử Andrei, khi đi ngang qua thềm, đã thu hút sự chú ý của Sonya, người đang cùng một cô hầu sắp xếp chỗ ngồi cho nữ bá tước trong chiếc xe ngựa cao lớn và rộng rãi của bà đang đứng trước thềm.

– Đây là xe của ai vậy ? – Sonya hỏi, nhoài người ra ngoài cửa sổ xe ngựa.

– Chẳng lẽ cô không biết sao, thưa tiểu thư ? – cô hầu trả lời. – Hoàng tử bị thương : ngài ấy đã ngủ lại chỗ chúng ta và cũng đi cùng chúng ta.

– Nhưng đó là ai ? Tên họ là gì ?

– Chính là vị hôn phu cũ của chúng ta. Hoàng tử Bolkonsky ! – cô hầu thở dài trả lời. – Nghe nói ngài ấy sắp chết.

Sonya nhảy ra khỏi xe ngựa và chạy đến chỗ nữ bá tước. Nữ bá tước, đã mặc đồ đi đường, quàng khăn và đội mũ, đang mệt mỏi đi lại trong phòng khách, chờ

đợi người nhà để họ ngồi xuống trước khi khởi hành với những cánh cửa đóng kín và cầu nguyện. Natasha không có trong phòng.

– Maman, – Sonya nói, – hoàng tử Andrei ở đây, bị thương và sắp chết. Ngài ấy đi cùng với chúng ta.

Nữ bá tước kinh hãi mở mắt ra và nắm lấy tay Sonya, nhìn quanh.

– Natasha ? – bà thốt lên.

Và đối với Sonya cũng như đối với nữ bá tước, tin tức này trong phút đầu tiên chỉ có một ý nghĩa. Họ biết Natasha của mình, và nỗi kinh hoàng về những gì sẽ xảy ra với cô trước tin tức này đã lấn át mọi sự đồng cảm đối với người đàn ông mà cả hai đều yêu quý.

– Natasha vẫn chưa biết ; nhưng ngài ấy sẽ đi cùng chúng ta, – Sonya nói.

– Con nói là sắp chết sao ?

Sonya gật đầu.

Nữ bá tước ôm lấy Sonya và bật khóc.

«Đường đi của Chúa thật khó lường !» bà nghĩ, cảm thấy rằng trong mọi chuyện đang diễn ra bây giờ, một

bàn tay Toàn năng trước đây vốn bị che khuất khỏi cái nhìn của con người đang bắt đầu lộ ra.

– Nào, mẹ ơi, tất cả đã sẵn sàng. Mẹ sao vậy ? – Natasha hỏi với khuôn mặt rạng rỡ, chạy vào phòng.

– Không có gì đâu, – nữ bá tước nói. – Xong rồi, chúng ta đi thôi.

Và nữ bá tước cúi xuống chiếc túi xách của mình để che đi khuôn mặt bối rối của mình. Sonya ôm lấy Natasha và hôn cô.

Natasha nhìn cô một cách dò hỏi.

– Chị sao thế ? Có chuyện gì đã xảy ra vậy ?

– Không có gì... không...

– Có chuyện gì rất tệ cho em phải không ? Có chuyện gì vậy ? – Natasha nhạy cảm hỏi.

Sonya thở dài và không trả lời. Bá tước, Petya, bà Schoss, Mavra Kuzminichna, Vasilyevich bước vào phòng khách, và, đóng cửa lại, tất cả ngồi xuống và im lặng, không nhìn nhau, ngồi như vậy trong vài giây.

Bá tước là người đứng dậy đầu tiên, thở dài thành tiếng, bắt đầu làm dấu thánh trước bức tượng. Mọi

người cũng làm như vậy. Sau đó bá tước bắt đầu ôm Mavra Kuzminichna và Vasilyevich, những người ở lại Moscow, và trong lúc đó, khi họ bắt lấy tay ông và hôn lên vai ông, ông vỗ nhẹ vào lưng họ, lẩm bẩm điều gì đó không rõ ràng, an ủi một cách âu yếm. Nữ bá tước đi vào phòng thờ, và Sonya tìm thấy bà ở đó đang quỳ trước những bức tượng còn lại tản mát trên tường. (Những bức tượng quý giá nhất theo truyền thống gia đình đã được mang theo).

Trên thềm và ngoài sân, những người rời đi với dao găm và kiếm, những thứ mà Petya đã trang bị cho họ, với ống quần nhét trong ủng và thắt lưng buộc chặt bằng dây lưng và khăn choàng, đang từ biệt những người ở lại.

Như mọi khi khi khởi hành, nhiều thứ đã bị lãng quên và không được xếp vào đúng cách, và trong một thời gian khá dài, hai người hầu đứng ở hai bên cửa mở và bậc thang của xe ngựa, sẵn sàng giúp nữ bá tước lên xe, trong khi các cô gái chạy đi chạy lại với gối và những gói đồ từ nhà ra xe ngựa, xe kéo và xe britzka và ngược lại.

– Cả đời họ sẽ không bao giờ quên hết được ! – nữ bá tước nói. – Chẳng lẽ ông biết rằng tôi không thể ngồi như vậy.

Và Dunyasha, nghiến răng và không trả lời, với vẻ mặt trách móc, lao vào xe ngựa để sắp xếp lại chỗ ngồi.

– À, cái lũ dân này ! – bá tước nói, lắc đầu.

Người đánh xe già Efim, người duy nhất mà nữ bá tước tin tưởng để đánh xe cho mình, ngồi cao trên ghế lái, thậm chí không ngoảnh lại nhìn những gì đang diễn ra phía sau mình. Với kinh nghiệm ba mươi năm, ông biết rằng không lâu nữa người ta sẽ nói với ông : «Đi thôi, lạy Chúa !» và rằng khi họ nói vậy, họ sẽ còn dừng lại hai lần nữa và sai người đi lấy những thứ bị để quên, và sau đó chính nữ bá tước sẽ nhoài người ra cửa sổ và xin ông vì Chúa Kitô hãy đi cẩn thận khi xuống dốc. Ông biết điều đó và vì vậy kiên nhẫn hơn cả những con ngựa của mình (đặc biệt là con ngựa bên trái, con Falcon màu hung nhạt, đang giậm chân và nhai hàm thiếc) chờ đợi điều gì sẽ xảy ra. Cuối cùng tất cả đã ngồi vào chỗ ; bậc thang được thu lại và ném vào xe ngựa, cánh cửa đóng sầm lại, người ta sai đi lấy một chiếc hộp, nữ bá tước nhoài người ra và nói những gì cần thiết. Khi đó Efim chậm rãi tháo mũ khỏi đầu và bắt đầu làm dấu thánh. Người phụ xe và tất cả mọi người cũng làm như vậy. «Đi thôi, lạy Chúa !» ông nói, đội mũ lên, «Khởi hành thôi !» Người phụ xe thúc ngựa. Con ngựa bên phải kéo vào vòng cổ, các lò xo cao tiếng cọt kẹt, và thân xe rung

lên. Người hầu trên đường nhảy lên ghế lái. Xe ngựa xóc mạnh khi ra khỏi sân vào con đường lát đá gồ ghề, những chiếc xe khác cũng xóc tương tự, và đoàn xe di chuyển lên phía trên con đường. Trong các xe ngựa, xe kéo và xe britzka, tất cả đều làm dấu thánh về phía nhà thờ đối diện. Những người ở lại Moscow đi dọc theo hai bên đoàn xe để tiễn họ.

Natasha hiếm khi trải qua một cảm giác vui sướng đến thế, cảm giác mà cô đang cảm thấy bây giờ, khi ngồi trong xe ngựa cạnh nữ bá tước và nhìn vào những bức tường của thành phố Moscow đang lo âu chậm rãi lướt qua. Thỉnh thoảng cô lại nhoài người ra cửa sổ xe ngựa và nhìn về phía trước rồi phía sau đoàn xe dài chở những người bị thương đi trước họ. Hầu như ở phía trước tất cả đều thấy mui kín của chiếc xe ngựa chở hoàng tử Andrei. Cô không biết ai ở trong đó, và mỗi lần như vậy, khi suy xét về đoàn xe của mình, cô lại tìm kiếm bằng mắt chiếc xe ngựa này. Cô biết rằng nó ở phía trước tất cả mọi người.

Ở Kudrino từ phố Nikitskaya, từ Presnya, từ Podnovinskoye, có vài đoàn xe tương tự như đoàn xe của nhà Rostov nhập vào, và trên phố Sadovaya đã có hai hàng xe ngựa và xe bò đi song song.

Khi đi ngang qua tháp Sukharev, Natasha, người đang tò mò và nhanh chóng quan sát những người đang đi tới và đi lui, đột nhiên vui mừng và ngạc nhiên kêu lên :

– Trời ơi ! Mẹ ơi, Sonya, nhìn xem, là anh ấy kìa !

– Ai, ai vậy ?

– Nhìn kìa, thề có Chúa, là Bezukhov ! – Natasha nói, nhoài người ra khỏi cửa sổ xe ngựa và nhìn vào một người đàn ông cao lớn, béo mập mặc áo khoác của phu xe, rõ ràng là một quý ông cải trang, theo dáng đi và tư thế, người đang đi cạnh một cụ già thấp bé, không râu, mặc chiếc áo choàng bằng vải thô đi dưới cổng vòm của tháp Sukharev.

– Thề có Chúa, là Bezukhov, mặc áo khoác, với một cậu bé nào đó. Thề có Chúa, – Natasha nói, – nhìn kìa, nhìn kìa !

– Không đâu, không phải anh ấy đâu. Làm sao có thể có chuyện ngớ ngẩn như vậy !

– Mẹ ơi, – Natasha hét lên, – con sẽ đưa đầu ra để đảm bảo đó là anh ấy. Con khẳng định với mẹ. Đợi đã, đợi đã ! – cô hét lên với người phu xe.

Nhưng người phu xe không thể dừng lại, vì từ phố Meshchanskaya lại có thêm các xe bò và xe ngựa đi ra, và người ta hét lên với nhà Rostov để họ di chuyển và không làm cản trở những người khác.

Thật vậy, mặc dù giờ đã ở xa hơn trước, tất cả nhà Rostov đều nhận ra Pierre hoặc một người đàn ông giống Pierre một cách lạ thường, mặc áo khoác phu xe, đang đi dọc phố với cái đầu cúi thấp và vẻ mặt nghiêm nghị, cạnh một cụ già thấp bé không râu có vẻ ngoài giống người hầu. Cụ già này nhận thấy khuôn mặt thò ra từ xe ngựa và, chạm nhẹ vào khuỷu tay Pierre một cách kính trọng, nói điều gì đó với anh, chỉ tay về phía xe ngựa. Pierre trong một thời gian dài không thể hiểu anh ta nói gì, dường như anh đang chìm đắm trong suy nghĩ của mình. Cuối cùng, khi anh đã hiểu ra, theo hướng chỉ và nhận ra Natasha, ngay giây phút đó, buông mình theo ấn tượng đầu tiên, anh nhanh chóng đi về phía xe ngựa. Nhưng đi được mười bước, dường như nhớ lại điều gì đó, anh dừng lại.

Khuôn mặt thò ra từ xe ngựa của Natasha tỏa sáng với vẻ dịu dàng chế giễu.

– Pyotr Kirillovich, lại đây đi ! Chúng tôi đã nhận ra anh rồi ! Thật là kỳ lạ ! – cô kêu lên, chìa tay ra cho anh. – Tại sao anh lại như vậy ? Tại sao anh lại thế này ?

Pierre nắm lấy bàn tay chìa ra và khi đang đi (vì xe ngựa vẫn tiếp tục di chuyển) anh hôn nó một cách lúng túng.

– Có chuyện gì với anh vậy, bá tước ? – nữ bá tước hỏi với giọng ngạc nhiên và thương cảm.

– Cái gì ? Cái gì ? Tại sao ? Đừng hỏi tôi, – Pierre nói và quay lại nhìn Natasha, cái nhìn rạng rỡ, vui sướng mà cô cảm thấy (mặc dù cô không nhìn anh) bao trùm lấy cô bằng vẻ đẹp của mình.

– Anh làm gì vậy, hay là anh ở lại Moscow ?

Pierre im lặng.

– Ở Moscow ? – anh hỏi một cách dò hỏi. – Vâng, ở Moscow. Tạm biệt.

– Chao ôi, giá mà tôi là đàn ông, tôi chắc chắn sẽ ở lại với các anh. Chao ôi, điều đó mới tốt làm sao ! – Natasha nói. – Mẹ ơi, cho phép con ở lại.

Pierre lơ đãng nhìn Natasha và định nói điều gì đó, nhưng nữ bá tước ngắt lời anh :

– Anh đã ở trong trận chiến, chúng tôi nghe nói rồi chứ ?

– Vâng, tôi đã ở đó, – Pierre trả lời. – Ngày mai lại sẽ có trận chiến nữa... – anh bắt đầu, nhưng Natasha ngắt lời anh :

– Nhưng có chuyện gì với anh vậy, bá tước ? Anh trông không giống chính mình...

– À, đừng hỏi tôi, đừng hỏi tôi ; chính tôi cũng không biết nữa. Ngày mai... Nhưng mà không ! Tạm biệt, tạm biệt, – anh nói, – thời buổi thật kinh khủng !

Và, lùi lại khỏi xe ngựa, anh bước lên vỉa hè.

Natasha còn nhoài người ra ngoài cửa sổ một lúc lâu, tỏa sáng với anh bằng một nụ cười dịu dàng và hơi chế giễu, rạng rỡ.

XVIII

Pierre kể từ khi biến mất khỏi nhà mình đã là ngày thứ hai sống trong căn hộ trống của cố Bazdeev. Đây là cách điều đó đã xảy ra.

Thức dậy vào ngày hôm sau sau khi trở về Moscow và gặp bá tước Rostopchin, Pierre trong một thời gian dài không thể hiểu mình đang ở đâu và họ muốn gì ở mình. Khi trong số những người đang đợi anh ở phòng khách, họ báo cáo rằng có một người Pháp khác đang chờ anh, mang theo thư của nữ bá tước Elena Vasilyevna, đột nhiên một cảm giác bối rối và tuyệt vọng mà anh thường mắc phải xâm chiếm lấy anh. Đột nhiên anh cảm thấy rằng tất cả giờ đây đã kết thúc, tất cả đã trộn lẫn, tất cả đã sụp đổ, rằng không có gì đúng, cũng chẳng có gì sai, rằng tương lai sẽ không có gì cả và rằng không có lối thoát nào khỏi tình cảnh này. Anh, mỉm cười một cách không tự nhiên và lẩm bẩm điều gì đó, ngồi xuống đi–văng trong tư thế bất lực, rồi đứng dậy, đi đến cửa và nhìn qua khe hở vào phòng khách ; rồi, vung tay, quay lại và cầm lấy một cuốn sách. Người quản gia lại vào báo cáo với Pierre rằng người Pháp mang thư của nữ bá tước rất muốn gặp anh dù chỉ một phút và rằng những

người từ phía bà góa I. A. Bazdeev đến xin nhận lại những cuốn sách, vì chính bà Bazdeeva đã về quê.

– À, vâng, ngay bây giờ, đợi đã... hay là không ! Vâng, không, đi bảo họ rằng bây giờ tôi sẽ ra, – Pierre nói với người quản gia.

Nhưng ngay khi người quản gia vừa bước ra, Pierre cầm lấy chiếc mũ nằm trên bàn và đi ra cửa sau khỏi văn phòng. Trong hành lang không có ai. Pierre đi dọc theo hành lang đến cầu thang và nhăn mặt chà trán bằng cả hai tay, đi xuống đến tầng một. Người gác cổng đứng ở cửa chính. Từ sảnh chờ, nơi Pierre đi xuống, một cầu thang khác dẫn ra lối đi phía sau. Pierre đi theo lối đó và ra ngoài sân. Không ai nhìn thấy anh. Nhưng ngoài phố, ngay khi anh vừa ra khỏi cổng, những người đánh xe đứng cạnh các cỗ xe, và người hầu nhìn thấy ông chủ và ngả mũ trước anh. Cảm thấy những ánh mắt hướng về phía mình, Pierre hành động như một con đà điểu giấu đầu vào bụi cây để không bị nhìn thấy, để không ai trông thấy mình : ông cúi đầu và rảo bước đi dọc theo con phố.

Trong tất cả những việc đang chờ đợi Pierre sáng hôm đó, việc sắp xếp lại sách vở và giấy tờ của Iosif Alekseyevich dường như đối với ông là cần thiết nhất.

Ông bắt chuyến xe ngựa đầu tiên gặp được và bảo người đánh xe đi đến hồ Patriarshiye, nơi có nhà của góa phụ Bazdeyev.

Không ngừng ngoái nhìn về mọi phía những đoàn xe hành lý của những người đang rời khỏi Moscow và điều chỉnh thân hình to béo của mình để không bị trượt khỏi chiếc xe ngựa cũ kỹ, lộc cộc, Pierre cảm thấy một niềm vui sướng giống như niềm vui của một cậu bé trốn học, ông trò chuyện với người đánh xe.

Người đánh xe kể cho ông nghe rằng hôm nay trong điện Kremlin người ta đang thu dọn vũ khí, và ngày mai dân chúng sẽ bị đuổi hết ra ngoài cửa ải Trekhgornaya, và ở đó sẽ có một trận đánh lớn.

Khi đến hồ Patriarshiye, Pierre tìm thấy ngôi nhà của Bazdeyev, nơi ông đã lâu không ghé tới. Ông đi đến cổng. Gerasim, chính là ông già không râu, da vàng vọt mà Pierre đã gặp năm năm trước ở Torzhok cùng với Iosif Alekseyevich, đã bước ra khi nghe tiếng gõ cửa.

– Có nhà không ? – Pierre hỏi.

– Theo tình hình hiện nay, Sofia Danilovna cùng các con đã đi về làng ở Torzhok rồi, thưa đức ngài.

– Tôi vẫn cứ vào, tôi cần phải sắp xếp lại sách vở, – Pierre nói.

– Xin mời, xin ngài cứ vào ; người anh của người quá cố – cầu cho linh hồn ông được lên thiên đàng – Makar Alekseyevich vẫn còn ở lại, nhưng như ngài đã biết, ông ấy đang trong tình trạng yếu nhược, – người đầy tớ già nói.

Makar Alekseyevich, như Pierre đã biết, là người anh trai nửa điên nửa dại, nghiện rượu của Iosif Alekseyevich.

– Phải, phải, tôi biết. Đi thôi, đi thôi... – Pierre nói và bước vào nhà.

Một người đàn ông cao lớn, hói đầu, mặc áo choàng, mũi đỏ, đi giày cao su trên chân trần, đang đứng ở tiền sảnh ; khi nhìn thấy Pierre, ông ta giận dữ lẩm bẩm điều gì đó rồi đi vào hành lang.

– Trước đây ông ấy rất thông minh, nhưng bây giờ, như ngài thấy đấy, đã suy yếu rồi, – Gerasim nói. – Ngài muốn vào phòng làm việc chứ ? (Pierre gật đầu). Phòng làm việc vẫn bị niêm phong như cũ. Sofia Danilovna đã dặn rằng nếu ngài đến thì cứ để ngài lấy sách.

Pierre bước vào căn phòng làm việc u ám đó, nơi mà khi ân nhân còn sống, ông thường bước vào với một sự run rẩy như vậy. Căn phòng này giờ đây đầy bụi bặm và không bị chạm đến kể từ khi Iosif Alekseyevich qua đời, trông lại càng u ám hơn.

Gerasim mở một cánh cửa sổ và nhón chân bước ra khỏi phòng. Pierre đi quanh phòng làm việc, đến bên chiếc tủ chứa các bản thảo và lấy ra một trong những thứ quan trọng nhất từng là thánh vật của hội. Đó là những văn bản gốc của Scotland với những ghi chú và giải thích của vị ân nhân. Ông ngồi xuống chiếc bàn viết đầy bụi và đặt các bản thảo trước mặt, mở ra, đóng lại và cuối cùng, đẩy chúng ra xa, ông chống đầu lên tay và chìm vào suy nghĩ.

Vài lần Gerasim thận trọng nhìn vào phòng làm việc và thấy Pierre vẫn ngồi nguyên tư thế đó. Hơn hai giờ trôi qua. Gerasim cho phép mình gây ra tiếng động ở cửa để thu hút sự chú ý của Pierre. Pierre không nghe thấy ông ta.

– Có lệnh cho người đánh xe về không ạ ?

– À, phải ! – Pierre nói, sực tỉnh và vội vàng đứng dậy. – Nghe này, – ông nói, nắm lấy khuy áo của Gerasim và nhìn từ trên xuống dưới vào ông già với đôi mắt sáng

rực, ẩm ướt và đầy nhiệt huyết. – Nghe này, ông có biết ngày mai sẽ có trận đánh không ?

– Họ có nói vậy, – Gerasim trả lời.

– Tôi yêu cầu ông không được nói với ai tôi là ai. Và hãy làm theo những gì tôi bảo...

– Thưa ngài, tôi nghe, – Gerasim nói. – Ngài muốn dùng bữa chứ ạ ?

– Không, nhưng tôi cần thứ khác. Tôi cần một bộ quần áo nông dân và một khẩu súng lục, – Pierre nói, bất ngờ đỏ mặt.

– Thưa ngài, tôi nghe, – Gerasim nói sau khi suy nghĩ một chút.

Suốt thời gian còn lại của ngày hôm đó, Pierre ở một mình trong phòng làm việc của vị ân nhân, lo lắng đi từ góc này sang góc kia như Gerasim nghe thấy, và tự nói chuyện một mình.

Gerasim, với thói quen của một người đầy tớ đã chứng kiến nhiều điều kỳ lạ trong đời, đã chấp nhận việc Pierre chuyển đến mà không ngạc nhiên và dường như còn hài lòng vì có người để phục vụ. Ngay tối hôm đó, không hỏi bất cứ điều gì, thậm chí là chính mình xem việc đó

để làm gì, ông đã mang cho Pierre một chiếc áo caftan và một chiếc mũ, đồng thời hứa ngày hôm sau sẽ tìm mua khẩu súng lục cần thiết. Makar Alekseyevich tối hôm đó đã hai lần đi đôi giày cao su lạch bạch đến cửa và dừng lại, nhìn Pierre một cách nịnh bợ. Nhưng mỗi khi Pierre quay lại phía ông ta, ông ta lại xấu hổ và giận dữ quấn chặt chiếc áo choàng của mình và vội vàng rút lui. Vào thời gian đó, khi Pierre mặc chiếc áo caftan kiểu đánh xe ngựa do Gerasim mua và hấp lại cho ông, đang đi cùng ông ấy để mua súng lục ở tháp Sukharev, ông đã gặp nhà Rostov.

XIX

Đêm mồng 1 tháng 9, mệnh lệnh của Kutuzov về việc rút quân Nga qua Moscow sang đường Ryazan đã được ban ra.

Những đạo quân đầu tiên bắt đầu di chuyển trong đêm. Những đội quân đi trong đêm không vội vã và di chuyển chậm rãi, đều đặn ; nhưng lúc rạng sáng, những đội quân đang di chuyển khi đến gần cầu Dorogomilov, nhìn thấy phía trước mình, ở phía bên kia, những khối quân đang chen chúc, lấp đầy cây cầu và đang leo lên phía bên kia, rồi tràn ngập các con phố và ngõ hẻm, còn phía sau mình là những khối quân vô tận đang ép tới. Và một sự vội vã và lo lắng vô cớ đã chiếm lấy đoàn quân. Mọi thứ dồn về phía cây cầu, lên cầu, vào các bến phà và thuyền. Kutuzov ra lệnh đưa mình đi bằng những con đường vòng qua phía bên kia Moscow.

Đến 10 giờ sáng ngày 2 tháng 9, chỉ còn các đội hậu vệ ở lại vùng ngoại ô Dorogomilov. Quân đội đã ở phía bên kia Moscow và phía sau Moscow.

Cùng lúc đó, vào lúc 10 giờ sáng ngày 2 tháng 9, Napoleon đang đứng giữa quân đội của mình trên đồi Poklonnaya và quan sát cảnh tượng mở ra trước mắt.

Từ ngày 26 tháng 8 đến ngày 2 tháng 9, kể từ trận Borodino cho đến khi quân địch tiến vào Moscow, trong suốt những ngày của tuần lễ lo âu, đáng nhớ đó, thời tiết đã vô cùng kỳ lạ, luôn khiến mọi người ngạc nhiên, thời tiết mùa thu khi mặt trời thấp sưởi ấm nóng hơn cả mùa xuân ; khi mọi thứ lấp lánh trong bầu không khí trong lành, tinh khiết đến mức mắt thấy nhức nhối; khi lồng ngực khỏe khoắn và sảng khoái hơn nhờ hít thở bầu không khí mùa thu thơm ngát ; khi ngay cả ban đêm cũng ấm áp, và khi trong những đêm tối, ấm áp này, những vì sao vàng liên tục rơi từ trên trời xuống, làm người ta sợ hãi và thích thú.

Vào lúc 10 giờ sáng ngày 2 tháng 9, thời tiết cũng như vậy.

Ánh sáng ban mai thật kỳ diệu. Moscow từ đồi Poklonnaya trải rộng bao la với dòng sông, những khu vườn và nhà thờ, và dường như đang sống cuộc đời riêng của nó, run rẩy như những vì sao với những mái vòm trong ánh nắng mặt trời.

Khi nhìn thấy thành phố lạ lùng với những hình dáng kiến trúc chưa từng thấy, Napoleon cảm thấy một sự tò mò hơi ghen tị và lo lắng, thứ mà người ta cảm thấy khi nhìn thấy những hình dáng của một cuộc đời xa lạ mà họ không biết. Rõ ràng, thành phố này đã sống với tất

cả sức mạnh của cuộc đời mình. Theo những dấu hiệu không thể xác định được từ xa, người ta có thể nhận ra một cơ thể sống một cách chắc chắn so với một xác chết, Napoleon từ đồi Poklonnaya đã nhìn thấy sự rung động của cuộc sống trong thành phố và cảm nhận được như thể hơi thở của cơ thể to lớn và xinh đẹp này.

Mọi người Nga khi nhìn vào Moscow đều cảm thấy đó là mẹ ; mọi người nước ngoài khi nhìn vào nó mà không biết ý nghĩa tình mẫu tử của nó, đều phải cảm nhận được tính chất nữ tính của thành phố này ; và Napoleon cũng cảm nhận được điều đó.

– Thành phố châu Á với vô số giáo đường này, Moscow thánh thiện. Cuối cùng nó đây rồi, thành phố nổi tiếng này ! Đã đến lúc rồi ! – Napoleon nói, và xuống ngựa, ra lệnh trải bản đồ Moscow ra trước mặt và gọi người phiên dịch Lelorme d'Ideville đến. «Một thành phố bị kẻ thù chiếm đóng giống như một cô gái đã mất đi danh dự của mình.», ông nghĩ (như ông đã nói với Tuchkov ở Smolensk). Và từ góc độ này, ông nhìn vào vẻ đẹp phương Đông rực rỡ, chưa từng thấy đang nằm trước mặt mình. Ông thấy lạ lùng vì mong muốn bấy lâu nay, dường như là không thể, cuối cùng đã thành hiện thực. Trong ánh sáng ban mai rực rỡ, ông nhìn vào thành phố, rồi nhìn vào bản đồ, kiểm tra các

chi tiết của thành phố này, và sự chắc chắn về quyền sở hữu đã làm ông xúc động và kinh ngạc.

«Nhưng liệu có thể khác được không?» ông ta thầm nghĩ. «Đây rồi – kinh đô này – dưới chân ta, đang chờ đợi số phận của mình. Alexander bây giờ ở đâu, và ông ta đang nghĩ gì ? Một thành phố kỳ lạ, xinh đẹp và hùng vĩ ! Và khoảnh khắc này cũng thật kỳ lạ và hùng vĩ ! Trong mắt họ, mình hiện ra dưới ánh sáng nào !» ông nghĩ về quân đội của mình. «Đây chính là phần thưởng – cho tất cả những kẻ thiếu lòng tin này (ông nghĩ vậy khi đưa mắt nhìn quanh những người thân cận và các đơn vị quân đội đang tiến đến và dàn đội ngũ). Chỉ một lời nói của ta, một cái phất tay của ta, là kinh đô cổ kính này của các Sa hoàng sẽ tiêu vong. Nhưng lòng khoan dung của ta luôn sẵn lòng ban xuống cho những kẻ bại trận (Nhưng lòng khoan dung của ta luôn sẵn lòng ban xuống cho những kẻ bại trận.). Ta phải hào hiệp và thực sự vĩ đại... Nhưng không, không thể tin được là ta đang ở Moscow (bất chợt ý nghĩ đó hiện lên trong đầu ông). Tuy nhiên, nó đang nằm kia dưới chân ta, những mái vòm và thánh giá bằng vàng đang lấp lánh và rung rinh dưới ánh mặt trời. Nhưng ta sẽ tha thứ cho nó. Trên những di tích cổ xưa của sự dã man và chuyên chế, ta sẽ viết nên những lời đại nghĩa về công lý và lòng nhân từ... Alexander sẽ hiểu rõ điều đó hơn

ai hết, ta biết ông ta. (Napoleon cảm thấy rằng ý nghĩa chính của những gì đang diễn ra nằm ở cuộc đấu tranh cá nhân giữa ông và Alexander.) Từ trên cao của điện Kremlin – phải, kia là điện Kremlin, phải! – ta sẽ ban cho họ những bộ luật công minh, ta sẽ cho họ thấy ý nghĩa của một nền văn minh thực thụ, ta sẽ khiến các thế hệ quý tộc phải ghi nhớ tên tuổi của kẻ chinh phục mình với lòng kính yêu. Ta sẽ nói với phái đoàn rằng ta đã không và không muốn chiến tranh; rằng ta chỉ tiến hành chiến tranh chống lại chính sách sai lầm của triều đình họ; rằng ta yêu mến và tôn trọng Alexander, và ta sẽ chấp nhận những điều khoản hòa bình ở Moscow xứng đáng với ta và các dân tộc của ta. Ta không muốn lợi dụng vận may chiến tranh để làm nhục một vị quân vương đáng kính. 'Hỡi các quý tộc !' ta sẽ nói với họ, 'ta không muốn chiến tranh, ta muốn hòa bình và sự thịnh vượng cho tất cả thần dân của ta'. Hơn nữa, ta biết rằng sự hiện diện của họ sẽ truyền cảm hứng cho ta, và ta sẽ nói với họ như ta vẫn thường nói: rõ ràng, trang trọng và vĩ đại. Nhưng chẳng lẽ là sự thật sao, rằng ta đang ở Moscow ? Phải, nó kia rồi!»

– Hãy dẫn các quý tộc Nga đến cho ta. – ông quay sang đoàn tùy tùng.

Một viên tướng với đoàn tùy tùng rực rỡ lập tức phi ngựa đi tìm các quý tộc.

Hai giờ trôi qua. Napoleon đã ăn sáng và lại đứng ở vị trí cũ trên đồi Poklonnaya, chờ đợi phái đoàn. Bài diễn văn của ông dành cho các quý tộc đã hình thành rõ ràng trong trí tưởng tượng của ông. Bài diễn văn này tràn đầy phẩm giá và sự vĩ đại mà Napoleon hằng hiểu.

Chính cái giọng điệu rộng lượng mà Napoleon định hành động ở Moscow đã cuốn hút ngay cả chính ông. Trong trí tưởng tượng của mình, ông đã định ra những ngày họp mặt trong hoàng cung của các Sa hoàng, nơi các đại thần Nga phải hội họp với các đại thần của hoàng đế Pháp. Ông đã chỉ định trong đầu một thống đốc, một người có khả năng thu hút dân chúng. Biết rằng ở Moscow có nhiều cơ sở từ thiện, ông đã quyết định trong trí tưởng tượng của mình rằng tất cả các cơ sở này sẽ được nhận lòng nhân từ của ông. Ông nghĩ rằng ở châu Phi ông phải ngồi trong chiếc áo choàng burnous trong một nhà thờ Hồi giáo, thì ở Moscow ông phải nhân từ như các Sa hoàng. Và, để cuối cùng làm rung động trái tim người Nga, ông, như mọi người Pháp, không thể hình dung ra điều gì cảm động mà không nhắc đến mẹ yêu quý, mẹ hiền dịu, người mẹ tội nghiệp của con, ông đã quyết định rằng trên tất cả các cơ sở

này ông sẽ ra lệnh viết bằng những chữ cái lớn : «Cơ sở dành tặng cho mẹ tôi». Không, đơn giản là : «Nhà của mẹ tôi», ông tự quyết định. «Nhưng liệu mình có thực sự ở Moscow? Phải, chính nó ở trước mặt mình ; nhưng tại sao phái đoàn của thành phố lại xuất hiện lâu như vậy ?» ông nghĩ.

Trong khi đó, trong các cấp bậc tùy tùng của hoàng đế, một cuộc họp đầy lo lắng đang diễn ra giữa các tướng lĩnh và nguyên soái của ông. Những người được cử đi tìm phái đoàn đã trở về với tin tức rằng Moscow trống rỗng, tất cả mọi người đã bỏ đi và rời khỏi đó. Khuôn mặt của những người họp bàn tái nhợt và lo lắng. Không phải việc Moscow bị cư dân bỏ lại (điều này dường như tự nó đã báo hiệu một sự kiện khủng khiếp) làm họ sợ hãi, mà họ sợ hãi làm thế nào để báo tin đó cho hoàng đế, làm thế nào mà không đặt hoàng thượng vào tình thế khủng khiếp gọi là lố bịch này, báo cho ông ta biết rằng ông ta đã vô ích chờ đợi các quý tộc bấy lâu nay, rằng chỉ có những đám đông say xỉn, chứ không có ai khác nữa. Một số người nói rằng cần phải thu thập bằng được ít nhất một phái đoàn nào đó ; những người khác phản đối ý kiến này và khẳng định rằng cần phải thận trọng và khôn ngoan chuẩn bị cho hoàng đế, rồi mới nói cho ông sự thật.

– Dù sao thì cũng phải nói với ngài ấy thôi... – các quý ngài tùy tùng nói. – Nhưng thưa các quý ông...

Tình hình càng trở nên khó khăn hơn vì hoàng đế, đang suy ngẫm về các kế hoạch rộng lượng của mình, đang kiên nhẫn đi tới đi lui trước bản đồ, thỉnh thoảng liếc nhìn con đường dẫn vào Moscow dưới bàn tay che mắt và mỉm cười vui vẻ và đầy tự hào.

– Nhưng điều đó là không thể nào... – nhún vai, các quý ngài tùy tùng nói, không dám thốt ra từ kinh khủng đang ngầm hiểu : cái lố bịch...

Trong khi đó, hoàng đế, mệt mỏi vì chờ đợi vô vọng và cảm thấy bằng trực giác nhạy bén của một diễn viên rằng khoảnh khắc vĩ đại, kéo dài quá lâu, đang bắt đầu mất đi sự uy nghiêm, đã đưa tay ra hiệu. Một tiếng súng phát tín hiệu vang lên, và các đội quân, bao vây Moscow từ các phía khác nhau, bắt đầu tiến vào Moscow – vào các cửa ải Tverskaya, Kaluzhskaya và Dorogomilovskaya. Nhanh hơn và nhanh hơn nữa, vượt qua nhau, với những bước chân chạy và phi nước đại, các đội quân di chuyển, ẩn mình trong những đám mây bụi do họ tung lên và làm vang dội không gian bằng những tiếng la hét hòa quyện vào nhau.

Bị cuốn theo sự di chuyển của quân đội, Napoleon đã đi cùng quân lính đến cửa ải Dorogomilovskaya, nhưng ở đó ông lại dừng lại và xuống ngựa, đi bộ một lúc lâu dọc theo tường thành Kamer–Kollezhsky, chờ đợi phái đoàn.

XX

Moscow trong khi đó vắng lặng. Vẫn còn người ở đó, vẫn còn một phần năm mươi của tất cả những cư dân trước đây, nhưng nó vẫn vắng lặng. Nó vắng lặng như một tổ ong đang lụi tàn, mất chúa.

Trong một tổ ong mất chúa không còn sự sống, nhưng trên bề mặt nhìn bề ngoài, nó dường như vẫn sống như những tổ khác.

Cũng vui vẻ như vậy, trong những tia nắng chói chang của mặt trời buổi trưa, những con ong bay quanh tổ ong mất chúa, như bay quanh những tổ ong sống khác ; từ xa nó cũng có mùi mật ; những con ong cũng bay ra từ đó. Nhưng chỉ cần nhìn kỹ vào nó, ta sẽ hiểu rằng trong tổ ong này không còn sự sống nữa. Không phải như trong những tổ ong sống, lũ ong không bay về với mùi hương đó, không phải tiếng động đó làm say đắm người nuôi ong. Khi người nuôi ong gõ vào thành của tổ ong bị chết, thay vì sự phản hồi tức thì, đồng thanh, tiếng vo ve của hàng chục ngàn con ong, co cụm lại và vỗ cánh nhanh chóng tạo ra âm thanh sống động trong không khí, ông nhận được tiếng vo ve rời rạc, vang vọng ở những nơi khác nhau của tổ ong trống rỗng. Từ cửa tổ không còn mùi hương như trước, mùi thơm ngọt

ngào của mật và nọc độc, không có hơi ấm của sự tràn đầy tỏa ra từ đó, mà mùi mật hòa quyện với mùi của sự trống rỗng và thối rữa. Ở cửa tổ không còn những con ong bảo vệ sẵn sàng hy sinh để bảo vệ, những con ong cong mông lên, thổi còi báo động. Không còn âm thanh đều đặn và yên tĩnh của sự rung động lao động, giống như tiếng sôi, mà nghe thấy tiếng ồn ào không mạch lạc, rời rạc của sự hỗn loạn. Trong tổ và từ tổ, những con ong trộm cắp bay vào và ra một cách lén lút và nhanh nhẹn ; chúng không mang theo gánh nặng, mà bay ra với gánh nặng ; trước đây chúng chỉ vào với gánh nặng, nhưng giờ chúng bay ra không có gì ; bây giờ chúng bay ra với gánh nặng. Người nuôi ong mở hố dưới và nhìn vào phần dưới của tổ ong. Thay vì những chuỗi ong đen trước đây bám chặt vào nhau, bị khuất phục bởi lao động, bám vào chân nhau và với tiếng thì thầm liên tục của lao động kéo sáp, những con ong khô héo trong các tư thế khác nhau bước đi rải rác trên đáy và các thành của tổ ong. Thay vì sàn nhà được trát sạch bằng sáp và quét sạch bằng cánh, trên đáy nằm những mảnh vụn sáp, phân ong, những con ong sắp chết, chân khẽ chuyển động, và những con ong chết hoàn toàn, không được dọn dẹp.

Người nuôi ong mở hố trên và quan sát phần trên của tổ ong. Thay vì những khoảng trống kín mít giữa

các tầng sáp đầy ắp ong, ông thấy công việc khéo léo, phức tạp của các tầng sáp, nhưng không còn ở trạng thái trinh nguyên như trước. Mọi thứ bị bỏ mặc và bị vấy bẩn. Những con ong trộm – những con ong đen lẻn lút nhanh chóng và gian xảo thực hiện công việc của mình ; những con ong của tổ đó, khô héo, ngắn lại, lờ đờ như những ông già, chậm chạp bò đi, không làm phiền ai, không mong muốn gì và mất đi ý thức về sự sống. Những con ong đực, ong bắp cày, bướm đập cánh vô ích vào thành tổ khi đang bay. Ở một vài nơi giữa các tầng sáp với những con non và mật chết khô, thỉnh thoảng nghe thấy tiếng vo ve từ các phía khác nhau ; ở một nơi nào đó hai con ong, theo thói quen và ký ức cũ, đang dọn dẹp tổ ong, cố gắng quá sức mình kéo ra một con ong chết hoặc một con ong bắp cày, chính chúng cũng không biết để làm gì. Ở một góc khác, hai con ong già khác lười biếng đánh nhau, hoặc làm sạch cho nhau, hoặc nuôi nhau, chính chúng cũng không biết là hành động đó mang tính thù địch hay thân thiện. Ở vị trí thứ ba, một đám ong, đè lên nhau, tấn công một nạn nhân nào đó và đánh đập, bóp nghẹt nó. Và con ong bị suy yếu hoặc bị giết đó từ từ, nhẹ như bông, rơi xuống trên đống xác chết. Người nuôi ong lật hai tầng sáp ở giữa để nhìn thấy tổ ong. Thay vì những vòng tròn đen đặc khít trước đây – hàng ngàn con ong ngồi quay lưng vào

nhau và bảo vệ những bí mật tối cao của sự sinh sản, ông thấy hàng trăm xác ong u sầu, nửa sống nửa chết và đang ngủ gật. Hầu như tất cả chúng đã chết, chính chúng không biết điều đó, đang ngồi trên vật thánh mà chúng từng tôn thờ và giờ đây không còn gì nữa. Từ chúng tỏa ra mùi thối rữa và cái chết. Chỉ một số con trong đó động đậy, nâng mình lên, bay một cách uể oải và đậu lên tay kẻ thù, không còn sức để đốt mà chết; những con còn lại, đã chết, rơi xuống như vảy cá. Người nuôi ong đóng hố lại, đánh dấu bằng phấn vào tổ ong và khi chọn thời điểm, bẻ nó ra và đốt cháy nó.

Moscow cũng trống rỗng như vậy khi Napoleon, mệt mỏi, lo lắng và cau mày, đi tới đi lui ở tường thành Kamer–Kollezhsky, chờ đợi ít nhất là một hình thức bề ngoài, nhưng cần thiết theo ý niệm của ông, về việc tuân thủ các phép lịch sự – một phái đoàn.

Ở các góc khác nhau của Moscow, mọi người vẫn cử động vô nghĩa, tuân theo những thói quen cũ và không hiểu mình đang làm gì.

Khi Napoleon được báo cáo một cách hết sức thận trọng rằng Moscow trống rỗng, ông giận dữ nhìn kẻ báo tin và quay đi, tiếp tục đi bộ trong im lặng.

– Chuẩn bị xe ngựa, – ông nói.

Ông ngồi vào xe ngựa cạnh viên sĩ quan trực nhật và đi đến vùng ngoại ô. «Moscow bỏ hoang ! Thật là một sự kiện không thể tin nổi !!» ông tự nói với mình.

Ông không đi vào thành phố mà dừng lại tại một nhà trọ ở ngoại ô Dorogomilovskaya.

Màn kịch bất ngờ đã thất bại.

XXI

Các đội quân đi qua Moscow từ hai giờ sáng cho đến hai giờ chiều và cuốn theo những cư dân cuối cùng bỏ đi và những người bị thương.

Sự chen lấn lớn nhất trong quá trình di chuyển của quân đội diễn ra trên các cầu Kamenny, Moskvoretsky và Yauzsky.

Vào thời điểm đó, khi chia làm hai ngả quanh điện Kremlin, các đội quân dồn lại trên cầu Moskvoretsky và Kamenny, một số lượng lớn binh lính, tận dụng sự dừng lại và chật hẹp, đã quay trở lại từ các cây cầu và len lỏi một cách lén lút và lặng lẽ qua nhà thờ Vasily Blazhenny và dưới cổng Borovitskiye ngược lên đồi đến Quảng trường Đỏ, nơi họ cảm nhận bằng một trực giác nào đó rằng có thể lấy đồ vật của người khác mà không tốn sức. Một đám đông người như vậy, giống như ở chợ đồ rẻ tiền, đã lấp đầy Gostiny Dvor trong tất cả các lối đi và hành lang của nó. Nhưng không có những giọng nói ngọt ngào, mời gọi của các tiểu thương, không có những người bán rong và đám đông người mua sắm hỗn tạp – mà chỉ có đồng phục và áo choàng của những binh lính không mang súng, lặng lẽ đi ra với những gánh nặng và không có gánh nặng đi vào các dãy hàng. Các

thương nhân và người trông hàng (có rất ít) đi lại giữa các binh lính như những người bị lạc, mở và đóng các cửa hàng của mình và tự tay cùng các chàng trai mang hàng đi đâu đó. Trên quảng trường gần Gostiny Dvor có các tay trống và đang đánh trống tập hợp. Nhưng tiếng trống không làm binh lính–kẻ trộm tụ tập lại như trước, mà ngược lại, khiến họ chạy xa khỏi tiếng trống. Giữa các binh lính, trong các dãy hàng và lối đi, thấy có những người mặc áo caftan xám và cạo trọc đầu. Hai sĩ quan, một người đeo dải khăn chéo qua quân phục, cưỡi một con ngựa gầy màu xám đen, người kia mặc áo choàng, đi bộ, đứng ở góc phố Ilyinka và đang nói về điều gì đó. Một viên sĩ quan thứ ba phi ngựa đến gặp họ.

– Viên tướng ra lệnh, dù bằng giá nào, bây giờ phải đuổi hết mọi người ra ngoài. Thật là gì thế này, cái này chẳng giống cái gì cả ! Một nửa người đã tản mát hết rồi.

– Các anh đi đâu đấy ?.. Các anh đi đâu đấy ?.. – ông quát ba binh lính bộ binh không mang súng, những người đang lách qua họ vào các dãy hàng sau khi đã vén vạt áo choàng lên. – Đứng lại, quân khốn kiếp !

– Vâng, mời ngài thu thập họ, – viên sĩ quan khác trả lời. – Không thu thập được họ đâu ; phải đi nhanh lên để những người cuối cùng không đi mất, thế thôi !

– Làm sao mà đi được : họ đứng khựng lại ở đó, dồn đống trên cầu và không nhúc nhích. Hay là đặt một hàng rào, để những người cuối cùng không tản mát mất ?

– Thôi cứ đi vào đó đi ! Đuổi hết chúng ra ! – viên sĩ quan già quát.

Viên sĩ quan đeo dải khăn xuống ngựa, gọi một tay trống và cùng anh ta bước vào dưới các vòm cuốn. Một vài binh lính bắt đầu chạy tán loạn thành đám đông. Một thương nhân với những nốt mụn đỏ trên má gần mũi, với vẻ mặt điềm tĩnh một cách không lay chuyển, được tính toán trên khuôn mặt béo tốt, vội vàng và bảnh bao, vung vẩy tay, đi đến chỗ viên sĩ quan.

– Thưa ngài, – ông ta nói, – xin ngài hãy làm ơn, hãy bảo vệ. Chúng tôi không tính toán đến những chuyện vặt vãnh ; chúng tôi xin dâng vải vóc với niềm vui sướng của mình ; làm ơn, tôi sẽ lấy vải ngay bây giờ, đối với người cao quý dù là hai sấp ; chúng tôi cảm thấy hài lòng ; nhưng cái này là gì đây ? Toàn là cướp bóc ! Làm ơn đi ! Có cần gọi cảnh vệ không, dù là để đóng cửa lại.

Một vài thương nhân tụ tập quanh viên sĩ quan.

– Ê ! nói xằng nói bậy làm gì, – một người trong số họ, gầy gò, với khuôn mặt nghiêm nghị nói. – Cúi đầu xuống, đừng khóc lóc về tóc. Cứ lấy đi, ai thích gì thì lấy ! – Và ông ta với một cử chỉ mạnh mẽ vẫy tay và quay nghiêng người về phía viên sĩ quan.

– Tốt lắm cho ông, Ivan Sidorych, nói hay lắm, – người thương nhân thứ nhất nói một cách giận dữ. – Xin ngài làm ơn, thưa ngài.

– Nói gì nữa ! – gã gầy gò hét lên, – tôi có hàng hóa trị giá 100 ngàn ở ba cửa hàng tại đây. Liệu có giữ nổi không khi quân đội đã rút đi. Ôi, dân chúng ! Quyền năng của Chúa không thể khoanh tay mà nhìn.

– Xin ngài, thưa ông lớn, – người thương gia thứ nhất nói, vừa cúi chào.

Viên sĩ quan đứng đó đầy phân vân, và trên khuôn mặt anh ta hiện rõ vẻ lưỡng lự.

– Việc đó can hệ gì đến tôi ! – anh ta bỗng quát lên và bước nhanh về phía trước dãy hàng.

Trong một cửa hàng mở toang, người ta nghe thấy tiếng đập phá và chửi bới, và đúng lúc viên sĩ quan tiến

đến gần, từ cửa một người đàn ông mặc áo choàng xám, đầu cạo trọc, bị đẩy văng ra ngoài.

Người này cúi mình, chạy vụt qua các thương gia và viên sĩ quan. Viên sĩ quan lao vào đám lính đang ở trong cửa hàng. Nhưng đúng lúc đó, những tiếng kêu kinh hoàng của một đám đông khổng lồ vang lên từ phía cầu Moskvoretsky, và viên sĩ quan chạy ra quảng trường.

– Cái gì thế ? Cái gì thế ? – anh ta hỏi, nhưng người bạn của anh ta đã phi ngựa về hướng có tiếng kêu, ngang qua nhà thờ Basil Hạnh phúc.

Viên sĩ quan lên ngựa và đuổi theo. Khi đến gần cầu, anh ta thấy hai khẩu súng đại bác đã tháo khỏi xe kéo, bộ binh đang đi trên cầu, vài chiếc xe bò bị lật, vài khuôn mặt hoảng sợ và những khuôn mặt đang cười của binh lính. Cạnh những khẩu đại bác có một chiếc xe ngựa kéo bởi một đôi ngựa. Phía sau xe, sát vào bánh xe, có bốn con chó săn đeo vòng cổ đang nép mình. Trên xe là một đống đồ đạc, và trên tận cùng, cạnh một chiếc ghế trẻ em lật ngược chân lên trời, một người đàn bà đang ngồi, la hét chói lói và tuyệt vọng. Các bạn đồng ngũ kể cho viên sĩ quan rằng tiếng kêu của đám đông và tiếng rít của người đàn bà là do tướng Yermolov khi đến chỗ đám đông này, biết rằng binh lính đang tản mác vào các

cửa hàng còn người dân thì làm tắc nghẽn cây cầu, đã ra lệnh tháo pháo và làm mẫu rằng ông ta sẽ bắn vào cầu. Đám đông, làm lật xe ngựa, giẫm đạp lên nhau, kêu gào tuyệt vọng và chen lấn, đã dẹp trống cây cầu, và quân đội lại tiến về phía trước.

XXII

Trong chính thành phố lúc bấy giờ thật vắng vẻ. Trên các đường phố hầu như không có một ai. Các cổng và cửa hàng đều đóng chặt ; đôi chỗ gần các quán rượu vang lên những tiếng kêu lẻ loi hoặc tiếng hát say sưa. Không ai đi lại trên phố, và hiếm khi nghe thấy bước chân người đi bộ. Trên phố Povarskaya hoàn toàn yên tĩnh và hoang vắng. Trong cái sân rộng lớn của nhà Rostov, những mẩu cỏ khô vương vãi từ đoàn xe đã rời đi và không thấy bóng dáng một ai. Trong ngôi nhà của dòng họ Rostov còn lại với tất cả đồ đạc, có hai người ở trong phòng khách lớn. Đó là người gác cổng Ignat và chú bé giúp việc Mishka, cháu của Vasilyich, người đã ở lại Moscow với ông nội. Mishka, mở nắp đàn clavicord, đang dùng một ngón tay gảy nhạc. Người gác cổng, tay chống nạnh và mỉm cười rạng rỡ, đứng trước một chiếc gương lớn.

– Thế mới khéo chứ ! Hả ? Chú Ignat ! – chú bé nói, bỗng nhiên bắt đầu dùng cả hai tay vỗ lên các phím đàn.

– Xem kìa ! – Ignat trả lời, ngạc nhiên nhìn khuôn mặt mình càng lúc càng tươi cười trong gương.

– Không biết xấu hổ ! Thật là không biết xấu hổ ! – một giọng nói vang lên từ phía sau họ, đó là Mavra Kuzminichna vừa khẽ bước vào. – Kìa, cái mặt phị ra kìa, răng nhăn nhở thế kia. Để người ta tóm được bây giờ ! Đồ đạc thì chưa dọn dẹp xong, Vasilyich thì mệt phờ cả người. Cho các người một hạn định đấy.

Ignat, vừa chỉnh lại thắt lưng, vừa thôi mỉm cười và ngoan ngoãn hạ mắt xuống, đi ra khỏi phòng.

– Thưa dì, cháu làm nhè nhẹ thôi mà, – chú bé nói.

– Ta sẽ cho nhà ngươi biết tay thế nào là nhè nhẹ. Đồ ranh con ! – Mavra Kuzminichna quát lên, vung tay về phía chú bé. – Đi đi, chuẩn bị trà cho ông nội.

Mavra Kuzminichna lau bụi, đóng nắp đàn clavicord lại, và khẽ thở dài, đi ra khỏi phòng khách rồi khóa cửa chính lại.

Ra đến sân, Mavra Kuzminichna suy nghĩ về việc bây giờ mình nên đi đâu : đi uống trà với Vasilyich ở gian nhà phụ hay là vào kho dọn dẹp những thứ còn sót lại.

Trong phố yên tĩnh vang lên những bước chân nhanh nhẹn. Bước chân dừng lại ở cánh cổng nhỏ ; cái chốt cửa bắt đầu gõ dưới tay người đang cố mở nó.

Mavra Kuzminichna tiến lại phía cổng.

– Cần gặp ai ?

– Bá tước, Bá tước Ilya Andreyich Rostov.

– Nhưng các người là ai ?

– Tôi là sĩ quan. Tôi cần gặp ông ấy, – một giọng nói tiếng Nga dễ mến và quý tộc vang lên.

Mavra Kuzminichna mở cổng. Và vào trong sân là một viên sĩ quan khoảng 18 tuổi, mặt tròn, với khuôn mặt giống người nhà Rostov.

– Họ đi rồi, thưa cậu. Từ ngày hôm qua vào lúc kinh chiều họ đã đi rồi, – Mavra Kuzminichna nói một cách dịu dàng.

Chàng trai trẻ đứng ở cổng, như thể đang phân vân không biết nên vào hay không, tặc lưỡi.

– Ôi, thật là đáng tiếc ! – anh ta nói. – Giá mà tôi đến hôm qua... Ôi, thật đáng tiếc...

Mavra Kuzminichna trong lúc đó chăm chú và đầy cảm thông quan sát những nét quen thuộc của dòng họ Rostov trên khuôn mặt chàng trai, và cả chiếc áo choàng rách rưới cùng đôi ủng mòn vẹt mà anh ta đang đi.

– Cậu cần gặp Bá tước có việc gì thế ? – bà hỏi.

– Dạ thôi... biết làm sao được ! – viên sĩ quan nói với vẻ nuối tiếc và nắm lấy cánh cổng, như định bỏ đi.

Anh ta lại dừng lại đầy vẻ lưỡng lự.

– Bà thấy đấy ? – đột nhiên anh ta nói. – Tôi là họ hàng của Bá tước, và ông ấy luôn luôn rất tốt với tôi. Vậy đấy, bà xem (anh ta nhìn chiếc áo choàng và đôi ủng với nụ cười hiền lành và vui vẻ), tôi đã mòn hết đồ rồi, và không còn đồng tiền nào cả ; nên tôi muốn nhờ Bá tước...

Mavra Kuzminichna không để anh ta nói hết.

– Cậu chờ một chút, thưa cậu. Chỉ một phút thôi, – bà nói.

Và ngay khi viên sĩ quan buông tay khỏi cánh cổng, Mavra Kuzminichna quay đi và bằng bước chân già nua nhanh nhẹn, bà đi qua sân sau về phía gian nhà phụ của mình.

Trong khi Mavra Kuzminichna chạy về phòng mình, viên sĩ quan, cúi đầu nhìn đôi ủng rách của mình, khẽ mỉm cười đi dạo quanh sân. «Thật tiếc là mình không gặp được chú. Một bà lão thật tốt bụng ! Bà ấy chạy

đi đâu thế nhỉ ? Và làm sao để mình biết được nên đi phố nào để đuổi kịp trung đoàn, bây giờ chắc phải đến gần Rogozhskaya rồi ?» – chàng sĩ quan trẻ thầm nghĩ. Mavra Kuzminichna với khuôn mặt sợ hãi nhưng đồng thời cũng đầy quyết đoán, tay cầm một chiếc khăn tay thắt nút, đi ra từ sau góc nhà. Chưa đến gần, bà đã mở chiếc khăn, lấy ra từ đó một tờ giấy bạc 25 rúp trắng tinh và nhanh chóng đưa cho viên sĩ quan.

– Nếu có các ngài ở nhà, thì chắc chắn các ngài sẽ giúp đỡ theo tình họ hàng, nhưng bây giờ có lẽ...

Mavra Kuzminichna trở nên bối rối và lúng túng. Nhưng viên sĩ quan, không từ chối và cũng không vội vàng, cầm lấy tờ giấy bạc và cảm ơn Mavra Kuzminichna.

– Giá mà Bá tước ở nhà, – Mavra Kuzminichna vừa nói vừa cáo lỗi. – Chúa ở cùng cậu, thưa cậu. Cầu Chúa cứu giúp cậu, – Mavra Kuzminichna nói, vừa cúi chào vừa tiễn anh ta đi.

Viên sĩ quan như thể tự cười chính mình, mỉm cười và lắc đầu, hầu như chạy nước kiệu qua các con phố vắng để đuổi kịp trung đoàn của mình ở cầu Yauzsky.

Còn Mavra Kuzminichna đứng lâu với đôi mắt ướt lệ trước cánh cổng đã đóng, suy nghĩ lắc đầu và cảm nhận

một luồng tình cảm mẫu tử và lòng thương cảm bất ngờ đối với viên sĩ quan xa lạ.

XXIII

Trong ngôi nhà chưa xây xong trên phố Varvarka, phía dưới là một quán rượu, vang lên những tiếng kêu la say xỉn và bài hát. Trên những băng ghế bên các bàn trong một căn phòng nhỏ, bẩn thỉu, có khoảng mười người thợ thủ công đang ngồi. Tất cả họ đều say, mồ hôi nhễ nhại, với đôi mắt đục ngầu, gồng mình và há họng thật rộng, hát một bài hát nào đó. Họ hát rời rạc, khó nhọc, với nỗ lực, rõ ràng không phải vì họ muốn hát, mà là để chứng tỏ rằng họ đang say và đang vui chơi. Một người trong số họ, một gã trai trẻ cao lớn tóc vàng mặc chiếc áo choàng xanh sạch sẽ, đứng phía trên họ. Khuôn mặt gã với chiếc mũi thẳng thanh tú lẽ ra đã rất đẹp, nếu không có đôi môi mỏng, bặm lại, không ngừng cử động và đôi mắt đục ngầu, cau có, bất động. Gã đứng phía trên những người đang hát và rõ ràng đang tưởng tượng ra một điều gì đó, gã vung tay một cách trang trọng và vụng về trên đầu họ bằng cánh tay trắng trẻo xắn tay áo lên đến khuỷu tay, những ngón tay bẩn thỉu của gã cố tình xòe ra một cách không tự nhiên. Tay áo chiếc áo choàng của gã cứ tuột xuống, và gã trai lại cẩn thận dùng tay trái xắn nó lên, như thể có điều gì đó đặc biệt quan trọng ở việc cánh tay trắng, gân guốc đang vung vẩy này nhất thiết phải để trần. Giữa bài hát, ở

ngoài hiên vang lên những tiếng kêu đánh nhau và đòn roi. Gã trai cao lớn vung tay.

– Thôi đi ! – gã quát lên một cách ra lệnh. – Đánh nhau rồi, các cậu ơi ! – và gã, không ngừng xắn tay áo, đi ra ngoài hiên.

Những người thợ đi theo gã. Những người thợ đã uống rượu ở quán sáng hôm đó dưới sự dẫn đầu của gã trai cao lớn, đã mang từ xưởng về cho chủ quán rượu những tấm da, và đổi lại họ được cho rượu. Những người thợ rèn từ các xưởng rèn bên cạnh nghe thấy tiếng ồn ào trong quán và cho rằng quán bị đập phá, họ muốn dùng sức mạnh xông vào đó. Ở ngoài hiên đã xảy ra một cuộc xô xát.

Chủ quán rượu ở ngay cửa đang đánh nhau với một thợ rèn, và đúng lúc đó khi những người thợ đi ra, người thợ rèn giằng ra khỏi tay chủ quán và ngã sấp mặt xuống lòng đường.

Một người thợ rèn khác lao vào cửa, dùng ngực đè lên chủ quán.

Gã trai với cánh tay xắn lên trong lúc đi đã giáng một đòn vào mặt người thợ rèn đang lao vào cửa và hét lên điên dại :

– Các cậu ơi ! Người mình bị đánh kìa !

Lúc này người thợ rèn thứ nhất gượng dậy khỏi mặt đất, và vừa gãi vết máu trên khuôn mặt bầm dập, vừa hét lên bằng giọng khóc lóc :

– Cứu với ! Giết người rồi !... Người ta giết người rồi! Anh em ơi !...

– Ôi, trời đất ơi, đánh chết người rồi, đánh chết người rồi ! – một người đàn bà đi ra từ ngôi nhà bên cạnh rú lên.

Đám đông tụ tập quanh người thợ rèn bê bết máu.

– Ngươi bóc lột dân chúng chưa đủ sao, lấy cả áo người ta, – một giọng nói của ai đó vang lên hướng về phía chủ quán, – tại sao ngươi lại giết người ? Đồ cướp cạn !

Gã trai cao lớn đứng trên hiên, đưa đôi mắt đục ngầu nhìn hết từ chủ quán sang những người thợ rèn, như thể đang suy tính xem bây giờ nên đánh nhau với ai.

– Đồ giết người ! – đột nhiên gã quát vào mặt chủ quán. – Trói nó lại, các cậu ơi !

– Sao cơ, trói một người như thế này à ! – chủ quán hét lên, gạt phắt những người đang lao vào mình, và

giật phăng chiếc mũ trên đầu, ông ta ném nó xuống đất. Như thể hành động này mang một ý nghĩa đe dọa bí ẩn nào đó : những người thợ thủ công đang vây quanh chủ quán bỗng dừng lại đầy vẻ lưỡng lự.

– Trật tự thì tôi biết rõ lắm, người anh em ạ. Tôi sẽ đi gặp nhà chức trách. Các người tưởng tôi không đi đến đó sao ? Ngày nay không ai được phép đi cướp bóc đâu! – chủ quán hét lên, nhặt chiếc mũ lên.

– Thì đi, đi thôi ! – Những người khác vừa lặp lại vừa đi theo nhau, cả chủ quán và gã trai cao lớn, và cả hai cùng tiến lên phía trước trên đường phố.

Người thợ rèn bị thương đi bên cạnh họ. Những người thợ thủ công và những người hiếu kỳ vừa đi vừa bàn tán và la hét.

Ở góc phố Maroseyka, đối diện với một ngôi nhà lớn đóng chặt cửa sổ, nơi có tấm biển của một thợ đóng giày, khoảng hai mươi người thợ đóng giày đang đứng với khuôn mặt buồn rầu, họ là những người gầy gò, kiệt sức, mặc áo choàng và những chiếc áo thủ công rách rưới.

– Hắn ta bóc lột dân chúng đến tận cùng ! – một thợ thủ công gầy gò với bộ râu thưa và đôi lông mày cau có

nói. – Tại sao hắn lại hút máu chúng ta, thế là huề nhé. Hắn đã dẫn dắt chúng ta suốt cả tuần. Và bây giờ hắn đã đưa chúng ta đến bước đường cùng, còn bản thân thì chuồn mất.

Trông thấy đám đông và người đàn ông bê bết máu, người thợ thủ công im bặt, và tất cả thợ đóng giày với vẻ tò mò vội vã nhập vào đám đông đang di chuyển.

– Dân chúng đi đâu thế ?

– Đi gặp nhà chức trách chứ đâu.

– Sao, nhỡ ra chúng ta không thắng được thì sao ?

– Mà anh tưởng thế nào ! Xem kìa, dân chúng nói gì.

Người ta nghe thấy những câu hỏi và trả lời. Chủ quán rượu, lợi dụng lúc đám đông tăng lên, đã rời khỏi đám đông và quay trở lại quán của mình.

Gã trai cao lớn, không nhận thấy sự biến mất của kẻ thù là chủ quán, vừa vung cánh tay để trần vừa không ngừng nói, thu hút sự chú ý của mọi người về phía mình. Đám đông chủ yếu vây quanh gã, hy vọng từ gã sẽ nhận được lời giải đáp cho tất cả những câu hỏi đang làm họ bận tâm.

– Hắn hãy cho thấy trật tự đi, cho thấy luật pháp đi, vì cái đó mà nhà chức trách được đặt ra chứ ! Chẳng lẽ tôi nói sai sao, hỡi những người chính thống ? – gã trai cao lớn nói, mỉm cười nhẹ. – Hắn nghĩ rằng chẳng lẽ không có nhà chức trách sao ? Có thể đi cướp bóc của họ sao ?

– Nói gì chuyện vớ vẩn thế ! – những tiếng đáp lại từ đám đông. – Sao lại có thể bỏ mặc Moscow như thế được ? Người ta bảo với anh để làm trò cười thôi, còn anh thì tin. Chẳng lẽ quân đội của chúng ta ít sao. Vậy là họ đã cho hắn vào thành phố. Để xem nhà chức trách, xem người ta nói gì kìa, – người ta nói, chỉ vào gã trai cao lớn.

Tại bức tường thành Kitay–gorod có một nhóm nhỏ người khác đang vây quanh một người đàn ông mặc áo choàng nỉ, tay cầm một tờ giấy.

– Sắc lệnh, người ta đang đọc sắc lệnh ! Sắc lệnh đang được đọc ! – những tiếng vang lên trong đám đông, và dân chúng đổ xô về phía người đọc.

Người đàn ông mặc áo choàng nỉ đang đọc một tờ thông báo ngày 31 tháng Tám. Khi đám đông vây quanh, ông ta có vẻ bối rối, nhưng trước yêu cầu của gã trai cao lớn đang lách đến gần mình, ông ta bắt đầu đọc tờ thông báo từ đầu với giọng hơi run rẩy.

«Sáng mai tôi sẽ đến gặp vị công tước tối cao», ông ta đọc (vị công tước tối cao ! – gã trai cao lớn vừa trang trọng vừa mỉm cười và nhíu mày lặp lại), «để bàn bạc với ngài, hành động và giúp đỡ quân đội tiêu diệt những kẻ ác ôn ; chúng ta sẽ đuổi sạch chúng... « người đọc tiếp tục rồi dừng lại. (Thấy chưa ? – gã trai hét lên một cách đắc thắng. – Ông ta sẽ giải quyết cho các người toàn bộ trạm dừng chân...) «tiêu diệt và tống khứ những vị khách này về nơi địa ngục ; tôi sẽ trở lại vào giờ ăn trưa, và chúng ta sẽ bắt tay vào việc ; chúng ta sẽ làm xong, hoàn thành và tống khứ những kẻ ác ôn».

Những lời cuối cùng được người đọc đọc trong sự im lặng hoàn toàn. Gã trai cao lớn buồn rầu gục đầu xuống. Rõ ràng là không ai hiểu những lời cuối cùng này. Đặc biệt là những lời : «tôi sẽ trở lại vào giờ ăn trưa», rõ ràng đã làm buồn lòng cả người đọc lẫn người nghe. Hiểu biết của người dân đã được điều chỉnh theo một cung bậc cao, nhưng điều này lại quá đơn giản và không cần thiết ; đó chính là cái mà bất kỳ ai trong số họ cũng có thể nói và vì thế không thể là một sắc lệnh phát ra từ một cấp chính quyền tối cao.

Tất cả đứng trong sự im lặng ủ rũ. Gã trai cao lớn mấp máy đôi môi và lảo đảo.

– Nên hỏi ông ta xem ?.. Chính là ông ta đấy !.. Thế nào, xin ngài !.. Và ông ta sẽ chỉ cho... – đột nhiên người ta nghe thấy ở những hàng sau của đám đông, và sự chú ý của mọi người đổ dồn vào chiếc xe ngựa của viên cảnh sát trưởng đang đi vào quảng trường, đi kèm là hai kỵ binh long kỵ binh.

Viên cảnh sát trưởng, người sáng hôm đó theo lệnh của Bá tước đã đi đốt các lán trại và vì nhiệm vụ này đã kiếm được một khoản tiền lớn hiện đang ở trong túi, khi thấy một đám đông đang lao về phía mình, đã ra lệnh cho người đánh xe dừng lại.

– Dân chúng làm gì thế ? – ông ta quát vào đám đông đang tản mát và rụt rè tiến lại gần xe ngựa.

– Dân chúng làm gì thế ? Tôi hỏi các người đấy, – viên cảnh sát trưởng lặp lại nhưng không nhận được câu trả lời.

– Họ, thưa ông lớn... – một viên chức mặc áo choàng nỉ nói. – Họ, thưa ông lớn, theo thông báo của đức ngài Bá tước, đã không tiếc thân mình, muốn phục vụ, chứ không phải để xảy ra bạo loạn như đức ngài Bá tước đã nói...

– Bá tước không đi đâu cả, ông ấy ở đây, và sẽ có lệnh cho các người, – viên cảnh sát trưởng nói. – Đi đi! – ông ta nói với người đánh xe.

Đám đông dừng lại, tụ tập quanh những người đã nghe thấy điều nhà chức trách nói, và nhìn theo chiếc xe ngựa đang rời đi.

Viên cảnh sát trưởng lúc này sợ hãi nhìn quanh, nói gì đó với người đánh xe, và lũ ngựa của ông ta bắt đầu chạy nhanh hơn.

– Bị lừa rồi, các bạn ơi ! Hãy đi gặp chính ông ta ! – giọng nói của gã trai cao lớn vang lên. – Không cho đi, các bạn ơi ! Hãy để ông ta trả lời ! Giữ lấy ! – những tiếng hét vang lên, và dân chúng chạy đuổi theo chiếc xe ngựa.

Đám đông cùng với viên cảnh sát trưởng trong tiếng bàn tán ồn ào hướng về phía Lubyanka.

– Thế nào, các quý ông và các thương gia đã đi rồi, còn chúng ta thì ở lại để chết sao. Thế chúng ta là lũ chó sao ! – người ta nghe thấy ngày càng thường xuyên hơn trong đám đông.

XXIV

Tối ngày 1 tháng Chín, sau cuộc gặp với Kutuzov, Bá tước Rastopchin, cảm thấy phiền muộn và bị xúc phạm vì không được mời đến hội đồng quân sự, vì Kutuzov không hề chú ý đến đề nghị tham gia bảo vệ thủ đô của ông ta, và ngạc nhiên trước cái nhìn mới mẻ mở ra cho ông ta ở doanh trại, nơi mà vấn đề về sự yên bình của thủ đô và tâm thế yêu nước của nó hóa ra không phải chỉ là thứ yếu, mà là hoàn toàn không cần thiết và tầm thường, – cảm thấy phiền muộn, bị xúc phạm và ngạc nhiên vì tất cả những điều đó, Bá tước Rastopchin đã trở về Moscow. Sau khi ăn tối, Bá tước không cởi quần áo, nằm xuống ghế sofa và vào lúc 1 giờ sáng đã bị đánh thức bởi một người đưa thư mang cho ông ta một lá thư từ Kutuzov. Trong lá thư nói rằng, vì quân đội đang rút lui theo đường Ryazan về phía sau Moscow, liệu Bá tước có phiền lòng gửi các nhân viên cảnh sát đến để dẫn quân đội đi qua thành phố không. Tin tức này không phải là mới đối với Rastopchin. Không chỉ từ cuộc gặp hôm qua với Kutuzov trên đồi Poklonnaya, mà ngay từ sau trận Borodino, khi tất cả các vị tướng đến Moscow đều đồng thanh nói rằng không thể đánh tiếp, và khi theo lệnh của Bá tước, mỗi đêm người ta đã chuyển đi tài sản của triều đình và dân chúng đã di tản

một nửa, Bá tước Rastopchin đã biết rằng Moscow sẽ bị bỏ lại ; nhưng tin tức này, được truyền đạt dưới dạng một mẩu giấy giản đơn với mệnh lệnh từ Kutuzov và nhận được vào ban đêm, trong giấc ngủ đầu tiên, đã làm Bá tước ngạc nhiên và bực bội.

Về sau, khi giải thích hoạt động của mình trong thời gian này, Bá tước Rastopchin đã viết trong các ghi chép của mình nhiều lần rằng lúc đó ông ta có hai mục tiêu quan trọng : duy trì sự yên tĩnh ở Moscow và tiễn chân những cư dân ra khỏi đó. Nếu chấp nhận mục tiêu kép này, mọi hành động của Rastopchin đều tỏ ra không tì vết. Tại sao những thánh tích của Moscow, vũ khí, đạn dược, thuốc súng, lương thực không được chuyển đi; tại sao hàng ngàn cư dân bị lừa dối rằng Moscow sẽ không bị bỏ lại, và bị tàn phá ? – Để giữ sự yên bình trong thủ đô, – lời giải thích của Bá tước Rastopchin trả lời. Tại sao người ta lại chuyển đi những chồng giấy tờ không cần thiết từ các công sở và quả cầu của Leppich cùng những đồ vật khác ? – Để làm cho thành phố trống rỗng, – lời giải thích của Bá tước Rastopchin trả lời. Chỉ cần thừa nhận rằng có điều gì đó đe dọa đến sự yên bình của nhân dân, và mọi hành động đều trở nên chính đáng.

Tất cả những nỗi kinh hoàng của sự khủng bố đều chỉ dựa trên sự lo lắng về sự yên bình của nhân dân.

Sự lo sợ của Bá tước Rastopchin về sự yên bình của nhân dân ở Moscow năm 1812 dựa trên điều gì ? Có lý do gì để giả định trong thành phố có xu hướng nổi loạn? Cư dân đã rời đi ; quân đội rút lui, lấp đầy Moscow. Tại sao dân chúng lại phải nổi loạn vì điều đó ?

Không chỉ ở Moscow, mà trên khắp nước Nga khi kẻ thù tiến vào, không có gì giống như một cuộc nổi loạn xảy ra. Ngày 1 và 2 tháng Chín, hơn 10 ngàn người vẫn còn ở lại Moscow, và ngoài đám đông tụ tập ở sân dinh tổng tư lệnh do chính ông ta thu hút, không có chuyện gì xảy ra cả. Rõ ràng, lẽ ra càng không nên mong đợi sự xáo động trong dân chúng nếu như sau trận Borodino, khi việc bỏ lại Moscow đã trở nên rõ ràng hoặc ít nhất là cực kỳ có khả năng, thay vì kích động dân chúng bằng việc phân phát vũ khí và các tờ áp phích, Rastopchin đã thực hiện các biện pháp chuyển đi tất cả các thánh tích, thuốc súng, đạn dược và tiền bạc, và tuyên bố thẳng thắn với dân chúng rằng thành phố sẽ bị bỏ lại.

Rastopchin, một người nồng nhiệt, tính khí nóng nảy, luôn hoạt động trong các tầng lớp hành chính cao cấp nhất, tuy có lòng yêu nước nhưng lại không có một khái niệm nhỏ nhất về những người dân mà ông ta

tưởng rằng mình đang quản lý. Ngay từ khi kẻ thù tiến vào Smolensk, Rastopchin trong trí tưởng tượng của mình đã tạo ra cho bản thân vai trò là người lãnh đạo tình cảm nhân dân – «trái tim của nước Nga». Ông ta không chỉ tưởng rằng (như bất kỳ nhà quản lý nào cũng tưởng) mình đang quản lý các hành động bên ngoài của cư dân Moscow, mà ông ta còn tưởng rằng mình đang lãnh đạo tâm trạng của họ bằng các lời kêu gọi và áp phích của mình, được viết bằng thứ ngôn ngữ thô kệch mà dân chúng vốn khinh miệt trong giới của họ và họ không hiểu khi nghe thấy nó từ cấp trên. Vai trò đẹp đẽ của người lãnh đạo tình cảm dân tộc đã làm hài lòng Rastopchin đến mức ông ta đã quá nhập tâm vào nó, đến nỗi nhu cầu thoát khỏi vai trò này, nhu cầu bỏ lại Moscow mà không có bất kỳ hiệu ứng anh hùng nào đã khiến ông ta bất ngờ, và đột nhiên ông ta cảm thấy mất đi điểm tựa dưới chân mình, nơi ông ta đang đứng, và thực sự không biết mình phải làm gì. Mặc dù ông ta biết, nhưng ông ta đã không tin bằng cả tâm hồn mình cho đến phút cuối cùng vào việc bỏ lại Moscow và không làm gì cho mục tiêu này. Cư dân đã di tản trái với mong muốn của ông ta. Nếu các công sở bị chuyển đi, thì đó chỉ là theo yêu cầu của các quan chức mà Bá tước miễn cưỡng đồng ý. Bản thân ông ta chỉ bận rộn với vai trò mà ông ta đã tự tạo ra cho mình. Như thường xảy ra với

những người có trí tưởng tượng phong phú, ông ta đã biết từ lâu rằng Moscow sẽ bị bỏ lại, nhưng ông ta chỉ biết bằng lý trí, chứ không tin bằng cả tâm hồn vào điều đó, không thích nghi được trí tưởng tượng của mình với tình thế mới này.

Toàn bộ hoạt động của ông ta, cần mẫn và đầy năng lượng (ông ta đã có ích và có ảnh hưởng đến dân chúng như thế nào, đó lại là một vấn đề khác), toàn bộ hoạt động của ông ta chỉ nhằm đánh thức ở cư dân cái cảm giác mà chính ông ta đang trải nghiệm – lòng căm thù yêu nước đối với người Pháp và sự tự tin vào bản thân.

Nhưng khi sự việc mang quy mô lịch sử thực sự, khi lòng căm thù đối với người Pháp được bày tỏ bằng lời nói hóa ra là không đủ, khi không thể bày tỏ lòng căm thù này bằng một trận đánh, khi sự tự tin vào bản thân hóa ra là vô ích đối với vấn đề duy nhất của Moscow; khi toàn bộ dân cư, như một người, ném đồ đạc của mình, bỏ chạy khỏi Moscow, bằng hành động tiêu cực này chứng minh toàn bộ sức mạnh của tình cảm dân tộc, – lúc đó cái vai trò được Rastopchin chọn bỗng trở nên vô nghĩa. Ông ta bỗng cảm thấy mình đơn độc, lố bịch và nực cười, không có điểm tựa dưới chân.

Nhận được bức thư từ Kutuzov khi vừa tỉnh giấc, lạnh lùng và đầy tính ra lệnh, Rastopchin cảm thấy bực

bội hơn cả vì mình cảm thấy có lỗi. Ở Moscow đã bỏ lại tất cả những gì đáng lẽ phải chuyển đi, tất cả những gì thuộc về triều đình mà đáng lẽ ông ta phải chuyển đi. Không thể chuyển đi tất cả được.

«Ai là người có lỗi trong việc này, ai đã để xảy ra điều này ?» ông ta nghĩ. «Tất nhiên không phải là tôi. Mọi thứ đã sẵn sàng đối với tôi, tôi đã giữ vững Moscow như thế ! Và xem họ đã đưa sự việc đến đâu rồi ! Đồ khốn, đồ phản bội !» ông ta nghĩ mà không xác định rõ những kẻ khốn và phản bội đó là ai, nhưng cảm thấy cần phải căm thù những kẻ phản bội nào đó, những kẻ có lỗi trong tình cảnh giả dối và nực cười mà ông ta đang mắc phải.

Suốt đêm đó, bá tước Rastopchin đưa ra những mệnh lệnh, từ khắp nơi ở Moscow người ta kéo đến chỗ ông. Những người thân cận chưa bao giờ thấy bá tước u ám và bẳn gắt đến thế.

«Thưa ngài, từ cục điền sản đã đến, từ giám đốc để xin lệnh... Từ giáo hội, từ thượng viện, từ đại học, từ cô nhi viện ; phó giám mục đã cử người đến... hỏi... Về đội cứu hỏa ngài ra lệnh thế nào ? Từ cai ngục nhà tù... từ giám ngục nhà thương điên...» suốt đêm không ngừng, họ báo cáo với bá tước.

Trước tất cả những câu hỏi đó, bá tước đưa ra những câu trả lời ngắn gọn và giận dữ, cho thấy rằng những mệnh lệnh của ông bây giờ không còn cần thiết nữa, rằng toàn bộ công việc mà ông chuẩn bị kỹ lưỡng giờ đây đã bị ai đó làm hỏng và ai đó sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả những gì đang xảy ra bây giờ.

– Này, ngươi hãy nói với tên ngốc đó, – ông trả lời câu hỏi từ cục điền sản, – để hắn ở lại canh giữ giấy tờ của hắn. Này, ngươi hỏi cái gì vớ vẩn về đội cứu hỏa vậy ? Có ngựa thì cứ để chúng đi Vladimir. Đừng để lại cho bọn Pháp.

– Thưa ngài, giám ngục nhà thương điên đã đến, ngài ra lệnh thế nào ?

– Ta ra lệnh thế nào ư ? Cứ để chúng đi hết, thế thôi... Còn những người điên thì thả ra thành phố. Khi mà ở chỗ chúng ta những kẻ điên đang chỉ huy quân đội, thì Chúa cũng truyền lệnh cho những kẻ này như vậy.

Trước câu hỏi về những tù nhân đang ngồi trong hầm, bá tước giận dữ quát viên giám ngục :

– Thế nào, bảo ta cho ngươi hai tiểu đoàn hộ tống à, cái mà ta không có ? Thả chúng ra, thế thôi !

– Thưa ngài, có những tù chính trị : Meshkov, Vereshchagin.

– Vereshchagin ! Hắn vẫn chưa bị treo cổ à ? – Rastopchin quát lên. – Dẫn hắn đến chỗ ta.

XXV

Đến 9 giờ sáng, khi quân đội đã bắt đầu di chuyển qua Moscow, không còn ai đến hỏi mệnh lệnh của bá tước nữa. Tất cả những ai có thể đi, đều tự mình đi ; những người ở lại, tự mình quyết định xem họ phải làm gì.

Bá tước truyền lệnh thắng ngựa để đi Sokolniki, và, cau có, vàng vọt và lầm lì, khoanh tay trước ngực, ông ngồi trong phòng làm việc của mình.

Đối với mỗi nhà quản trị trong thời gian yên bình, không sóng gió, dường như chỉ nhờ những nỗ lực của mình mà toàn bộ dân chúng thuộc quyền mới chuyển động, và trong ý thức về sự cần thiết của mình, mỗi nhà quản trị cảm thấy phần thưởng chính cho những lao động và nỗ lực của mình. Rõ ràng là cho đến khi đại dương lịch sử còn yên lặng, người cai trị – nhà quản trị, với chiếc sào nhỏ bé của mình tựa vào con tàu của nhân dân và tự mình di chuyển, phải thấy rằng nhờ những nỗ lực của mình mà con tàu đang di chuyển, con tàu mà ông ta đang tựa vào. Nhưng chỉ cần một cơn bão nổi lên, biển khơi xao động và chính con tàu tự di chuyển, thì khi đó sự lầm tưởng là không thể. Con tàu đi theo con đường khổng lồ, độc lập của mình, chiếc sào không

chạm tới con tàu đang di chuyển, và người cai trị bỗng nhiên từ vị thế người nắm quyền lực, nguồn gốc của sức mạnh, biến thành một kẻ thấp hèn, vô dụng và yếu đuối.

Rastopchin cảm thấy điều đó, và điều này làm ông tức giận.

Viên cảnh sát trưởng, người bị đám đông chặn lại, cùng với một sĩ quan tùy tùng đến báo cáo rằng ngựa đã sẵn sàng, đi vào chỗ bá tước. Cả hai đều tái nhợt, và viên cảnh sát trưởng, sau khi báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ của mình, thông báo rằng ở ngoài sân nhà bá tước có một đám đông dân chúng khổng lồ đang muốn thấy ông.

Rastopchin, không đáp lại một lời nào, đứng dậy và với những bước chân nhanh nhẹn đi vào phòng khách sang trọng, rực rỡ của mình, đi đến cửa ban công, cầm lấy tay nắm, bỏ nó lại và đi đến cửa sổ, từ đó có thể nhìn thấy rõ toàn bộ đám đông. Một gã cao lớn đứng ở hàng ghế đầu và với khuôn mặt nghiêm nghị, vung tay, đang nói điều gì đó. Một người thợ rèn vấy máu với vẻ mặt u ám đứng cạnh hắn. Qua những ô cửa sổ đóng kín, có thể nghe thấy tiếng rì rầm của các giọng nói.

– Xe ngựa sẵn sàng chưa ? – Rastopchin nói, rời khỏi cửa sổ.

– Sẵn sàng, thưa ngài, – sĩ quan tùy tùng nói.

Rastopchin lại đi đến cửa ban công.

– Nhưng họ muốn gì ? – ông hỏi viên cảnh sát trưởng.

– Thưa ngài, họ nói rằng họ tập hợp lại để đi đánh quân Pháp theo lệnh của ngài, họ hét lên điều gì đó về sự phản bội. Nhưng đám đông hung hãn, thưa ngài. Tôi khó khăn lắm mới đi thoát được. Thưa ngài, tôi mạn phép đề nghị...

– Mời ngài đi cho, tôi tự biết mình phải làm gì mà không cần ngài, – Rastopchin giận dữ quát.

Ông đứng bên cửa ban công, nhìn xuống đám đông. «Đây là những gì họ đã làm với nước Nga ! Đây là những gì họ đã làm với ta !» Rastopchin nghĩ, cảm thấy trong lòng trào dâng một cơn giận không kiềm chế nổi đối với một ai đó, người mà ông có thể trút lên nguyên nhân của tất cả những gì đã xảy ra. Như thường lệ với những người nóng tính, cơn giận đã làm chủ ông, nhưng ông vẫn đang tìm kiếm một đối tượng khác cho nó. «Đây rồi đám dân đen, cặn bã của nhân dân», ông nghĩ, nhìn vào đám đông : «đám bình dân mà họ đã kích động

bằng sự ngu ngốc của mình. Họ cần một nạn nhân», ý nghĩ đó hiện lên trong đầu ông, khi nhìn vào gã cao lớn đang vung tay. Và chính vì lý do đó, ý nghĩ này nảy ra trong đầu ông, rằng chính ông đang cần nạn nhân này, đối tượng này cho cơn giận của mình.

– Xe ngựa sẵn sàng chưa ? – ông hỏi lại lần nữa.

– Sẵn sàng, thưa ngài. Ngài ra lệnh thế nào về Vereshchagin ? Hắn đang đợi ở thềm nhà, – sĩ quan tùy tùng trả lời.

– A ! – Rastopchin kêu lên, như bị tác động bởi một ký ức bất ngờ nào đó.

Và, nhanh chóng mở cửa, ông bước ra ban công với những bước chân kiên quyết. Đám đông bỗng im bặt, mũ và ca–lô được cởi ra, và mọi đôi mắt đều ngước nhìn vị bá tước vừa bước ra.

– Chào các con, các chàng trai ! – bá tước nói nhanh và to. – Cảm ơn các con đã đến. Ta sẽ ra với các con ngay bây giờ, nhưng trước hết chúng ta cần xử lý tên ác ôn. Chúng ta cần trừng trị tên ác ôn mà vì hắn Moscow đã diệt vong. Hãy đợi ta !

Và bá tước cũng quay lại phòng nhanh như vậy, đóng sầm cửa lại.

Trong đám đông vang lên một tiếng rì rầm tán thưởng hài lòng. «Hắn, có nghĩa là, sẽ xử lý tên ác ôn ! Còn mày nói – quân Pháp... hắn sẽ chỉ cho mày thấy mọi trật tự !» mọi người nói với nhau, như thể trách móc nhau vì sự thiếu tin tưởng của mình.

Vài phút sau, một sĩ quan vội vàng bước ra từ cửa chính, ra lệnh điều gì đó, và đội kỵ binh rồng dàn hàng. Đám đông từ ban công tham lam tiến về phía thềm nhà. Bước ra với những bước chân giận dữ, nhanh nhẹn xuống thềm, Rastopchin vội vàng nhìn quanh, như thể đang tìm kiếm một ai đó.

– Hắn đâu rồi ? – bá tước nói.

Và ngay giây phút đó, khi ông nói điều đó, ông thấy từ góc nhà đi ra giữa hai lính kỵ binh rồng một thanh niên với cái cổ dài, gầy, với cái đầu cạo trọc một nửa và mọc lởm chởm. Chàng thanh niên này mặc một chiếc áo choàng lông cáo lót vải xanh mịn từng là sang trọng nhưng nay đã sờn cũ, và mặc chiếc quần tù nhân bằng vải lanh bẩn thỉu, xỏ vào đôi ủng mỏng cũ nát. Trên đôi chân gầy, đôi xiềng xích nặng nề lủng lẳng, gây khó khăn cho bước đi ngập ngừng của chàng thanh niên.

– A ! – Rastopchin nói, vội vàng quay mắt khỏi chàng thanh niên trong chiếc áo choàng lông cáo và chỉ xuống bậc thềm cuối cùng : – Hãy đưa hắn ra đây !

Chàng thanh niên, xiềng xích kêu leng keng, khó khăn bước lên bậc thềm được chỉ định, dùng ngón tay giữ cổ áo choàng đang ép vào cổ, quay cái cổ dài hai lần và, thở dài, với cử chỉ phục tùng, khoanh đôi tay gầy gò, không làm việc của mình trước bụng.

Vài giây đồng hồ, trong khi chàng thanh niên đang đứng trên bậc thềm, sự im lặng tiếp tục. Chỉ ở những hàng ghế sau của những người đang chen lấn về một chỗ, mới nghe thấy tiếng rên rỉ, tiếng thở dài, tiếng xô đẩy và tiếng chân bước thay đổi.

Rastopchin, chờ đợi hắn dừng lại ở chỗ đã định, cau mày, xoa mặt bằng tay.

– Các con ! – Rastopchin nói bằng giọng kim vang dội, – người này, Vereshchagin – chính là tên khốn kiếp vì hắn mà Moscow đã diệt vong.

Chàng thanh niên trong chiếc áo choàng lông cáo đứng trong tư thế phục tùng, khoanh hai bàn tay trước bụng và hơi cúi người. Khuôn mặt gầy gò với vẻ tuyệt vọng, bị biến dạng bởi cái đầu cạo trọc, cúi xuống. Khi

những lời đầu tiên của bá tước vang lên, hắn chậm rãi ngước đầu lên và nhìn xuống bá tước, như muốn nói điều gì đó với ông hoặc muốn gặp ánh mắt của ông. Nhưng Rastopchin không nhìn hắn. Trên cái cổ dài, gầy của chàng thanh niên, như sợi dây thừng, một đường gân sau tai căng lên và chuyển sang màu xanh, và bỗng nhiên mặt hắn đỏ bừng lên.

Mọi ánh mắt đều đổ dồn vào hắn. Hắn nhìn vào đám đông, và như được khích lệ bởi biểu hiện mà hắn đọc được trên khuôn mặt mọi người, hắn mỉm cười buồn bã và e thẹn, và lại cúi đầu xuống, chỉnh lại đôi chân trên bậc thềm.

– Hắn đã phản bội hoàng đế và tổ quốc của mình, hắn đã đứng về phía Bonaparte, hắn là người duy nhất trong số tất cả người Nga đã làm nhục danh tiếng người Nga, và vì hắn mà Moscow đang diệt vong, – Rastopchin nói bằng giọng đều đều, sắc lạnh ; nhưng bỗng nhiên nhanh chóng nhìn xuống Vereshchagin, người vẫn đứng trong tư thế phục tùng đó. Như thể cái nhìn này đã làm ông bùng nổ, ông giơ tay lên, hét gần như gào vào đám đông:

– Hãy tự mình xử lý hắn ! Ta giao hắn cho các con !

Nhân dân im lặng và chỉ càng lúc càng chen lấn, đè lên nhau. Giữ lấy nhau, thở trong bầu không khí ngột

ngạt bị dồn nén, không có sức lực để cử động và chờ đợi một điều gì đó chưa biết, không hiểu và đáng sợ đã trở nên không thể chịu đựng nổi. Những người đứng ở hàng đầu, đã thấy và nghe thấy tất cả những gì đang diễn ra trước mắt, tất cả với đôi mắt mở to sợ hãi và miệng há hốc, căng thẳng hết mức sức lực của mình, chống đỡ áp lực từ phía sau trên lưng họ.

– Đánh nó đi !.. Cứ để tên phản bội tiêu vong và đừng làm nhục danh tiếng người Nga ! – Rastopchin quát. – Chém ! Ta ra lệnh !

Nghe thấy không phải những lời nói, mà là những âm thanh giận dữ của giọng nói Rastopchin, đám đông rên rỉ và tiến lên, nhưng rồi lại dừng lại.

– Thưa bá tước !.. – giọng nói e thẹn và đồng thời đầy vẻ kịch tính của Vereshchagin vang lên giữa sự im lặng vừa lập lại. – Thưa bá tước, chỉ có một Thiên Chúa trên chúng ta... – Vereshchagin nói, ngước đầu lên, và một lần nữa dòng máu lại đổ đầy đường gân dày trên cái cổ gầy của hắn, và màu sắc nhanh chóng hiện lên rồi biến mất khỏi khuôn mặt hắn.

Hắn chưa nói hết những gì hắn muốn nói.

– Chém nó đi ! Ta ra lệnh !.. – Rastopchin hét lên, bỗng nhiên tái nhợt đi như Vereshchagin.

– Tuốt kiếm ra ! – viên sĩ quan quát lính kỵ binh rồng, tự mình rút kiếm.

Một làn sóng nhân dân mạnh mẽ hơn nữa trào lên, và, tràn đến tận những hàng đầu, làn sóng này đã đẩy những người ở hàng đầu và làm họ loạng choạng đưa đến tận bậc thềm. Chàng thanh niên cao lớn, với vẻ mặt hóa đá và với cánh tay giơ lên, đứng cạnh Vereshchagin.

– Chém đi ! – viên sĩ quan kỵ binh rồng gần như thì thầm.

Và một trong số những người lính bỗng nhiên với khuôn mặt biến dạng vì giận dữ đã chém vào đầu Vereshchagin bằng thanh kiếm cùn.

A ! – Vereshchagin kêu lên ngắn ngủi và ngạc nhiên, sợ hãi nhìn quanh và như không hiểu tại sao điều này lại được thực hiện với mình. Một tiếng rên rỉ tương tự của sự ngạc nhiên và kinh hãi vang qua đám đông. «Ôi, lạy Chúa !» ai đó cất tiếng kêu đau buồn.

Nhưng theo sau tiếng kêu ngạc nhiên, thoát ra từ Vereshchagin, hắn đã rên rỉ đau đớn vì vết thương, và tiếng kêu này đã giết chết hắn. Cái rào cản cảm giác nhân

bản vốn còn giữ đám đông lại, đã bị phá vỡ ngay lập tức. Tội ác đã bắt đầu, cần phải hoàn thành nó. Tiếng rên rỉ đau đớn bị át đi bởi tiếng gầm gừ giận dữ và đe dọa của đám đông. Như con sóng cuối cùng thứ bảy, đánh tan các con tàu, làn sóng cuối cùng không thể kiềm chế nổi này đã trào lên từ các hàng ghế sau, tràn đến tận những hàng ghế đầu, đánh gục họ và nuốt chửng tất cả. Người lính kỵ binh rồng vừa chém muốn lặp lại đòn đánh của mình. Vereshchagin với tiếng kêu kinh hãi, lấy tay che mặt, lao vào đám đông. Gã cao lớn, người mà hắn va phải, bóp chặt lấy cái cổ gầy của Vereshchagin bằng tay và với tiếng kêu dại dột cùng với hắn ngã xuống dưới chân đám đông đang gào thét lao tới.

Một số đánh và xé xác Vereshchagin, những người khác – gã cao lớn. Và những tiếng kêu của những người bị đè bẹp và những người đang cố gắng cứu gã cao lớn, chỉ làm kích động cơn giận của đám đông. Đã lâu rồi lính kỵ binh rồng không thể giải thoát cho kẻ đang bị đánh đập vấy máu, sắp chết đến nơi. Và đã lâu, bất chấp toàn bộ sự vội vàng hối hả mà đám đông cố gắng hoàn thành việc đã bắt đầu, những người đang đánh, bóp cổ và xé xác Vereshchagin vẫn không thể giết được hắn ; nhưng đám đông đè bẹp họ từ mọi phía, cùng với họ ở giữa, như một khối duy nhất, đung đưa từ bên này sang bên kia và không cho họ cơ hội để kết liễu hắn.

«Bằng rìu hay sao !.. Đè bẹp rồi ?.. Tên phản bội, đã bán rẻ Chúa !.. Sống !.. vẫn còn sống... Theo việc của tên trộm là nỗi khổ cực. Bằng rìu... thế nào !.. Hay còn sống ?»

Chỉ khi nạn nhân đã ngừng chống cự và những tiếng kêu của hắn được thay thế bằng tiếng thở khò khè kéo dài đều đặn, đám đông mới bắt đầu vội vã di chuyển xung quanh cái xác nằm vấy máu. Mỗi người tiến lại gần, nhìn vào những gì đã được làm, và với vẻ kinh hãi, trách móc và ngạc nhiên chen lấn lùi lại.

Ôi lạy Chúa, nhân dân thật như thú dữ ; làm sao có thể để kẻ sống như vậy ! – nghe thấy trong đám đông. – Và gã thanh niên kia... chắc là, từ các gia đình thương nhân. Thế mà nhân dân !.. Người ta nói – không phải hắn... Làm sao không phải hắn... Ôi, lạy Chúa !.. Người khác bị đánh ; nói là, suýt chút nữa thì chết... Êh, nhân dân... ai không sợ tội lỗi... – giờ đây chính những người đó đang nói, nhìn vào cái xác chết với biểu hiện đau đớn – thương xót, với khuôn mặt tái xanh, lấm lem máu và bụi và với cái cổ dài gầy bị chém đứt.

Một viên chức cảnh sát mẫn cán, thấy sự hiện diện của xác chết trên sân của ngài là không phù hợp, đã ra lệnh cho lính kỵ binh rồng kéo cái xác ra đường. Hai lính kỵ binh rồng nắm lấy đôi chân bị biến dạng và kéo

cái xác đi. Cái đầu trọc lóc, đẫm máu trên cái cổ dài, bị gập lại, kéo lê trên mặt đất. Nhân dân dạt ra xa cái xác.

Vào lúc đó, khi Vereshchagin ngã xuống và đám đông với tiếng gầm dữ dội chen lấn và đung đưa trên hắn, Rastopchin bỗng nhiên tái nhợt đi, và thay vì đi ra phía sau thềm, nơi ngựa của ông đang đợi, ông, chính mình không biết đi đâu và tại sao, cúi đầu xuống, với những bước chân nhanh nhẹn đi theo hành lang dẫn vào các căn phòng ở tầng dưới. Khuôn mặt của bá tước tái nhợt, và ông không thể ngăn được bộ hàm dưới đang run rẩy, như trong cơn sốt.

– Thưa ngài, bên này... ngài muốn đi đâu ạ ?.. Mời bên này ạ, – một giọng nói run rẩy, sợ hãi vang lên phía sau ông.

Bá tước Rastopchin không còn khả năng trả lời bất cứ điều gì và, ngoan ngoãn quay lại, đi theo nơi người ta chỉ. Ở thềm sau có một chiếc xe ngựa. Tiếng gầm xa xăm của đám đông cuồng nộ vang đến tận đây. Bá tước Rastopchin vội vã lên xe và ra lệnh đi đến ngôi nhà ngoại ô của mình ở Sokolniki.

Khi ra đến đường Myasnitskaya và không còn nghe thấy tiếng kêu của đám đông nữa, bá tước bắt đầu hối hận. Ông nhớ lại với vẻ không hài lòng về sự xúc động

và sợ hãi mà ông đã thể hiện trước những thuộc hạ của mình. «Đám dân đen thật kinh khủng, nó thật ghê tởm», ông nghĩ bằng tiếng Pháp. «Chúng như những con sói mà người ta không thể làm dịu đi trừ phi bằng thịt». «Bá tước ! chỉ có một Thiên Chúa trên chúng ta !» bỗng nhiên những lời của Vereshchagin hiện về trong trí nhớ của ông, và một cảm giác lạnh lẽo khó chịu chạy dọc sống lưng Rastopchin. Nhưng cảm giác này chỉ là tức thời, và bá tước Rastopchin mỉm cười khinh bỉ chính mình. «Ta đã có những nhiệm vụ khác», ông nghĩ. «Cần phải làm dịu lòng nhân dân. Nhiều nạn nhân khác đã hy sinh và đang hy sinh vì lợi ích công cộng» ; và ông bắt đầu nghĩ về những nghĩa vụ chung đó, những nghĩa vụ mà ông có đối với gia đình mình, đối với thủ đô (được giao phó cho ông) và đối với chính mình – không phải với tư cách là Fyodor Vasilyevich Rastopchin (ông cho rằng Fyodor Vasilyevich Rastopchin đang hy sinh bản thân mình cho lợi ích công cộng), mà là với tư cách là tổng chỉ huy, người đại diện cho quyền lực và là người được hoàng đế ủy thác. «Nếu ta chỉ là Fyodor Vasilyevich, đường lối hành xử của ta đã hoàn toàn khác rồi», nhưng ông phải giữ gìn mạng sống và nhân phẩm của vị tổng chỉ huy.

Hơi đung đưa trên những chiếc lò xo mềm mại của xe ngựa và không nghe thấy những âm thanh kinh khủng

của đám đông nữa, Rastopchin bình tĩnh lại về mặt thể chất, và như thường lệ, đồng thời với sự bình tĩnh thể chất, trí tuệ của ông đã tìm ra những lý lẽ để ông bình tĩnh về mặt tinh thần. Ý nghĩ làm ông bình tĩnh lại là không mới. Từ khi thế giới tồn tại và con người giết hại lẫn nhau, chưa bao giờ có một người nào phạm tội chống lại đồng loại của mình mà không tự trấn an mình bằng chính ý nghĩ này. Ý nghĩ đó là lợi ích công cộng, cái lợi ích giả định của những người khác.

Đối với một người không bị đam mê làm chủ, lợi ích này không bao giờ được biết đến ; nhưng một người phạm tội, luôn biết chắc chắn lợi ích này bao gồm những gì. Và Rastopchin bây giờ đã biết điều đó.

Ông không chỉ không tự trách mình trong những suy luận của mình về hành động đã làm, mà còn tìm thấy lý do để tự hào về việc ông đã biết cách tận dụng thành công cơ hội này để trừng phạt kẻ phạm tội và đồng thời làm yên lòng đám đông.

«Vereshchagin đã bị xét xử và bị kết án tử hình», Rastopchin nghĩ (mặc dù Vereshchagin chỉ bị thượng viện kết án khổ sai). «Hắn là kẻ phản bội và kẻ thù ; ta không thể để hắn không bị trừng trị, và sau đó ta đã dùng một hòn đá giết được hai con chim : ta đã hiến tế một nạn nhân cho đám đông và trừng trị kẻ ác ôn».

Về đến ngôi nhà ngoại ô của mình và bắt tay vào những sắp xếp gia đình, bá tước hoàn toàn bình tĩnh lại.

Nửa giờ sau, bá tước cưỡi trên những con ngựa nhanh đi qua cánh đồng Sokolniki, không còn nhớ về những gì đã qua, mà chỉ nghĩ và suy tính về những gì sẽ xảy ra. Ông đang đi đến cầu Yauza, nơi người ta nói với ông là có Kutuzov ở đó.

Bá tước Rastopchin đang chuẩn bị trong trí tưởng tượng của mình những lời trách móc giận dữ và sắc bén mà ông sẽ nói với Kutuzov vì sự lừa dối của ông ta. Ông sẽ làm cho con cáo già triều đình này cảm thấy rằng trách nhiệm về tất cả những bất hạnh nảy sinh từ việc bỏ rơi thủ đô, từ sự diệt vong của nước Nga (như Rastopchin nghĩ), sẽ đổ lên một mình cái đầu già nua, mưu mô của ông ta. Suy nghĩ trước về những gì ông sẽ nói với Kutuzov, Rastopchin giận dữ quay người trong xe ngựa và cáu kỉnh nhìn quanh.

Cánh đồng Sokolniki vắng vẻ. Chỉ ở phía cuối của nó, tại nhà cứu tế và nhà thương điên, có thể thấy những nhóm người mặc quần áo trắng và một vài người đơn độc, những người cũng như vậy, đang đi trên cánh đồng, hét lên và vung tay điều gì đó.

Một người trong số họ chạy cắt ngang xe ngựa của Rastopchin. Chính bá tước Rastopchin, và phu xe của ông, và lính kỵ binh rồng, tất cả đều nhìn với cảm giác kinh hãi và tò mò pha lẫn vào những người điên vừa được thả này và đặc biệt là vào người đang chạy đến chỗ họ.

Lảo đảo trên đôi chân dài, gầy của mình, trong chiếc áo choàng bay phấp phới, người điên này chạy điên cuồng, không rời mắt khỏi Rastopchin, hét lên với ông điều gì đó bằng giọng khàn khàn và ra những dấu hiệu để ông dừng lại. Khuôn mặt mọc lởm chởm những mảng râu không đều, u ám và trang nghiêm của người điên gầy gò và vàng vọt. Đôi đồng tử đen, màu mã não của hắn chạy thấp và lo âu trên lòng trắng màu vàng nghệ.

– Dừng lại ! Dừng lại ! Ta bảo mà ! – hắn hét lên một cách thảm thiết và lại hụt hơi, hét lên với những ngữ điệu và cử chỉ đầy sức thuyết phục.

Hắn chạy ngang với xe ngựa và chạy cạnh nó.

– Ba lần các người giết ta, ba lần ta sống lại từ cõi chết. Họ đánh ta bằng đá, đóng đinh ta... Ta sẽ sống lại... sống lại... sống lại. Họ đã xé nát thân thể ta. Vương quốc của Chúa sẽ sụp đổ... Ba lần ta sẽ phá hủy và ba

lần ta sẽ dựng lại nó ! – hắn hét lên, giọng càng lúc càng cao hơn.

Bá tước Rastopchin bỗng nhiên tái nhợt đi, cũng như ông đã tái nhợt khi đám đông lao vào Vereshchagin. Ông quay đi. – Đi... đi nhanh lên ! – ông hét lên với phu xe bằng giọng run rẩy. Xe ngựa phóng nhanh hết sức ngựa ; nhưng lâu sau phía sau mình Rastopchin vẫn nghe thấy tiếng kêu điên cuồng tuyệt vọng đó, và trước mắt ông vẫn hiện lên một khuôn mặt ngạc nhiên – sợ hãi, vấy máu của kẻ phản bội trong chiếc áo choàng lông cáo.

Dù ký ức này có tươi mới đến thế nào, Rastopchin bây giờ cảm thấy rằng nó đã ăn sâu, đến tận xương máu, vào trái tim ông. Ông hiểu rõ bây giờ rằng vết máu của ký ức này sẽ không bao giờ lành, mà ngược lại, càng về sau, nó càng trở nên độc địa, đau đớn hơn cho đến cuối đời. Ông nghe thấy bây giờ âm thanh của chính lời nói của mình : «Chém hắn đi, các người sẽ trả lời ta bằng cái đầu của mình !» «Tại sao ta lại nói những lời đó ? Bằng cách nào đó ta đã lỡ lời nói ra. Ta có thể không nói chúng», ông nghĩ : «thì đã không có chuyện gì xảy ra cả». Ông thấy khuôn mặt sợ hãi và sau đó bỗng nhiên trở nên hung dữ của người lính đã chém và cái nhìn trách móc đầy e thẹn mà cậu bé trong chiếc áo

choàng lông cáo đã ném vào ông. «Nhưng ta đã không làm điều đó vì bản thân mình. Ta phải hành động như vậy. Lợi ích công cộng», ông nghĩ.

Tại cầu Yauza quân đội vẫn chen chúc. Trời nóng nực. Kutuzov, cau có, ủ rũ, ngồi trên chiếc ghế băng cạnh cầu và dùng roi quất lên cát, khi một chiếc xe ngựa phóng đến chỗ ông với tiếng ồn ào. Một người đàn ông mặc quân phục cấp tướng, đội mũ có lông chim, với đôi mắt chạy điên cuồng, không phải giận dữ mà là sợ hãi, đi đến chỗ Kutuzov và bắt đầu nói điều gì đó với ông bằng tiếng Pháp. Đó là bá tước Rastopchin. Ông nói với Kutuzov rằng ông đến đây vì Moscow và thủ đô không còn nữa và chỉ còn lại một quân đội.

– Sẽ là chuyện khác, nếu như ngài không nói với tôi rằng ngài sẽ không bỏ Moscow mà không giao một trận chiến : tất cả những chuyện này sẽ không xảy ra ! – ông nói.

Kutuzov nhìn vào Rastopchin và, như thể không hiểu ý nghĩa của những lời nói hướng về mình, cố gắng hết sức để đọc một điều gì đó đặc biệt, được viết vào giây phút này trên khuôn mặt của người đang nói với ông. Rastopchin, bối rối, im lặng. Kutuzov lắc đầu nhẹ, và không rời ánh mắt dò hỏi khỏi khuôn mặt Rastopchin, khẽ nói :

– Vâng, tôi sẽ không bỏ Moscow mà không giao một trận chiến.

Dù Kutuzov có đang nghĩ về một điều hoàn toàn khác khi nói những lời này, hay nói chúng một cách vô nghĩa, nhưng Rastopchin không trả lời gì và vội vã rời khỏi Kutuzov. Và – chuyện lạ lùng ! – tổng chỉ huy Moscow, bá tước Rastopchin đầy kiêu hãnh, cầm lấy chiếc roi da, đi đến cầu và bắt đầu hét lên xua đuổi những cỗ xe ngựa đang tụ tập.

XXVI

Vào lúc 4 giờ chiều, quân đội của Murat tiến vào Moscow. Phía trước là một đội kỵ binh hussar người Wurttemberg, phía sau là đức vua Naples với đoàn tùy tùng lớn cưỡi ngựa.

Khoảng giữa phố Arbat, gần nhà thờ Nikola Yavlennyi, Murat dừng lại, chờ đợi tin tức từ đội tiền phong về tình trạng của pháo đài thành phố – Điện *Kremlin*.

Xung quanh Murat tập trung một nhóm nhỏ những người còn ở lại Moscow. Tất cả với sự ngạc nhiên e dè nhìn vị chỉ huy lạ lùng, được trang trí bằng lông chim và vàng.

Thế nào, đây chính là ông ta, hay sao, vua của họ ? Không gì cả ! – nghe thấy những giọng nói khẽ khàng.

Người phiên dịch đi đến chỗ đám đông.

– Bỏ mũ ra... bỏ mũ ra, – những tiếng nói vang lên trong đám đông, mọi người bảo nhau.

Người phiên dịch quay sang một lão phu quét đường và hỏi xem còn xa không thì đến Điện Kremlin. Lão phu quét đường, ngơ ngác lắng nghe giọng Ba Lan lạ lẫm của anh ta và không nhận ra âm thanh của người

phiên dịch là tiếng Nga, nên không hiểu anh ta nói gì và lẩn ra sau những người khác.

Murat tiến lại gần người phiên dịch và lệnh cho anh ta hỏi quân đội Nga đang ở đâu. Một người Nga đã hiểu điều ông ta hỏi, và vài giọng nói bỗng chốc bắt đầu trả lời người phiên dịch. Một sĩ quan Pháp từ đội tiền phong phi ngựa đến chỗ Murat và báo cáo rằng cổng thành đã bị lấp kín và có lẽ ở đó có phục kích. «Được rồi», Murat nói và quay sang một trong những quý ngài trong đoàn tùy tùng của mình, ra lệnh đưa bốn khẩu pháo nhẹ lên phía trước và bắn vào cổng thành.

Pháo binh phi nước đại ra từ sau đoàn quân đi theo Murat và chạy theo đường Arbat. Xuống đến cuối phố Vozdvizhenka, pháo binh dừng lại và dàn trận trên quảng trường. Vài sĩ quan Pháp điều khiển các khẩu pháo, đặt chúng lại và nhìn vào Điện Kremlin qua ống nhòm.

Trong Điện Kremlin vang lên tiếng chuông báo kinh chiều, và tiếng chuông này làm quân Pháp bối rối. Họ giả định rằng đó là lời kêu gọi cầm vũ khí. Một vài người lính bộ binh chạy về phía cổng Kutafya. Tại cổng có những khúc gỗ và những tấm chắn bằng ván nằm ngổn ngang. Hai tiếng súng trường vang lên từ dưới cổng ngay khi viên sĩ quan cùng toán quân bắt đầu chạy

đến đó. Viên tướng đứng bên các khẩu pháo hét lớn mệnh lệnh cho viên sĩ quan, và viên sĩ quan cùng toán lính chạy ngược trở lại.

Lại nghe thấy thêm ba tiếng súng nữa từ phía cổng.

Một phát đạn sượt qua chân một người lính Pháp, và tiếng kêu kỳ lạ của một vài giọng nói vang lên từ sau những tấm chắn. Trên khuôn mặt của tướng lĩnh, sĩ quan và binh lính Pháp, cùng một lúc, như theo mệnh lệnh, vẻ tươi vui và bình thản trước đó đã được thay thế bằng một biểu cảm kiên định, tập trung, sẵn sàng cho cuộc chiến và sự hy sinh. Đối với tất cả bọn họ, từ vị thống chế cho đến người lính cuối cùng, nơi này không còn là phố Vozdvizhenka, phố Mokhovaya, cổng Kutafya hay cổng Troitsky nữa ; đây là một địa điểm của một chiến trường mới, có lẽ là một trận chiến đẫm máu. Và tất cả đều chuẩn bị cho trận chiến này. Những tiếng kêu từ cổng thành im bặt. Các khẩu pháo đã được đưa lên. Những người lính pháo binh thổi sạch những ngòi nổ đã nóng lên. Viên sĩ quan ra lệnh : bắn ! và hai âm thanh rít lên của những hộp đạn vang lên nối tiếp nhau. Những viên đạn chì đập vào đá cổng thành, vào những khúc gỗ và tấm chắn, và hai đám khói bồng bềnh trên quảng trường.

Vài khoảnh khắc sau khi những tiếng súng vang rền dứt hẳn, một âm thanh kỳ lạ vang lên trên đầu quân Pháp. Một đàn quạ khổng lồ bay lên từ trên những bức tường và, kêu quang quác, vỗ hàng ngàn đôi cánh, xoay tròn trên không trung. Cùng với âm thanh này, một tiếng kêu đơn độc của con người vang lên ở cổng thành, và từ sau làn khói hiện ra một hình người không đội mũ và mặc áo caftan. Cầm khẩu súng trường, ông ta nhắm vào quân Pháp. «Bắn !» viên sĩ quan pháo binh lặp lại, và cùng lúc đó vang lên một tiếng súng trường và hai tiếng pháo. Khói lại che kín cổng thành.

Sau những tấm chắn không còn gì cử động nữa, và binh lính bộ binh Pháp cùng các sĩ quan tiến về phía cổng. Tại cổng có ba người bị thương và bốn người đã chết nằm đó. Hai người mặc áo caftan đang chạy dọc theo bức tường về phía phố Znamenka.

– Dẹp cái đó đi, – viên sĩ quan nói, chỉ tay vào những khúc gỗ và những xác chết, và quân Pháp, sau khi kết liễu những người bị thương, đã quăng các xác chết xuống dưới hàng rào.

Những người này là ai, không ai biết. «Dẹp cái đó đi», chỉ cần nói như vậy về họ, và người ta đã quăng họ đi rồi sau đó dọn dẹp để họ không bốc mùi. Một mình Thiers đã dành tặng cho ký ức của họ vài dòng

chữ hùng hồn : «Những kẻ khốn khổ này đã xâm chiếm pháo đài linh thiêng, chiếm lấy súng trường từ kho vũ khí, và bắn vào quân Pháp. Một số đã bị chém bằng gươm và Điện Kremlin đã được quét sạch khỏi sự hiện diện của họ».

Murat được báo cáo rằng đường đã thông. Quân Pháp tiến vào cổng thành và bắt đầu đóng trại trên quảng trường Senat. Binh lính vứt những chiếc ghế từ cửa sổ tòa senat ra quảng trường và nhóm lửa.

Các toán quân khác đi xuyên qua Điện Kremlin và đóng quân trên phố Maroseyka, Lubyanka, Pokrovka. Toán thứ ba đóng quân trên phố Vozdvizhenka, Znamenka, Nikolskaya, Tverskaya. Ở khắp nơi, không tìm thấy chủ nhà, quân Pháp đóng quân không phải như ở các căn hộ trong thành phố, mà như trong một trại lính nằm trong thành phố.

Mặc dù rách rưới, đói khát, kiệt sức và chỉ còn lại một nửa quân số so với trước kia, binh lính Pháp đã tiến vào Moscow trong trật tự chỉnh tề. Đó là một đạo quân mệt mỏi, kiệt quệ, nhưng vẫn còn sức chiến đấu và đáng gờm. Nhưng nó chỉ là một đạo quân cho đến tận khoảnh khắc những người lính của đạo quân này tản đi vào các căn hộ. Ngay khi những người thuộc các trung đoàn bắt đầu tản ra các ngôi nhà trống rỗng

và giàu có, thì đạo quân đã vĩnh viễn biến mất, và thay vào đó không phải là cư dân cũng chẳng phải binh lính, mà là một thứ gì đó trung gian, được gọi là những kẻ cướp bóc. Khi, sau năm tuần lễ, chính những con người đó rời khỏi Moscow, họ không còn lập thành một đạo quân nữa. Đó là một đám đông những kẻ cướp bóc, mỗi người mang theo hoặc vác theo mình một đống đồ đạc mà anh ta thấy quý giá và cần thiết. Mục đích của mỗi người trong số những người này khi rời khỏi Moscow không phải là để chinh phục, mà chỉ là để giữ lấy những gì đã lấy được. Giống như con khỉ kia, sau khi thọc tay vào cổ hẹp của chiếc bình và nắm lấy một nắm hạt dẻ, không chịu mở nắm tay ra để không mất đi những gì đã chộp được, và do đó tự làm hại mình, quân Pháp khi rời khỏi Moscow rõ ràng phải bị tiêu diệt vì họ kéo theo mình những đồ cướp được, nhưng bỏ lại những đồ cướp được đó là điều không thể đối với họ, cũng giống như việc con khỉ không thể mở nắm tay ra vậy. Mười phút sau khi mỗi trung đoàn Pháp tiến vào một khu phố nào đó của Moscow, không còn một người lính hay sĩ quan nào sót lại. Qua cửa sổ các ngôi nhà, người ta thấy những người mặc áo khoác dài và đi giày bốt, cười nói đi lại trong các căn phòng ; trong hầm rượu, dưới tầng hầm, những người như vậy cũng làm chủ với các thực phẩm dự trữ ; trong sân nhà, cũng chính những người

đó mở toang hoặc phá cổng kho thóc và chuồng ngựa; trong bếp, họ nhóm lửa, xắn tay áo nhào nặn và nấu nướng, làm khiếp sợ, nực cười và nịnh nọt phụ nữ và trẻ em. Và những người này ở khắp nơi, trong các cửa hiệu và trong các ngôi nhà, có rất nhiều ; nhưng đạo quân thì không còn nữa.

Trong cùng ngày đó, lệnh này nối tiếp lệnh kia được các chỉ huy Pháp ban ra nhằm cấm binh lính tản mác khắp thành phố, nghiêm cấm bạo lực đối với cư dân và cướp bóc, lệnh rằng ngay tối nay phải thực hiện cuộc điểm danh chung ; nhưng, bất chấp mọi biện pháp, những con người tạo nên đạo quân đã tan ra trong thành phố trống rỗng, giàu có, đầy đủ tiện nghi và dự trữ. Giống như một đàn gia súc đói đi thành một khối qua cánh đồng trơ trụi, nhưng ngay lập tức tản ra không kìm lại được khi đến những đồng cỏ trù phú, đạo quân đã tản đi như vậy vào thành phố giàu có.

Cư dân ở Moscow không có, và binh lính, như nước thấm vào cát, đã thấm vào thành phố và lan ra theo hình sao không thể kìm hãm về mọi phía từ Điện Kremlin, nơi họ đã tiến vào đầu tiên. Binh lính kỵ binh, khi vào một ngôi nhà thương gia bị bỏ lại với đầy đủ đồ đạc và tìm thấy chuồng ngựa không chỉ cho ngựa của mình mà còn thừa thãi, vẫn cứ đi sang chiếm một ngôi nhà

khác có vẻ tốt hơn đối với họ. Nhiều người chiếm vài ngôi nhà, dùng phấn ghi tên người đang chiếm giữ, và tranh cãi, thậm chí đánh nhau với các toán quân khác. Chưa kịp ổn định, binh lính đã chạy ra đường để xem xét thành phố và theo tin đồn về việc mọi thứ đã bị bỏ lại, họ vội vã đến đó để lấy không những đồ vật quý giá. Các chỉ huy đi ngăn cản binh lính và chính họ cũng vô tình bị cuốn vào những hành động đó. Tại phố Karetny Ryad, các cửa hiệu với xe ngựa vẫn còn đó, và các tướng lĩnh tụ tập ở đó, lựa chọn các loại xe đẩy và xe ngựa. Những cư dân còn sót lại mời các chỉ huy đến chỗ mình, hy vọng nhờ đó mà được bảo vệ khỏi sự cướp bóc. Sự giàu có là vô biên, và dường như không có hồi kết ; ở khắp nơi xung quanh nơi quân Pháp chiếm đóng, vẫn còn những khu vực chưa biết đến, không có người ở, mà quân Pháp nghĩ rằng, ở đó còn nhiều của cải hơn nữa. Và Moscow ngày càng hút họ sâu hơn vào lòng mình. Giống như khi nước đổ lên đất khô, nước biến mất và đất khô cũng biến mất : chính xác như vậy, do đạo quân đói khát tiến vào thành phố giàu có và trống rỗng, đạo quân đã bị tiêu diệt, và thành phố giàu có đã bị tiêu diệt ; và xuất hiện bùn lầy, xuất hiện các đám cháy và sự cướp bóc.

Quân Pháp gán tội đốt cháy Moscow cho tinh thần yêu nước hung bạo của Rastopchine, người Nga – cho

sự tàn bạo của quân Pháp. Thực tế, các nguyên nhân gây ra hỏa hoạn ở Moscow, theo nghĩa là để đổ trách nhiệm cho một hay vài người, những nguyên nhân như vậy không có và không thể có được. Moscow cháy vì nó đã được đặt vào những điều kiện mà bất kỳ thành phố bằng gỗ nào cũng phải cháy, bất kể có hay không có một trăm ba mươi ống chữa cháy tồi tệ. Moscow phải cháy vì cư dân đã rời khỏi đó, và cũng chắc chắn như việc một đống phoi bào phải bốc cháy nếu trong vòng vài ngày người ta cứ để tia lửa rơi vào nó. Một thành phố bằng gỗ, trong đó khi có chủ nhà và cảnh sát ở đó thì hầu như ngày nào cũng có hỏa hoạn, không thể không cháy khi không có cư dân, mà lại có lính đang hút tẩu, nhóm lửa trên quảng trường Senat từ những chiếc ghế của tòa senat và tự nấu ăn hai lần một ngày. Ngay cả trong thời bình, nếu quân đội đóng quân tại các làng mạc trong một khu vực nhất định, thì số lượng hỏa hoạn trong khu vực đó ngay lập tức tăng lên. Xác suất hỏa hoạn sẽ tăng lên đến mức nào trong một thành phố bằng gỗ trống rỗng, nơi quân đội nước ngoài sẽ đóng quân ? Tinh thần yêu nước hung bạo của Rastopchine và sự tàn bạo của quân Pháp ở đây hoàn toàn không có lỗi. Moscow bốc cháy từ những chiếc tẩu, từ bếp lò, từ những đống lửa, từ sự cẩu thả của binh lính kẻ thù, của những cư dân không phải chủ nhà. Ngay cả nếu có những vụ cố ý đốt

(điều này rất đáng nghi ngờ, vì chẳng ai có lý do gì để đốt, mà việc đó lại rắc rối và nguy hiểm), thì những vụ đốt đó không thể được coi là nguyên nhân, vì không có chúng thì kết quả vẫn như vậy.

Dù quân Pháp có hân hoan thế nào khi đổ lỗi cho sự tàn bạo của Rastopchine, và người Nga đổ lỗi cho kẻ ác Bonaparte, hay sau đó trao ngọn đuốc anh hùng vào tay nhân dân mình, thì không thể không thấy rằng nguyên nhân trực tiếp của vụ cháy không thể có được, vì Moscow phải cháy, giống như mỗi ngôi làng, xí nghiệp, mỗi ngôi nhà mà chủ nhân đã rời đi và để cho người lạ vào làm chủ và nấu cháo cho mình. Moscow đã bị cư dân đốt cháy, đó là sự thật ; nhưng không phải bởi những cư dân ở lại trong đó, mà bởi những người đã rời khỏi đó. Moscow, khi bị kẻ thù chiếm đóng, đã không còn nguyên vẹn, giống như Berlin, Vienna và các thành phố khác, chỉ vì cư dân của nó đã không dâng bánh mì, muối và chìa khóa cho quân Pháp, mà đã rời khỏi đó.

XXVII

Sự lan tỏa theo hình sao của quân Pháp khắp Moscow trong ngày mùng 2 tháng 9 mãi đến tối mới lan đến khu phố nơi Pierre đang sống.

Pierre đã ở một mình sau hai ngày cô độc và bất thường vừa qua, trong tình trạng gần như điên loạn. Toàn bộ con người anh bị chiếm lấy bởi một ý nghĩ ám ảnh duy nhất. Anh không biết bằng cách nào và khi nào, nhưng ý nghĩ này đã chiếm lấy anh đến mức anh không nhớ gì về quá khứ, không hiểu gì về hiện tại ; và tất cả những gì anh thấy và nghe thấy, đều diễn ra trước mặt anh như trong giấc chiêm bao.

Pierre rời khỏi nhà mình chỉ để thoát khỏi sự hỗn loạn phức tạp của những đòi hỏi trong cuộc sống, vốn đã bao trùm lấy anh và anh không đủ sức gỡ rối trong tình trạng lúc đó. Anh đến căn hộ của Iosif Alekseyevich dưới chiêu bài sắp xếp sách vở và giấy tờ của người quá cố chỉ vì anh tìm kiếm sự bình yên khỏi nỗi lo âu của cuộc sống, và trong tâm hồn anh, ký ức về Iosif Alekseyevich gắn liền với thế giới của những tư tưởng vĩnh cửu, bình thản và trang trọng, hoàn toàn đối lập với sự hỗn loạn lo âu mà anh cảm thấy mình đang bị kéo vào. Anh tìm kiếm một nơi trú ẩn yên tĩnh và thực sự đã tìm thấy nó

trong văn phòng của Iosif Alekseyevich. Khi anh ngồi xuống trong sự tĩnh lặng chết chóc của văn phòng, tì tay lên bàn viết đầy bụi bặm của người quá cố, trong trí tưởng tượng của anh, những ký ức của những ngày qua, đặc biệt là trận Borodino và cảm giác không thể vượt qua về sự tầm thường và dối trá của mình so với sự thật, sự đơn giản và sức mạnh của tầng lớp những con người đã ghi dấu ấn vào tâm hồn anh dưới cái tên : họ, bắt đầu hiện ra một cách bình thản và đáng kể, hết cái này đến cái khác. Khi Gerasim đánh thức anh khỏi sự trầm ngâm, Pierre nảy ra ý nghĩ rằng anh sẽ tham gia vào kế hoạch – như anh biết – phòng thủ nhân dân ở Moscow. Và với mục đích đó, anh ngay lập tức yêu cầu Gerasim lấy cho anh một chiếc áo caftan và một khẩu súng lục, đồng thời tuyên bố với ông ta ý định của mình là che giấu tên tuổi và ở lại trong nhà của Iosif Alekseyevich. Sau đó, trong suốt ngày đầu tiên cô độc và nhàn rỗi (Pierre đã vài lần thử nhưng không thể tập trung sự chú ý vào các bản thảo của hội Tam điểm), anh mơ màng nhớ lại ý nghĩa mang tính thần bí của tên mình trong mối liên hệ với tên của Bonaparte ; nhưng ý nghĩ này, rằng anh là L'Russe Besuhof được định sẵn để đặt ra giới hạn cho quyền lực của con quái thú, chỉ đến với anh như một trong những giấc mơ thoảng qua không lý do và không dấu vết trong trí tưởng tượng.

Khi đã mua chiếc áo caftan (với mục đích chỉ để tham gia vào việc phòng thủ nhân dân ở Moscow), Pierre gặp gia đình Rostov và Natasha đã nói với anh : «Anh ở lại à ? Chao ôi, tốt biết bao !» trong đầu anh thoáng qua ý nghĩ rằng thực sự sẽ tốt nếu, ngay cả khi họ đã chiếm Moscow, anh vẫn ở lại trong đó và thực hiện điều đã được định sẵn cho mình.

Ngày hôm sau, với ý nghĩ duy nhất là không thương xót chính mình và không chịu thua kém họ trong bất cứ điều gì, anh đi đến trạm kiểm soát Trekhgornaya. Nhưng khi anh trở về nhà, tin chắc rằng Moscow sẽ không được bảo vệ, anh bỗng cảm thấy rằng điều mà trước đây đối với anh chỉ hiện ra như một khả năng, giờ đây đã trở thành một sự cần thiết và tất yếu. Anh phải, trong khi che giấu tên tuổi của mình, ở lại Moscow, gặp Napoleon và giết ông ta, để hoặc là chết, hoặc là chấm dứt nỗi bất hạnh của toàn châu Âu, điều mà theo ý kiến của Pierre, xuất phát từ một mình Napoleon.

Pierre biết tất cả các chi tiết về vụ mưu sát của một sinh viên người Đức nhắm vào tính mạng của Bonaparte tại Vienna năm 1809 và biết rằng sinh viên đó đã bị bắn. Và sự nguy hiểm mà anh đang đối mặt khi thực hiện ý định của mình càng kích thích anh hơn nữa.

Hai cảm giác mạnh mẽ như nhau đã thu hút Pierre vào ý định của mình một cách không thể cưỡng lại. Thứ nhất là cảm giác cần sự hy sinh và đau khổ khi nhận thức được nỗi bất hạnh chung, cái cảm giác mà nhờ đó anh đã đi đến Mozhaisk vào ngày 25 và dấn thân vào chính sức nóng của trận chiến, giờ đây anh đã trốn khỏi nhà mình và, thay vì sự sang trọng và tiện nghi quen thuộc của cuộc sống, anh ngủ không cởi quần áo trên chiếc ghế sofa cứng và ăn một loại thức ăn cùng với Gerasim ; cảm giác thứ hai là cảm giác mơ hồ, đặc trưng của người Nga là khinh miệt mọi thứ quy ước, giả tạo, thuộc về con người, đối với tất cả những gì được đa số mọi người coi là phúc lợi cao nhất của thế giới. Lần đầu tiên Pierre trải nghiệm cái cảm giác kỳ lạ và đầy mê hoặc này là ở cung điện Slobodskoy, khi bỗng nhiên anh cảm thấy rằng cả sự giàu có, quyền lực và cuộc sống – tất cả những gì mà mọi người cố gắng sắp xếp và gìn giữ một cách chăm chút như vậy, nếu chúng đáng giá một cái gì đó, thì cũng chỉ là vì niềm vui mà người ta có thể vứt bỏ tất cả những thứ đó.

Đó là cái cảm giác nhờ đó một người thợ săn–tân binh uống đến đồng xu cuối cùng, một người say sỉn đập phá gương và kính mà không có lý do rõ ràng nào và biết rằng điều đó sẽ khiến mình tốn những đồng tiền cuối cùng ; đó là cảm giác mà nhờ đó một con người,

thực hiện (theo nghĩa tầm thường) những hành động điên rồ, như thể đang thử nghiệm sức mạnh và quyền lực cá nhân của chính mình, tuyên bố sự hiện diện của một thẩm quyền cao hơn, nằm ngoài các điều kiện của con người, xét xử cuộc sống.

Kể từ chính cái ngày mà lần đầu tiên Pierre trải nghiệm cảm giác này ở cung điện Slobodskoy, anh đã liên tục ở dưới ảnh hưởng của nó, nhưng giờ đây nó mới tìm thấy sự thỏa mãn trọn vẹn cho anh. Ngoài ra, vào chính lúc này Pierre được củng cố trong ý định của mình và mất đi khả năng từ bỏ những gì anh đã làm trên con đường này. Việc anh chạy trốn khỏi nhà, chiếc áo caftan, khẩu súng lục và lời tuyên bố với gia đình Rostov rằng anh ở lại Moscow – tất cả sẽ mất đi không chỉ ý nghĩa, mà mọi thứ sẽ trở nên đáng khinh và nực cười (điều mà Pierre rất nhạy cảm), nếu sau tất cả những chuyện này, anh cũng giống như những người khác, rời khỏi Moscow.

Tình trạng thể chất của Pierre, như vẫn thường xảy ra, trùng khớp với tình trạng tinh thần của anh. Thức ăn thô bạo không quen thuộc, rượu vodka mà anh đã uống trong những ngày này, sự thiếu hụt rượu vang và xì gà, đồ lót bẩn thỉu, không thay đổi, hai đêm gần như mất ngủ trải qua trên chiếc ghế sofa ngắn không có giường

chiếu, – tất cả những điều này giữ Pierre trong trạng thái kích thích gần giống như sự điên loạn.

Đã hơn 2 giờ chiều. Quân Pháp đã tiến vào Moscow. Pierre biết điều đó, nhưng thay vì hành động, anh chỉ nghĩ về kế hoạch của mình, rà soát lại tất cả những chi tiết nhỏ nhất trong tương lai của nó. Trong những giấc mơ của mình, Pierre không hình dung ra quá trình thực hiện cú đánh, cũng không hình dung ra cái chết của Napoleon, nhưng với một sự rực rỡ khác thường và với một niềm vui buồn bã, anh hình dung ra sự diệt vong của chính mình và lòng dũng cảm anh hùng của mình.

«Đúng, một người vì tất cả, tôi phải thực hiện hoặc chết !» anh nghĩ. «Đúng, tôi sẽ tiến lại gần... và rồi bỗng nhiên... Bằng súng lục hay dao găm ?» Pierre nghĩ. «Dù sao thì cũng vậy. Không phải tôi, mà là bàn tay của Chúa sẽ trừng phạt anh... tôi sẽ nói những lời gì khi giết Napoleon», Pierre nghĩ, những lời mà anh sẽ thốt ra. «Nào, bắt lấy tôi, xử tử tôi đi», Pierre nói tiếp với chính mình, với một biểu cảm buồn bã nhưng kiên định trên khuôn mặt, cúi đầu xuống.

Cùng lúc đó, khi Pierre đang đứng giữa phòng suy ngẫm như vậy, cửa văn phòng mở ra, và ở ngưỡng cửa xuất hiện hình dáng hoàn toàn thay đổi của Makar Alekseyevich vốn luôn rụt rè trước đây.

Chiếc áo choàng của ông ta mở toang. Khuôn mặt đỏ gay và xấu xí. Ông ta rõ ràng là đã say. Nhìn thấy Pierre, ông ta bối rối trong phút đầu tiên, nhưng nhận thấy vẻ lúng túng trên khuôn mặt Pierre, ông ta ngay lập tức trở nên bạo dạn và bước ra giữa phòng trên đôi chân gầy gò loạng choạng.

– Họ đã sợ hãi, – ông ta nói bằng một giọng khàn khàn, tin cậy. – Tôi nói : tôi không đầu hàng, tôi nói... có phải vậy không, thưa ngài ?

Ông ta suy nghĩ và bỗng nhiên, nhìn thấy khẩu súng lục trên bàn, nhanh chóng bất ngờ chộp lấy nó và chạy ra hành lang.

Gerasim và người phu quét đường, đi theo Makar Alekseyevich, đã chặn ông ta lại ở lối vào và bắt đầu giật lấy khẩu súng lục. Pierre đi ra hành lang, với sự thương hại và ghê tởm nhìn lão già nửa điên này. Makar Alekseyevich, nhăn mặt vì gắng sức, giữ chặt khẩu súng lục và hét lên bằng giọng khàn khàn, rõ ràng là đang tưởng tượng ra điều gì đó trọng đại cho chính mình.

– Vũ khí đâu ! Lên boong ! Ngươi nói dối, ngươi sẽ không lấy được đâu ! – ông ta hét lên.

– Thôi mà, làm ơn, thôi mà. Hãy làm ơn làm phước; làm ơn để lại đi, thưa ông... – Gerasim nói, cẩn thận giữ lấy khuỷu tay Makar Alekseyevich và cố gắng xoay ông ta về phía cửa.

– Ngươi là ai ? Bonaparte !.. – Makar Alekseyevich hét lên.

– Điều đó không tốt đâu, thưa ông. Xin ông hãy vào phòng, ông hãy nghỉ ngơi đi. Hãy đưa khẩu súng lục nhỏ lại đây.

– Đi ra, đồ nô lệ hèn hạ ! Đừng có chạm vào ! Ngươi thấy không ? – Makar Alekseyevich hét lên, vung vẩy khẩu súng lục. – Lên boong !

– Cầm lấy, – Gerasim thì thầm với người phu quét đường.

Họ tóm lấy tay Makar Alekseyevich và kéo ông ta về phía cửa. Hành lang tràn ngập những âm thanh xấu xí của sự giằng co và những tiếng hét khàn đặc của người đàn ông đang hổn hển.

Bỗng nhiên một tiếng kêu nữ giới chói tai mới vang lên từ phía hiên nhà, và mụ đầu bếp chạy vào hành lang.

– Họ kìa ! Các cha yêu quý !.. Thề có Chúa, họ kìa. Bốn người, cưỡi ngựa !.. – mụ ta hét lên.

Gerasim và người phu quét đường buông tay Makar Alekseyevich ra, và trong hành lang đã yên tĩnh hơn, nghe rõ tiếng gõ của vài bàn tay vào cửa vào.

XXVIII

Pierre, đã tự quyết định rằng cho đến khi thực hiện kế hoạch của mình, anh không nên tiết lộ danh tính, cũng như việc anh biết tiếng Pháp, đang đứng ở cánh cửa mở hé của hành lang, định lẩn đi ngay khi quân Pháp bước vào. Nhưng quân Pháp đã vào, và Pierre vẫn không rời khỏi cửa : một sự tò mò không thể vượt qua đã giữ anh lại.

Họ có hai người. Một người là sĩ quan – cao lớn, bảnh bao và là một người đàn ông đẹp trai ; người kia, rõ ràng là lính hoặc lính hầu – thấp bé, gầy gò, người cháy nắng với đôi gò má hóp và nét mặt đờ đẫn. Viên sĩ quan, tựa vào một cây gậy và đi hơi khập khiễng, bước đi phía trước. Sau khi đi được vài bước, viên sĩ quan như thể đã tự quyết định rằng căn hộ này tốt, dừng lại, quay lại nhìn những người lính đang đứng ở cửa và bằng một giọng chỉ huy lớn tiếng hét bảo họ đưa ngựa vào. Xong việc đó, viên sĩ quan với một cử chỉ hào hoa, nhấc cao khuỷu tay, vuốt râu ria và đưa tay lên mũ.

– Chào cả nhà ! – ông ta nói một cách vui vẻ, mỉm cười và nhìn quanh.

Không ai trả lời gì.

– Ngài là chủ nhà chứ ? – viên sĩ quan quay sang Gerasim.

Gerasim nhìn viên sĩ quan với vẻ sợ hãi và dò hỏi.

– Phòng, phòng, chỗ ở, – viên sĩ quan nói, từ trên nhìn xuống, với một nụ cười bao dung và nhân hậu nhìn người đàn ông nhỏ bé. – Người Pháp là những đứa trẻ ngoan. Quỷ tha bắt đi ! Nào ! Đừng giận nhau nhé, ông già của tôi, – ông ta nói thêm, vỗ vai Gerasim đang sợ hãi và im lặng.

– À ha ! Nói đi chứ, ở cái tiệm này người ta không nói tiếng Pháp sao ? – ông ta nói thêm, nhìn quanh và bắt gặp ánh mắt của Pierre. Pierre lùi ra xa cửa.

Viên sĩ quan lại quay sang Gerasim. Ông ta yêu cầu Gerasim chỉ cho ông ta các phòng trong nhà.

– Chủ nhân không có ở đây – không hiểu đâu... tôi là của các ông... – Gerasim nói, cố gắng làm cho lời nói của mình dễ hiểu hơn bằng cách nói ngược chúng lại.

Viên sĩ quan Pháp mỉm cười, dang tay trước mũi Gerasim, cho thấy rằng ông ta không hiểu anh ta, và khập khiễng đi về phía cánh cửa nơi Pierre đang đứng. Pierre định tránh đi để trốn khỏi ông ta, nhưng vào chính lúc đó anh nhìn thấy từ cánh cửa bếp hé mở, Makar

Alekseyevich hiện ra với khẩu súng lục trong tay. Với sự xảo quyệt của một người điên, Makar Alekseyevich nhìn chằm chằm vào viên sĩ quan Pháp và, giơ khẩu súng lục lên, nhắm bắn.

– Lên boong !.. – lão say rượu hét lên, bóp cò súng lục. Viên sĩ quan Pháp quay lại trước tiếng hét, và vào chính khoảnh khắc đó Pierre lao vào lão say rượu. Vào lúc Pierre chộp lấy và nhấc cao khẩu súng lục, Makar Alekseyevich cuối cùng, những ngón tay chạm vào cò súng, và một tiếng nổ chói tai vang lên, bao trùm mọi người trong khói súng. Người Pháp tái mặt và lao ngược ra phía cửa.

Quên mất ý định không để lộ vốn tiếng Pháp của mình, Pierre, sau khi giật lấy khẩu súng lục và ném nó đi, đã chạy lại gần viên sĩ quan và bắt đầu nói chuyện với hắn bằng tiếng Pháp.

– Anh không bị thương chứ ? – anh hỏi.

– Tôi nghĩ là không – viên sĩ quan trả lời, tự kiểm tra mình : – nhưng lần này tôi đã thoát hiểm trong gang tấc – hắn thêm vào, chỉ tay vào mảng thạch cao bị vỡ trên tường. – Người đàn ông này là ai ? – hắn nhìn Pierre một cách nghiêm nghị và nói.

– Ôi, tôi thực sự tuyệt vọng về những gì vừa xảy ra – Pierre nói nhanh, hoàn toàn quên mất vai diễn của mình. – Đó là một kẻ điên, một kẻ khốn khổ không biết mình đang làm gì.

Viên sĩ quan tiến lại gần Makar Alexeyevich và túm lấy cổ áo lão.

Makar Alexeyevich, trễ môi ra như thể đang buồn ngủ, lảo đảo dựa vào tường.

– Tên cướp, ngươi sẽ phải trả giá cho việc này ! – người Pháp nói khi buông tay ra. – Chúng tôi là những người nhân từ sau chiến thắng ; nhưng chúng tôi không tha thứ cho những kẻ phản bội – hắn thêm vào với vẻ trang nghiêm u sầu trên mặt và một cử chỉ đẹp đẽ, đầy năng lượng.

Pierre tiếp tục dùng tiếng Pháp thuyết phục viên sĩ quan đừng trừng phạt người đàn ông say rượu và điên khùng này. Người Pháp lặng lẽ lắng nghe, không thay đổi vẻ mặt u ám, rồi bất chợt quay sang Pierre với một nụ cười. Hắn nhìn anh trong vài giây. Khuôn mặt đẹp trai của hắn lộ vẻ bi thương xen lẫn dịu dàng, và hắn đưa tay ra.

– Anh đã cứu mạng tôi ! Anh là người Pháp – hắn nói.

Đối với người Pháp, kết luận này là không thể bàn cãi. Chỉ có một người Pháp mới có thể thực hiện một nghĩa cử cao đẹp như vậy, và việc cứu mạng hắn, một Ramball, đại úy của trung đoàn bộ binh nhẹ số 13, chắc chắn là việc cao cả nhất.

Nhưng dù kết luận đó có chắc chắn đến đâu và dựa trên niềm tin của viên sĩ quan, Pierre vẫn thấy cần thiết phải làm hắn thất vọng.

– Tôi là người Nga – Pierre nói nhanh.

– Thôi đi, nói với người khác ấy – người Pháp cười nói, vẫy ngón tay trước mũi mình. – Lát nữa anh sẽ kể hết cho tôi nghe. Rất vui được gặp một người đồng hương. Nào ! Chúng ta sẽ làm gì với người đàn ông này? – hắn thêm vào, quay sang Pierre, giờ đây như nói với một người anh em.

Dù Pierre không phải là người Pháp, nhưng sau khi nhận được danh hiệu cao quý nhất thế giới này, anh không thể từ chối nó, biểu cảm khuôn mặt và giọng điệu của viên sĩ quan đã nói lên điều đó. Trước câu hỏi cuối cùng, Pierre một lần nữa giải thích Makar Alexeyevich là ai, giải thích rằng ngay trước khi họ đến, người đàn ông say xỉn và điên khùng này đã vớ lấy khẩu súng lục

nạp sẵn đạn mà anh chưa kịp tước lấy, và xin hắn đừng trừng phạt hành động đó.

Người Pháp ưỡn ngực và thực hiện một cử chỉ hoàng gia bằng tay.

– Anh đã cứu mạng tôi ! Anh là người Pháp. Anh xin tôi tha cho hắn ? Tôi đồng ý với anh. Đưa người đàn ông này đi – viên sĩ quan Pháp nhanh chóng và đầy năng lượng nói, khoác tay Pierre, người đã cứu mạng mình, và cùng anh đi vào trong nhà.

Những người lính đang ở ngoài sân, nghe thấy tiếng súng, đã bước vào sảnh, hỏi chuyện gì đã xảy ra, và tỏ ý sẵn sàng trừng phạt những kẻ có tội ; nhưng viên sĩ quan đã nghiêm giọng ngăn họ lại :

– Khi nào cần đến các anh, người ta sẽ gọi.

Những người lính rút lui. Tên lính hầu, người đã kịp tạt qua bếp trong lúc đó, đi đến bên viên sĩ quan.

– Thưa đại úy, họ có súp và đùi cừu nướng trong bếp – anh ta nói. – Có cần mang lên cho ngài không ?

– Có, và cả rượu nữa – viên đại úy nói.

XXIX

Khi viên sĩ quan Pháp cùng Pierre đi vào nhà, Pierre thấy có bổn phận phải khẳng định lại với viên đại úy rằng anh không phải là người Pháp, và muốn rời đi, nhưng viên sĩ quan Pháp không muốn nghe về điều đó. Hắn lịch sự, nhã nhặn, nhân hậu và chân thành biết ơn đến mức Pierre không đủ can đảm để từ chối và ngồi xuống cùng hắn trong căn phòng đầu tiên họ bước vào. Trước sự khẳng định của Pierre rằng anh không phải là người Pháp, viên đại úy, rõ ràng không hiểu sao lại có thể từ chối một danh hiệu vinh quang như vậy, nhún vai và nói rằng nếu anh nhất quyết muốn được coi là người Nga, thì cứ để như vậy, nhưng dù sao anh vẫn mãi mãi gắn bó với hắn bằng lòng biết ơn vì đã cứu mạng.

Nếu người đàn ông này có chút khả năng hiểu được cảm xúc của người khác và đoán được tâm trạng của Pierre, chắc hẳn Pierre đã rời xa hắn ; nhưng sự vô tâm đầy sức sống của người đàn ông này đối với mọi thứ không phải là chính hắn đã thu phục Pierre.

– Người Pháp hay một hoàng tử Nga ẩn danh – người Pháp nói, nhìn bộ đồ lót bẩn nhưng tinh xảo của Pierre và chiếc nhẫn trên tay anh. – Tôi nợ anh mạng sống và

tôi đề nghị anh tình bạn của tôi. Một người Pháp không bao giờ quên một lời lăng mạ hay một ơn huệ. Tôi đề nghị anh tình bạn của tôi. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói với anh.

Trong âm điệu giọng nói, trong biểu cảm khuôn mặt, trong cử chỉ của viên sĩ quan này có sự nhân hậu và quý phái theo nghĩa của người Pháp, đến nỗi Pierre, đáp lại bằng một nụ cười vô thức trước nụ cười của người Pháp, đã siết chặt bàn tay đang đưa ra.

– Đại úy Ramball thuộc trung đoàn bộ binh nhẹ số 13, được tặng thưởng vì sự kiện ngày 7 tháng 9 – hắn tự giới thiệu với một nụ cười tự mãn không thể kiềm chế khiến môi hắn nhăn lại dưới bộ ria mép. – Anh có vui lòng nói cho tôi biết bây giờ tôi có vinh dự được trò chuyện với ai một cách dễ chịu như vậy thay vì phải ở trạm cứu thương với một viên đạn của kẻ điên kia trong người không ?

Pierre trả lời rằng anh không thể nêu tên mình, và đỏ mặt, bắt đầu cố gắng bịa ra một cái tên, nói về những lý do khiến anh không thể nêu tên, nhưng người Pháp đã nhanh chóng ngắt lời anh.

– Thôi mà – hắn nói. – Tôi hiểu lý do của anh, anh là một sĩ quan... có lẽ là một sĩ quan cao cấp. Anh đã cầm

vũ khí chống lại chúng tôi... Đó không phải là việc của tôi. Tôi nợ anh mạng sống. Thế là đủ cho tôi rồi. Tôi hoàn toàn thuộc về anh. Anh là một quý tộc chứ ? – hắn thêm vào với một chút giọng hỏi. Pierre cúi đầu. – Tên rửa tội của anh là gì, làm ơn ? Tôi không yêu cầu gì hơn. Ông Pierre, anh nói sao... Tuyệt vời. Đó là tất cả những gì tôi cần biết.

Khi thịt cừu, trứng rán, ấm samovar, rượu vodka và rượu vang từ hầm của người Nga mang đến, thứ mà những người Pháp đi cùng Ramball mang theo, được dọn lên, Ramball mời Pierre cùng dùng bữa và ngay lập tức chính hắn, thèm thuồng và nhanh chóng như một người khỏe mạnh và đang đói, bắt đầu ăn, nhai nhanh bằng hàm răng chắc khỏe, không ngừng chóp chép và khen ngợi : Tuyệt vời, xuất sắc ! Khuôn mặt hắn đỏ bừng và lấm tấm mồ hôi. Pierre cũng đang đói và thích thú tham gia bữa ăn. Morel, tên lính hầu, mang đến một nồi nước ấm và đặt vào đó một chai rượu vang đỏ. Ngoài ra, anh ta còn mang đến một chai bia kvas mà anh ta lấy từ bếp để uống thử. Thức uống này đã được người Pháp biết đến và đặt tên cho nó. Họ gọi bia kvas là nước chanh của lợn, và Morel khen ngợi loại nước chanh của lợn này mà anh ta tìm thấy trong bếp. Nhưng vì đại úy đã có rượu vang thu được khi băng qua Moscow, nên hắn nhường bia kvas cho Morel và cầm lấy chai rượu

Bordeaux. Hắn quấn khăn ăn quanh cổ chai và rót cho mình và Pierre một ít rượu. Cơn đói được xoa dịu và rượu vang càng làm viên đại úy phấn chấn hơn, và hắn không ngừng trò chuyện trong suốt bữa ăn.

– Vâng, ông Pierre thân mến của tôi, tôi nợ anh một ơn huệ lớn vì đã cứu tôi khỏi... kẻ điên đó... Tôi đã có đủ rồi, anh thấy đấy, những viên đạn trong người. Đây là một viên – hắn chỉ vào hông mình – tại Wagram, và hai viên tại Smolensk – hắn chỉ vào một vết sẹo trên má. – Và cái chân này, như anh thấy, nó không muốn đi nữa. Đó là tại trận đánh lớn vào ngày 7 tại Moskova, nơi tôi đã nhận lấy nó. Chúa ơi, thật là đẹp ! Cần phải thấy điều đó, đó là một cơn mưa lửa. Các anh đã gây cho chúng tôi một vố đau ; anh có thể tự hào về điều đó, thề có danh dự, dù là một anh chàng nhỏ bé. Và, thề có danh dự, bất chấp cơn ho mà tôi mắc phải, tôi sẵn sàng bắt đầu lại. Tôi thương hại những người không được thấy điều đó.

– Tôi đã ở đó – Pierre nói.

– Hả, thật sao ! Thế thì càng tốt – người Pháp nói. – Các anh là những kẻ thù đáng tự hào, dù sao đi nữa. Đại công sự đó thật kiên cường, thề có cái tẩu của tôi. Và các anh đã khiến chúng tôi phải trả giá đắt. Tôi đã xông vào đó ba lần, như anh thấy tôi đây. Ba lần chúng

tôi leo lên những khẩu đại bác và ba lần chúng tôi bị hất văng xuống như những quân bài. Ồ ! Thật là đẹp, ông Pierre. Lính tinh nhuệ của các anh thật tuyệt vời, sấm sét của Chúa. Tôi đã thấy họ sáu lần liên tiếp giữ vững hàng ngũ và hành quân như trong một cuộc duyệt binh. Những người đàn ông đẹp đẽ ! Vua Naples của chúng tôi, người sành sỏi về điều này, đã hét lên : Hoan hô ! – A ! a ! những người lính giống như chúng tôi ! – hắn nói và mỉm cười sau một phút im lặng. – Càng tốt, càng tốt, ông Pierre. Thật đáng sợ trong trận chiến... hào hoa... – hắn nháy mắt với một nụ cười – với những người đẹp, đó là người Pháp, ông Pierre, phải không nào ?

Đến mức viên đại úy ngây thơ và tốt bụng đến nỗi hắn vui vẻ, khỏe mạnh và hài lòng với bản thân, khiến Pierre suýt chút nữa đã nháy mắt lại, vui vẻ nhìn hắn. Có lẽ từ hào hoa đã gợi ý cho viên đại úy nghĩ về tình hình ở Moscow.

– Nhân tiện, hãy nói cho tôi biết, có đúng là tất cả phụ nữ đã rời bỏ Moscow không ? Một ý nghĩ kỳ quặc ! Họ có gì phải sợ chứ ?

– Lẽ nào các quý bà Pháp lại không rời bỏ Paris nếu người Nga tiến vào đó ? – Pierre nói.

– Ah, ah, ah !... – Người Pháp cười vui vẻ, vỗ vai Pierre. – Ah ! Câu đó thật sắc sảo, câu đó hay đấy – hắn nói. – Paris ?.. Nhưng Paris, Paris...

– Paris, kinh đô của thế giới... – Pierre nói, kết thúc câu nói của hắn.

Viên đại úy nhìn Pierre. Hắn có thói quen dừng lại giữa cuộc trò chuyện và nhìn chằm chằm bằng đôi mắt mỉm cười, dịu dàng.

– Chà, nếu anh không nói mình là người Nga, tôi đã cá rằng anh là người Paris. Anh có cái gì đó, tôi không biết là gì, cái này... – và sau khi đưa ra lời khen ngợi này, hắn lại lặng lẽ nhìn.

– Tôi đã ở Paris, tôi đã sống ở đó nhiều năm – Pierre nói.

– Ồ, điều đó thấy rõ rồi. Paris !.. Một người không biết Paris là một kẻ dã man. Một người Paris, người ta có thể nhận ra từ cách xa hai dặm. Paris, đó là Talma, la Duschenois, Potier, la Sorbonne, những đại lộ – và, nhận thấy rằng phần kết luận yếu hơn phần trước, hắn nhanh chóng thêm vào : – chỉ có một Paris duy nhất trên thế giới. Anh đã ở Paris và anh vẫn là người Nga. Chà, tôi không vì thế mà đánh giá thấp anh đâu.

Dưới ảnh hưởng của rượu đã uống và sau những ngày sống cô độc với những ý nghĩ u ám, Pierre cảm thấy một niềm vui vô thức khi trò chuyện với con người vui vẻ và tốt bụng này.

– Để quay lại với những quý bà của anh, người ta nói họ rất đẹp. Thật là một ý nghĩ tồi tệ khi đi chôn mình trong những thảo nguyên, khi quân đội Pháp ở Moscow. Họ đã bỏ lỡ một cơ hội tuyệt vời, những người đó. Những gã nông dân của anh, đó là chuyện khác, nhưng các anh, những người văn minh, các anh lẽ ra phải biết rõ chúng tôi hơn thế. Chúng tôi đã chiếm Vienna, Berlin, Madrid, Naples, Rome, Warsaw, tất cả các kinh đô trên thế giới... Người ta sợ chúng tôi, nhưng người ta yêu chúng tôi. Chúng tôi rất tốt để được biết đến. Và sau đó, Hoàng đế... – hắn bắt đầu, nhưng Pierre ngắt lời hắn.

– Hoàng đế – Pierre lặp lại, và khuôn mặt anh chợt hiện lên vẻ buồn bã và bối rối. – Hoàng đế là gì ?...

– Hoàng đế ? Đó là sự hào hiệp, lòng khoan dung, công lý, trật tự, thiên tài, đó là Hoàng đế ! Đó là tôi, Ramball, người đang nói với anh đây... Như anh thấy tôi đây, tôi đã từng là kẻ thù của ông ấy cách đây tám năm. Cha tôi là một bá tước di cư... Nhưng ông ấy đã chinh phục tôi, người đàn ông này. Ông ấy đã nắm lấy tôi.

Tôi không thể cưỡng lại cảnh tượng huy hoàng và vinh quang mà ông ấy bao phủ nước Pháp. Khi tôi hiểu ông ấy muốn gì, khi tôi thấy ông ấy đang dọn cho chúng tôi một giường lá nguyệt quế, anh thấy đấy, tôi đã tự nhủ : đây là một vị quân vương, và tôi đã hiến dâng mình cho ông ấy. Và thế đấy ! Ồ, vâng, anh bạn thân mến, đó là người đàn ông vĩ đại nhất của những thế kỷ đã qua và sắp tới.

– Có phải ông ấy đang ở Moscow ? – Pierre vừa lúng túng vừa với vẻ mặt tội lỗi hỏi.

Người Pháp nhìn vào khuôn mặt tội lỗi của Pierre và mỉm cười.

– Không, ông ấy sẽ tiến vào ngày mai – hắn nói và tiếp tục những câu chuyện của mình.

Cuộc trò chuyện của họ bị ngắt quãng bởi tiếng la hét của vài người lính ở cổng và sự xuất hiện của Morel, người đến báo cho đại úy rằng những người lính kỵ binh Wurttemberg đã đến và muốn đặt ngựa vào cùng sân với những con ngựa của đại úy. Sự khó khăn nảy sinh chủ yếu là vì những người lính kỵ binh không hiểu những gì người ta nói với họ.

Viên đại úy ra lệnh gọi viên hạ sĩ quan trưởng đến và bằng giọng nghiêm khắc hỏi anh ta thuộc trung đoàn nào, ai là chỉ huy của họ và dựa trên cơ sở nào mà anh ta dám chiếm chỗ ở đã có người ở. Trước hai câu hỏi đầu tiên, người Đức, vốn kém tiếng Pháp, đã nêu tên trung đoàn và chỉ huy của mình ; nhưng trước câu hỏi cuối cùng, vì không hiểu, nên vừa chen vào những từ tiếng Pháp bồi vào câu nói tiếng Đức, anh ta trả lời rằng anh ta là người sắp xếp chỗ ở của trung đoàn và chỉ huy đã ra lệnh cho anh ta chiếm tất cả các ngôi nhà liên tiếp. Pierre, biết tiếng Đức, đã dịch cho viên đại úy những gì người Đức nói, và truyền đạt câu trả lời của viên đại úy sang tiếng Đức cho người lính kỵ binh Wurttemberg. Hiểu ra vấn đề, người Đức đã nhượng bộ và dẫn người của mình đi. Viên đại úy bước ra hiên nhà, dùng giọng to rõ ra một vài mệnh lệnh.

Khi hắn trở lại phòng, Pierre vẫn ngồi ở chỗ cũ, đầu cúi thấp. Khuôn mặt anh lộ rõ sự đau khổ. Anh thực sự đang đau khổ vào lúc này. Khi viên đại úy bước ra và Pierre còn lại một mình, anh chợt tỉnh ngộ và nhận ra tình cảnh mà mình đang mắc phải. Không phải vì Moscow đã bị chiếm, cũng không phải vì những kẻ chiến thắng đang làm chủ ở đây và bảo trợ anh, dù điều đó có nặng nề đến đâu, Pierre cũng không cảm thấy điều đó lúc này ; anh bị dằn vặt bởi sự yếu đuối của

chính mình. Một vài ly rượu đã uống, cuộc trò chuyện với con người tốt bụng này đã phá tan tâm trạng u ám, tập trung mà Pierre đã sống trong những ngày qua và điều đó là cần thiết để thực hiện ý định của mình. Khẩu súng lục, con dao găm và chiếc áo choàng đã sẵn sàng, Napoleon sẽ tiến vào vào ngày mai. Pierre vẫn nghĩ rằng việc giết kẻ gian ác là điều hữu ích và xứng đáng; nhưng bây giờ anh cảm thấy mình sẽ không làm điều đó. Tại sao – anh không biết, nhưng anh cảm thấy như thể anh sẽ không thực hiện ý định của mình. Anh đấu tranh chống lại nhận thức về sự yếu đuối của mình, nhưng mơ hồ cảm thấy rằng anh không thể vượt qua nó, rằng dòng suy nghĩ u ám trước đây về sự trả thù, giết chóc và hy sinh đã tan biến như tro bụi khi chạm vào người đàn ông đầu tiên.

Viên đại úy, hơi khập khiễng và huýt sáo một giai điệu nào đó, bước vào phòng.

Sự huyên thuyên của người Pháp mà trước đây Pierre thấy thú vị, giờ đây lại thấy đáng ghét. Và giai điệu huýt sáo, dáng đi, và cử chỉ xoắn ria mép – tất cả bây giờ dường như là xúc phạm đối với Pierre. «Tôi sẽ đi ngay bây giờ, tôi sẽ không nói thêm một lời nào với hắn nữa», Pierre nghĩ. Anh nghĩ như vậy, nhưng trong khi đó vẫn ngồi ở chỗ cũ. Một cảm giác yếu đuối lạ lùng

nào đó đã ghim chặt anh vào chỗ của mình ; anh muốn và không thể đứng dậy để rời đi.

Viên đại úy, ngược lại, có vẻ rất vui vẻ. Hắn đi lại hai lần trong phòng. Đôi mắt hắn sáng lên, và ria mép hơi giật giật, như thể hắn đang mỉm cười với chính mình về một phát minh thú vị nào đó.

– Thật quyến rũ – hắn chợt nói – viên đại tá của những người Wurttemberg đó ! Đó là một người Đức ; nhưng là một chàng trai dũng cảm, nếu có thể. Nhưng là một người Đức. (Hắn ngồi xuống đối diện với Pierre.) Nhân tiện, anh có biết tiếng Đức không ?

Pierre nhìn hắn im lặng.

– Làm thế nào anh nói từ nơi trú ẩn trong tiếng Đức ?

– Nơi trú ẩn ? – Pierre lặp lại. – Nơi trú ẩn trong tiếng Đức – Unterkunft.

– Làm thế nào anh nói ? – viên đại úy hỏi lại một cách ngờ vực và nhanh chóng.

– Unterkunft – Pierre lặp lại.

– Onterkoff – viên đại úy nói và trong vài giây nhìn Pierre với đôi mắt mỉm cười. – Những người Đức thật

là những con thú ngốc nghếch. Phải không, ông Pierre? – hắn kết luận.

– Chà, thêm một chai rượu Bordeaux Moscow nữa chứ, phải không ? Morel, hãy hâm nóng cho chúng tôi một chai nhỏ nữa. Morel ! – viên đại úy vui vẻ hét lên.

Morel mang nến và một chai rượu đến. Viên đại úy nhìn Pierre dưới ánh sáng, và rõ ràng, hắn bị ấn tượng bởi khuôn mặt buồn bã của người bạn đồng hành. Ramball, với sự hối lỗi và cảm thông chân thành trên khuôn mặt, tiến lại gần Pierre và cúi xuống bên anh.

– Chà, chúng ta buồn à ? – hắn nói, chạm vào tay Pierre. – Tôi đã làm anh đau lòng à ? Không, thật sự, anh có điều gì chống lại tôi không ? – hắn hỏi lại. – Có lẽ, liên quan đến tình hình ?

Pierre không trả lời gì, nhưng trìu mến nhìn vào mắt người Pháp. Sự bày tỏ lòng cảm thông này làm anh dễ chịu.

– Thề có danh dự, không nói về những gì tôi nợ anh, tôi có tình bạn dành cho anh. Tôi có thể làm gì đó cho anh không ? Hãy sai bảo tôi. Đó là chuyện sống chết. – hắn nói, đấm vào ngực mình.

– Cảm ơn – Pierre nói.

Viên đại úy nhìn chằm chằm vào Pierre, cũng như cách hắn nhìn khi biết nơi trú ẩn được gọi là gì trong tiếng Đức, và khuôn mặt hắn chợt bừng sáng.

– A ! Trong trường hợp này tôi uống cho tình bạn của chúng ta ! – hắn vui vẻ hét lên, rót hai ly rượu.

Pierre cầm ly rượu đã rót và uống hết. Ramball uống ly của mình, siết chặt tay Pierre một lần nữa và dựa vào bàn trong một tư thế trầm tư u sầu.

– Vâng, anh bạn thân mến của tôi, đó là những trò đùa của số phận – hắn bắt đầu. – Ai có thể nói với tôi rằng tôi sẽ là một người lính và đại úy long kỵ binh phục vụ Bonaparte, như chúng tôi đã từng gọi ông ấy trước đây. Tuy nhiên, tôi đang ở Moscow với ông ấy. Tôi phải nói với anh, anh bạn thân mến – hắn tiếp tục bằng một giọng buồn bã và đều đều của một người chuẩn bị kể một câu chuyện dài – rằng tên của chúng tôi là một trong những tên lâu đời nhất ở Pháp.

Và với sự thành thật nhẹ nhàng và ngây thơ của một người Pháp, viên đại úy đã kể cho Pierre nghe câu chuyện về tổ tiên mình, thời thơ ấu, thời niên thiếu và tuổi trưởng thành, tất cả các mối quan hệ họ hàng, tài sản và gia đình của mình. «Mẹ tội nghiệp của tôi»

đương nhiên đóng một vai trò quan trọng trong câu chuyện này.

– Nhưng tất cả những điều đó chỉ là dàn cảnh của cuộc đời, cái cốt lõi là tình yêu ! Tình yêu ! Có đúng không, ông Pierre ? – ông ta nói, trở nên sôi nổi. – Thêm một ly nữa nào.

Pierre lại uống và rót cho mình ly thứ ba.

– Ôi ! Phụ nữ, phụ nữ ! – và viên đại úy, với đôi mắt bóng loáng nhìn Pierre, bắt đầu nói về tình yêu và những cuộc phiêu lưu tình ái của mình.

Chúng nhiều đến mức rất dễ tin khi nhìn vào khuôn mặt tự mãn, điển trai của viên sĩ quan và sự phấn khích nhiệt thành khi ông ta nói về phụ nữ. Mặc dù thực tế là tất cả các câu chuyện tình yêu của Ramballe đều mang tính chất thô thiển mà người Pháp thấy một vẻ quyến rũ và thơ mộng đặc biệt trong đó, viên đại úy đã kể câu chuyện của mình với một niềm tin chân thành đến mức như thể chỉ mình ông ta đã trải qua và thấu hiểu tất cả những niềm vui của tình yêu, và mô tả phụ nữ một cách hấp dẫn đến mức Pierre tò mò lắng nghe ông ta.

Rõ ràng là thứ tình yêu mà người Pháp này yêu thích không phải là loại tình yêu thấp kém và giản đơn mà

Pierre từng cảm thấy đối với vợ mình, cũng không phải là loại tình yêu lãng mạn được thổi phồng mà anh dành cho Natasha (Ramballe khinh miệt cả hai loại tình yêu này như nhau – một cái là tình yêu của những gã đánh xe, cái kia là tình yêu của những kẻ ngốc) ; tình yêu mà người Pháp tôn thờ chủ yếu nằm ở sự không tự nhiên trong các mối quan hệ với phụ nữ và trong sự kết hợp của những điều quái dị tạo nên sức hấp dẫn chính cho cảm xúc.

Vì vậy, viên đại úy đã kể một câu chuyện cảm động về tình yêu của mình với một nữ hầu tước 35 tuổi đầy quyến rũ và đồng thời với một đứa trẻ 17 tuổi trong trắng, xinh đẹp, là con gái của nữ hầu tước đó. Cuộc đấu tranh của sự hào hiệp giữa mẹ và con gái đã kết thúc bằng việc người mẹ, hy sinh bản thân, đã dâng con gái mình làm vợ cho người tình, và cho đến tận bây giờ, mặc dù đó đã là một ký ức xa xôi, nó vẫn khiến viên đại úy xúc động. Sau đó ông ta kể một tình tiết trong đó người chồng đóng vai người tình, còn ông ta (người tình) – đóng vai người chồng, và một vài tình tiết hài hước từ những kỷ niệm ở Đức, nơi nơi trú ẩn có nghĩa là chỗ ở, nơi những người chồng ăn dưa cải muối và nơi những cô gái trẻ tóc quá vàng.

Cuối cùng, tình tiết cuối cùng ở Ba Lan, vẫn còn tươi mới trong trí nhớ của viên đại úy, người đã kể nó với những cử chỉ nhanh nhẹn và khuôn mặt đỏ bừng, là việc ông ta đã cứu mạng một người Ba Lan (nói chung, trong các câu chuyện của viên đại úy, tình tiết cứu mạng xuất hiện không ngừng), và người Ba Lan này đã giao phó cho ông ta người vợ Paris quyến rũ của mình, trong khi chính anh ta đi phục vụ quân đội Pháp. Viên đại úy đã hạnh phúc, người phụ nữ Ba Lan quyến rũ muốn bỏ trốn cùng ông ta ; nhưng, bị thúc đẩy bởi sự hào hiệp, viên đại úy đã trả người vợ về cho người chồng, đồng thời nói với anh ta rằng : «Tôi đã cứu mạng anh, và tôi cứu cả danh dự của anh !». Lặp lại những lời này, viên đại úy dụi mắt và rùng mình, như thể xua đuổi sự yếu đuối đã bao trùm lấy mình trước ký ức cảm động này.

Nghe những câu chuyện của viên đại úy, như thường xảy ra vào đêm muộn và dưới ảnh hưởng của rượu, Pierre theo dõi tất cả những gì viên đại úy nói, hiểu tất cả và đồng thời theo dõi một chuỗi các ký ức cá nhân đột nhiên hiện ra trong tâm trí mình. Khi nghe những câu chuyện tình yêu này, tình yêu của chính anh dành cho Natasha bất ngờ hiện về trong tâm trí anh, và xem xét trong tưởng tượng của mình những hình ảnh của tình yêu này, anh thầm so sánh chúng với những câu chuyện của Ramballe. Theo dõi câu chuyện về cuộc

đấu tranh giữa nghĩa vụ và tình yêu, Pierre nhìn thấy trước mắt mình tất cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất của cuộc gặp gỡ cuối cùng với đối tượng tình yêu của mình tại tháp Sukharev. Khi đó cuộc gặp gỡ này không gây ấn tượng gì với anh ; anh thậm chí chưa một lần nhớ lại nó. Nhưng bây giờ anh thấy cuộc gặp gỡ đó có một cái gì đó rất quan trọng và thơ mộng.

«Petr Kirilych, lại đây, tôi đã nhận ra anh rồi», anh nghe thấy những lời cô đã nói, nhìn thấy trước mặt mình đôi mắt, nụ cười, chiếc mũ đi đường, lọn tóc xõa ra... và một điều gì đó cảm động, đáng yêu hiện ra trong tâm trí anh về tất cả những điều đó.

Kết thúc câu chuyện về người phụ nữ Ba Lan quyến rũ, viên đại úy quay sang Pierre với câu hỏi liệu anh đã bao giờ trải qua cảm giác hy sinh tương tự vì tình yêu và sự ghen tị với người chồng hợp pháp chưa.

Bị thúc đẩy bởi câu hỏi này, Pierre ngẩng đầu lên và cảm thấy cần phải nói ra những suy nghĩ đang chiếm lấy mình ; anh bắt đầu giải thích rằng anh hiểu tình yêu đối với phụ nữ hơi khác một chút. Anh nói rằng anh trong suốt cuộc đời mình chỉ yêu và chỉ yêu một người phụ nữ duy nhất và người phụ nữ này không bao giờ có thể thuộc về mình.

– Này ! – viên đại úy nói.

Sau đó Pierre giải thích rằng anh đã yêu người phụ nữ này từ những năm còn rất trẻ ; nhưng không dám nghĩ về cô ấy vì cô ấy quá trẻ, còn anh là một đứa con ngoài giá phối không tên tuổi. Sau đó, khi anh nhận được tên tuổi và tài sản, anh không dám nghĩ về cô ấy vì anh yêu cô ấy quá nhiều, vì anh đặt cô ấy quá cao so với cả thế giới và do đó còn cao hơn cả chính bản thân mình.

Đến đoạn này của câu chuyện, Pierre quay sang viên đại úy với câu hỏi : liệu ông có hiểu điều đó không ?

Viên đại úy làm một cử chỉ thể hiện rằng nếu ông không hiểu, thì ông vẫn yêu cầu Pierre tiếp tục.

– Tình yêu thuần khiết, những đám mây... – ông ta lẩm bẩm.

Rượu đã uống hay nhu cầu được thành thật, hay ý nghĩ rằng người đàn ông này không biết và sẽ không bao giờ biết bất kỳ nhân vật chính nào trong câu chuyện của mình, hoặc tất cả cùng lúc đã nới lỏng lưỡi Pierre. Và anh với cái miệng móm mém, và đôi mắt bóng loáng nhìn vào cõi xa xăm, đã kể toàn bộ câu chuyện của mình : cả cuộc hôn nhân của mình, và câu chuyện tình yêu của Natasha đối với người bạn thân nhất của

anh, và sự phản bội của cô, và tất cả những mối quan hệ không phức tạp của anh với cô. Bị thôi thúc bởi những câu hỏi của Ramballe, anh cũng kể những gì anh đã giấu lúc đầu – địa vị của mình trong xã hội, và thậm chí tiết lộ tên của mình.

Điều khiến viên đại úy ngạc nhiên nhất trong câu chuyện của Pierre là việc Pierre rất giàu, rằng anh có hai lâu đài ở Moscow và anh đã bỏ lại tất cả và không rời khỏi Moscow, mà ở lại thành phố, che giấu tên tuổi và địa vị của mình.

Đã khuya lắm rồi, họ cùng nhau đi ra đường. Đêm ấm áp và sáng sủa. Phía bên trái ngôi nhà rực rỡ ánh hào quang của đám cháy đầu tiên bắt đầu ở Moscow, trên đường Petrovka. Phía bên phải là vầng trăng lưỡi liềm non treo cao, và ở phía đối diện của vầng trăng treo một ngôi sao chổi sáng rực rỡ, vốn gắn liền trong tâm hồn Pierre với tình yêu của anh. Ở cổng là Gerasim, chị đầu bếp và hai người Pháp. Tiếng cười và cuộc trò chuyện của họ bằng một ngôn ngữ không hiểu nhau vang lên. Họ nhìn vào ánh hào quang đang rực rỡ trong thành phố.

Không có gì đáng sợ trong một đám cháy nhỏ ở đằng xa trong thành phố lớn.

Nhìn lên bầu trời đầy sao cao vời vợi, lên vầng trăng, lên ngôi sao chổi và lên ánh hào quang, Pierre cảm thấy một sự xúc động vui sướng. «À, thật tốt biết bao, còn cần gì nữa ?» anh nghĩ. Và bất ngờ, khi anh nhớ lại dự định của mình, đầu anh quay cuồng, anh cảm thấy buồn nôn, đến mức anh phải tựa vào hàng rào để không bị ngã.

Không chào tạm biệt người bạn mới của mình, Pierre bước những bước không vững rời khỏi cổng và quay trở về phòng mình, nằm xuống ghế sofa và lập tức ngủ thiếp đi.

XXX

Vào ánh hào quang của đám cháy đầu tiên bắt đầu vào ngày 2 tháng 9, những cư dân bỏ chạy và rời đi cùng quân đội đang rút lui nhìn với những cảm xúc khác nhau.

Đoàn xe nhà Rostov đêm đó dừng lại ở Mytishchi, cách Moscow 20 dặm. Ngày 1 tháng 9 họ lên đường muộn như vậy, con đường bị tắc nghẽn bởi những cỗ xe và quân đội, rất nhiều đồ đạc bị bỏ quên đến nỗi người ta phải cử người đi lấy, nên đêm đó họ quyết định ngủ lại ở nơi cách Moscow năm dặm. Sáng hôm sau họ thức dậy muộn và lại có nhiều lần dừng lại, nên họ chỉ đến được Bolshie Mytishchi vào lúc 10 giờ tối. Gia đình Rostov và những người bị thương đi cùng họ đều được sắp xếp trong các sân và túp lều của ngôi làng lớn. Những người hầu, phu xe nhà Rostov và những người lính phục vụ những người bị thương, sau khi ăn tối, đã cho ngựa ăn và đi ra ngoài hiên.

Trong túp lều bên cạnh là một viên sĩ quan tùy tùng của Raevsky bị thương, với bàn tay bị dập nát, và cơn đau khủng khiếp mà anh ta cảm thấy khiến anh ta rên rỉ liên hồi, không ngừng nghỉ, và những tiếng rên rỉ này vang lên thật đáng sợ trong bóng tối mùa thu của đêm.

Trong đêm đầu tiên, viên sĩ quan tùy tùng này đã ngủ ở chính cái sân nơi nhà Rostov dừng lại. Nữ bá tước nói rằng bà không thể nhắm mắt vì tiếng rên rỉ này, và ở Mytishchi bà đã chuyển sang túp lều tồi tàn hơn chỉ để được ở xa người bị thương này hơn.

Một trong số những người trong đêm tối, từ phía sau thùng xe cao đứng ở cổng, đã nhận thấy một ánh hào quang nhỏ khác của đám cháy. Một ánh hào quang đã được nhìn thấy từ lâu và mọi người đều biết rằng đó là Malye Mytishchi đang cháy, bị đốt cháy bởi những người lính Cossack của Mamonov.

– Kìa anh em, một đám cháy khác kìa, – một người lính hầu nói.

Mọi người đều chú ý đến ánh hào quang.

– Đúng rồi, người ta bảo Malye Mytishchi bị quân Cossack nhà Mamonov đốt rồi.

– Thế à ? Không phải, đó không phải Mytishchi, đó ở xa hơn.

– Nhìn kìa, chính xác là ở Moscow.

Hai người đi xuống từ hiên, đi ra phía sau xe và ngồi lên bậc lên xuống.

– Đó là bên trái, làm sao mà là Mytishchi được, nó ở phía bên kia cơ mà.

Một vài người nữa gia nhập vào những người đầu tiên.

– Nhìn kìa, cháy to quá, – một người nói, – đó là, thưa các ông, ở Moscow đang cháy : hoặc là ở Sushchevskaya, hoặc là ở Rogozhskaya.

Không ai trả lời nhận xét này. Và một lúc lâu tất cả những người này im lặng nhìn vào ngọn lửa đang bùng lên ở phía xa của đám cháy mới.

Ông lão, người hầu phòng của bá tước (như người ta gọi ông), Danila Terentyich đi đến gần đám đông và gọi Mishka.

– Mày còn nhìn cái gì nữa, đồ vô dụng !.. Bá tước sẽ hỏi, mà chẳng thấy ai cả ; đi đi, thu dọn quần áo.

– Cháu chỉ chạy đi lấy nước thôi ạ, – Mishka nói.

– Còn ông nghĩ sao, Danila Terentyich, hình như đó là ánh hào quang ở Moscow phải không ? – một trong những người hầu hỏi.

Danila Terentyich không trả lời gì, và một lúc lâu mọi người lại im lặng. Ánh hào quang lan rộng và bập bùng ngày càng xa hơn.

– Lạy Chúa tôi !.. Gió thổi mà khô thế này... – một giọng nói lại vang lên.

– Nhìn kìa, nó bốc lên thế nào kìa. Ôi, lạy Chúa ! Thậm chí còn nhìn thấy cả những con quạ nữa kìa ; Chúa ơi, xin thương xót chúng con những kẻ tội lỗi.

– Sẽ dập tắt thôi mà, đừng lo.

– Ai dập tắt cơ ? – giọng của Danila Terentyich vang lên, nãy giờ vẫn im lặng. (Giọng ông bình tĩnh và chậm rãi). – Moscow đấy, các anh em ạ, – ông nói, – chính là mẹ Moscow đấy... – giọng ông nghẹn lại, và ông bất ngờ thút thít như một ông già.

Và như thể chỉ chờ đợi điều đó, mọi người đều hiểu ý nghĩa mà ánh hào quang đang rực rỡ trước mắt họ mang lại. Những tiếng thở dài, những lời cầu nguyện và tiếng thút thít của người hầu phòng già của bá tước vang lên.

XXXI

Người hầu phòng quay lại, báo cáo với bá tước rằng Moscow đang cháy. Bá tước khoác áo choàng và đi ra xem. Cùng đi với ông có Sonya và bà Schoss, những người vẫn chưa đi ngủ. Natasha và nữ bá tước ở lại một mình trong phòng. (Petya không còn ở cùng gia đình nữa : cậu đã đi cùng trung đoàn của mình tiến về phía Troitsky).

Nữ bá tước bật khóc khi nghe tin về đám cháy ở Moscow. Natasha, tái nhợt, với đôi mắt đờ đẫn, ngồi dưới những bức tượng thánh trên ghế dài (chính nơi cô đã ngồi khi mới đến), không chú ý gì đến lời nói của cha. Cô đang lắng nghe tiếng rên rỉ không dứt của viên sĩ quan tùy tùng, vang lên qua ba gian nhà.

– Ôi, thật kinh khủng ! – Sonya nói khi trở về từ sân, lạnh run và sợ hãi. – Em nghĩ toàn bộ Moscow sẽ bị thiêu rụi ; một ánh hào quang thật khủng khiếp ! Natasha, nhìn kìa, từ cửa sổ này có thể nhìn thấy này, – cô nói với chị mình, rõ ràng là muốn làm cô phân tâm.

Nhưng Natasha nhìn cô, như thể không hiểu những gì người ta hỏi mình, và lại đăm đăm nhìn vào góc lò sưởi. Natasha đã ở trong trạng thái đờ đẫn này kể từ sáng hôm

đó, từ lúc Sonya, trước sự ngạc nhiên và bực bội của nữ bá tước, thấy cần thiết phải báo cho Natasha về vết thương của hoàng thân Andrei và về sự hiện diện của anh trong đoàn xe. Nữ bá tước đã tức giận với Sonya, điều mà bà hiếm khi làm. Sonya đã khóc và xin tha lỗi và bây giờ, như thể muốn chuộc lỗi, cô không ngừng chăm sóc chị mình.

– Nhìn kìa, Natasha, cháy kinh khủng chưa kìa, – Sonya nói.

– Cái gì cháy ? – Natasha hỏi. – À, đúng rồi, Moscow.

Và như thể để không xúc phạm Sonya bằng sự từ chối và thoát khỏi cô, cô nghiêng đầu về phía cửa sổ, nhìn qua theo cách mà rõ ràng cô không thể thấy gì, và lại ngồi xuống tư thế cũ.

– Chị không nhìn thấy sao ?

– Không, thật mà, chị có nhìn thấy, – cô nói bằng giọng cầu xin sự yên tĩnh.

Cả nữ bá tước và Sonya đều hiểu rằng Moscow, đám cháy ở Moscow, hay bất cứ điều gì khác, đương nhiên không có ý nghĩa gì đối với Natasha.

Bá tước lại đi ra sau vách ngăn và nằm xuống. Nữ bá tước đi đến chỗ Natasha, chạm bàn tay lật ngược vào đầu cô, như bà vẫn thường làm khi con gái bị ốm, rồi chạm đôi môi vào trán cô, như để xem cô có bị sốt không, và hôn cô.

– Con lạnh à ? Con đang run hết cả lên này. Con nên nằm xuống đi, – bà nói.

– Nằm xuống ạ ? Vâng, được ạ, con sẽ nằm. Con sẽ nằm ngay đây ạ, – Natasha nói.

Kể từ lúc sáng nay người ta nói với Natasha rằng hoàng thân Andrei bị thương nặng và đang đi cùng họ, cô chỉ hỏi trong phút đầu tiên rất nhiều : đi đâu ? như thế nào ? anh ấy bị thương có nguy hiểm không ? và liệu cô có thể nhìn thấy anh ấy không ? Nhưng sau khi người ta nói với cô rằng cô không thể nhìn thấy anh ấy, rằng anh ấy bị thương nặng nhưng tính mạng không nguy hiểm, rõ ràng là không tin những gì họ nói, nhưng đã tin chắc rằng dù cô có nói bao nhiêu đi nữa, họ cũng sẽ trả lời cô như cũ, cô đã thôi hỏi và thôi nói. Suốt cả chặng đường, với đôi mắt to mà nữ bá tước biết rất rõ và vẻ biểu cảm mà nữ bá tước rất sợ, Natasha ngồi bất động ở góc xe và bây giờ cũng ngồi như vậy trên ghế dài. Một điều gì đó cô đã quyết định hoặc đã quyết định trong tâm trí mình – nữ bá tước biết điều đó ; nhưng

điều đó là gì, bà không biết, và điều này khiến bà sợ hãi và khổ tâm.

– Natasha, con cởi đồ ra đi, con yêu ; nằm lên giường mẹ này. (Chỉ có nữ bá tước là có giường trải trên giường; bà Schoss và cả hai tiểu thư đều phải ngủ trên sàn trên đống cỏ khô).

– Không, mẹ ơi, con sẽ nằm đây trên sàn, – Natasha giận dữ nói, đi về phía cửa sổ và mở nó ra.

Tiếng rên rỉ của viên sĩ quan tùy tùng vang lên từ cửa sổ mở rõ ràng hơn. Cô thò đầu ra không khí ẩm ướt của đêm, và nữ bá tước thấy cái cổ thon dài của cô rung lên vì nức nở và đập vào khung cửa sổ. Natasha biết rằng hoàng thân Andrei đang nằm ở gian nhà gỗ bên cạnh qua hành lang ; nhưng tiếng rên rỉ không dứt này đã khiến cô bật khóc. Nữ bá tước liếc nhìn Sonya.

– Nằm xuống đi, con yêu ; nằm xuống đi, bạn nhỏ của mẹ, – nữ bá tước nói, nhẹ nhàng chạm tay vào vai Natasha. – Này, nằm xuống đi mà.

– Ôi, vâng... Con sẽ nằm ngay, nằm ngay đây ạ, – Natasha nói, vội vàng cởi đồ và làm đứt cả dây buộc váy.

Cởi váy và khoác chiếc áo nỉ, cô co chân lại, ngồi xuống tấm nệm trải trên sàn và vắt qua vai ra phía trước bím tóc mỏng không dài lắm của mình, bắt đầu tết lại. Những ngón tay thon dài, quen thuộc chuyển động nhanh nhẹn, khéo léo gỡ, tết, buộc bím tóc. Đầu Natasha quay sang một bên rồi sang bên kia một cách quen thuộc, nhưng đôi mắt, mở to một cách sốt sắng, nhìn thẳng về phía trước một cách bất động. Khi trang phục ban đêm đã xong, Natasha khẽ hạ mình xuống tấm vải trải trên đống cỏ khô, ở phía rìa cửa.

– Natasha, con nằm vào giữa đi, – Sonya nói.

– Chị ở đây rồi, – Natasha nói. – Các người nằm đi chứ, – cô nói thêm với vẻ bực bội. Và cô vùi mặt vào gối.

Nữ bá tước, bà Schoss và Sonya vội vàng cởi đồ và nằm xuống. Chỉ còn một ngọn đèn dầu nhỏ cháy trong phòng. Nhưng ngoài sân trời sáng rực vì ánh hào quang của đám cháy Malye Mytishchi cách đó hai dặm, và những tiếng kêu đêm của đám đông trong quán rượu vang lên, nơi những người lính Cossack nhà Mamonov đã phá phách, trên phố vang lên tiếng rên rỉ không dứt của viên sĩ quan tùy tùng.

Lâu lắm Natasha mới lắng nghe những âm thanh bên trong và bên ngoài và không nhúc nhích. Đầu tiên cô nghe thấy lời cầu nguyện và tiếng thở dài của mẹ mình, tiếng giường kẽo kẹt dưới thân bà, tiếng ngáy khò khè quen thuộc của bà Schoss, hơi thở nhẹ nhàng của Sonya. Sau đó nữ bá tước gọi Natasha. Natasha không trả lời.

– Có vẻ con bé ngủ rồi, mẹ ạ, – Sonya khẽ trả lời.

Nữ bá tước, sau khi im lặng một lúc, lại gọi lần nữa, nhưng không ai trả lời bà.

Chẳng mấy chốc sau đó Natasha nghe thấy hơi thở đều đặn của mẹ mình. Natasha không nhúc nhích, mặc dù bàn chân nhỏ của cô, thò ra từ dưới chăn, bị lạnh trên sàn nhà trần trụi.

Như thể ăn mừng chiến thắng trước tất cả mọi người, một con dế kêu vang trong khe hở. Một con gà trống gáy ở đằng xa, một con khác trả lời ở gần. Trong quán rượu những tiếng kêu đã im bặt ; chỉ nghe thấy chính cái tiếng rên rỉ của viên sĩ quan tùy tùng. Natasha nhỏm dậy.

– Sonya, em ngủ chưa ? Mẹ ! – cô thì thầm.

Không ai trả lời. Natasha chậm rãi và thận trọng đứng dậy, làm dấu thánh và bước chân trần nhỏ nhắn,

linh hoạt trên sàn gỗ bẩn lạnh lẽo. Sàn nhà kẽo kẹt. Cô nhanh chóng bước đi bằng đôi chân nhẹ như mèo, đi được vài bước và nắm lấy tay nắm cửa lạnh lẽo.

Cô cảm thấy có một cái gì đó nặng nề, đập đều đặn vào tất cả các bức tường của túp lều : đó là trái tim đang đập vì sợ hãi, vì kinh hoàng và tình yêu của cô.

Cô mở cửa, bước qua ngưỡng cửa và đặt chân lên nền đất lạnh ẩm của hành lang. Cái lạnh bao trùm đã làm cô tỉnh táo hơn. Cô dùng bàn chân trần chạm vào một người đang ngủ, bước qua anh ta và mở cửa vào túp lều nơi hoàng thân Andrei đang nằm. Trong túp lều này tối om. Ở góc phía sau trên chiếc ghế dài cạnh giường, trên đó có một vật gì đó đang nằm, có một cây nến mỡ đã cháy hết một nửa với một cái mụn nến lớn.

Natasha từ sáng, khi người ta nói với cô về vết thương và sự hiện diện của hoàng thân Andrei, đã quyết định rằng cô phải nhìn thấy anh. Cô không biết tại sao điều đó lại cần thiết, nhưng cô biết rằng cuộc gặp gỡ này sẽ rất đau đớn, và cô càng tin chắc rằng nó là cần thiết.

Cả ngày cô chỉ sống với hy vọng rằng đêm nay cô sẽ nhìn thấy anh. Nhưng bây giờ, khi phút giây này đã đến, cô bị bao trùm bởi nỗi kinh hoàng về những gì cô sẽ thấy. Anh ta đã bị biến dạng như thế nào ? Còn lại gì

ở anh ta ? Có phải anh ta chính là cái tiếng rên rỉ không dứt của viên sĩ quan tùy tùng không ? Đúng vậy, anh ta hoàn toàn như vậy. Anh ta trong trí tưởng tượng của cô là hiện thân của cái tiếng rên rỉ kinh khủng đó. Khi cô nhìn thấy một khối không rõ ràng ở góc và lầm tưởng cái đầu gối nhô lên dưới chăn là đôi vai anh, cô hình dung ra một thân hình khủng khiếp nào đó và đứng sững lại vì kinh hãi. Nhưng một sức mạnh không cưỡng lại được đã kéo cô tiến về phía trước. Cô thận trọng bước một bước, rồi một bước nữa và thấy mình ở giữa túp lều nhỏ đầy đồ đạc. Trong túp lều dưới những bức tượng thánh, một người khác (đó là Timokhin) đang nằm trên những chiếc ghế dài, và trên sàn có hai người khác nằm (đó là bác sĩ và người hầu phòng).

Người hầu phòng nhỏm dậy và thì thầm điều gì đó. Timokhin, đang đau đớn vì vết thương ở chân, không ngủ và trố mắt nhìn vào hiện tượng lạ lùng của cô gái mặc áo sơ mi trắng, áo nỉ và mũ ngủ. Những lời thì thầm của người hầu phòng : «Cô cần gì, tại sao cô lại ở đây ?» chỉ khiến Natasha vội vàng đi đến gần thứ đang nằm ở góc. Dù nó trông không giống người đến thế nào, cô vẫn phải nhìn thấy nó. Cô đi qua người hầu phòng ; mụn nến trên cây nến rơi xuống, và cô nhìn thấy rõ ràng hoàng thân Andrei đang nằm với hai tay buông thõng trên chăn, trông giống hệt như cô vẫn thường thấy anh.

Anh vẫn như trước ; nhưng màu sắc viêm nhiễm trên khuôn mặt anh, đôi mắt sáng rực nhìn cô một cách nhiệt thành, và đặc biệt là cái cổ trẻ thơ mỏng manh lộ ra từ cổ áo sơ mi bẻ rộng, mang lại cho anh một vẻ ngây thơ, trẻ con đặc biệt, mà tuy nhiên, cô chưa bao giờ thấy ở hoàng thân Andrei. Cô đi đến gần anh và với một động tác nhanh nhẹn, linh hoạt, trẻ trung, cô quỳ xuống.

Anh mỉm cười và đưa tay về phía cô.

XXXII

Đối với hoàng thân Andrei, bảy ngày đã trôi qua kể từ khi anh tỉnh lại tại trạm băng bó của cánh đồng Borodino. Suốt thời gian này anh gần như ở trong trạng thái mê man liên tục. Tình trạng sốt và viêm ruột, vốn bị tổn thương, theo ý kiến của bác sĩ đi cùng người bị thương, chắc chắn sẽ mang anh đi. Nhưng vào ngày thứ 7, anh đã thèm ăn một miếng bánh mì với trà, và bác sĩ nhận thấy rằng cơn sốt chung đã giảm. Hoàng thân Andrei vào buổi sáng đã tỉnh lại. Đêm đầu tiên sau khi rời Moscow khá ấm áp, và hoàng thân Andrei đã được để lại ngủ trong xe kéo ; nhưng ở Mytishchi, chính người bị thương đã yêu cầu được đưa ra ngoài và cho uống trà. Cơn đau do việc di chuyển vào túp lều gây ra đã khiến hoàng thân Andrei rên rỉ to và lại mất đi ý thức. Khi anh được đặt trên chiếc giường dã chiến, anh nằm lâu với đôi mắt nhắm nghiền không cử động. Sau đó anh mở mắt và khẽ thì thầm : «Trà đâu ?» Sự chú ý đến những chi tiết nhỏ nhặt của cuộc sống này đã làm bác sĩ kinh ngạc. Ông bắt mạch cho anh và nhận thấy với sự ngạc nhiên và không hài lòng rằng mạch đã tốt hơn. Điều đó khiến bác sĩ không hài lòng vì ông, từ kinh nghiệm của mình, đã tin chắc rằng hoàng thân Andrei không thể không chết và nếu anh không chết

bây giờ, thì anh sẽ chỉ chết sau một thời gian nữa với những đau đớn lớn hơn. Đi cùng với hoàng thân Andrei từ Moscow có một thiếu tá trong trung đoàn của anh là Timokhin với cái mũi đỏ, bị thương ở chân trong cùng trận Borodino. Đi cùng họ có bác sĩ, người hầu phòng của hoàng thân, phu xe của anh và hai người lính hầu.

Người ta đưa trà cho hoàng thân Andrei. Anh thèm thuồng uống, với đôi mắt sốt sắng nhìn thẳng về phía cửa, như thể đang cố gắng hiểu và nhớ lại điều gì đó.

– Tôi không muốn nữa. Timokhin có ở đây không? – anh hỏi.

Timokhin bò dọc theo ghế dài về phía anh.

– Tôi ở đây, thưa ngài.

– Vết thương thế nào ?

– Của tôi ạ ? Không sao ạ. Thế còn ngài ?

Hoàng thân Andrei lại trầm ngâm, như thể đang nhớ lại điều gì đó.

– Có thể lấy một cuốn sách không ? – anh nói.

– Cuốn sách nào ạ ?

– Phúc âm ! Tôi không có.

Bác sĩ hứa sẽ tìm và bắt đầu hỏi han vị công tước về việc ông cảm thấy thế nào. Công tước Andrei miễn cưỡng nhưng vẫn trả lời sáng suốt mọi câu hỏi của bác sĩ, rồi sau đó nói rằng ông cần được kê một cái đệm lăn, nếu không thì rất vướng và rất đau. Bác sĩ và người hầu cận nhấc chiếc áo khoác quân hành mà ông đang đắp lên, và nhăn mặt vì mùi thịt thối nặng nề tỏa ra từ vết thương, họ bắt đầu xem xét chỗ đáng sợ đó. Bác sĩ có vẻ rất không hài lòng về điều gì đó, ông thay đổi thứ gì đó khác đi, lật người bị thương khiến ông lại rên rỉ và vì đau đớn trong lúc lật người, ông lại bất tỉnh và bắt đầu mê sảng. Ông cứ nói mãi về việc hãy lấy cho ông cuốn sách đó càng sớm càng tốt và kê nó vào đó.

– Việc đó có đáng gì đối với các người đâu ! – ông nói. – Tôi không có nó – hãy lấy giúp tôi, làm ơn ; kê vào một lát thôi, – ông nói với giọng thảm hại.

Bác sĩ đi ra ngoài hiên để rửa tay.

– Ôi, thật là vô lương tâm, thật đấy, – bác sĩ nói với người hầu cận đang dội nước lên tay ông. – Chỉ một phút không để mắt tới thôi. Đây quả là một nỗi đau mà tôi ngạc nhiên không hiểu sao ông ấy chịu đựng được.

– Chúng tôi dường như đã kê rồi, lạy Chúa Jesus Kitô, – người hầu cận nói.

Lần đầu tiên công tước Andrei hiểu mình đang ở đâu và chuyện gì đã xảy ra với mình, ông nhớ lại rằng mình đã bị thương và vào khoảnh khắc khi chiếc xe dừng lại ở Mytishchi, ông đã xin vào một túp lều. Lại bị lẫn lộn vì đau đớn, ông tỉnh lại lần thứ hai trong túp lều khi đang uống trà, và ở đó một lần nữa, lặp lại trong ký tưởng tất cả những gì đã xảy ra với mình, ông hình dung sống động nhất về khoảnh khắc ở trạm băng bó khi nhìn thấy nỗi đau khổ của người mà ông không ưa, những tư tưởng mới đầy hứa hẹn về hạnh phúc đã đến với ông. Và những tư tưởng ấy, dù mơ hồ và không xác định, giờ đây lại chiếm lấy tâm hồn ông. Ông nhớ lại rằng giờ đây mình có một hạnh phúc mới và hạnh phúc này có điều gì đó chung với Phúc âm. Chính vì thế ông đã hỏi mượn cuốn Phúc âm. Nhưng tình trạng tồi tệ do vết thương gây ra, việc lật người mới lại làm xáo trộn những tư tưởng của ông, và ông tỉnh lại lần thứ ba trong sự yên tĩnh tuyệt đối của đêm khuya. Mọi người xung quanh đều ngủ. Con dế kêu qua vách ngăn ; ngoài đường có ai đó hét lên và hát ; những con gián sột soạt trên bàn, trên các bức tượng thánh và trên tường ; một con ruồi béo mập đập vào đầu giường ông và gần cây

nến mỡ đang cháy với một vầng nấm lớn và đứng cạnh ông.

Linh hồn ông không ở trạng thái bình thường. Một người khỏe mạnh thường suy nghĩ, cảm nhận và nhớ lại cùng một lúc về vô số sự vật, nhưng có quyền năng và sức mạnh để chọn lấy một chuỗi suy nghĩ hoặc hiện tượng và dừng toàn bộ sự chú ý của mình vào chuỗi đó. Một người khỏe mạnh vào lúc suy ngẫm sâu sắc nhất sẽ dứt ra để nói một lời lịch sự với người vừa bước vào, rồi lại quay về với những suy nghĩ của mình. Linh hồn công tước Andrei không ở trạng thái bình thường về phương diện này. Mọi sức mạnh của linh hồn ông đều hoạt động mạnh mẽ hơn, rõ ràng hơn bao giờ hết, nhưng chúng hoạt động ngoài ý muốn của ông. Những ý nghĩ và hình dung đa dạng nhất cùng lúc chiếm hữu ông. Đôi khi ý nghĩ của ông bỗng nhiên bắt đầu hoạt động với một sức mạnh, sự sáng tỏ và chiều sâu mà nó chưa từng có thể thực hiện khi ở trạng thái khỏe mạnh; nhưng bỗng nhiên, giữa chừng công việc, nó bị đứt quãng, được thay thế bằng một hình dung bất ngờ nào đó, và không còn sức lực để quay lại với nó nữa.

«Dâng, một hạnh phúc mới đã mở ra cho ta, không thể tách rời khỏi con người», ông nghĩ, nằm trong túp lều tối lờ mờ và nhìn thẳng phía trước với đôi mắt mở

to vì sốt, bất động. «Hạnh phúc nằm ngoài các thế lực vật chất, ngoài các ảnh hưởng vật chất bên ngoài lên con người, hạnh phúc của một linh hồn, hạnh phúc của tình yêu ! Hiểu được nó thì bất cứ ai cũng có thể, nhưng nhận thức và ban bố nó thì chỉ có một mình Thiên Chúa. Nhưng Thiên Chúa đã ban bố luật lệ này như thế nào ? Tại sao lại là người con ?..»

Và bỗng nhiên dòng suy nghĩ này đứt quãng, và công tước Andrei nghe thấy (không biết là trong cơn mê sảng hay trong thực tế ông nghe thấy điều đó), nghe thấy một giọng nói thầm thì khe khẽ, không ngừng vang lên theo nhịp : «piti–piti–piti» và rồi «i ti–ti», và lại «piti–piti–piti», và lại «i ti–ti». Cùng với âm thanh đó, dưới tiếng nhạc thì thầm này, công tước Andrei cảm thấy rằng phía trên khuôn mặt ông, ngay giữa mặt ông, đang dựng lên một tòa kiến trúc không trung kỳ lạ nào đó bằng những chiếc kim mỏng hoặc những mảnh gỗ nhỏ. Ông cảm thấy (dù điều này khó khăn đối với ông) rằng ông cần phải cố gắng giữ thăng bằng để tòa kiến trúc đang dựng lên này không bị đổ ; nhưng nó vẫn cứ sụp đổ và lại từ từ dựng lên theo những âm thanh của tiếng nhạc thì thầm đều đặn. «Nó kéo dài ! Nó kéo dài ! Đang giãn ra và mọi thứ đều kéo dài», công tước Andrei tự nói với mình. Cùng với việc lắng nghe tiếng thì thầm và với cảm giác về tòa kiến trúc đang kéo dài và chuyển

động này, công tước Andrei nhìn thấy từng đoạn ánh sáng đỏ bao quanh cây nến và nghe thấy tiếng sột soạt của những con gián và tiếng sột soạt của con ruồi đang đập trên gối và trên mặt ông. Và mỗi lần như vậy, khi con ruồi chạm vào mặt ông, nó lại gây ra một cảm giác nóng rát ; nhưng đồng thời ông cũng ngạc nhiên rằng, dù va chạm vào chính vùng đang dựng tòa kiến trúc trên mặt mình, con ruồi vẫn không phá hủy nó. Nhưng, ngoài điều này ra, còn có một điều quan trọng khác. Đó là thứ gì đó màu trắng ở cửa, đó là bức tượng nhân sư cũng đang đè nặng lên ông.

«Nhưng, có lẽ, đó là chiếc áo sơ mi của ta trên bàn», công tước Andrei nghĩ, «còn kia là chân của ta, và kia là cánh cửa ; nhưng tại sao mọi thứ lại kéo dài và nhô ra như piti–piti–piti và ti–ti và piti–piti–piti...» Đủ rồi, hãy dừng lại, làm ơn, hãy để yên», công tước Andrei nặng nề yêu cầu ai đó. Và bỗng nhiên một ý nghĩ và cảm xúc lại hiện lên với một sự sáng tỏ và sức mạnh phi thường.

«Dâng, tình yêu (ông lại nghĩ với một sự sáng tỏ hoàn toàn), nhưng không phải là tình yêu yêu vì một cái gì đó, vì một lý do gì đó hoặc vì một điều gì đó, mà là tình yêu mà ta đã trải nghiệm lần đầu tiên khi nhìn thấy kẻ thù của mình đang hấp hối và vẫn yêu hắn. Ta đã trải nghiệm cảm xúc tình yêu đó, chính là bản chất của linh

hồn và là thứ không cần đối tượng. Ta và bây giờ đang trải nghiệm cảm giác hạnh phúc này. – Yêu thương đồng loại, yêu kẻ thù của mình. Yêu tất cả – yêu Thiên Chúa trong mọi biểu hiện. Có thể yêu một người thân thiết bằng tình yêu con người ; nhưng chỉ có kẻ thù mới có thể yêu bằng tình yêu thần thánh. Và chính vì thế mà ta đã trải nghiệm một niềm vui như vậy khi cảm thấy rằng mình yêu con người đó. Chuyện gì đã xảy ra với hắn ? Hắn có còn sống không ?..

Bằng tình yêu con người, có thể chuyển từ tình yêu sang lòng thù hận ; nhưng tình yêu thần thánh không thể thay đổi. Không gì, kể cả cái chết, không gì có thể phá hủy nó. Nó là bản chất của linh hồn. Mà biết bao nhiêu người ta đã căm thù trong đời mình. Và trong số tất cả mọi người, không ai ta yêu và căm thù nhiều hơn nàng. Và ông hình dung sống động về Natasha không phải như trước đây ; chỉ với vẻ quyến rũ của nàng, đầy niềm vui cho riêng mình ; mà lần đầu tiên ông hình dung về linh hồn nàng. Và ông đã hiểu cảm xúc của nàng, nỗi đau khổ, sự xấu hổ, sự hối hận của nàng. Giờ đây lần đầu tiên ông hiểu toàn bộ sự tàn nhẫn của việc mình cắt đứt với nàng. «Nếu ta có thể chỉ một lần nữa được nhìn thấy nàng. Một lần thôi, nhìn vào đôi mắt ấy, để nói...»

«Và piti–piti–piti và ti–ti và piti–piti» – bum ! con ruồi đập mạnh. Và sự chú ý của ông bỗng nhiên chuyển sang một thế giới khác của thực tại và mê sảng, trong đó có điều gì đó đặc biệt đang diễn ra. Mọi thứ vẫn như vậy trong thế giới này, tòa kiến trúc đang dựng lên, không sụp đổ, đang kéo dài, cây nến vẫn cháy với vầng đỏ, chiếc áo sơ mi–nhân sư vẫn nằm ở cửa ; nhưng, ngoài tất cả những điều này, có cái gì đó rít lên, có mùi gió mát, và một bức tượng nhân sư trắng mới, đang đứng, hiện ra trước cửa. Và trong đầu của bức tượng nhân sư này là khuôn mặt nhợt nhạt và đôi mắt sáng rực của chính Natasha mà ông vừa mới nghĩ tới.

«Ôi, cơn mê sảng không dứt này thật nặng nề làm sao!» công tước Andrei nghĩ, cố gắng xua đuổi khuôn mặt này ra khỏi trí tưởng tượng của mình. Nhưng khuôn mặt đó đứng trước mặt ông với sức mạnh của thực tại, và khuôn mặt đó đang tiến lại gần. Công tước Andrei muốn quay lại với thế giới cũ của tư tưởng thuần khiết, nhưng ông không thể, và cơn mê sảng đang kéo ông vào vùng đất của nó. Tiếng thì thầm khe khẽ tiếp tục tiếng lẩm bẩm đều đặn của mình, cái gì đó đè nặng, kéo dài, và khuôn mặt kỳ lạ đứng trước mặt ông. Công tước Andrei tập hợp mọi sức lực của mình để tỉnh lại ; ông động đậy, và bỗng nhiên trong tai ông vang lên tiếng chuông, trong mắt ông mờ đi, và ông, như người lặn

xuống nước, mất đi ý thức. Khi ông tỉnh lại, Natasha, chính Natasha đang sống đó, người mà trong số tất cả mọi người trên thế giới ông muốn yêu nhất bằng tình yêu mới, thuần khiết, thần thánh vừa mới mở ra cho ông, đang đứng trước mặt ông trên đầu gối. Ông hiểu rằng đây là Natasha đang sống, thật sự, và không ngạc nhiên, mà lặng lẽ vui mừng. Natasha, đứng trên đầu gối, sợ hãi nhưng như bị đóng đinh (nàng không thể cử động) nhìn ông, kìm nén tiếng khóc nức nở. Khuôn mặt nàng nhợt nhạt và bất động. Chỉ có phần dưới của nó là run rẩy điều gì đó.

Công tước Andrei thở phào nhẹ nhõm, mỉm cười và đưa tay ra.

– Bạn ? – ông nói. – Thật hạnh phúc làm sao !

Natasha nhanh chóng nhưng với một chuyển động thận trọng tiến lại gần ông trên đầu gối và, nhẹ nhàng cầm lấy tay ông, cúi xuống trên tay ông và bắt đầu hôn nó, chỉ khẽ chạm vào bằng môi.

– Xin lỗi ! – nàng thì thầm, ngẩng đầu lên và nhìn ông. – Xin lỗi em !

– Tôi yêu bạn, – công tước Andrei nói.

– Xin lỗi...

– Xin lỗi vì điều gì ? – công tước Andrei hỏi.

– Xin lỗi em vì những gì em đã làm... làm, – Natasha nói với giọng thì thầm đứt quãng, khẽ nghe thấy và bắt đầu thường xuyên hơn, khẽ chạm môi hôn lên tay ông.

– Tôi yêu bạn nhiều hơn, tốt hơn trước kia, – công tước Andrei nói, nâng tay nâng khuôn mặt nàng lên để có thể nhìn vào mắt nàng.

Đôi mắt ấy, ngập tràn những giọt nước mắt hạnh phúc, rụt rè, thương cảm và yêu thương vui sướng nhìn ông. Khuôn mặt gầy gò và nhợt nhạt của Natasha, với đôi môi sưng mọng, trông còn hơn cả xấu xí, – nó thật đáng sợ. Nhưng công tước Andrei không nhìn thấy khuôn mặt này, ông nhìn thấy đôi mắt rạng ngời vốn đã tuyệt đẹp. Phía sau họ có tiếng nói.

Pyotr, người hầu cận, giờ đã hoàn toàn tỉnh giấc, đánh thức bác sĩ. Timokhin, người suốt thời gian qua không ngủ vì đau chân, đã nhìn thấy tất cả những gì đang diễn ra, và cố gắng che đậy thân hình trần truồng của mình bằng tấm khăn trải giường, thu mình trên ghế dài.

– Cái gì thế này ? – bác sĩ nói, nhổm dậy khỏi giường mình. – Mời cô đi cho, thưa cô.

Cùng lúc đó có tiếng gõ cửa của một cô gái, được nữ bá tước phái đến vì lo lắng cho con gái.

Như một người mộng du bị đánh thức giữa giấc ngủ, Natasha đi ra khỏi phòng và, quay trở về túp lều của mình, òa khóc nức nở trên giường.

Từ ngày đó, trong suốt hành trình tiếp theo của gia đình Rostov, ở mọi nơi nghỉ chân và nghỉ đêm, Natasha không rời khỏi Bolkonsky bị thương, và bác sĩ phải thừa nhận rằng ông không mong đợi ở một thiếu nữ sự cứng rắn cũng như nghệ thuật chăm sóc người bệnh đến thế.

Dù ý nghĩ rằng công tước Andrei có thể (rất có thể, theo lời bác sĩ) chết trong suốt hành trình trên tay con gái bà có vẻ đáng sợ đối với nữ bá tước, bà vẫn không thể phản đối Natasha. Mặc dù do sự gần gũi vừa được thiết lập giữa công tước Andrei bị thương và Natasha, ý nghĩ về mối quan hệ cũ giữa vị hôn phu và vị hôn thê sẽ được khôi phục đã hiện ra trong đầu mọi người, nhưng chưa ai nói về điều này : Natasha và công tước Andrei không nói về điều đó ; câu hỏi chưa được giải quyết, lơ lửng về sự sống hay cái chết không chỉ đối với Bolkonsky, mà đối với cả nước Nga đã che mờ mọi giả định khác.

XXXIII

Pierre thức dậy vào ngày 3 tháng 9 muộn. Đầu ông đau ; bộ quần áo ông mặc khi ngủ, không thay, làm cơ thể ông mệt mỏi ; và trong lòng có một ý thức lờ mờ về điều gì đó nhục nhã, xấu hổ đã xảy ra hôm trước. Đó là cuộc trò chuyện đáng xấu hổ hôm qua với đại úy Ramballe.

Đồng hồ chỉ 11 giờ, nhưng ngoài sân có vẻ đặc biệt u ám. Pierre đứng dậy, dụi mắt và nhìn thấy khẩu súng lục với báng súng được chạm khắc, mà Gerasim đã đặt lại lên bàn viết, Pierre nhớ lại mình đang ở đâu và việc gì đang đợi ông chính trong ngày hôm nay.

«Chẳng lẽ mình đã muộn rồi sao ?» Pierre nghĩ. «Không ; chắc chắn ông ta sẽ không vào Moscow sớm hơn 12 giờ đâu».

Pierre không cho phép mình suy nghĩ về việc đang đợi mình, mà vội vàng bắt đầu hành động.

Chỉnh đốn lại trang phục, Pierre cầm lấy khẩu súng lục và định đi ngay. Nhưng lúc đó lần đầu tiên nảy ra ý nghĩ về việc làm thế nào để mang vũ khí này trên phố mà không cầm trên tay, dưới lớp áo caftan rộng thì khó mà giấu được khẩu súng lục lớn. Không thể giắt sau thắt

lưng, cũng không thể để dưới nách mà không bị nhận ra. Ngoài ra, khẩu súng lục chưa nạp đạn, mà Pierre chưa kịp nạp đạn cho nó. «Dù sao cũng vậy, con dao găm», Pierre nói với mình, dù ông đã không ít lần, khi xem xét việc thực hiện dự định của mình, quyết định rằng sai lầm chính của sinh viên vào năm 1809 nằm ở chỗ ông ta muốn giết Napoleon bằng dao găm. Nhưng Pierre dường như có mục tiêu chính không phải là thực hiện kế hoạch, mà là để chứng minh cho bản thân thấy rằng ông không từ bỏ ý định của mình và đang làm mọi việc để thực hiện nó, Pierre vội vàng lấy con dao găm cùn có răng cưa mua ở tháp Sukharev cùng với khẩu súng lục trong bao da xanh và giấu nó dưới áo ghi lê.

Thắt lại áo caftan và kéo mũ xuống, Pierre cố gắng không gây tiếng động và không gặp đại úy, đi qua hành lang và ra ngoài phố.

Vụ cháy mà tối qua ông nhìn thấy với vẻ thờ ơ đã tăng lên đáng kể trong đêm. Moscow đang cháy từ nhiều phía khác nhau. Các khu vực Karetny Ryad, Zamoskvorechye, Gostiny Dvor, Povarskaya, những chiếc thuyền trên sông Moscow và chợ củi gần cầu Dorogomilovsky đang cháy.

Đường đi của Pierre nằm qua các ngõ nhỏ đến phố Povarskaya và từ đó đến nhà thờ Nikolai Yavlenny, nơi

mà trong trí tưởng tượng của mình từ lâu ông đã xác định là địa điểm mà hành động của ông phải được thực hiện. Phần lớn các ngôi nhà đã bị khóa cửa ra vào và cửa sổ. Đường phố và ngõ nhỏ vắng tanh. Không khí nồng nặc mùi khét và khói. Đôi khi gặp những người Nga với khuôn mặt lo âu, rụt rè và những người Pháp có vẻ ngoài không giống dân thành thị, đi giữa đường. Cả những người này và những người khác đều nhìn Pierre với vẻ ngạc nhiên. Ngoài tầm vóc lớn và độ dày của cơ thể, ngoài vẻ mặt u ám, tập trung và đau khổ một cách kỳ lạ của khuôn mặt và toàn bộ thân hình, người Nga nhìn chăm chú vào Pierre vì họ không hiểu người này thuộc tầng lớp nào ; còn người Pháp thì nhìn theo ông với vẻ ngạc nhiên đặc biệt vì Pierre, trái ngược với tất cả những người Nga khác, nhìn người Pháp với vẻ sợ hãi hay tò mò, nhưng không hề chú ý đến họ. Tại cổng một ngôi nhà, ba người Pháp đang nói chuyện gì đó với những người Nga không hiểu họ, đã chặn Pierre lại, hỏi xem ông có biết tiếng Pháp không.

Pierre lắc đầu phủ nhận và đi tiếp. Ở một ngõ khác, một lính canh đứng cạnh một chiếc hòm xanh hét lên gọi ông, và Pierre chỉ đến tiếng hét đe dọa lặp lại và tiếng súng lính canh cầm trên tay mới hiểu rằng ông phải đi vòng qua phía bên kia đường. Ông không nghe thấy gì và không nhìn thấy gì xung quanh mình. Ông,

như mang một thứ gì đó đáng sợ và xa lạ với mình, đang vội vã với sự hấp tấp và kinh hoàng mang theo dự định của mình, sợ rằng – bằng cách nào đó sẽ đánh mất nó. Nhưng Pierre không được định sẵn là sẽ mang tâm trạng của mình đến nơi mà ông đang hướng tới. Ngoài ra, ngay cả nếu ông không bị ai giữ lại trên đường, thì dự định của ông cũng không thể được thực hiện vì Napoleon đã đi qua ngoại ô Dorogomilovsky qua phố Arbat đến điện Kremlin hơn 4 giờ trước, và hiện đang ở trong văn phòng u ám nhất của cung điện Kremlin và đang ban hành những lệnh chi tiết về các biện pháp phải thực hiện ngay để dập tắt hỏa hoạn, ngăn chặn nạn cướp bóc và trấn an người dân. Nhưng Pierre không biết điều đó ; ông, hoàn toàn chìm đắm trong dự định của mình, đã đau khổ như những người kiên trì thực hiện một công việc bất khả thi – không phải vì khó khăn, mà vì tính chất không phù hợp của công việc với bản chất tự nhiên của mình ; ông đau khổ vì sợ rằng mình sẽ suy yếu trong giây phút quyết định và do đó sẽ mất đi sự tự trọng.

Dù không nhìn thấy gì và không nghe thấy gì xung quanh mình, theo bản năng ông đã nhận ra con đường và không nhầm lẫn qua các ngõ nhỏ dẫn ra phố Povarskaya.

Khi Pierre tiến lại gần phố Povarskaya, khói ngày càng dày đặc và mạnh hơn ; thậm chí cảm thấy hơi nóng từ lửa hỏa hoạn. Đôi khi những ngọn lửa bùng lên từ sau mái các ngôi nhà. Nhiều người hơn trên đường phố, và những người này càng lo lắng hơn. Nhưng Pierre, dù cảm thấy rằng có điều gì đó phi thường đang diễn ra xung quanh mình, vẫn không tự trả lời về việc mình đang tiến gần đến đám cháy. Đi qua lối mòn chạy dọc theo một khu đất lớn chưa xây dựng, một bên giáp phố Povarskaya, bên kia giáp các khu vườn của nhà công tước Gruzinsky, Pierre bỗng nghe thấy ngay cạnh mình tiếng khóc tuyệt vọng của một người phụ nữ. Ông dừng lại như thể vừa thức dậy sau giấc ngủ và ngẩng đầu lên.

Bên cạnh lối mòn, trên đống cỏ khô bụi bặm, những đồ đạc gia đình được gom lại : nệm, ấm samovar, tượng thánh và hòm xiểng. Trên mặt đất cạnh những chiếc hòm có một người phụ nữ gầy gò, không còn trẻ, với hai chiếc răng cửa dài nhô ra, mặc chiếc áo choàng đen và đội mũ vải. Người phụ nữ này, vừa lắc lư vừa lẩm bẩm gì đó, đang khóc nức nở. Hai bé gái từ 10 đến 12 tuổi, mặc những chiếc váy ngắn bẩn thỉu và áo choàng nhỏ, với vẻ mặt ngơ ngác trên khuôn mặt nhợt nhạt, sợ hãi đang nhìn mẹ. Đứa con trai nhỏ nhất, khoảng 7 tuổi, đội chiếc mũ lưỡi trai rộng quá khổ của ai đó, đang khóc trong vòng tay của một bà vú già. Một cô gái đi

chân đất, bẩn thỉu đang ngồi trên hòm và, xõa mái tóc vàng hoe, đang phủi những sợi tóc bị cháy, ngửi chúng. Người chồng, một người đàn ông thấp bé, hơi khòm, mặc chiếc áo đồng phục công chức với những lọn tóc mai hình bánh xe và những lọn tóc mai nhẵn nhụi nhìn thấy được từ dưới chiếc mũ lưỡi trai đội ngay ngắn, với khuôn mặt bất động đang di chuyển những chiếc hòm đặt cái nọ lên cái kia, và lôi ra dưới chân chúng một vài tấm chăn.

Người phụ nữ gần như lao đến chân Pierre khi bà nhìn thấy ông.

– Các ông các bà ơi, những người Kitô giáo chính thống, xin hãy cứu, giúp đỡ với, các bác ơi !.. Ai đó hãy giúp với, – bà thốt ra qua những tiếng khóc nức nở. – Đứa trẻ !.. Con gái !.. Đứa con gái nhỏ nhất của tôi bị bỏ lại !.. Đã cháy hết rồi ! Ôi ! Vì con mà mẹ đã nuôi nấng... Ôi !

– Thôi đi, Marya Nikolaevna, – người chồng nói với vợ bằng giọng thấp, rõ ràng chỉ để bào chữa cho mình trước người lạ. – Chắc là chị đã mang nó đi rồi, nếu không thì còn ở đâu được nữa ! – ông nói thêm.

– Đồ tượng đá, đồ độc ác ! – người phụ nữ bỗng hét lên giận dữ, ngừng khóc. – Trong tim ông không có tình

thương, ông không thương xót con đẻ của mình. Một người khác đã cứu nó ra khỏi lửa rồi. Còn ông là đồ tượng đá chứ không phải người cha. Ông là đồ vô liêm sỉ, – người phụ nữ nói nhanh, nức nở, quay sang Pierre. – Cháy ngay bên cạnh rồi, lửa ném vào chúng tôi. Đứa con gái hét lên : cháy rồi ! Hãy lao vào mà thu dọn. Những gì có trong tay là lao ra ngay... Đây là những gì đã lấy được... Của hồi môn của Chúa ban cho và chiếc giường, còn tất cả đã mất hết. Chộp lấy bọn trẻ – không có Katechka. Ôi ! Ôi Chúa ơi !.. – và bà lại òa khóc. – Đứa con bé bỏng thân yêu của tôi, cháy rồi ! cháy rồi !

– Nhưng nó ở đâu, nó ở lại đâu ? – Pierre hỏi.

Qua vẻ mặt của người đàn ông vừa tỉnh lại, người phụ nữ hiểu rằng người này có thể giúp mình.

– Ông ơi ! Cha ơi ! – bà hét lên, ôm lấy chân ông. – Vị ân nhân, hãy làm cho lòng tôi yên tâm... Aniska, đi đi, đồ khốn khiếp, dẫn đi, – bà hét vào cô gái, giận dữ mở miệng và với hành động này càng để lộ những chiếc răng dài của mình.

– Dẫn đi, dẫn đi, tôi... tôi... tôi sẽ làm, – Pierre nói với giọng hổn hển vội vàng.

Cô gái bẩn thỉu đi ra từ sau hòm, búi lại tóc và thở dài, đi bằng đôi chân trần thô kệch phía trước dọc theo lối mòn. Pierre như bỗng nhiên tỉnh lại sau cơn ngất xỉu nặng nề. Ông ngẩng đầu cao hơn, mắt sáng lên ánh sáng của sự sống, và ông bước nhanh theo cô gái, đuổi kịp cô và ra đến phố Povarskaya. Toàn bộ con phố bị bao phủ bởi những đám mây khói đen dày đặc. Những lưỡi lửa ở vài nơi bốc ra từ đám mây này. Một đám đông lớn đứng chen chúc trước đám cháy. Giữa phố có một tướng người Pháp đang đứng và nói điều gì đó với những người xung quanh ông ta. Pierre, có cô gái đi cùng, đã đi đến gần địa điểm đó, nơi vị tướng đang đứng, nhưng những người lính Pháp đã giữ ông lại.

– Không được đi qua – một giọng nói hét lên với ông.

– Qua đây, chú ơi, – cô gái hét lên : – chúng ta sẽ đi qua ngõ nhà Nikulin.

Pierre quay lại và bước đi, đôi khi nhảy lên để kịp theo cô gái. Cô gái chạy băng qua phố, rẽ trái vào một con ngõ và, đi qua ba ngôi nhà, rẽ phải vào cổng.

– Sắp đến nơi rồi, – cô gái nói.

Và, chạy qua sân, cô mở một cánh cửa nhỏ ở hàng rào gỗ và, dừng lại, chỉ cho Pierre thấy một gian nhà

phụ nhỏ bằng gỗ đang cháy rực và nóng bỏng. Một bên của nó đã sụp đổ, bên kia đang cháy, và ngọn lửa phun ra rực rỡ từ dưới các lỗ cửa sổ và từ dưới mái nhà.

Khi đi qua cánh cửa nhỏ, Pierre cảm thấy hơi nóng phả vào người, và ông vô tình dừng lại.

– Cái nào, cái nào là nhà của cô ? – ông hỏi.

– Ôi–ôi–ôi ! – cô gái rên rỉ, chỉ vào gian nhà phụ. – Chính nó, chính là nơi ở của chúng tôi. Cháy rồi, báu vật của chúng ta. Katechka, cô chủ nhỏ của tôi, ôi–ôi! – rên rỉ Aniska, khi nhìn thấy đám cháy, cảm thấy cần phải bày tỏ cảm xúc của mình.

Pierre lao đến gian nhà phụ, nhưng hơi nóng mạnh đến mức ông vô tình mô tả một vòng cung quanh gian nhà và thấy mình ở cạnh ngôi nhà lớn, lúc này chỉ mới bắt đầu cháy từ một phía trên mái nhà và xung quanh đó có đám đông lính Pháp đang nhung nhúc. Lúc đầu Pierre không hiểu những người Pháp này đang làm gì, họ đang khiêng cái gì đó ; nhưng, khi nhìn thấy trước mặt một lính Pháp đang dùng thanh kiếm cùn đánh một người đàn ông, giật lấy chiếc áo da cáo của ông ta, Pierre lờ mờ hiểu rằng ở đây đang có cướp bóc, nhưng ông không có thời gian để dừng lại ở ý nghĩ này.

Tiếng lách tách và tiếng gầm của những bức tường và trần nhà sụp đổ, tiếng rít và tiếng phì phò của ngọn lửa và những tiếng hét náo nhiệt của đám đông ; cảnh tượng những đám mây khói đen dày đặc cuộn tròn, lúc thì nhăn nhúm, lúc thì bay vút lên, cùng với những vệt lửa lấp lánh và nơi nơi khói đỏ như mạng nhện, như vảy vàng đang bao phủ những ngọn lửa rực cháy ; cảm giác nóng rát và khói và sự nhanh chóng của chuyển động – đã gây ra cho Pierre hiệu ứng kích thích thông thường của những đám cháy. Hiệu ứng này đặc biệt mạnh mẽ đối với Pierre vì Pierre bỗng nhiên, khi nhìn thấy đám cháy này, cảm thấy mình được giải thoát khỏi những tư tưởng đè nặng ông. Ông cảm thấy mình trẻ trung, vui vẻ, nhanh nhẹn và quyết đoán. Ông chạy quanh gian nhà phụ từ phía ngôi nhà và định chạy vào phần nhà còn đứng vững, khi ngay trên đầu ông nghe thấy tiếng hét của vài giọng nói và sau đó là tiếng lách tách và tiếng vang của vật gì đó nặng nề rơi xuống ngay cạnh ông.

Pierre nhìn quanh và thấy ở các cửa sổ của ngôi nhà, những người Pháp vừa quăng ra một chiếc ngăn kéo tủ đầy những vật dụng bằng kim loại nào đó. Những người lính Pháp khác, đứng phía dưới, tiến lại gần chiếc ngăn kéo.

– Chà, gã đó muốn gì thế ? – một trong những người lính Pháp hét lên với Pierre.

– Có một đứa trẻ trong ngôi nhà này. Các anh không nhìn thấy một đứa trẻ nào sao ? – Pierre nói.

– Kìa, hắn ta đang lải nhải cái gì thế ? Đi chỗ khác chơi đi, – có tiếng nói vang lên, và một trong những người lính, dường như sợ rằng Pierre sẽ nảy ra ý định lấy đi vàng bạc trong ngăn kéo, đe dọa tiến lại gần ông.

– Một đứa trẻ ? – người Pháp hét lên từ trên cao, – tôi nghe thấy tiếng khóc gì đó trong vườn. Có lẽ đó là đứa con của ông lão. Phải có lòng nhân đạo, ông thấy đấy...

– Nó đâu rồi ? Nó đâu rồi ? – Pierre hỏi.

– Ở đây này ! ở đây này ! – người Pháp hét lên với anh từ cửa sổ, chỉ tay về phía khu vườn sau nhà. – Đợi đã, tôi xuống ngay đây.

Và thật vậy, một phút sau, người Pháp, một gã trai trẻ mắt đen với vết bớt trên má, chỉ mặc mỗi chiếc sơ mi, nhảy ra khỏi cửa sổ tầng dưới và vỗ vai Pierre, cùng anh chạy vào vườn.

– Nhanh lên các cậu, – anh ta hét lên với các đồng đội của mình, – trời bắt đầu nóng rồi.

Chạy ra sau nhà đến con đường trải cát, người Pháp kéo tay Pierre và chỉ cho anh một vòng tròn. Dưới ghế dài là một bé gái ba tuổi mặc chiếc váy hồng.

– Đây là đứa trẻ của ông. À, một bé gái, càng tốt, – người Pháp nói. – Tạm biệt, ông bạn to lớn của tôi. Phải có lòng nhân đạo. Tất cả chúng ta đều là kẻ phàm trần, ông thấy đấy, – và người Pháp có vết bớt trên má chạy ngược lại phía các đồng đội.

Pierre, thở hổn hển vì vui sướng, chạy đến bên bé gái và muốn bế nó lên tay. Nhưng khi thấy một người lạ, một bé gái gầy gò, ốm yếu, trông giống mẹ ; vẻ ngoài khó ưa, đã hét lên và bỏ chạy. Tuy nhiên, Pierre đã tóm được và bế nó lên ; nó la hét với giọng thù hận tuyệt vọng và dùng những bàn tay nhỏ bé cố gắng đẩy tay Pierre ra, rồi dùng cái miệng nhem nhuốc cắn chúng. Pierre bị bao vây bởi cảm giác kinh hoàng và ghê tởm, giống như cảm giác anh trải qua khi chạm vào một con vật nhỏ nào đó. Nhưng anh đã nỗ lực tự chủ để không vứt bỏ đứa trẻ, và chạy cùng nó ngược lại phía ngôi nhà lớn. Nhưng không thể quay lại bằng con đường cũ : cô gái Aniska đã không còn ở đó, và Pierre, với cảm giác thương hại và ghê tởm, ôm chặt vào mình bé gái đang nức nở và ướt đẫm một cách đáng thương nhất có thể, chạy băng qua vườn để tìm lối ra khác.

XXXIV

Khi Pierre, chạy qua các sân và ngõ hẻm, quay trở lại với gánh nặng của mình đến khu vườn Gruzinsky, ở góc phố Povarskaya, ngay phút đầu tiên anh đã không nhận ra nơi mình đã đi tìm đứa trẻ : nó bị tràn ngập bởi dòng người và đồ đạc được lôi ra từ các ngôi nhà. Ngoài các gia đình Nga với tài sản của họ, đang cứu mình khỏi hỏa hoạn, ở đó còn có vài binh lính Pháp trong các trang phục khác nhau. Pierre không chú ý đến họ. Anh vội vã tìm gia đình viên chức để giao trả con cho người mẹ và lại đi cứu một ai đó khác. Với Pierre, dường như anh còn nhiều việc phải làm và cần phải làm thật nhanh. Nóng lòng vì cái nóng và việc chạy đi chạy lại, Pierre cảm thấy mạnh mẽ hơn trong phút giây này cảm giác của sự trẻ trung, sôi nổi và quyết đoán, cái cảm giác đã xâm chiếm anh khi anh chạy đi cứu đứa trẻ. Đứa bé giờ đã im lặng và bám chặt đôi tay nhỏ vào chiếc áo bành tô của Pierre, ngồi trên tay anh, và như một con thú nhỏ hoang dã, nhìn xung quanh. Thỉnh thoảng Pierre nhìn nó và mỉm cười nhẹ. Anh cảm thấy có cái gì đó cảm động, ngây thơ trong khuôn mặt sợ hãi và đau yếu này.

Tại vị trí cũ, không còn viên chức cũng như vợ ông ta. Pierre bước nhanh giữa dòng người, nhìn quanh các khuôn mặt khác nhau hiện ra trước mắt anh. Vô tình anh chú ý đến một gia đình người Gruzia hoặc người Armenia, gồm một cụ già đẹp lão, mang vẻ mặt phương Đông, mặc một chiếc áo khoác lông mới và đôi ủng mới, các bà cụ cùng kiểu và một phụ nữ trẻ. Người phụ nữ trẻ này dường như đối với Pierre là sự hoàn hảo của vẻ đẹp phương Đông, với đôi lông mày đen đậm, cong vút và khuôn mặt dài, trắng hồng và xinh đẹp một cách lạ thường, không chút biểu cảm. Giữa đống đồ đạc ngổn ngang, trong đám đông trên quảng trường, cô trong chiếc áo choàng bằng satin giàu có và chiếc khăn lụa che đầu, gợi nhớ đến một loài cây nhiệt đới mỏng manh bị quăng ra trên tuyết. Cô ngồi trên các nút buộc đồ, hơi lùi về phía sau bà cụ và nhìn xuống đất với đôi mắt đen, dài, bất động với hàng mi dài. Rõ ràng, cô biết vẻ đẹp của mình và sợ hãi vì điều đó. Khuôn mặt này làm Pierre kinh ngạc, và anh, trong sự vội vã của mình, đi ngang qua hàng rào, đã vài lần ngoái nhìn cô. Đến hàng rào mà vẫn không tìm thấy những người anh cần, Pierre dừng lại, nhìn quanh.

Hình dáng Pierre với đứa trẻ trên tay giờ đây càng đáng chú ý hơn trước, và xung quanh anh tập trung vài người Nga, cả nam và nữ.

– Hay là ông đã mất ai đó, người tốt ? – Bản thân ông là người quý tộc phải không ? – Đứa trẻ này của ai vậy? – họ hỏi anh.

Pierre trả lời rằng đứa trẻ thuộc về một phụ nữ mặc áo choàng đen, người đã ngồi cùng các con ở vị trí này, và hỏi xem có ai biết cô ấy là ai và cô ấy đã đi đâu không.

– Chắc chắn đây là nhà Anferov, – một phó tế già nói, quay sang một bà béo rỗ mặt. – Chúa ơi nhân từ, Chúa ơi nhân từ, – ông nói thêm bằng giọng trầm quen thuộc.

– Nhà Anferov ở đâu ? – bà béo nói. – Nhà Anferov đã đi từ sáng rồi. Đây hoặc là của Marya Nikolaevna, hoặc là của nhà Ivanov.

– Ông ấy nói – một phụ nữ, mà Marya Nikolaevna là – bà chủ, – một gia nhân nói.

– Nhưng các người biết cô ấy mà, răng dài, gầy, – Pierre nói.

– Đúng là Marya Nikolaevna rồi. Họ đã vào vườn rồi, giống như bầy sói này tràn tới ấy, – bà béo nói, chỉ vào những binh lính Pháp.

– Ôi, Chúa ơi nhân từ, – phó tế lại thêm vào.

– Các người đi qua phía đó đi, họ ở đó. Cô ấy đang khóc lóc, tất thảy đều tuyệt vọng, – bà béo lại nói. – Cô ấy ở đó. Đi về phía này.

Nhưng Pierre không nghe bà béo. Đã vài giây trôi qua, anh không rời mắt nhìn vào cái đang diễn ra cách anh vài bước chân. Anh đang nhìn vào gia đình người Armenia và hai binh lính Pháp đang tiến đến chỗ người Armenia. Một trong những binh lính này, một kẻ nhỏ thon, lanh lợi, mặc chiếc áo choàng xanh thắt dây thừng. Trên đầu hắn là một chiếc mũ chóp, và đôi chân trần. Kẻ kia, người đặc biệt làm Pierre kinh ngạc, là một kẻ cao, lưng gù, tóc vàng, gầy gò với những chuyển động chậm chạp và biểu cảm khuôn mặt ngớ ngẩn. Kẻ này mặc một chiếc áo khoác len, quần xanh và đôi bốt rách lớn. Tên Pháp nhỏ thon, không đi bốt, mặc áo choàng xanh, đi đến chỗ người Armenia, ngay lập tức nói gì đó, nắm lấy chân cụ già, và cụ già vội vàng cởi bốt. Tên kia, mặc áo khoác len, dừng lại đối diện người phụ nữ Armenia xinh đẹp và đứng im lặng, hai tay đút túi, nhìn cô.

– Cầm lấy, cầm lấy đứa bé đi, – Pierre nói, vừa đưa đứa bé gái ra vừa vội vàng ra lệnh cho người đàn bà. – Bà hãy đưa nó cho họ, đưa đi ! – ông gần như hét lên với người đàn bà, vừa đặt đứa bé đang khóc xuống đất,

rồi lại ngoảnh nhìn về phía quân Pháp và gia đình người Armenia.

Cụ già đã ngồi chân trần. Tên Pháp nhỏ thon đã lột xong chiếc bốt cuối cùng của cụ và đang vỗ hai chiếc bốt vào nhau. Cụ già nức nở nói gì đó, nhưng Pierre chỉ thấy lướt qua điều đó ; toàn bộ sự chú ý của anh đổ dồn vào tên Pháp mặc áo khoác len, kẻ lúc này, chậm chạp đu đưa, tiến đến gần người phụ nữ trẻ và rút tay ra khỏi túi, nắm lấy cổ cô.

Người đẹp Armenia vẫn ngồi trong tư thế bất động đó với hàng mi dài rũ xuống và dường như không thấy và không cảm nhận được điều tên lính đang làm với cô.

Trong khi Pierre chạy vài bước ngăn cách anh với những tên Pháp, tên lính cướp cao lớn mặc áo khoác len đã giật lấy chiếc vòng cổ từ cổ người phụ nữ Armenia, và người phụ nữ trẻ, hai tay ôm lấy cổ, hét lên một tiếng thấu xương.

– Hãy để người phụ nữ này yên ! – Pierre gầm lên bằng một giọng điên cuồng khàn đặc, tóm lấy vai tên lính cao lớn gù lưng và quăng hắn ra.

Tên lính ngã xuống, lồm cồm bò dậy và bỏ chạy. Nhưng đồng đội của hắn, ném đôi bốt xuống, rút đoản kiếm ra và tiến lại gần Pierre một cách đầy đe dọa.

– Thôi đi, đừng có làm càn ! – anh ta hét lên.

Pierre đang trong cơn thịnh nộ điên cuồng đến mức anh không nhớ gì cả và sức mạnh của anh tăng lên gấp bội. Anh lao vào tên Pháp chân trần và trước khi hắn kịp rút đoản kiếm, anh đã quật ngã hắn và nện hắn bằng nắm đấm của mình. Những tiếng hò reo tán thưởng vang lên từ đám đông xung quanh, và cùng lúc đó từ góc phố xuất hiện một toán kỵ binh lính giáo Pháp. Những lính giáo chạy nước kiệu tiến đến Pierre và tên Pháp và bao vây lấy họ. Pierre không nhớ gì về điều đó nữa. Anh chỉ nhớ rằng anh đã đánh ai đó, người đó đánh anh và cuối cùng anh cảm thấy tay mình bị trói, rằng một đám lính Pháp đang đứng xung quanh anh và lục soát quần áo anh.

– Hắn có một con dao găm, trung úy, – đó là những lời đầu tiên mà Pierre hiểu được.

– À, một vũ khí ! – viên sĩ quan nói và quay sang tên lính chân trần bị bắt cùng với Pierre. – Được rồi, anh sẽ nói tất cả những điều đó tại hội đồng chiến tranh, – viên

sĩ quan nói và sau đó quay sang Pierre : – Anh có nói tiếng Pháp không ?

Pierre nhìn xung quanh với đôi mắt đỏ ngầu và không trả lời. Có lẽ khuôn mặt anh trông rất đáng sợ, vì viên sĩ quan đã nói thầm điều gì đó, và bốn lính giáo nữa tách khỏi đội hình và đứng ở hai bên Pierre.

– Anh có nói tiếng Pháp không ? – viên sĩ quan lặp lại câu hỏi, đứng cách xa anh. – Hãy gọi thông ngôn đến.

Từ trong hàng ngũ, một người đàn ông nhỏ bé mặc thường phục Nga đi ra. Pierre qua trang phục và giọng nói của hắn nhận ra ngay hắn là một tên người Pháp từ một cửa hàng ở Moscow.

– Hắn trông không giống người của nhân dân, – tên thông ngôn nói, nhìn lướt qua Pierre.

– Ồ, ồ ! hắn trông rất giống một kẻ phóng hỏa, – viên sĩ quan thêm vào. – Hỏi hắn hắn là ai.

– Anh là ai ? – tên thông ngôn hỏi. – Anh phải trả lời chính quyền, – hắn nói.

– Tôi sẽ không nói cho anh tôi là ai. Tôi là tù binh của các anh. Hãy dẫn tôi đi, – bất ngờ Pierre nói bằng tiếng Pháp.

– À ! à ! – viên sĩ quan nói, cau mày. – Chúng ta đi thôi !

Xung quanh những lính giáo, một đám đông tụ tập. Gần Pierre nhất là bà béo rỗ mặt với đứa bé ; khi toán quân bắt đầu di chuyển, bà ta tiến lên phía trước.

– Họ dẫn cậu đi đâu vậy, người tốt của tôi ? – bà ta nói. – Còn đứa bé, đứa bé thì sao, tôi biết đặt nó vào đâu bây giờ, nếu nó không phải là của họ ! – bà béo nói.

– Người phụ nữ này muốn gì ? – viên sĩ quan hỏi.

Pierre giống như kẻ say rượu. Trạng thái phấn khích của anh càng tăng lên khi thấy bé gái mà anh đã cứu.

– Bà ấy nói gì ? – viên sĩ quan hỏi. – Bà ấy mang đến cho tôi đứa con gái mà tôi vừa cứu khỏi ngọn lửa, – Pierre nói. – Tạm biệt ! – và anh, chính mình cũng không biết làm thế nào mà lời nói dối vô giá này lại tuôn ra, bước đi với những bước chân long trọng giữa những người Pháp.

Toán lính Pháp này là một trong những toán được phái đi theo lệnh của Durosnel đến các con đường khác nhau của Moscow để ngăn chặn nạn cướp bóc và đặc biệt để bắt giữ những kẻ phóng hỏa, những kẻ mà theo ý kiến chung nảy sinh trong ngày hôm đó giữa những

quan chức cấp cao Pháp, là nguyên nhân của hỏa hoạn. Sau khi đi qua vài con đường, toán quân đã bắt thêm khoảng năm người Nga bị tình nghi, một chủ cửa hàng, hai chủng sinh, một nông dân và một gia nhân, và vài kẻ cướp bóc. Nhưng trong tất cả những người bị tình nghi, Pierre dường như là kẻ đáng ngờ nhất. Khi tất cả họ được đưa đến chỗ nghỉ đêm trong một ngôi nhà lớn trên đê Zubovsky, nơi một trạm gác được thiết lập, Pierre được đặt riêng dưới sự canh gác nghiêm ngặt.

Ghi chú cho tập III của «Chiến tranh và Hòa bình»

Nguồn gốc của các phụ lục dưới đây là bộ sưu tập các bản in thử mà chúng tôi đã đề cập trong các ghi chú cho tập II của «Chiến tranh và Hòa bình». Bộ sưu tập các bản in thử này được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Moscow, trong bộ phận Thư viện Chertkovskaya.

Các phụ lục in dưới đây chứa đựng ít điều mới mẻ, nhưng dù sao đi nữa, trong mỗi phụ lục đều có một vài nét nghệ thuật mang lại hình ảnh trọn vẹn hơn cả về những sự kiện được mô tả, cũng như về tính cách của các anh hùng, và vì vậy chúng tôi cho rằng việc cho độc giả cơ hội làm quen với những đoạn trích này, vốn đã bị tác giả loại bỏ khỏi bản thảo ban đầu, là hữu ích.

Phụ lục cho tập III «Chiến tranh và Hòa bình»

Số 1. Phần II, chương 4.

Thống đốc, sau khi đọc lá thư của công tước, đã đích thân tiếp đón Alpatych và nói với ông rằng ông nên chuyển lời tới công tước rằng không chỉ ở vùng núi Lysye, mà ngay cả ở Smolensk cũng không có bất kỳ mối nguy hiểm nào, vì về điều này tổng tư lệnh đã cam đoan với ông, và ngoài ra còn có lá thư gửi công tước là bản sao chưa niêm phong của phần cuối lá thư của Barclay de Tolly.

– Ông có thể tự mình đọc và cho những người quen của mình ở đây xem, – thống đốc nói với ông, đưa tờ giấy đó. – Hãy chuyển thêm rằng... – thống đốc bắt đầu nói gì đó, nhưng lúc này một sĩ quan bụi bặm chạy vào phòng mà không xin phép.

– Từ tướng Raevsky, – viên sĩ quan nói, và thống đốc, gật đầu với Alpatych, cùng viên sĩ quan bước vào phòng làm việc. Alpatych đi đến các cơ quan công quyền. Rời khỏi văn phòng thống đốc, Alpatych nghe thấy những tiếng súng nổ gần đó ở ngoại ô, nhưng ông không chú ý đến chúng.

Đến tối, những tiếng súng nổ im bặt và Yakov Alpatych, trở về nhà và sau khi đọc cho Ferapontov, người đang bắt đầu lo lắng, tờ giấy của thống đốc, đã đi ngủ sớm như thường lệ trên chiếc ghế dài trên tường.

Ngày hôm sau, mùng 5 tháng 8, Alpatych đánh thức người đánh xe sớm, và chuẩn bị lên đường, đi ra hiên nhà. Trên đường phố, quân lính đang hành quân. Vừa lúc xe tam mã của Alpatych ra đến nơi, một viên sĩ quan, cưỡi ngựa đi ngang qua, chỉ vào chiếc xe và nói điều gì đó. Hai binh lính nhảy vào xe và bảo ông đi đến vùng ngoại ô Petersburg để đón viên đại tá bị thương. Alpatych, vẫy tay ra hiệu cho người đánh xe không được đi, tiến lại gần viên sĩ quan, muốn giải thích lỗi lầm của hắn.

– Thưa ông, thưa ông quản lý, – ông nói, lịch sự ngả mũ, – giống như chiếc xe, ngựa và người đánh xe, cả chính tôi nữa, – ông nói với nụ cười kiêu hãnh, – thuộc về quyền sở hữu của tướng quân công tước Bolkonsky.

– Đi đi, đi đi, – viên sĩ quan hét lên với binh lính. – Đi theo họ, bắt họ lên đường ! – và viên sĩ quan phóng đi, vó ngựa gõ trên mặt đường đá.

Alpatych trở về căn hộ và ngay lập tức bắt đầu viết đơn kiện viên sĩ quan, không rõ tên tuổi và cấp bậc,

nhưng sau đó, với một loại rượu dẫn đến sự mất trí nhớ, không phải của tôi, nhưng thuộc về sự trị vì của ông ấy, vị tướng quân công tước Bolkonsky, đối với chiếc xe đã lấy đi. Sau khi viết và chép lại đơn kiện, Yakov Alpatych ngồi bên cửa sổ. Tiếng đại bác nổ vang nghe rất rõ trong thành phố. Alpatych ngồi bên cửa sổ trong bếp. Chủ nhà ra vào cùng các nông dân mà ông ta thuê để vận chuyển hàng hóa. Chị đầu bếp đang chuẩn bị bữa trưa, nhưng liên tục chạy ra đường để xem binh lính đi ngang qua, hoặc để nói chuyện với hàng xóm.

Alpatych im lặng nhìn ra đường, không trả lời các câu hỏi mà chị đầu bếp, hoặc viên quản lý bước vào bếp, đặt ra cho ông.

Lúc hai giờ, Ferapontov bước vào bếp và bắt đầu ăn trưa, mời Alpatych đi cùng. Cả Ferapontov cũng không nói gì về việc ông ta thuê xe để vận chuyển đi đâu, Alpatych cũng không nói về việc ông ta bị lấy mất xe. Họ làm dấu thánh, im lặng ngồi xuống ăn trưa. Một chị đầu bếp, thở dài thườn thượt và lẩm bẩm, đặt các món ăn lên bàn.

Trong bữa trưa, mặc dù tiếng đại bác nổ cách đó hơn một dặm, đôi khi các tấm kính trong cửa sổ vẫn rung rinh nhẹ. Nhưng những âm thanh và rung động này đã tiếp diễn từ sáng sớm và đã trở nên quen thuộc.

– Bởi vì nếu hắn không say, – đột nhiên Alpatych bắt đầu, – hắn không thể lấy tài sản riêng được...

Ferapontov gật đầu khẳng định.

– Đang có việc vận chuyển khí tài quân sự, – Alpatych tiếp tục. – Chúng tôi tự biết chứ ; và khi công tước ra lệnh, thì chúng tôi có một chuyến xe để vận chuyển, tôi nghĩ, hàng ngàn chuyến cũng có. Đã từng có lúc, công tước ra lệnh... – và Alpatych kể về việc dưới thời Ochakov, công tước đã hành động như thế nào và đã bắt được ba ngàn người Thổ Nhĩ Kỳ.

Ferapontov kể cho Alpatych những gì người ta đang nói trong thành phố, rằng Platov Matvei Ivanych đã đánh bại quân Pháp ở sông Marin (mặc dù không có con sông nào tên như vậy). – Mười tám ngàn người chỉ trong một đêm đã bị dìm chết, – nhưng ngày hôm nay nghe thấy những tiếng súng nổ gần đó, và nhiều thương gia đã bắt đầu mang hàng hóa đi, nhưng từ thống đốc có lệnh rằng quân Pháp sẽ không được vào Smolensk.

Số 2. Phần II. Chương 10.

Trở về từ nghĩa địa, tiểu thư Marya bước vào phòng mình (vốn là phòng làm việc của công tước Andrei) và với đôi mắt khô khốc, cô ngồi xuống giường, nhìn

thẳng trước mặt. Trong phòng, các cô hầu gái, vú em, bác sĩ, Mikhail Ivanych kiến trúc sư, bước vào, thuyết phục cô ăn gì đó, đi dạo vào phòng khách ; cô yêu cầu tất cả để cô yên, và đúng như cô vừa bước vào phòng, cô, như thể đang che giấu sự khô khốc của mình khỏi họ, không một giọt nước mắt, khuôn mặt, nằm xuống giường, quay mặt vào tường. Và những người bước vào nghe thấy giọng nói giận dữ của cô, nói rằng hãy để cô yên. Nhưng vừa khi họ rời khỏi phòng, cô lại ở một mình, cô lại ngồi trên giường ; hướng đôi mắt xuống sàn, và ngồi, suy nghĩ và như thể đang cố gắng giải thích cho chính mình điều gì đó, và như thể chỉ trong tình thế này, trong chính căn phòng này, nơi cô đã tình cờ nhận lời, khi đến từ nghĩa địa, cô mới có thể giải thích cho chính mình điều đang chiếm lấy cô. Từng ký ức này đến ký ức khác thay thế nhau trong trí tưởng tượng của cô. Lúc thì cô hình dung ra ông như thế này, ông đang lầm bầm một cách giận dữ và kéo lê chân ; đi ra từ con đường nhỏ, rồi với nụ cười hài hước khó khăn lắm mới thốt ra được những lời âu yếm dành cho cô, rồi cô nhớ lại tuổi thơ xa xôi đã qua, khi ông ngồi bên cô trong lúc ốm đau bên chiếc giường nhỏ và ra vào trên đầu ngón chân. Còn nhiều ký ức khác lướt qua trong trí tưởng tượng của cô, nhưng ý nghĩ vẫn chỉ có một, cô không ngừng hướng về nó : cô nghĩ về điều đó, rằng

cô mong muốn điều đó. «Thế đấy, ông ấy đã mất rồi, cô hài lòng chứ ?», cô tự nói với mình. «Bây giờ cô sẽ thuận tiện hơn để đi theo Nikolushka».

Số 3. Phần II. Chương 10.

– Vậy ra anh không nghe thấy gì sao ? – tiểu thư nói với ông.

Nếu như ông ấy biết điều đó ! – tiểu thư tự nhủ.

Tikhon không chịu nổi cách xưng hô này và bật khóc, hôn tay tiểu thư.

«À tôi đã thương hại Tikhon lúc đó !» tiểu thư Marya nghĩ và chính cô cũng bật khóc, giật tay khỏi Tikhon, tay mà ông đã làm ướt bằng nước mắt. «Vâng, chúng tôi đã yêu ông ấy hơn tất cả mọi người !» cô nghĩ, nhưng lúc đó, đúng lúc cô đang nghĩ như vậy, vào phòng là viên quản lý Dron được triệu tập, người mà cô gọi là Dronushka, và với vẻ mặt của sự tin tưởng xảo quyệt và ngu ngốc, ông ta đứng bên ngưỡng cửa.

Dronushka 23 năm trước đã là quản lý, đột nhiên bắt đầu uống rượu, ông ta bị phạt nặng và bị cách chức quản lý. Sau đó Dronushka bỏ chạy và mất tích khoảng một năm, đi qua các tu viện và nơi ẩn dật, đã ở Lavra và ở Solovetsky. Trở về từ đó, anh ta lộ diện. Anh ta lại

bị trừng phạt và đưa vào làm việc nặng. Nhưng anh ta không bắt đầu làm việc và lập tức biến mất. Một tuần sau, anh ta, kiệt sức và gầy gò, chân bước không vững, đã về nhà trong căn chòi và nằm lên lò sưởi. Dron đã dành tuần này trong một hang động mà anh ta tự đào trên núi, trong rừng, và anh ta đã lấp đá trát đất sét phía sau mình. Anh ta đã ở trong hang đó sáu ngày, hầu như không ăn uống, muốn được cứu rỗi, nhưng đến ngày thứ bảy, nỗi sợ cái chết ập đến, anh ta khó khăn lắm mới thoát ra và trở về nhà. Từ đó về sau, Dron thôi uống rượu và chửi thề bằng những lời lẽ thô tục, và lại được bầu làm quản gia. Trong chức vụ này, từ đó Dron chưa bao giờ say xỉn hay ốm đau, chưa bao giờ vì bất kỳ công việc nào hay vì những đêm không ngủ mà tỏ ra mệt mỏi, chưa bao giờ quên một phần mười nào (có bao nhiêu đống cỏ trên đó), trong suốt 20 năm trước đó, không quên một pood bột mì nào mà anh ta đã phát, và đã làm quản gia, người giám sát một cách hoàn hảo trong 23 năm, chưa bao giờ vội vàng đi đâu và mọi nơi đều kịp lúc. Dronushka quản lý điền trang với 1000 nhân khẩu một cách dễ dàng và tự do, như một người đánh xe giỏi lái một cỗ xe ba ngựa nhịp nhàng.

Số 4. Phần II. Chương 12.

– «Thế đấy, có lần tôi không ngủ được ở Crimea... ở đó đêm ấm áp... Tất cả đều nghĩ... Hoàng hậu sai người đến đón tôi...» họ nói gì đó về hoàng hậu, Tikhon im lặng, rồi ông bắt đầu nói về các công trình xây dựng. – «Phải, bây giờ người ta không xây dựng như vậy nữa, – ông nói. – Chà, tôi đã bắt đầu xây dựng khi đến đây. Lúc đó ở đây chẳng có gì cả. Anh không nhớ cánh nhà của cha đã bị cháy thế nào sao ? Không, anh làm sao nhớ được. Bây giờ người ta không xây như thế. Tikhon! Tôi sẽ bao quanh một hành lang từ đây và ở đó sẽ là phòng ngủ của Nikolasha, nơi cháu dâu đang ở. Tại sao cô ấy lại đi ?.. Cháu dâu đi rồi à ? A ?..»

– Đi rồi ạ, – giọng nói dịu dàng của Tikhon trả lời. – Xin mời ông nằm nghỉ. – Giường kêu răng rắc dưới thân ông, ông nằm xuống và ho to rồi im bặt.

– Chúa tôi, Chúa tôi ! – ông bỗng hét lên, rồi giường lại kêu răng rắc và tiếng dép lạch bạch, và ông tiến lại gần cửa, nơi công chúa Marya đang đứng. Công chúa Marya lúc này dường như nghe thấy tiếng dép lạch bạch đó và hơn cả cảm giác mà cô đã trải qua lúc đó, giờ đây cô kinh hãi nghĩ rằng ông, một xác chết, sắp bước vào chỗ cô.

Một lần nữa, hoàn toàn vô thức, công chúa Marya bước vào con đường quen thuộc với cô từ thời kỳ cha cô lâm bệnh, con đường của những hy vọng và mơ mộng cá nhân về một cuộc sống tự do sắp tới, dù cô có tự trách mình, dù cô có hối hận thế nào về việc sau những gì đã xảy ra gần đây, cô có thể nghĩ đến khả năng có được tình yêu và hạnh phúc gia đình cho chính mình. Như thể những hy vọng bị đè nén bấy lâu về hạnh phúc cá nhân, giờ đây không kìm nén được nữa, đã bùng phát và chiếm lấy cô bất chấp sự không phù hợp của chúng.

«Mình sẽ yêu anh ấy biết bao», công chúa Marya nghĩ, hình dung về người chồng tương lai của mình. Cô hình dung ra người đàn ông đó, người mà cô sẽ yêu, hoàn toàn trái ngược với hai người đàn ông mà cô biết rõ nhất, và những người mà bản thân cô giống họ. Cô hình dung anh ấy vui vẻ, đẹp trai, hào hiệp một cách hiệp sĩ và cao thượng, không có lòng kiêu hãnh đó (tâm hồn) (trí tuệ), thứ có ở cha và anh trai cô, và nhất thiết phải là quân nhân, chủ yếu là lính hussar.

«Anh ấy sẽ yêu mình dù chỉ vì tình yêu của mình dành cho anh ấy !» công chúa Marya nghĩ, cảm thấy trong mình tất cả sức mạnh và sự tận tâm của tình yêu tương lai này.

Trên con đường sau vườn, nghe thấy tiếng vó ngựa của vài con ngựa và tiếng sắt leng keng. (Đó là những người nông dân đi chăn ngựa đêm).

«Ai biết được, có lẽ chính hoàn cảnh này bây giờ ở đây và trong nguy hiểm sẽ đưa tôi đến với anh ấy, – công chúa Marya nghĩ, lắng nghe tiếng vó ngựa. – Có lẽ kẻ thù sẽ tấn công chúng ta và anh ấy sẽ cứu tôi. Có lẽ chính anh ấy đang ở đây... Và có lẽ đó là những tên cướp, – đột nhiên một ý nghĩ hiện lên trong đầu cô và nỗi sợ hãi ập đến : đầu tiên là nỗi sợ bọn cướp, sau đó là nỗi sợ người Pháp và cuối cùng là nỗi sợ vô cớ về một điều gì đó bí ẩn và không xác định.»

Số 5. Phần II. Chương 13.

Yakov Alpatych, tay đặt vào trong ngực áo, đứng ủ rũ trước công chúa Marya, không đành lòng và không quyết định nói cho cô biết toàn bộ sự thật.

– Tại sao họ lại đứng ở đó ? – công chúa Marya nói, chỉ vào đám đông.

Alpatych khẽ ho.

– Không thể biết được, thưa công chúa. Có lẽ, họ muốn nói lời từ biệt, – ông nói.

– Dù sao, tôi xin phép được báo cáo, vì sự thiếu hiểu biết của họ...

– Ông hãy bảo họ đi đi, – công chúa Marya nói.

Yakov Alpatych lắc đầu vào lúc mà công chúa Marya không thể nhìn thấy ông.

– Xin nghe lệnh, – ông nói.

– Và lúc đó hãy ra lệnh chuẩn bị xe.

Alpatych, không trả lời thêm, đi ra, và công chúa Marya thấy ông tiến lại gần những người nông dân và bắt đầu nói gì đó với họ. Một tiếng hét vang lên, những cánh tay vẫy và Alpatych rời khỏi họ, nhưng không quay lại chỗ công chúa.

Dunyasha chạy hớt hải đến chỗ công chúa và nói với giọng hổn hển rằng trong dân chúng đang có bạo loạn, rằng những người nông dân đã tụ tập lại để không cho cô ra khỏi làng, rằng họ đe dọa sẽ tháo ngựa ra.

– Họ nói... họ sẽ không làm gì xấu cả và hãy nghe lời họ đi làm nghĩa vụ, chỉ xin cô đừng đi. Tốt nhất là không nên đi đâu cả, thưa công chúa, mẫu thân ! điều gì sẽ xảy ra với chúng ta, – Dunyasha vừa khóc vừa nói.

– Hãy gọi Alpatych, – công chúa Marya nói. Không thấy Alpatych đâu, – ông đã đi đâu đó rồi. Trong các phòng phía sau nghe thấy tiếng ồn ào và thì thầm. Người đánh xe và những người nông dân đưa ngựa đến thềm nhà đã dắt ngựa trở lại. Một chiếc xe ngựa nhỏ với một thùng rượu đã tiến lại gần những người nông dân. Đám đông bao quanh chiếc xe và nghe thấy tiếng nói chuyện ồn ào và những tiếng hét vui vẻ.

Công chúa Marya ngồi trong bộ đồ đi đường bên cửa sổ, nhìn họ.

«Thế là đã bị phạt rồi !» cô nghĩ ; – «nhưng tôi sẽ không khuất phục như vậy đột ngột đâu, – cô nói, đứng dậy. – Tôi sẽ đi đến chỗ họ, tôi sẽ ra lệnh thắng ngựa và đi. Để họ ngăn cản tôi ! Dunyasha, bảo mẫu, các người sợ gì chứ ? Tại sao các người lại trốn ? Hãy ra lệnh thắng ngựa, và tôi sẽ đi đến chỗ họ.»

– Mẫu thân ! Chúa ở cùng cô ! Họ say rồi, cô nương ơi ! Chúng ta tiêu rồi – Dunyasha và bà bảo mẫu nài nỉ và khóc lóc. Mikhail Ivanovich với khuôn mặt bối rối và Tikhon bước vào phòng. Vài giọng nói nói cùng lúc. Đặc biệt là giọng phụ nữ và đặc biệt là giọng của cô thợ giặt Natalya tràn ngập căn phòng. Công chúa Marya cảm thấy khi nhìn những khuôn mặt bối rối này, chính

cô cũng đang lạc lối, nhưng một cảm giác xúc phạm và tức giận vô danh trong lòng đã ủng hộ cô.

– Họ ! người Pháp... người Pháp !.. Không, không phải người Pháp... Họ !.. tiếng nói chuyện vang lên phía sau cô, và cô nhìn thấy toàn bộ đám ngựa của ba kỵ sĩ đang phi đến, những người ở gần nhà bắt đầu kiềm chế những con ngựa đang phi nước đại. Cùng lúc đó Alpatych tiến lại gần công chúa Marya.

– Đấng Tối cao chỉ lối, thưa công chúa ! – ông nói, trang trọng giơ tay và ngón tay lên – các sĩ quan của quân đội Nga !

Số 6. Phần III. Chương 1.

Sự vận động của đời sống nhân loại nói chung diễn ra theo thời gian. Trong tất cả các phê bình bằng văn bản cũng như bằng miệng đối với tập 4 của «Chiến tranh và Hòa bình» không có ngoại lệ, tôi nhận thấy rằng tôi đã trình bày quan điểm của mình về lịch sử một cách vô ích, rằng tôi mô tả các cảnh quân sự rất hay, nhưng bàn luận về lịch sử không phải việc của tôi, và rằng tất cả những gì tôi trình bày như tin mới bằng một giọng giáo điều như vậy – từ lâu không chỉ mọi người đều biết, mà thậm chí đã bị bỏ rơi từ lâu và hiện nay không còn hợp mốt, rằng đó là một trường phái lịch sử thần

bí, định mệnh, của Boklevsky. Thật không may, mặc dù trước khi trình bày những điều đó, tôi đã thấy rằng chúng lạ lùng và mâu thuẫn với quan điểm chung, tôi đã đọc lại rất nhiều để biết mình khác biệt với những người khác suy nghĩ về cùng một vấn đề đến mức nào, tôi vẫn không tìm thấy ở đâu cái trường phái thần bí hay trường phái khác mà họ chỉ ra cho tôi. Thêm một điều không may nữa, không một nhà phê bình nào trong số đó, những người nói với tôi rằng điều này đã được biết đến từ lâu, chỉ cho tôi những tác phẩm mà tôi có thể tìm thấy điều đã được biết đến từ lâu này. Vì vậy, trong phần đầu của tập 5, trình bày lại một số ý nghĩ liên quan đến lịch sử, tôi liều lĩnh lặp lại những điều đã được biết đến từ lâu ; nhưng tôi không thể kiềm chế được, vì tôi cảm thấy cần phải chia sẻ những ý nghĩ đó bằng một cảm giác vui mừng mà những ý nghĩ này mang lại cho tôi, cùng với những độc giả có thể, một số người nghĩ như vậy, giống như tôi, và cũng giống như tôi, do một sự tình cờ không may, chưa từng đọc những tác phẩm mô tả trường phái thần bí hay Boklevsky đó, nơi tất cả điều này đã được trình bày từ rất lâu và đã lỗi mốt. Tôi càng cho rằng cần phải chia sẻ những ý nghĩ này với công chúng vì tôi nghĩ rằng những ý nghĩ này đối với tôi không chỉ là một trò tiêu khiển trí tuệ, mà còn tỏ ra rất hiệu quả trong công việc mà tôi đang làm.

Không có ý định viết một tác phẩm thuần túy lịch sử trong cuốn sách của mình, tôi không có kiến thức quân sự cũng như các nguồn tài liệu phong phú mới, tôi đã thành công chỉ với sự trợ giúp của quan điểm lịch sử này (nhân tiện, như các nhà phê bình nói) làm sáng tỏ dưới một góc nhìn mới và, dường như với tôi, đúng đắn một số sự kiện lịch sử... Nếu tôi thành công làm được điều này, thì không phải vì tôi có tài năng, như các nhà phê bình nói, mà chỉ vì tôi đã nhìn vào các sự kiện lịch sử như tôi đã trình bày trong tập 4.

Trận Borodino được tất cả những người tham gia coi là một chiến thắng. Nguyên soái đã báo cáo về nó như một chiến thắng, và một chiến thắng chắc chắn, giống như trận Poltava, vẫn còn trong ý thức của nhân dân Nga. Mọi trẻ em Nga đang học đọc đều biết rằng trận Borodino là vinh quang của vũ khí Nga, và rằng nó đã thắng lợi. Nhưng cũng chính đứa trẻ đó, khi lớn lên và bắt đầu đọc các tác phẩm quân sự khoa học, sẽ biết rằng trận chiến, sau khi quân đội rút lui, là thất bại; sau Borodino, quân đội rút lui, và Moscow bị giao cho kẻ thù. Ai trong số những người Nga được nuôi dưỡng trên niềm tin rằng trận Borodino là vinh quang tốt nhất của vũ khí Nga, – là chiến thắng, không rơi vào một sự phân vân nặng nề và buồn bã khi đọc những tác phẩm nước ngoài khoa học này và những tác phẩm của

người Nga, được viết dưới sự tài trợ của chính phủ, mô tả cuộc chiến này. Sau Borodino, quân Nga rút lui, và người Pháp chiếm Moscow. Do đó, các nhà sử học nói, người Nga đã thua trận. Nhưng ý thức của nhân dân, dựa trên lịch sử chứ không phải trên những đau khổ và niềm vui của riêng họ, ăn mừng trận Borodino như một chiến thắng vĩ đại nhất của mình. Ý thức của nhân dân không tự hỏi chiến thuật và chiến lược là gì, trận thắng hay không thắng là gì. Điều mà Kutuzov hay Napoleon định làm là gì ? Ý thức nhân dân cảm nhận các sự kiện trong toàn bộ tính liên tục của chúng. Đối với ý thức nhân dân, từ Neman vào tháng Bảy đến Neman vào tháng Mười Một, đó là một chuỗi các sự kiện liên tục.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

I 4
II 14
III 22
IV 30
V 38
VI 43
VII 58
VIII 65
IX 77
X 91
XI 98
XII 108
XIII 116
XIV 122
XV 128
XVI 135
XVII 141
XVIII 148
XIX 159
XX 166
XXI 179
XXII 189

XXIII 200

PHẦN THỨ HAI
I 204
II 215
III 225
IV 231
V 253
VI 267
VII 276
VIII 283
IX 301
X 311
XI 322
XII 329
XIII 333
XIV 342
XV 353
XVI 366
XVII 373
XVIII 383
XIX 393
XX 402
XXI 410
XXII 420

XXIII 428
XXIV 432
XXV 438
XXVI 454
XXVII 463
XXVIII 470
XXIX 476
XXX 483
XXXI 489
XXXII 506
XXXIII 510
XXXIV 516
XXXV 526
XXXVI 535
XXXVII 545
XXXVIII 551
XXXIX 558

PHẦN THỨ BA
I 564
II 571
III 578
IV 583
V 591
VI 596

VII 604
VIII 613
IX 618
X 624
XI 631
XII 636
XIII 644
XIV 652
XV 658
XVI 665
XVII 676
XVIII 686
XIX 693
XX 702
XXI 707
XXII 713
XXIII 719
XXIV 728
XXV 736
XXVI 755
XXVII 765
XXVIII 774
XXIX 780
XXX 800
XXXI 804

XXXII 813
XXXIII 825
XXXIV 837

Ghi chú cho tập III
của «Chiến tranh và Hòa bình» 846
Phụ lục cho tập III «Chiến tranh và Hòa bình» 847